

• VŨ NGỌC PHAN •

TỤC NGŨ CA DẠO DÂN CA VIỆT NAM



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

· VŨ NGỌC PHAN ·

TỤC NGŨ CA DẠO DÂN CA VIỆT NAM



· VŨ NGỌC PHAN ·

TỤC NGŨ
CA ĐÀO DẪN CA
VIỆT NAM

 **vh** NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

"Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam"

Vũ Ngọc Phan

Được xuất bản theo hợp đồng trao quyền sử dụng tác phẩm

giữa tác giả và Công ty TNHH Sách Phương Nam.

Mọi sao chép, trích dẫn phải có sự đồng ý của

Công ty TNHH Sách Phương Nam.



Ngỏ cùng bạn đọc

Từ xưa đến nay, văn học dân gian luôn được xem là nguồn nước trong lành, nuôi dưỡng, tắm mát tâm hồn người Việt Nam. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, cùng dòng chảy bất tận của thời gian, vốn văn học dân gian chẳng những không bị mai một mà còn được nhiều tác gia, nhiều đối tượng nghiên cứu sưu tầm, biên soạn để làm sống lại nền văn học nước nhà thời xưa cũ. Trong số các tác gia này phải kể đến nhà văn, nhà nghiên cứu văn hóa Vũ Ngọc Phan. Ông là người có tầm ảnh hưởng lớn, đã góp phần làm tỏa sáng hơn vẻ đẹp lấp lánh của những viên ngọc dân gian và tìm tòi những kiến thức văn hóa luôn được giữ gìn, phát huy và lưu truyền từ đời này qua đời khác của dân tộc Việt.

Một trong những vốn liếng văn học dân gian được nhân dân yêu thích nhất là tục ngữ, ca dao, dân ca. Đây là ba thể loại riêng biệt có tính độc lập rõ ràng nhưng về mặt ngữ điệu lại có liên quan chặt chẽ với nhau, đều là những thể loại vần vè, dễ khoác với nhau nhờ sự vận dụng tương hợp giữa lý trí, tình cảm, bao hàm cả nội tâm sâu sắc và kinh nghiệm đúc kết của nghệ nhân sáng tác. Cũng vì sự hòa quyện này, đôi khi bạn đọc nhầm lẫn giữa các thể loại văn học và khó định nghĩa, phân biệt giữa tục ngữ, ca dao và dân ca. Hiểu được điều ấy, Vũ Ngọc Phan đã sưu tầm và biên soạn rõ ràng, đầy đủ về các mặt nội dung và hình thức nghệ thuật của ba thể loại này, hướng người đọc đến những suy nghĩ đúng đắn hơn và làm phong phú hơn mạch nước ngọt ngào của văn học dân gian.

Hơn nửa thế kỷ lao động nghệ thuật không mệt mỏi, Vũ Ngọc Phan thành công và được người đọc biết đến nhiều nhất qua bộ sách *Nhà văn*

hiện đại và Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam. Ông vinh dự được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật đợt I (1996) cho hai tác phẩm: Truyện cổ Việt Nam và Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam.

Hướng đến 115 năm ngày sinh của nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan, Công ty Sách Phương Nam xin trân trọng giới thiệu đến bạn đọc tuyển tập TỤC NGŨ CA DAO DÂN CA VIỆT NAM (in lần thứ 9). Tuyển tập bao gồm những câu, những bài thuộc các thể loại tục ngữ, ca dao, dân ca mà Vũ Ngọc Phan qua nhiều năm đã sưu tầm, nghiên cứu, chắt chiu được để đúc kết lại cho đời sau. Đây thực sự là một kho tàng văn học dân gian đồ sộ, phong phú mà qua đó, bạn đọc có thể chiêm nghiệm và hiểu hơn về đời sống, phong tục, tập quán, văn hóa, tình cảm... của người xưa. Hi vọng tuyển tập sẽ đem đến cho bạn đọc những điều thú vị và bổ ích. Trong quá trình biên tập và soạn thảo, đôi khi có thể xảy ra những sai sót nhỏ, mong nhận được những góp ý quý báu từ các quý độc giả.

CÔNG TY SÁCH PHƯƠNG NAM



VŨ NGỌC PHAN

(1902-1987)

Ảnh chụp năm 1959.

VŨ NGỌC PHAN - MẤY NÉT VỀ TIỂU SỬ VÀ TÁC PHẨM^[1]

Nhà văn, nhà phê bình, nghiên cứu văn học Vũ Ngọc Phan sinh ngày 8 tháng 9 năm 1902 tại Hà Nội. Nguyên quán làng Đông Cảo, huyện Gia Bình (nay là xã Đông Cứu, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh). Xuất thân trong một gia đình nho học lâu đời. Phụ thân ông đỗ Tú tài, dạy chữ Hán, là một vị huấn đạo mẫu mực. Thừa nhỏ Vũ Ngọc Phan học chữ Hán, rồi chuyển qua học chữ Pháp. Năm 1929, ông đỗ bằng Tú tài Pháp và bắt đầu hoạt động văn hóa, xã hội. Lúc đầu ông dạy học tư và cộng tác với các báo: *Nhật Tân*, *Trung Bắc tân văn*, *Pháp Việt*, *Văn học*, *Trung Bắc chủ nhật*, *Hà Nội tân văn*, *Sông Hương*, *Công luận*... Thời gian này ông dịch và phóng tác nhiều tác phẩm văn học nước ngoài như: *Y Vân Hoa*, 2 tập (tức tiểu thuyết Aivanhông của Waltor Scott); *Châu đảo* (tiểu thuyết của R.L.Stevenson); *An na Kha Lệ Ninh* (tiểu thuyết Anna Karénina của L.Tônxtôi); *Lâu đài họ Hạ* (tiểu thuyết của Hoffmann); *Tiểu Nhiên Mị Cơ* (phóng tác theo tiểu thuyết T'rităng Izơn, bản của Jozép Bôđiê)... Ông cũng viết một số bút ký: *Nhìn sang láng giềng* (1941); *Chuyện Hà Nội* (1944); phóng sự lịch sử (*Pháp Nam trong thời kỳ binh hỏa*, 1936). Tuy nhiên trước 1945, Vũ Ngọc Phan thành công hơn cả và được nhiều người biết tiếng qua bộ sách *Nhà văn hiện đại* (gồm 5 quyển). Đây là một bộ sách nghiên cứu khá đồ sộ, công phu và nghiêm túc. Bằng phương pháp nghiên cứu khoa học, căn cứ vào những bằng chứng xác thực, thái độ khen chê rõ ràng, thẳng thắn, dứt khoát, Vũ Ngọc Phan đã bước đầu tổng kết sáng tác

của 79 nhà thơ, nhà văn Việt Nam hiện đại, trong đó nhiều đánh giá, nhận định của ông cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Sau Cách mạng tháng Tám, Vũ Ngọc Phan là biên tập viên báo *Tiên phong* – Cơ quan ngôn luận của Hội Văn hóa cứu quốc. Trong kháng chiến chống Pháp, ông là Ủy viên thường trực Đoàn Văn hóa kháng chiến Liên khu IV, sau đó công tác trong ngành Văn nghệ Trung ương ở Việt Bắc, tham gia viết đều cho các báo *Chống giặc*, *Văn hóa*, *Văn nghệ*... Từ 1954, Vũ Ngọc Phan lần lượt công tác ở Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa và Viện Văn học. Ông là một trong những sáng lập viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam và nhiều năm làm Tổng Thư ký của Hội. Trong thời gian này, ông vẫn tiếp tục làm công tác biên khảo, nghiên cứu, phê bình và dịch thuật. Những bài nghiên cứu, phê bình và một số tiểu luận của ông được tập hợp, in trong cuốn *Qua những trang văn* (1976).

Thành tựu chủ yếu của Vũ Ngọc Phan trong giai đoạn này thuộc lĩnh vực sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian: *Truyện cổ Việt Nam* (1955); *Truyện cổ dân gian các dân tộc Việt Nam* (chủ biên, 1961); *Hợp tuyển văn học Việt Nam* (chủ biên, 1972)... Đáng chú ý hơn cả là tác phẩm *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* có giá trị sâu sắc nhiều mặt, được tái bản nhiều lần. Công trình này là kết quả của nhiều năm sưu tầm, nghiên cứu, tập hợp được khá nhiều tinh hoa tục ngữ, ca dao, dân ca của cộng đồng các dân tộc Việt Nam...

Học rộng, biết nhiều, Vũ Ngọc Phan không những là một trí thức yêu nước, yêu dân tộc mà ông còn là một con người đa năng, đa tài. Gần 60 năm lao động nghệ thuật, hoạt động xã hội bền bỉ, dẻo dai, ở lĩnh vực nào ông cũng có những đóng góp đáng quý, đáng kể. Ông đã sống trọn vẹn một

cuộc sống có ích, dâng hiến và sự nghiệp của ông thật sự cần thiết cho đất nước và nhân dân.

Năm 1996, Vũ Ngọc Phan được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật cho hai tác phẩm: *Truyện cổ Việt Nam* và *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*.

Vũ Ngọc Phan mất tại Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 1987.

TÁC PHẨM CHÍNH

* 1940: *Trên đường nghệ thuật* – Tiểu luận, Nhà xuất bản Nguyễn Du.

* 1942: - *Tiểu Nhiên Mị Cơ* (phóng tác theo tiểu thuyết T'rixtăng Izơn, bản của Jozép Bôđiê), Nhà xuất bản Mới.

- *Lâu đài họ Hạ* (dịch tiểu thuyết của Hoffmann), Nhà xuất bản Tân Dân.

- *Thi sĩ Trung Nam* – Chân dung văn học, Nhà xuất bản Tân Dân.

- *Nhà văn hiện đại* (hai tập đầu), Nhà xuất bản Tân Dân.

* 1943: - *An na Kha Lê Ninh*, (dịch tiểu thuyết Anna Karénina của L.Tônxtôi), Nhà xuất bản Đời Nay.

- *Nhà văn hiện đại*, quyển 3, Nhà xuất bản Tân Dân.

* 1944: - *Châu đảo* (dịch tiểu thuyết của R.L.Stevenson).

- *Chuyện Hà Nội* – Bút ký, Nhà xuất bản Bách Việt.

- *Nhà văn hiện đại*, quyển 4 (tập Thượng, tập Hạ), Nhà xuất bản Tân Dân.

- *Những trận đánh Pháp* – Ký sự lịch sử, Nhà xuất bản Đại La.
- * 1954: *Người Xô viết chúng tôi* (dịch tập truyện của Bôirits Pôlêvô), Nhà xuất bản Văn nghệ.
- * 1955: *Truyện cổ Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn Sử Địa.
- * 1956: *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn Sử Địa.
- * 1957 - 1960: Tham gia biên soạn bộ sách *Sơ thảo văn học Việt Nam* gồm 5 tập.
- * 1963 - 1964: Chủ biên và viết giới thiệu công trình tập thể *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, gồm 4 quyển.
- * 1966: *Tấm Cám*, Nhà xuất bản Kim Đồng (năm 1973, tập truyện này được dịch và giới thiệu ở Thụy Điển).
- * 1976: *Qua những trang văn* – Phê bình và tiểu luận, Nhà xuất bản Văn học.
- * 1987: *Những năm tháng ấy* – Hồi ký, Nhà xuất bản Văn học. Đây là tác phẩm cuối cùng của Vũ Ngọc Phan.
- * 2000: *Vũ Ngọc Phan – Tác phẩm*, gồm 5 tập, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
- * 2008: *Vũ Ngọc Phan – Tác phẩm chọn lọc*, gồm 4 tập, Nhà xuất bản Văn học.

[1] Theo “Niên giám Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật”, Bộ Văn hóa – Thông tin, 2003 và “Từ điển Văn học” (Bộ mới), Nhà xuất bản

Thế giới, 2004.

LỜI NÓI ĐẦU^[2]

Để biên soạn quyển TỤC NGŨ CA DAO DÂN CA VIỆT NAM^[3] chúng tôi bắt đầu thu thập tài liệu từ năm 1953, ở Việt Bắc: một số câu, một số bài do anh chị em văn nghệ đọc cho nghe, một số câu, một số bài do tôi sưu tập ở các địa phương và một số câu, một số bài tôi lựa chọn ở sách báo trong Nam, ngoài Bắc.

Sách ra đời năm 1956 ở Nhà xuất bản Văn Sử Địa, tiền thân của Nhà xuất bản Khoa học Xã hội ngày nay. Hồi ấy sách nghiên cứu lý luận văn học rất thiếu, nên để kịp thời phục vụ nhân dân, phục vụ nghiên cứu văn học và các ngành khoa học xã hội khác, chúng tôi đã không cầu toàn và nghĩ rằng: in sách ra đã, rồi sẽ sửa chữa, bổ sung trong những lần in sau. Được sự đồng ý của các nhà xuất bản, chúng tôi đã thực hiện được những dự kiến ban đầu đó: trong 21 năm qua, quyển TỤC NGŨ CA DAO DÂN CA VIỆT NAM được in lại lần này là lần thứ tám, mỗi lần in đều có sửa chữa và bổ sung. Lần in này, chúng tôi cố gắng sửa và bổ sung kỹ hơn, vì đất nước đã thống nhất, công việc sưu tầm và tra cứu đã dễ dàng hơn xưa.

Do chỉ đứng trên địa hạt văn học, nên ở phần dân ca, chúng tôi không lấn sang lĩnh vực âm nhạc, không bàn đến làn điệu và giai điệu. Riêng về dân ca quan họ Bắc Ninh, một loại dân ca mà thời xưa nhân dân hát không cần khí nhạc kèm theo, chúng tôi có để tiếng đệm ở một số bài để bạn đọc tham khảo. Dân ca mà tước đi những tiếng đệm và điệp khúc thì chỉ còn có lời ca, giống như lời ở ca dao; nhưng nếu trong việc nghiên cứu vẫn phân tích được nội dung tư tưởng tình cảm, đánh giá được hình thức nghệ thuật thì công tác nghiên cứu văn học có lẽ cũng không đòi hỏi gì hơn.

Ngoài những đoạn, những bài nghiên cứu và tiểu dẫn, về mặt tư liệu, quyển sách là một tuyển tập về tục ngữ, ca dao và dân ca Việt Nam, tức một quyển chọn lọc những câu, những bài trong loại văn vần của văn học dân gian truyền thống và văn học dân gian sau Cách mạng tháng Tám. Chúng tôi không thu nhặt tất cả các tục ngữ, ca dao, dân ca một cách xô bồ. Quyển sách là một tuyển tập về tục ngữ, ca dao, dân ca của dân tộc Việt nên phần của đồng bào miền núi chỉ là một số tiêu biểu.

Muốn phục vụ tốt công tác nghiên cứu, nếu chỉ tuyển những câu, những bài hay, những câu, những bài tiêu biểu trong tục ngữ, ca dao, dân ca không thôi thì không đủ, cần sắp xếp theo nội dung, thì tra cứu mới tiện. Ví dụ muốn có những câu tục ngữ, những bài ca dao để dẫn chứng cho bài viết của mình về lao động sản xuất, về đấu tranh chống giai cấp phong kiến, về đấu tranh chống thực dân quốc tế, hay về tình yêu nam nữ,... bạn đọc có thể tìm ngay ở những chương mục có những câu tục ngữ, ca dao nói về những đề tài ấy. Sắp xếp theo nội dung đòi hỏi sự nghiên cứu tỉ mỉ, vì có những câu tục ngữ, những bài ca dao biểu hiện nhiều khía cạnh của tình cảm. Với những câu, những bài có tư tưởng chống đối áp bức bóc lột của giai cấp thống trị thì có thể thấy ngay được, nhưng ở nhiều câu ca dao khó mà phân biệt đâu là mối tình nhẹ nhàng, có ý nghĩa bền cột của đôi trai gái, đâu là mối tình thăm thiết của những người muốn cùng nhau nên vợ nên chồng, đâu là mối tình gắn bó của những người đã là vợ, là chồng. Những tình cảm ấy rất tinh vi, liều lượng khó mà cân đo, vì nó thể hiện ở nhớ nhung, mong ước, mơ tưởng, hờn giận, vui buồn, nên sắp xếp ca dao theo nội tâm của quần chúng nhân dân là rất khó.

Chúng tôi chọn những câu, những bài hay, những câu, những bài tiêu biểu trong tục ngữ ca dao và dân ca cũng là chọn một cách tương đối. Những câu tục ngữ, những bài ca dao thật hay thì ai có trình độ thưởng thức

đều nhận thấy là hay. Nhưng làm một tuyển tập mà chỉ chọn những câu, những bài *thật hay* thì không thể thành một quyển sách phong phú về nội dung, nên bên cạnh những câu, những bài thật hay cũng cần có những câu, những bài chỉ mới trên mức trung bình về hình thức nghệ thuật cũng như về nội dung và tình cảm. Tình cảm và tư tưởng của nhân dân lao động, những con người chất phác, không giống tình cảm và tư tưởng của giai cấp phong kiến thống trị, nên việc sắp xếp theo nội dung cần phải rất thận trọng. Trên nhận thức thì như vậy, nhưng khi bắt tay vào việc, trước những tài liệu bề bộn, phức tạp, lại một số chưa chính xác, chúng tôi nhận thấy chúng tôi cũng chỉ mới đạt tới một trình độ thấp trong việc sắp xếp theo nội dung, vì đặt một câu, một bài theo đúng nội dung chính của nó, theo đúng khía cạnh chính của nó là một việc khó.

Tục ngữ, ca dao và dân ca là ba thể loại khác nhau, mỗi thể loại có tính độc lập của nó, chúng có liên quan chặt chẽ với nhau, vì trong văn học dân gian, chúng đều là những thể loại vần về, dễ khoác với nhau, như chúng ta thấy trong ca dao có tục ngữ, trong dân ca có cả ca dao lẫn tục ngữ và có những câu nội dung là tục ngữ nhưng hình thức lại là ca dao. Sở dĩ có tình hình như vậy là do trong sáng tác, nhân dân – cũng như văn nghệ sĩ – vận dụng cả lý trí và tình cảm, vừa biểu lộ nội tâm vừa bày tỏ nhận định của mình về ngoại cảm.

Trong sách này, chúng tôi sắp xếp theo nội dung. Những câu tục ngữ và những câu ca dao cùng một nội dung, chúng tôi sắp xếp với nhau, để tránh sự lặp lại, việc tra cứu cũng được thuận tiện. Một khi đã có những định nghĩa rõ ràng về tục ngữ và ca dao trên các mặt nội dung và hình thức nghệ thuật, thì không thể có sự lẫn lộn thể loại nọ với thể loại kia được. Còn dân ca chúng tôi đặt riêng một chương, lý do là phần nhiều dân ca mang tính địa phương và trong dân ca, có cả tục ngữ, ca dao, như trên chúng tôi đã nói.

Trong quyển TỤC NGŨ CA DAO DÂN CA VIỆT NAM (in lần thứ tám) này, chúng tôi đã viết lại nhiều phần và bổ sung nhiều mục, trong đó có mục *Ca dao chống Mỹ, cứu nước*. Quyển sách đã có mục *Ca dao kháng chiến chống Pháp* thì phải có mục *Ca dao chống Mỹ, cứu nước*. Phong trào sáng tác văn học thường liên tục, tiếp diễn từ thời nọ qua thời kia, ít khi có sự gián đoạn. “Ca dao chống Mỹ, cứu nước” *chẳng qua chỉ là một thể loại dân gian kế tiếp* “Ca dao kháng chiến chống Pháp”, nội dung của cả hai loại ca dao đều có những điểm giống nhau, vì nó đều ra đời sau Cách mạng tháng Tám và đều xuất hiện trong thời gian 30 năm chiến tranh chống đế quốc xâm lược.

Để tiện việc tra cứu, chúng tôi chia quyển TỤC NGŨ CA DAO DÂN CA VIỆT NAM này làm sáu phần:

Phần thứ nhất: Nội dung và hình thức nghệ thuật của tục ngữ, ca dao, dân ca, và mối liên quan giữa những thể loại văn về của văn học dân gian với văn học thành văn.

Phần thứ hai: Quan hệ thiên nhiên.

Phần thứ ba: Quan hệ xã hội. Ở phần này, chúng tôi chia ra các mục: “Tình yêu nam nữ”, “Hôn nhân và gia đình”, thái độ của nhân dân đối với giai cấp phong kiến, đối với thực dân Pháp và tay sai; sau đó, đến các mục: “Ca dao kháng chiến chống Pháp” và “Ca dao chống Mỹ, cứu nước”.

Phần thứ tư: Dân ca.

Phần thứ năm: Tục ngữ ca dao của đồng bào miền núi (chọn một số tiêu biểu).

Phần thứ sáu: Kết luận.

Trong quyển TỤC NGŨ CA DAO DÂN CA VIỆT NAM in lần này, chúng tôi đã sửa chữa nhiều đoạn, bổ sung nhiều câu, nhiều bài, nhưng nước nhà mới thống nhất được hai năm, nên chúng tôi cũng chỉ mới sưu tập thêm được một số ít ca dao, dân ca miền Nam. Về những ca dao, dân ca mới tuyển này, chúng tôi chưa kiểm tra được ở địa phương, vì phải có thời gian và điều kiện mới kiểm tra chu đáo được; tuy vậy, chúng tôi cũng đã cân nhắc kỹ mới tuyển. Mong được bạn đọc các nơi bổ khuyết cho những chỗ sai sót.

Hà Nội, ngày 15-2-1977

VŨ NGỌC PHAN

[2] Lời nói đầu ở bản in lần thứ tám.

[3] Trước kia nhan đề sách là Tục ngữ dân ca Việt Nam, từ lần in thứ bảy, chúng tôi thêm hai chữ ca dao cho đầy đủ hơn. (V.N.P)

I - TỤC NGŨ CA DAO DÂN CA VIỆT NAM

1. VÀI NÉT VỀ CÔNG VIỆC SƯU TẬP NGHIÊN CỨU TỤC NGŨ, CA DAO, DÂN CA VIỆT NAM TỪ XƯA ĐẾN NAY

Sưu tập văn học dân gian không phải một việc mới. Cách đây trên 3.000 năm, văn học dân gian đã được sưu tập: 305 bài trong *Kinh thi* là do các nhạc sư Trung Quốc sưu tập, san định và truyền lại^[4]. Những thiên sử thi *Iliát* và *Ôđixê* của Hômerơ ở cổ Hy Lạp cũng là những tác phẩm văn học dân gian truyền lại từ ngót 3.000 năm nay.

Ở nước ta, những công trình sưu tập văn học dân gian sớm nhất là truyện dân gian. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIII đã có sách ghi những truyền thuyết, như *Báo cực truyện* (chưa rõ tác giả) và *Ngoại sử ký* của Đỗ Thiệu. Đến thế kỷ XIV, Lý Tế Xuyên đã sưu tập biên soạn *Việt điện u linh* và đến thế kỷ XV, Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã chỉnh lý và bổ sung *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp 9 (đời Trần). Về sau, còn nhiều công trình sưu tập, biên soạn truyện cổ dân gian. Về tục ngữ, ca dao, dân ca thì công việc sưu tập, biên soạn chỉ mới bắt đầu từ ngót hai trăm năm trở lại đây. Vào nửa cuối thế kỷ XVIII, Trần Danh Án (hiệu Liễu Am) đã sưu tập và biên soạn *Quốc phong giải trào*, và *Nam phong nữ ngạn thi*. Các soạn giả trên đây đã ghi chép tục ngữ, ca dao, bằng chữ Nôm, rồi dịch ra chữ Hán và chú thích, có ý đem ca dao Việt Nam sánh với thơ “quốc phong” trong *Kinh thi* của Trung Quốc.

Vào cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, khi thực dân Pháp đặt chân lên đất nước ta, trong công cuộc bình định của chúng, chúng rất chú ý sưu tập văn học dân gian, vì chúng biết đây là vũ khí sắc bén của nhân dân chống giai cấp phong kiến, chống kẻ xâm lược và bọn tay sai. Công tác sưu tập và biên soạn văn học dân gian của thực dân Pháp đã có bọn quan cai trị và đám cha cố đảm nhiệm. Bọn này một mặt cấm nhân dân ca hát những bài có tính chất chống đối “nhà nước bảo hộ” và bọn quan lại; một mặt xuyên tạc văn học dân gian của ta. Vào thời đó, trước sự suy đốn của bọn vua quan nhà Nguyễn, nhân dân rất phẫn nộ, nên phong trào yêu nước của nhân dân ta và của nhà nho ta rất mạnh. Về mặt chính trị đã đẩy lên phong trào Cần Vương và nhiều cuộc khởi nghĩa khác, về mặt văn học, tinh thần dân tộc đã thể hiện ở những sáng tác dân gian (về yêu nước) và ở những công trình sưu tập, biên soạn những vốn văn học truyền thống. Người ta thấy xuất hiện những sách chữ nôm sưu tập tục ngữ, ca dao: *Thanh Hóa quan phong sử* của Vương Duy Trinh (hiệu Đạm Trai); *An Nam phong thổ thoại* của Trần Tất Văn (hiệu Thiên Bảo cư sĩ); *Quốc phong thi hợp thái* của Nguyễn Đăng Tuyển (hiệu Tiên Phong và Mộng Liên Đình); *Việt Nam phong sử* của Nguyễn Văn Mại (tự Tiểu Cao); *Đại Nam quốc túy* của Ngô Giáp Đậu (hiệu Tam Thanh); *Nam quốc phương ngôn tục ngữ bị lục* (vô danh); vân vân.

Sang đầu thế kỷ XX, chúng ta mới có những sách sưu tập tục ngữ, ca dao bằng chữ quốc ngữ: *Nam ngạn trích cầm* của Phạm Quang Sán (hiệu Ngạc Đình); *Gương phong tục* của Đoàn Duy Bình (đăng trong *Đông Dương tạp chí*); *Việt Nam tổ quốc túy ngôn* của Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Trọng Thuật; *Ngạn ngữ phong dao* của Nguyễn Can Mộng; *Tục ngữ phong dao* của Nguyễn Văn Ngọc, vân vân.

Đây là lần đầu tiên các nhà trí thức Việt Nam nhận rõ được giá trị văn học của tục ngữ ca dao. Nguyễn Can Mộng đã viết: “Văn vần nước ta phơi thai từ ngạn ngữ, rồi đến phong dao thì thành điệu, thành chương, có thể ngâm nga được. Văn *lục bát* hay *song thất* sau này đều từ ở đấy cả”^[5]. Nhận định của Nguyễn Can Mộng rất xác đáng. Vốn văn học dân gian truyền thống của ta rất quý, nhưng những sách Hán Nôm ghi chép tục ngữ, ca dao có làm người đọc thấy được giá trị của những vốn quý đó không? Nguyễn Văn Ngọc đã đánh giá những sách Hán Nôm ấy như sau:

“Những sách này làm, hoặc không theo trật tự nào, hoặc đối nhau hai câu một, hoặc chia ra từng mục: *trời đất, năm tháng, tiền của, văn học*; từng thiên: *Sơn Tây, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thừa Thiên*; từng chương: *Tống Sơn, Nga Sơn, Hoàng Mỹ, Hữu Lộc*, hoặc xếp lại theo từng thời đại triều vua... Những câu chép trong sách thường có chú thích, phê bình. Tự trung một đôi quyển cũng gọi là có cắt nghĩa qua từng câu, hoặc kê cứu lai lịch của cả các câu mà ghép cho câu, câu nào cũng có can thiệp đến lịch sử nước nhà. Kể như thế, những sách tục ngữ phong dao không phải là hiếm. Nhưng đáng tiếc rằng hiện có nhiều quyển chỉ mới là sách viết, bỏ quên trong một thư viện nhà nào, chứ chưa từng đem ra công bố, ấn hành... Còn một hai quyển đã xuất bản, cứ như chúng tôi xem, thì gộp nhặt chưa có phần dồi dào, chắc chắn, mà xếp đặt chưa lấy gì làm tinh tế hoàn hảo”^[6].

Từ Cách mạng tháng Tám, với *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng, những hoạt động văn nghệ dân gian mới thật sự được nhen nhóm, dần dần bùng lên và lan khắp cả nước. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, tuy điều kiện ấn loát thiếu thốn, một số bài về văn học dân gian đã được in trên sách báo, như tập *Thơ văn Cách mạng và kháng chiến*, bài *Ca dao Nam bộ* (đăng trên báo *Cứu Quốc*), *Một ít hò về mới Bình Trị Thiên* (đăng trong tạp chí *Văn nghệ*), nhiều ca dao kháng chiến chống Pháp

do nhân dân, cán bộ, bộ đội sáng tác, đăng trên báo *Cứu Quốc*, vân vân; những sáng tác dân gian ấy đã phục vụ, trong một chừng mực nhất định, sản xuất và chiến đấu, được nhân dân ca hát ở nhiều địa phương.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hòa bình được lập lại, các tổ chức văn hóa văn nghệ của ta mới khôi phục lại các bộ môn văn học nghệ thuật của cả hai miền Nam Bắc, trong đó có văn học dân gian. Hàng vạn bài dân ca quan họ Bắc Ninh; hát giặm; hát phường vải Nghệ Tĩnh; hát xoan, hát gheo Phú Thọ, hò sông Mã, hát múa đèn Đông Anh ở Thanh Hóa; dân ca Liên khu V; dân ca Bình Trị Thiên; dân ca của các dân tộc Thái, Tày, Nùng, Mường, Mèo, Tây Nguyên...

Tại Hội nghị cán bộ văn hóa ngày 30-10-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo. Nhưng quần chúng không phải chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là người sáng tác nữa... Những câu tục ngữ, những câu vè, ca dao rất hay là những sáng tác của quần chúng. Các sáng tác ấy rất hay mà lại ngắn, chứ không trường thiên đại hải, dây cà ra dây muống. Các cán bộ văn hóa cần phải giúp những sáng tác của quần chúng. Những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý. Muốn làm như thế thì cố nhiên là phải có chính trị, có kỹ thuật, thì mới mài cho viên ngọc ấy thành tốt, khéo và đẹp”^[7].

Như lời Bác Hồ kính yêu đã dạy, những sáng tác của quần chúng nhân dân rất giàu đẹp. Riêng thơ ca dân gian thì phong phú vô cùng. Mở đầu cho mùa văn học dân gian nở rộ về ca dao dân ca là tập *Tục ngữ, dân ca Việt Nam*, in lần thứ nhất năm 1956, trong đó có những bài thơ ca dân gian tiêu biểu của ba miền Bắc, Trung, Nam. Tiếp đó, hàng loạt công trình sưu tập, nghiên cứu nối tiếp nhau ra đời. Không kể những truyện cổ dân gian đủ các

loại, của nhiều dân tộc Việt Nam, riêng về tục ngữ, ca dao, dân ca có: *Hát ví Nghệ Tĩnh, hát phường vải, hát giặm Nghệ Tĩnh, Dân ca Nam Bộ, Dân ca quan họ Bắc Ninh, Ca dao trước Cách mạng, Ca dao sưu tầm ở Thanh Hóa, Dân ca miền Nam Trung Bộ, Dân ca Bình Trị Thiên, Trường ca Tây Nguyên, Dân ca Mường, Dân ca Mèo, Về thất thủ Kinh đô, Về Nghệ Tĩnh, Ca dao kháng chiến, Về yêu nước chống đế quốc Pháp xâm lược, Ca dao chống Mỹ, Ca dao ngạn ngữ Hà Nội, Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam, Văn học dân gian (Lịch sử văn học Việt Nam), Tục ngữ Việt Nam, Tục ngữ ca dao dân ca Hà Tây, ca dao chọn lọc, Ca dao ngoại thành(Hà Nội), Ca dao sưu tầm, Hát gheo Vĩnh Phú, Ca dao lao động, Thơ ca nhân dân chống Mỹ, cứu nước, Mái đậy sông Hiền, Ca dao Thanh Hóa (1945-1975), Cối gạo đêm trăng (Quảng Bình), v.v...*

Quyển TỤC NGỮ CA DAO DÂN CA VIỆT NAM này chú trọng về chất lượng hơn là về số lượng trong việc chọn những câu, những bài sáng tác của nhân dân. Công việc sưu tập còn nhiều vấn đề phải giải quyết như những bài có tên tác giả đã được “quần chúng hóa” từ lâu: những bài bị chắp thêm câu mới, hoặc chắp câu lấy ở bài khác: một số câu, một số bài bị sửa đôi ba chữ, rồi coi là “dị bản”, v.v... Những vấn đề ấy sẽ tồn tại với đời sống của văn học dân gian, chúng tôi chưa đề cập đến trong quyển này.

Điều rõ nhất mà chúng ta đều thấy được là chưa một thời kỳ nào trong lịch sử dân tộc, vốn văn hóa văn nghệ cổ truyền, trong đó có văn học dân gian, lại được quý trọng và bảo vệ như dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

[4] Theo nhà nghiên cứu văn học cổ đại Trung Quốc, 305 bài trong Kinh thi là do các nhạc sư đời Chu san định (thế kỷ XI đến thế kỷ VI trước Công nguyên) chứ không phải do Khổng Tử san định. Thời Khổng Tử còn nhỏ, đã có 305 bài ấy rồi. (V.N.P)

[5] Bài tựa Ngạn ngữ phong dao (15-2-1936).

[6] Tục ngữ phong dao của Nguyễn Văn Ngọc, quyển I, tr.10 và 11, NXB Bốn Phương, 1925, Sài Gòn.

[7] Bàn về văn hóa văn nghệ, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1972.

2. CÓ THỂ TÌM XEM TỤC NGŨ, CA DAO, DÂN CA CỦA TA XUẤT HIỆN VÀO NHỮNG THỜI KỲ NHẤT ĐỊNH NÀO KHÔNG?

So với thần thoại và truyền thuyết thì ca dao có một hình thức văn nghệ tưởng như mới hơn và cao hơn. Nhưng tục ngữ ca dao, theo ý chúng tôi, cũng xuất hiện cùng thời với thần thoại và truyền thuyết. Theo nhận định của Lỗ Tấn, khi đẩy được một vật gì nặng, một người hò lên mấy tiếng “Dô ta” nhịp nhàng, thì đó cũng là sáng tác, và nếu tất cả mọi người khác cũng hò “Dô ta” thì đó là một cách “xuất bản”. Như vậy, ca hát có rất sớm, nó xuất hiện trong lao động từ thời cổ sơ và hình thức thô sơ của nó đã được sửa đổi qua các thế hệ của loài người.

Văn học phản ánh kinh tế và chính trị của một thời đại. Như vậy, văn học nào cũng thế, dù là văn học dân gian, đều có nói lên trong một chừng mực nhất định, những tình cảm, tư tưởng của tác giả trong hoàn cảnh xã hội mà tác giả đã sống.

Vậy đối với cái rường tục ngữ ca dao của ta, chúng ta làm thế nào biết được những câu và những bài xuất hiện vào một thời cổ nhất.

Nghiên cứu về sử liệu Việt Nam, trong ngôn ngữ, có người đã kể câu: “Năm cha ba mẹ” và viết: “...Ta có thể ngờ rằng đó là nhắc lại cái tình trạng tạp giao hay cái tình trạng chồng chung vợ chạ. Đến như: “Sinh con

rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông”. *Câu này thì rõ ràng lắm, nó tóm tắt cái quá trình tạp giao từ mẫu hệ, rồi đến phụ hệ. Thời kỳ tạp giao chỉ biết có mẹ đẻ ra con mà thôi, hoàn toàn không có cái danh từ cha nữa*” [8]. Chúng ta thấy rằng nếu cái từ *cha* chưa có, thì những câu trên đây, chỉ có thể xuất hiện vào một thời sau nào đó.

Nhưng thời sau đó là thời nào? Vì tính chất truyền khẩu của những câu chuyện thời xưa, những câu ca dao nói lên những câu chuyện ấy không cứ phải xuất hiện vào một thời sát với thời có câu chuyện. Bởi vậy, chỉ riêng nội dung câu hát không đủ chứng tỏ câu ấy xuất hiện vào một thời cổ nào, mà cần phải xét đến cả lời nữa, vì về văn học, sự tương quan mật thiết giữa nội dung tư tưởng và hình thức câu văn rất là quan trọng. Theo ý chúng tôi, những tục ngữ, ca dao mang một nội dung rất cổ, lại dùng những tiếng cổ nhất, mộc mạc nhất, có thể là những câu, những bài cổ nhất.

Từ lâu tiếng Việt Nam ta đã là một thứ tiếng độc lập. Sử cũ Trung Quốc có chép: “Về đời vua Thành Vương nhà Chu (1109 trước Công nguyên) có nước Việt Thường ở phía nam Giao Chỉ sai sứ đem chim bạch trĩ sang cống. Phải phiên dịch ba lần mới thông hiểu được tiếng nhau”.

Theo các nhà ngôn ngữ học, thứ tiếng nói tối cổ của dân tộc ta, do sự tiếp xúc giữa các dân tộc, đã chịu ảnh hưởng của các tiếng Ấn Độ, Mã Lai, Thái, Trung Quốc; còn cụ thể ra, tiếng nói tối cổ ấy như thế nào, nó có giống tiếng Việt Nam ta nói bây giờ không thì vẫn chưa rõ.

Mãi cuối thế kỷ thứ VIII, sau khi Phùng Hưng chết, nhân dân lập đền thờ ông và suy tôn là “Bố Cái đại vương” [9], người ta mới căn cứ vào hai chữ *bố cái* mà nói: tiếng Việt Nam ta vào thời Phùng Hưng tuy chưa phát triển mấy, nhưng cũng đã giống như tiếng thông dụng, chỉ có chữ *cái* bây giờ chỉ vào loài vật nhiều hơn là chỉ vào người.

Ta vẫn còn câu tục ngữ:

Con dại, cái mang.

Câu này có thể là rất cổ, nói đến thời mẫu hệ: những hành động của con, người mẹ chịu hoàn toàn trách nhiệm. Nó không giống câu “*Con hư tại mẹ*” chỉ đổ chỉ vào những đứa con nhỏ được mẹ nuông chiều. Nhưng còn câu trên này xuất hiện vào thời nào thì chúng ta cũng không ước đoán được, mà chỉ biết nó là một câu cổ về cả nội dung lẫn hình thức.

Lại có câu: “*Con mống, sống mang*” chỉ vào thời phụ hệ. Câu này cũng là một câu cổ, còn nó xuất hiện vào thời nào, chúng ta cũng chưa biết được. Chữ *mống* đây có nghĩa là nổi lên, làm một việc chống đối gì. Còn *sống* chỉ vào cha (*sống*, *mái* tức là đực, cái). Câu trên này có nghĩa là: con làm việc gì thì cha phải chịu trách nhiệm. Gia trưởng có quyền hành trong gia đình, nên khi trong gia đình xảy ra việc gì thì bọn thống trị tróc vào đầu gia trưởng.

Vấn đề nhận định những chữ nào là cổ trong lời ca cũng chỉ là một vấn đề chúng ta có thể giải quyết trong một phạm vi rất hẹp. Nhưng xét cho cùng, nội dung bài ca vẫn là phần quan trọng. Vì chỉ nội dung mới nói lên cho ta biết tư tưởng và tình cảm của người lao động. Những bài ca dao: *Lạy ông nắng lên...*, *Lạy trời mưa xuống...*, *Tay cầm con dao, làm sao cho sắc*, v.v..., đều là những bài mà nội dung của nó rất cổ. Về hình thức thì những câu hai chữ một, phần nhiều cũng có thể coi là những câu cổ. Thí dụ: *Cơm no, bò cười*; *Cơm tẻ, mẹ ruột*; *Bán vợ, đợ con*; *Cơm đồ, nhà gác*; *Nước vác, lợn thui*; *Ngày lui, tháng tới*... và những câu bốn chữ một, như chúng tôi vừa dẫn trên đây.

[8] Bài Thử tìm sử liệu Việt Nam ngữ ngôn, Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa, số 3, trang 40, năm 1954.

[9] Sách Việt sử thông giám cương mục tiền biên giải thích: tục xưa gọi cha là bố, gọi mẹ là cái.

3. "CA DAO LỊCH SỬ", THỰC CHẤT NÓ NHƯ THẾ NÀO?

Trong ca dao của ta, có một số ca dao mà người ta quen gọi là “ca dao lịch sử”. Sự thật thì văn học nói chung, như chúng tôi đã nói trên, đều phản ánh chính trị và kinh tế một thời đại, cho nên ca dao của ta, một bộ phận lớn trong văn học dân gian truyền miệng, cũng có tác dụng phản ánh như văn học thành văn.

Theo báo cáo của nhà thơ Xuân Diệu, sang thăm Hung-ga-ri trở về, trong một buổi họp với các nghệ sĩ Việt Nam năm 1956, thì ở nước bạn chúng ta, các nhà nghiên cứu văn học dân gian đã sưu tập được tám vạn bài dân ca, và trong số này, sáu vạn bài đã có đủ lý lịch, nghĩa là người ta đã biết nó xuất hiện vào thời nào, do nhân dân ở những địa phương nào ca hát vào trường hợp nào. Lẽ tự nhiên là các dân ca của ta cũng xuất hiện vào những thời kỳ khác nhau trong lịch sử, nhưng hiện nay chúng ta chưa làm được như nước bạn, vì những lý do sau đây:

- Tục ngữ, ca dao của ta ít nói đến tên người, tên đất, ít nói đến những biến chuyển lớn trong xã hội.

- Tục ngữ, ca dao của ta nói nhiều đến thiên nhiên, đến tình duyên, đến gia đình, đến lao động và sản xuất. Suốt trong thời kỳ phong kiến dài dằng dặc hàng nghìn năm, những tổ chức xã hội và tình cảm con người ta, tuy có thay đổi, nhưng thay đổi rất chậm, nên đã không thể hiện được rõ ở nội dung bài ca. Thí dụ nói về hạn, về lụt, về mưa bão, về tát nước, cấy cày, về

yêu thương, nhớ nhung về công cha nghĩa mẹ, về sự áp bức của giai cấp thống trị, về tôn ti trật tự trong suốt thời kỳ phong kiến đều gần giống nhau, nên rất khó mà đặt được một bài ca dao thuộc các loại ấy vào một thời gian nhất định và chính xác.

- Tục ngữ, ca dao của ta, có nhiều câu, nhiều bài qua nhiều thế hệ và tùy theo từng địa phương, đã bị sửa chữa cả về hình thức và nội dung không còn nguyên vẹn nữa.

Trở lại những ca dao người ta thường gọi là “ca dao lịch sử”, xem tính chất sử của nó như thế nào? Phần nhiều những ca dao này đều nói đến cá nhân, những nhân vật thuộc giai cấp thống trị và nói rất ít đến những sự kiện lịch sử, những biến đổi trong xã hội. Xét về hình thức câu văn, nó có thể như *Đại Nam quốc sử diễn ca*, nghĩa là nó mới sáng tác vào những giai đoạn lịch sử không xa ta lắm.

Thí dụ, trong những thần thoại của ta, thần thoại *Lạc Long Quân và Âu Cơ* là một thần thoại nói về dòng giống quang vinh của tổ tiên ta. Căn cứ vào thần thoại ấy, đời sau mới có câu ca dao:

Chàng về thiếp một theo mây,

Con thơ để lại chốn này ai nuôi.

Âu Cơ là dòng dõi tiên, có thể đi mây về gió, nàng muốn theo mây để được gặp rồng (Lạc Long quân), nhưng lại vướng đàn con nhỏ ở núi. Xét về hình thức câu văn thì hai câu trên này có cái giọng văn như ở *Đại Nam quốc sử diễn ca*, nên chúng tôi ngờ tác giả của nó là người thuộc tầng lớp nho sĩ và nó cũng mới được sáng tác vào một thời kỳ không xa chúng ta lắm. Lại có những câu thành ngữ như: *rồng mây gặp hội, bèo hợp mây tan, rồng*

ngược mây xuôi, v.v... căn cứ vừa vào thần thoại trên đây vừa vào điển tích lấy ở sử sách Trung Quốc. Rồi những đôi tình nhân, những cặp vợ chồng lâu ngày xa cách, được gặp nhau trong chốc lát, cũng dùng những điển tích ấy để tả những nỗi biệt ly, nhớ thương:

Mấy khi rồng gặp mây đây,

Để rồng than thở với mây vài lời.

Nữa mai rồng ngược mây xuôi,

Biết bao giờ lại nối lời rồng mây!

Thời cổ, có lẽ tổ tiên chúng ta đã lấy làm tự cao về dòng giống của mình, khinh thường những thị tộc khác, coi là kém mình. Về sau, trong thời phong kiến, vấn đề dòng giống vẫn là vấn đề được giai cấp thống trị chú ý và đề cao, nên đã có câu:

Trứng rồng lại nở ra rồng,

Liu điu lại nở ra dòng liu điu^[10].

Đã có những ca dao dựa vào thần thoại thì cũng có những ca dao dựa vào truyện cổ tích lịch sử. Trong ca dao của ta, *mây* thường chỉ vào thần, tiên hay rồng. Có hai câu ca dao sau này tả cảnh thiên nhiên rất đẹp:

Tạnh trời, mây cuốn về non,

Hẹn cùng cây cỏ chờ còn mong mưa.

Mây và cây cỏ cũng có tình với nhau, thể hiện ở những hạt mưa sa, tắm mát cho cỏ cây, nhưng sự sung sướng chỉ có hạn, và đây là giờ phút mây

phải bay về núi... Nhưng do cái “nghĩa hoang đường” của tiếng mây, người ta đã gán ghép hai câu này vào Thánh Gióng: dẹp giặc xong, viên tướng tiêu biểu cho sức kháng chiến anh hùng của dân tộc ta, bay về trời, hẹn với nhân gian đừng trông đợi gì nữa, nhiệm vụ của ông như thế là xong. Nhưng dù chỉ vào Thánh Gióng đi nữa và không phải tả đơn thuần thiên nhiên thì xét về hình thức câu văn, hai câu ca dao trên đây cũng không phải hai câu cổ.

Hằng năm, ở miền Bắc nước ta, cứ vào cuối hè sang thu, sông Hồng lại có nước lớn. Xưa kia, không mấy năm đồng bằng miền Bắc tránh được nước lụt. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống lụt diễn ra trong nhiều thế kỷ và đã được thể hiện ở truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* rất phổ biến trong cả nước và từ đó có câu ca dao:

Núi cao, sông hãy còn dài,

Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen.

Trong tục ngữ ca dao của ta, có nhiều câu nói lên tình hình sinh hoạt của người bình dân ở trình độ rất thấp. Phân tích ra, chúng ta thấy trạng thái sinh hoạt ấy có thể cũng rất xa chúng ta hiện nay. Thí dụ cũng câu ca dao sau này:

Thấy anh, em cũng muốn theo,

Em sợ anh nghèo, anh bán em đi!

Lấy anh, em biết ăn gì?

Lộc sản thì chết, lộc si thì già.

Lấy anh không cửa, không nhà,

Không cha, không mẹ, biết là cậy ai!

Thật là một tình cảnh rất khổ cực của người dân lao động nước ta thuở xưa. Vậy nội dung bài ca trên này nói cho ta biết đó là một tình trạng vào thời nào trong lịch sử nước ta? Con người nói đến trong lời ca rất là cùng cực; ở vào một hoàn cảnh xã hội nào đó, người ấy có thể công khai bán vợ, vì nỗi “không cửa, không nhà, không cha, không mẹ” và vì sự sống hằng ngày của người ấy chỉ còn trông vào những thứ bòn nhặt được ở trong rừng như lộc săn, lộc si. Mức sống của con người gần như của hươu nai. Cái thời mà người lao động cùng cực đến như thế, chúng ta không thể biết được là thời nào, vì tình trạng ấy của nhân dân lao động nước ta có thể là thường xuyên trong chế độ phong kiến. Vậy xét về nội dung, không rõ bài ca đã xuất hiện vào thời nào. Còn xét về hình thức, nếu nó ra đời vào một thời rất xa chúng ta và còn truyền đến ngày nay thì lời văn cũng đã bị sửa chữa nhiều rồi. Lời ca ở đây vừa óng chuốt, vừa tha thiết về yêu đương và khổ cực đôi đường. Tình thì nặng, nhưng còn sống với nhau thì tính sao? Một tiếng thở than, một tâm sự trút ra, từ đầu đến cuối chỉ một hơi (*nhất khí quán hạ*), nội dung và hình thức văn học ở đây kết chặt với nhau, vươn tới đỉnh cao nghệ thuật diễn tả, cho nên mấy câu trên đây, theo nhận định của chúng tôi, không thể xuất hiện vào thời cổ, thời mà văn học còn phôi thai.

Trong ca dao Việt Nam, có những bài làm theo hình thức ngụ ngôn, dùng loài vật để chỉ vào người. Thí dụ mấy câu ca dao này:

Cái kiến mày đậu cành đào,

Leo phải cành cộc, leo vào leo ra.

Cái kiến mày đậu cành đa,

Leo phải cành cộc, leo ra leo vào.

Cành đào thường có sâu, kiến có lương ăn, còn cành đa thì không. Nhưng dù no, dù đói cũng là một cuộc đời tù túng, quẩn quanh một chỗ. Phải chăng đây là cái cảnh người nông dân nước ta vào thời phong kiến cát cứ, phân quyền; người dân lao động Việt Nam không có phương tiện và cũng không có quyền tự do đi lại, may ra ở nơi đất tốt thì tạm đủ ăn, chẳng may ở nơi xấu thì đành bầm bụng. Sống dưới chế độ phân quyền, chỉ khi nào kinh tế hàng hóa bắt đầu nảy nở, đường giao thông được mở mang, người dân lao động Việt Nam mới thoát dần khỏi cảnh tù túng. Xét nội dung bài ca dao, chúng tôi thấy có thể là một hoàn cảnh lịch sử như vậy, nhưng vì tính truyền khẩu và sự đổi thay về hình thức của nó qua các thời đại, nên thời kỳ xuất hiện của nó cũng khó mà biết được.

Vào thế kỷ thứ II, thứ III, đạo Phật bắt đầu truyền vào đất Giao Châu. Trong mấy thế kỷ sau, đạo Phật ở nước ta càng thịnh hơn trước; nhất là từ khi giai cấp thống trị cho các nhà sư tham gia việc triều chính, thì đạo Phật dựa vào chính quyền, càng thấm sâu vào các thôn xã. Chùa chiền được xây dựng ở mỗi làng và một số công điền (vốn là đất *vua*) đã do bọn kỳ hào cung cấp cho nhà vua để hương khói và nhà chùa đảm bảo lấy việc cày cấy. Thành ra từ ngôi chùa được xây dựng cho đến mọi việc chi phí trong chùa đều lấy ở hoa lợi của số ruộng công do làng cấp, cho nên tuy gọi là *chùa làng*, nhưng cũng bắt nguồn từ *đất vua*:

Đất vua, chùa làng.

Đến thời phong kiến toàn thịnh thì việc điền địa lại quy định chặt chẽ hơn trong hệ thống bóc lột:

Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt.

Thí dụ vào thời Trần, Trần Thánh Tông (1258 - 1278) đã nói “Thiên hạ là của ông cha ta để lại, nên để cho anh em cùng hưởng phú quý chung”. Đây là lời nói tiêu biểu của giai cấp phong kiến thống trị, lời nói đã đi đôi với việc làm của họ. Về sau, bọn vua chúa đã chiếm đoạt rất nhiều ruộng đất để làm trang trại. Còn nhân dân vẫn liên tục đấu tranh dưới nhiều hình thức để giành quyền lợi cho mình.

Ở trên, chúng tôi đã kể một số ca dao tuy nội dung nói đến những thời kỳ lịch sử xa xăm, nhưng hiện nay, nếu xét về hình thức câu văn, không có tài liệu gì khác chứng dẫn, chúng ta không thể biết được nó xuất hiện vào thời nào nhất định.

Sau đây là một số câu ca dao nữa, mà theo nhận xét của chúng tôi, những người trong tầng lớp nho sĩ nước ta thời phong kiến đã gán ghép vào các sự kiện lịch sử, chứ thực chất nó không phải là những câu ca dao lịch sử. Thí dụ, hai câu sau này:

Thương chồng nên phải gắng công,

Nào ai xương sắt, da đồng chi đây?

Hai câu trên đây chỉ là lời người phụ nữ nói về sự vất vả, sự cố gắng của mình, để giúp chồng, nuôi con, nhưng Nguyễn Văn Mại, tác giả cuốn *Việt Nam phong sử*, lại gán ghép vào một sự kiện lịch sử. Ông viết: “Trưng Vương là đàn bà, vì chồng báo thù, đánh đuổi Tô Định, thực là gan vàng dạ sắt”. Nhận định như vậy không những sai mà còn hạ thấp cuộc khởi nghĩa của Bà Trưng. Bà trả thù nhà, nhưng còn đền nợ nước nữa.

Giải nghĩa câu:

Hoa thơm, thơm lạ thơm lòng,

Thơm cảnh thơm rể, người trồng cũng thơm.

Soạn giả *Việt Nam phong sử* cũng viết: “Vua Lý Huệ Tông thấy con gái người thuyền chài họ Trần có sắc đẹp mà lấy, rồi cả họ Trần đều được vinh hiển. Đó là chỉ vua Lý Huệ Tông say đắm sắc hoa”. Hai câu trên đây chỉ là câu nói của chàng trai với một cô gái trồng hoa, nhưng đã bị Nguyễn Văn Mại giải thích một cách xuyên tạc.

Lại câu sau này:

Trống chùa ai đánh thì thùng

Của chung ai khéo vầy vùng thành riêng.

Người ta cho là nó chỉ vào thời sau khi Ngô Quyền chết, mười hai sứ quân nổi lên và mỗi người cát cứ một phương. Nhưng thật ra hai câu trên này rất có thể là lời nói của nhân dân ám chỉ vào những việc chiếm đoạt ruộng đất do bọn cường hào cùng nhau quyết định ở chốn đình trung trong thời phong kiến.

Câu:

Con cóc nằm góc bờ ao,

Lăm le lại muốn đớp sao trên trời.

Theo ý chúng tôi chỉ là lời chế giễu những người đang ở một cương vị nhỏ mà muốn làm lớn (lời chế giễu có tính chất lạc hậu, an phận thủ thường), nhưng người ta lại cho là hai câu trên này đã ám chỉ vào Đỗ Thích, một tên quan lại tham tàn, đêm nằm mơ thấy sao rơi vào miệng tưởng là

điềm mình sắp làm vua, nên đã thừa lúc hai cha con Đinh Bộ Lĩnh ngủ, lên vào và đâm chết, rồi sau chính Đỗ Thích cũng bị bắt và bị giết.

Câu:

Nước lã mà vã nên hồ,

Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.

Chẳng qua cũng chỉ là hai câu ca dao chỉ vào những người tay trắng làm nên, nhưng người ta cũng đã gán ghép vào Lê Hoàn: do sự lựa chọn của Dương Thái hậu, nên Hoàn đã từ chức Thập đạo tướng quân mà lên ngôi vua thay thế Đinh Tuệ còn nhỏ tuổi, giữa lúc trong nước có nhiều biến cố.

Còn câu:

Dù ai sang cả mặc ai

Thân này nước chảy hoa trôi sá gì!

rất có thể là lời nói của một phụ nữ trách chồng ở bạc, hàn vi thì có nhau, đến khi phú quý thì lìa nhau. Trái lại, người ta cũng cho nó một nội dung lịch sử, bảo nó đã phản ánh việc Lý Thái Tông (1044) sau khi đã giết Xạ Đẩu, thắng Chiêm Thành, tiến vào thành Phật Thệ, bắt vương phi là Mị Ê cùng các cung nữ đem về. Đến sông Lý Nhân, Lý Thái Tông sai gọi Mị Ê sang thuyền mình, Mị Ê liền quấn chấn vào mình, nhảy xuống sông tự tử.

Có nhiều câu ca dao chỉ có ý nghĩa về những việc thông thường ở đời, người ta đã đi gán ghép ý nghĩa lịch sử vào. Theo ý chúng tôi, có một số câu phải do những người trong tầng lớp nho sĩ sáng tác, vì những câu ấy không những dựa vào điển tích rút ở văn học cổ điển, ở lịch sử, mà còn thể

hiện những ý thức tư tưởng phong kiến rõ rệt, ở những nhận xét về nhân vật cũng như về sự kiện lịch sử.

Về điển tích, như rút ở sử sách cũ, thì tiêu biểu nhất là hai câu này:

Ta trong hột khế ta ra,

Mình còn cạnh khế, chi ta hời mình!

Hai câu này đã theo câu: “Thực ngũ liên quả, nhi đắc lý hạch” trong *Đại Việt sử ký*, nói về Lê Ngọa Triều ăn khế, thấy có một hột mặn trong quả khế, liền giết hết họ Lý, nhưng lại bỏ sót Lý Công Uẩn. Những câu như thế, chúng ta có thể ước đoán là không phải do nhân dân sáng tác.

Còn một số câu ca dao khác nữa, người ta cũng ghép vào “ca dao lịch sử”, thí dụ hai câu:

Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,

Đã vo nước đục, lại vắn than rơm?

Người ta bảo đó là nói việc vua nhà Trần khi thấy vua Chiêm Thành chết, liền sai Trần Khắc Chung vào đón công chúa Huyền Trân về; trong khi đi đường Khắc Chung và Huyền Trân lại cùng nhau dan díu.

Hay việc Trần Cảnh lấy Lý Chiêu Hoàng, phong là Chiêu Thánh hoàng hậu rồi ít lâu sau lại giáng làm công chúa và gả cho Lê Phụ Trần; người ta bảo việc ấy đã được nói lên ở hai câu ca dao sau này:

Trách người quân tử bạc tình,

Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao!

Theo ý chúng tôi, những câu ca dao giản dị trên đây chỉ là những câu do nhân dân sáng tác để tả những cuộc tình duyên trắc trở chung cho nhiều người, rồi đã có những người trí thức thời xưa đem những sự việc lịch sử gán ghép vào và giải thích theo ý kiến riêng của mình.

Tuy vậy, cũng đã có những câu ca dao nói lên những sự việc lịch sử hãn hoi, thí dụ bài sau này nói lên sự phẫn khởi, hăng hái, lòng yêu nước của nhân dân trong khi bà Triệu khởi binh chống quân Ngô xâm lược:

Ru con, con ngủ cho lành,

Cho mẹ gánh nước, rửa bành con voi.

Muốn coi lên núi mà coi,

Coi bà Triệu tướng cưỡi voi đánh công.

Túi gấm cho lẫn túi hồng,

Têm trầu cánh kiến [\[11\]](#) cho chồng đi quân.

Lại có những câu nói lên lòng hăng hái thi đua giết giặc của binh sĩ ta ở trận Bạch Đằng thời xưa (không rõ là trận Bạch Đằng thời Ngô Quyền hay thời Trần):

Đánh giặc thì đánh giữa sông,

Chớ đánh trong cạn, phải chông mà chìm.

Rồi vào thời quân phong kiến nhà Minh xâm chiếm nước ta, kéo vào đóng ở Đông Đô, sau khi chúng đã chiêu tập nhân dân phiêu tán hồi cư, có nhiều người trai tráng bị quân giặc đem hoạn [\[12\]](#). Trong thời gian chiếm

đóng, chúng lại vơ vét hết của cải và súc vật chăn nuôi của nhân dân. Mãi sau khi đất nước ta được giải phóng (thời Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông), nhiều người mới lại sinh con đẻ cái và chăn nuôi được nhiều súc vật. Bởi vậy đã có những câu ca dao sau này nói về thời ấy:

Đời vua Thái Tổ, Thái Tông,

Con bẽ, con dắt, con bông, con mang.

Bò đen húc lẫn bò vàng,

Hai con húc chắc, đâm quàng xuống sông.

Thằng bé chạy về báo ông:

“Bò đen ta ngã xuống sông mất rồi!”.

Đến thời Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc để tiêu diệt quân xâm lược nhà Thanh, thì nhân dân đều vùng dậy theo chúa Tây Sơn:

Thùng thùng trống đánh quân sang,

Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đàng.

Qua Chiêng thì rẽ về Giàng,

Qua quán Đông Thổ vào làng Đình Hương

Anh đi theo chúa Tây Sơn,

Em về cày cuốc mà thương mẹ già.

Sau khi Nguyễn Huệ chết, nhà Tây Sơn mỗi ngày một đi sâu vào những vết cũ của phong kiến, cho đến gần cuối đời Tây Sơn thì những việc bán quan mua tước rất mạnh, cho nên vào thời đó, đã có những câu:

Đô đốc, tam thiên đô đốc;

Chỉ huy, bát vạn chỉ huy;

Trung úy, vệ úy chẳng kể làm chi;

Cai đội, phó đội, lấy tàu mà chở.

Mười quan thì đặt tước hầu,

Năm quan tước bá, ai hầu kém ai!

Vào thời Nguyễn Gia Long và thời sau, có những việc cưỡng ép di dân, những việc phản bội của vua nhà Nguyễn đưa Tây (thực dân Pháp) vào đánh Tây Sơn, gây mầm mống cho việc mất nước sau này, nên ca dao ta đã có những câu:

Phá đền rồi lại làm đền,

Nào ai cướp nước tranh quyền chi ai?

Rồng châu ngoài Huế, ngựa tể Đồng Nai,

Nước sông trong sao lại chảy hoài!

Thương người xa xứ, lạc loài tới đây...

và những câu:

Gáo vàng đem múc giếng Tây,

Khôn ngoan cho lắm, tớ thầy người ta!

Về những câu “ca dao lịch sử” trên đây, chúng tôi thấy nó có nói lên được một vài khía cạnh của những việc xảy ra vào những thời gian nhất định trong lịch sử, nhưng nó xuất hiện vào thời nào, chúng ta cũng vẫn không thể biết được, vì rất có thể các tác giả thời sau, trong nhân dân hay thuộc tầng lớp nho sĩ, vẫn có thể diễn tả một sự việc lịch sử một cách linh hoạt, như vẽ ra trước mắt, mà dùng những câu như: “Ru con, con ngủ cho lành, cho mẹ gánh nước...” và “Bò đen húc lẫn bò vàng...”, v.v...

Như vậy, việc đặt tục ngữ, ca dao của ta vào từng thời kỳ lịch sử là một việc mà chúng ta chưa làm được. Theo ý kiến chúng tôi, ngay những “ca dao lịch sử” thực sự cũng chưa rõ nó xuất hiện vào thời nào.

Hiện thời chúng ta có thể sắp xếp những câu tục ngữ, ca dao đã ra đời trước thời Pháp thống trị (tức cổ đại), những câu đã ra đời trong thời Pháp – Nhật thuộc (tức cận đại), những câu xuất hiện từ thời Cách mạng tháng Tám trở lại đây (tức hiện đại và đương đại). Phân định những thời gian dài như vậy, chúng tôi nhận thấy chúng ta có thể làm được trong một chừng mực nhất định; và đó có lẽ cũng sẽ là việc phân kỳ trong công trình biên soạn văn học dân gian Việt Nam sau này.

[10] Liu điu là một loại rắn thần lẩn có bốn chân, tuy hơi giống rồng (rồng cũng có bốn chân theo truyền thuyết và các bức họa cổ) nhưng liu điu lại là giống rắn bé tí và nhát gan đệ nhất, hơi có tiếng động là chạy. Lê Quý Đôn đã có câu thơ “Chẳng phải liu điu cũng giống nhà...” - Thơ “Rắn đầu”.

[11] Có bản chép là: cánh quế.

[12] Theo Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 8, tờ 54.

4. THỂ NÀO LÀ TỤC NGŨ, THÀNH NGŨ, CA DAO VÀ DÂN CA?

a. Tục ngữ và thành ngữ

Trước Cách mạng tháng tám, những sách sưu tập tục ngữ, ca dao đều xếp lẫn lộn *tục ngữ* và *thành ngữ*.

Trong quyển *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm, *tục ngữ* và *thành ngữ* được định nghĩa như sau: “Một câu tục ngữ tự nó phải có một ý nghĩa đầy đủ, hoặc khuyên răn, hoặc chỉ bảo điều gì; còn thành ngữ chỉ là những lời nói có sẵn để ta tiện dùng mà diễn một ý gì hoặc tả một trạng thái cho có màu mè”^[13].

Định nghĩa như vậy không được rõ, vì nếu thế, tác dụng của thành ngữ cũng không khác gì tác dụng của tục ngữ. Muốn diễn một ý hay tả một trạng thái gì cho có màu mè, người ta cũng thường dùng tục ngữ, vì tục ngữ là những câu đúc kết kinh nghiệm của nhiều người, nó có ý nghĩa vững chắc. Cần phải căn cứ vào nội dung, mới có thể phân biệt câu nào là *tục ngữ* và câu nào là *thành ngữ*.

Tục ngữ là một câu tự nó diễn trọn vẹn một ý, một nhận xét, một kinh nghiệm, một luân lý, một công lý, có khi là một sự phê phán. Còn *thành ngữ* là một phần câu sẵn có, nó là một bộ phận của câu mà nhiều người vẫn quen dùng, nhưng tự riêng nó không diễn được một ý trọn vẹn. Về hình thức ngữ pháp, mỗi thành ngữ chỉ là một nhóm từ, chưa phải một câu hoàn chỉnh; còn tục ngữ dù ngắn đến đâu cũng đã là một câu hoàn chỉnh. Nói

một cách khác, tục ngữ là một thể loại sáng tác ngang hàng với các thể loại ca dao, dân ca, tuy tác dụng của nó có khác, còn thành ngữ là một cụm từ trơn tru, quen thuộc, được dùng trong câu nói thông thường cũng như được dùng trong tục ngữ, ca dao, dân ca. Nếu kể cấp bậc thì thành ngữ ngang hàng với từ, thành ngữ là anh, từ đơn độc là em, vì thành ngữ, qua thời gian, đã được tập hợp một cách găn bó thành cụm. Thí dụ: “Áo rách, quần manh”, “Ăn trắng, mặc trơn”, “Ăn trên, ngồi trốc”, “Dốt đặc cán mai”, “Cá bể, chim ngàn”, “Bụng đói, cật rét”, đều là thành ngữ. Còn “Chó cắn áo rách”, “Bệnh quý, thuốc tiên”, “Người chữa, cửa mả” đều là tục ngữ. Thành ngữ có ý nghĩa không những về một chiều, về một mặt, nói lên một tình trạng nhưng lại không kết thúc. Câu thành ngữ “Áo rách, quần manh” chỉ nói lên hai hình tượng đều biểu hiện cái nghèo, nhưng ai nghèo, nghèo làm sao, thì không được rõ. Câu “Bụng đói, cật rét” cũng vậy. Còn câu tục ngữ “Chó cắn áo rách” thì có nghĩa trọn vẹn, nó phản ánh một hiện thực là con chó hề thấy người ăn mặc rách rưới thì thường sủa hay xông ra cắn, mặt khác câu tục ngữ còn miêu tả cái cảnh nghèo lại thường hay gặp nhiều cái không may. Câu tục ngữ “Người chữa, cửa mả” cũng diễn tả một ý trọn vẹn, nói lên một nhận xét, một kinh nghiệm: người có mang nếu không giữ gìn cẩn thận thì dễ gặp nguy hiểm, có thể thiệt mạng như chơi (dẫn tới cửa mả).

Hầu hết những câu thành ngữ, tục ngữ đều do nhân dân sáng tác, nhưng cũng có một số ít câu rút ở những thi phẩm đã được phổ biến sâu rộng trong dân gian và cũng có những câu rút ở ca dao, dân ca ra. Có người gọi tục ngữ là *ngạn ngữ*, nghĩa là lời nói đã được lưu hành từ xưa (chữ *ngạn* có nghĩa là lời nói của người xưa). Như vậy, tục ngữ đã được cấu tạo trên cơ sở những kinh nghiệm về sinh hoạt, về sản xuất trong lâu đời. Nó là những câu đúc kết những nhận xét đã được nhiều người thừa nhận, để hướng dẫn con người ta trong sự nhìn nhận mọi khía cạnh của cuộc đời. Tóm lại, tục ngữ là

những câu thông tục, thiên về diễn ý, đúc kết một số ý kiến dựa theo kinh nghiệm, dựa theo luân lý và công lý để nhận xét về con người và xã hội, hay dựa theo tri thức để nhận xét về con người và vũ trụ. Trong tục ngữ có cả thành ngữ. Thí dụ: *Chồng yêu, xỏ chân lỗ mũi*, thì “*xỏ chân lỗ mũi*” là thành ngữ.

Gần đây, trong *Tục ngữ Việt Nam*^[14], nhóm Chu Xuân Diên nhận xét sự khác nhau giữa *tục ngữ* và *thành ngữ* như sau: “Cần phải xét thành ngữ và tục ngữ không phải chỉ như là hai hiện tượng ngôn ngữ và một hiện tượng ý thức xã hội. Cho nên, tiêu chí gốc mà chúng tôi thấy cần phải dựa vào để tìm ra sự phân biệt giữa thành ngữ và tục ngữ là tiêu chí về *nhận thức luận*. Với tiêu chí đó, chúng ta xem xét tục ngữ chủ yếu như là một hiện tượng ngôn ngữ. Cùng với tiêu chí đó, sự khác nhau cơ bản về nội dung của thành ngữ và tục ngữ sẽ được phát hiện như là sự khác nhau về nội dung của *hai hình thức tư duy* khác nhau, là khái niệm và phán đoán” (trang 27 và 28). Rồi ở trang 70, các tác giả lại viết thêm: “Xét nội dung và cách diễn đạt của những câu mà ta vẫn thường gọi là thành ngữ và tục ngữ, thì thấy: 1) Nội dung của thành ngữ là nội dung của những khái niệm. Còn nội dung của tục ngữ là nội dung của những phán đoán; 2) Quan hệ giữa thành ngữ và tục ngữ phản ánh quan hệ giữa các hình thức khái niệm và phán đoán”.

Về những nhận định trên đây của nhóm Chu Xuân Diên, chúng tôi thấy về ý nghĩa và nội dung, cũng không khác những nhận định của chúng tôi về thành ngữ và tục ngữ, nhưng các tác giả *Tục ngữ Việt Nam* đã muốn trừu tượng hóa vấn đề, khái quát hóa hơn nữa.

Văn học nghệ thuật nói chung đều là những hiện tượng ý thức xã hội, tất nhiên văn học dân gian cũng là một hiện tượng ý thức xã hội và *tục ngữ*

(một trong nhiều thể loại của văn học dân gian) cũng là một hiện tượng ý thức xã hội.

b. Ca dao và dân ca

Đứng về mặt khoa học mà nhận định, khi chúng ta đã tước bỏ những tiếng đệm, những tiếng láy, những câu láy ở một bài dân ca thì chúng ta thấy bài dân ca ấy chẳng khác nào một bài ca dao. Do đó, người ta có thể nói: giữa ca dao và dân ca, ranh giới không rõ.

Ca dao vốn là một thuật ngữ Hán Việt. Về điểm này trong *Văn học dân gian*, tập II (Lịch sử văn học Việt Nam)^[15], Đinh Gia Khánh có chú thích như sau: “Trong *Kinh thi*, phần *Nguy phong*, bài *Viên hữu đào* có câu: “Tâm chi ưu hĩ, ngã ca thả dao” (Lòng ta buồn, ta ca và dao). Sách *Mao truyện* viết: “Khúc hợp nhạc viết ca, đô ca viết dao” (Khúc hát có nhạc đệm theo lời gọi là ca, còn hát trơn thì gọi là dao). Trong sách *Cổ dao ngâm*, bài *Phàm lệ* lại phân biệt thêm: “Ca và dao khác nhau ở chỗ dao có thể là lời của nhiều bài ca...”^[16].

Thời trước người ta còn gọi ca dao là *phong dao* vì có những bài ca dao phản ánh phong tục của mỗi địa phương, mỗi thời đại. Từ *ca dao* chúng ta quen dùng từ lâu và chúng ta đã không nhận định thể loại này theo những nghĩa khác nhau như trong các sách trên đây của Trung Quốc. Vậy thực tế Việt Nam cho phép chúng ta phân biệt *ca dao* và *dân ca* như thế nào?

Theo ý kiến tôi, ca dao của chúng ta có những câu bốn chữ, năm chữ, sáu tám hay hai bảy sáu tám, đều có thể *ngâm được nguyên câu*, không cần tiếng đệm như người ta ngâm thơ vậy. Còn dùng một bài ca dao để hát thì bài ca dao sẽ biến thành dân ca, vì *hát yêu cầu phải có khúc điệu và như vậy*

phải có thêm tiếng đệm. Đơn giản nhất như hát trống quân cũng phải có thêm tiếng đệm lót (*thời*) vào mới hát lên được.

Ví dụ:

Một đàn cò trắng (thời) bay tung

Bên nam (thời) bên nữ ta cùng hát lên!

Vậy *ca dao* là một loại thơ dân gian có thể ngâm được như các loại thơ khác và có thể xây dựng thành các điệu *dân ca*.

Còn *dân ca* là câu hát đã thành khúc điệu. *Dân ca* là những bài hát có nhạc điệu nhất định, nó ngả về nhạc nhiều ở mặt hình thức, nên ca hát người ta cũng gọi là *thanh nhạc*, nó là nhạc do ở tiếng của con người đưa ra từ cổ họng, cũng như những tiếng thoát ra từ các nhạc cụ gọi là *khí nhạc*, nhờ ở miệng thổi hay tay nhấn của con người. Nếu xét về nguồn gốc phát sinh thì dân ca khác với ca dao ở chỗ được hát lên trong những hoàn cảnh nhất định, trong những nghề nhất định. Dân ca thường mang tính chất địa phương, dù nội dung dân ca có nói về một địa phương nào thì cũng vẫn được phổ biến rộng rãi. Ví dụ bài ca dao:

...Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh...

Hay bài ca dao:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ...

thì nhân dân nhiều nơi đều biết ngâm nga.

Còn dân ca, như hát đò đưa, hát giã gạo, hát phường vải Nghệ Tĩnh, hát xoan Phú Thọ, hát quan họ Bắc Ninh, hò bài chòi ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, hò Bình Trị Thiên, ca lý Nam Bộ, v.v..., thì chỉ nhân dân ở từng địa phương mới ca hát được. Tuy vậy, dù ở thể loại nào cũng có những trường hợp đặc biệt: hát ru em, hát giao duyên, hát trống quân đều là dân ca, nhưng cũng được phổ biến rộng rãi không khác gì ca dao. Hầu hết các loại dân ca đều được xây dựng trên cơ sở những câu ca dao, tục ngữ sẵn có; tùy theo từng loại dân ca, người ta thêm vào những tiếng *đệm lót*, như: *tình bằng, tình tang, ầy mầy*, v.v... những *tiếng đệm nghĩa* như: *ấy ai, em nhớ*, v.v...; những tiếng đệm hơi, như *í ì i, ới a, hi hi*, v.v...; những *tiếng láy* tức những tiếng nhắc đi nhắc lại trong một câu, những *điệp khúc* (nhắc lại cả câu, cả đoạn).

Đặc điểm của những tiếng đệm ấy cấu tạo nên những giai đoạn riêng biệt của từng loại dân ca. Nội dung dân ca cũng như nội dung ca dao, chủ yếu là trữ tình, tức biểu hiện nội tâm của tác giả, cảm xúc của tác giả trước ngoại cảnh. Nhiều bài ca dao vẫn giữ nguyên nội dung, khi xây dựng thành dân ca, người ta chỉ thêm vào những tiếng đệm (đệm lót và đệm nghĩa), tiếng đưa hơi, tiếng láy và điệp khúc; có như vậy mới phổ được vào nhạc.

Thí dụ mấy câu ca dao sau này khích lệ chí làm trai:

Làm trai quyết chí mà tu thân,

Công danh chớ vội, nợ nần chớ lo.

Khi nên, trời giúp công cho,

Làm trai năm liệu bảy lo mới hào.

Khi xây dựng bài ca dao trên này thành dân ca, người ta thêm vào những tiếng đệm, tiếng láy theo yêu cầu của điệu hát. Thí dụ “hát cách” thì bài trên hát như sau:

Quyết chí tu thân ở,

Công danh là danh chớ vội chứ đã nợ nần... mà không lo.

Ở mấy câu trên này, *mà, ở, chứ* đã là những tiếng đệm; *là danh* là tiếng láy.

Hay những câu ca dao sau đây:

Trống cơm khéo vỗ nên vông,

Một bầu con sít lội sông đi tìm.

Thương ai con mắt lim dim,

Một bầu con nhện đi tìm giăng tơ.

Thương ai duyên nợ tang bồng...

Muốn cho bài ca dao trên đây thành khúc điệu của hát quan họ Bắc Ninh, phải thêm vào như sau:

(Tình bằng) có cái *trống cơm*, khen ai *khéo vỗ* (ấy mấy) *vông nên vông* (ấy mấy) *vông nên vông*.

Một bầu, (tang tình) *con sít lội lội lội sông* (ấy mấy) *đi tìm*.

Em nhớ *thương ai*, đôi *con mắt* (ấy mấy) *lim dim...*

Một bày (tang tình) con nhện (í ới a, ấy mầy) giăng tơ, giăng tơ (ấy mầy) đi tìm.

Em nhớ *thương ai*, duyên nợ khách tang bồng...

Ở những câu trên này, *tình bằng, tang tình, ấy mầy* là những tiếng đệm lót; *có cái, khen ai, đôi (đôi con mắt), em nhớ, khách* là những tiếng đệm nghĩa; những tiếng *vông nên vòng, lợi lợi* là tiếng láy; còn *i ới a* là tiếng đưa hơi.

Áp dụng những thủ đoạn nghệ thuật vào những câu ca dao chưa thành khúc điệu là theo yêu cầu của từng loại dân ca. Đó là một lối thiết kế nhạc không thuộc phạm vi văn học, nên ở phần các loại dân ca, chúng tôi chỉ trích tuyển nguyên câu ca và tước bỏ những tiếng đệm, tiếng láy, tiếng đưa hơi và điệp khúc.

Cũng như tục ngữ, ca dao là những bài văn vần do nhân dân sáng tác tập thể, được lưu truyền bằng miệng và được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Nói sáng tác tập thể có nghĩa là có câu, có bài do một người xướng lên, sáng tác lần đầu, hoặc được anh chị em sửa chữa, thêm bớt ngay tại chỗ, hoặc truyền miệng ngay, rồi những người khác sửa chữa thêm bớt, có khi từ địa phương này sang địa phương khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác, câu tục ngữ, câu ca dao vẫn được sửa chữa cho đến khi hoàn chỉnh về cả lời lẫn ý.

Trong “Lời nói đầu” quyển *Sáng tác thơ ca dân gian Nga*, Bô-ga-tư-ri-ép, nhà nghiên cứu văn học Liên Xô, đã nhận định như sau: “Các tác phẩm văn học dân gian thường tồn tại rất lâu, được truyền tụng từ miệng người này sang miệng người khác, thường xuyên được nhiều thế hệ xây dựng, bồi đắp... Trong khi tác phẩm văn học thành văn về căn bản không có gì biến

đổi sau khi tách khỏi ngòi bút của nhà văn, thì các tác phẩm thơ ca dân gian được truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác, thường xuyên được sửa chữa để phản ánh những sự đổi thay đang diễn ra trong tư tưởng của quần chúng nhân dân và theo những quy tắc thẩm mỹ của họ”.

Trong số những tính chất chung của văn học dân gian (trong đó có tục ngữ, ca dao và dân ca) như tính nhân dân, tính hiện thực, tính lãng mạn, tính phổ biến rộng rãi, tính khuyết danh, tính truyền miệng, tính tập thể, v.v... thì *tính tập thể* là tính chất cơ bản nhất làm cho văn học dân gian khác với những văn học có tác giả. Chỉ riêng văn học dân gian, từ khi xã hội chưa có giai cấp cho đến ngày nay, đều là những sáng tác tập thể, đều là những sáng tác được sửa chữa từ vùng này sang vùng khác trong một xứ, từ nước này sang nước khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác, cho đến khi thật hoàn chỉnh.

Tính truyền miệng cũng là một đặc tính quan trọng, nhưng quần chúng nhân dân ngày một có học, trình độ văn hóa của họ ngày một cao, nên trong số những sáng tác tập thể của nhân dân cũng có phần được ghi chép rồi mới truyền đi, không còn như khi toàn dân mù chữ, tính truyền miệng của sáng tác dân gian được coi như một hình thức truyền bá duy nhất.

Trong quyển *Những vấn đề lý luận và lịch sử sáng tác dân gian*^[17], V.Chi-chê-rôp, một nhà lý luận văn học Liên Xô, đã viết: “Trong thời đại chúng ta, thơ ca dân gian tồn tại dưới hình thức truyền miệng và cả dưới hình thức thành văn. Điều đó hoàn toàn phù hợp với quy luật; nó phản ánh quá trình hoàn mỹ của nền văn học nghệ thuật của quần chúng nhân dân”.

^[13] Việt Nam văn học sử yếu (in lần thứ hai, tại Hà Nội, năm 1951), tr.15.

[14] Tục ngữ Việt Nam, Chu Xuân Diên, Lương Văn Đang và Phương Tri biên soạn, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975.

[15] Văn học dân gian – tập II (Lịch sử văn học Việt Nam), Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1973.

[16] Xem Trung Quốc ca dao của Chu Tự Thanh (bản dịch của Đinh Gia Khánh – tài liệu đánh máy).

[17] NXB Nhà văn Xô - viết, Mạc - Tư - Khoa, 1957.

5. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỦA TỤC NGŨ, CA DAO

a. Nội dung của tục ngữ

Quá trình lao động là quá trình phát triển khoa học và nghệ thuật. Trong lao động, lý trí của con người phát triển, cảm quan thẩm mỹ được tôi luyện; những sáng tác dân gian truyền miệng sản sinh trên cơ sở của lao động sản xuất. Lao động nhằm biến thiên nhiên phục vụ cho mình, nên con người phải có những hiểu biết tối thiểu về quy luật của thiên nhiên. Thời xưa, tuy chưa có khoa học, nhưng bằng kinh nghiệm, tổ tiên chúng ta cũng nắm được trong một chừng mực nhất định quy luật của thiên nhiên. Những kinh nghiệm ấy thông qua tập thể, được đúc bằng những câu xuôi tai hoặc vần về và được phổ biến trong dân gian. Đó là những câu tục ngữ về thời tiết, về cày cấy, về trồng trọt, về chăn nuôi. Trong quan hệ xã hội, giữa người với người, xuất hiện những câu tục ngữ rút ở sinh hoạt, có tính chất nhận xét, giải thích, khuyên răn, theo một luân lý và một thế giới quan nhất định.

Trong những việc đối nhân xử thế, người trí thức thời xưa thường viện những lời lẽ thánh hiền để bênh vực ý kiến của mình: trong trường hợp ấy, người nông dân không sách vở, họ chỉ kể ra một câu tục ngữ xen vào câu chuyện là người nghe đồng ý, vì tục ngữ là ý kiến tập thể chung đúc lại. Tục ngữ được cấu tạo trên cơ sở thực tế, do lý trí nhiều hơn là do cảm xúc, tư tưởng biểu hiện trong tục ngữ là tư tưởng đanh thép, sắc bén, rút từ cuộc đời. Ở tục ngữ, tính chất phản phong là tính chất mạnh hơn cả. Tục ngữ còn là những câu theo thói quen mà nói, nó là những câu thông tục. Tóm lại, về

nội dung thì tục ngữ là những sự nhận định sau kinh nghiệm của con người về lao động, về sản xuất, về cuộc sống trong gia đình, cuộc sống trong xã hội. Nội dung ấy vừa phong phú, vừa vững chắc, vì nó đã được đúc kết qua nhiều thế hệ.

Như về khí tượng (sau dùng theo nghĩa bóng, rộng hơn ra) có những câu:

Quá mùa ra mưa.

Sương sa, hoa nở.

Đông sao thì nắng, vắng sao thì mưa, v.v...

Về việc đời có những câu:

Vỏ quýt dày, móng tay nhọn.

Cái sảy nảy cái ung.

Công rắn cắn gà nhà, v.v...

Về lao động sản xuất, có những câu:

Một lượt tát, một bát cơm.

Lúa đẻ là mẹ lúa chiêm.

Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa, v.v...

Những nhận xét, những kinh nghiệm trên này cũng không thể một ngày mà có; phải sau một thời gian nào đó mới ổn định thành một thứ phương châm. Có những câu tục ngữ chỉ có ý nghĩa ở một địa phương, nhưng lại có những câu được truyền rộng với đường giao thông phát triển, nên nó được

sự sửa chữa của nhiều người, trở nên những câu giáo huấn, chỉ đạo cho người đời. Đó là đặc điểm của tục ngữ, nội dung của nó khác với ca dao và dân ca, hầu hết đều là những bài do cảm xúc mà có.

b. Hình thức của tục ngữ

Tục ngữ là những câu đã được nhiều người sửa chữa, truyền đi nhiều địa phương và chọn lọc qua nhiều thế hệ, nên mới đầu nó có thể chỉ là những câu xuôi tai, hợp lý, sau mới trở nên những câu gọn gàng, cân đối hay vần vè. Trong số những câu tục ngữ, vẫn còn những câu xuôi tai, thí dụ:

Làm phúc phải tội.

Đói thì đầu gối phải bò.

Gà què ăn quần cối xay.

Hay câu:

Có ở trong chăn, mới biết chăn có rận.

Lại có những câu vừa vần vè, vừa cân đối, như câu:

Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm.

Tục ngữ không nhất thiết vần vè. Có một số câu không vần và cũng không cân đối như:

Ba bè, bảy bối,

Cả vốn, lớn lãi.

Có tiếng không có miếng, v.v...

Lại có những câu tuy không vần về, nhưng hai vế ở mỗi câu rất đối nhau, như:

No nên bụt, đối ra ma.

Nhưng ở tục ngữ, những câu không vần về là số ít; hầu hết tục ngữ đều có vần, và vần rất phong phú. Ở những câu tục ngữ ngắn, vần thường là *vần lưng*, nghĩa là vần ở giữa câu. Như những câu bốn chữ:

Bút sa, gà chết.

Có tật, giật mình.

Những câu năm chữ:

Cơm treo, mèο nhịn đối.

Việc bé, xé ra to.

Những câu sáu chữ:

Ăn lấy đặc, mặc lấy bền.

Một câu nhịn, chín câu lành.

Đó là những câu *vần lưng* và *vần sát*, nghĩa là vần kề liền nhau như: *sa, gà, tật, giật, treo, mèο, đặc, mặc*, v.v... Còn có những câu *vần lưng* nhưng là vần cách:

Cách một chữ, như: *May tay, hơn hay thuốc. Khỏi lỗ thì vỗ về. Đi chợ ăn quà, về nhà đánh con*; v.v...

Cách hai chữ, như: *Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão; Gà cựa dài thịt rắn, gà cựa ngắn thịt mềm; v.v...*

Cách ba chữ, như:

Càng thăm thì lại mau phai

Thoang thoang hoa nhài càng được thơm lâu

Và câu:

Có cây mới có dây leo,

Có cột, có kèo, mới có đòn tay.

Những câu lục bát trên đây, người ta thường gọi là “lục bát biến thể”.

Đến lối gieo vần cách năm chữ thì tiến đến thể lục bát thông thường. Thí dụ câu sau đây:

Cá tươi thì xem lấy mang

Người khôn xem lấy đôi hàng tóc mai.

Có nhiều câu ca dao thể lục bát cũng gieo vần như trên. Căn cứ vào cách gieo vần của tục ngữ, ca dao, từ vần sát, đến vần cách một, cách hai, cách ba, cách năm chữ, chúng ta thấy xuất hiện thể lục bát, nên có thể nói: *thể lục bát đã xuất hiện trước nhất ở văn học dân gian, cụ thể là ở tục ngữ và ca dao*, vì ở văn học thành văn hay văn học bác học của ta, văn vần đã dựa quá nhiều vào các thể loại Trung Quốc theo đường lối thi cử do các triều vua quy định và đã không có những lối gieo vần từ sát đến cách như chúng tôi đã trình bày ở trên.

Khi phân đoạn thành những câu riêng rẽ, người ta thấy vần ở tục ngữ rất phong phú, có khi vần ở chữ đầu câu dưới, vần ở chữ thứ hai câu dưới, ở chữ thứ ba câu dưới, v.v... Nhưng thật ra cũng chỉ là những *vần sát*, *vần cách* như chúng tôi đã kể trên.

Vần ở đầu câu, như:

Khôn cho người ta rái,

Dại cho người ta thương;

Dở dở ương ương,

Chỉ tổ cho người ta ghét.

Vần ở chữ thứ hai câu, như:

Cơn đặng đông,

Vừa trông vừa chạy;

Cơn đặng tây,

Vừa cày vừa ăn.

Lỗi gieo vần ở tục ngữ đã làm khuôn mẫu cho nhiều thể thơ. Như trong truyện *Phật bà Quan Âm*, có những câu gieo vần ở chữ thứ tư câu dưới (lục bát biến thể như đã nói ở trên):

Này truyện con vua Thủy thần,

Thái tử đi tuần, đội lột lý ngư.

Cả những lối đối chữ, đối nghĩa, tục ngữ cung cấp cho các nhà thơ những hình thức phong phú có thể làm cho nội dung câu thơ nổi hơn hết.

Như vậy, thể thơ lục bát và song thất lục bát của ta bắt nguồn từ lối gieo vần của tục ngữ, ca dao.

Nhịp bình thường của câu thơ là nhịp đôi, câu sáu có ba nhịp, câu tám có bốn nhịp. Đôi khi câu sáu gồm hai nhịp ba và câu tám gồm hai nhịp ba, một nhịp hai.

Trong mỗi câu, cứ chữ cuối của nhịp trước là bằng thì chữ cuối của nhịp sau là trắc và ngược lại. Các chữ cuối nhịp phải lần lượt *bằng, trắc* xen nhau. Riêng chữ thứ sáu và chữ thứ tám trong câu tám *tuy đều là bằng, nhưng không được cùng một thanh*. Nếu chữ này là “phù bình thanh” thì chữ kia phải là “trầm bình thanh”, hoặc trái lại.

Xét về cả hai mặt nội dung và hình thức, tục ngữ là một loại văn học dân gian đã phát triển trước ca dao. Vì những lý do sau đây: tục ngữ là những câu ngắn, có câu chỉ là một lời nói xuôi tai, không vần vè, nhiều câu có thể xuất hiện vào thời tiếng nói của ta chưa phát triển mấy. Còn ca dao, ngay ở những bài được coi là cổ, như bài: “Tay cầm con dao, làm sao cho sắc...”, nhạc điệu cũng đã rất phong phú và lời cũng rất chắc, biểu hiện những hình ảnh diễn biến, tiến lên từng cung bậc một, theo cử chỉ, hành động của người hái củi, đủ tả hết tình ý của anh ta trong lúc “một mình thui thủi” ở rừng sâu. Về mặt khác, ca dao thiên về tình cảm, biểu lộ tính tình của con người về muôn mặt, nên chỉ có thể phát triển vào thời mà đời sống xã hội đã phức tạp.

Tóm lại, khi nói: “tục ngữ ca dao có thể xuất hiện cùng với thần thoại và truyền thuyết” là nói những tục ngữ ca dao còn thô sơ, cũng như người ta

nói: “tiếng hát xuất hiện trong lao động sau khi loài người có tiếng nói” thì tiếng hát ấy cũng không phải như tiếng hát của chúng ta ngày nay.

c. Nội dung của ca dao

Có thể nói muốn hiểu biết về tình cảm của nhân dân Việt Nam xem đời dào, thấm thiết, sâu sắc đến mức độ nào, rung động nhiều hơn cả về những khía cạnh nào của cuộc đời thì không thể nào không nghiên cứu ca dao Việt Nam mà hiểu biết được. Ca dao Việt Nam là những bài tình tứ, là khuôn thước cho lối thơ trữ tình của ta. Tình yêu của người lao động Việt Nam biểu hiện trong ca dao về nhiều mặt: tình yêu giữa đôi bên trai gái, yêu gia đình, yêu xóm làng, yêu đồng ruộng, yêu đất nước, yêu lao động, yêu giai cấp, yêu thiên nhiên, yêu hòa bình. Không những thế, ca dao còn biểu hiện tư tưởng đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong cuộc sống xã hội, trong những khi tiếp xúc với thiên nhiên và ca dao còn biểu hiện sự trưởng thành của tư tưởng ấy qua các thời kỳ lịch sử.

Như vậy, ngoài sự biểu hiện đời sống tình cảm, đời sống vật chất của con người, ca dao còn phản ánh ý thức lao động, sản xuất của nhân dân Việt Nam và tình hình xã hội thời xưa về các mặt kinh tế và chính trị. Bởi thế, người ta mới nói: nội dung của ca dao *chủ yếu* là trữ tình.

Do ở cảm xúc mà cấu tạo nên lời ca, nên tính tư tưởng của nhân dân Việt Nam biểu lộ ở ca dao không những làm cho người ta thông cảm tình yêu thấm thiết mặn nồng của họ, mà còn cho người ta thấy phẩm chất của họ trong các cuộc đấu tranh thiên nhiên, đấu tranh xã hội. Họ đã vất vả như thế nào trong khi thu được thắng lợi, họ đã căm hờn những kẻ áp bức bóc lột mình và đã bền bỉ đấu tranh chống những kẻ ấy như thế nào, họ đã chống những sự ngang trái ở đời như thế nào, đã vươn lên không ngừng như thế

nào để giành lấy hạnh phúc. Tìm hiểu được những điều đó, chúng ta sẽ thấy được tính chiến đấu, tính phản phong, tính nhân đạo chủ nghĩa của ca dao.

• *Tình yêu của nhân dân Việt Nam trong ca dao*

Giai cấp phong kiến thống trị Việt Nam dùng triết lý Khổng Mạnh, lấy luân lý Khổng Mạnh làm những sợi dây tinh thần để trói con người ta về tình cảm. Đối với thanh niên, luân lý Khổng Mạnh lại càng nghiệt ngã. Tuổi thanh niên là tuổi tha thiết yêu đương, nhưng đối với tình yêu nam nữ, kỷ cương phong kiến rất độc đoán. Việc hôn nhân, việc lập gia đình của thanh niên nam nữ thời xưa đều hoàn toàn do cha mẹ định đoạt. Dưới chế độ phong kiến, quyền của người cha, quyền của người chồng làm cho phụ nữ rất khổ cực. Người phụ nữ không còn biết gì là tự do, họ bị khuôn vào “tứ đức tam tòng”, số phận của họ chẳng khác nào số phận hạt mưa sa.

Thân em như hạt mưa sa,

Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.

Vì số phận do người khác định đoạt, không phải tự ý mình lựa chọn, nên thời xưa đã có trường hợp người con gái không biết mặt người mình lấy, do đó đã có câu ca dao tuy là trào lộng nhưng cũng rất chua xót như sau:

Lấy chồng chẳng biết mặt chồng,

Đêm nằm mơ tưởng, nghĩ ông láng giềng.

Trong giai cấp phong kiến, luân lý Khổng Mạnh rất có lợi cho những kẻ làm cha, làm chồng, làm anh; nhưng đối với nhân dân, quyền lực ác hại của luân lý ấy đã bị đời sống lao động thu hẹp lại rất nhiều. Nông dân phải lao

động sản xuất để sống, và trong lao động, nam nữ thanh niên đã có nhiều dịp tiếp xúc với nhau:

Hôm qua trăng sáng tờ mờ,

Em đi tát nước tình cờ gặp anh.

Cũng không phải cứ “tình cờ” như thế mãi, họ có những “mùa gặp nhau” và họ mong ước chóng đến những mùa sung sướng ấy:

Bao giờ cho đến tháng hai,

Con gái làm cỏ, con trai be bờ.

Kết quả là tình yêu của nam nữ thanh niên ở nông thôn vượt qua được bức tường thành của lễ giáo phong kiến. Giữa vòng vây của thứ lễ giáo nghiệt ngã, người ta thấy vang lên từ sau lũy tre xanh, hoặc giữa cánh đồng bát ngát, những giọng ca trữ tình trong trắng và tươi đẹp như ánh trăng, như dòng suối, như chen lúa đồng đồng. Tình yêu trong ca dao là thứ tình yêu lành mạnh, thắm thiết, hồn nhiên vượt ra ngoài lễ giáo phong kiến, thứ xiềng xích muốn kìm hãm đời đời cho “nam nữ thụ thụ bất thân”.

Có thể nói ca dao đã ghi lại tất cả các chặng đường của tình yêu, các khía cạnh của tình yêu, các trạng thái tình cảm của nam nữ thanh niên với những trắc trở, khó khăn, do đời sống và chế độ phong kiến gây nên. Ca dao trữ tình là một thiên tình ca muôn điệu.

Tình yêu của nam nữ thanh niên ở nông thôn là thứ tình yêu liên quan đến đồng ruộng, đến xóm làng. Như nhớ tình yêu thì nhớ cả quê hương, nhớ cả thức ăn, thức uống ngon lành, nhớ cả những công việc vất vả hằng ngày.

Anh đi anh nhớ quê nhà,

Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.

Nhớ ai dãi nắng dầm sương,

Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao!

Trong cảnh lầm than, tình yêu của nhân dân lao động Việt Nam vẫn thấm thiết, có khi còn thêm gấn bó bằng lời keo sơn, cho nên trong sinh hoạt khó khăn và gian khổ, họ vẫn hăng hái và bền bỉ. Những câu biểu hiện ý chí sắt đá của những người bạn tình có rất nhiều trong ca dao Việt Nam.

Trong tình yêu thấm thiết, thường xảy ra những hờn ghen và giận tui. Những lời dạn dò của họ gần giống như lời thề thốt, đôi bạn tình thường nhắc nhở nhau những cảnh khổ mà họ đã từng qua. Tình yêu ở đây gắn liền với thứ tình cảm xót xa của những người cùng chung cảnh khổ.

Trong ca dao Việt Nam, những bài về tình yêu nam nữ là những bài nhiều hơn cả những nỗi nhớ nhung khi xa cách, những lúc phải tâm sự với thiên nhiên, những nỗi lo lắng trong khi muốn bảo vệ mối tình chung thủy, những đau thương khi xảy ra những cản trở làm cho ước nguyện không thành, rồi đến khi có chồng cũng xảy ra biết bao buồn tui chỉ vì những kỷ cương phong kiến...; tất cả những tình cảm vui buồn ấy, nhân dân Việt Nam đã thổ lộ trong ca dao, làm cho ca dao có tính chất trữ tình sâu sắc.

Nhân dân Việt Nam rất yêu gia đình, chủ yếu là tiểu gia đình, cái tổ ấm cùng nhau chung sống, cho nên đối với xóm làng, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi sinh trưởng, họ rất mến yêu. Sự mến yêu này rất là nồng nhiệt, nó lan đến người làng người nước, đến cảnh ruộng đồng, đến công việc trong xóm, ngoài làng.

Lòng yêu đất nước của nhân dân Việt Nam không thể hiện một cách bóng gió khắp toàn bài ca dao như những thơ văn “thời thế” của những người nho sĩ mà nó hòa với lòng yêu đồng ruộng, cảnh chợ, con đò. Trong tình yêu ấy, nhân dân nói lên những cái đặc biệt, những cái phong phú của từng miền, những cái lớn lao của sông núi, của thác, của rừng, những cái hiểm trở nó làm cho giặc ngoại xâm khiếp sợ. Như ca ngợi cảnh núi rừng hùng vĩ của Điện Biên, ca dao ta có câu:

Đường lên Mường Lễ bao xa?

Trăm bảy mươi thác, trăm ba mươi ghềnh!

hay nói về một vài cảnh miền Bắc Việt Nam:

Nước sông Thao biết bao giờ cạn!

Núi Ba Vì biết vạn nào cây!

Có yêu cảnh thiên nhiên của đất nước với lòng yêu thăm thiết, nhân dân Việt Nam mới thấy một con sông tuy không lớn mà nước chảy tràn trề, dãy núi tuy không cao mà rừng cây thật là rậm rạp. Trên đây là mạn ngược, sau đây là đường trong:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh[\[18\]](#)

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ...

và về đèo Hải Vân:

Hải Vân bát ngát ngàn trùng,

Hòn Hồng ở đấy là trong vịnh Hàn.

Rồi trở về đất Thăng Long, thủ đô Hà Nội ngày nay, với cảnh đẹp của Hồ Tây:

Gió đưa cành trúc la đà,

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương;

Tuyệt mù khói tỏa ngàn sương,

Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

Tình yêu của nhân dân Việt Nam biểu hiện muôn màu muôn vẻ, đối với người cũng như đối với cảnh, đối với đất nước. Tình yêu lao động, yêu hòa bình của nhân dân Việt Nam gắn liền với cuộc sống trong xã hội, nên trong nhiều câu ca dao, họ vừa nói lên ý thức lao động, kinh nghiệm sản xuất và nói cả ít nhiều về tình hình kinh tế và chính trị đương thời.

• *Ý thức lao động và sản xuất của nhân dân Việt Nam trong ca dao và dân ca*

Ca dao và dân ca do nhân dân sáng tác ra không phải chỉ để thỏa mãn những yêu cầu của tình cảm mà còn để thỏa mãn cả nhu cầu lao động. Trong lao động, những câu ca tiếng hát có tác dụng điều chỉnh tiết tấu của động tác, gây phấn khởi, làm cho người ta quên mệt nhọc, làm cho lao động hóa nhẹ nhàng và có nhiều hiệu suất. Thời xưa, ở Hy Lạp có những bài hát thợ dệt, bài hát thợ xây, có những nữ công nhân vừa hát vừa thêu thùa, câu hát chỉ rõ cả số đường kim mũi chỉ. Ta cũng có những bài hát chèo đò, hát giã gạo, chỉ rõ những nhịp hai nhịp ba của động tác. Hò mái nhì, hò mái đẩy là những điệu hò rất du dương, nhưng cũng rất ăn nhịp với động tác của người chèo thuyền.

Theo lịch sử của thơ và nhạc, chúng ta có thể ước đoán ca dao và dân ca là những hình thức đầu tiên của những bài hát thành khúc với những âm thanh tiết tấu nhất định. Câu thơ và câu hát đều có một yếu tố chung là nhịp điệu, mà nhịp điệu đầu tiên chính là nhịp điệu xuất phát từ động tác lao động, từ cảm hứng trong lao động.

Ca dao, như trên đã nói, là những câu đã thành khúc điệu và chưa thành khúc điệu, tức là vừa để hát và vừa để đọc, mà chủ yếu là để hát. Vì thế, ca dao biến thành dân ca tùy từng trường hợp của lao động hay của sinh hoạt, do đó có một số ca dao được sáng tác theo nhu cầu của đời sống lao động, nhằm làm giảm nhẹ lao động và tăng năng suất lao động. Trước khi lao động, trong khi lao động và sau khi lao động, ca dao và dân ca đều được sử dụng với mục đích đó. Ca dao và dân ca của ta thuộc loại này xuất hiện rất sớm và hiện nay còn truyền lại rất nhiều. Đó là những bài nói về những khó khăn trong sản xuất, những hào hứng trong sản xuất, những chương trình, kế hoạch sản xuất, v.v...

Ý thức lao động của người nông dân Việt Nam thể hiện trong ca dao và dân ca không phải chỉ ở mặt tinh thần thực tiễn như trên, không phải chỉ ở chỗ dùng ca dao để phổ biến kinh nghiệm sản xuất, mà ý thức lao động còn biểu hiện trong những ca dao trữ tình, những bài ca ngợi lao động, khích lệ lao động, làm cho con người yêu mến hơn nghề nghiệp của mình, yêu mến ruộng đồng, núi rừng và không ngại những cảnh xuống ghềnh, lên thác.

Tuy công việc nhà nông vất vả, nhưng người nông dân Việt Nam vốn cần cù, nên không những họ không ngại những việc chân lấm tay bùn, mà còn phấn khởi trong những việc ấy. Đã yêu quý lao động, yêu quý nghề nông, nên đối với công cụ sản xuất, đối với con trâu, người nông dân cũng biểu lộ tất cả sự chăm sóc, trù mến của họ. Con trâu là công cụ lao động rất

quan trọng trong công việc đồng áng. Cho nên trâu cũng trở thành “nhân vật” quan trọng trong sinh hoạt ở nông thôn. Tình cảm của người nông dân Việt Nam đối với con trâu thật là thâm thiết:

Trâu ơi ta bảo trâu này,

Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.

Cấy cày vốn nghiệp nông gia,

Ta đây trâu đấy, ai mà quản công...

Lòng yêu quý công cụ, yêu thương loài vật thể hiện trong một chữ “ai”, bình đẳng và thông cảm. Chẳng những đối với con trâu, mà đối với tất cả cái gì đó có quan hệ hay gắn liền với đời sống lao động của người nông dân, họ đều yêu mến đặc biệt.

Giã ớn cái cối, cái chà,

Nửa đêm gà gáy, có mây, có sao.

Giã ớn cái cọc cầu ao,

Nửa đêm gà gáy, có sao, có mây.

Tình cảm đã biến cái cối, cái chà, cái cọc cầu ao thành người, hơn nữa thành người thân, người cùng cảnh ngộ. Ca dao đã biểu hiện một cách trung thành đời sống sản xuất của người lao động ở nông thôn và tư tưởng, tình cảm của họ đối với đời sống ấy.

- *Tính chất nhân đạo chủ nghĩa của ca dao và dân ca*

Trong tình hình xã hội phong kiến thối nát đã có những nhà thơ thuộc giai cấp phong kiến chán ghét cuộc đời; họ cho là con người ta được nhân hạ, thoát ra khỏi được cuộc đời tục tĩu là cao khiết, và như vậy là giữ được phẩm cách con người đạo đức và được hưởng hạnh phúc hoàn toàn. Những nhà thơ ấy có chỗ tiến bộ là họ đã nhìn thấy một phần nào những cái thối nát của bọn thống trị, tức là những kẻ trong giai cấp họ; họ cũng nói lên được ít nhiều điều xấu xa của những kẻ kia trong tác phẩm của họ, họ đã có chí hướng tìm lối thoát khỏi vòng danh lợi phong kiến. Nhưng vì trong khi họ không lao động mà lại hành lạc để mong hưởng hạnh phúc, nên giữa lý tưởng nhân đạo chủ nghĩa của người nho sĩ thời phong kiến với tình hình thực tế của quần chúng nhân dân đương thời, đã có những mâu thuẫn sâu sắc. Người nho sĩ thuộc giai cấp phong kiến cho “tiêu dao ngày tháng” không bận đến việc đời là thanh cao, nhưng đối với người nông dân làm lụng vất vả, thì hạng “người thanh cao” ấy chỉ là những người sống trên lưng những người lao động.

Trái lại, khác hẳn với một số tác phẩm văn học có giá trị nhân đạo chủ nghĩa của một số nho sĩ, ở văn học dân gian Việt Nam nói chung và ở ca dao dân ca nói riêng, hoặc có tính chất đấu tranh xã hội, đều đã toát ra những tư tưởng đấu tranh bảo vệ hạnh phúc cho quần chúng nhân dân, cho tất cả những người bị áp bức, không riêng cho một thiểu số người nào. Do đó, chủ nghĩa nhân đạo thể hiện trong ca dao và dân ca đã gần gũi được một phần nào với chủ nghĩa nhằm giải phóng hàng trăm triệu người lao động khỏi sự thống trị vô lý của một thiểu số.

Trong thời phong kiến, quyền sống của con người luôn luôn bị chà đạp, phụ nữ Việt Nam thời xưa là những người khổ cực nhất, cho nên trong ca dao và dân ca, những tiếng oán ghét, chống đối, hầu hết là tiếng nói của phụ nữ.

d. Hình thức nghệ thuật của ca dao

Ca dao là những bài thường ngắn, hoặc hai, bốn, sáu hay tám câu, âm điệu lưu loát và phong phú. Dưới hình thức truyền miệng, ca dao đã được qua nhiều người, nhiều thế hệ sửa chữa, nhưng nó vẫn giữ được chủ đề tư tưởng và tính chất mộc mạc, không bao giờ cầu kỳ. Ca dao có nhiều thể, mà nhiều hơn cả là thể sáu tám, thể bốn chữ và thể hai bảy sáu tám cũng có, nhưng không nhiều. Đặc điểm của ca dao về phần hình thức là vần vừa sát lại vừa thanh thoát, không gò ép, lại giản dị và rất tươi tắn. Nó có vẻ như lời nói thường mà lại nhẹ nhàng, gọn gàng, chải chuốt, miêu tả được những tình cảm sâu sắc. Ca dao của chúng ta đã lợi dụng rất đúng chỗ những âm thanh, nhạc điệu của tiếng Việt Nam ở những tiếng đơn, tiếng kép, tiếng ghép nên khi tả người, tả việc, tả hình dáng, tả tiếng kêu, tả cảnh rất tài tình. Như tả một cảnh buồn thì:

Sóng sầm sịch lưng chừng ngoài biển bắc,

Hạt mưa tình rỉ rắc chốn hàng hiên...

Mưa đây là mưa ngoài trời và cũng là mưa cả trong lòng những người đang nặng về yêu đương. Những tiếng “sầm sịch”, “rỉ rắc” dùng rất đắt trong lời ca và những tiếng bằng trắc làm nổi lên như một cung đàn.

Khi tả một đôi vợ chồng làm nghề chài lưới yêu nhau, to nhỏ cùng nhau những lời gần bó, những chuyện làm ăn, thì nhịp điệu của câu ca không những ăn khớp với giọng thở than, với tư tưởng đồng lòng hợp sức trong sự vật lộn với thiên nhiên, mà còn đi sát cả với cảnh gió thổi, nước triều lên xuống. Cho nên về mặt tả cảnh, tả tình thì không một hình thức văn chương nào khác ăn đứt được hình thức diễn tả của ca dao. Hãy nghe bài ca dao rất giàu nhạc điệu sau đây:

Chiếc buồm thu nhỏ,

Ngọn gió hiu hiu...

Nay nước thủy triều,

Mai lại nước rười...

Sông sâu, sóng cả, em ơi!

Chờ cho sóng lặng,

Buồm xuôi, ta xuôi cùng.

Trót đa mang vào kiếp bênh bồng,

Xuống ghềnh, lên thác,

Một lòng ta thương nhau...

Về lối dùng chữ, đưa lên những nghĩa bóng, láy đi láy lại từng tiếng một, làm cho người nghe phải thẩm thía về chủ đề, làm nổi lên trọng tâm của bài ca thì ca dao Việt Nam cũng rất tài tình. Như bài ca dao sau này nói về cảnh đèo bồng:

Đầu năm ăn quả thanh yên,

Cuối năm ăn bưởi, cho nên đèo bồng.

Vì cam cho quýt đèo bồng

Vì em nhan sắc cho lòng nhớ thương.

Đến lời đẹp mà giản dị, “toàn bích” không pha phách một chữ Hán nào, không gò ép một tiếng Việt nào, có cái đẹp nồng hậu như cái đẹp của người gái quê, thì ở thể sáu tám, một thể văn chương đặc biệt Việt Nam, ca dao cũng có những câu tuyệt diệu. Thí dụ những câu sau này nói lên mối tình bịn rịn của một cô gái đối với bạn tình của mình:

Gió vàng hiu hắt đêm thanh,

Đường xa, dặm vắng, xin anh đừng về.

Mảnh trăng đã trót lời thề,

Làm chi để gánh nặng nề riêng ai!

Ca dao của ta dùng rất nhiều hình ảnh để nói lên cái đẹp và những đức tốt, hay cũng có khi nói về những cái xấu, nhưng không muốn nói thẳng. Nhờ phương pháp hình tượng hóa, nên lời ca dao Việt Nam tuy trong sáng, giản dị mà rất hàm súc. Thí dụ như người con gái không được chủ động trong việc hôn nhân, tự ví mình với hạt mưa:

Thân em như hạt mưa rào

Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.

Hình ảnh “hạt mưa” vừa nói lên được bản chất trong trắng của người con gái, đồng thời lại nói lên được nỗi lo lắng của cô ta dưới một chế độ mà quyền hành đều ở cha, anh, một chế độ không dung sự luyến ái tự do.

Cũng có khi ca dao đưa ra một hình ảnh được coi như tột độ về so sánh, rồi lại bác đi và đưa cảnh tình lên một mức độ cao hơn. Thí dụ mấy câu sau này:

...Gái không chồng như phản gỗ long đanh,

Phản long đanh, anh còn chữa được;

Gái không chồng chạy ngược chạy xuôi,

Không chồng, khổn lắm, chị em ơi!

“Phản long đanh” đã là quá lắm, nhưng vẫn chữa được. Đến gái không chồng mới thật long đong, chỉ có cách lấy chồng là khỏi, nhưng tác giả nhân dân lại kín đáo, không nói ra. Đó là một nghệ thuật diễn tả tâm trạng bằng hình ảnh tuyệt đẹp.

Miêu tả một cô gái, trong chế độ tảo hôn, chưa vấn tóc gọn đã về nhà chồng, anh chồng dửng dưng coi vợ như một đứa trẻ. Nhưng khi cô ta vừa đến tuổi, thì tình hình khác hẳn: một thay đổi lớn xảy ra trong hai người, cả những vật xung quanh cũng bị xáo động:

Lấy chồng từ thuở mười lăm,

Chồng chê tôi bé chẳng nằm cùng tôi.

Đến năm mười tám đôi mươi,

Tôi nằm dưới đất, chồng lôi lên giường,

Một răng thương, hai răng thương,

Có bốn chân giường, gãy một, còn ba!...

Muốn tả tình yêu trai gái đắm thắm ngang nhau, nhưng tính chất yêu đương của mỗi bên có khác, ca dao cũng có những câu rất đẹp:

Tình anh như nước dâng cao,

Tình em như dải lụa đào tằm hương.

Muốn tả một thứ tình yêu khác nữa, một thứ tình yêu trong trắng mới chớm nở ở cỗi lòng đôi lứa thanh niên, ca dao cũng có câu:

Đôi ta như lửa mới nhen,

Như trắng mới mọc, như đèn mới khêu.

Tả cái cảnh sung sướng mà giản dị, không rực rỡ, xa hoa, nhưng rất thân yêu của đôi vợ chồng trẻ ở nông thôn, thì cái cảnh miêu tả trong mấy câu ca dao sau đây cũng rất tươi giòn và hiện thực:

Đôi ta lấm tấm hoa nhài,

Chồng đây, vợ đấy kém ai trên đời.

Muốn cho gần chợ ta chơi,

Gần sông tắm mát, gần nơi đi về.

Đến như tả hạng người đần ngu, ca dao cũng đưa ra những hình ảnh táo bạo:

Mặt nạc đóm dầy,

Mo nang trôi sắp biết ngày nào khôn!

Câu trên đây cũng là lối nói một hơi, dồn một tiếng rất đặc biệt, gần như một lời mắng vạ.

Trong ca dao, ngoài nghệ thuật cụ thể hóa như trên, còn có nghệ thuật nhân cách hóa, được áp dụng rất nhiều. Từ vật vô tri vô giác đến chim muông, khi ca dao đã nói đến là đều gán cho chúng những tâm tình, ý nghĩ như người.

Khi muốn tránh sự sỗ sàng, nhân dân thường gửi gắm tâm sự vào những vật xung quanh, tránh nói đến cái “tôi” của mình. Như muốn biểu lộ nhớ nhung tha thiết người yêu, người ta dùng những hình tượng đậm thắm như sau:

Khăn thương nhớ ai,

Khăn rơi xuống đất.

Khăn thương nhớ ai,

Khăn vắt trên vai.

Khăn thương nhớ ai,

Khăn chùi nước mắt.

Đèn thương nhớ ai,

Mà đèn không tắt?

Mắt thương nhớ ai,

Mắt ngủ không yên?

Đêm qua, em những lo phiền,

Lo vì một nỗi không yên mọi bề...

Nghệ thuật nhân cách hóa ở đây đã tiến lên từng cung bậc một. Trước là cái *khăn*, một vật hoàn toàn tĩnh; đến *ngọn đèn*, tuy cũng là vô tri vô giác, nhưng, ngọn lửa cũng có thể rung động khi có gió, hoặc lặn đi hoặc bốc lên to; đến *con mắt* của mình, rồi đến bản thân mình. Cũng như bản thân người con gái, tất cả những vật kia đều có linh hồn, chúng đều rung động một nhịp như trái tim thổn thức của người đang sâu cảm.

Cũng là biểu lộ nỗi nhớ nhung, và trong nhớ nhung thể hiện mối tình chung thủy, ca dao về nỗi nhớ của người phụ nữ, có câu như sau:

Thuyền ơi, có nhớ bến chăng?

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

Tại sao bến lại “một dạ khăng khăng đợi thuyền” như vậy? Thực tế, nếu bến mà không có thuyền vào ra, thì bến sẽ không còn là bến nữa. Người ta sẽ gọi nó là bờ nước, bờ sông hay bờ biển. Cho nên *bến* muốn được là “bến” thì phải “khăng khăng đợi thuyền”. Có thuyền vào ra thì bờ được trở thành bến, cũng như người con gái có chồng thì mới trở thành “người vợ”, có người yêu mình thì mình mới trở thành “người yêu”. Từ một thực tế rất quen thuộc là *bến* với *thuyền*, nhân dân, những người sáng tác ca dao, đã xây dựng một hình tượng nghệ thuật đẹp, để miêu tả nỗi nhớ nhung và mối tình chung thủy rất nên thơ. Đó cũng là đi từ cái cụ thể rất bình thường đến cái trừu tượng độc đáo.

Một anh nông dân đi ở cho địa chủ, làm việc quá vất vả, phải bỏ ra về. Anh than thở với cái rổ, cái sề, cái cọc cầu ao:

Giã ơn cái rổ, cái sề,

Tao chẳng ở nữa, tao về nhà tao.

Giã ớn cái cọc cầu ao,

Nửa đêm gà gáy có tao có mày!

Cái rổ, cái sề, cái cọc cầu ao tuy là những vật vô tri, nhưng đã trở thành bạn thân thiết của anh nông dân trong những đêm dài hiu quạnh. Nay anh bỏ nhà địa chủ ra về, ngoài chúng ra, anh còn nhớ ai nữa! Người nông dân, tác giả những câu ca dao trữ tình là những bài thơ có tâm hồn thơ thực sự. Họ đã xuất phát từ thực tế của cuộc sống mà thổ lộ nội tâm của mình.

Qua nhận định việc đời một cách thực tế và sáng suốt, nhân dân ta đã sáng tác câu sau đây – một câu hình thức là ca dao, nội dung là tục ngữ:

Con sắt vật ngã ông Đùng,

Đắp mười chiếc chiếu không cùng bàn tay.

Con sắt là con cá săn sắt, loại cá rất nhỏ nhưng rất phàm ăn, còn ông Đùng bà Đà trong thần thoại Việt Nam là đôi vợ chồng khổng lồ vào thời hỗn mang, thân hình rất cao lớn và có sức khỏe phi thường. Một hôm ông Đùng lội qua suối, bị con cá săn sắt cắn vào chân, làm ông giật mình, ngã lăn xuống bờ suối. Thường thì một con vật rất nhỏ cắn vào chân người ta, một cách bất ngờ, cũng làm cho người ta giật mình mà trượt. Từ thực tế ấy, người ta có thể nhận định: nếu nhỏ và yếu mà đánh vào một lực lượng to lớn và khỏe một cách bất ngờ thì vẫn có thể thắng được. Thí dụ một lực lượng du kích nhỏ đánh phục kích một cánh quân của địch ở nơi hiểm yếu chẳng hạn. Còn vế dưới của câu trên: “Đắp mười chiếc chiếu không cùng bàn tay” có nghĩa là đắp chiếu lồng cồng, người có ấm, nhưng dù có đắp đến mười chiếc chiếu thì bàn tay vẫn còn cóng, vẫn lạnh, phải ủ bàn tay vào

áo, thì ngủ mới yên. Như vậy, không phải là cứ lấy số đông ồ ạt mà đã tác động hoặc áp đảo được một thứ gì nhỏ bé, vây kín được một vật gì nhỏ bé.

Nhân dân mượn những vật vô tri để nói lên tâm sự mình, mượn những chim muông, cho nó tính người, và mượn cả một số cây để ví với người này người nọ.

Trong nhiều bài ca dao, nhân vật là trâu, bò, lợn, chó, mèo, chuột, gà, chim sẻ, chim sáo, chim chích chòe, con cò, con vạc, con tôm, con cá bống, con cóc, cái kiến, v.v... Những cây được nói đến nhiều nhất trong ca dao là những cây thuộc loại *tre* như trúc, mai, dang và những cây đào, liễu, mơ, mận, huệ, lan, v.v...

Con trâu thường được kể là bạn của người nông dân trong lao động sản xuất, có lúc được người ta coi nó ngang hàng. Ví dụ người ta bảo trâu:

Ta đây, trâu đấy, ai mà quản công!

Người ta là *ai*, trâu cũng là *ai*, thật là bình đẳng trong lao động.

Bò, lợn, chó, gà đều ở địa vị thấp hơn trâu nhiều. Lợn, chó, gà khi được nói đến thì bị coi như thức ăn; người ta nhắc đến các thứ gia vị khi dùng đến thịt của chúng:

Con gà cục tác: lá chanh,

Con lợn ủn ỉn: mua hành cho tôi!

Con chó khóc đứng, khóc ngồi:

Bà ơi! Đi chợ mua tôi đồng riềng.

Còn con bò, con lợn thì người ta có thành kiến là nó dốt nát. Thường có câu: “Dốt như bò”, “Ngu như lợn”. Trong văn học dân gian, con mèo cũng đóng vai trò như trong tranh dân gian (*Đám cưới chuột*); mèo là loài muốn tiêu diệt một loài khác (loài chuột) vì lợi riêng của chúng, tiêu biểu cho một hạng độc ác.

Con mèo mà trèo cây cau,

Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?

Chú chuột đi chợ đường xa,

Mua mắm, mua muối giỗ cha con mèo.

Qua mấy câu ca dao trên đây, người ta còn thấy mèo là một gã giả đạo đức: nó định tâm bắt chuột ăn thịt, nhưng thấy chuột không ở trong hang, nó lại giả vờ là đến hỏi thăm: “chú chuột đi đâu vắng nhà?”. Giọng mèo thật ngọt ngào. Còn chuột đi chợ mua gì, chứ “mua mắm, mua muối” là những thứ để tiền tổng những kẻ đáng ghét, không phải thứ gì quý báu, lại nói là để “giỗ cha con mèo” thì đúng là một tiếng chửi.

Những cây lan, huệ, trúc, đào, liễu, mận, mai trong văn học dân gian đều là những hình ảnh để người phụ nữ trẻ trung gửi gắm tâm sự của mình. Chưa biết bạn trăm năm của mình là ai, người con gái than thân:

...Em ngồi cành trúc, em tựa cành mai,

Đông đào, tây liễu, biết ai bạn cùng!

và về sắc đẹp, về dáng dấp, người ta cũng ví:

Trúc xinh trúc mọc bên đình,

Em xinh, em đứng một mình cũng xinh!

Trong ca dao, dân ca của ta, những hình ảnh đẹp nhất là con cò và con cá bống. Cá bống là con cá bé tí tẹo mà cũng có lúc “đòi giương vây” thì con cò rất nên thơ trong thơ ca dân gian làm sao lại chả có lúc cũng dự vào một cuộc đấu tranh gay gắt, nhưng là đấu tranh để có miếng ăn.

Cái cò mày mõ cái tôm,

Cái tôm quặp lại, lại ôm cái cò.

Cái cò mày mõ cái trai,

Cái trai quặp lại, lại nhai cái cò.

Có người cho những câu trên đây phản ánh đấu tranh giai cấp, nhưng theo tôi nghĩ thì dù có cường điệu lên mấy đi nữa mà cho cái tôm, cái trai là những con vật ngang sức với con cò, cho rằng con cò không được coi tôm và trai là thức ăn, thì đây cũng chỉ là một cuộc đấu tranh trong nội bộ nhân dân. Vì thực tế, vào những thời xã hội đã có giai cấp, trong đời sống giữa nhân dân lao động với nhau, cũng có những mâu thuẫn nội bộ, những sự xung đột nội bộ. Nhận xét về loài vật trong vấn đề nhân cách hóa để sáng tác những bài ngụ ngôn, người ta rất chú ý đến thuộc tính của các con vật. Thức ăn của con cò là tôm, tép, trai, hến, cũng như thức ăn của người ta là ngũ cốc và các thứ thịt. Từ săn bắn cho đến khi thuần hóa được một số giống vật để có thức ăn, loài người cũng phải trải qua nhiều sự vất vả, vậy con cò phải vất vả, phải vật lộn trong cuộc sống, mới có được thức ăn, thì không thể nào coi đó là hình ảnh đấu tranh giai cấp được. Vì cò mà không ăn tôm tép, trai hến để sống, thì còn ăn gì được? Bởi vậy, muốn nhân cách hóa một con vật thì không thể nào không kể đến thuộc tính của nó. Cũng

như khi nói đến đào, liễu, trúc, mai trong ca dao, dân ca, người ta cũng phải chú ý đến tính chất riêng biệt của từng loại cây.

• *Một đặc điểm trong tư duy hình tượng của nhân dân Việt Nam về cuộc đời; đời người với đời con cò và con bống*

Trong ca dao dân ca Việt Nam, có rất nhiều bài nói đến con cò. Những câu ca dao của ta, và có lẽ cũng rất cổ của ta, hầu hết mở đầu bằng “con cò...”: *con cò bay lả bay la, con cò bay bống bay cao, con cò lặn lội, con cò trắng bạch như vôi, con cò vàng, con cò kỳ, con cò quăm, v.v...* Tại sao trong khi hát, nhân dân lao động Việt Nam lại hay nói nhiều đến loại chim ấy mà không nói đến loại chim khác?

Trong các loài chim kiếm ăn ở đồng ruộng, chỉ có con cò thường gần người nông dân hơn cả. Những lúc cày cuốc, cấy hái, người nông dân Việt Nam thường thấy con cò ở bên họ: con cò lội theo luống cày, con cò bay trên đồng lúa bát ngát, con cò đứng trên bờ ruộng rìa lông rìa cánh, ngắm nghía người nông dân làm lụng...

Bạn thân nhất của người nông dân trong lao động và sản xuất là con trâu. Nhưng trâu phải cái nặng trình trịch, đi đứng vững vàng thật, nhưng chậm chạp, sống một cuộc đời gầy bó, vất vả, không mấy lúc thanh thoi, cho nên chỉ những lúc nghĩ đến cuộc đời nhọc nhằn cực khổ của mình, người nông dân mới liên hệ đến con trâu, con vật tiêu biểu nhất cho sức sản xuất nơi đồng ruộng.

Còn những lúc người nông dân lao động Việt Nam xúc cảm, tâm trí muốn vươn lên, muốn ca hát, cho tâm hồn bay bổng thoải mái trong khi làm lụng, thì chỉ có con cò gợi hứng cho họ nhiều. Con cò trắng bạch kia tuy ngày đêm lặn lội, nhưng nhiều lúc lại bay lên mây xanh. Nó cũng vất vả,

nhưng nó có vẻ trong trắng, thanh cao, có những lúc nó vẫy vùng thoải mái, nó sống một cuộc đời mà người dân lao động nước ta thời xưa hằng mong ước.

Cày cấy những lúc nắng nôi hay rét mướt, tát nước trong đêm khuya, gặt hái trên cánh đồng bát ngát, tiếng hát của người nông dân không những làm cho bản thân người sáng tác bài ca phấn khởi, mà còn động viên hết thảy những người lao động ở cánh đồng bên:

Một đàn cò trắng bay tung,

Bên nam, bên nữ, ta cùng hát lên!

Cùng làm lụng, cùng vất vả như nhau, nên những nam nữ thanh niên ở nông thôn đối với nhau có những mối tình thắm thiết. Khi vắng mặt người yêu, thấy đàn cò trắng cùng nhau sum họp và bay lượn trên cánh đồng, họ hát lên những lời nhớ nhung thắm thiết:

Một đàn cò trắng bay quanh,

Cho loan nhớ phượng, cho mình nhớ ta.

Mình nhớ ta như cà nhớ muối,

Ta nhớ mình như Cuội nhớ trăng.

Sự mơ ước được gần gũi nhau của những người lao động không những hồn nhiên như sự đoàn tụ của đàn cò, mà nó còn chất phác, liên hệ ngay với đời sống của họ. Câu hát trên đây cho ta thấy những tưởng tượng khá dồi dào, có tính chất huyền ảo, tạo nên những cảnh tình thật đẹp:

Cho loan nhớ phượng, cho mình nhớ ta.

và

Ta nhớ mình như Cuội nhớ trăng...

Tuy vậy, bao giờ trí óc người nông dân cũng trở lại với thực tế:

Mình nhớ ta như cà nhớ muối...

Họ không mấy khi xa lìa thực tế, ngay trong những lúc họ có một tâm trạng khác thường đối với những mơ ước, nhớ nhung.

Dưới con mắt người lao động ở nông thôn, con cò và những đồng loại với nó, như con vạc, con bồ nông, đều có mối tình bạn thắm thiết với nhau, vì chúng phải ngày đêm kiếm ăn vất vả trên cùng một cánh đồng. Nhìn bầy chim ấy đứng túm tụm với nhau, người nông dân cảm thấy chúng đang trò chuyện với nhau, tâm sự với nhau về những nỗi xót xa trong cuộc tình duyên trắc trở, mà chính những người cùng máu mủ cũng có thể không thông cảm bằng những người bạn chí thân:

Cái cò, cái vạc, cái nông,

Cùng ăn một đồng, nói chuyện giăng ca.

Muối kia đổ ruột con gà,

Mẹ mình chẳng xót bằng ta xót mình.

Chỉ những đêm ngày gần nhau, tâm sự với nhau, những người bạn tình mới thật hiểu rõ nỗi lòng của nhau:

Đêm qua mới gọi là đêm,

Ruột xót như muối, dạ mềm như dưa.

Người nông dân còn mượn hình ảnh cái cò để miêu tả cảnh ngồi không và biếng nhác của địa chủ, còn họ là người làm ra thóc lúa thì lại phải “lặn lội thân cò”:

Cái cò lặn lội bờ ao...

Hỡi cô yếm đào! Lấy chú tôi chăng?

Chú tôi hay tầu hay tắm,

Hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa.

Ngày thì ước những ngày mưa,

Đêm thì ước những đêm thừa trống canh...

Chúng ta đã biết cái chế độ con nuôi thời phong kiến. Con nuôi chẳng qua chỉ là người ở, mà lại là người ở không công. Bọn địa chủ cho họ gọi chúng là *thầy*, là *bác*, là *chú*, để chúng càng dễ bóc lột họ. Lặn lội bờ ao như cái cò và thấy người thôn nữ xinh đẹp đi qua, anh nông dân đã cất tiếng bốn cột đầy giọng dí dỏm, châm biếm, nhằm chính vào kẻ mà họ oán ghét. Anh đưa ra hình ảnh một gã rượu chè be bét, nghiện trà đặc, thích ngủ trưa, anh ướm hỏi chị thôn nữ và trong thâm tâm anh, trong sự xét nhận tế nhị của anh, anh biết thừa là “cô yếm đào” chẳng ưa nào. Mà chẳng ưa lấy một kẻ như thế, thì “cô yếm đào” lấy ai? Có lẽ nên lấy cái anh “lặn lội thân cò” tuy vất vả, lam lũ, nhưng hay lam hay làm, trong trắng như “con cò lặn lội bờ ao”, và nhiều lúc lại bay cao, bay bổng. Tình duyên ấy mới là xứng đáng.

Những câu ca dao trên đây rất kín đáo. Tác giả không dả động gì đến mình là người lao động và cũng không hề nói gì đến giá trị của lao động mà người nông dân đã biết rõ, nhưng chúng ta đều thấy anh nông dân ướm hỏi “cô yếm đào”, chủ yếu là vì mình mà ướm hỏi.

Người nông dân thấy hình ảnh của mình ở cái cò là xứng hợp hơn cả, nên trong cuộc sống họ phải vật lộn như thế nào, thì họ cũng tả cái cò phải vật lộn như thế ấy. Hãy nghe họ tả một cảnh mưa bão, trong đó có con cò:

Trời mưa quả dưa vẹo vọ,

Con ốc nằm co,

Con tôm đánh đáo

Con cò kiếm ăn...

Chúng ta thấy gió thổi, mưa rơi đều làm cho mọi vật xao xuyến, hết thảy đều bị động, con ốc thì sợ sệt nằm co, con tôm gặp được nước thì nhảy bật lên như đánh đáo, đến quả dưa trước ngọn gió, dưới hạt mưa, cũng hình như bị méo mó cả hình thù, nhưng chỉ riêng có con cò là vẫn chủ động trong công việc của mình: mưa hay nắng, cò ta vẫn tiếp tục kiếm ăn... Con cò là hình ảnh người nông dân Việt Nam cần cù, chịu đựng gian khổ, gặp giông tố không sờn, bền bỉ và tích cực đấu tranh, để nâng cao đời sống của mình.

Trong xã hội phong kiến Việt Nam, ngoài nghề nông là nghề căn bản, còn những nghề buôn, nghề thủ công. Đối với những người bình dân làm các nghề ấy, giai cấp thống trị không trừ một hạng người nào là chúng không bóc lột. Hãy nghe nhân dân lột mặt nạ tham lam, tàn ác của chúng:

Cái cò, cái vạc, cái nông

Ba cái cùng béo, vật lông cái nào!

Vật lông cái vạc cho tao!

Hành, rằm, nước mắt bỏ vào mà thuôn.

Cái cò, cái vạc, cái nông, tiêu biểu cho nhân dân lao động ở nông thôn, đối với giai cấp phong kiến thống trị đều là “béo” cả, đều có thể bóc lột đến xương tủy được cả. Trong mưu mô bóc lột của giai cấp phong kiến thống trị, thì lần này vạc bị giết, nhưng rồi lần khác cò, nông, cũng sẽ bị giết; mà họ bị chúng ăn thịt như thế, không cần một lý do gì chính đáng, chỉ cần một lời vu cáo vắn vớ, là bọn địa chủ có thể bắt bừa người lao động ở nông thôn để hành hạ:

- Cái cò, cái vạc, cái nông,

Sao mày giẫm lúa nhà ông, hỡi cò!

- Không, không tôi đứng trên bờ,

Mẹ con nhà vạc đổ ngờ cho tôi.

Chẳng tin thì ông đi đôi,

Mẹ con nhà vạc còn ngồi ở kia.

Nhân dân thường lấy cái cò để nói về mình trong ca dao, nhưng không phải bao giờ họ cũng nói tốt cho họ. Họ cũng có những người xấu: hay ăn quà như “con cò kỳ”, hay đánh vợ như “con cò quăm”, và họ cũng đã mạnh dạn nói ra, phê bình một cách thân ái và đúng mức.

Chúng ta hãy đọc mấy câu ca dao về “con cò quăm”:

Cái cò là cái cò quăm,

Mày hay đánh vợ, mày nắm với ai?

Có đánh thì đánh sớm mai,

Chớ đánh chập tối, chẳng ai cho nắm!

Cái dí dỏm, hồn nhiên nhất ở mấy câu ca dao này là lời khuyên chú cò “đánh vợ sớm mai”. Đối với một anh chàng nóng tính, giận vợ lúc nào là đánh luôn lúc ấy, mà lại đưa ra câu “đánh sớm mai” thì chỉ là một lối giễu cợt. Nhưng có ý vị ở điểm mâu thuẫn là tuy anh chàng cục súc nóng nảy, hay đánh vợ luôn tay, tức anh làm cho vợ anh xa anh, nhưng anh lại vẫn tò mò muốn gần vợ. Mâu thuẫn ấy đã nổi bật lên ở thái độ và hành động đáng ghét của một anh nông dân bị ý thức tư tưởng phong kiến chi phối nên đã coi thường phụ nữ.

Nói tóm lại, trong ca dao, người dân lao động Việt Nam đã mượn đời sống của con cò để biểu hiện đời sống của mình và dùng hình ảnh con cò để gợi hứng, để tả sự mong muốn của mình, nói lên những đức tính của mình, nỗi khổ cực của mình và cả những thói xấu của mình nữa.

Ca dao, dân ca cũng nói nhiều đến con cá bống; nhưng con bống không giống con cò. Đối với nhân dân lao động Việt Nam thời phong kiến, con bống chỉ có thể là hình ảnh người thiếu nữ hay người thiếu phụ.

Cá bống vốn là thứ đồ ăn ngon của nhân dân lao động nước ta, một thứ đồ ăn ngon mà họ thường được ăn, có thể cầu được ước thấy, không phải là một thứ chỉ có trong mơ ước của họ. Cá bống cũng lại là một thứ mà người phụ nữ nông thôn thường kiếm ra và do tay họ nấu nướng; không những nó ngon lành, nó còn xinh xẻo nữa. Vì những lí do ấy, nên nhân dân lao động

Việt Nam đã mượn hình ảnh con cá bống để nói về người thiếu nữ hay người thiếu phụ Việt Nam: “Cái Bống đi chợ...”, “cái Bống công chồng...”, “cái Bống thổi cơm, nấu nước”, “cái Bống lấy chồng Kẻ Chợ...”

Chỉ có vài trường hợp rất đặc biệt là người ta thấy cái Bống cũng có vẻ “ta đây kẻ ngờ”, “muốn giường vây” tí chút, như đã có những câu:

Chị em ta ra chơi ngoài ngòi,

Thấy con cá Bống nó đòi giường vây.

Chị em ơi, mang rập ra đây,

Xem con cá Bống nó giường vây thế nào!

Nhưng nói chung thì đối với người nông dân, con Bống có vẻ xinh xẻo, hiền lành, cho nên mỗi khi nói đến cái Bống là người nông dân nước ta nói một giọng nâng niu. Ở truyện *Tấm Cám*, Tấm cũng rất nâng niu con bống Tấm nuôi, mỗi lần cho cá ăn, Tấm gọi:

Bống bống, bang bang,

Mày ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta,

Chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người...

Trong khi nâng niu con trẻ, ru cho nó ngủ, người mẹ, người chị cũng thường nhắc nhở đến con bống xinh xẻo, hiền lành, tiêu biểu cho người thiếu nữ hay người thiếu phụ Việt Nam ở nông thôn.

Nội dung những câu ca dao nói về con cò và con bống rất phong phú; nó biểu hiện nhiều khía cạnh của cuộc đời người lao động trong xã hội phong

kiến nước ta. Hình thức câu văn và nhạc điệu của những bài ấy cũng rất phong phú; nó khêu gợi vô cùng, cho nên trong hát ru em, trong lý giao duyên, cũng như trong hát trống quân, nam nữ cất giọng hát, khi chưa đưa ra được những lời tình tứ mặn nồng, thì thường giáo đầu bằng những câu về hình ảnh con cò hay con bống để gợi hồn thơ. Như hát trống quân thì bắt đầu bằng:

Một đàn cò trắng bay tung,

Bên nam, bên nữ, ta cùng hát lên...

và khi người mẹ chưa tìm được câu hát ru con, thì cũng bắt đầu bằng: “*Bống bống, bang bang...*”. Về thanh nhạc, có thể coi đây là những “tiếng dạo đàn”; những “tiếng dạo đàn miêng”.

Như vậy, chúng ta có thể nói: người dân lao động Việt Nam đem hình ảnh con cò và con bống vào ca dao, dân ca là đưa một nhận thức đặc biệt về một khía cạnh của cuộc đời vào văn nghệ, lấy cuộc đời của những con vật trên đây để tượng trưng vài nét đời sống của mình, đồng thời cũng dùng những hình ảnh ấy để khêu gợi hồn thơ.

- *Mấy thể cổ điển của ca dao*

Theo cách kết cấu cho thành một bài ca, người ta nhận thấy ca dao có ba thể chính: thể phú, thể tỉ và thể hứng.

- *Thể phú:* Phú có nghĩa là trình bày, diễn tả. Như nói về người, về việc hay về vật gì, thì trình bày, diễn tả cho người ta hình dung được người, việc hay vật ấy.

Thí dụ về cảnh đẹp:

*Đường lên xứ Lạng bao xa,
Cách một trái núi với ba quăng đồng.
Ai ơi, đứng lại mà trông,
Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ.
Em chớ thấy anh lắm bận mà ngờ,
Bụng anh vẫn thẳng như tờ giấy phong...*

Ở bài trên, sau khi đã tả cảnh đẹp, người thanh niên mới ngỏ tâm sự của mình.

Như chống đối với dân ô, dã man của giai cấp phong kiến thống trị mà nạn nhận là một phụ nữ, thì miêu tả ngay người phụ nữ ấy, trình bày cho người ta thấy cô ta đang làm gì mà cơ sự ra thế:

*Em là con gái đồng trinh,
Em đi bán rượu qua dinh ông nghè,
Ông nghè sai lính ra ve...
“Trăm lạy ông nghè, tôi đã có con!”
- Có con thì mặc có con,
Thắt lưng cho giòn mà lấy chồng quan.*

Thể *phú* là một thể tự sự người ta thấy xen vào nhiều thể loại văn học, vì những lối trình bày, diễn tả rất cần thiết cho nhà văn, nhà thơ khi viết về

người hay về việc. Đó là một phương pháp nghệ thuật khá thông dụng.

• *Thế tỉ*: *Tỉ* là so sánh. Ở thế này, câu ca không nói thẳng ngay như ở thế phú mà lại mượn một cái khác để so sánh, để ngụ một ý gì hay gửi gắm một tâm sự gì. So sánh là một phương pháp nghệ thuật độc đáo của tục ngữ, ca dao và dân ca. Ở những thể loại này trong văn học dân gian, so sánh là một phương pháp chủ yếu trong sự diễn đạt tư tưởng và tình cảm. So sánh cũng là một lối cụ thể hóa những cái trừu tượng; nó có làm cho lời thêm ý nhị, tình tứ và thấm thiết. Giữa hai vật so sánh, bao giờ cũng có một mối liên hệ nội tại, một liên tưởng về ý niệm bên trong.

Ở ca dao, nhân dân rất hay dùng lối so sánh để biểu hiện tình cảm cho được kín đáo. So sánh có thể *trực tiếp* hay *gián tiếp*. Trực tiếp, như mấy câu sau này:

Thiếp xa chàng như rồng nọ xa mây,

Như con chèo bẻo xa cây măng vòi.

Nếu chỉ là *rồng* với *mây*, người ta có thể bảo là viễn vông, nhưng đến hình tượng “con chèo bẻo xa cây măng vòi” thì ai cũng phải công nhận là một chi ở nông thôn.

Hay diễn tả sự gắn bó với nhau những khi gặp gian nan, trắc trở, hay trong hoàn cảnh thuận lợi:

- Đôi ta như rắn liu điu,

Nước chảy mặc nước ta dìu lấy nhau.

- Đôi ta như thể con tằm

Cùng ăn một lá, cùng nằm một nong.

Hay diễn tả sự sung sướng không bờ bến khi hai người được gần gũi nhau, cũng bằng lối so sánh trực tiếp:

Gối mềm, gối chiếu không êm,

Gối lụa không mềm bằng gối tay em.

So sánh sự thương yêu vừa bằng lối trực tiếp vừa cụ thể hóa, trong sự so sánh lại độ cả mức độ tình thương của hai bên:

Gái thương chồng, đương đông buổi chợ,

Trai thương vợ, nắng quái chiều hôm.

Một bên thì sức sôi nổi, còn một bên thì nguội dần. Cũng bằng phương pháp so sánh trực tiếp và cụ thể hóa, làm cho thật sinh động, cái vô hình trở thành hữu hình, ở tục ngữ, ca dao, có rất nhiều câu. Thí dụ mấy câu tục ngữ sau này:

- *Đùng đỉnh như chĩnh trôi sông.*

- *Lừ đừ như ông từ vào đền.*

- *Lật đật như sa vật ông vải.*

- *Lò dò như cò ăn đêm, v.v...*

Còn một lối so sánh cũng trực tiếp, nhưng kín đáo hơn, như miêu tả thói lười biếng và tham ăn mà không gọi tên những thói xấu ấy ra. Thí dụ câu sau này:

*Ăn thì ăn những miếng ngon,
Làm thì chọn việc cón con mà làm.*

và câu:

*Ăn no rồi lại nằm khoèo,
Thấy giục trống chèo, bế bụng đi xem.*

Hay miêu tả sự lúng túng của một phụ nữ một cách hài hước mà không có chút đả kích nào, thì ca dao có câu:

*Đang khi lửa cháy cơm sôi,
Lợn kêu, con khóc, chồng đòi tòm tem.*

Sáng tác được những câu như trên, thì thật quả ít người nghĩ tới. Mới đọc tưởng như thể phú, nhưng sự thật là một *thể tỉ* kín đáo.

So sánh trực tiếp, nhưng lại so sánh từ xa đến gần, cũng là một phương pháp nghệ thuật mà ca dao Việt Nam rất hay dùng:

*Sen xa hồ, sen khô, hồ cạn,
Liễu xa đào, liễu ngả, đào nghiêng.*

Anh xa em, như bến xa thuyền,

Như Thúy Kiều xa Kim Trọng, biết mấy niên cho tái hồi.

Trên đây, chúng ta thấy những cái vô hình và trừu tượng đều được cụ thể hóa bằng cách chọn những cái thật điển hình và đặt vào hoàn cảnh điển

hình để so sánh. Như chọn cái chĩnh không, thì không so sánh được; đặt cái chĩnh ở đầu hè, thì cũng không nói lên được cái gì, nhưng đặt nó vào hoàn cảnh chĩnh bị trôi sông, thì quả thật người ta thấy được sự đủng đỉnh của nó. Ông từ cũng vậy, phải đặt ông ấy vào hoàn cảnh điển hình nhất thì mới thấy hết được sự lừ đừ của ông ta. Ông từ là người mà công việc rồi rã hơn ai hết, vì ông ta chỉ có việc giữ đèn và ăn oản; ông ta không bao giờ vội vàng, nên phải đặt ông ta thật đúng chỗ, thì ông ta mới biểu lộ hết cái lừ đừ, chứ nếu miêu tả ông ta đi chợ hay quét dọn đèn, đều không được cả. Đi vào đèn, mới thật lừ đừ, vì chẳng có việc gì cấp bách đợi ông ta cả.

Trong những lối *so sánh trực tiếp*, nhân dân chọn người, chọn vật, chọn cảnh rất chính xác, vì họ luôn luôn sát với thực tế. Thí dụ miêu tả thói lười biếng, bao giờ họ cũng chọn người ăn nhiều, tức người có sức khỏe mà lại lười. Cũng có người ăn ít mà lại lười, nhưng nếu chọn người ăn ít để miêu tả sự lười biếng thì người ta có thể vì sức yếu không làm được nhiều chẳng. Nên khỏe mà không chịu làm mới rõ; khỏe lại chỉ khỏe ở ăn, chứ không khỏe ở làm thì quả thật là lười, không còn chối cãi được.

Ăn như thuyền chở mã,

Làm như ả chơi trăng.

Thuyền chở mã trông thì công kênh, nhưng nhẹ như không, đi đánh vèo một cái là qua sông, cũng như anh chàng ăn khỏe, anh đánh vèo một cái là hết nồi cơm. Còn “làm như ả chơi trăng” thì rõ ra cái cảnh nhớn nhơ; nhớn nhơ đây không có nghĩa là đã thỏa, tác giả nhân dân nói rất có chừng mực.

Còn *lối tỉ* khác nữa, *lối so sánh gián tiếp*, tức nghệ thuật *ẩn dụ*, là một phương pháp nghệ thuật tế nhị hơn. Phương pháp này được sử dụng ở ca dao nhiều hơn ở tục ngữ. Thí dụ biểu lộ mối tình chung thủy với người yêu

thì không lời thơ nào đẹp, gợi cảm và thấm thiết bằng câu ca dao quen thuộc sau này:

Thuyền ơi! Có nhớ bến chăng?

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

Hay miêu tả cảnh lỡ làng của người lỡ hẹn thì mấy câu sau này cũng rất đặc biệt:

Trăm năm đành lỗi hẹn hò,

Cây đa bến cũ, con đò khác đưa.

Hay cũng là những câu ca dao biểu hiện tình yêu, nhưng nên vợ nên chồng thì chưa được, còn phải có thời gian, vì còn bên cao, bên thấp thì lỗi so sánh gián tiếp ở đây cũng rất kín đáo.

Nước trong còn ở nguồn sanh,

Trà thơm có đợi chén sành hay không?

Người con gái Việt Nam thời xưa, thường thì rất rụt rè, e lệ, nhưng khi đã gặp người vừa ý thì do tình yêu kích thích, họ trở nên rất mạnh dạn, họ có thể tỏ tình trước với người con trai một cách vừa hồn nhiên, vừa kín đáo. Vùng Hoàng Mai, Bạch Mai, Tương Mai (xưa kia là ngoại thành Hà Nội), thường nấu một thứ rượu ngon có tiếng; thời xưa, những tay nhà nho phóng đãng ở Thăng Long rất thích rượu Hoàng Mai (tức Kê Mờ). Rượu ấy lại được các cô gái xinh đẹp quây đi bán, nên những tay nhà nho ấy đã có câu:

Còn trời, còn nước, còn non,

Còn cô bán rượu anh còn say sưa.

Say là say cả về người, say cả về rượu. Sau đây là những câu ca dao, lời cô hàng rượu, vận dụng lối so sánh gián tiếp, với đề tài “rượu đem đi bán”, nhưng rượu cũng là cô ta và cô ta cũng là rượu:

Em là con gái Kẻ Mơ,

Em đi bán rượu tình cờ gặp anh.

Rượu ngon chẳng quản be sành,

Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.

Rượu lạt uống lắm cũng say,

Áo rách có mụn, vá ngay lại lành.

Không một tiếng “yêu đương” nào thổ lộ ra trong lời cô hàng rượu, nhưng qua những lời cô giới thiệu rượu ngon (kỳ thật là tự giới thiệu mình), người ta nhận thấy ở cô ta đã nảy nở mối tình thầm thiết đối với chàng thanh niên.

Một lối so sánh gián tiếp nữa cũng rất kín đáo: muốn ngỏ ý lấy nhau, bên trai hỏi đã “bóng gió”, bên gái ứng thuận và đáp lại một cách còn “bóng gió” hơn:

Đêm trăng thanh, anh mới hỏi nàng:

- Tre non đủ lá, đan sàng nên chăng?

- Đan sàng, thiệp cũng xin vâng,

Tre vừa đủ lá, non chẳng hời chàng?

Không dùng “đêm khuya” mà dùng “đêm trăng thanh” để chỉ lúc công việc rỗi rãi, thanh niên nam nữ ở nông thôn thường dễ tình tự với nhau; nếu dùng “đêm khuya” thì sẽ thành ra vợ chồng mất, những câu sau sẽ hóa ra vô nghĩa. Câu “non chẳng hời chàng?” thật là câu bẻ lại rất dí dỏm: anh bảo đã đủ lá mà lại nói là non, thì anh còn hỏi em làm gì? Lối so sánh gián tiếp trên đây cho ta thấy tâm tình của nhân dân lao động biểu lộ trong ca dao hết sức tế nhị, sâu sắc, nên ca dao Việt Nam thật đáng làm mẫu mực cho thơ trữ tình của ta.

- *Thế hứng*: Ca dao còn một phương pháp nghệ thuật độc đáo nữa là cách biểu lộ cảm xúc đối với ngoại cảm, mở đầu cho sự biểu hiện tâm tình. Lối này người ta gọi là *hứng*. *Hứng* là do cảm xúc mà nảy nở tình cảm, có thể là vui, cũng có thể là buồn, thấy ngoại cảm mà có hứng, muốn nói lên nỗi lòng mình, nói lên cảnh tình riêng của mình đối với ngoại vật. Thí dụ:

Cơm trắng ăn với chả chim,

Chồng đẹp vợ đẹp, những nhìn mà no...

Hay:

Trên trời có đám mây vàng,

Bên sông nước chảy, có nàng quay tơ.

Nàng buồn nàng bỏ quay tơ,

Chàng buồn chàng bỏ thi thơ học hành...

Thể *hứng* ở những câu trên này cho ta thấy ngoại cảnh phù hợp với nội tâm, nhiều khi nó gần giống thể *tỉ*, vì cảnh buồn thì người buồn, cảnh vui thì người vui, không phải vì cảnh mà do ở người đã sẵn có cái chứa chất, gặp cảnh thích hợp thì trút ra. Nhưng cũng có những câu hứng trong ca dao không gắn bó cho lắm với nội dung những câu sau, thí dụ:

Quả cau nho nhỏ,

Cái vỏ vân vân

Nay anh học gần,

Mai anh học xa...

Lại có những câu hứng ý nghĩa sinh động, chỉ có tác dụng khích lệ, thúc giục nhiều hơn là gắn bó với những tâm tình biểu hiện ở những câu sau, như:

Một đàn cò trắng bay tung,

Bên nam, bên nữ, ta cùng hát lên...

hay:

Một đàn cò trắng bay quanh,

Cho loan nhớ phượng, cho mình nhớ ta...

hay những câu sau đây:

Gió đánh đờ đưa, gió đập đờ đưa,

Sao cô mình lơ lửng mà chưa có chồng?...

Trên đây là tôi tách ra từng câu, từng bài, để dễ thấy từng thể cổ điển; thực tế thì mấy thể này thường xen kẽ với nhau, có khi chúng ta thấy hai thể ở chung một câu, một bài; có khi ở một bài, có cả ba thể. Thí dụ, hai câu này, vừa *hứng* vừa *tỉ*, vì thời gian lấy chồng già và thời gian nước chảy qua sân cũng đều ngắn ngủi:

Trời mưa nước chảy qua sân,

Em lấy ông lão móm qua lần thì thôi...

Thí dụ vừa thể *phú* vừa thể *hứng*:

Qua đình ngả nón trông đình,

Đình bao nhiêu ngói, em thương mình bấy nhiêu...

Tả mái đình (thể *phú*) đồng thời cảnh mái đình làm cho người thiếu nữ xúc động (thể *hứng*) mà tỏ lòng thương yêu, nhớ nhung bạn tình.

Ba thể ở chung một bài, như bài sau này:

Áo xông hương của chàng vắt mắc,

Đêm em nằm em đắp lấy hơi.

Gửi khăn, gửi túi, gửi lời,

Gửi đôi chàng mạng cho người đàn ông xa.

Vì mây cho núi lên xa,

Mây cao mù mịt, núi nhòe xanh xanh...

Hai câu trên miêu tả tình cảm một người xa người yêu và đang cùng với vật kỷ niệm ở bên mình (thể *phú*); câu ba và bốn nói lên dự định của mình, đồng thời những vật ấy cũng tượng trưng cho lòng gắn bó (thể *tỉ*), và hai câu cuối vừa là *tỉ*, vừa là *hứng*: đối cảnh sinh tình.

Nghệ thuật của ca dao rất tinh vi, tế nhị, đáp ứng mật thiết với nội dung phong phú. Cách dùng chữ, những lối biến thể, những lối hình tượng hóa, trừu tượng hóa, nhân cách hóa, sát với thực tế biểu hiện ở nội dung, làm cho ca dao trở thành những câu hát rất thấm thía về mặt trữ tình, cũng như về mặt phản ánh cuộc đời của nhân dân lao động. Những thể *phú*, *tỉ*, *hứng* của ca dao là những thể mà ca dao Việt Nam và Kinh thi của Trung Quốc đều có. Rất có thể là thơ ca dân gian của nhiều nước khác cũng có những thể ấy, vì nó là những phương pháp nghệ thuật cơ bản, cần thiết cho việc cấu tứ cho thơ ca trữ tình.

[18] Có nơi hát là xứ Huế. Không nên tìm xem Nghệ hay Huế là đúng, vì văn học dân gian là thứ văn học do tập thể xây dựng tùy theo từng miền và qua nhiều thế hệ. (V.N.P)

6. VỀ VŨ TRỤ, CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI

Qua thực tế đấu tranh khó khăn và gian khổ trên một đất nước có nhiều thiên tai, dịch họa, nhân dân Việt Nam đã rút được nhiều kinh nghiệm quý báu ở những cuộc chiến chống thiên nhiên, chống xâm lăng, chống áp bức bóc lột trong xã hội và có những nhận xét khá sâu sắc về cuộc đời. Óc nhận xét về phê bình ấy của nhân dân Việt Nam đã biểu hiện bằng lời ca, truyền từ đời nọ qua đời kia và từ địa phương này sang địa phương khác. Nhiều câu đã thành những câu châm ngôn cho toàn thể dân tộc.

Cái điều độc đáo của trí óc nhân dân lao động Việt Nam là ở những trường hợp rất khó khăn và gian khổ. Nhân dân Việt Nam tuy đôi khi cũng có những phút bức bối, chán nản, nhưng nói chung, không bao giờ tuyệt vọng, phần nhiều là vui, phấn khởi, có tinh thần xây dựng, bền bỉ trong chiến đấu. Chứng cứ là trong tục ngữ, ca dao của ta, đã biểu hiện nhiều nhận xét dí dỏm, tinh vi, pha giọng trào lộng, châm biếm. Cả những bài vè, những truyện tiểu lâm của nhân dân Việt Nam cũng biểu lộ óc nhận xét, phê bình sắc cạnh và chua chát. Hễ xảy ra một việc chướng tai gai mắt, một việc đòi phong bại tục, một việc phạm đến quyền lợi chung của nhân dân trong làng xóm hay trong phố phường là có ngay những câu chuyện có nhiều tình tiết phổ biến khắp nơi, có ngay những bài vè truyền đi, trẻ già đều thuộc. Nhiều câu rút ở các bài vè trở thành tục ngữ, ca dao, có tính chất phổ biến kinh nghiệm hay răn đời.

Luôn luôn gần gũi thiên nhiên, nhân dân lao động Việt Nam có những nhận xét tế nhị đối với các hiện tượng thiên nhiên, cũng như đối với cảnh vật thiên nhiên, như những câu:

- *Gió chiều nào, che chiều ấy.*

- *Có cứng mới đứng đầu gió.*

- *Nước khe đê nước suối, v.v...*

Những câu trên này không những đúng với thiên nhiên, mà với ý nghĩa bóng gió, nó còn đúng cả với nhiều việc trong xã hội.

Điều đặc biệt mà chúng ta nhận thấy trong rất nhiều ca dao là óc thực tế của người nông dân. Người dân lao động Việt Nam rất biết thưởng thức cái đẹp, nhưng nếu chỉ là cái đẹp bề ngoài mà nội dung không ra gì thì họ rất ghét. Ca dao đã có câu:

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,

Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.

Lẽ tự nhiên, “đẹp người” đây là chỉ riêng có bề ngoài, chỉ riêng có sắc, không có đức, chứ đẹp cả người lẫn nết thì ai cũng hoan nghênh.

Đối với trời mưa, hay trong khi mong mưa, người thành thị thời xưa muốn được mát mẻ, đỡ bụi sau những ngày hè oi ả, nhưng từ lâu nông nghiệp nước ta lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên, nên người nông dân mong mưa vì những mục đích thiết thực hơn nhiều:

Lạy trời mưa xuống,

Lấy nước tôi uống,

Lấy ruộng tôi cày,

Lấy bát cơm đầy,

Lấy khúc cá to.

Nắng lâu, giếng cạn, nước đục, ruộng nẻ, đất rắn, mùa mất, cơm không có mà ăn, cá cũng khó đánh: chỉ mưa cho vài trận là người nông dân giải quyết được khó khăn và có được cái ăn. Tính chất thực tế của bài ca dao là ở chỗ ấy.

Nhờ đã trải qua đấu tranh, đã từng lăn lộn trong cuộc đời, nên về con người, nhân dân lao động nhận xét có nhiều chỗ đúng. Như về người anh hùng:

Gừng già, gừng rui, gừng cay,

Anh hùng càng cực, càng dày nghĩa nhân.

Về việc đối xử ở đời, như về thói hay chế giễu:

Ai ơi chớ vội cười nhau,

Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười.

Về thói tệ bạc ở một xã hội mà tư tưởng con người đã phức tạp:

Trách người một, trách ta mười,

Bởi ta bạc trước, cho người tệ sau.

Hay thói thị phi của những kẻ giàu có, vào lúc thế lực đồng tiền đã thay đen đổi trắng trong lòng người:

Chị kia có quan tiền dài,

Có bị gạo nặng, coi ai ra gì!

Nhờ kinh nghiệm rút được trong đấu tranh, người lao động có nhiều nhận xét đúng đắn, nhưng dưới chế độ phong kiến, họ cũng bị ý thức tư tưởng phong kiến chi phối một phần nào, nên đối với phụ nữ, họ đã có những nhận xét không đúng:

Khôn ngoan cũng thế đàn bà,

Dẫu rằng vụng dại cũng là đàn ông.

Sự mê tín, sự tin ở tướng số cũng có lúc làm cho nhân dân quá thiên về “coi mặt mà bắt hình dong”.

Đàn ông rộng miệng thì tài,

Đàn bà rộng miệng điếc tai lảng giềng.

Người khôn, con mắt đen sì,

Người dại con mắt nửa chì nửa thau.

Phần nhiều những nhận xét của quần chúng nhân dân là đúng, như quan niệm về cái đẹp của phụ nữ họ có những câu:

Người thanh tiếng nói cũng thanh,

Chuông kêu, sẽ đánh bên thành cũng kêu.

và

Những người con mắt lá răm,

Lông mày lá liễu, đáng trăm quan tiền.

Và họ còn quan niệm cái đẹp của phụ nữ không những chỉ đóng khung ở sự thỏa con mắt người ta, mà còn gây được ảnh hưởng tốt trong gia đình:

Những người thắt đáy lưng ong,

Đã khéo chiều chồng, lại khéo nuôi con...

Ở tục ngữ ca dao, chúng ta thấy thể hiện rất rõ bản chất người lao động nước ta, như những đức tính cần cù, chịu đựng gian khổ, bền bỉ đấu tranh, vượt khó, có tinh thần hy sinh. Thí dụ những câu:

- Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

- Chớ thấy sóng cả mà lo,

Sóng cả mặc sóng, chèo cho có chèo.

- Làm người phải dẫn phải đo,

Phải cân nặng nhẹ, phải dò nông sâu.

- Chết trong, còn hơn sống đục.

- Người đời hữu tử hữu sinh,

Sống lo xứng phận, thác dành tiếng thơm.

Như trên chúng tôi đã nói, không phải lúc nào nhân dân Việt Nam cũng nhìn cuộc đời bằng con mắt nghiêm nghị, mà nhìn cuộc đời với nụ cười, có lúc rất hồn nhiên, có lúc rất chua chát. Bởi vậy, từ chỗ là tác giả những câu hát cho trẻ em, như những câu:

Cái sáo mặc áo em tao,

Làm tổ cây cà, làm nhà cây chanh,

Đọc canh bờ giếng, v.v...

đến chỗ là tác giả những câu:

- Ra đồng gió mát thanh thời,

Thương người năm vông nắng nôi ở nhà.

- Ai ơi, trẻ mãi ru mà,

Càng đo dẫn lắm càng già mất duyên.

Họ đã từ chỗ rất ngây thơ, đến chỗ rất chua chát, rất căm phẫn đối với việc đời éo le, đối với những kẻ ngồi mát ăn bát vàng.

Gió thổi là chổi trời.

*

Phá lá cây thì dễ, phá chổi chẳng dễ đâu.

*

Một cây làm chẳng nên non,

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

*

Rộng đồng mặc sức chim bay,
Biển hồ lai láng, mặc bầy cá đua.

*

Tạnh trời mây kéo về non,
Hẹn cùng cây cỏ chớ còn mong mưa.

*

Đố ai lặn xuống vực sâu,
Mà đo miệng cá, uốn câu cho vừa.

*

Đố ai lượm đá quăng trời,
Đan gầu tát biển, ghẹo người trong trăng.

*

Đố ai tát bể Đông Khê
Tát sông Bồ Đề, nhổ mạ cấy chiêm.

*

Đố ai biết đá mấy hòn,
Tua rua mấy chiếc, trăng tròn mấy đêm.

*

Có trăng thì phụ lồng đèn,
Ba mươi mồng một đi tìm lấy trăng.

*

Lên non đón gió lấy trầm,
Xui ong lấy mật, giục tằm nhả tơ.

*

Nước mưa là cửa trời.

*

Nước khe dè nước suối.

*

Chim ngói mùa thu, chim cu mùa hè.

*

Đố ai biết lúa mấy cây,
Biết sông mấy khúc, biết mây mấy tầng.

*

Đời người có một gang tay,
Ai hay ngủ ngày, còn có nửa gang.

*

Người đời khác nữa là hoa,
Sớm còn tối mất, nở ra lại tàn.

*

Cuộc đời (*hay đời người*) như cảnh phù du,
Sớm còn tối mất, công phu nhọc nhằn.

*

Trăng mờ còn tỏ hơn sao,
Dẫu rằng núi lở, còn cao hơn đồi.

*

Mồng bốn cá đi ăn thề,
Mồng tám cá về cá vượt vũ môn^[19].

*

Ngày năm thê bảy thiệp,

Đêm trọn kiếp năm không.

*

Đố ai bắt chạch đặng đuôi;

Bắt chim đầu cánh, bắt người trong trăng.

*

Lòng vả cũng như lòng sung,

Một trăm lòng vả, lòng sung một lòng.

*

Ngồi rồi may túi đựng trời,

Đan phen chẵn gió, giết voi xem giò.

Ngồi rồi vác thước đi đo,

Đo từ núi Sở đo lên chùa Thầy...

*

Non cao ai đắp mà cao,

Sông sâu ai bồi, ai đào mà sâu?

Nước non là nước non trời,

Ai phân được nước, ai dời được non.

*

Tấm gương vắng vặc chẳng mòn,
Bao nhiêu tình đâu là con cái nhà.

*

Vì sương nên núi bạc đầu,
Biển lay bởi gió, hoa sầu vì mưa.

*

Vì mây nên núi liền trời,
Vì cơn gió thổi, hoa cười với trăng.

*

Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,
Sao trăng lại phải chịu luôn đám mây?

Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng,
Đèn ra trước gió còn chẳng hời đèn?

*

Ao sâu tốt cá.

*

Đầu đi đuôi lọt.

*

Bồi ở, lở đi.

*

Cả gió tắt đuốc.

*

Đến chậm gặm xương.

*

Xanh vỏ, đỏ lòng.

*

Đong đầy, bán vơi.

*

Nuôi ong tay áo.

*

Liệu cơm gắp mắm.

*

Mùa hè cá sông, mùa đông cá bể.

*

Chim, thu, nụ, đế.

*

Cần tái, cải nhừ.

*

Khác máu, tanh lòng.

*

Quý tha, ma bắt.

*

Rán sành ra mỡ.

*

Ở hiền gặp lành.

*

Nhất vợ, nhì trời.

*

Qua đò, khinh sóng.

*

Vạch lá tìm sâu.

*

Bới lông tìm vết.

*

Bới bèo ra bọ

*

Đứt tay, hay thuốc.

*

Đất sỏi có chạch vàng.

*

Cống rắn cắn gà nhà.

*

Chi đường cho hươu chạy.

*

Băng nhảng như nhặng vào chuồng tiêu.

*

Đóng cửa đi ăn mày.

*

Đông tay hơn hay làm.

*

Làm như nhái bỏ đĩa.

*

Trâu buộc ghét trâu ăn.

*

Thương gặm xương chẳng được.

*

Sống lâu lên lão làng.

*

Rế rách đỡ nóng tay.

*

Xấu gỗ, tốt nước sơn.

*

Xấu đều hơn tốt lỏi.

*

Có tiếng không có miếng

*

Cơm treo, mèο nhịn đói.

*

Chơi chó, chó liếm mặt.

*

Đồng tiền liền khúc ruột.

*

Người ta là hoa đất.

*

Tốt danh hơn lành áo.

*

Theo voi ăn bã mía.

*

Đất có lẽ, quê có thói.

*

Đẹp vàng son, ngon mật mỡ.

*

Chửi cha không bằng pha tiếng.

*

Đặt ra quế, ể ra củi.

*

Đói cho sạch, rách cho thơm.

*

Gái tham tài, trai tham sắc.

*

Không ưa thì dũa có dòi.

*

Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

*

Sai con toán, bán con trâu.

*

Yêu nên tốt, ghét nên xấu.

*

Nói có sách, mách có chứng.

*

Sống quê cha, ma quê chồng.

*

Quen mui, thấy mùi ăn mãi.

*

Một câu nhin, chín câu lành.

*

Ăn không rau như đau không thuốc.

*

Ăn lúc đói, nói lúc say.

*

Ăn một miếng, tiếng một đời.

*

Của một đồng, công một nén.

*

Bắn bụi tre, đè bụi hóp.

*

Trăm năm thì ngắn, một ngày dài ghê.

*

Có thực mới vực được đạo.

*

Buộc cổ mèo, treo cổ chó.

*

Có cứng mới đứng đầu gió.

*

Chết trong còn hơn sống đục.

*

Vợ đàn bà, nhà hướng nam.

*

Bói ra ma, quét nhà ra rác.

*

Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết.

*

Râu ông nọ, cằm cằm bà kia.

*

Vợ đại không hại bằng đũa vênh.

*

Tham thì thâm, đa dâm thì chết.

*

Nhà không chủ như tủ không khóa.

*

Lửa đã đỏ lại bỏ thêm rơm.

*

Giàu làm chị, khó lụy làm em.

*

Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh.

*

Có hoa sói, tình phụ hoa ngâu.

*

Anh em khinh trước, làng nước khinh sau.

*

Chân tốt về hài, tai tốt về hoãn.

*

Chẳng ốm chẳng đau, làm giàu mấy chốc.

*

Chim ngói mùa thu, chim cu mùa hè.

*

Gạo tám xoan, chim ra ràng, cà cuống trứng.

*

Thứ nhất thịt bò tái, thứ nhì gái đương tơ.

*

Trời đất hương hoa, người ta cơm rượu.

*

Ăn bát cơm dẻo, nhớ nẻo đường đi.

*

Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau.

*

Chó cậy gần nhà, gà cậy gần chuồng.

*

Bảy mươi chưa què, chớ khoe rằng tốt.

*

Chưa vỡ bọng cúýt, đã đòi bay bổng.

*

Giấy trắng mực đen, làm quen thiên hạ.

*

Làm ruộng không trâu, làm giàu không thóc.

*

Đường đi hay tối, nói dối hay cùng.

*

Dao thử trâu héo, kéo thử lụa sô.

*

Nhà sạch thì mát, bát sạch thì ngon.

*

Miếng ngon nhớ lâu, lời đau nhớ đời.

*

Làm phúc quá tay, ăn mày không kịp.

*

Nói gần nói xa, chẳng qua nói thật.

*

Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

*

Sơn ăn từng mặt, ma bắt từng người.

*

Nhịn đói nằm co hơn ăn no vác nặng.

*

Nhịn miệng qua ngày, ăn vay mắc nợ.

*

Việc người thì sáng, việc mình thì quáng.

*

Thứ nhất phạm phòng, thứ nhì lòng lợn.

*

Thả con săn sắt, bắt con cá rô.

*

Ghen vợ, ghen chồng không nòng bằng ghen ăn.

*

Bắc cầu mà noi, ai bắc cầu mà lội.

*

Vén tay áo sô, đốt nhà táng giấy.

*

Trong nhà chưa tỏ, ngoài ngõ đã hay.

*

Một miếng khi đói bằng một gói khi no.

*

Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng.

*

Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống.

*

Chết sông chết suối, không ai chết đuổi độn đèn.

*

Áo năng may năng mới, người năng tới năng thương.

*

Buôn tàu buôn bè không bằng ăn dè hà tiện.

*

Hương năng thắp năng khói, người năng nói năng lỗi.

*

Một con so, lo bằng mười con dạ.

*

Một con sa bằng ba con đẻ.

*

Hay ăn miếng ngon, chồng con trả người.

*

Ba tháng mười ngày, hết tuần chay gái đẻ.

*

Đàn ông vượt bể có chúng có bạn,

Đàn bà vượt cạn chỉ có một mình.

*

Nòi nào giống nấy.

*

Cha làm sao, con bào hao làm vậy.

*

Con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh.

*

Giỏ nhà ai, quai nhà ấy.

*

Yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi.

Nhiều thầy thối ma, nhiều cha con khó lấy chồng.

*

Ở chọn nơi, chơi chọn bạn.

*

Học thầy chả tầy học bạn.

*

Thua trời một vạn

Không bằng thua bạn một ly.

*

Cha đòi cái áo rách này,

Mất chúng, mất bạn vì mày, áo ơi!

*

Bạn bè là nghĩa tương tri,

Sao cho sau trước một bề mới nên.

*

Bạn vàng gặp lại bạn vàng,

Long, lân, quy, phượng, một đoàn tứ linh.

*

Yêu trẻ, trẻ hay đến nhà,

Kính già, già để tuổi cho.

*

Đố ai ngồi võng không đưa,

Ru con không hát, anh chừa rượu tằm.

*

Đố ai chùa được rượu tằm,
Chùa ăn thuốc chín, chùa nằm chung hơi.
“Có tôi chùa được mà thôi,
Chùa ăn thuốc chín, chung hơi chẳng chùa”.

*

Cau phơi tái,
Gái đoạn tang,
Chim ra ràng,
Gà mái ghe.

*

Cơm chín tới,
Cải ngồng non,
Gái một con,
Gà nhảy ổ.

*

Thâm đông thì mưa,
Thâm dừa thì khú,

Thâm vú thì ghen
Thế gian ba sự không chừa,
Rượu nồng, dê béo, gái vừa đương tơ.

*

Sớm rửa cửa,
Trưa mài đục,
Tối giục ăn.

*

Lệnh làng nào, làng ấy đánh,
Thánh làng nào, làng ấy thờ.

*

Người trên ở chẳng kỷ cương,
Khiến cho kẻ dưới lập trường mây mưa.

*

Người trồng cây hạnh người chơi,
Ta trồng cây đức để đời về sau.

*

Ở hiền thì gặp lành,
Những người nhân đức trời dành phúc cho.

*

Đi với bụi, mặc áo cà sa,
Đi với ma, mặc áo giấy.

*

Làm thầy nuôi vợ, làm thợ nuôi miệng.

*

Của rề rề, không bằng nghề trong tay.

*

Cha mẹ nói oan,
Quan nói hiếp,
Chồng có nghiệp nói thừa.

*

Giàu chủ kho,
No đầu bếp,
Chóng chết quản voi.

*

Ai ơi, trẻ mãi ru mà,
Càng đo đản mãi càng già mất duyên.

*

Gái không chồng như nhà không nóc.
Trai không vợ như cọc long chân.

*

Gái được hơi trai, như thài lài gặp cứt chó,
Trai phải hơi gái, như bè vó trôi sông.

*

Ốt nào là ớt chẳng cay,
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.

Vôi nào là vôi chả nong,
Gái nào là gái có chồng chẳng ghen.

*

Thành đồ đã có chúa xây,
Cầu chi gái góa lo ngày lo đêm.

*

Rượu ngon bất luận be sành,
Áo rách khéo vá, hơn lành vụng may

*

Rượu lạt uống lắm cũng say,
Người khôn nói lắm, dẫu hay cũng nhàm.

*

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Xấu người đẹp nết, còn hơn đẹp người.

*

Thế gian chuộng của, chuộng công,
Nào ai có chuộng người không bao giờ

*

Thế gian lắm kẻ mơ màng,
Thấy hòn son thắm ngỡ vàng trời cho.

*

Trâu bò được ngày phá dỡ,

Con cháu được ngày giỗ ông.

*

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,

Nào ai vun xới cho mà, mà ăn?

*

Gió đưa gió đẩy mây đưa (*đưa*),

Gặp đâu hay đó, kén *lừa* mà chi.

*

Gió đưa liễu yếu, mai oăn,

Liễu yếu mặc liễu, mai oăn mặc mai.

*

Ăn quả, nhớ kẻ trồng cây,

Uống nước sông, nhớ mạch suối.

*

Ai ơi, chớ vội cười nhau,

Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười.

*

Ai ơi, chớ vội cười nhau,
Cười người hôm trước, hôm sau người cười.

*

Tầm vương tở, nhện cũng vương tở,
Mấy đời tở nhện được như tở tầm!

*

Mai mưa, trưa nắng, chiều nồm,
Trời còn luân chuyển, hưởng mồm thế gian.

*

Nói chín thì làm nên mười,
Nói mười làm chín, kẻ cười người chê.

*

Thế gian chẳng ít thì nhiều,
Không dưng ai dễ đặt điều cho ai.

*

Thế gian còn đại chưa khôn,
Sống mặc áo rách, chết chôn áo lành.

*

Biết thì thừa thốt,
Không biết thì dựa cột mà nghe.

*

Răng xa, cửa ngõ cũng xa,
Răng gần, Vĩnh Điện, La Qua cũng gần^[20].

*

Chim ham trái chín ăn xa,
Buồn tình lại nhớ gốc đa muốn về.

*

Gà què ăn quần cối xay,
Hát đi hát lại tối ngày một câu.

*

Ngựa ô chẳng cưỡi, chẳng bò,
Đường ngay không chạy, chạy dò đường quanh.

*

Kiến leo cột sắt sao mòn,

Tò vò xây tổ, sao tròn mà xây?

*

Chớ thấy hùm ngủ vuốt râu,
Đến khi hùm dậy, đầu lâu chẳng còn.

*

Con cóc nằm góc bờ ao,
Lăm le lại muốn đớp sao trên trời.

*

Em ơi, chị bảo em này,
Trứng chọi với đá có ngày vỡ tan.

*

Chẳng thiêng ai gọi là thần,
Lỗi ngang đường tắt chẳng gần ai đi.

*

Thuyền đua, bè sậy cũng đua,
Thấy rau muống vượt, rau dừa vượt theo.

*

Chuột chù chê khi rằng hôi,
Khỉ mới trả lời: cả họ mà thơm!

*

Tranh quyền cướp nước gì đây,
Coi nhau như bát nước đầy là hơn.

*

Lúc khó thì chẳng ai nhìn,
Đến khi đỡ trặng chín nghìn anh em.

*

Con ơi chớ lấy vợ giàu,
Cơm ăn chê hẩm, cá kho bầu nó chê tanh.

*

Bực mình chẳng muốn nói ra,
Muốn đi ăn cỗ chẳng ma nào mời.

*

Ngày ngày cặp nón ra đi,
Buôn gì chẳng có, bán gì thì không.

*

Chớ khinh chùa Tích không thờ,
Mà đem xôi oản cúng nhờ gốc cây.

*

Thuyền câu lơ lửng đã xong,
Thuyền chài lơ lửng, uổng công thuyền chài.

*

Gần sông quen với cá,
Gần rừng không lạ với chim.

*

Khó khăn ở quán ở lầu,
Bà cô ông cậu chẳng điều hỏi sao.

Giàu sang ở bên nước Lào,
Hùm tha rắn cắn, tìm vào cho mau.

*

Chớ thấy áo rách mà cười,
Những giống gà nòi, lông nó lơ thơ,

Áo dài chớ tưởng là sang,
Bởi không áo ngắn phải mang áo dài.

*

Ra đường bà nọ bà kia,
Về nhà không khỏi cái nia cái sàng.
Ra đường vồng giá nghênh ngang,
Về nhà hỏi vợ: “Cám rang đâu mày?”

- Cơm rang tôi để cối xay.
- Hễ chó ăn hết thì mày với ông!

*

Ông cả ngồi trên sập vàng,
Cả ăn, cả mặc, lại càng cả lo.
Ông bếp ngồi trong xó tro,
Ít ăn, ít mặc, ít lo, ít làm.

*

Yên thân làm sãi giữ chùa,
Tụng kinh niệm Phật, oán thừa sãi xơi.

Bụt lành đừng hạ xuống chơi,
Chùa không có bụi sai thời cũng đi.

*

Tò vò mảy nuôi con nhện,
Đến khi nó lớn nó quện nhau đi.
Tò vò ngồi khóc tỉ tỉ,
Nhện ơi, nhện hỡi! Mảy đi đàng nào?

*

Chuông khánh còn chẳng ăn ai,
Nửa là mảnh chĩnh bỏ ngoài bờ tre.
Chuông khánh còn chẳng ăn chè,
Nửa là mảnh chĩnh rò rề ăn xôi.

*

Vua Ngô ba mươi sáu tàn vàng,
Thác xuống âm phủ, chẳng mang được gì.
Chúa Chổm^[21] uống rượu tì tì
Thác xuống âm phủ kém gì vua Ngô.

*

Ở đâu mà chẳng biết ta?

Ta con ông Sấm, cháu bà Thiên lô.

Xưa kia ta ở trên trời,

Đứt dây rơi xuống làm người trần gian.

*

Trăm năm bia đá thì mòn,

Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ.

*

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,

Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng.

*

Đánh giặc mà đánh tay không,

Thà về xó bếp giương cung bắn mèo.

*

Làm lành muốn chúng biết danh,

Ấy là làm tiếng, phải lành ở mô!

*

Màn treo, chiếu rách cũng treo,
Hương xông nghi ngút, củi rêu cũng xông.

*

Sông sâu còn có kẻ dò,
Lòng người nham hiểm ai đo cho cùng^[22].

*

Đàn ông nông nổi giếng khơi,
Đàn bà sâu sắc như cơi đựng trầu.

*

Đàn bà không biết nuôi heo là đàn bà nhác,
Đàn ông không biết buộc lạt là đàn ông hư.

*

Người đồn giếng đá thì trong,
Nghiêng gầu sẽ múc, đo lòng cạn sâu.

*

Nước trong còn ở nguồn sanh,

Trà thơm có đợi chén sành hay không?

*

Bông chi thơm lạ thơm lòng!

Thơm cây, thơm rễ, người trồng cũng thơm.

*

Tiếc cây cội lớn không tàn,

Tiếc vườn cúc rậm cả ngàn không bông.

*

Tiếc công vun quét cây tùng,

Xăm soi trên ngọn, gốc sùng không hay.

*

Ở đời có bốn chuyện ngu:

Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu.

*

Đời xưa quả báo còn chầy,

Đời nay quả báo thấy ngay nhãn tiền.

*

Thức lâu mới biết đêm dài,
Ở lâu mới biết là người có nhân.

*

Xin đừng thấy quế phụ hương,
Quế già quế rụi, hương trầm thơm xa.

*

Hoa thơm trồng dựa cạnh rào,
Gió nam, gió chướng, gió nào cũng thơm.

*

Chó đâu có sủa chỗ không,
Chẳng thẳng ăn trộm cũng ông ăn mày.

*

Khi vui thì vỗ tay vào,
Đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai^[23].

*

Than rằng: khát đứng bờ ao,
Đói ăn bánh vẽ, chiêm bao thấy vàng.

*

Có vất vả mới thanh nhàn,
Không dưng ai dễ cầm tàn che cho

*

Ăn thì ăn những miếng ngon
Làm thì chọn việc cón con mà làm.

*

Chiều chiều ra đứng bờ sông,
Kẻ kéo cho chết, người không động mình.

*

Ăn trái nhớ kẻ trồng cây,
Ăn gạo nhớ kẻ cấy, xay, giã, sàng.

*

Thương thì củ ấu cũng tròn
Không thương thì quả bồ hòn cũng vuông.

*

Hoa thơm ai nỡ bỏ rơi,

Người khôn ai nói nặng lời làm chi.

*

Tưởng là đá nát thì thôi,

Hay đâu đá nát nung vôi lại nong.

*

Kim vàng ai nỡ uốn câu,

Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.

*

Người khôn không nỡ roi đòn.

Một lời nhè nhẹ hãy còn đắng cay.

*

Lọ là thét mắng mới nên,

Một lời siết cạnh bằng nghìn roi song.

Roi song đánh đoạn thì thôi,

Một lời siết cạnh, muôn đời chẳng quên.

*

Chim khôn thì khôn cả lông,

Khôn cả cái lông, người xách cũng khôn.

*

Kinh nghề vui thú kinh nghề,

Tép tôm thì lại vui bề tép tôm.

*

Ở cho phải phải phân phân,

Cây đa cây thần, thần cây cây đa.

*

Thương người, người lại thương ta,

Ghét người, người lại hóa ra ghét mình.

*

Trời sinh hùm chẳng có vây,

Hùm mà có cánh, hùm bay lên trời.

*

Tưởng giếng sâu, nổi sợi dây dài,

Hay đâu giếng cạn tiếc hoài sợi dây.

*

Ôm bầu mang tiếng thị phi,
Bầu không có rượu, uống gì mà say.

*

Sá chi một nải chuối xanh,
Năm bảy người giành cho mủ dính tay.

*

Miếng ăn là miếng tồi tàn,
Mất ăn một miếng, lộn gan lên đầu.

*

Rượu nào rượu lại say người,
Bớ người say rượu, chớ cười rượu say!

*

Khôn ngoan thì bảo rằng ngoa,
Vụng dại thì bảo người ta rằng đần.

*

Gái khôn tránh khỏi dò đưa,
Trai khôn tránh khỏi vợ thừa người ta.

*

Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng
Đẹp duyên thì lấy, tơ hồng nào xe!

*

Chị đại đã có em khôn,
Lẽ đâu mang giỏ thùng tròn đi mò.

*

Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng,
Mà duyên chưa lọt, má hồng chưa phai.

*

Đau bụng lấy bụng mà chườm,
Ví bằng không khỏi, hắc hương với gừng.

*

Gái phải lòng trai đem cửa về nhà,
Trai phải lòng gái tháo dỡ cột nhà đem đi.

*

Hoài hơi mà đắm bị bông,

Đấm được bên nọ, nó phồng bên kia.

*

Khen ai khéo đúc chuông chì
Dáng thì có dáng, đánh thì không kêu.

*

Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục, lại vắn than rơm.

*

Khi vui, non nước cũng vui,
Khi buồn, sáo thổi kèn đôi cũng buồn.

*

Trăng lên nhu nhú đầu non,
Số em là số sớm con muộn chồng.

*

Hồng nhan ai kém ai đâu,
Kẻ xe chỉ thắm, người râu hạt vàng.

*

Chớ nghe quân tử ỉ òn,
Mà rồi có lúc ẵm con một mình.

*

Gái đâu có gái lạ đời
Chỉ còn thiếu một ông trời không chim.

*

Cau già khéo bổ thì non,
Nạ dòng trang điểm lại giòn hơn xưa.

*

Không chồng mà chữa mới ngoan,
Có chồng mà chữa, thế gian sự thường.

*

Gà già khéo ướp lại tơ,
Nạ dòng trang điểm, gái tơ mất chồng.

*

Cá lên khỏi nước cá khô,
Làm thân con gái lả lơi ai khen.

*

Xưa nay thế thái nhân tình,
Vợ người thì đẹp, văn mình thì hay.

*

Văn hay chẳng luận đọc dài,
Vừa mở đầu bài đã biết văn hay.

*

Tằm sao tằm chẳng ăn dâu?
Tằm đòi ăn ruộng, ăn trâu, ăn nhà.

*

Một con tằm cũng phải hái dâu,
Một con trâu cũng phải đứng đồng.

*

Năng mưa, năng tốt lúa đường,
Hễ năng đi lại, coi thường nhau đi.

*

Thế gian còn mặt mũi nào,

Đã nhớ lại liếm, làm sao cho đành!

*

Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa,
Tiếng lành tiếng dữ, đồn ba ngày đường.

*

Một lời nói, quan tiền thúng thóc;
Một lời nói, dùi đục cẳng tay.

*

Nói thì đâm năm chém mười,
Đến bữa tối trời, chẳng dám ra sân.

*

Làm trai cho đáng sức trai,
Khom lưng chống gối, gánh hai hạt vừng.

*

Lo gì mà lo, lo bò trắng răng,
Mua ba đồng thuốc nhuộm răng cho bò.

*

Mặc đời cua máy cày đào,
Gai kia ai vót, quả nào ai vo.

*

Cá không ăn câu, chê rằng cá đại,
Cá mắc mồi rồi, bảo tại cá tham.

*

Lươn ngắn lại chê chạch dài,
Thờn bơn méo miệng, chê trai lệch mồm.

*

Mèo khen mèo dài đuôi,
Chuột khen chuột nhỏ dễ chui dễ trèo.

*

Bậu chê qua ở rẫy ăn còng,
Bậu về ở chợ ăn ròng mằm tôm.

*

Một lần là tởn^[24] đến già,
Đừng đi nước mặn mà hà ăn chân.

*

Có đỏ mà chẳng có thơm,
Như hoa dâm bụi, nên cơm cháo gì.

*

Hơi đâu mà giận người dưng,
Bắt sao được cái chim rừng nó bay.

*

Giương cung rắp bắn phượng hoàng,
Chẳng may lại gặp một đàn chim ri.

*

Sa chân bước xuống ruộng dưa,
Dẫu ngay có chết, cũng ngờ rằng gian.

*

Kẻ có tình thì rình trong bụi,
Kẻ vô tình lủi thủi mà đi.

*

Ai ơi, giữ chí cho bền,

Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

*

Dù ai nói đông nói tây,
Thì ta cũng vững như cây giữa rừng.

Dù ai nói ngả nói nghiêng,
Thì ta vẫn vững như kiềng ba chân.

*

Nên ra tay kiếm tay cờ,
Chẳng nên thì chớ, chẳng nhờ tay ai.

*

Đây ta như cây giữa rừng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.

*

Vàng tâm xuống nước vẫn tươi,
Anh hùng lâm nạn cứ cười, cứ vui.

*

Chim quyên xuống đất ăn giun,

Anh hùng lữ vận lên nguồn đốt than.

*

Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống Đông, Đông tĩnh, lên Đoài, Đoài tan.

*

Nước còn quẩn cát làm doi,
Thương nhau ta phải tài bồi cho nhau.

*

Một hòn đắp chẳng nên non
Ba hòn chụm lại, nên cồn Thái Sơn.

*

Ai ơi! Đã quyết thì hành,
Đã dẫn thì vác cả cành lẩn cây.

*

Ai ơi! Đã quyết thì hành,
Đã đan thì lện tròn vành mới thôi.

*

Đã sinh ra kiếp đàn ông,
Đèo cao núi thăm sông cùng quản chi.

*

Lên non mới biết non cao,
Lội sông mới biết lạch nào cạn sâu.

*

Thui ra mới biết béo gầy,
Đến khi cả gió, biết cây cứng mềm.

*

Ai về ai ở mặc ai,
Ta như dầu đượm thắp hoài năm canh.

*

Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

*

Chớ thấy sóng cả mà lo,
Sóng cả mặc sóng, chèo cho có chùng.

*

Có khó mới có miếng ăn,
Không dừng ai dễ mang phần đến cho.

*

Nước lũ mà vã nên hồ,
Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.

*

Con sắt vật ngã ông Đùng,
Đắp mười chiếc chiếu không cùng bàn tay.

*

Nực cười châu chấu đá xe,
Tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng.

*

Làm người suy chín, xét ra,
Cho tường gốc ngọn, cho ra văn dài.

*

Làm người phải đẵn phải đo,
Phải cân nặng nhẹ, phải dò nông sâu.

*

Làm người ăn tối lo mau,
Việc mình hồ dễ để ai đo lường.

*

Năm canh thì ngủ lấy ba,
Hai canh lo lắng việc nhà làm ăn.

*

Người ta hữu tử hữu sanh,
Sống lo xứng phận, thác dành tiếng thơm.

*

Gừng già, gừng rụi, gừng cay,
Anh hùng càng cực, càng dày nghĩa nhân.

*

Có gió lung,
Mới biết từng bá cứng
Có ngọn lửa hừng, mới rõ thức vàng cao.

*

Trăng rằm trăng chẳng nguyệt hoa,
Sao trăng chứa Cuội trong nhà hời trăng?

*

Gươm linh sút cán còn trành,
Bình hương dầu bể, miếng sành còn thơm.

*

Đem chuông đi đấm nước người,
Chẳng kêu, cũng đấm một hồi lấy danh.

*

Đấng trượng phu, đừng thù mới đáng,
Đấng anh hùng, đừng oán mới hay.

*

Lòng ta, ta đã chắc rồi,
Nào ai giục đứng giục ngồi mà nao.

*

Ngựa hay chẳng quản đường dài,
Nước kiệu mới biết tài trai anh hùng.

*

Làm trai mà chẳng biết suy,
Đến khi nghĩ lại, còn gì là thân.

*

Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng.

*

Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà là hơn.

*

Khôn ngoan đá đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

*

Trâu ta ăn cỏ đồng ta,
Tuy rằng cỏ cứt, nhưng mà cỏ thơm.

*

Hoài sơn mà gấn răng bừa,

Hoài gương tư mã cho bò nó soi.

*

Bầu ơi! Thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

*

Làm trai cho đáng nên trai,
Phú Xuân đã trải, Đồng Nai cũng từng.

*

Đêm đêm vuốt bụng thở dài,
Thở ngắn bằng chạch, thở dài bằng lươn.

*

Đắc thời đắc thế thì khôn,
Sa cơ rỗng cũng như giun khác nào
Sa cơ mới phải lụy Tào,
Nhưng so tài đức thì tao kém gì.

*

Ai mà nói dối với ai,

Thì trời giáng họa cây khoai giữa đồng.

Ai mà nói dối với chồng,

Thì trời giáng họa cây hồng bờ ao.

*

Trông mặt mà bắt hình dong,

Con lợn có béo thì lòng mới ngon,

*

Cá tươi thì xem lấy mang,

Người khôn, xem lấy đôi hàng tóc mai.

*

Người thanh tiếng nói cũng thanh

Chuông kêu, sẽ đánh bên thành cũng kêu.

*

Chim khôn kêu tiếng rảnh rang,

Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.

*

Người xấu duyên lặn vào trong,

Bao nhiêu người đẹp duyên bong ra ngoài.

*

Những người thắt đáy lưng ong,

Đã khéo chiều chồng, lại khéo nuôi con

Những người béo trọc béo tròn,

Ăn vụng như chớp đánh con cả ngày.

Những người mặt nạc đóm dày,

Mo nang trôi sấp, biết ngày nào khôn!

*

Những người con mắt lá răm,

Lông mày lá liễu, đáng trăm quan tiền.

*

Người khôn đón trước rào sau,

Để cho người dại biết đâu mà dò.

*

Trai ba mươi tuổi đang xoan,

Gái ba mươi tuổi đã toan phận già^[25].

*

Đàn ông rộng miệng thì sang,
Đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà.

*

Cô kia má phấn môi son,
Nắng dầu mưa dãi càng giòn càng ưa.
Cô kia mặt trên mày trơ,
Vàng đeo, bạc quần cũng dơ đáng người.

*

Chồng thấp mà lấy vợ cao,
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng.

*

Dạy dĩ vãng xong,
Dạy ông cống vào tràng,
Dạy bà lang bốc thuốc.

*

Học hành ba chữ lem nhem,

Thấy gái thì thèm như chữa thềm chua.

*

Khác nào quạ mượn lông công,
Ngoài thì xinh đẹp trong lòng xấu xa.

*

Mặt rỗ như tổ ong bầu,
Cái răng khắp khểnh như cầu rửa chân.

*

Người khôn con mắt đen sì,
Người dại con mắt nửa chì nửa thau.

*

Trời sanh con mắt là gương,
Ghét người ngó ít, người thương ngó hoài.

*

Những người ti hí mắt lươn,
Trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người.

*

Những người phình phính mặt mo,
Chân đi chữ bát thì cho chẳng màng.

*

Làm người có miệng, có môi,
Khi buồn thì khóc, khi vui thì cười.

*

Kìa ai lảo lạo ngoài da,
Mà trong rỗng tuếch như hoa muống rừng.

*

Ở sao cho vừa lòng người,
Ở rộng người cười, ở hẹp người chê.

*

Cao chê ngông, thấp chê lùn;
Béo, chê béo trực béo tròn;
Gầy, chê xương sống, xương sườn bày ra.

*

Tôi đã biết vợ anh rồi.

Quần quần tóc trán là người hay ghen.

*

Cô gái Sơn Tây, yếm thùng tà dần,

Răng đen hạt nhót, chân đi cù lèo.

Tóc rẽ tre chải lược bờ cào,

Xù xì da cóc, hắc lò tứ tung.

Trên đầu chấy rận như sung,

Rốn lồi quả mít, má hồng tròn niêu.

Cô tưởng mình cô ái ố mỹ miều,

Chồng con chả lấy, để liêu thân ru?

Hai nách cô thơm như ổ chuột chù,

Mắt thì gián nhấm, lại gù lưng tôm.

Trứng rận bằng quả nhãn lồng,

Miệng cười tùm tùm như sông Ngân Hà.

Con rận bằng con ba ba

Đêm nằm nó ngứa cả nhà thất kinh.

Hàng xóm vác gậy đi rình,

Hóa ra rận đực, nóng mình bò ra.

Bánh đúc cô nếm nồi ba,

Mít re trắng miệng, hết vài trăm cây.

Giã gạo vú chấm đầu chày,

Xay thóc cả ngày, được một đấu ba.

Đêm nằm nghĩ hết gần xa,

Giở mình một cái, gãy mười ba thang giường.

*

Khôn như tiên, không tiền cũng đại.

*

Có tiền, mua tiên cũng được

Không tiền mua lược cũng không.

*

Có tiền thì tiên hay múa,

Không tiền thì ông táo chúa ra sân.

*

Tiền bạc đi trước, mực thước đi sau.

*

Của mình thì giữ bo bo,
Của người thì thả cho bò nó ăn.

*

Chị kia có quan tiền dài
Có bị gạo nặng, coi ai ra gì!

*

Chị em thì thật là hiền,
Chỉ vì đồng tiền mà mất lòng nhau.

*

Có tiền, vợ vợ chồng chồng,
Không tiền, chồng Đông, vợ Đoài.

*

Đồng tiền không phẫn, không hồ,
Sao mà khéo điểm, khéo tô mặt người.

*

Của đời ông mẹ để cho,

Mần không, ăn có, của kho cũng rồi.

*

Vai mang túi bạc kè kè,
Nói quấy nói quá, người nghe âm âm.

*

Nón mới giọt nước trời mưa,
Ai ham vợ đẹp thì thừa việc làm.
Vợ đẹp chỉ tổ đau lưng,
Chè ngon khan cổ, điệu thông nặng đờm.

*

Trong lưng chẳng có một đồng,
Lời nói như rỗng cũng chẳng ai nghe.

*

Tiền của là chúa muôn đời,
Người ta là khách vãng lai một thì.

*

Tham vàng bỏ đồng gạch đầy.

Vàng thì ăn hết, gạch xây nên thành.

*

Lời nói chẳng mất tiền mua,

Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau.

*

Cậy tài, cậy khéo, khoe khôn,

Đừng cậy có của đa ngôn quá nhời.

Của thì mặc của, em ơi!

Đừng cậy có của, coi người mà khinh.

*

Cờ bạc là bác thẳng bần,

Cửa nhà bán hết, tra chân vào cùm.

*

Tin nhau buôn bán cùng nhau,

Thiệt hơn, hơn thiệt, trước sau như lời.

Hay gì lừa đảo kiếm lời,

Một nhà ăn uống tội trời riêng mang.

Theo chi những thói gian tham,
Pha phôi thực giả, tìm đường dối nhau,
Của phi nghĩa có giàu đâu,
Ở cho ngay thật, giàu sau mới bền.

*

Một quan tiền tốt mang đi,
Nàng mua những gì mà tính chẳng ra?
Thoạt tiên mua ba tiền gà,
Tiền rưỡi gạo nếp với ba đồng trâu,
Trở lại mua sáu đồng cau,
Tiền rưỡi miếng thịt, giá, rau mười đồng.
Có gì mà tính chẳng thông!
Tiền rưỡi gạo tẻ, sáu đồng chè tươi.
Ba mươi đồng rượu, chàng ơi!
Ba mươi đồng mật, hai mươi đồng vàng,
Hai chén nước mắt rõ ràng,
Hai bảy mươi bốn, kéo chàng hồ nghi.

Hai mươi một đồng bột nấu chè,
Mười đồng nải chuối, chẵn thì một quan.

*

Gái này là gái chả vừa
Gái bán vải tấm, gái lừa vải con.

Gái này là gái chả non,
Gái lường chợ Quán, gái buôn chợ Cầu.

*

Hoa sen mọc bãi cát lằm,
Tuy rằng lằm lạp vẫn mầm hoa sen.

*

Thài lài mọc cạnh bờ sông,
Tuy rằng xanh tốt vẫn tông thài lài.

*

- Hoa kia tươi tốt rườm rà,
Tuy rằng tươi tốt, nhưng mà ong châm.

- Anh ở trong ấy anh ra,

Cớ sao anh biết vườn hoa chị tàn?

Hoa tàn nhưng chị chưa tàn,

Muốn xem chị vén bức màn cho xem!

*

Gái một con trông mòn con mắt,

Gái hai con, con mắt liếc ngang,

Ba con cổ ngẩng răng vàng,

Bốn con quần áo đi ngang khét mù.

Năm con tóc rối tổ cu,

Sáu con yếm trệt, váy dù vắn ngang^[26].

*

Vào chùa thắp một tuần hương,

Miệng khấn tay vái bốn phương chùa này.

Chùa này có một ông thầy,

Có hòn đá tảng, có cây ngô đồng.

Cây ngô đồng không trồng mà mọc,

Rễ dọc, rễ ngang...

Quả dưa gang trong vàng ngoài trắng,
Quả mướp đắng trong trắng ngoài xanh,
Gương tàu soi cả mặt anh, mặt nàng.

*

Trên đời gì rẻ bằng bèo,
Chờ khi nước lụt, bèo trèo lên sen.
Trên đời gì tốt bằng sen,
Quan yêu, dân chuộng, rã bèn^[27] cũng hư.

*

Trăm hoa đua nở tháng giêng,
Có bông hoa cải nở riêng tháng mười.
Trăm cánh hoa cười,
Trăm nụ hoa nở mùa xuân sang.
Đàn con yến trắng, dập dìu đàn ong...
Con chim kia sao khéo náo nùng!
Cuối kê giống giả như nung dạ sầu.
Gió nam hây hẩy ban chiều,

Một đàn bướm trắng dập dìu trên non.

Đêm đông trường nghe vượn ru con,

Vượn hát ru con, cá khe lặn bóng, chim buồn cỗi cây.

Con ve kêu ổng ảnh tiếng chày,

Kìa quân tử trúc, dạ này băng khuâng...

Em như hoa thơm mà mọc óc rừng,

Thơm tho ai biết, ngát lừng ai hay!

*

Buồn về một nỗi tháng giêng,

Con chim cái cú năm nghiêng thờ dài.

Buồn về một nỗi tháng hai,

Đêm ngắn ngày dài thua thiệt người ta.

Buồn về một nỗi tháng ba,

Mưa dầm nắng lửa, người ta lừ đừ.

Buồn về một nỗi tháng tư,

Con mắt lừ đừ cơm chẳng muốn ăn.

Buồn về một nỗi tháng năm,

Chửa đặt mình nằm, gà gáy chim kêu...

*

- Trăm hoa đua nở mùa xuân,

Cớ sao cúc lại muộn màng tiết thu?

- Vì hoa tham mấy sắc vàng,

Cho nên hoa phải muộn màng tiết thu.

*

Đố ai mà được như sen,

Chung quanh cánh đỏ, giữa chen nhị vàng.

Nhị vàng, bông thắm, lá xanh^[28]

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

*

Tối trăng còn hơn sáng sao,

Dẫu rằng núi lở còn cao hơn đồi.

*

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già?

Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non?

Trắng bao nhiêu tuổi trắng tròn?

Núi bao nhiêu tuổi núi còn trơ trơ?

*

Ông trắng mà bảo ông trời:

Những người hạ giới là người như tiên.

Ông trời mà bảo ông trăng:

Những người hạ giới mặt nhẵn như tườu...

*

Bàn tay còn có ngón dài ngón vắn,

Con một nhà đĩa trắng đĩa đen.

Hễ ăn vóc học quen,

Dẫu họ chê mình vụng, tập rèn phải hay.

*

Thầy bói nói dựa.

*

Tiền buộc dải yếm bo bo,

Trao cho thầy bói đâm lo vào mình.

*

Hòn đất mà biết nói năng,
Thì thầy địa lý hàm răng chẳng còn.
Thầy khoe thầy cứu được người,
Đến khi thầy ốm chẳng ai cứu thầy.

*

Số cô chẳng giàu thì nghèo,
Ngày ba mươi Tết thịt treo trong nhà.
Số cô có mẹ có cha,
Mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông.
Số cô có vợ có chồng,
Sinh con đầu lòng, chẳng gái thì trai.

*

Chập chập thôi lại cheng cheng,
Con gà sống lớn để riêng cho thầy,
Đơm xôi thì đơm cho đầy,
Đơm mà với đĩa thì thầy không ưa.

*

Thầy dốt mà đọc canh khôn,

Đến khi đọc đồn: ý ả ý a...

*

Thầy thiếp là thầy thiếp ơi,

Nay chuông mai trống cho tôi động lòng.

Bốn con, tôi bỏ cho chồng,

Tôi theo thầy thiếp, cực lòng tôi thay.

*

Nhất hào

Nhì hào, tam hào...

Chó chạy bờ ao,

Chuột chạy bờ rào...

Quẻ này có động!

Nhà này có quái trong nhà,

Có con chó đực cắn ra đặng mồm.

Nhà bà có con chó đen,

Người lạ nó cần, người quen nó mừng.

Nhà bà có cái cối xay,

Bốn chân xuống đất, ngỗng quay lên trời...

*

Ăn mặn nói ngay,

Còn hơn ăn chay nói dối.

*

Có tội thì lội xuống sông,

Đánh ba tiếng cồng thì nổi tội lên.

*

Na mô một bồ lấy bốn,

Người ta đã khốn lại còn na mô.

*

Lạy trời, lạy Phật, lạy vua,

Để tôi sức khỏe, tôi xua con ruồi.

*

Hôm nay mười bốn, mai rằm,

Ai muốn ăn oản thì nằm với sư.

*

Đi tu, Phật bắt ăn chay,
Thịt chó ăn được, thịt cầy thì không.

*

Ăn trộm ăn cướp, thành Phật, thành tiên,
Đi chùa đi chiến, bán thân bất toại.

*

Nam mô bồ tát,
Chẻ lạt đứt tay,
Đi cày trâu húc,
Đi xúc phải cọc,
Đi học thầy đánh,
Đi gánh đau vai,
Năm dài nhịn đói.

*

Nam mô một bồ dao găm,

Một trăm giáo mác

Một vác dao bầu,

Một xâu thịt chó...

*

Nam mô một bồ dao găm,

Một trăm con chó, một lọ mắt tôm,

Một ôm rau húng, một thùng rau răm...

*

Trên chùa có tiểu mười ba,

Sư ông mười bốn, vải già mười lăm.

Muốn cho một tháng đôi răm,

Trước là lễ Phật, sau thăm vải già.

*

Cái trống sắc đỏ

Cái mõ sơn son,

Ông sư bà vải có con rõ ràng.

*

Thịt chó tiểu đánh tì tì,
Bao nhiêu chỗ lợi tiểu thì cấm công.

Nam mô xứ Bắc, xứ Đông,
Con gái chưa chồng thì lấy tiểu tôi!

*

Ai lên Hương Tích chùa Tiên,
Gặp cô sư bác, anh khuyên đôi lời:
Đem thân làm cái kiếp người,
Tu sao cho trọn nước đời mà tu!

*

Sư đi, chùa mọc, sân rêu,
Mỡ khuya ai gõ, chuông chiều ai khua?

Vinh hoa là cái trò đùa,
Đã tu không trót, lại mua trận cười.

*

Con chim ăn quả bò nu,
Ai làm nên nổi, thầy tu đeo xiềng?

Thầy tu ăn nói cà riềng,
Em thừa quan cả đóng xiềng thầy tu.

*

Người ta đi giáo tiền, giáo gạo.
Tiểu tôi đi giáo áo, giáo nôi.
Nhà nào công đức thì thôi,
Nhà nào đi vắng, tiểu tôi giáo bò...

*

Sư tu đâu, tiểu tôi tu đấy,
Oản với chuối ta cùng ăn chung.
Rục tùng xòe, ta rung não bạt,
Dốc một lòng, thế phát đi tu...

*

Vợ sư sắm sửa cho sư,
Áo đen tràng hạt, mũ lư tày giành
Để sư sướng kiếp bành hành...

*

Ngồi buồn đốt một đồng rơm,
Khói lên nghi ngút chẳng thơm chút nào.

Khói lên đến tận thiên tào,
Ngọc Hoàng phán hỏi: Thằng nào đốt rơm?

*

Sư đang tụng miệng na mô,
Thấy cô cắp giỏ mò cua bên chùa...

Lòng sư luống những mơ hồ,
Bỏ kinh bỏ kệ, tìm cô hỏi chào.

Ai ngờ cô đi đàn nào,
Tay lần tràng hạt ra vào bắn khoả...

*

Ba cô đội gạo lên chùa,
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư.

Sư về, sư ốm tương tư,
Ốm lẫn ốm lóc, cho sư trọc đầu.

Ai làm cho dạ sư sầu,

Cho ruột sứ héo như bầu đứt dây.

*

Em là con gái phủ Từ^[29]

Lộn chồng trả của, theo sứ chùa Viềng.

Đói ăn thịt chó nấu riềng,

Bán rau mảnh bát, lấy tiền nộp cheo.

Dù còn thiếu thốn bao nhiêu,

Xin làng đừng có cấm nêu ruộng chùa.

*

Vào chùa xem tượng mới tô,

Xem chuông mới đúc, xem cô lộn chồng.

Cô lộn chồng cô tu đã vậy,

Cha mẹ già trông cậy vào đâu?

*

Na mô bồ tát bồ hòn,

Ông sư bà vải cuộn tròn lấy nhau!

*

Na mô đức Phật Quan Âm,
Bao nhiêu vãi mầm thì lấy tiểu tôi!

*

Ba mươi súc miệng ăn chay,
Sáng ngày mồng một dựng cây trúc dài.

Lâm râm khẩn vái Phật trời,
Biết đâu có năng mà phơi quần hồng!

Ai ơi hãy hoãn lấy chồng,
Để cho trai gái dốc lòng đi tu.

Chùa này chẳng có bụi ru?
Mà đem chuông khánh treo chùa Hồ Sen^[30]

Thấy cô yếm đỏ răng đen,
Na mô Di Phật lại quên mất chùa!
Ai mua tiu cảnh thì mua,
Thanh la nảo bạt, thầy chùa bán cho.
Hộ pháp thì một quan ba,
Long thần chín rưỡi, Thích Ca ba tiền.

Còn hai Mụ Thiện hai bên,
Ai mua bán nốt lấy tiền nộp cheo.
Lệ làng thiếu thốn bao nhiêu,
Đã cây tre cọc cắm nêu sân chùa.

*

Sáng trăng vắng vắng,
Vác cặc đi chơi.
Gặp đàn vịt trời,
Giương cung anh bắn.
Gặp cô yếm thắm,
Đội gạo lên chùa,
Thò tay bóp vú...
“Khoan khoan tay chú!
Đổ thúng gạo tôi...”
Hôm nay ba mươi,
Mai là mồng một,
Đội gạo lên chùa cúng Bụt.

Bụt ngoảnh mặt đi...

Ông Thích Ca mỉm miệng cười khi:

“Của tam bảo, để làm gì chẳng bóp!”.

[19] Nhân dân kinh nghiệm những ngày ấy vào tháng bảy trời hay mưa, thời xưa người ta cho là cá chép đi thi để hóa rồng.

[20] Vĩnh Điện, La Qua đều thuộc Quảng Nam.

[21] Túc Lê Trang Tông (1533-1548).

[22] Có bản chép:

Lòng sông lòng biển dễ dò,

Ai từng bẻ thước mà đo lòng người.

[23] Có bản chép: “Đến khi tẻ ngắt thì nào thấy ai”.

[24] Tồn là sợ.

[25] Ở Trung Bộ có câu:

Trai ba mươi tuổi đang xinh

Gái ba mươi tuổi như bình mằm nê.

[26] Còn có câu:

Gái một con trông mòn con mắt,

Gái hai con vú quặt sau lưng,

Gái ba con bạ đầu ngồi đấy.

[27] Rã bèn, cánh rụng, rã rời.

[\[28\]](#) Ba câu đầu có bản chép:

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng,

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh...

[\[29\]](#) Phủ Từ Sơn (Bắc Ninh).

[\[30\]](#) Tức ngôi chùa nhỏ ở trên một đám đất nổi giữa đầm sen thuộc khu Bảy Mẫu (nay đã lấp đi) bên trái con đường từ ga Hàng Cỏ xuống Bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội).

7. ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI QUA TỤC NGŨ' CA DAO

Nước Việt Nam ta, non sông một dải, từ Lạng Sơn đến Cà Mau núi rừng trùng điệp, đồng ruộng bát ngát, sông biển chan hòa: miền Nam thì nông lâm, hải sản đặc biệt giàu có, miền Bắc thì khoáng sản đặc biệt phong phú.

Giang sơn gấm vóc ấy nằm ở miền nhiệt đới, nên có những lúc thời tiết ấm áp, nhưng lại có mùa lạnh buốt thấu xương, mưa to bão lớn và lụt lội, hạn hán cũng thường xảy ra.

Đất nước ta trù phú như vậy, lại có một nền văn hóa lâu đời và là một bao lơn trên Thái Bình Dương, có tầm mắt nhìn ra toàn cõi Đông Nam Á, nên cũng là một đất nước trong số những đất nước phải trải qua sóng gió ngoại xâm nhiều nhất.

Đất nước và con người có quan hệ mật thiết với nhau. Trong quá trình đấu tranh thiên nhiên, bạt núi, ngăn sông, khai phá đất hoang, tin ở trí thông minh và sức lực của mình, tổ tiên dân tộc Việt đã đứng lên cùng các dân tộc thiểu số anh em mở mang đất nước. Ở miền Bắc nước ta, đường núi quanh co, có nơi cao ngất, nên tổ tiên ta đã cho là ở Hà Giang có lối lên trời, gọi là Cổng Trời.

Đường đi quanh quần ruộng dê,

Chim kêu vượn hót dựa kề bên non.

Rừng rồi lại rừng, suối rồi lại suối, vách đá dựng đứng, cỏ cây từ vách đá mọc ngang trên đầu khách bộ hành.

Đường lên Mường Lẽ bao xa?

Trăm bảy mươi thác, trăm ba mươi ghềnh...

Dân tộc Việt là dân tộc đa số đứng giữa đoàn kết các dân tộc thiểu số anh em, đoàn kết trong đấu tranh thiên nhiên cũng như trong chiến đấu chống ngoại xâm, như lịch sử Việt Nam đã chứng minh cụ thể.

Trên đường di cư, dân tộc Việt, tổ tiên chúng ta, đã không quản gian nguy, vượt biển, băng rừng, trèo đèo, lội suối vào Nam khai phá đất hoang, làm ruộng, trồng cây ăn trái.

Đi bộ thì khiếp Hải Vân

Đi thuyền thì khiếp sóng thần, hang Dơi.

Thời xưa đi đường thủy phải qua cửa Thần Phù, ở đó thường có sóng rất to, thuyền tốt, lái giỏi đến đâu người ta cũng không tin, mà tin ở số mệnh, nên đã có câu:

Lênh đênh qua cửa Thần Phù,

Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.

Đi đường thủy vào đến miền Nam, tổ tiên chúng ta vào cửa Cần Giờ, rồi ngược sông Đồng Nai vào sông Sài Gòn mà vào đất Nam bộ. Chỗ ngã ba sông ấy gọi là Nhà Bè:

Nhà Bè nước chảy phân hai,

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.

Rời từ Đồng Nai, Gia Định, tổ tiên chúng ta đã di cư dần sang miền Tây, nơi có nhiều đất hoang màu mỡ, nhiều sông hồ lắm cá. Những nơi đất rộng này rất hợp với tính tình phóng khoáng của những con người đi mở mang, khai khẩn, nên đã có câu:

Rộng đồng mặc sức chim bay,

Biển hồ lai láng, cá bầy đua bơi.

Rõ ràng “dân tộc Việt Nam đã từ lâu xây đắp Tổ quốc mình suốt từ Bắc chí Nam” như Bác Hồ kính yêu đã nói. Do trí thông minh và bàn tay lao động cần cù khéo léo, dân tộc Việt Nam, từ thế hệ này qua thế hệ khác, đã làm cho đất nước ngày càng tươi đẹp. Do tiếng Việt phong phú, được các dân tộc thiểu số anh em coi là tiếng phổ thông, từ Bắc chí Nam cùng chung một tiếng nói, văn hóa được thống nhất trong nhiều thế hệ, nên tình yêu Tổ quốc đã thể hiện vô cùng đậm thắm.

Nhân dân có sẵn mỗi tình cao cả như vậy, nên trong tư duy hình tượng của mình, nhân dân đã muốn cùng hóa công xây đắp cho cảnh vật của Tổ quốc được thêm hùng tráng:

Ta về ta dựng mây lên,

Trời xe mây lại một bên hòn Lèn.

Cũng do lòng yêu quê hương, bao giờ núi của ta cũng được coi là rất cao, vực của ta rất sâu. Núi Tản Viên, vũng Thủy Tiên ở cửa Tuần Vương, nhân dân đều cho là cao sâu bậc nhất:

Nhất cao là núi Tản Viên,

Nhất sâu là vũng Thủy Tiên, cửa Vương.

Về đèo, về dốc, để ca ngợi sự hiểm trở, ở Quảng Nam nhân dân cũng có câu:

Đèo mô cao bằng đèo cây Cốc

Dốc mô cao bằng dốc Mỹ Cang?

Từ Huế vào Quảng Nam, phải qua đèo Hải Vân. Ngày xưa, toàn là đi bộ, nên đã có câu: “Đi bộ thì khiếp Hải Vân...”.

Hải Vân xưa nay vẫn được coi là một cảnh thiên nhiên hùng vĩ của nước ta. Ở gần biển, nên đèo Hải Vân càng thêm bát ngát:

Hải Vân bát ngát ngàn trùng

Hòn Hồng ở đấy là trong Vịnh Hàn.

Xưa nay qua đấy còn truyền,

Lối đi lô giản thẳng miền ra khơi.

Vịnh Hàn thuộc Đà Nẵng, còn *giản* là khe nước giữa hai dãy núi.

Trong thời kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Hải Vân vẫn được coi là một nơi hiểm yếu, nên ca dao có câu:

Hải Vân cao ngất tầng mây,

Giặc đi đến đó, bỏ thầy không về.

Ở Quảng Nam có Cửa Đại cũng bát ngát và đẹp. Nhân dân có kinh nghiệm: hễ buổi chiều thấy mây đen phủ trên bán đảo Sơn Trà và sóng nổi lên dồn vào Cửa Đại thì trời sắp mưa. Về hiện tượng thiên nhiên ấy, nhân dân đất Quảng có câu:

Chiều chiều mây phủ Sơn Trà,

Sóng xô cửa Đại trời đà chuyển mưa.

Nói đến những nơi hiểm yếu và đẹp thì Lạng Sơn, bầu Chi Lăng cũng là nơi hiểm yếu. Chi Lăng gần ga Tuần Muội là một nơi lọt vào giữa hai dãy núi, có chỗ phình ra như bầu rượu, lại có đoạn thắt lại như cổ bầu. Chính nơi hiểm yếu này, Trần Hưng Đạo và Lê Lợi đã hai lần tiêu diệt giặc ngoại xâm. Lạng Sơn còn có những phong cảnh rất đẹp.

Đường lên xứ Lạng bao xa?

Cách một trái núi với ba quãng đồng.

Ai ơi, đứng lại mà trông:

Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ...

Ở núi thành Lạng có Nhị Thanh, Tam Thanh nổi tiếng và có đá Vọng Phu, gọi là “nàng Tô Thị”, người phụ nữ bế con chờ chồng rồi hóa đá, đã thành truyện dân gian phổ biến ở nước ta:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh...

Ai lên xứ Lạng cùng anh?

Hà Nội, kinh đô xưa của nước ta, nay là thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, được dân tộc ta coi là một đô thành không những đẹp mà còn là một nơi tích tụ những cái thiêng liêng nhất của Tổ quốc, vì Hà Nội vốn là một đô thành đầu não đã đứng vững hàng nghìn năm qua nhiều phen khói lửa, gây nên bởi giặc ngoại xâm: xưa kia là quân xâm lược Nguyên Mông, Minh, Thanh, gần đây là bọn đế quốc xâm lược Pháp, Nhật, Mỹ.

Thăng Long, Hà Nội, đô thành,

Nước non ai vẽ nên tranh họa đồ.

Cố đô rồi lại tân đô,

Nghìn năm văn vật bây giờ vẫn đây.

Hồ Tây và hồ Hoàn Kiếm (tức hồ Gươm) là hai hồ nổi tiếng của Hà Nội. Mỗi hồ có những sự tích riêng. Theo truyền thuyết thì Hồ Tây vào thời xa xưa là một cái hang của con cáo chín đuôi. Lạc Long Quân, ông thủy tổ của dân tộc Việt Nam đã đưa nước sông Cái (sông Mẹ, tức sông Hồng bây giờ) vào hang giết chết con quái vật, biến cái hang thành một vũng nước sâu. Người đương thời gọi là đầm Xác Cáo, đời sau mới đổi thành Hồ Tây. Ở quanh hồ, nhân dân lập thôn xóm, xưa gọi là Hồ Thôn (tức thôn Cáo), nay là làng Hồ. Bên Hồ Tây có đền Quán Thánh thờ Trấn Vũ đại đế, dân Hà Nội gọi là ông Thánh đồng đen, một pho tượng đồng đen nổi tiếng, đúc cùng với quả chuông lớn của đền. Về cảnh Hồ Tây, có bài ca:

Phất phơ ngọn trúc, trắng tà,

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.

Tuyết mù khói tỏa ngàn sương,

Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

Thọ Xương là một huyện thuộc kinh thành Thăng Long xưa, di chỉ huyện lỵ ở gần nhà thờ đạo lớn Hà Nội, nay còn có tên Ngõ Huyện. Huyện Thọ Xương xưa gồm những phố phường đông đúc nhất, nay là hai khu phố Hoàn Kiếm và Hai Bà Trưng. Buổi sáng trên mặt Hồ Tây thường có những sương mù phủ kín, nên thời Lý, hồ còn có tên là Dâm Đàm nghĩa là đầm sương mù.

Làng Yên Thế làm giấy ở ven hồ, xưa kia người ta thường nghe tiếng chày giã gió xa xa đưa lại, ăn nhịp với tiếng chuông đền Trấn Vũ.

Hồ Hoàn Kiếm tuy nhỏ hơn Hồ Tây nhiều, nhưng là một đầm nước xanh trong nằm giữa thủ đô nên được coi là một thắng cảnh xinh tươi của thủ đô văn vật. Giữa hồ có đền Ngọc Sơn (tức núi Ngọc), có cầu Thê Húc tức cái cầu mà ánh mặt trời ban mai đậu lại. Lối vào cầu có Đài Nghiên, Tháp Bút, do nhà thơ Nguyễn Siêu xây dựng vào giữa thế kỷ XIX. Đền Ngọc Sơn thờ Trần Hưng Đạo và thờ cả Văn Xương đế quân, một vị thần coi về văn học, vì Hà Nội vốn được coi là “Cố đô văn vật”. Về hồ Hoàn Kiếm, ca dao có câu:

Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ,

Xem cầu Thê Húc, xem đền Ngọc Sơn.

Đài Nghiên, Tháp Bút chưa mòn,

Hỏi ai xây dựng nên non nước này?

Theo truyền thuyết, hồ Hoàn Kiếm, như tên gọi, là nơi Lê Lợi trả lại thanh bảo kiếm sau khi đã thắng quân Minh xâm lược, dựng lại nền độc lập, thống nhất Tổ quốc. Truyện kể: Lê Lợi đi thuyền dạo chơi trên hồ, bỗng một con rùa lớn nổi lên mặt nước, Lê Lợi rút gươm chỉ vào con rùa thì con rùa đớp ngay lấy thanh gươm và lặn mất. Từ đó, hồ có tên là “Hoàn Kiếm”.

Con đường thống nhất Bắc Nam là con đường rất đẹp. Chỉ mới đi từ Hà Nội vào Nghệ An, đất Hoan Châu xưa, chúng ta thấy phong cảnh nước ta thật xanh tươi:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

Ngay những lúc bom đạn do giặc Mỹ trút xuống một cách man rợ, nhân dân ta vẫn hiên ngang ca ngợi cảnh đèo Ngang vừa hùng vừa đẹp:

Đèo Ngang nặng gánh hai vai,

Một vai Hà Tĩnh, một vai Quảng Bình.

Bao năm bom dội nát mình,

Hoành Sơn vẫn giữ dáng hình cha ông...

Cùng một tâm tình, cùng một ý nghĩ đối với Tổ quốc Việt Nam thân yêu, nhân dân ta càng đi trên đất nước của mình càng thấy đẹp. Vào đến đất Thừa Thiên, chúng ta lại nghe đồng bào ca hát:

Gió đưa cành trúc la đà,

Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương...

Thì ra lại một huyện Thọ nữa, lại những cảnh trúc nữa phất phơ trước gió, ngoài Bắc là đền thì đây là chùa, chùa Thiên Mụ; và đây vẫn là canh gà, canh gà nhắc mỗi tình ruột thịt Bắc Nam, nhắc dân tộc Việt Nam là “con một nhà”. Sau đây là câu ca dao về một cảnh đẹp của Huế:

Đông Ba, Gia Hội, hai cầu,

Có chùa Diệu Đế bốn lầu hai chuông.

Từ sau ngày Sài Gòn và toàn bộ miền Nam được giải phóng, có nhiều đồng bào miền Bắc vào Nam thăm cảnh cũ người xưa sau hơn hai mươi năm xa cách. Câu hò Huế ngày xưa sao mà hợp với cảnh tình ngày nay đến thế!

Hồ Tĩnh Tâm giàu sen bạch điệp,

Đất Hương Cần ngọt quýt thơm cam.

Ai về cầu ngói Thanh Toàn,

Đợi đây về với một đoàn cho vui!

Đất nước ta tươi đẹp không phải chỉ ở núi rừng, ở sông hồ, biển cả, mà còn ở những mặt rất thực tế, nó là cơ sở kinh tế nước ta, như đồng ruộng bao la, vừa nhiều cây lương thực, vừa nhiều cây công nghiệp, sông bể lắm cá lắm tôm cua, rừng lắm gỗ quý, núi nhiều đá đẹp, dưới đất có nhiều khoáng sản, như than, vàng và nhiều kim loại khác... Những thứ ấy phong phú tùy từng miền, trở nên những đặc sản, để trao đổi bù đắp cho nhau giữa hai miền Nam Bắc ruột thịt.

Về đồng ruộng, cô gái nông thôn Việt Nam đã nhìn thấy và cảm thấy cái đẹp của sự giàu có:

Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát,

Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, cũng bát ngát mênh mông.

Thân em như chẹn lúa đồng đồng,

Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

Về nghề đánh cá nước ngọt ở miền Bắc, chúng ta hãy đọc những câu ca dao sau đây vừa nói lên sự giàu có, vừa phản ánh cuộc sống thoải mái của người lao động.

Nguyệt Viên lắm thóc nhiều tiền,

Có sông tắm mát, có miền nghỉ ngơi.

Chiều chiều ba dãy cá tươi...

Những bài hát của dân chài lại càng làm cho chúng ta thấy cái lớn lao và phong phú của sông biển nước ta.

Trời cao, cao bấy không xa,

Đất kia rộng vậy, thế mà dày sâu.

Bể xa, mây nước mù mù,

Biết mô cửa lạch, biết mô sông cùng...

Trời cao, biển rộng là những lúc đi nghề khi thuyền đã ra khơi; còn về thu hoạch trong những gió êm biển lặng:

Nhà tôi nghề giã, nghề sông,

Lặng thì tôm cá đầy trong, đầy ngoài.

Cá trắng cho chí cá khoai,

Còn như cá lẹp, cá mai cũng nhiều...

Ngư nghiệp ở miền Nam rất phát triển. Một nguồn lợi lớn nữa của miền Nam là cao su. Trong thời Pháp, Mỹ chiếm đóng, các đồn điền cao su đều ở trong tay bọn tư bản nước ngoài, còn những người công nhân đồn điền thì bị bóc lột thậm tệ. Còn truyền lại những câu ca dao:

Cao su đi dễ khó về,

Khi đi mất vợ, khi về mất con.

Cao su đi dễ khó về,

Khi đi trai trẻ khi về bụng beo.

Trước Cách mạng tháng Tám, mỏ than ở miền Bắc cũng ở trong tay thực dân Pháp. Sau đây là những lời than thở của anh chị em công nhân mỏ thời Pháp thuộc:

Than nhiều hơn cả vỏ cây,

Đào ra than cũng tay này chứ ai!

Thế mà cả gái, trai, già, trẻ

Đều còng lưng làm nghề, làm trâu;

Đào than cho nó làm giàu,

Xúc vàng đem đổ xuống tàu cho Tây!

Ca ngợi tỉnh Bắc Cạn, ca dao xưa có câu khen ngợi cả người lẫn sự giàu có của Bắc Cạn:

Bắc Cạn có suối dải vàng,

Có hồ Ba Bể, có nàng áo xanh.

Nhưng vàng thì ở Bồng Miêu thuộc Quảng Nam mới thật nhiều. Sau đây là câu ca dao về mỏ vàng của Bồng Miêu:

Đất ta bể bạc, non vàng,

Bể bạc Nam Hải, non vàng Bồng Miêu.

Thời Pháp thuộc, ở Quảng Nam có những câu hò biểu hiện lòng yêu nước và lòng căm thù của nhân dân đối với thực dân Pháp: chúng bắt nhân dân đào sông, đắp đường ở vùng có mỏ vàng để chúng chuyên chở vàng về nước chúng:

Ở bên ni Hàn, ngó bên tê Hà Thân

Thấy nước xanh xanh như tàu lá.

Ở bên tê Hà Thân, ngó qua bên ni Hàn,

Thấy phố xá nghênh ngang.

*Kể từ ngày Tây lại đất Hàn,
Đào sông Cầu Nhí, đắp đàng Bồng Miêu.
Dặn lòng em ai đỡ đường xiêu,
Gắng công nuôi phụ mẫu, sớm chiều có qua.*

Đó là một số của chìm của nổi của nước ta mà văn học dân gian có nói đến.

Đến ngày cả hai miền Nam Bắc đều xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì cũng là lúc:

*Bốn mùa em chẳng phải lo,
Gạo Đồng Nai, vải Nghệ Tĩnh, em ấm no trọn đời.*

Ngoài thóc gạo, nhân dân ta rất cần đến rau đậu, vì chúng ta ở xứ nóng nhiều, lạnh ít. Ở nông thôn, nhân dân dùng rau đậu do tự mình trồng trọt lấy. Nhân dân nội thành Hà Nội không có điều kiện trồng trọt, nên đã được đồng bào ngoại thành cung cấp quanh năm đủ thứ. Đồng bào ngoại thành rất tự hào về thành tích sản xuất của mình. Sau đây là những câu ca dao nói về các thứ rau đậu bốn mùa của làng Láng:

*Đi đâu mà chẳng biết ta,
Ta ở kẻ Láng vốn nhà trồng rau.
Rau thơm, rau húng, rau mùi,
Thì là, cải cúc, đủ mùi hành hoa.*

Mồng tươi, mướp đắng, ớt cà,

Bí đao, đậu ván, vốn nhà trồng nên.

Anh giúp em đôi quang tám dẻ cho bền,

Mượn người lịch sự gánh lên kinh kỳ...

Người “lịch sự” đây là người đẹp, người nèn hay như người ta thường nói “lịch sự trai”, “lịch sự gái”. Rau đậu, ớt, cà tươi tốt như vậy thì cũng phải chọn người gánh xinh đẹp mới xứng.

Hà Nội còn có nhiều đặc sản mà văn học dân gian thường nói đến, như:

Ồi Quảng Bá, cá Hồ Tây,

Hàng Đào tơ lụa làm say lòng người.

Như vậy, thời xưa, về cả ăn lẫn mặc, Hà Nội có nhiều cái làm cho người ta dễ mến. Ở Thanh Trì, sát với nội thành Hà Nội, có những đặc sản mà dân Hà Nội rất chuộng:

Vải Quang, húng Láng, ngổ Đầm,

Cá rô đầm Sét, sâm cầm Hồ Tây.

Sâm cầm ở Hồ Tây là một loài chim thịt rất ngon. Thời phong kiến bọn quan lại bổ cho làng Nghi Tàm ở ven Hồ Tây phải giăng lưới bắt cho được nhiều chim để đem vào Huế tiến vua nên nhân dân ở Nghi Tàm rất khổ. Sau nhờ có Lý Chằm (tức Lý Râu) cùng nhân dân đấu tranh đến cùng, tục lệ tiến chim sâm cầm mới chấm dứt vào thời Tự Đức. Trong cuộc đấu tranh dai dẳng ấy, Lý Râu bị đòn rất nhiều, nên đã có câu: “Đít Lý Râu, đầu Ấn

Cộng”. Án Cộng là tên án sát nịnh Tây tên là Cộng, quen dập đầu xuống đất lạy quan trên.

Phú Thọ, nơi đất tổ Hùng Vương, có những đặc sản rất quý:

Bưởi Chí Đám, quýt Đan Hà,

Cà phê Phú Hộ, đồi trà Thái Ninh.

Ở miền Nam Trung Bộ, cá, dứa và mít cũng nhiều.

Quảng Nam có sông Thu Bồn mở ra nhiều nhánh, có rất nhiều cá. Ca dao có câu:

Trà Linh nước chảy dầm dẫm,

Cá đua dưới vực, rồng nằm Dinh Ông.

Vùng thượng du Quảng Nam người ta gọi là Xứ Nguồn. Xứ Nguồn có nhiều mít, còn miền duyên hải Quảng Nam thì có nhiều cá chuồn. Nhân dân đất Quảng hay đem cá chuồn kho với mít non. Bởi vậy, có câu ca dao:

Ai về nhắn với họ Nguồn,

Mít non chở xuống, cá chuồn chở lên.

Nhiều nơi khác ở miền Nam cũng có mít ngon và dứa ngọt (trong Nam gọi dứa là trái thơm):

Đưa em cho tới Đông Hồ,

Anh mua trái mít, anh bồ trái thơm.

Trầu cau thì Thanh Hóa, Nghệ An là những nơi thổ sản. Ở Quảng Nam, trầu cau cũng nổi tiếng là ngon. Sau đây là những câu nói về trầu cau đất Quảng:

Bồng em mà bỏ vô nôi,

Cho mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu.

Mua vôi chợ Quán chợ Cầu,

Mua cau Bát Nhị, mua trầu Hội An.

Miền Nam là miền nhiều dừa nhất ở nước ta. Ở Bình Định, có thị trấn Tam Quan thuộc huyện Hoài Nhơn, ngày xưa nhiều dừa và con gái ở đó cũng có tiếng là đẹp:

Dừa xanh trên bến Tam Quan,

Dừa bao nhiêu trái em trông chàng bấy nhiêu.

Tấm lòng trông đợi chồng, hay người yêu của phụ nữ thì biết lấy gì mà đong cho vừa? Người phụ nữ ví tấm lòng trông đợi của mình với những trái dừa ở bến Tam Quan thì đủ biết những hàng dừa ấy có nhiều trái biết chừng nào! Dừa nhiều vô kể, nên người ta cũng có câu:

Công đâu công uống công thừa,

Công đâu gánh nước tưới dừa Tam Quan.

Hà Nội có Ngọc Hà là nơi trồng nhiều loại hoa đẹp. Ngọc Hà vốn là một trại thuộc huyện Vĩnh Thuận, kinh thành Thăng Long xưa (nay thuộc khu Ba Đình). Bây giờ Hà Nội vẫn quen gọi là “trại Ngọc Hà”.

Giếng Ngọc Hà vừa trong vừa mát,

Vườn Ngọc Hà thơm ngát gần xa,

Hỏi người xách nước tưới hoa,

Có cho ai được vào ra chốn này?

Những người tưới hoa ở đây đều là những cô gái tươi giòn, nên chàng trai nào đó mới có câu nói như vậy.

Ở làng Yên Thái, vùng Bưởi (ngày nay thuộc khu Ba Đình) thời xưa có nghề làm giấy bản rất phát đạt. Ngoài giấy bản ra còn có giấy moi, giấy sắc. Các loại giấy này đều dùng cây dó nấu chín, giã nhỏ lọc kỹ, rồi đổ vào tàu trắng thành từng tờ gọi là seo giấy. Seo giấy đều do phụ nữ làm.

Một đặc điểm của dân tộc ta là từ Bắc chí Nam, có rất nhiều người ưa thích và hay làm thơ ca. Đã yêu và hay làm thơ ca thì cũng hay ghi chép. Biết rõ sở thích ấy, nên tuy trời giá lạnh, cô thợ seo vẫn vui vẻ làm việc để phục vụ đồng bào:

Người ta bán vạn buôn ngàn,

Em đây làm giấy cơ hàn vẫn tươi.

Dám xin ai đó chớ cười,

Vì em làm giấy cho người chép thơ.

Ngày xưa, bên Hồ Tây có làng Trúc Yên. Vào giữa thế kỷ XVIII, Trịnh Giang lập viện ở bên hồ để nghỉ mát. Sau viện này trở thành nơi giam các cung nữ bị bọn chúa Trịnh sa thải. Các cung nữ phải dệt lụa để sinh nhai.

Lụa họ dệt, thanh và bóng, được nhiều người ưa chuộng. Về sau, nhân dân đắp con đường ngăn cá, gọi là đường “Cổ ngư” có nghĩa là giữ vững, sau đọc lệch thành Cổ ngư (nay là đường Thanh Niên). Từ khi có con đường ngăn cách, cái mảng hồ sát với làng Trúc Yên mới có tên là hồ Trúc Bạch. Ca dao có những câu ca tụng lụa làng Trúc như sau:

Lụa làng Trúc vừa thanh, vừa bóng,

May áo chàng cùng sóng áo em.

Chữ tình cùng với chữ duyên,

Xin đừng thay áo mà quên lời nguyện.

Cũng như ở miền Bắc, ở miền Nam, về the, lĩnh, lượt, là, từ xưa đã có nhiều nơi dệt khéo. Trước Cách mạng tháng Tám, lĩnh Sài Gòn nổi tiếng trong cả nước. Ở Quảng Nam cũng có nhiều nơi dệt lụa, dệt vải nổi tiếng:

Hội An bán gấm, bán điều,

Kim Bồng bán vải, Trà Nhiêu bán hàng.

“Bán hàng”, theo tiếng miền Trung, là bán tơ lụa. Về the lụa, lĩnh, chồi, nhiều làng ở Hà Tây dệt khéo và bền.

The La, lĩnh Bưởi, chồi Phụng,

Lụa vân Vạn Phúc, nhiều vùng Mỗ bên.

Trên đây là các làng La Khê, Vạn Phúc, Phụng Xá thuộc Hà Tây và các làng Bưởi, Đại Mỗ thuộc ngoại thành Hà Nội.

Ngày xưa nổi tiếng nhất là lụa Cổ Đô thuộc Ba Vì (Hà Tây). Ca dao có câu:

Lụa này thật lụa Cổ Đô,

Chính tông lụa cống, các cô hay dùng.

Thời xưa nam giới, nữ giới trong cả nước đều đội nón. Nón còn là một thứ trang sức trong y phục của phụ nữ. Ngoài ra còn có bài thơ ở Huế, làng Triều Sơn thuộc huyện Phú Vang làm nón và bán nón rất đẹp:

Chợ Dinh bán áo con trai,

Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim.

Đó là một số đặc sản của hai miền Nam, Bắc nước ta. Chúng tôi chỉ có thể kể những thứ mà văn học dân gian nói đến, nhưng cũng tạm đủ những thứ ăn mặc thông thường mà nhân dân từ Bắc chí Nam đều dùng.

Ăn và mặc mỗi nơi có khác nhau về màu sắc, nhưng về vải, lụa, về y phục, về thức ăn của người Việt thì ở khắp mọi nơi trên đất nước ta đều giống nhau, chứng tỏ về ăn mặc, một nếp sống chính của con người, dân tộc Việt Nam cũng thống nhất suốt từ Bắc đến Nam.

Trên đây là đất nước giàu đẹp. Nói về con người thì thân hình dáng dấp người Việt Nam rất đẹp. Nói như vậy không phải tự mình khen mình, mà nhiều người nước ngoài đến thăm nước ta đều nhận xét như vậy. Có thể nói vắn tắt: Người Việt Nam rất nhanh và sâu sắc, thông minh. Những cái này biểu lộ ngay ở con người, ai cũng nhận thấy được.

Trúc xinh, trúc mọc đầu đình,

Em xinh, em đứng một mình cũng xinh.

Cô gái nông thôn nước ta ăn mặc giản dị: cái áo cánh, cái quần vải thâm, cái khăn mỏ quạ; các cô ăn mặc có thể thôi, nhưng nhờ có lao động, nhờ khí trời lành mạnh ở đồng ruộng, nên thân hình cân đối, nở nang, vẻ mặt tươi giòn, miệng cười như hoa, cặp mắt trong sáng, sắc sảo, dáng đi nhanh nhẹn, nên đã có những câu ca ngợi:

Cổ tay em trắng như ngà,

Con mắt em liếc như là dao cau.

Miệng cười như thể hoa ngâu,

Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.

“Con mắt là cửa sổ của linh hồn”, ngạn ngữ phương Tây đã nói. Quan niệm về cái đẹp của người phụ nữ, phương Đông cũng hay nhận xét về tính tình, về đạo đức của con người qua cặp mắt. Nếu chỉ xét riêng về đẹp thì về người phụ nữ, ở miền Nam cũng như ở miền Bắc, nhận xét sau đây vẫn đúng:

Những người con mắt lá răm,

Lông mày lá liễu, đáng trăm quan tiền.

và những người khôn ngoan thì bao giờ cũng nói năng từ tốn dịu dàng:

Chim khôn nghe tiếng rảnh rang,

Người khôn nghe tiếng dịu dàng, dễ nghe.

Qua lời ăn tiếng nói, người ta biết được người khôn, người dại, và nếu là người có nhan sắc thì tiếng nói thanh tao cũng làm tôn vẻ đẹp lên nhiều:

Người thanh tiếng nói cũng thanh,

Chuông kêu, sẽ đánh bên thành cũng kêu.

Về thân hình con người, nhân dân ta rất chú ý đến đường nét. Đôi khi qua cái đẹp về đường nét, người ta còn đi quá xa, đánh giá cả đức hạnh của người phụ nữ qua đường nét của thân hình:

Những người thắt đáy lưng ong,

Đã khéo chiều chồng lại khéo nuôi con.

Thật ra người ta chuộng người cả về sắc đẹp và đạo đức, mà thường thì đạo đức vẫn được coi trọng hơn. Người ta nói: “Cái nết đánh chết cái đẹp”. Bởi vậy, khen đẹp là “đẹp cả về nết lẫn về người”, mà “nết” vẫn được đặt lên trước. Có câu: “Trai tài, gái sắc” để nói về sự đẹp đôi. Trai tài đây là trai có tài đức vẹn toàn, cũng như nói: “Trai anh hùng, gái thuyền quyên” để chỉ sự đẹp đôi vừa lứa. Ca dao có câu:

Nồi đồng lại úp vung đồng,

Con gái xứ Bắc lấy chồng Đồng Nai.

Xứ Bắc đây là đất Kinh Bắc xưa (Bắc Ninh ngày nay). Đất Kinh Bắc xưa, con gái đã đảm lại đẹp và trai Đồng Nai thì nổi tiếng là gan dạ, anh hùng. Trai ở vùng Yên Thế (thuộc Bắc Giang) cũng giỏi giang như trai Đồng Nai, nên có câu:

Trai Cầu Vồng, Yên Thế, gái Nội Duệ, Cầu Lim

Yên Thế là quê hương Hoàng Hoa Thám, nơi có nhiều người lỗi lạc trong nam giới, xứng đôi với những cô gái quê hương quan họ.

Một nơi khác thuộc xứ Kinh Bắc là thôn Giao Tự, bên bờ sông Đuống, cũng có nhiều con gái đẹp, nên ca dao có những câu:

Giao Tự lắm bãi, nhiều soi,

Lắm con gái đẹp, nhiều nơi phải lòng.

Giao Tự gần giếng gần sông,

Đàn bà thì ít, đàn ông thì nhiều.

Xưa kia, Giao Tự, con gái trồng dâu, chăn tằm, công việc nặng ngoài đồng đều do nam giới gánh vác, nên các cô người thanh tú. Con gái Kinh Bắc (nay là Bắc Ninh) có tiếng là đẹp, nên suốt thời phong kiến, qua các triều đại vua Lý, Lê, Trịnh, con gái Kinh Bắc bị tuyển vào cung rất nhiều, làm cho trai làng oán giận bọn vua quan.

Ngoài ra, ở Hưng Yên, làng Bông, tức thôn Lai Hạ Trung, cũng có nhiều con gái đẹp, và làng Bái, tức thôn Bối Khê, cũng có nhiều trai gái đẹp, giỏi nên ca dao có câu:

Gái chê chồng đến Bông trở lại,

Trai chê vợ, đến Bái trở về.

Tưởng mình đẹp không ai bì, nên mới chê chồng, nhưng đến làng Bông thì thấy “lắm kẻ còn giòn hơn ta”, nên lại trở lại với chồng. Còn anh chàng chê vợ, tưởng mình tài cán lắm, nhưng đến làng Bái mới biết mình chẳng bằng ai và lại trở về với vợ. Ý nghĩa chính câu ca dao là làng Bái có nhiều

trai tài và làng Bông có nhiều gái đẹp. Ca dao được nhân dân cấu tạo như vậy, nên ca dao mới được đánh giá “chủ yếu là trữ tình”.

Chẳng thanh cũng thể hoa mai,

Chẳng lịch cũng thể con người Thượng Kinh.

Gọi là “Thượng Kinh” vì kinh đô là trên hết các tỉnh thành khác. Ngày trước, Hà Nội còn có tên là Đông Đô và Tràng An, nên cũng có câu:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài,

Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Tục ngữ có câu: “Ăn Bắc, mặc Kinh”. “Kinh” ở đây chỉ kinh đô Thăng Long; còn “Bắc” ở đây chỉ xứ Kinh Bắc xưa, gồm thành Cổ Loa có từ thời An Dương Vương và thôn Cổ Pháp (tức Đình Bảng ngày nay), quê hương của Lý Công Uẩn, người sáng lập triều Lý. Xứ Kinh Bắc là nơi giữ được nhiều nền nếp và phong tục tốt đẹp cổ truyền. Còn có câu:

Vợ xứ Đông, chồng xứ Bắc.

Chồng người Kinh Bắc thường tài giỏi và con gái Đông (tức Hải Dương bây giờ), có nhiều người đảm đang.

Trên đất nước ta, về trai tài gái sắc, thì miền Bắc, miền Nam đều có, nên mới có câu: “Con gái xứ Bắc lấy chồng Đồng Nai”. Đất nước được giàu đẹp là do nhân dân cả nước xây đắp từ thế hệ này qua thế hệ khác, do trai tài gái đảm gắng sức điểm tô và gìn giữ. Những người đã có công dựng nước và giữ nước, sự nghiệp làm rạng rỡ non sông đều được nhân dân ta ghi nhớ mãi bằng đèn miếu, bằng thơ ca. Các vua Hùng là tổ dân tộc Việt

Nam có công dựng nước, nên nhân dân đã lập đền thờ ở Phú Thọ. Ca dao đã có câu kêu gọi nhân dân cả nước hướng về đất Tổ:

Ai về Phú Thọ cùng ta,

Vui ngày giỗ Tổ tháng ba mồng mười.

Dù ai đi ngược về xuôi,

Nhớ về giỗ Tổ mồng mười tháng ba.

Thành Cổ Loa ở huyện Đông Anh (ngoại thành Hà Nội) là một công trình tiêu biểu cho ý thức bảo vệ đất nước, chống ngoại xâm đầu tiên của nhân dân ta. Trải qua hàng nghìn năm, thành đất vẫn còn:

Ai về đến huyện Đông Anh,

Ghé xem phong cảnh Loa Thành Thục Vương.

Cổ Loa hình ốc khác thường,

Trải bao năm tháng nẻo đường còn đây!

Ai đã qua sông Bạch Đằng, đều thấy có hai dòng nước: một dòng trong xanh và một dòng đỏ vì phù sa. Theo nhận định của nhân dân thời xưa thì dòng đỏ là máu quân giặc, đến nay vẫn còn làm vẩn dòng sông.

Sâu nhất là sông Bạch Đằng,

Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan.

Cao nhất là núi Lam Sơn,

Có ông Lê Lợi trong ngàn tiến ra.

“Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan” là ba thời đánh quân xâm lược sau đây ở sông Bạch Đằng: Ngô Quyền phá tan quân Nam Hán năm 938; Trần Hưng Đạo tiêu diệt quân Nguyên – Mông năm 1288; quân Minh phải rút chạy vì những cọc do Hồ Nguyên Trừng đóng dưới sông vào đầu thế kỷ XV.

Về Lê Lợi, còn có câu:

Ai lên Biện Thượng, Lam Sơn

Nhớ Lê Thái Tổ chặn đường quân Minh.

Ở miền Nam, Nguyễn Huệ phá quân Xiêm trong trận Rạch Gầm vào cuối thế kỷ XVIII. Nhân dân miền Nam còn truyền tụng câu ca dao:

Bần Gie đốm đậu sáng ngời,

Rạch Gầm soi dấu muôn đời oai danh.

Bần là loại cây sum suê hay mọc ngả trên mặt nước, vì bờ sông bị nước xói mòn. Nhờ có chiến công hiển hách của Nguyễn Huệ mà cây cỏ trong vùng cũng được thơm lây.

Khi kéo quân ra Bắc đánh quân Mãn Thanh, quân của Nguyễn Huệ có qua Thanh Hóa, nhân dân tỉnh Thanh nô nức tòng quân. Những nơi quân Tây Sơn đi qua hoặc tạm đóng, trước khi tiến ra Thăng Long đều được nhắc đến trong bài ca dao còn lưu truyền :

Thùng thùng trống đánh quân sang,

Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đàng.

Qua Chiêng thì rẽ về Giàng,

Qua quán Đông Thổ, vào làng Đình Hương.

Anh đi theo chúa Tây Sơn,

Em về cày cuốc mà thương mẹ già.

Ở miền Nam nước ta, đối với vị anh hùng Trương Định trú quân ở “đám lá tối trời”, đánh quân Pháp xâm lược ở Gò Công vào thế kỷ XIX, nhân dân rất tôn kính và đã sáng tác câu ca còn truyền tụng:

Gò Công anh dũng tuyệt vời,

Ông Trương “đám lá tối trời” đánh Tây.

Vào thời thực dân Pháp mới đặt chân lên đất Nam Kỳ, ngoài Trương Định là người tập hợp những người yêu nước, giương cao ngọn cờ khởi nghĩa đánh Tây, còn có nhiều nho sĩ miền Nam dùng ngọn bút lông làm thơ văn chống giặc, đả kích bọn gian nịnh theo Tây. Trong số những người nho sĩ yêu nước, có Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Tuấn Thần...

Về Bùi Hữu Nghĩa (tác giả tuồng *Kim Thạch kỳ duyên*) và Phan Tuấn Thần, còn truyền lại câu ca dao:

Vĩnh Long có cặp rồng vàng,

Nhất Bùi Hữu Nghĩa, nhì Phan Tuấn Thần.

Từ Bắc đến Nam, dân tộc Việt Nam đã từ thuở xa xưa cùng chung một tiếng nói, một nền văn hóa, một lịch sử đấu tranh xây dựng đất nước, một lịch sử chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, một nền kinh tế ngày một phồn thịnh do đức tính cần cù của toàn thể nhân dân. Trong 30 năm gần đây^[31], dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Bác Hồ kính yêu, với tinh thần đại đoàn kết, các dân tộc anh em trong cả nước, nhân dân Nam Bắc đã kề vai sát cánh; giúp đỡ lẫn nhau trong những lúc gian nguy, để chiến đấu chống kẻ thù của Tổ quốc là thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, và đã lần lượt đánh thắng quân xâm lược, thu giang sơn về một mối, xây dựng nền độc lập thống nhất lâu dài.

Rủ nhau đi tắm hồ sen,

Nước trong bóng mát, hương chen cạnh mình.

Cứ chi vườn ngọc, ao quỳnh,

Thôn quê vẫn thú hữu tình xưa nay.

*

Ăn Bắc, mặc Kinh.

*

Chè Vân Thái, gái Tiên Lữ^[32].

*

Gái Giang Hà, nhà gỗ lim.

*

Bưởi Đại Trà, cam Đồng Dụ, gà Vân Cú, vú Đồ Sơn.

*

Cổng làng Tò^[33], trâu bò làng Hề.

*

Đàn ông Vân Gia, đàn bà Mông Phụ^[34].

*

Cối làng Tông, chuông đồng làng Đống.

*

Bạc tỉnh Tuyên, ai có duyên thì được.

*

Bánh giầy nếp cái, con gái họ Ngô.

*

Có tiền buôn Đông^[35], không tiền buôn Thái^[36].

*

Trai Cầu Vông, Yên Thế^[37], gái Nội Duệ, Cầu Lim.

*

Vợ xứ Đông, chồng xứ Bắc^[38].

*

Dốt Đông Ngàn^[39] bằng người ngoan thiên hạ.

*

Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến^[40].

*

Một trăm cửa bể cũng nể cửa Tuần Vương.

*

Bao giờ lấp ngã ba Chanh,

Để ta gánh đá xây thành Cổ Loa.

*

Bao giờ cạn lạch Đồng Nai,

Nát chùa Thiên Mụ^[41] mới sai lời nguyên.

*

Bao giờ Nhân Lý có đình,

Trạm Chay có chợ, Ngọc Đình có vua.

*

Chẳng vui cũng thể hội Thầy,

Chẳng trong cùng thể Hồ Tây xứ Đoài.

Rửa chân đi hán đi hài,

Rửa chân đi đất chẳng hoài rửa chân.

*

Mồng bảy hội Khám, mồng tám hội Dâu.

Mồng chín, đâu đâu trở về hội Gióng.

*

Sâu nhất là sông Bạch Đằng,

Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan.

Cao nhất là núi Lam Sơn,

Có ông Lê Lợi trong ngàn bước ra.

*

Ai lên Biện Thượng, Lam Sơn,

Nhớ Lê Thái Tổ chặn đường quân Minh.

*

Bần Gie đóm đậu sáng ngời,

Rạch Gầm soi dấu muôn đời oai danh.

*

Thùng thùng trống đánh quân sang,
Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đàng.
Qua Chiêng thì rẽ về Giàng,
Qua quán Đông Thổ, vào làng Đình Hương.

Anh đi theo chúa Tây Sơn,
Em về cày cuốc mà thương mẹ già.

*

Gò Công anh dũng tuyệt vời,
Ông Trương “đám lá tối trời” đánh Tây.

*

Ấy ngày mồng sáu tháng ba,
Ăn cơm với cà đi hội chùa Tây^[42].

*

Nhớ ngày mồng bảy tháng ba,
Trở về hội Láng, trở ra hội Thầy.

*

Hội chùa Thầy có hang Cắc Cớ,
Trai chưa vợ, nhớ hội chùa Thầy.

*

Ai về Phú Thọ cùng ta,
Vui ngày giỗ Tổ tháng ba mừng mười.

*

Dù ai đi ngược về xuôi,
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba.

*

Dù ai buôn đâu bán đâu,
Mùng mười tháng tám, chọi trâu thì về^[43].

*

Bơi Đắm^[44], rước Giá, hội Thầy,
Vui thì vui vậy, chẳng tày rã La.

*

Cầm như bác mẹ chẳng sinh,
Thì ra em ở Vạn Ninh cho rồi!

*

Phải là con mẹ con cha,

Thì sinh ở đất Duyên Hà, Thần Khê^[45].

*

Chàng đi Vạn Hoạch, chàng ơi!

Con chàng bỏ lại, ai nuôi cho chàng?

*

Chẳng thanh cũng thể hoa mai,

Chẳng lịch cũng thể con người Thượng Kinh^[46].

*

Chẳng vui cũng thể hội Thầy,

Chẳng trong cũng thể Hồ Tây xứ Đoài^[47].

*

Làng Quang dừa, vải khắp đồng,

Ngô khoai khắp ruộng, nhãn lồng xóm Văn^[48].

Dù anh buôn đâu bán đâu,

Cũng không tránh khỏi Tiền Châu, Vân Sàng^[49].

*

Dù ai xấu xí như ma,
Tắm nước Đồng Lãm cũng ra con người.

*

Dưa La, húng Láng, nem Báng^[50], tương Bần,
Nước mắm Vạn Vân^[51], cá rô đầm Sét^[52].

*

Đi đâu mà chẳng biết ta,
Ta ở kẻ Láng vốn nhà trồng rau.
Rau thơm, rau húng, rau mùi,
Thì là, cải cúc, đủ mùi hành hoa.
Mồngơi, mướp đắng, ớt, cà,
Bí đao, đậu ván, vốn nhà trồng nên.
Anh giúp em đôi quang tám dẻ cho bền,
Mượn người lịch sự gánh lên kinh kỳ...
Gánh lên chợ mới một khi,
Mong cho đến chợ, em thì nghỉ ngơi...

*

Chợ Dinh bán áo con trai,
Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim.

*

Giàu thì dãi vải tháng ba,
Khó khăn mua vải hồ La tháng mười.

*

The La, lĩnh Bưởi, chồi Phụng,
Lụa vân Vạn Phúc, nhiễu vùng Mỗ bên.

*

Hội An bán gấm, bán điều,
Kim Bồng bán vải, Trà Nhiêu bán hàng.

*

Gái chê chồng, đến Bông^[53] trở lại,
Trai chê vợ, đến Bái^[54] trở về.

*

Khôn ngoan qua cửa sông La^[55],

Hề ai có cánh bay qua lũy Thầy.

*

Làm trai lấy vợ Sơn Đông^[56],

Thịt xôi chẳng có tiền chồng như non.

*

Tiếng đồn con gái Phú Yên,

Con trai Bình Thuận đi cưới một thiên cá mòi.

*

May ra thì hóa tứ linh,

Chẳng may thì lại nằm đình Cổ Lương.

*

Mặt vàng đổi lấy mặt xanh,

Hai tay hai gậy, lạy anh sông Bờ!

*

Những người lữ khứ lữ khứ,

Chẳng ở Đại Từ, thì ở Vũ Nhai.

*

Sông Thao nước đục, người đen,
Ai lên phố Ẽn cũng quên đường về.

*

Muốn ăn cơm trắng canh cần,
Thì về Đồng Lãng đan giần với anh.

*

Kẻ Dầu có quán Đình Thanh,
Kẻ Hạc ta có Ba Đình, Ba Voi.

*

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

Ai vô xứ Nghệ thì vô...

*

Đường đi quanh quất ruột dê,
Chim kêu vượn hót dựa kề bên non.

*

Đường lên M^uờng L^ê^[57] bao xa?

Trăm bảy mươi thác, trăm ba mươi ghềnh.

*

Đường lên xứ Lạng bao xa?

Cách một trái núi với ba cánh đồng.

Ai ơi, đứng lại mà trông:

Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ...

*

Bắc Cạn có suối dải vàng,

Có hồ Ba Bể, có nàng áo xanh.

*

Đất ta bể bạc, non vàng,

Bể bạc Nam Hải, non vàng Bồng Miêu.

*

Đường về Kiếp Bạc bao xa?

Đường về Kiếp Bạc có cây đa Bồ Đề.

Có yêu anh cặp nón ra về,

Giàu ăn, khó chịu, chớ hề thở than.

*

Em là con gái xứ Nam,
Chăm nghề đi cấy, sang làm xứ Đông.

Đồn rằng xứ Bắc cao công,
Trốn cha trốn mẹ trốn chồng mà đi.

*

Gắng công kén hộ cõm Vòng^[58],
Kén hồng Bạch Hạc cho lòng ai vui^[59].

*

Chiều chiều mây phủ Sơn Trà,
Sóng xô Cửa Đại trời đà chuyển mưa.

*

Anh về Bình Định thăm cha,
Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hòa thăm em.

*

Nhất cao là núi Tản Viên,
Nhất sâu là vũng Thủy Tiên, cửa Vương.

*

Nhất cao là núi Ba Vì,
Thứ ba Tam Đảo, thứ nhì Độc Tôn.

*

Nhất trong là nước giếng Hồi,
Nhất béo, nhất bùi là cá rô câu.

*

Ra vời mới biết cạn sâu,
Ở trong lạch hói biết đâu mà dò.

*

Trời cao, cao bấy không xa,
Đất kia rộng vậy thế mà dày sâu.
Bể xa mây nước mù mù,
Biết mô cửa lạch, biết mô sông cùng...

*

Nhà tôi nghề giã, nghề sông,
Lặng thì tôm cá đầy trong, đầy ngoài.

Cá trắng cho chí cá khoai,
Còn như cá lẹp, cá mai cũng nhiều.

*

Sông Thương nước chảy đôi dòng,
Trai quên vợ, gái quên chồng thì lên.

*

Ta về ta dựng mây lên,
Trời xe mây lại một bên hòn Lèn.

*

Thành Phao, Phả Lại, Lục Đầu,
Em về, em để mối sầu cho ai!

*

Lên đèn qua cửa Thần Phù,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.

*

Đi bộ thì khiếp Hải Vân,
Đi thuyền thì khiếp sóng thần, hang Dơi.

Yêu nhau cho thịt cho xôi,
Ghét nhau đưa đến Kim Bôi, Hạ Bì^[60].

*

Ví dù đây có lòng yêu,
Bảo ta gánh đá Đông Triều cũng đi.

*

Xứ Nam nhất chợ Bằng Gôi,
Xứ Bắc Vân Khám, xứ Đoài Hương Canh.

*

Cầu Mông bước tới Cầu Châu
Bước sang Cầu Sĩ, gặp nhau Cầu dừa...

Em ơi, đã có chồng chưa?
Sông còn có lạch, lọ là người ru!

*

Núi Đọi ai đắp lên cao,
Ngã ba sông Gối ai đào nên sâu?

*

Dù ai buôn đâu bán đâu,
Làm sao cho khỏi cầu Châu thì làm.

*

Nồi đồng lại úp vung đồng,
Con gái xứ Bắc lấy chồng Đồng Nai,
Giậm chân xuống đất kêu trời:
Chồng tôi vô Quảng biết đời nào ra!

*

Mình về đường ấy thì xa,
Có về tổng Mễ với ta thì về.
Tổng Mễ có ao rửa chân,
Có sông tắm mát, có đình nghỉ ngơi.
Tháng tám thì đi xem bơi,
Tháng hai xem rước, mình ơi hỡi mình!

*

Người đẹp như tiên,
Tắm nước Đồng Triều cũng xấu như ma.

Người xấu như ma,
Tắm nước Đồng Trà, cũng đẹp như tiên.

*

Đèo mô cao bằng đèo Cây Cốc,
Dốc mô cao bằng dốc Mỹ Cang?

*

Hải Vân bát ngát nghìn trùng,
Hòn Hồng ở đây là trong vịnh Hàn.

Xưa nay qua đây còn truyền,
Lối đi lô gián^[61] thẳng miền ra khơi.

*

Hỡi cô thắt lưng bao xanh,
Có về An Phú với anh thì về.

An Phú có ruộng tứ bề,
Có ao tắm mát, có nghề kẹo nha.

*

Trên trời có ông sao tua,

Ở làng Minh Giám có vua Ba Vành.

Phương Đông quật lũ hung tinh,

Làm cho bảy viện tan tành ra tro.

*

Ai lên Đồng Tỉnh, Huê Cầu^[62]

Đồng Tỉnh bán thuốc, Huê Cầu nhuộm thâm.

Nào ai đi chợ Thanh Lâm^[63],

Mua anh một áo vải thâm hạt dền.

*

Chiều chiều ra đứng bờ sông,

Hỏi thăm chú lái: nào chồng em đâu?

Chồng em lên ngọn sông Ngâu,

Buôn chè mạn hảo, năm sau mới về.

*

Ai lên nhả chị hàng bông,

Có muốn lấy chồng thì xuống Nguyệt Viên.

Nguyệt Viên lắm thóc nhiều tiền,

Có sông tắm mát, có miền nghỉ ngơi.

Chiều chiều ba dãy cá tươi,

Chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi cũng hoài.

Bốn mùa em chẳng phải lo,

Gạo Đồng Nai, vải Nghệ Tĩnh, em ấm no trọn đời.

*

Anh là con trai Nam Sang,

Nước lớn ngang đàng vác đấu đi đong.

Anh đong tỉnh Bắc, tỉnh Đông,

Trở về anh lại sang đong tỉnh Đoài.

Tỉnh Bắc giá thóc mười hai,

Tỉnh Đông mười tám, tỉnh Đoài hai mươi.

*

Gặp nhau từ bến Phú Nhi,

Chẳng đi thì nhớ, đi thì uống công.

Gặp nhau từ bến Đại Đồng,

Quên nhau hay đã có chồng mà quên?

*

Công đâu công uổng công thừa,
Công đâu gánh nước tưới dừa Tam Quan.

*

Bồng em mà bỏ vô nôi,
Cho mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu.
Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu,
Mua cau Bát Nhị, mua trầu Hội An.

*

Ai về nhả với họ Nguồn,
Mít non chở xuống, cá chuồn chở lên.

*

Rủ nhau đánh cá Đồng Lầm,
Cá kia chẳng được âm thầm lòng anh.
Cây vàng, lá rụng chung quanh^[64]...

*

Nhà Bè nước chảy phân hai,

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.

*

Rủ nhau đánh cá Đồng Nai,
Cá kia chẳng được một ngày đến trưa.

Sầu em nước mắt như mưa...

*

Rộng đồng mặc sức chim bay,
Biển hồ lai láng, cá bầy đua bơi.

*

Em ơi, chị bảo em này,
Nhất mặn là muối, nhất cay là gừng.

Nhất cao là núi Tam Tàng,
Chị còn đập đổ nữa rừng cỏ may.

*

Nhất đẹp là núi Sơn Tây,
Chị còn chẳng tiếc nữa dây bìm bìm!

*

Em nay buồn bán chỉ tơ,
Buôn ngọn sông Bờ, bán ngọn sông Thao.

Nước sông Thao biết bao giờ cạn?

Núi Ba Vì biết vạn nào cây!

Hỏi nhà anh Tú đâu đây?

*

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh.

Ai lên xứ Lạng cùng anh,
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em,

Tay cầm bầu rượu năm nem,

Mãi vui quên hết lời em dặn dò.

Gánh vàng đi đổ sông Ngô,
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương...

*

Vải Quang, húng Láng, ngổ Đầm,
Cá rô đầm Sét, sâm cầm Hồ Tây^[65].

*

Đầu huyện^[66] thì chuối với na,

Giữa huyện ba ba với ấu,

Cuối huyện dưa hấu khoai lang.

*

Mình về đường ấy thì xa,

Để anh bắc cầu sông Cái về qua Ninh Bình.

Đất Ninh Bình có chùa Non Nước,

Núi Phí Diên^[67], Hồi Hạc chung quanh.

Em về, em chớ quên anh.

*

Ở nhà thì sợ bạn trông,

Ra chợ thì nhớ dốc Ông, dốc Dài.

Ở nhà thì nhớ bạn hoài,

Ra đi thì nhớ dốc Dài, dốc Ông.

*

Bưởi Chí Đám, quýt Đan Hà,

Cà phê Phú Hộ, đồi trà Thái Ninh.

*

Ai về chợ Vạn thì về,
Chợ Vạn có nghề cất rượu nuôi heo.

*

Bắp non mà nướng cửa lò,
Đố ai ve được con đò Thủ Thiêm?

*

Mặc dầu cha đánh, mẹ đe,
Em đây chẳng bỏ bát chè Đông Viên.

*

Ra đi nhớ cháo làng Ghề,
Nhớ vóm phố Mía, nhớ chè Đông Viên^[68].

*

Ồi Quảng Bá, cá Hồ Tây,
Hàng Đào tơ lụa làm say lòng người.
Lụa này thật lụa Cổ Đô,

Chính tông lựa cống các cô ưà dùng.

*

Đố anh con rết mấy chân?

Núi Đầu Mâu mấy thước, chợ Hâm mấy người?

*

Đông Ba, Gia Hội, hai cầu,

Có chùa Diệu Đế bốn lầu hai chuông.

*

Hồ Tĩnh Tâm giàu sen bạch điệp,

Đất Hương Cần ngọt quýt thơm cam.

Ai về cầu ngói Thanh Toàn,

Đợi đây về với một đoàn cho vui!

*

Đưa em cho tới Đông Hồ,

Anh mua trái mít, anh bồ trái thơm.

*

Lòng thương con gái xóm Chùa,

Khéo may đầy gấm, khéo thừa bông dâu.

*

Muốn ăn bánh ếch^[69] lá gai,

Lấy chồng Bình Định, sợ dài đường đi.

*

Thứ nhất sông Nển chảy ra,

Thứ hai ngòi Mỡ, thứ ba ngòi Dầu.

*

Thăng Long, Hà Nội, đô thành,

Nước non ai vẽ nên tranh họa đồ.

Cố đô rồi lại tân đô,

Nghìn năm văn vật bấy giờ vẫn đây.

*

Rủ nhau chơi khắp Long Thành,

Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai:

Hàng Bồ, hàng Bạc, hàng Gai,

Hàng Buồm, hàng Thiếc, hàng Hài, hàng Khay.

Mã Vĩ, hàng Điều, hàng Giày,
Hàng Lờ, hàng Cót, hàng Mây, hàng Đàn.
Phố Mới, Phúc Kiến, hàng Than,
Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Ngang, hàng Đồng.
Hàng Muối, hàng Nón, cầu Đông,
Hàng Hòm, hàng Đậu, hàng Bông, hàng Bè.
Hàng Thung, hàng Bát, hàng Tre,
Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The^[70], hàng Gà.

Quanh đi đến phố hàng Da,
Trải xem phường phố, thật là cũng xinh.

Phồn hoa thứ nhất Long Thành,
Phố giảng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.

Người về nhớ ảnh ngân ngơ,
Bút hoa xin chép nên thơ lưu truyền.

*

Gió đưa cảnh trúc la đà^[71],
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.

Tuyệt mù khói tỏa ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

*

Ai về Hà Nội, ngược nước Hồng Hà,
Buồm giông ba ngọn, vui đà nên vui!...

Đường về xứ Lạng mù xa,
Có về Hà Nội với ta thì về.
Đường thủy thì tiện thuyền bè,
Đường bộ cứ bến Bồ Đề mà sang.

*

Sông Tô nước chảy trong ngần,
Có thuyền buồm trắng chạy gần chạy xa.

Thon thon hai mũi chèo hoa,
Lướt đi lướt lại như là bướm gieo.

*

Làng tôi có lũy tre xanh,
Có sông Tô Lịch uốn quanh xóm làng.

Bên bờ vãi, nhãn, hai hàng,
Dưới sông cá lội từng đàn tung tăng.

*

Giao Tự^[72] lắm bãi nhiều soi,
Lắm con gái đẹp nhiều nơi phải lòng.

Giao Tự gần giếng, gần sông,
Đàn bà thì ít, đàn ông thì nhiều.

*

Ai về đến huyện Đông Anh,
Ghé xem phong cảnh Loa thành Thục Vương.

Cổ Loa hình ốc khác thường,
Trải bao năm tháng, nẻo đường còn đây.

*

Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ,
Xem cầu Thê Húc^[73], xem chùa Ngọc Sơn.

Đài Nghiên, Tháp Bút^[74] chưa mòn,
Hỏi ai xây dựng nên non nước này?

*

Hỡi cô mà thắt bao xanh,
Có về Kim Lũ^[75] với anh thì về.

Kim Lũ có hai cây đề,
Cây cao bóng mát gần kề đôi ta.
Tình sâu không quản đường xa,
Nhà anh cao rộng cũng là nhà em.

Nhà anh có con sông êm,
Cho em tắm mát những đêm mùa hè.

*

Lụa làng Trúc^[76] vừa thanh vừa bóng,
May áo chàng cùng sóng áo em.
Chữ tình cùng với chữ duyên,
Xin đừng thay áo mà quên lời nguyện.

*

Giếng Ngọc Hà vừa trong vừa mát,
Vườn Ngọc Hà thơm ngát gần xa,

Hỏi người xách nước tưới hoa,
Có cho ai được vào ra chốn này?

*

Người ta bán vụn buôn ngàn,
Em đây làm giấy cơ hàn vẫn tươi.
Dám xin ai đó chớ cười,
Vì em làm giấy cho người chép thơ.

*

Yến sào Vĩnh Sơn
Nam sâm Bồ Trạch
Cua gạch Quảng Khê
Sò nghêu Quán Hà
Rượu dâu Thuận Lý^[77].

*

Ốc gạo Thanh Hà,
Mật rú Bát Phường,
Măng cày Huyện Do,

Gầm ghì Chợ Huyện,
Thơm rượu Hà Trung,
Mắm ruốc Cửa Tùng
Mắm nêm chợ Sãi^[78].

*

Nem chả Hòa Vang
Bánh tổ Hội An
Khoai lang Trà Kiệu,
Thơm rượu Tam Kỳ^[79].

*

Quê em có dải sông Hàn,
Có hòn Non Nước, có hang Sơn Trà.

*

Chim mía Xuân Phổ,
Cá bống Sơn Trà,
Kẹo gương Thù Xà,
Mạch nha Thi Phổ^[80].

*

Yến sào Hòn Nội,

Vịt lội Ninh Hòa,

Tôm hùm Bình Ba,

Nai khô Diên Khánh^[81].

*

Biên Hòa có bưởi Thanh Trà,

Thủ Đức nem nướng, Điện Bà Tây Ninh^[82].

*

Bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc⁴

*

Ba phen quạ nói với diều:

Cù lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm⁵.

*

Tháng ba cơm gói ra Hòn,

Muốn ăn trứng nhạn phải lòn Hang Mai^[83].

*

Bậu ra bậu lấy ông câu,
Bậu câu cá bống, chặt đầu kho tiêu.
Kho tiêu, kho ớt, kho hành,
Kho ba lượng thịt để dành mà ăn^[84].

*

Chiều chiều ra chợ Đông Ba,
Ngó về hàng bột, trông ra hàng đường.
Nhìn mai, ngắm liễu, xem hường,
Cô nào đẹp nhất, xin nhường cho tôi.

*

Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh,
Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.

*

Muốn ăn bông súng mắm kho,
Thì vô Đồng Tháp ẩm no đã thèm.

*

Muốn ăn cơm trắng nước trong,

Thì lên Phố Cát, Đại Đồng cùng anh.

*

Núi Ngự Bình trước tròn, sau méo,

Sông An Cựu nắng đục, mưa trong.

Em đây vốn thực chưa chồng,

Núi cao sông rộng biết gọi lòng cùng ai?

*

Xứ Cần Thơ nam thanh nữ tú,

Xứ Rạch Giá vượn hú chim kêu.

*

Thứ nhất thì bầu Chi Lăng,

Thứ nhì Cây Khế Đồng Đăng, Kỳ Lừa^[85].

^[31] Tính đến năm 1977.

^[32] Một huyện thuộc Hưng Yên.

^[33] Một làng ở Thái Bình.

^[34] Vân Gia (Phụ Khang) và Mông Phụ là những thôn thuộc xã Đường Lâm (Sơn Tây). Thời xưa đàn ông Vân Gia hay ở nhà bế con, đàn bà đi cày; còn ở Mông Phụ đàn bà dệt vải, đàn ông làm việc nặng.

^[35] Tức Hải Dương.

[36] Thái Nguyên.

[37] Huyện Yên Thế và các làng Nội Duệ, Cầu Lim xưa đều thuộc Kinh Bắc (nay là Hà Bắc).

[38] Vợ Hải Dương, chồng Bắc Ninh.

[39] Thuộc Bắc Ninh.

[40] Tức Hưng Yên bây giờ.

[41] Ở Huế.

[42] Chùa Tây Phương ở Thạch Thất (Sơn Tây).

[43] Hội chọi trâu ở Đồ Sơn.

[44] Đăm, tức là làng Tây Tựu; Giá, tức là làng Yên Sở; La, tức là làng La Khê, La Cả (đều thuộc tỉnh Hà Đông).

[45] Thuộc tỉnh Thái Bình, nơi có tiếng là giàu (đặc biệt là gà sống thiến béo và gạo ngon).

[46] Còn có câu:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài,

Chẳng lịch cũng thể là người Tràng An.

[47] Thời xưa bờ phía tây bắc, phía đông và phía nam Hồ Tây là thuộc huyện Vĩnh Thuận, phủ Phụng Tiên (nay là Hoài Đức) trong kinh thành Thăng Long; còn bờ phía tây là thuộc huyện Từ Liêm ở trong tỉnh Sơn Tây cũ, gọi là xứ Đoài.

[48] Làng Quang, tức làng Thanh Liệt. Xóm Vãn là một xóm thuộc làng Quang, xưa là làng Voi, quê của Chu Văn An.

[49] Gắn Dục Thúy (Ninh Bình).

[50] Báng tức Đình Bảng (Bắc Ninh).

[51] Vạn Vân tức vạn Vân Đồn.

[52] Đầm Sét, tức cái đầm thuộc làng Thịnh Liệt (Hà Đông).

[53] Bông tức làng Lai Hạ Trung (Hưng Yên).

[54] Bái tức làng Bối Khê (Hưng Yên).

[55] Tức La Hà (sông Gianh).

[56] Tức làng Gốm thuộc Vĩnh Yên, đặc biệt về đồ gốm.

[57] Mường Lễ ở Lai Châu.

[58] Tức xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm (ngoại thành Hà Nội), trong đó có thôn Dịch Vọng hậu chuyên nghề làm cối.

[59] Bạch Hạc, thuộc Việt Trì (Phú Thọ) có giống hồng không hạt.

[60] Thuộc Hòa Bình, xưa kia người ta coi Kim Bôi, Hạ Bì là những nơi ma thiêng, nước độc.

[61] Giản là một khe nước giữa hai dãy núi. Còn lô giản, chưa rõ nghĩa.

[62] Đồng Tỉnh bán thuốc Lào, còn Huê Cầu tức Xuân Cầu. Cả hai nơi này trước kia thuộc Bắc Ninh, nay thuộc Hải Hưng.

[63] Thuộc Hải Hưng.

[64] Còn có những câu:

Rủ nhau đánh cá Đồng Lầm,

Cá kia chẳng được âm thầm lòng em.

Rủ nhau đánh cá Đồng Trèm,

Cá kia chẳng được lòng em âm thầm.

(Đồng Trèm thuộc làng Thụy Phương, huyện Từ Liêm - Hà Nội)

[65] Các thứ ngon vật lạ của Hà Nội: sâm cầm là giống chim thịt rất ngon.

[66] Huyện Phù Cừ thuộc Hưng Yên.

[67] Núi Cánh Diều.

[68] Làng Ghề thuộc Quốc Oai; phố Mía (xã Đường Lâm); Đông Viên (xã Đông Quang) cũng thuộc Quốc Oai, Sơn Tây.

[69] Bánh ếch tức bánh ít.

[70] Túc hàng Đào xưa bán toàn the, lụa và tơ (thuộc phường Đồng Lạc).

[71] Câu này có bản chép: “Phất phơ ngọn trúc, trắng tà”.

[72] Giao Tự là một thôn thuộc xã Kim Sơn bên bờ sông Đuống thuộc Gia Lâm (xưa thuộc Bắc Ninh, nay là ngoại thành Hà Nội).

[73] Thê Húc có nghĩa là ánh mặt trời ban mai đậu lại.

[74] Đài Nghiên và Tháp Bút đều do nhà văn Nguyễn Siêu xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ XIX.

[75] Kim Lũ là một thôn thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì.

[76] Một làng bên bờ hồ Trúc Bạch (Hà Nội).

[77] Đều thuộc các tỉnh miền Trung.

[78] Thuộc về Bình Trị Thiên.

[79] Thuộc về Quảng Nam.

[80] Thuộc về Quảng Ngãi.

[81] Thuộc về Khánh Hòa.

[82], ^{4, 5} Thuộc về Miền Nam.

[83] Ở vùng biển Hà Tiên có nhiều đảo nhỏ, gọi là “hòn” như Hòn Phú Quốc, Hòn Đá Bạc, Hòn Khoai, Hòn Nần, Hòn Tay, Hòn Khô, v.v... Trong các hòn thường có nhiều hang, ở đó có nhiều loại chim sinh sống.

[84] Món ăn thông thường của đồng bào miền Nam Trung Bộ.

[85] Những món ăn chơi thời xưa, có nhiều sòng bạc và cũng là những nơi người Kinh và người các dân tộc thiểu số tụ tập để mua bán, trao đổi hàng hóa.

8. ẢNH HƯỞNG QUA LẠI GIỮA TỤC NGŨ, CA DAO VÀ VĂN HỌC THÀNH VĂN

Văn học dân gian biểu hiện ý nghĩa, tâm tình của nhân dân, những nhận xét của nhân dân về cuộc sống và chỉ cái gì thật sự Việt Nam nhân dân mới đưa vào sáng tác của mình. Những tác phẩm văn học thành văn có nhiều tính nhân dân và tính dân tộc hơn cả đều là những tác phẩm đã vận dụng được ngôn ngữ, phương pháp nghệ thuật ưu tú của văn học dân gian, đồng thời cũng có nội dung tư tưởng, tình cảm phù hợp với thế giới quan của nhân dân lao động.

Các tác giả *Việt điện u linh tập*, *Thánh Tông di thảo*, *Thiên Nam ngữ lục*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Truyền kỳ mạn lục*, *Tang thương ngẫu lục*, *Lan trì kiến văn lục*, *Thoái thực ký văn* đã ghi chép lại chuyện dân gian và trên cơ sở đó, họ đã hư cấu hoặc ít hoặc nhiều. Những nhà thơ thiên tài như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, những nhà thơ nổi tiếng như Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Đình Chiểu, Trần Tế Xương, và ngày nay, Tố Hữu, nhà thơ lớn của ta, đã vận dụng một cách sáng tạo ngôn ngữ và nghệ thuật ưu tú của văn học dân gian vào sáng tác của mình.

Trong một thời kỳ khá dài của lịch sử nước ta, chữ Hán đã được coi là thứ chữ “chính thức” và việc đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến toàn bộ nền văn học dân tộc, trong đó có văn học dân gian truyền miệng. Ý thức hệ phong kiến đã ảnh hưởng đến cả những sáng tác của nhân dân. Các nhà thơ của ta

thời xưa đều tin ở thuyết định mệnh, và trong nhân dân, nhiều người cũng tin ở thuyết định mệnh. Chúng ta thấy có những câu thơ của Nguyễn Trãi và những câu ca dao tuy lời có khác nhau nhưng đều diễn một ý như nhau. Câu chữ Hán: “Phú quý do thiên”, thì cũng có câu ca dao:

Số giàu đưa đến dừng dừng,

Lọ là con mắt tráo trướng mới giàu.

Trong *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi cũng có những câu:

Sang cùng khó bởi chưng trời,

Lăn lóc làm chi cho nhọc hơi[\[86\]](#).

Được thua phú quý dầu thiên mệnh

Chen chóc làm chi cho nhọc nhằn[\[87\]](#).

Trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du cũng có câu:

Ngãm hay muôn sự tại trời,

Trời kia đã bắt làm người có thân...

Chữ Hán có câu:

Bần cư trung thị vô nhân vấn,

Phú tại sơn lâm hữu khách tầm

thì ca dao ta cũng có những câu:

*Khó khăn ở chợ leo teo,
Ông cô, bà cậu chẳng điều hỏi sao.
Giàu sang ở bên nước Lào,
Hùm tha, rắn cắn, tìm vào cho mau.*

và trong *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi cũng có câu tương tự:

*Quả nhiều, sơn dã, đem nhau đến,
Khó ở Kinh Thành, ít kẻ han[\[88\]](#).*

Như vậy, đã có một thời, tục ngữ ca dao và thơ của các tác giả đã bắt nguồn từ một số câu chữ Hán có ý nghĩa về con người và việc đời. Đến thời văn học chữ Nôm thịnh thì tục ngữ ca dao đã ảnh hưởng rất nhiều đến thơ ca.

Ca dao có câu:

*Còn duyên như tượng tô vàng
Hết duyên như tổ ong tàn ngày mưa.*

thì thơ của Nguyễn Trãi có câu:

*La ý[\[89\]](#) dập dìu, hàng chợ họp,
Cửa nhà bịn rịn, tổ ong tàn[\[90\]](#).*

Ca dao có câu:

*Thật vàng chẳng phải thau đâu,
Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng.*

thì thơ Nguyễn Trãi có câu:

*Ngọc lành, nào có tơ vết[\[91\]](#).
Vàng thật âu chi[\[92\]](#) lửa thiêu[\[93\]](#).*

Nguyễn Trãi dùng rất nhiều tục ngữ trong thơ, thí dụ bài sau đây:

*Ở bầu thì dáng ắt nên tròn,
Xấu tốt, đều thì lấp khuôn.
Lân cận nhà giàu no bữa cốm,
Bạn bè kẻ trộm phải đòn đau.
Chơi cùng đứa dại nên bày dại,
Kết với người khôn học nét khôn
Ở đẳng thấp, thì nên đẳng thấp[\[94\]](#).
Đen gần mực, đỏ gần son.*

Chúng ta thấy Nguyễn Trãi đã vận dụng một cách sáng tạo những câu tục ngữ:

- *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.*
- *Ở gần nhà giàu, đau răng ăn cốm.*

- Ở gần kẻ trộm, ốm lưng chịu đòn.

- Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

Ngược lại, cũng có thể nhân dân đã mượn ý thơ của Nguyễn Trãi để sáng tác một số tục ngữ, ca dao; nhưng theo ý chúng tôi, sự vay mượn của nhân dân đối với thơ của Nguyễn Trãi không nhiều, vì thơ của Nguyễn Trãi không phải loại thơ đã được phổ biến rộng rãi, nhất là sau khi ông bị nạn chu di.

Trong số những nhà thơ lớn trong văn học cổ điển, chúng ta thấy Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương đã sử dụng rất sáng tạo ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật dân gian, và ngược lại nhân dân cũng mượn nhiều câu trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và trong thơ của Hồ Xuân Hương, hoặc để nguyên hoặc sửa đi ít nhiều, để đối đáp nhau, gửi gắm tâm sự mình.

Thương nhớ người xa vắng, ca dao có câu:

...Ai đi muôn dặm non sông,

Để ai chứa chất sầu đong vơi đầy.

thì Nguyễn Du đã miêu tả những nỗi nhớ nhung, sầu não của Kim Trọng như sau:

Sầu đong càng lắc càng đầy,

Ba thu dọn lại một ngày dài ghê!...

Ca dao có câu:

Đã thành gia thất thì thôi,

Đèo bông chi lắm, tội trời ai mang?

và những câu:

Đầu năm ăn quả thanh yên,

Cuối năm ăn bưởi cho nên đèo bông.

Vì cam cho quýt đèo bông,

Vì em nhan sắc, nên lòng nhớ thương.

Muốn miêu tả tâm trạng Kiều khi nàng đã biết duyên phận mình, Nguyễn Du đã để Kiều khuyên nhủ Thúc Sinh:

Đôi ta chút nghĩa đèo bông,

Đến nhà trước liệu nói sòng cho mình...

Ca dao có câu:

Củ than nhem nhuộm với tình,

Ghi lời vàng đá, xin mình chớ quên.

thì trong Truyện Kiều, Nguyễn Du hay dùng những chữ “đá vàng”:

- *Một lời vâng tạc đá vàng thủy chung.*

- *Đá biết tuổi vàng.*

- *Đá vàng đã quyết, phong ba cũng liều, v.v...*

Những chữ “mảnh trăng”, “tay bông tay mang”, “đào liễu”, v.v... mà nhân dân hay dùng làm hình tượng trong sáng tác của mình thì Nguyễn Du cũng hay sử dụng.

Truyện Kiều rất phổ biến trong quảng đại quần chúng, nên nhân dân thường dùng ngôn ngữ trong *Truyện Kiều*, nhân vật trong *Truyện Kiều*, nhiều khi là nguyên cả câu *Kiều* để xây dựng lời ca, biểu hiện cảm nghĩ của mình và còn đem cử từng đoạn trong *Kiều* để đối nhau nữa.

Về tâm sự kẻ ở người đi, về nỗi chia ly làm người ta day dứt, *Truyện Kiều* có câu:

Vầng trăng ai xẻ làm đôi,

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

thì ca dao cũng có câu:

Vầng trăng ai xẻ làm đôi,

Đường trần ai vẽ ngược xuôi hời chàng?

Ở đây khó mà biết ai mượn của ai? Nhân dân vay mượn của *Kiều* hay Nguyễn Du sử dụng vốn của nhân dân?

Nhưng có những câu thì rõ ràng nhân dân đã mượn chữ nghĩa của *Kiều*, vì đây thật là những chữ nghĩa có tính chất bác học, có điển cố mà chỉ những tay túc nho mới diễn nôm được một cách trơn tru, *Truyện Kiều* có câu:

Chén hà sánh giọng quỳnh tương,

Giải là hương lộn, bình gương bóng lồng.

thì mấy chị hát phường vải đã đổi đi một vài chữ nho dễ hiểu hơn và thêm một câu khác hợp với lối “hát mới”:

Chén ngà sánh giọng quỳnh tương;

Mời chàng nho sĩ văn chương bước vào.

và *Truyện Kiều* có câu:

Xắn tay mở khóa động đào,

Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên Thai.

thì nhân dân cũng đã dùng chữ nghĩa *Truyện Kiều* và đơn giản đi một phần cho hợp với cung cách của hát phường vải:

Ra tay mở khóa động đào,

Thực tiên thì được bước vào chơi tiên.

Trong khắp nước ta, không mấy người là không thuộc những nhân vật trong tác phẩm của Nguyễn Du: Thúy Kiều, Thúy Vân, Kim Trọng, Từ Hải, Thúc Sinh, Hoạn Thư, Tú Bà, Sở Khanh... Người ta thuộc những nhân vật này đến mức coi họ như những người có thật trong cuộc đời, đang cảm nghĩ, hành động ngay trong xã hội của mình. Xa cách người yêu, nhân dân đã miêu tả tâm trạng mình bằng những câu ca dao theo lối so sánh:

Sen xa hồ, sen khô, hồ cạn,

Liều xa đào, liễu ngả, đào nghiêng

Anh xa em như bến xa thuyền,

Như Thúy Kiều xa Kim Trọng, biết mấy niên cho tái hồi!

Nhiều khi nói thẳng tên người yêu, nghe nó sỗ sàng làm sao ấy, nói ngay vào mình thì cũng ngượng ngùng, nên người ta cũng đi mượn chàng Kim, nàng Kiều, nàng Vân thay bạn, thay mình:

Bóng ai thấp thoáng vườn hoa,

Hình như Kim Trọng đến nhà Kiều, Vân!

Trong dân ca Việt Nam, những câu hát đố và hát đối về *Kiều* rất phong phú. Trong những ngày hội hè, đình đám thời xưa, có thể suốt đêm, nam nữ tùm năm tùm ba lại để hát đố và hát đáp toàn về “chữ nghĩa”, toàn về “sự tích” và “nhân vật” trong *Kiều*. Có những câu đố đáp vừa tài tình, duyên dáng, vừa dí dỏm, châm chọc. Bên nữ lên tiếng đố:

Nghe tin anh học có tài,

Đào tiên một cỗi Thiên Thai ai trồng?

Bên nam liền đáp:

Thiên thai là của nàng Kiều,

Riêng chàng Kim Trọng sớm chiều vào ra...

Ảnh hưởng qua lại giữa văn học dân gian và tác phẩm nổi tiếng của Nguyễn Du rất sâu sắc và phong phú. Nguyễn Du, nhà thơ thiên tài của ta, trong bài thơ chữ Hán *Thanh minh ngẫu hứng*, đã có câu:

Thôn ca sơ học tang ma ngữ,

Dã khốc thời văn chiến phạt thanh.

(Tiếng hát nơi thôn xóm giúp ta học những câu tả về trồng dâu, trồng gai, tiếng khóc nơi đồng nội như nhắc lại thời chiến tranh)^[95].

Hồ Xuân Hương, một nhà thơ lớn của ta, cũng học tập truyền thống nghệ thuật và ngôn ngữ ở tục ngữ ca dao không kém Nguyễn Du. Bà vận dụng rất tài những thành ngữ, tục ngữ, lộng ngữ và lối chơi chữ của tục ngữ ca dao.

Ca dao có câu:

Quả cau nho nhỏ

Cái vỏ vân vân

thì thơ của Hồ Xuân Hương có câu:

Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi...

Ca dao có câu:

Không chồng mà chữa mới ngoan

Có chồng mà chữa, thế gian sự thường.

thì cùng một ý ấy, thơ Hồ Xuân Hương kín đáo hơn:

Những kẻ không mà có mới ngoan...

Những câu thành ngữ: *Nòng nọc đứt đuôi, lăn lóc như cóc bơi vôi* và những câu tục ngữ: *cố đấm ăn xôi, làm mướn không công* đều về ý về lời, được sử dụng đắt và sáng tạo trong thơ Hồ Xuân Hương:

Cố đấm ăn xôi, xôi lại hổng,

Cầm bằng làm mướn, mướn không công.

và

Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé,

Nghìn vàng khôn chuộc dấu bơi vôi.

Hồ Xuân Hương đã chọn lọc ở tục ngữ ca dao rất nhiều câu chua cay; mai mỉa cuộc đời. Bà còn vận dụng cả nghệ thuật của những câu đố để diễn đạt nội dung trữ tình làm cho thơ bà bốn cột mà duyên dáng, lẳng lơ mà kín đáo.

Đọc những bài về *Cái quạt, Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương, chúng ta thấy nó có phong cách dân gian đặc biệt, giống như câu đố, mà lại rất trữ tình. Sau đây là bài thơ *Bánh trôi nước*:

Thân em vừa trắng, lại vừa tròn,

Bảy nổi ba chìm với nước non.

Rắn nát, mặc dầu tay kẻ nặn,

Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

Do ngôn ngữ của ta rất bóng bẩy và hàm súc, nên hầu hết những câu thơ của Hồ Xuân Hương đều có hai nghĩa. Có thể nói: bà là nhà thơ sử dụng ngôn ngữ dân gian tuyệt giỏi.

Xưa nay, những nhà thơ lớn của ta thường sử dụng ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật giản dị, trong sáng và thanh thoát của nhân dân, nên nhiều lúc cũng khó thấy được ranh giới giữa thơ và ca dao. Về điểm này, tôi rất đồng ý với nhận định của Chế Lan Viên: “Nghĩ cho cùng, ca dao cũng chỉ là thơ – một lối thơ riêng biệt...”^[96].

Trong nhiều bài thơ, Tố Hữu rất hay dùng ngôn ngữ dân gian và hình tượng nghệ thuật dân gian, nên quảng đại quần chúng rất ưa thích thơ Tố Hữu. Người ta ngâm thơ của Tố Hữu như ngâm ca dao vậy.

Ở một xã thuộc huyện Hiệp Hòa (Hà Bắc), có một chị thuộc rất nhiều thơ của Tố Hữu, ban đêm, khi bện gióng ngoài sân, chị hay ngâm bài “Phá đường”. Tôi hỏi chị có biết tác giả bài này là ai không thì chị cười và đáp: “Em chả biết”. Rõ ràng là nội dung tư tưởng tình cảm những bài thơ như vậy rất thích ứng với thế giới quan của nhân dân lao động và hình thức nghệ thuật của nó cũng rất dân gian, rất hợp với khẩu vị của nhân dân. Trong ca dao truyền thống thường có những cách “xưng hô” và “kêu gọi” rất đặc biệt:

- *Mình về mình có nhớ ta...*

- *Mình đi có nhớ những ngày...*

- *Ta với mình, mình với ta,*

- *Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh...*

Những câu ca dao hay của ta quả là khuôn vàng thước ngọc cho thơ trữ tình.

[86] Quốc âm thi tập, Nguyễn Trãi, Nhà xuất bản Văn Sử Địa, 1956, tr.32.

[87] Như trên, tr.45.

[88] Quốc âm thi tập, tr.120.

[89] La ý: lượt là.

[90] Quốc âm thi tập, bài 55, tr.66.

[91] Tơ vết: vết nhỏ như sợi tơ.

[92] Âu chi: ngại chi.

[93] Quốc âm thi tập, bài 148, tr.127.

[94] Ở đẳng thấp: ở bậc thấp.

[95] Thơ chữ Hán Nguyễn Du, Bùi Kỳ, Phan Võ, Nguyễn Khắc Hanh dịch, Nhà xuất bản Văn hóa, 1959, tr.63, 64.

[96] Phê bình văn học, Chế Lan Viên, Nhà xuất bản Văn học, 1962, tr.194.

9. NHỮNG HẠN CHẾ VỀ MẶT TƯ TƯỞNG CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN BIỂU HIỆN TRONG TỤC NGŨ, CA DAO

Theo Goóc-ki, văn học dân gian là những sáng tác truyền miệng của nhân dân lao động; văn học dân gian là một loại văn học biểu hiện thế giới quan của tầng lớp lao động, chủ yếu là nông dân và công nhân. Như vậy, đã phản ánh sinh hoạt, đã nói lên những ước mơ, những nguyện vọng của nhân dân lao động thì văn học dân gian (trong đó có tục ngữ, ca dao và dân ca) không thể nào lại biểu hiện tư tưởng của giai cấp bóc lột được.

Tuy vậy, trong văn học thành văn cũng như trong văn học truyền miệng (tức văn học dân gian), điều chủ yếu không phải là thành phần xuất thân của tác giả thuộc giai cấp này hay giai cấp khác, mà là xu hướng, ý thức, tư tưởng của tác phẩm. Những tục ngữ, ca dao hay dân ca do một số người không xuất thân ở quần chúng nhân dân sáng tác mà có tư tưởng tiến bộ, phù hợp với thế giới quan của quần chúng lao động và được xây dựng dưới hình thức dân gian, vẫn có thể đứng trong hàng ngũ của văn học dân gian. Thực tế đã cho thấy ở nước ta, trong thời kỳ phong kiến, thời thuộc địa và hiện nay, có những người trí thức không phải xuất thân từ các giai cấp nông dân và công nhân, đã sáng tác nhiều ca dao và dân ca được quần chúng lao động ưa thích và được phổ biến rộng rãi.

Nhưng trong kho tàng tục ngữ, ca dao và dân ca của ta còn lại ngày nay, chúng ta thấy có một số câu, một số bài không những lạc hậu mà còn phản

động nữa. Những câu, những bài phản động đề cao giai cấp phong kiến thống trị như:

Một đêm quân tử nằm kề,

Còn hơn thẳng nắng vỗ về quanh năm.

hoặc những câu:

Chim khôn đậu nóc nhà quan,

Trai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng.

Xưa nay những bạn má hồng,

Thà hầu quân tử hơn chồng đần ngu.

Ở đây *quân tử* là những kẻ trong giai cấp thống trị, còn *đần ngu* là nhân dân lao động, vì theo chúng “*dân ngu, khu đen*”^[97]. Lại có những câu nói lên tính dâm ô một cách trâng tráo của chúng, thí dụ những câu:

Ngày thì quan lớn như thần,

Đêm thì quan lớn tần ngần như ma.

Hai tay quan lớn gian tà,

Tay xoa cát phấm, tay sờ hạ chiêu^[98].

Hay đề cao giai cấp thống trị mà khinh rẻ người nghèo, người lao động khá rõ rệt, như câu sau này:

Một ngày dựa mạn thuyền rồng,

Còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài.

Những câu, những bài như trên rất có thể đã xuất hiện trong giai cấp thống trị và cũng đã được truyền miệng một phần nào trong dân gian. Những câu ấy được lưu truyền như vậy, vì bị hạn chế bởi điều kiện sản xuất, vì chịu ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến, nên người nông dân Việt Nam cũng như người nông dân ở nhiều nước trên thế giới, đã có những nhược điểm nhất định trong ý thức tư tưởng. Về căn bản, tư tưởng người nông dân là tư tưởng duy vật, nhưng bị kỹ thuật nông nghiệp thô sơ hạn chế, nên trí óc họ đã nảy nở những tư tưởng duy tâm, làm cho giai cấp phong kiến có chỗ dựa để đầu độc tư tưởng họ. Trước những thiên tai, như lụt, bão, hạn, dịch tả, sâu cắn lúa, v.v... người nông dân nhiều lúc đã tỏ ra bất lực. Trong nhiều thế kỷ, người nông dân Việt Nam đã phải lệ thuộc vào thiên nhiên rất nhiều. Trong tình hình ấy, giai cấp phong kiến đã tuyên truyền tư tưởng duy tâm trong nhân dân để có lợi cho chúng. Do đó, thời xưa, người nông dân nước ta đã có những tư tưởng lạc hậu, mê tín đối với thiên nhiên và đối với xã hội. Họ cho mưa nắng là do Trời làm ra. Nên gặp khi hạn hán, họ “lạy Trời mưa xuống” và khi “mưa nắng phải thì” thì họ tạ ơn Trời. Họ không thể hiểu tại sao những “kẻ ăn trộm ăn cướp” lại “thành Phật, thành Tiên” được, mà hay “đi chùa, đi chiền” như họ thì lại khổ sở, có khi “bán thân bất toại”. Họ cũng không thể hiểu tại sao những kẻ “mặt vuông chữ điền” thì lại “đồng tiền không có”, còn những kẻ “mặt mũi méo mó” thì lại có đồng tiền. Vì không tự giải thích được, nên họ cho là “tại số” cả. Cho nên trong kho tàng tục ngữ, ca dao và dân ca của ta, đã có một số câu lạc hậu do nông dân sáng tác trong một vài trường hợp tiêu cực nào đó:

Nhà giàu trồng lau ra mía,

Nhà khó trồng củ tía ra củ nâu.

Số giàu đem đến dừng dừng,

Lọ là con mắt tráo trướng mới giàu.

Do lối sản xuất cá thể và phân tán của người nông dân Việt Nam thời xưa, những tư tưởng tiêu cực, an phận thủ thường, tự ti, tư hữu, bảo thủ, v.v... đã biểu hiện trong tục ngữ, ca dao – những sáng tác của nông dân. Thí dụ những câu:

Chị là con gái nhà giàu,

Ăn mặc tốt đẹp, vào châu tòa sen.

Em là con gái nhà hèn,

Ăn mặc rách rưới, mon men ngoài hè.

Người con gái nông thôn rất yêu lao động, họ yêu những người chất phác, thật sự lao động, nên họ đã thốt ra:

Nghìn muôn chớ lấy học trò,

Dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm.

Nhưng có lúc họ thấy rằng “rách rưới” thì chỉ “mon men ngoài hè”, không bao giờ được “vào châu tòa sen”, nên họ lại có những tư tưởng ngược lại:

Hay nằm thì có vông đào,

Dài lưng thì có áo trào nhà vua.

Hay ăn thì có thóc kho,

Việc gì mà chẳng ăn no lại năm.

Về giàu nghèo, người nông dân thời xưa thường tin ở số mệnh, có thể nói là những ước mơ của họ nhiều khi đều nằm trong thuyết “số mệnh”, như: “Ai giàu ba họ, ai khó ba đời”; nhưng nhiều lúc họ đã nhìn thấy chân giá trị của con người, không bị hình thức làm cho mờ ám:

Hơn nhau tấm áo manh quần,

Thả ra bóc trần, ai cũng như ai!

Trong tư tưởng của người nông dân Việt Nam thuở xưa có những mâu thuẫn như vậy, cho nên trong vấn đề kế thừa vốn cũ văn học dân gian – ở đây là tục ngữ, ca dao và dân ca – việc vận dụng quan điểm lịch sử và lập trường giai cấp trong công tác nghiên cứu là một điều rất cần thiết. Trong tập này, không phải chúng tôi chọn hoàn toàn những tục ngữ, ca dao, dân ca tiến bộ; có những bài do bị hạn chế của lịch sử, hạn chế của giai cấp, không lấy gì làm tiến bộ cho lắm, nhưng chúng tôi cũng trích tuyển vì nó phản ánh được một phần nào tình cảm, tư tưởng và sinh hoạt của người lao động vào những thời gian lịch sử nhất định. Ví dụ ngày nay, do cải tiến kỹ thuật trồng trọt và qua nhiều kinh nghiệm, chúng ta cấy dày, nhưng chúng ta cũng cần biết ngày xưa đã có một thời gian rất dài, người nông dân Việt Nam đều cho là:

Cấy thưa, thừa tóc,

Cấy dày, cóc được ăn.

Cũng như từ Cách mạng tháng Tám đến nay, và nhất là từ ngày Chính phủ ta ban hành Luật Hôn nhân và Gia đình, người phụ nữ Việt Nam đã được hoàn toàn giải phóng, đã được bình đẳng về mọi mặt với nam giới,

nhưng suốt trong thời kỳ phong kiến rất dài, nhiều phụ nữ Việt Nam tuy có vươn lên đấu tranh chống kỷ cương phong kiến chèn ép, chà đạp mình, nhưng cũng lại có những người phụ nữ lấy việc “sửa túi nâng khăn” là “bốn phận” của người đàn bà, cho nên mới có những câu truyền lại trong nhân dân, tỏ ra phụ nữ thấp kém hẳn nam giới:

Chồng giận thì vợ làm lành,

Miệng cười hớn hở rằng anh giận gì?

và những câu van lơn đối với một kẻ tình phụ:

Chàng ơi, phụ thiếp làm chi?

Thiếp như cơm nguội đỡ khi đói lòng!

Về tình hình ấy, về tâm trạng ấy của phụ nữ Việt Nam thời xưa, những người làm công tác nghiên cứu văn học, sử học, dân tộc học đều phải biết. Có biết những điều đó, mới thấy rõ chế độ xã hội chủ nghĩa của ta ngày nay là ưu việt. Vì trên thế giới hiện thời, ở những nước tư bản chủ nghĩa, người phụ nữ tuy bề ngoài có vẻ đường hoàng lắm, nhưng sự thật họ vẫn chưa có được những quyền lợi như nam giới. Mặt khác, nghiên cứu những câu tục ngữ, ca dao lạc hậu xuất hiện thời xưa, chúng ta càng thấy rõ, chỉ dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nông dân mới có ý thức cùng nhau lao động, sản xuất tập thể, để đổi mới nông thôn và mới có tinh thần triệt để trong công cuộc đấu tranh chống phong kiến, đế quốc và mới nhận thấy rõ con đường đi lên của mình.

[97] Khu ở đây nghĩa là mông.

[98] Xưa, “Đánh đố chữ”, một loại cờ bạc sát phạt nhau rất nhiều, “cát phẩm” là vú, “hạ chiêu” là âm hộ.

II - QUAN HỆ THIÊN NHIÊN

Tất cả nhân loại đều phải trải qua thời kỳ nguyên thủy, sống rất cực khổ, mình trần thân trụi, phải luôn luôn cố gắng tìm cho có cái ăn, cái mặc và chỗ ở, luôn luôn đấu tranh với thiên nhiên, để vươn lên mức sống cao hơn. Sở dĩ dần dần cải thiện được sinh hoạt là vì loài người đã chế tạo được công cụ để dùng. Nhờ có những công cụ ngày một tinh xảo, loài người đã làm biến đổi hẳn bộ mặt của thiên nhiên: những vùng hoang vu đã trở thành những đồng ruộng phì nhiêu, những miền bị sóng nước mênh mông ngăn cách đã được nối liền bằng những cầu và những tàu thuyền qua lại, ấy là chưa kể những thứ nằm sâu dưới đất và đáy biển cũng được khai thác, những con sông dữ hóa hiền, những quả núi cao trở thành thấp hay bị đục xuyên, và đến khoảng bầu trời xanh cao cũng được khám phá...

Cuộc đấu tranh thiên nhiên của loài người đã liên tục, và nhờ có óc sáng tạo, nhờ sức lao động, nhờ có công cụ, loài người đã cung cấp được cho mình ngày một đầy đủ tư liệu sinh hoạt vật chất. Ca dao ta có câu:

Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang,

Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu...

Nơi hoang vu đã được bàn tay lao động biến đổi thành ruộng đất phì nhiêu, nhưng nếu chỉ bỏ hoang một thời gian, cỏ dại lại có thể mọc, ăn hết màu đất, và đất cũng có thể lại khô cứng như thời chưa khai phá. Cho nên cần phải lao động liên tục mới cải tạo được thiên nhiên, sản xuất được

những thứ của cải vật chất cần thiết, như thức ăn, quần áo, giày dép, nhà cửa, củi than, sách báo, công cụ giao thông và muôn nghìn thứ khác.

Hai câu ca dao:

Ai ơi đã quyết thì hành,

Đã dẫn thì vác cả cành lẫn cây.

có nghĩa là đã quyết định một việc gì thì thực hiện ngay mà khi đã thực hiện thì làm đến đâu, đến đâu. Nhưng nghĩa đen của nó, nghĩa đầu tiên của nó là khi con người ta đã dùng công cụ sản xuất để lao động, tức đã hoạt động có ý thức, có mục đích, như đánh ngã một cây ở rừng bằng một công cụ (dao, búa hay cưa) thì phải đem tất cả cành lẫn thân cây về, làm vật dụng và làm củi. Từ một cây lớn ở rừng, người ta đã cải biến nó ra bàn ghế hay kèo cột và củi than. Đó là một việc chinh phục thiên nhiên của nhân dân. Cũng như người nông dân, nhờ có kinh nghiệm về các loại gỗ, nên đã biến đổi từng loại gỗ ra công cụ thích ứng với công việc sản xuất:

Gỗ kiên anh để đóng cày,

Gỗ lim, gỗ sến, anh nay đóng bừa...

Tóm lại, loài người đã chế tạo ra được công cụ, những công cụ ấy ngày một tinh xảo, lao động của loài người lại là một việc làm có mục đích, có ý nghĩa, nên loài người đã chinh phục được thiên nhiên, bắt thiên nhiên phục vụ cho mục đích của mình.

Trong khi xã hội chưa có giai cấp, tổ tiên chúng ta, với những dụng cụ thô sơ, đã phải đem hết sức mình ra chống thiên tai, vượt khó để phát triển sản xuất. Rồi đến khi xã hội phân ra giai cấp, thì thêm vào công việc đấu

tranh thiên nhiên, có công cuộc đấu tranh xã hội, mục đích cũng là chống sự kìm hãm, những sự việc ngăn cản việc phát triển sản xuất.

Trong quá trình lao động và sản xuất ấy, hết thế hệ này đến thế hệ khác, trải qua hàng nghìn năm, tổ tiên chúng ta đã rút được nhiều kinh nghiệm rất quý, lại thêm có thói quen trong việc làm nên dần dần cải tiến được công cụ, thức ăn, chỗ ở, và đến khi có dụng cụ bằng kim khí – nhất là khi có được đồ sắt – thì đời sống cải thiện được nhiều.

Óc sáng tạo của người lao động ngày một mở mang trong quá trình sản xuất, nên có thể nói lao động là sáng tạo. Chỉ nhờ sức lao động của mình, nhờ sự bền bỉ trong đấu tranh của mình mà xã hội ngày một tiến lên.

Trong ca dao, nhân dân Việt Nam đã nói lên giá trị lao động. Nhưng không phải từ thời cổ, họ đã tin tưởng ngay vào sức lao động và nhận định được rõ giá trị của lao động. Trong thời dụng cụ còn thô sơ, đối với thiên nhiên, người lao động nhiều khi đã thấy mình bất lực, liên hệ đến đời sống của họ, họ lại thấy họ cô đơn, nên họ có những ý nghĩ lo âu, sợ hãi, thần thánh hóa nhiều hiện tượng thiên nhiên và chỉ biết kêu cầu:

Lạy ông nắng lên,

Cho trẻ nó chơi,

Cho già bắt rận,

Cho tôi đi cày...

Đành rằng ở một nước nông nghiệp lạc hậu như nước ta, chỉ không mưa hay mưa nhiều cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người nông dân, nhưng phần thì nông cụ quá thô sơ, khoa học kỹ thuật thấp kém, phần thì

việc làm riêng lẻ, có tính chất phân tán, nên người nông dân đã có những lúc không hào hứng cho lắm trong việc làm của mình. Hãy nghe tâm sự của một anh tiều phu ở trong rừng âm u, thấy mình cô quạnh giữa thiên nhiên bao la:

Tay cầm con dao,

Làm sao cho sắc,

Để mà dễ cắt

Để mà dễ chặt,

Chặt lấy củi càngh...

Trèo lên rừng xanh,

Chạy quanh sườn núi,

Một mình thui thủi...

Đến khi biết sáng chế công cụ cho thích hợp, cải tiến kỹ thuật canh tác, như:

Răng bừa tám cái còn thừa,

Lưỡi cày tám tấc đã vừa luống tơ.

Muốn cho lúa này bông to,

Cày sâu, bừa kỹ, phân tro cho nhiều...

thì người nông dân mỗi ngày một thêm tin tưởng ở việc làm của mình, tuy khó nhọc, nhưng “có ngày nên công”. Ngay khi mới bước chân đi cày trong giá buốt tháng giêng, họ đã thấy hiện ra trước mắt thành quả của lao động: một đồng lúa xanh tươi, rồi đến cảnh gặt lúa từng bưng, đem về đầy nhà...

Tháng giêng chân bước đi cày,

Tháng hai vãi lúa, ngày ngày siêng năng.

Thuận mưa lúa tốt đặng đặng,

Tháng mười gặt lúa, ta ăn đầy nhà.

Đã nhận định rõ giá trị lao động, lại thêm có kinh nghiệm về đất cát, nước nôi, phân tro và giống lúa, nên người nông dân làm việc rất cần cù và đặt nhiều triển vọng vào thu hoạch của mình.

Hầu hết những bài ca dao nói về sản xuất đều nhận định rõ sự vất vả trong lao động, nhưng đồng thời cũng nói lên những kết quả tốt đẹp của lao động, những mối tình keo sơn giữa những người lao động với nhau và tình yêu thương thiết tha của nam nữ thanh niên nảy nở trong lao động.

Ở nước ta, nông nghiệp rất quan trọng. Thời xưa, từ lúc gieo hạt cho đến lúc gặt hái, người nông dân lúc nào cũng lo lắng, vì khi thì bão lụt, khi thì hạn hán, ít khi được “trời êm, bể lặng”. Do làm lụng có tính chất cá thể, nên dù không có thiên tai, quanh năm người nông dân cũng phải giữ mình cho khỏe mạnh, “chân cứng đá mềm”, thì mới chăm bón được ruộng đồng. Cho nên, chỉ khi nào tự tay mình gặt hái xong, người nông dân mới thật “yên tâm lòng”.

*Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.*

*Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời êm bể lặng mới yên tấm lòng.*

Trong nghề nông, công việc đầu tiên là chọn giống:

Tốt giống, tốt má, tốt mạ, tốt lúa.

Đến lúc gieo mạ, lại cần chọn chân ruộng cho thích hợp, tùy theo chiêm hay mùa:

Mạ mùa sương cao, mạ chiêm ao thấp.

Khi gieo mạ mùa thì trời hay mưa (tháng 3, tháng 6 dương lịch) nên muốn khỏi bị dị ứng, ruộng mạ cần cao, nhưng cũng phải là nơi dễ tát nước phòng khi có hạn. Về tuổi mạ thì, theo kinh nghiệm, mạ mùa nên cấy khi tuổi mạ còn non một chút, còn mạ chiêm thì lâu già hơn mạ mùa:

Mạ chiêm ba tháng chưa già,

Mạ mùa tháng rưỡi ắt là chẳng non.

Cấy chiêm vào cuối năm, trời rét, mạ lâu bén rễ, nên cần cấy cho sâu. Còn mạ mùa cấy vào lúc trời nóng, nên cấy nông, cây lúa chóng xanh và đẻ sớm.

Lúa chiêm thì cấy cho sâu,

Lúa mùa thì cấy nông vừa.

Về cây lúa còn có câu:

Mạ chiêm đào sâu chôn chặt,

Mạ mùa vừa đặt, vừa đi.

Lại cũng phải tùy theo từng chất đất mà thay đổi kỹ thuật cấy. Nếu là đất cát thì phải cấy liền tay, còn nếu là đất thịt thì phải bừa cấy cho thật kỹ, để cho bùn lắng xuống đã rồi mới cấy. Tục ngữ có câu:

Cát liền tay, thịt chày ngày.

Ở ruộng đất cát, khi bừa cấy, người ta cấy theo chân trâu hay vừa bừa xong thì cấy ngay, cho nên mới có câu:

Trâu ra, mạ vào.

Thường, mạ vừa nhổ xong, người ta đem cấy ngay nhưng đối với những ruộng cao đất cát, dễ mất nước thì cấy mạ úa, cây lúa lại chóng xanh.

Mạ úa cây lúa chóng xanh,

Gái dòng chóng đẻ, sao anh hững hờ?

Và coi kỹ thuật cấy dày như một kỹ thuật hoàn toàn mới. Nhưng thật ra từ xưa, những tay thợ cấy giỏi đều cấy rất sát, tức là cấy dày:

Cho nhật hàng sông

Cho đông hàng con

Cho tròn bụi lúa...

Khi đi cấy thuê, nếu chủ ruộng trả đủ gạo, đủ tiền thì người thợ cấy “cấy liền hàng sông” vì lúa thường đẻ theo phía hàng con (tức hàng tay) không đẻ nhiều ở hàng sông. Cấy lúa mà để hàng sông quá rộng thì rất phí đất. Ca dao đã có câu:

Trả ta đủ gạo, đủ tiền,

Thì ta sẽ cấy cho liền hàng sông.

Ví dù bớt gạo, bớt công,

Thì ta cấy rộng hàng sông ta về.

Trong việc cấy cày, thời vụ rất quan trọng. Thời vụ cấy mùa vào lúc sao tua rua mọc được hơn một tháng (tức vào tháng 7 dương lịch).

Tua rua một tháng mười ngày,

Cấy tróc vùng cày cũng được lúa xanh.

Bao giờ nắng giữa bàng trôi,

Tua rua quặt lại thì thôi cấy mùa.

Cấy lúa mùa mà cấy chậm thì không lợi, nên xưa đã có câu:

Lập thu mới cấy lúa mùa,

Khác nào hương khói lên chùa cầu con!

Người ta còn có câu:

Tua rua thì mặc tua rua,

Mạ già, ruộng ngấu, không thua bạn điền.

Nhưng nếu vừa cấy đúng thời vụ, lại vừa “mạ già, ruộng ngấu” thì vẫn cứ hơn.

Vụ mùa là vụ có nhiều điều kiện thuận lợi: ánh sáng nhiều, trời nóng, nước cũng nhiều. Cây lúa mùa do đó mau lớn, phát triển nhanh hơn cây lúa chiêm. Nhà nông thường tranh thủ từng ngày, từng đêm một để cấy lúa mùa cho kịp thời vụ:

Mùa hơn đêm, chiêm hơn sương.

Lúa mùa cấy sớm được một đêm đã khác. Người ta nghiệm ra rằng cây lúa ở ven bờ bao giờ cũng tốt hơn những cây lúa ở giữa ruộng. Có câu:

Cơm quanh rá, mạ quanh bờ.

Lúa chiêm cấy vào mùa đông tháng giá, nhưng đến khi ấm áp, thời tiết bắt đầu báo hiệu mưa giông thì những cây lúa ven bờ vống lên rất nhanh:

Lúa chiêm nép ở đầu bờ,

Hễ nghe tiếng sấm, phất cờ mà lên.

Cấy đúng thời vụ là rất tốt nhưng nếu không chăm bón, không giữ cho ruộng sạch cỏ, đủ nước, đủ phân thì lúa vẫn xấu như thường. “Cấy chay, cày gãi” là tối kỵ trong nghề làm ruộng. Ngay khi đã ra sức chuyên cần, nhưng không chú ý cho ruộng có đủ nước, đủ phân thì cũng là công toi.

Không nước, không phân, chuyên cần vô ích.

Cho nên trong nghề nông, cha ông chúng ta đã tổng kết kinh nghiệm trong bốn tiếng đầy ý nghĩa:

Nước, phân, cần, giống.

Nước đứng hàng đầu, “một lượt tát, một bát cơm”. Xưa kia, người ta mong mưa và hát:

Mồng chín tháng chín có mưa,

Thì con sấm sửa cày bừa làm ăn.

Mồng chín tháng chín không mưa,

Thì con bán cả cày bừa đi buôn.

“Cấy chay” hay không biết dùng phân cũng là thiệt thòi lớn trong nghề nông. “Ruộng không phân như thân không của”, “Người đẹp về lựa, lúa tốt về phân”, là những câu mà bây giờ mọi người đều thấy là rất đúng.

Phân rất cần cho cây lúa, nên có câu: “Gánh phân, làm cỏ, chẳng bỏ đi đâu”. Làm ruộng mất nhiều công sức, ruộng cần được cày sâu, bừa kỹ cho đất thật ngấu “nhai kỹ no lâu, cày sâu lúa tốt”; lại phải để cho đất được thoáng, được nở, cho chất đất được mau biến hóa, làm cho ruộng thêm màu. “Đất nở, giỏ phân”, người ta đã đánh giá hòn đất nở như vậy.

Đến khi lúa trổ, trời mát là thuận lợi nhất. Lúa mùa trổ mà gặp thời tiết nóng quá thì không tốt. Đã có câu ca dao rất hay, rất duyên dáng về thời kỳ lúa trổ.

Gió đông là chồng lúa chiêm,

Gió bắc là duyên lúa mùa.

Lúc lúa chiêm trổ là lúc trời bắt đầu nực và lúc lúa mùa trổ là lúc đã hơi lạnh. “Chiêm bóc vỏ, mùa xỏ tay” có nghĩa là khi chiêm trổ, người ta phải cởi áo ra, còn khi mùa trổ thì người ta phải mặc áo vào.

Lúa càng chín thì chất lượng gạo càng cao. Lúa mùa mà chín kỹ thì gạo rất ngon nên bà con nông dân rất tự hào:

Cơm gạo mùa, thổi đầu chùa cũng chín.

Không những gạo ngon cơm mà hạt gạo trắng thì rất đẹp mắt.

Cơm trắng ăn với chả chim,

Chồng đẹp, vợ đẹp những nhìn mà no...

Bầy chim về nướng chả, ăn với cơm gạo mùa trắng thì ngon tuyệt. Bà con nông dân đã có những giờ phút thích thú ấy, đền đáp cho những ngày vất vả.

1. KHÍ TƯỢNG VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

Mống đông, vòng tây.

*

Sấm động, gió tan.

*

Sấm bên đông, động bên tây.

*

Sao mau thì mưa, sao thưa thì nắng.

*

Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

*

Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa.

*

Gió bắc hiu hiu, sếu kêu thì rét.

*

Trời nắng chóng trưa, trời mưa chóng tối.

*

Vầy mai thì mưa, bối bữa thì nắng.

*

Vòng chiều mưa sáng, ráng chiều mưa hôm.

*

Mống vàng thì nắng, mống trắng thì mưa.

*

Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa.

*

Mống cao gió táp, mống áp mưa rào^[99].

*

Mống dài trời lụt, mống cụt trời mưa.

*

Mồng một lười trai, mồng hai lười liềm.

*

Mồng ba câu liềm, mồng bốn liềm cụt.

*

Ráng vàng thì nắng, ráng trắng thì mưa.

*

Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão.

*

Gió heo may chẳng mưa dầm thì bão giạt.

*

Mùa hè đang nắng cỏ gà trắng thì mưa.

*

Mống bên đông, vòng bên tây,

Chẳng mưa dây thì bão giạt.

*

Rồng đen lấy nước thì nắng,

Rồng trắng lấy nước thì mưa.

*

Đầu năm sương muối, cuối năm gió nồm.

*

Tháng giêng rét dài,

Tháng hai rét lộc.

Tháng ba rét nàng Bân.

*

Tháng ba mưa đám, tháng tám mưa cơn.

*

Tháng tám mưa trai, tháng hai mưa thóc.

*

Tháng tám nắng râm trái bưởi.

*

Tháng chín mưa rười, tháng mười mưa cũ.

*

Tháng mười sấm sập, tháng chạp sấm đông.

*

Sấm đông thì mưa, sấm dưa thời khú, sấm nhũ thời chữa.

Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang, mây kéo lên ngàn thì mưa như trút.

*

Vàng mây thì gió, đỏ mây thì mưa.

*

Gió nam đưa xuân sang hè.

*

Tháng bảy kiến đàn đại hàn hồng thủy.

*

Quạ tắm thì nắng, sáo tắm thì mưa.

*

Vào mồng ba, ra mồng bảy, rầy mồng tám;

Vào mười ba, ra mười bảy, rầy mười tám;

Vào hăm ba, ra hăm bảy, rầy hăm tám^[100].

*

Cơn đặng bắc, đổ thóc ra phơi,

*

Cơn đặng bắc, lắc rắc vài hột.

*

Cơn đặng tây vừa cày vừa ăn.

*

Cơn đặng đông vừa trông vừa chạy,

Cơn đặng nam vừa làm vừa chơi.

*

Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng,

Ngày tháng mười, chưa cười đã tối.

*

Én bay thấp, mưa ngập bờ ao;

Én bay cao, mưa rào lại tạnh.

*

Thâm đông, hồng tây, dựng mây;

Ai ơi! Ở lại ba ngày hãy đi.

*

Thuyền ngược ta nhả gió nam.

Thuyền xuôi ta nhả mưa nguồn gió may.

*

Mưa nức gió đông thì đồng đầy nước.

*

Mấy đời sấm trước gió mưa,
Mấy đời dì ghẻ có ứa con chồng.

*

Kiến cánh võ tở bay ra,
Bão táp mưa sa gần tới.

*

Kiến đen tha trứng lên cao,
Thế nào cũng có mưa rào rất to.

*

Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.

*

Lạy ông năg lên
Cho trẻ nó chơi,
Cho già bắt rận,
Cho tôi đi cày.

*

Anh ơi cố chí canh nông,
Chín phần ta cũng dự trong tám phần.

Hay gì để ruộng mà ngăn,
Làm ruộng lấy lúa, chăn tằm lấy tơ.

Tằm có lứa, ruộng có mùa,
Chăm làm, trời cũng đền bù có khi...

*

Mặt trời tang tảng rạng đông,
Chàng ơi! Trở dậy ra đồng kéo耒,
Phận hèn bao quản nắng mưa,
Cày sâu bừa kỹ, được mùa có khi...

*

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,

Trời êm, bể lặng mới yên tấm lòng.

*

Làng ta phong cảnh hữu tình,

Dân cư đông đúc như hình con long.

Nhờ trời hạ kế sang đông,

Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi.

Vụ năm cho đến vụ mười,

Trong làng kẻ gái người trai đua nghề.

Trời ra, gắng! Trời lặn, về

Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề truân chuyên

Dưới dân họ, trên quan viên,

Công bình giữ mực cầm quyền cho hay.

Bây giờ gặp phải hội này,

Khi trời hạn hán, khi nay mưa dầm.

Khi trời gió bão ầm ầm,

Đồng điền lúa thóc mười phần được ba.

Lấy gì dâng nạp nữa mà,

Lấy gì công việc nước nhà cho đang

Lấy gì sưu thuế phép thường,

Lấy gì bổ trợ, đong lường, làm ăn!

Trời làm khổ cực hại dân,

Trời làm mất mát có phần nào chẳng...

*

Nhờ trời mưa gió thuận hòa,

Nào cày, nào cấy, trẻ già đua nhau.

Chim, gà, cá, lợn, cànht cau,

Mùa nào thức ấy giữ màu nhà quê.

*

Người ta rượu sớm trà trưa,

Em nay đi nắng về mưa đã nhiều.

Lạy trời mưa thuận gió đều,

Cho đồng lúa tốt, cho chiều lòng em.

*

Ơn trời mưa nắng phải thì,

Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu.

Công lênh chẳng quản lâu dài,

Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.

Ai ơi! Đừng bỏ ruộng hoang,

Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.

*

Tay cầm con dao,

Làm sao cho sắc,

Để mà dễ cắt,

Để mà dễ chặt,

Chặt lấy củi cày,

Trèo lên rừng xanh,

Chạy quanh sườn núi,

Một mình thui thủi,

Chặt cây chặt củi,

Tìm chốn ta ngồi,

Ngồi mát thành thơi...

Kìa một đàn chim,
Ở đâu bay đến?
Ở đâu bay lại?
Con đang cắn trái,
Con đang tha mồi,
Qua lối nọ nó ăn...
Cái con hươu kia,
Mày đang ăn lộc,
Lộc vả lộc sung,
Mày trông thấy tớ,
Tớ không đuổi mày,
Mày qua lối nọ làm chi?

*

Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
Ai ơi! Bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần!

*

Khổ chi phận em cha chả là cam phận khổ,

Lên non đốn củi, đụng chỗ đốn rồi,

Xuống sông gánh nước,

Đụng chỗ cát bồi, khe khô!

*

Khó thay công việc nhà quê,

Quanh năm khó nhọc dám hề khoan thai.

Tháng chạp thì mắc trồng khoai,

Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà.

Tháng ba cày bở ruộng ra,

Tháng tư bắc mạ, thuận hòa mọi nơi.

Tháng năm gặt hái vừa rồi.

Bước sang tháng sáu, nước trôi đầy đồng.

Nhà nhà vợ vợ chồng chồng,

Đi làm ngoài đồng, sá kể sớm trưa...

Tháng sáu, tháng bảy, khi vừa,

Vun trồng giống lúa, bỏ chừa cỏ tranh.

Tháng tám lúa giỗ đã đành,

Tháng mười cắt hái cho nhanh kịp người.

Khó khăn làm mấy tháng trời,

Lại còn mưa nắng thất thời khổ trông!

Cắt rồi nộp thuế nhà công,

Từ rày mới được yên lòng ấm no^[101].

*

Nay mừng những kẻ nông phu,

Cầu cho hòa cốc phong thu bình thời.

Vốn xưa nông ở bậc hai,

Thuận hòa mưa gió ấm thời lên trên.

Quý hồ nhiều lúa là tiên,

Rõ ràng tứ túc bình yên cả nhà.

Bốn mùa xuân lại thu qua,

Muốn cho tiền lúa đầy nhà hán sương

Bước sang hạ giá thu tàn,

Thu thu tiền hoạch, giàu sang Thạch Sùng.

Quý nhân dùng kẻ anh hùng,

Rắp toan muốn hỏi, nhà nông ê hề.

Thật thà chân chỉ thú quê,

Chuyên cần học nghiệp là nghề đoan trang.

Gặp thời là được thọ khang,

Tam đa ngũ phúc rõ ràng trời cho.

*

Rủ nhau đi cấy đi cày,

Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu.

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,

Chồng cày, vợ cấy con trâu đi bừa.

*

Trâu ơi ta bảo trâu này,

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

Cấy cày giữ nghiệp nông gia,

Ta đây, trâu đấy, ai mà quản công!

Bao giờ cây lúa còn bông,

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

*

Tháng giêng là tháng ăn chơi,

Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà.

Tháng ba thì đậu đã già,

Ta đi ta hái về nhà phơi khô.

Tháng tư đi tậu trâu bò,

Để ta sắm sửa làm mùa tháng năm.

Sáng ngày đem lúa ra ngâm,

Bao giờ mọc mầm, ta sẽ vớt ra.

Gánh đi ta ném ruộng ta,

Đến khi lên mạ thì ta nhổ về.

Sắp tiền mượn kẻ cấy thuê,

Cấy xong, rồi mới trở về nghỉ ngơi.

Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,

Nước ruộng với mười còn độ một hai.

Ruộng thấp đóng một gầu giai,

Ruộng cao thì phải đóng hai gầu sòng.

Chờ cho lúa có đòng đòng,

Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.

Bao giờ cho đến tháng mười,

Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.

Gặt hái ta đem về nhà,

Phơi khô quạt sạch ấy là xong công.

*

Bởi anh chăm việc canh nông,

Cho nên mới có bồ trong bịch ngoài.

Ngày mùa tưới đậu trồng khoai,

Ngày ba tháng tám mới ngồi mà ăn.

*

Nhác trông sao Đẩu về Đông,

Chị em ra sức cho xong ruộng cà.

Lấm lem tay cầm chân dầy,

Nay trồng cây mọc, cũng ngày hữu thu.

Khuyên người đừng có ngao du,
Một năm no ấm vẫn trừ từ đây.

*

Tháng giêng chân bước đi cày,
Tháng hai vãi lúa ngày ngày siêng năng.

Thuận mưa lúa tốt đặng đặng,
Tháng mười gặt lúa ta ăn đầy nhà.

*

Bao giờ cho đến tháng hai,
Con gái làm cò, con trai be bờ.
Gái thì kể phú ngâm thơ,
Trai thì be bờ kể chuyện bài bay...

*

Công danh đeo đuổi mà chi,
Sao bằng chăm chỉ giữ nghề canh nông.
Sớm khuya có vợ có chồng,
Cày sâu bừa kỹ mới mong được mùa.

*

Trời hè lảm trận mưa rào,
Gặt sớm, phơi sớm, liệu sao cho vừa.
Khuyên em chớ ngại nắng mưa,
Của chồng công vợ, đình chung có ngày.

*

Lao xao gà gáy rạng ngày,
Vai vác cái cày, tay dắt con trâu.
Bước chân xuống cánh đồng sâu,
Mắt nhắm mắt mở đuổi trâu ra cày.
Ai ơi ăn bát cơm đầy,
Nhớ công hôm sớm cấy cày cho chăng?

*

Văn thơ phú lục chẳng hay,
Trở về làng cũ, học cày cho xong.
Ngày ngày vác cuốc thăm đồng,
Nước hết thì lấy gầu sông tát lên.

Hết mạ ta lại quảy thêm,
Hết lúa, ta lại mang tiền đi đong.
Nửa mai lúa chín đầy đồng,
Gặt về, đập sảy, bỏ công cấy cày.

*

Anh ra đi, em lập kiểng trồng hoa,
Anh về, hoa đã được ba trăm nhành.
Một nhành là chín búp xanh.
Bán ba đồng một, để dành có nơi.
Bây giờ đến lúc thanh thoi,
Cậy anh tính thử vốn lời bao nhiêu.

*

Nửa đêm sao sáng mây cao,
Điềm trời nắng gắt, nắng gào chẳng sai.
Lúa khô nước cạn, ai ơi!
Rủ nhau tát nước, chờ trời còn lâu.
Đêm trời tang, trăng sao không tỏ,

Ấy là đêm mưa gió tới nơi.

Đêm nào sao sáng xanh trời,

Ấy là nắng ráo yên vui suốt ngày.

Những ai chăm việc cấy cày,

Điêm trời trông đó, liệu xoay việc làm.

*

Hễ mà hoa quả được mùa,

Chắc là nước bể, nước mưa đầy trời.

Ai ơi, nên nhớ lấy lời,

Trông cơ trời đất, liệu thời làm ăn.

*

Ngày thì đem thóc ra phơi,

Tối lặn mặt trời đổ thóc vào xay.

Một đêm là ba cối đầy,

Một tay xay giã, một tay giần sàng.

Tháng ba ngày tám rồi rằm,

Làm sao đủ gạo mùa màng khỏi lo.

[99] Hay: Vòng rập mưa rào, vòng cao gió táp.

[100] Những ngày ấy vào tháng bảy. Theo thần thoại thì đó là những ngày ông Ngâu, bà Ngâu đoàn tụ rồi chia ly, nên thương nhớ nhau mà khóc, những giọt mưa là những giọt nước mắt của hai ông bà.

[101] Bài này có bản chép:

Tháng chạp là tháng trồng khoai,

Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà.

Tháng ba cày vỡ ruộng ra,

Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng.

Ai ai cũng vợ cũng chồng,

Chồng cày vợ cấy trong lòng vui thay!

Tháng năm gặt hái đã xong,

Nhờ trời một mẫu năm nong thóc đầy.

Năm nong đầy em xay em giã,

Trấu ủ phân, cám bã nuôi heo.

Sang năm lúa tốt tiền nhiều,

Em đem đóng thuế đóng sưu cho chồng.

Đói no có thiệp, có chàng,

Còn hơn chung đỉnh giàu sang một mình.

2. KINH NGHIỆM SẢN XUẤT VÀ CHĂN NUÔI

Mồng chín tháng chín có mưa,

Thì con sấm sửa cày bừa làm ăn.

Mồng chín tháng chín không mưa,

Thì con bán cả cày bừa đi buôn.

*

Lúa chiêm nép ở đầu bờ,

Hễ nghe tiếng sấm, phất cờ mà lên.

*

Gió đông là chồng lúa chiêm,

Gió bắc là duyên lúa mùa.

*

Mùa hơn đêm, chiêm hơn sương.

*

Nước, phân, cần, giống.

*

Phân tro không bằng no nước.

*

Không nước không phân, chuyên cần vô ích.

*

Tháng tư mua nửa đàn thuyền,
Tháng năm tháng sáu gặt miền ruộng chiêm.

*

Thóc lúa về nhà, lợn gà ra chợ.

*

Cơm gạo mùa, thối đầu chùa cũng chín.

*

Tỏ trắng mười bốn được tắm,
Tỏ trắng hôm rằm thì được lúa chiêm.

*

Thiếu tháng hai mất cà,
Thiếu tháng ba mất đỗ,

Thiếu tháng tám mất hoa ngư,

Thiếu tháng tư mất hoa cóc.

*

Tháng bảy ông thị đỏ da,

Ông mít chơm chớm, ông da rụng rời.

Ông mít đóng cọc mà phơi,

Ông da rụng rời, đỏ cả chân tay.

*

Muốn ăn lúa tháng năm,

Trông trăng rằm tháng tám.

Muốn ăn lúa tháng mười,

Trông trăng mồng mười tháng tư.

*

Trăng mờ, tốt lúa nở;

Trăng tỏ, tốt lúa sâu.

*

Đom đóm bay ra, trồng cà tra đỗ,

Tua rua^[102] bằng mặt, cật bát còm chằm^[103].

*

Chuồn chuồn bay thấp thì mưa,
Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.

*

Tua rua một tháng mười ngày,
Cấy trốc vùng cày cũng được lúa xôi.

Bao giờ nắng rửa bàng trôi,
Tua rua quặt lại thì thôi cấy màu.

*

Tua rua thì mặc tua rua,
Mạ già ruộng ngẫu, không thua bạn điền.

*

Nhai kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa.

*

Thừa ao tốt cá.

*

Thưa con lớn trứng.

*

Chiêm khôn hơn mùa đại.

*

Chuối sau, cau trước.

*

Được mùa cau, đau mùa lúa.

*

Được mùa lúa, úa mùa cau.

*

Tháng giêng trồng trúc, tháng lục trồng tiêu.

*

Bương già, nhà vững.

*

Cọ già là bà lim.

*

Tre già là bà lim.

*

Dao thử trâu héo, kéo thử lựa xô.

*

Năm trước được cau, năm sau được lúa.

*

Mít chặt cành, chanh chặt rế.

*

Lúa dé là mẹ lúa chiêm.

*

Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen.

*

Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.

*

Mưa tháng tư hư đất.

*

Mưa tháng ba hoa đất.

*

Người đẹp về lụa, lúa tốt về phân.

*

Hoa bí đỏ ngoài,

Hoa bầu trắng xóa.

Muốn được ăn quả,

Xin chớ ngắt hoa.

Ai về nhắn chị em nhà,

Muốn cho hoa tốt, liệu mà bón phân.

*

Cát liền tay, thịt cháy ngày.

*

Trâu ra, mạ vào.

*

Cơm quanh rá, mạ quanh bờ.

*

Tốt giống tốt má, tốt mạ tốt lúa.

*

Thứ nhất cày nỏ, thứ nhì bỏ phân.

*

Ăn kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa.

*

Đất thiếu trồng dừa, đất thừa trồng cau.

*

Có cấy có trồng, có trồng có ăn.

*

Một lượt tát, một bát cơm.

*

Mạ úa cây lúa chóng xanh,

Gái dòng chóng đẻ sao anh hững hờ?

*

Ruộng không phân, như thân không của.

*

Mùa nứt nanh, chiêm xanh đầu.

*

Con trâu là đầu cơ nghiệp.

*

Trâu gầy cũng tày bò giống.

*

Trâu quá sá, mạ quá thì.

*

Yếu trâu bằng khỏe bò.

*

Lang đuôi thì bán, lang trán thì cày.

Trâu hoa tai, bò gai sừng.

*

Tam tinh khoá sọ thì chừa,

Đổm đuôi nát chủ thì đưa vào nôi^[104].

*

Đổm đầu thì nuôi, đổm đuôi thì thịt.

*

Trâu năm sáu tuổi còn nhanh,

Bò năm sáu tuổi đã tranh về già.

Đồng chiêm xin chó nuôi bò,
Mùa đông tháng giá, bò dò làm sao!

*

Nuôi gà phải chọn giống gà,
Gà ri bé giống nhưng mà đẻ mau.
Nhất to là giống gà nâu,
Lông dày thịt béo về sau đẻ nhiều.

*

Gà nâu chân thấp mình to,
Đẻ nhiều, trứng lớn con vừa khéo nuôi.
Chả nên nuôi giống pha mùi,
Đẻ không được mấy, con nuôi vụng về.

*

Chó khôn tứ túc huyền đề,
Tai thì hơi cụp, đuôi thì hơi cong.
Giống nào mõm nhọn đít vòng,

Ăn càn, cắn bậy, ấy không ra gì.

*

Giàu nuôi lợn nái, lợn bại nuôi bồ câu.

*

Lợn đói một năm không bằng tằm đói một bữa.

*

Lúa bông vang thì vàng con mắt.

*

Chiêm bóc vỏ, mùa xỏ tay.

*

Cày ruộng tháng năm, xem trăng rằm tháng tám.

*

Cho nhật hàng sông,

Cho đông hàng con,

Cho tròn bụi lúa.

*

Bao giờ đom đóm bay ra,

Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vừng.

*

Trời nồm tốt mạ,

Trời giá tốt rau.

*

Mạ chiêm ba tháng chưa già,

Mạ mùa tháng rười ắt là chẳng non.

*

Mạ chiêm không có bèo dâu,

Khác nào như thể ăn trâu không vôi.

*

Trả ta đủ gạo đủ tiền,

Thì ta sẽ cấy cho liền hàng sông.

Ví dù bớt gạo, bớt công.

Thì ta cấy rộng hàng sông ta về.

*

Lập thu mới cấy lúa mùa,

Khác nào hương khói lên chùa cầu con.

*

Đói thì ăn ráy ăn khoai,

Chớ thấy lúa trở tháng hai mà mừng.

*

Lúa chiêm thì cấy cho sâu,

Lúa mùa thì gầy canh dâu mới vừa^[105].

*

Ruộng cao trồng mầu, ruộng sâu cấy chiêm.

*

Mạ mùa sượng^[106] cao, mạ chiêm ao thấp.

*

Ra đi anh có dặn dò:

Ruộng sâu cấy trước, ruộng gò cấy sau.

*

Tháng năm cho chí tháng mười,

Năm mười hai tháng, em ngồi em suy:

Vụ chiêm em cấy lúa di,
Vụ mùa lúa dé, sớm thì ba giảng.
Thú quê rau cá đã từng,
Gạo thơm cơm trắng chi bằng tám xoan.
Việc nhà em liệu lo toan,
Khuyên chàng học tập cho ngoan kéo mà.

*

Trời hôm mây kéo bối bừa^[107],
Trời còn nắng ráo, ta chưa vội gì.
Bao giờ kéo vấy tê tê,
Sắp gồng, sắp gánh, ta về kéo mưa.

*

Tháng chín đôi mươi,
Tháng mười mồng năm^[108].

*

Làm ruộng ăn cơm năm, chăn tằm ăn cơm đứng.

*

Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa.

*

Làm ruộng có năm, nuôi tằm có lứa.

*

Dâu non ngon miệng tằm.

*

Dâu năng hái như gái năng tô.

*

Một nong tằm là năm nong kén,

Mộng nong kén là chín nén tơ.

*

Đê kia ai đắp nên cao,

Cái dải sông đào ai xẻ làm khơi.

Gạo, ngô, hoa quả, mọi mùi,

Nào ai cày cấy, nào ai vun trồng?

Bấy giờ no ấm ung dung,

Biết ai nhớ kẻ có công chăng là?

*

Gỗ kiền anh để đóng cày,
Gỗ lim, gỗ sến anh nay đóng bừa.
Răng bừa tám cái còn thừa,
Lưỡi cày tám tấc đã vừa luống to.
Muốn cho lúa nảy bông to,
Cày sâu bừa kỹ, phân tro cho nhiều.

[102] Tua rua là một chùm sao mọc vào tháng tư, lặn vào tháng sáu, tháng bảy mỗi năm. Tua rua quặt lại là chùm sao ấy mọc quặt lại; còn gọi là mang (mang hiện).

[103] Cơm chằm tức là cơm chiêm.

[104] Thời xưa, người nông dân Việt Nam tin trâu có khoáy ở trán hay đốm đuôi đều là trâu xấu.

[105] Mạ chiêm đào sâu chôn chặt,

Mạ mùa vừa đặt vừa đi...

[106] Sướng là ruộng mạ.

[107] Mây kéo bối bừa, tức mây kết thành hình luống đất bừa.

[108] Những ngày tháng có rươi.

III - QUAN HỆ XÃ HỘI

1. TÌNH YÊU NAM NỮ

Người nông dân nhờ có lao động mà sản xuất được lương thực, xây dựng được xóm làng, nên những khi tưởng đến và nhìn thấy được thành quả lao động của mình, họ rất vui mừng, phấn khởi. Họ yêu tha thiết những cái họ đã làm ra, những cái họ đã xây dựng nên; họ yêu với một tâm tình thăm thiết những người đã đồng lao, cộng tác với họ. Có thể nói trong lao động, tình yêu thường được nảy nở, và nảy nở thăm thiết hơn hết là tình yêu nam nữ.

Nam nữ thanh niên trong thôn xóm gặp nhau trong đám hội là việc hạn hữu; họ gặp nhau nhiều nhất trong công việc đồng áng, nên mỗi khi họ thổ lộ tâm tình trong câu ca, bài hát, thì tâm tình của họ cũng gắn liền với sản xuất.

Cô kia đi đường này với ta,

Trồng đậu, đậu tốt, trồng cà, cà sai.

Cô kia đi đường ấy với ai,

Trồng bông, bông héo, trồng khoai, khoai hà!

Yêu nhau thì rồi làm cái gì cũng tốt cả, mà chủ yếu là làm những công việc sản xuất hằng ngày. Đã thiết tha với công việc sản xuất thì cũng thiết tha yêu nhau:

Đôi ta bắt gặp nhau đây,

Như con bò gầy gập bãi cỏ hoang...

Cũng vì yêu nhau một cách nồng nhiệt như thế và luôn luôn liên hệ đến công việc sản xuất của mình, nên nhân dân lao động Việt Nam rất hăng hái và bền bỉ trong công cuộc đấu tranh thiên nhiên và đấu tranh xã hội.

Những câu:

Củ than nhem nhuốc với tình,

Ghi lời vàng đá, xin mình chớ quên.

hay:

Trót đa mang vào kiếp bênh bồng,

Xuống ghềnh lên thác, một lòng ta thương nhau!

hay:

Em ơi! Chua ngọt đã từng,

Non xanh nước bạc, ta đừng quên nhau.

đều cho chúng ta thấy sự cùng nhau chịu đựng gian khổ của những người lao động trong quá trình đấu tranh thực hiện sản xuất là một điều ghi trong ký ức “tạc nghĩa đá vàng”, làm cho họ nhất quyết “một lòng chung thủy”. Họ cùng nhau gắn bó keo sơn; tuy gian khổ, người lao động vẫn cố giữ cho có được hạnh phúc về tình yêu, nên họ căm thù sâu sắc những kẻ phá hoại hạnh phúc của họ. Vì chính trên cơ sở tình yêu thắm thiết của đôi trai gái, mới thật sự là cơ sở để xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, tính chất đấu tranh giai cấp và chủ nghĩa nhân đạo đã được biểu lộ trong lời ca

tiếng hát của nhân dân về tình yêu, nhất là những khi tình yêu của họ bị ngăn cấm.

Trong thời phong kiến, quan hệ giữa nhân dân lao động và giai cấp thống trị là quan hệ đối kháng quyết liệt. Tư tưởng đối kháng của nhân dân đối với những kẻ đàn áp mình về tình yêu được biểu lộ dưới nhiều hình thức: khi thì bằng hành động, khi thì bằng lời nói; hành động cũng có lúc tiêu cực, lời nói nhiều khi mĩa mai tùy theo hoàn cảnh, vì chế độ phong kiến đã chi phối tư tưởng nhân dân lao động không phải ít. Trong hoàn cảnh kinh tế thời phong kiến, đã nảy sinh một thượng tầng thích ứng với nó, và ngược lại, thượng tầng này lại có tác dụng thúc đẩy cơ sở chóng thành hình và củng cố cơ sở. Theo quy luật ấy, những ý thức tư tưởng phong kiến, như chính trị, pháp luật, lễ giáo ảnh hưởng đến lao động, đến sản xuất, đến bản thân người sản xuất, tức người dân lao động, tác giả những điệu hát, câu hò. Bởi vậy, tư tưởng đấu tranh của người dân lao động đã biểu hiện theo từng mức độ, từ tiêu cực buồn nản, đến mĩa mai, chế giễu, nguyên rủa, rồi sau cùng là bạo động.

Trong lịch sử nước ta, những cuộc nông dân khởi nghĩa nổ ra nhiều nhất vào thời Lê – Trịnh, thời mà kinh tế hàng hóa, kinh tế tiền tệ bắt đầu phát triển mạnh, nhưng đồng thời quan hệ phong kiến cũ vẫn được giai cấp thống trị duy trì, thể hiện ở một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, phân tán, kìm hãm không cho xã hội tiến lên. Ở vào hoàn cảnh xã hội ấy, quyền sống của con người hết sức bị chà đạp, không những người dân lao động cực khổ, mà nhiều tầng lớp khác trong xã hội cũng bị o ép, nên chủ nghĩa nhân đạo đã biểu lộ trong thơ văn của ta, mà rõ ràng hơn cả là ở ca dao, dân ca. Có một số ca dao, dân ca tỏ nỗi khao khát sự yêu đương, mong chờ người bạn tình vừa lứa, hờn duyên tui phận đến phần uất, có khi chống đối hẳn sự ràng buộc của lễ giáo đương thời và rất có thể những ca dao, dân ca ấy đã ra

đời vào thời đại *Phan Trần* và *Truyện Kiều*. Cho nên đọc những câu ca dao như:

*Tình anh như nước dâng cao,
Tình em như dải lụa đào tằm hương.*

hay:

*Ai đi muôn dặm non sông,
Để ai chứa chất sầu đong vơi đầy...*

hay câu:

*Đèn tà thấp thoáng bóng trăng,
Ai đem người ngọc thung thăng chốn này?*

chúng ta không nên cho là tư tưởng người dân lao động lúc nào cũng gắn liền với sản xuất, chỉ thể hiện ở những mặt rất thực tế, còn óc tưởng tượng và tình cảm của họ không dồi dào, không tế nhị, không bay bổng. Chúng ta nên nhớ rằng họ là tác giả những thần thoại và truyện cổ tích, trong đó óc tưởng tượng của họ nhiều khi rất sâu sắc, bóng bảy và tình cảm của họ cũng rất thâm thiết tạo cơ sở cho văn học trữ tình. Cho nên trong ca dao dân ca, chúng ta cũng phải nhận thấy tâm tình của họ có lúc bộc lộ mộc mạc, chất phác, nhưng cũng có lúc rất bay bướm, tế nhị.

Những ca dao chúng tôi lựa chọn và trích đăng sau đây có cả hai tính chất ấy: bài thì mộc mạc, nói đến tình yêu, đồng thời nói cả đến việc làm, nơi ăn chốn ở; nhưng lại có bài không nói gì đến lao động, đến căm thù giai cấp, còn tình yêu ở đó thì lại biểu hiện rất nồng nàn, thâm thiết. Nhưng dù

nói lên mặt nào, sáng tác của nhân dân lao động bao giờ cũng trong trắng,
lành mạnh, chất phác.

Tình anh như nước dâng cao,

Tình em như dải lụa đào tẩm hương.

*

Đôi ta như lửa mới nhen,

Như trăng mới mọc, như đèn mới khêu.

*

Lênh đênh như chiếc thuyền tình,

Mười hai bến nước, biết gửi mình vào đâu?

*

Ngọn gió đâm ngang nên chàng xa thiếp;

Duyên nợ tự trời, ai quyết xa ai!

*

Ai về cho em về theo,

Ngó trông, trông rậm; ngó đèo, đèo cao!

*

Muốn sang nhưng ngại vắng thuyền,

Muốn về bến nớ, nhưng duyên lỡ rồi!

*

Ước gì sông rộng một gang,
Bắc cầu dải yếm, để chàng sang chơi!

*

Cô kia đứng ở bên sông,
Muốn sang anh ngả cành hồng cho sang.

*

Vì tình anh phải đi đêm,
Vấp năm bảy cái, đất vẫn êm hơn giường.

*

Đêm qua chớp bể mưa nguồn,
Hỏi người tri kỷ^[109] có buồn hay không?

*

Đêm qua mới gọi là đêm,
Ruột xót như muối, dạ mềm như dưa.

*

Đêm qua đốt đỉnh hương trầm.

Khói lên nghi ngút, âm thầm lòng ai.

*

Đêm qua ngỏ cửa chờ ai?

Đêm nay cửa đóng then cài khăn khăn.

*

Đêm năm canh nghe con dế thốt,

Ngày sáu khắc lần đốt ngón tay,

Hỡi ai, duyên có ai bày?

Duyên trăm năm lại bỏ, nghĩa một ngày lại theo.

*

Anh ra đi cay đắng như gừng,

Đường xa xôi ngàn dặm, khuyên em đừng nhớ thương.

*

Ai về nhắn chị hàng cau,

Giặt buồm, dập nước, giữ màu cho tươi.

*

Trời mưa lác đác ruộng dâu,
Cái nón đội đầu, cái thúng cắp tay.
Bước chân xuống hái dâu này,
Nuôi tằm cho lớn mong ngày ươm tơ.
Thương em chút phận ngây thơ,
Lầm than đã trải, nắng mưa đã từng.
Xa xôi ai có tỏ chường?
Gian nan tâm khổ, ta đừng quên nhau!

*

Anh còn son, em cũng còn son,
Ước gì ta được làm con một nhà.

*

Đèn Sài Gòn ngọn xanh, ngọn đỏ,
Đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu.
Anh về học lấy chữ nhu,
Chín trăng em đợi, mười thu em chờ.
Trăm năm ghi tạc chữ đồng,

Dù ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai.

*

Trăm năm ai chớ bỏ ai,
Chỉ thêu nên gấm, sắt mài nên kim.

*

Người sao một hẹn thì nên,
Người sao chín hẹn thì quên cả mười.

*

Lòng em đã quyết thì hành,
Đã cấy thì gặt với anh một mùa.

*

Rồi mùa rạ tốt rơm khô,
Bạn về xứ bạn, biết mô mà tìm!

*

Anh về kiếm vợ cho xong,
Em là tép nhỏ lộn rong khó tìm.

*

Chim chuyền nhành ớt lú lo,
Sầu ai nên nỗi ốm o gầy mòn.

*

Ân tình này đã hết trông,
Ngãi nhân như nước tràn đồng khó ngăn.

*

Cao ly sắc với ngưi hoàng,
Uống không mát dạ bằng thiệp với chàng gặp nhau.

*

Anh buồn có chỗ thở than,
Em buồn như ngọn nhang tàn thắp khuya!

*

Nghe lời bạn nói đậm đà,
Chồng em chẳng phải, rứa mà em thương.

Ai về đường ấy hôm mai,
Gởi dăm điều nhớ, gởi vài điều thương.

Gởi cho đến chiều, đến giường,

Gởi cho đến chốn buồng hương em nằm.

*

Bởi thương nên ốm, nên gầy
Cơm ăn chẳng đặng gần đầy ba trăng.
Ngó lên sao mọc như giăng,
Thấy em có nghĩa mấy trăng cũng chờ.

*

Còn đêm nay nữa mai đi,
Lạng vàng không tiếc, tiếc khi ngồi kê.

*

Cô kia áo trắng lòa lòa,
Lại đây đập đất trồng cà với anh.
Bao giờ cà chín, cà xanh,
Anh cho một quả để dành mớm con.

*

Chẳng giậm thì thuyền chẳng đi,
Giậm ra ván nát, thuyền thì long đánh.

Đôi ta lên thác xuống ghềnh,
Em ra đứng mũi cho anh chịu sào.

*

Anh ơi! Uống rượu thì say,
Bỏ ruộng ai cày, bỏ giống ai gieo?

*

Một ngày năm bảy trận dông,
Anh đi năm bãi, sao không thấy về^[110]?

*

Đến đây chẳng lẽ ngồi không,
Nhờ chàng giã gạo cho đông tiếng hò.

*

Rủ nhau lên núi đốt than,
Anh đi Tam Điệp em mang nón trành.

Củi than nhem nhuốc với tình,
Ghi lời vàng đá xin mình chớ quên.

*

Rủ nhau xuống bể mò cua,
Đem về nấu quả mơ chua trên rừng.
Em ơi, chua ngọt đã từng,
Non xanh nước bạc ta đừng quên nhau.

*

Chiếc buồm nho nhỏ
Ngọn gió hiu hiu,
Nay nước thủy triều,
Mai lại nước rươi...

*

Sông sâu sóng cả, em ơi!
Chờ cho sóng lặng,
Buồm xuôi, ta xuôi cùng.
Trót đã mang vào kiếp bênh bồng,
Xuống ghềnh lên thác,
Một lòng ta thương nhau.

*

Đố ai quét sạch lá rừng,
Để anh khuyên gió, gió đừng rung cây.
Rung cây, rung cỏ, rung cành,
Rung sao cho chuyển lòng anh với nàng!

*

Thiếp xa chàng như rồng nọ xa mây,
Như con chèo bẻo xa cây măng vôi.

*

Chừng nào cho sóng bỏ gành,
Cù lao bỏ biển, anh đành bỏ em.

*

Nhớ chàng như vợ nhớ chồng,
Như chim nhớ tổ, như rồng nhớ mây.

Mấy khi rồng gặp mây đây,
Để rồng than thở với mây vài lời.
Nữa mai rồng ngược mây xuôi,
Biết bao giờ lại nối lời rồng mây!

*

Đầu năm ăn quả thanh yên,
Cuối năm ăn bưởi cho nên đèo bông.

Vì cam cho quýt đèo bông,
Vì em nhan sắc cho lòng nhớ thương.

*

Hỡi anh mà đi ô thâm,
Ô nhiều, ô vóc, hay lắm ô em?
Ô em, em để trong nhà,
Khen ai mở khóa đưa ra cho chàng.

*

- Khăn đào vắt ngọn cành mơ,
Mình xuôi đặng ấy, bao giờ mình lên?
- Em xuôi, em lại ngược ngay,
Sầu riêng em để trên này cho anh.

*

Gió vàng hiu hắt đêm thanh,

Đường xa dặm vắng, xin anh đừng về.

Mảnh trăng đã trót lời thề,

Làm chi để gánh nặng nề riêng ai!

*

Gió sao gió mát sau lưng,

Bụng sao bụng nhớ người dừng thế này!

*

Gió đưa cột phướn hao dầu,

Thương em để dạ, chớ sầu mà hư.

*

Gió đưa mười tám lá me,

Mặt rỗ hoa mè, ăn nói có duyên.

*

Em như con hạc đầu đình,

Muốn bay không nhấc nổi mình mà bay.

*

Anh như con nhạn bơ thờ,

Sớm ăn tối đậu canh tơ một mình.

*

Cánh hồng bay bổng trời thu,
Thương con chim gáy cúc cu trong lồng.
Duyên may, tay bế tay bông.
Thương ai vò võ trong phòng chiếc thân.

*

Nhớ ai con mắt lim dim,
Chân đi thất thiếu như chim tha mồi.
Nhớ ai hết đứng lại ngồi,
Ngày đêm tơ tưởng một người tình nhân.

*

Bốn mùa xuân hạ thu đông,
Thiếp ngồi dệt vải những trông bóng chàng.
Dừa xanh trên bến Tam Quan^[111],
Dừa bao nhiêu trái trông chàng bấy nhiêu.

*

Rượu nằm trong nhạo^[112] chờ nem,
Anh nằm phòng vắng chờ em một mình.

*

Cầm tay em như ăn bì nem gói cuốn,
Dựa lưng nàng như uống chén rượu ngon

Thà rằng chẳng biết cho dừng,
Biết ra dan díu nửa chừng lại thôi.

Con sông bên lở bên bồi,
Một con cá lội, mấy người buông câu!

*

Vì sông, nên phải lụy đò,
Vì chiều tối phải lụy cô bán hàng.
Vì tình nên phải đa mang,
Vì duyên thiếp biết quê chàng ở đây.

*

Xa xôi dịch lại cho gần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ.

Chuồn chuồn mắc phải tơ vương,
Nào ai quẩn quýt thì thương nhau cùng.

*

Ước sao ăn ở một nhà,
Ra vào đụng chạm kéo mà nhớ thương.

*

Ước gì anh hóa ra dừa,
Để em đem tắm nước mưa chậu đồng.

Ước gì em hóa ra dơi,
Bay đi bay lại trên nơi anh nằm.

*

Ước gì có cánh như chim,
Bay cao liệng thấp đi tìm người thương.

*

Ước gì anh hóa ra hoa,
Để em nâng lấy rồi mà cài khăn.

Ước gì anh hóa ra chăn,

Để cho em đắp, em lăn, em nằm.

Ước gì anh hóa ra gương,

Để cho em cứ ngày thường em soi,

Ước gì anh hóa ra cơi.

Để cho em đựng cau tươi, trầu vàng.

*

Yêu nhau tâm trí hao mòn,

Yêu nhau đến thác vẫn còn yêu nhau.

*

Yêu nhau yêu cả đường đi

Ghét nhau ghét cả tông chi họ hàng.

*

Yêu nhau xé lụa may quần,

Ghét nhau kể nợ kể nần nhau ra.

*

Yêu nhau vạn sự chẳng nề,

Một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng.

*

Con dao vàng rọc lá trầu vàng,
Mắt anh anh liếc, mắt nàng nàng đưa.

*

Nước sông Tô vừa trong vừa mát,
Em ghé thuyền vào đỗ sát thuyền anh.

Dừng chèo, muốn ngỏ tâm tình,
Sông bao nhiêu nước, thương mình bấy nhiêu.

*

Xấu tre, uốn chẳng nên cần,
Xấu mai, anh chẳng đặt gần với em.

*

Đôi ta chẳng đặt sum vầy,
Khác nào chiếc nhạn lạc bầy kêu sương.

*

Đôi ta như rắn liu điu,
Nước chảy mặc nước, ta dìu lấy nhau.

*

Đôi ta như ruộng năm sào.

Cách bờ ở giữa làm sao cho liền?

Đôi ta như thể đồng tiền,

Đồng sấp, đồng ngửa, đồng nghiêng, đồng nằm.

*

Đôi ta như thể con tằm,

Cùng ăn một lá cùng nằm một nong.

Đôi ta như thể con ong,

Con quẩn con quýt, con trong con ngoài.

*

Đôi ta như tượng mới tô,

Như chuông mới đúc, như chùa mới xây.

Đôi ta như thể con bài,

Đã quyết thì đánh, đừng nài thấp cao.

Đôi ta như đá với dao,

Năng liếc năng sắc, năng chào năng quen.

*

Đôi ta như ngãi Phan Trần,
Khi xa ngàn dặm, khi gần bên đôi.

*

Đôi ta như rượu với men,
Đang say ngây ngất, ai dèm chớ xa.

*

Đôi ta như lúa đồng đồng,
Đẹp duyên nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha,

Đôi ta như chỉ xe ba,
Thầy mẹ xe ít, đôi ta xe nhiều.
Thương anh bụng sát tận da,
Anh thì không biết, tưởng là đôi cơ.

*

Thương em, anh cũng muốn thương,
Nước thì muốn chảy, nhưng mương chẳng dào.

Em về lo liệu thế nào,
Để cho nước chảy lọt vào trong mương.

*

Đói lòng ăn nửa trái sim,
Uống lưng bát nước đi tìm người thương.

Người thương, ơi hỡi, người thương,
Đi đâu mà để buồn hương lạnh lùng.

*

Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng:

- Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?

- Đan sàng thiếp cũng xin vâng,

Tre vừa đủ lá, non chăng hỡi chàng?

*

Trèo lên trái núi Thiên Thai^[113]

Gặp hai con phượng ăn xoài trên cây.

Đôi ta được gặp nhau đây,

Khác gì chim phượng gặp cây ngô đồng.

*

Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng:

- Cau xanh ăn với trầu vàng xứng chăng?

- Trầu vàng nhá lẫn cau xanh,

Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời.

*

Hỡi anh đi đường cái quan,

Dừng chân đứng lại em than đôi lời:

Đi đâu vội mấy, anh ơi!

Việc quan đã có chị tôi ở nhà.

*

Qua cầu ngả nón trông cầu,

Cầu bao nhiêu nhịp, dạ sầu bấy nhiêu...

Qua đình ngả nón trông đình,

Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu!

*

Ai làm cho bướm lìa hoa,

Cho chim xanh nở bay qua vườn hồng.

Ai đi muôn dặm non sông,

Để ai chứa chất sầu đong vơi đầy?

*

Đường xa thì thật là xa,

Mượn mình làm mối cho ta một người.

Một người mười chín đôi mươi,

Một người vừa đẹp vừa tươi như mình.

*

Gương kia nở để bụi nhòa,

Sông có Nhị Hà núi có Tản Viên.

Thế kia sao để lỡ duyên,

Trăng còn soi mãi vùng sen Tây Hồ.

*

Hồi cô thắt dải lưng xanh,

Ngày ngày thấp thoáng bên màn chờ ai?

Trước đường xe ngựa bờ bờ,

Bụi hồng mờ mịt ai người mắt xanh!

*

Huê tàn bướm chẳng vãng lai,
Tình thương đã phụ, trúc mai kể gì!

*

Chỉ ngũ sắc xanh đỏ tím vàng,
Bùa yêu ăn phải, dạ càng ngẩn ngơ.
Biết rằng đâu trong đục mà chờ?
Hoa xuân mất tuyết, dễ mong nhờ cậy ai!

*

Dưới mặt nước chói lòa yếm đỏ,
Trên bầu trời rạng tỏ mây xanh.
Từ ngày chia rẽ em anh,
Nước trời còn đó, ai đành phụ nhau!

*

Con cuốc kêu réo rắt trên ngàn,
Gà rừng táo tác gọi con tha mồi.
Lạnh lòng thay lảng giềng ơi,
Lảng giềng lạnh ít, sao tôi lạnh nhiều!

*

Thương em, anh cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.
Phá Tam Giang ngày rày đã cạn,
Truông nhà Hồ, nội tán cấm nghiêm^[114].

*

Cổ tay em trắng lại tròn,
Để cho ai gói đã mòn một bên.
Gối chăn, gối chiếu không êm,
Gối lụa không mềm bằng gối tay em.

*

Cổ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao cau.
Miệng cười như thể hoa ngâu,
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.

*

Thân em như củ ấu gai,

Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen.

Ai ơi, nếm thử mà xem!

Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi.

*

Cô kia đi đường này với ta,

Trồng đậu, đậu tốt; trồng cà, cà sai.

Cô kia đi đàng ấy với ai,

Trồng bông, bông héo; trồng khoai, khoai hà.

*

Gió đập cành tre, gió đánh cành tre,

Chiếc thuyền anh vẫn le te đợi nàng.

Gió đập cành bàng, gió đánh cành bàng,

Dừng chèo anh hát, cô nàng hãy nghe!

*

Chiếc thuyền kia nói có,

Chiếc gĩa^[115] nọ nói không,

Phải chi miếu^[116] ở gần sông,

Em thề một tiếng kéo lòng anh nghi.

*

Trên Tràng Thi, dưới lại Tràng Thi,

Ai đem nhân ngãi tôi đi đàng nào?

Trên Hàng Đào, dưới lại Hàng Đào,

Ai đem nhân ngãi tôi vào Tràng Thi?

*

Có thương thì thương cho chắc,

Bằng trực trặc thì trực trặc cho luôn.

Đừng làm như con thỏ nọ đứng đầu truông,

Khi vui rồn bóng, khi buồn rồn trăng.

*

Có thương thì thương,

Không thương thì nói.

Làm chi lần lẩn lửa lửa, như hẹn nợ thêm buồn.

Trên chùa đã động tiếng chuông,

Gà Thọ Xương đã gáy, chim trên nguồn đã kêu...

*

Chợ chiều nhiều khế, ế chanh,
Nhiều con gái tốt nên anh chàng ràng.
Chàng ràng như ếch hai hang.
Như chim hai tổ, như nàng hai nơi.

*

Ừ ì, cút kít,
Xay lúa lấy gạo ăn mai.
Có một thợ cấy với hai thợ cày...
Thợ cấy mà lấy thợ cày,
Để cho thợ mạ khóc ngày khóc đêm.

*

Cái cò bay bổng bay cao,
Bay qua Cửu phủ bay vào Đồng Đăng.
Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh.
Ai lên xứ Lạng cùng anh,

Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em.

Tay cầm bầu rượu nắm nem,

Mãi vui quên hết lời em dặn dò.

Gánh vàng đi đổ sông Ngô,

Năm đêm tơ tưởng đi mò sông Thương.

*

Đêm qua nguyệt lặn về tây,

Sự tình kẻ đấy, người đây còn dài...

Trúc với mai, mai về trúc nhớ,

Trúc trở về, mai nhớ trúc không?

Bây giờ kẻ Bắc, người Đông,

Kể sao cho xiết tấm lòng tương tư!

*

Đêm hè gió mát trăng thanh,

Em ngồi chẻ lạt cho anh chắp thùng.

Lạt chẳng mỏng, sao thùng được tốt?

Duyên đôi ta đã trót cùng nhau.

Trăm năm thề những bạc đầu,
Chớ tham phú quý, đi cầu trắng hoa.

*

Hỡi người quần trắng dây lưng thao,
Cha mẹ thế nào, ăn mặc giàu sang.
Hay là anh buôn bán ngoài làng,
Mượn đầu heo nấu cháo nổi màng màng dễ coi?

*

Tay tiên rót chén rượu đào,
Đỗ đi thì tiệc uống vào thì say!
Chẳng chè chẳng chén sao say,
Chẳng thương chẳng nhớ sao hay đi tìm.

Tìm em như thế tìm chim,
Chim ăn bể Bắc, đi tìm bể Đông!

*

Mình về, mình nhớ ta chẳng?
Ta về, ta nhớ hàm răng mình cười.

Năm quan mua lấy miệng cười,
Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.

Răng đen ai nhuộm cho mình,
Cho răng mình đẹp, cho tình anh say.

*

Chim bay về núi Sơn Trà,
Chồng Nam vợ Bắc, ai mà muốn xa.
Sự này cũng tại mẹ cha,
Cho nên đưa ngọc mới xa mâm vàng.

*

Đêm khuya dưới đất trên trời,
Một mình cô đứng, cô ngồi, cô nghe.
Cô nghe hết giọng con ve,
Đến lời con cuốc gọi hè tiếc xuân.

*

Đêm qua, vật đổi sao dời
Tiếc công gấn bó, tiếc lời giao đoan.

Đêm qua, rót đọi dầu đầy,
Bắc non chẳng cháy, oan mày dầu ơi!

Đêm qua, rót đọi dầu vơi,
Bắc non chẳng cháy, dầu ơi, oan mày!

*

Đêm qua anh nằm nhà ngoài,
Thấy em thở vắn, than dài nhà trong.
Ước gì anh được vô phòng,
Loan ôm lấy phượng, phượng bỗng lấy loan.

*

Đường lên xứ Lạng bao xa,
Cách một trái núi với ba quãng đồng.
Ai ơi, đứng lại mà trông,
Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ.
Anh chớ thấy em lắm bạn mà ngờ,
Bụng em vẫn thẳng như tờ giấy phong.

*

Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm,

Rượu hồng đào chưa nhấm đã say.

*

Yên Thái có giếng trong xanh,

Có đôi cá sấu ngồi canh đầu làng.

Ai qua nhả nhủ cô nàng,

Yêu nhau xin chớ phũ phàng đổi thay.

Anh về Bình Định thăm cha,

Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hòa thăm em.

*

Anh về Bình Định chi lâu,

Bỏ em ở lại hái dâu một mình.

*

Áo xông hương của chàng vắt mắc,

Đêm em nằm, em đắp lấy hơi.

Gửi khăn, gửi túi, gửi lời,

Gửi đôi chàng mạng cho người đường xa.

Vì mây cho núi nên xa,
Mây cao mù mịt, núi nhòa xanh xanh.

*

Trèo lên cây khế nửa ngày,
Ai làm chua xót lòng này, khế ơi!
Mặt trăng sánh với mặt trời,
Sao Hôm sánh với sao Mai chằng chằng.
Mình ơi! Có nhớ ta chăng?
Ta như sao vượt chờ trăng giữa trời.

*

Lững lơ vùng quế soi thềm.
Hương đưa bát ngát càng thêm bận lòng.
Dao vàng bỏ đẩy kim nhung,
Biết rằng quân tử có dùng ta chăng!
Đèn tà thấp thoáng bóng trăng,
Ai đem người ngọc thung thăng chốn này?

*

Em là con gái Kẻ Mơ,
Em đi bán rượu tình cờ gặp anh.
Rượu ngon chẳng quản be sành,
Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.
Rượu lạt uống lắm cũng say,
Áo rách có mụn, vá ngay lại lành.

*

Nhớ ai, em những khóc thầm,
Hai hàng nước mắt đầm đầm như mưa.
Nhớ ai ngơ ngẩn, ngẩn ngơ,
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai?
Nhớ ai bồi hồi, bồi hồi,
Như đứng đống lửa, như ngồi đống than.

*

Sông Tô nước chảy quanh co,
Cầu Đông sương sớm, quán Giò trăng khuya.
Buồn tình vừa lúc phân chia,

Tiếng ai như đã bên kia hẹn hò.

*

Sông Ngâu, sông Cả, sông Đào,

Ba con sông ấy đổ vào sông Thương.

Con sông sâu, nước đục đà ngang,

Mình về bên ấy, ta sang bên này.

Đương con nước lớn đà đầy...

*

Sự đời nước mắt soi gương,

Càng yêu nhau lắm càng thương nhớ nhiều.

*

Cá buồn cá lội thung thăng,

Người buồn, người biết đãi đẵng cùng ai?

Phương Đông chưa rạng sao Mai,

Đồng hồ chưa cạn, biết lấy ai bạn cùng?

*

Thiên duyên kỳ ngộ gặp chàng,

Khác nào như thế phượng hoàng gặp nhau.

Tiền đây ăn một miếng trầu,

Hỏi thăm quê quán ở đâu chẳng là.

Xin chàng quá bước lại nhà,

Trước là trò chuyện, sau là nghỉ chân.

*

Chim lạc bầy thương cây nhớ cội,

Người xa người khổ lắm, người ôi!

Chẳng thà không biết thì thôi,

Biết nhau mỗi đứa một nơi thêm buồn.

*

Chim xanh ăn trái xoài xanh,

Ăn no tắm mát đậu cành cây đa.

Cực tẩm lòng em phải nói ra,

Chờ trăng, trăng xế, chờ hoa, hoa tàn^[117].

Em về cắt rạ đánh tranh,

Chặt tre chẻ lạt cho anh lợp nhà.

Sớm khuya hòa thuận đôi ta.

Hơn ai gác tía lầu hoa một mình.

*

Nàng về giã gạo ba trắng,

Để anh gánh nước Cao Bằng về ngâm.

Nước Cao Bằng ngâm thì trắng gạo,

Anh biết em có liệu được chăng?

Trần trần như Cuội cung trăng,

Biết rằng cha mẹ có bằng lòng không?

Để anh chờ đợi luống công!

*

Một duyên, hai nợ, ba tình,

Chiêm bao lẫn khuất bên mình năm canh.

Nằm một mình lại nghĩ một mình,

Ngọn đèn khêu tỏ bóng huỳnh thấp cao.

Trông ra nào thấy đâu nào,

Đám mây vợ vẫn ngồi sao mập mờ.

Mong người, lòng những ngẩn ngơ...

*

Sen xa hồ, sen khô, hồ cạn,

Liễu xa đào, liễu ngả, đào nghiêng

Anh xa em như bến xa thuyền,

Như Thúy Kiều xa Kim Trọng biết mấy niên cho tái hồi!

*

Trên trời có đám mây xanh,

Ở giữa mây trắng xung quanh mây vàng.

Ước gì anh lấy được nàng,

Để anh mua gạch Bát Tràng về xây.

Xây dọc, rồi lại xây ngang,

Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.

Có rửa thì rửa chân tay,

Chớ rửa lông mày chết cá ao anh.

*

Sáng ngày tôi đi hái dâu,

Gặp hai anh ấy ngồi câu thạch bàn.

Hai anh đứng dậy hỏi han,

Hỏi rằng cô ấy vội vàng đi đâu?

Thưa rằng tôi đi hái dâu,

Hai anh mở túi đưa trầu cho ăn.

Thưa rằng bác mẹ tôi răn:

Làm thân con gái chớ ăn trầu người.

*

Ngày đi, trúc chưa mọc măng,

Ngày về, trúc đã cao bằng ngọn tre.

Ngày đi, lúa chưa chia vè,

Ngày về, lúa đã đỏ hoe ngoài đồng.

Ngày đi, em chưa có chồng,

Ngày về, em đã con bông, con mang.

*

Hỡi cô gánh nước quang mây,

Cho anh một gáo tưới cây ngô đồng.

Cây ngô đồng cành cao cành thấp,
Ngọn ngô đồng lá dọc lá ngang.
Quả dưa gang ngoài xanh trong trắng.
Quả mướp đắng ngoài trắng trong vàng.
Từ ngày anh gặp mặt nàng,
Lòng càng ngao ngán, dạ càng ngẩn ngơ.

*

Mình nói dối ta mình hãy còn son,
Ta đi qua ngõ, thấy con mình bò.
Con mình những trấu cùng tro,
Ta đi xách nước rửa cho con mình^[118].

*

Cái quạt mười tám cái nan,
Ở giữa phết giấy hai nan hai đầu.
Quạt này anh để che đầu,
Đêm đêm đi ngủ, chung nhau quạt này.
Ước gì chung mẹ, chung thầy.

Để em giữ cái quạt này làm thân.

Rồi ra chung gối, chung chăn.

Chung quần, chung áo, chung khăn đội đầu.

Nằm thì chung cái giường Tàu.

Dậy thì chung cả hộp trầu, ống vôi.

Ăn cơm, chung cả một nồi,

Gội đầu chung cả dầu hời, nước hoa.

Chải đầu chung cái lược ngà,

Soi gương chung cả nhành hoa giắt đầu...

*

Thuyền ngược hay là thuyền xuôi,

Thuyền về Nam Định cho tôi ghé nhờ?

Con gái chỉ nói ồm ờ,

Thuyền anh chật chội, còn nhờ làm sao!

Miệng anh nói, tay anh bẻ lái vào:

Rửa chân cho sạch bước vào trong khoang.

Thuyền dọc anh trái chiếu ngang,

Anh thì nằm giữa hai nàng nằm bên.

*

Thuyền đà đến bến, anh ơi!

Sao anh chẳng bắc cầu noi lên bờ?

Đang cơn nước đục lờ đờ,

Cắm sào đợi nước bao giờ cho trong?

Con sông kia nước chảy đôi dòng,

Đèn khêu đôi ngọn em trông ngọn nào?

Trông thấp em lại trông cao,

Ngọn đèn sáng tỏ như sao trên trời.

Em ơi, gần bến xa vời!

*

Một thương tóc bỏ đuôi gà,

Hai thương ăn nói mặn mà có duyên.

Ba thương, má lúm đồng tiền,

Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua.

Năm thương cổ yếm đeo bùa,

Sáu thương nón thương quai tua dịu dàng.

Bảy thương nết ở khôn ngoan,

Tám thương ăn nói lại càng thêm xinh.

Chín thương cô ở một mình,

Mười thương con mắt có tình với ai.

*

Bao giờ cạn lạch Đồng Nai,

Nát chùa Thiên Mụ mới sai lời nguyên.

*

Hỡi cô tát nước bên đàng,

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?

*

Đường dài ngựa chạy biệt tăm,

Người thương có nghĩa trăm năm cũng về.

*

Ai đưa em đến chốn này?

Bên kia thì núi, bên này thì sông!

*

Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát,
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, cũng bát ngát mênh mông...

Thân em như chẹn lúa đồng đồng,
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

*

Cơm ăn một bát sao no,
Kẻ về người ở, sao cho đành lòng!

*

Đêm qua trời sáng trăng rằm,
Anh đi qua cửa em nằm không yên.
Mê anh chẳng phải mê tiền,
Thấy anh lịch sự có duyên dịu dàng.
Thấy anh em những mơ màng,
Tưởng rằng đâu đấy phượng hoàng kết đôi.
Thấy anh, chưa kịp ngỏ lời,
Ai ngờ anh đã vội rời gót loan.

Thiếp tôi mê mẩn canh tàn,
Chiêm bao như thấy anh chàng ngồi bên.

Tỉnh ra lẳng lặng yên nhiên,
Tương tư bệnh phát liên miên cả ngày.

Nghĩ rằng duyên nợ từ đây,
Xin chàng hãy lại chơi đây chút nào.

Cho thiếp tỏ thiệt thấp cao!

*

Thiếp xa chàng, hái dâu quên gió,
Chàng xa thiếp, bứt cỏ quên liềm.

Xuống sông mức nước,

Ghè^[119] lặn, gióng trôi...

Kiểm nơi mô thanh vắng.

Chàng ngồi thiếp than.

*

Bấy lâu lên ngọn sông Tần,
Muốn tìm cá nước phải lằm trời mưa.

Tiếc công anh đắp đập, be bờ,
Để ai quấy đó, mang lờ đến đơm!

*

Hỡi cô yếm trắng lòà xòa,
Sao cô không bảo mẹ già nhuộm thâm?

Ước gì anh được ở gần,
Để anh nhuộm hộ thắm nhuận công anh.

*

Mưa từ trong núi mưa ra,
Mưa khắp thiên hạ mưa qua chùa Thầy.

Đôi ta bắt gặp nhau đây,
Như con bò gầy gặp bãi cỏ hoang^[120].

*

Năm con ngựa bạch sang sông,
Năm gian nhà ngói đèn trong đèn ngoài.

Đèn yêu ai mà đèn chẳng tắt?

Ta yêu mình nước mắt nhỏ ra.

*

Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Đường trần ai vẽ ngược xuôi hỡi chàng?
Đưa nhau một bước lên đàng,
Cỏ xanh hai dãy mấy hàng châu sa...

*

Bởi vì chàng, nên chi thiếp phải chịu đòn oan.
Thân phụ già đánh mắng, thế gian người ta chê cười!

*

Em về, anh mượn khăn tay,
Gói câu tình nghĩa, lâu ngày sợ quên.

*

Gần chùa chả được ăn xôi,
Gần nàg chả được sánh đôi cùng nàg.

*

Hai tay bưng đọi chè tàu,
Vừa đôi thì lấy, ham giàu làm chi.

*

Mang bầu tối quán rượu dâu,
Say hoa đắm nguyệt, quên câu ân tình.

*

Một trăng được mấy Cuội ngồi,
Một gương Tư Mã mấy người soi chung.

*

Một mình, mình một bờ thờ,
Dựa cây, cây ngả, dựa bờ, bờ xiêu.

*

Ngắt bông sen, còn vương tơ óng,
Cắt dây tình, nào có dao đâu!

*

Nước trong, cá chẳng ăn mồi,
Đừng câu mà mệt, đừng ngồi mà trưa.

*

Nước chảy re re, con cá he nó xòe đuôi phụng,

Anh xa em rồi, trong bụng còn thương.

*

Tiếc thay con ngựa cao bành,
Để cho chủ ấy tập tành không nên.

*

Tiếc thay cái giếng nước trong,
Để cho bèo tấm, bèo ong lọt vào.

*

Vì ai cho thiệp võ vàng,
Vì chàng tư lự, hoa tàn nhị rơi!

*

Cực lòng thiệp lăm, chàng ơi,
Biết rằng lên ngược xuống xuôi chẳng nào?

*

Vị gì một mảnh tình con,
Làm mê tài tử, rút khôn anh hùng.
Thà rằng chẳng biết cho xong,

Biết ra thêm để tấm lòng sâu riêng^[121].

*

Ngày ngày em đứng em trông,
Trông non, non ngắt, trông sông, sông dài.
Trông mây, mây kéo ngang trời,
Trông trăng, trăng khuyết, trông người, người xa.

*

Ai về đường ấy mấy dò,
Mấy cầu, mấy quán, anh cho mượn tiền.
Ước gì quan đắp đường liền,
Kẻo ta đi lại tốn tiền dò ngang.
Em về dọn quán bán hàng,
Để anh là khách qua đàng trú chân.

*

Anh đi đàng ấy xa xa,
Để em ôm bóng trăng tà năm canh.
Nước non một gánh chung tình,

Nhớ ai, ai có nhớ mình chẳng ai?

*

Một đàn cò trắng bay quanh,
Để em ôm bóng trắng tà năm canh.

Nước non một gánh chung tình,
Nhớ ai, ai có nhớ mình chẳng ai?

*

Một đàn cò trắng bay quanh,
Cho loan nhớ phượng cho mình nhớ ta.

Mình nhớ ta như cà nhớ muối,
Ta nhớ mình như Cuội nhớ trăng.

Mình về, mình nhớ ta chẳng?

*

Anh về, em nắm cổ tay,
Em dặn câu này anh chớ có quên.
Đôi ta đã trót lời nguyện,
Chớ xa xôi mặt mà quên mảng lòng.

*

Tới đây, dây vẫn gầu thưa,
Hỏi người cổ cội giếng xưa ai đào?

Giếng này là giếng cội trào,
Hồi tôi còn nhỏ, tôi nào biết đâu?

*

Công anh ngồi giữ buồng tắm,
Đến khi tắm chín, anh nằm buồng không.

*

Công em gánh gạch xây tường,
Mà em chẳng được thắp hương chùa này.

*

Đẹp chi cái áo vải sòng,
Đẹp chi con gái lộn chồng mà thương.

*

Đêm nằm ở dưới bóng trăng,
Thương cha, nhớ mẹ không bằng nhớ em.

*

Đi qua nghiêng nón cúi lưng,
Anh không chào, em không hỏi, vì chừng đông người.

*

Đi ngang thấy ngọn đèn chong,
Thấy em nho nhỏ, muốn bông mà ru.

*

Đôi ta thương mãi nhớ lâu,
Như sông nhớ nước, như nhành dâu nhớ tắm.

*

Đợi chờ trúc ở với mai,
Đợi chờ anh ở với ai chưa chồng.

*

Thân em như tấm lụa đào,
Dám đâu xé lẻ vương nào cho ai.

*

Thân em như cái sập vàng,

Chúng anh như mảnh chiếu rách giữa đàng bỏ quên.

Lạy trời cho cả gió lên,

Cho manh chiếu rách trải trên sập vàng.

*

Thân em như hoa gạo trên cây,

Chúng anh như đám cỏ may giữa đường.

Lạy trời cho cả gió sương,

Cho hoa gạo rụng xuống, cỏ may xỏ vào.

*

Thân chị như cánh hoa sen,

Chúng em như bèo bọt chẳng chen được vào.

Lạy trời cho cả mưa rào,

Cho sấm cho chớp, cho bão to gió lớn,

Cho sen chìm xuống, bèo trèo lên trên.

*

Ra về, nhớ nước giếng khơi,

Nhớ điều ăn thuốc, nhớ cơi ăn trầu.

Ra về già nước già non,
Giã người, giã cảnh, kéo còn nhớ nhung.

*

Hôm kia, anh đến chơi nhà.
Thấy mẹ nằm võng, thấy cha nằm giường.

Thấy em nằm đất anh thương,
Anh ra kẻ chợ đóng giường tám thang.

Bốn góc thì anh thép vàng,
Bốn chân thép bạc, tám thang chạm rồng.

Bây giờ phải bỏ giường không,
Em đi lấy chồng, phí cả công anh!

*

Quả đào tiên ruột mất vỏ còn,
Buông lời hỏi bạn: Đường mòn ai đi?

*

Cây cao bóng mát không ngời,
Anh ra giữa nắng trách trời không râm.

*

Chàng về để thiếp xin đưa,
Xin ông trời lại nắng, khoan mưa trôn đường.

Chàng ơi! Chẳng thấy chàng sang,
Bây giờ chữ “liều” nét ngang mất rồi^[122]!

*

Chiều chiều én liệng bờ kênh,
Ếch kêu giếng lạnh, thăm tình đôi ta.

*

Chim bay về rú về non,
Cá kia về vực, anh còn đợi em.

*

Chuột kêu chút chít trong rương,
Anh đi cho khéo, đừng giường mẹ hay.

*

Có trâu, có vò, không vôi,
Có chăn, có chiếu, không người nằm chung.

*

Con tắm bối rồi vì tơ,
Anh say sưa vì rượu, em ngẩn ngơ vì tình.

*

Công anh chăm ghé đã lâu,
Bây giờ ghé đã thành trâu ai cày!

*

Công anh đắp đập be bờ,
Để ai tháo nước, để lờ anh trôi.

*

Trách ai ăn giấy bỏ bì,
Khi thương thương vội, khi lìa lìa xa.

*

Dem em ra bỏ xuống gành,
Kéo neo mà chạy, sao đành, anh ơi!

*

Chiều chiều chẳng cắt mà đau,

Cách em một phút ruột rầu như dưa.

*

Tưởng rằng trọn thủy trọn chung,
Không hay như pháo nổ bùng ngang lưng.

*

Cá lý ngư^[123] sầu tư biếng lội,
Chim phượng hoàng sầu cội^[124] biếng bay.

*

Nỗi về nỗi ở chưa xong,
Bối rối trong lòng như đánh cờ vầy.

*

Anh về để áo lại đây,
Đêm khuya em đắp, gió tây lạnh lùng.

*

Anh về để quạt lại đây,
Mở ra xếp lại cho khuây cơn buồn.

*

Anh thương em rằng nỏ muốn thương,
Sợ lòng bác mẹ như rường khóa rồi.

*

Anh về hỏi mẹ cùng thầy,
Có cho làm rể bên này hay không?

*

Anh mong cho cả gió đông,
Cho thuyền tới bến, anh trông thấy nàng.

*

Bấy lâu ni huê héo rầu rầu,
Bướm gặp huê một bận, huê dậy màu thêm tươi.

*

Cách sông cách núi cho cam,
Cách một chỗ lội, thiếp chàng xa nhau.

*

Cách nhau một bức rào thưa,
Tay chùi nước mắt, tay đưa miếng trầu.

*

Kiêng xa bồn, kiêng không xanh^[125],
Anh râu người nghĩa, cớm canh bỏ liền.

*

Cau non trâu lộc mĩa mai,
Da trắng tóc dài, đẹp với ai đây?

*

Tóc đến lưng vừa chừng em bới,
Để chi dài, bới rồi dạ anh!

*

Tóc em dài, em cài hoa lý,
Miệng em cười có ý anh thương.

*

Dầu mà cha mẹ không dung,
Đèn chai nhỏ nhựa, em cùng lặn vô.

*

Đi đâu cho đổ mồ hôi,

Chiều trái không ngồi, trầu để không ăn.

*

Cây chanh lại nở hoa chanh,
Để con bướm trắng bay quanh cả ngày.

*

Tiếc thay cái đội bịt vàng,
Đem ra đóng cám lỗ làng duyên em.

*

Tiếc nôi cơm trắng để ôi,
Tiếc con người lịch^[126] mà soi gương mờ.

*

Thương nhau chẳng quản xa gần,
Cầu không tay vịn cũng lần mà sang.

*

Thương anh chẳng biết để đâu,
Để quán, quán đổ, để cầu, cầu xiêu.

*

Thương anh, em chẳng nói ra,
Trong ruột thì héo, ngoài da thì vàng.

*

Thương em bổ gặt, bổ gò.
Như tre bổ bão, như cờ bổ nam.

*

Trầu xanh, cau trắng, chay vàng,
Cơi trầu bịt bạc, thiệp mời chàng ăn chung.

*

Trầu xanh, cau trắng, chay hồng,
Vôi pha với nghĩa, thuốc nồng với duyên.

*

Trách người cầm lái, không mình,
Bỏ thuyền vợ vẫn giữa ghềnh bơ vơ.

*

Vì chưng ăn miếng trầu anh,
Cho nên má đỏ, tóc xanh đến giờ.

*

Yêu nhau trao một miếng trầu,
Giấu thầy, giấu mẹ, đưa sau bóng đèn.

*

Cây đa rụng lá đầy đình,
Bao nhiêu lá rụng thương mình bấy nhiêu.

*

Bớ chiếc ghe sau, chèo mau anh đợi,
Kéo khúc sông này bờ bụi tối tăm^[127].

Chèo mau cho thiếp gặp chàng,
Hai ta hiệp lại cho thành một đôi.

*

Chim quyên xuống suối tha mồi,
Thấy em lao khổ, anh ngồi sao yên!

*

Cá chuôm cá mới ở đìa^[128],
Thấy em anh mới sớm khuya chốn này.

*

Cúc mọc bờ giếng cheo leo,
Đố ai dám trèo hái cúc mà chơi?

*

Áo đen ai nhuộm cho mình,
Cho duyên mình đậm, cho tình anh thương.

*

Áo đen năm nút viền bầu^[129],
Bầu về xứ bầu, biết đâu mà tìm?

*

Cá thả ăn câu thiệt là cá đại,
Câu anh cầm, câu ngãi câu nhơn.

*

Ruộng ai thì nấy đắp bờ,
Duyên ai nấy gặp, đợi chờ uống công.

*

Ngó lên đám bắp trở cò^[130],

Chuối kia đúng vóc, anh chờ duyên em.

*

Cho anh một miếng trầu vàng,
Mai sau anh trả lại nàng đôi mâm.

*

Chân mày vòng nguyệt có duyên,
Tóc mây gọn sóng, đẹp duyên tơ hồng.

*

Đàn ông nằm với đàn ông,
Như gốc như gác, như chông như chà.

Đàn ông nằm với đàn bà,
Như lụa như lĩnh, như hoa trên cành.

*

Anh kia đi ô cánh dơi,
Để em làm cỏ mồ hôi ướt đầm.
Có phải đạo vợ, nghĩa chồng,
Thì mang ô xuống cánh đồng mà che.

*

Anh về đi ngủ kéo khuya,
Xấu chuôm, cá chẳng vào đũa anh đâu!

Xấu chuôm, tốt cá, em ơi,
Tốt chuôm, mà nỏ^[131] có nơi cá nằm.

*

Chòng chành như nón không khua,
Như thuyền không lái, như chùa không sư.

Không sư thì lại tìm sư,
Anh không có vợ cũng như mất đời.

*

Chàng đi thiếp vẫn trông theo,
Trông nước, nước chảy, trông bèo, bèo trôi.

Chàng đi thiếp đứng trông chừng,
Trông sông lai láng, trông rừng, rừng xanh.

*

Đêm qua nằm ngủ sập vàng,

Trông xuống sập bạc, thấy chàng nằm không.

Vội vàng cởi áo đắp chung,

Tỉnh ra em vẫn nằm không một mình.

*

Chiều chiều, chim vịt kêu chiều,

Bâng khuâng nhớ bạn, chín chiều ruột đau.

*

Xa sông cách núi lỡ vời,

Gửi thơ e lậu, gửi lời sợ quên.

*

Rượu ngon, cái cặn cũng ngon,

Thương em chẳng luận chồng con mấy đời.

*

Tới đây, thủ phận đưa dò,

Trước đưa quan khách, sau dò ý em.

*

Tới đây dầu dối giả no,

Dầu khôn giả đại, đặng dò ý anh.

*

Ngó lên mây bạc trời hồng,
Thương em, hỏi thiệt có chồng hay chưa?

Thấy anh như thấy mặt trời,
Chối chang khó ngó, trao lời khó trao.

*

Bây giờ chưa tỏ tiêu hao,
Còn chờ chi đó, mà đào phôi pha.

*

Chùng nào muối ngọt, chanh thanh,
Em đây mới dám bỏ anh lấy chồng.

*

Cơm ăn mỗi bữa một lưng,
Nước uống cầm chùng, để dạ thương em.

*

Bốn mùa bông cúc nở xây,

Để coi trời hiển duyên này về ai!

*

Tiếc công anh xe sợi nhợ uốn cây cần,

Xe rồi sợi đứt, con cá lần ra khơi.

*

Phụ đây, đây chẳng có lo,

Cầu gãy còn dò, giếng cạn còn sông.

*

Mong sao anh biến ra tằm,

Em biến ra nòng, ta nằm chung chơi.

Khi nào cho hợp hai hơi,

Ghé tai nói nhỏ những lời thủy chung.

*

Nắng đâu nắng mãi thế này,

Nắng suốt cả ngày chẳng thấy bóng râm.

Hỡi người thực nữ tri âm,

Có muốn đứng mát thì cầm lấy ô.

*

Yêu nhau con mắt liếc qua,
Kéo chúng bạn biết, kéo cha mẹ ngờ.

Gần thì chẳng bén duyên cho,
Xa xôi cách mấy lần dò cũng đi.

*

Ai về đấng ấy hôm mai,
Gửi dăm cái nhớ, gửi vài cái thương,
Gửi cho đến chiếu, đến giường,
Gửi cho đến tận quê hương chàng nằm.

Vắng chàng em vẫn hỏi thăm,
Nơi ăn đã vậy, nơi nằm làm sao?

*

Sông sâu ngựa lội ngập kiêu,
Dầu anh có phụ, có nhiều nơi thương.

*

Ở chi hai dạ ba lòng,

Dạ cam thì ngọt, dạ bông thì chua.

*

Căn duyên chẳng đó, hồi trời?

Gió nam phảng phất mát rồi lại không!

*

Thân em như đóa hoa rơi,

Phải chăng chàng thật là người yêu hoa?

*

Mật mù khói tỏa lửa hương,

Không ai tin thấu cho tường dạ em.

*

Xăm xăm bước tới cây chanh,

Lăm le muốn bẻ, sợ nhành chông gai.

*

Buổi xuân xanh thiếp chẳng gặp chàng,

Bây giờ năm con bảy cái, ra đàng gặp nhau.

*

Anh đừng tham cái bông quế,

Bỏ phế cái bông lái,

Mai sau quế rụng,

Bông lái thơm xa.

*

Biển có nước, đâu đâu cũng có;

Non có cây, xứ xứ cũng cây.

Hiếm vì đó ý phụ đây,

Non hơn nước trí vui vầy mới xuê^[132].

*

Tay cắt tay sao nở,

Ruột cắt ruột sao đành,

Mấy khi mà gặp bạn lành,

Trách trời vội sáng, tan tành đôi ta.

*

Sáng mai em mang đôi guốc ra dạo bên vườn,

Nghe con cuốc kêu hát bên cồn hu ha;

Cuối kêu tiếng nhỏ tiếng to,
Nửa thương phận cuộc, nửa lo phận mình.

*

Gái trai xăm xỉ trò trè như cu đôi^[133],
Chiều xanh trải xuống mà ngồi.
Em ơi! Xích lại cùng tôi kéo buồn.
Chiều chiều bước xuống ghe buồn,
Sóng bao nhiêu gợn, dạ em buồn bấy nhiêu.

Cánh buồm gió thổi hiu hiu,
Nước mắt ra chầm chậm, múi dây lưng điều không khô.
Thảm với sần không biết chừng mô...

*

Khó than khó thở, lại khó phân trần,
Tóc không vò mà rối, ruột không dần ruột đau!

*

Còn trời, còn đó, còn đây,
Còn ao rau muống, còn đầy chum tương.

*

Còn trời, còn nước, còn non,
Còn cô bán rượu, anh còn say sưa.

*

Anh đi, anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.
Nhớ ai dãi nắng dầm sương,
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

*

Buổi chợ đông, sao em chẳng bán hàng?
Để tan buổi chợ, em dạo làng bán duyên!

*

Ngó ra sông cái,
Ngó ngoái thấy đình,
Hạc châu thần, còn đủ cặp,
Huống chi mình muốn lẻ đôi!

*

Đêm khuya thắp chút dầu dư,
Tim lan cháy lụn, sầu tư một mình.

*

Trăm năm dốc nguyện đá vàng,
Dè đâu gãy gánh giữa đường khó toan.

*

Chừng nào đá nổi vông chìm,
Muối chua, chanh mặn, mới tìm được em.

*

Lên non thiếp cũng lên theo,
Tay vịn, chân trèo, hái trái nuôi nhau.

*

Ngọn lang trắng, ngọn vắn, ngọn dài,
Rau tần ô ngã dọc, ngã đen;
Trái dưa gang, sọc đen, sọc trắng,
Ngọn rau đắng, trong trắng ngoài xanh;
Chim quyên uốn lượn trên nhành,

Bởi em ở bạc, ông Trời nào đành để em!

*

Cây đa trốc gốc,

Thợ mộc đang cưa...

Gặp em đứng bóng ban trưa,

Trách trời vội tối, phen chưa hết lời!

*

Đu đủ tía, giềng giềng cũng tía,

Khoai lang giâm, ngọn mía cũng giâm.

Củ kia chen lộn với trầm,

Em giữ sao cho khỏi, kéo lằm, bớ em!

*

Dứt tình kẻ ở người đi,

Cũng như Kim Trọng biệt ly Thúy Kiều.

*

Biết nhau từ thuở buồn thừng,

Trăm chặp ngàn nôi, xin đừng quên nhau!

*

Dể kêu cho giải cơn sầu,
Mấy lời em nói, bạc đầu không quên.

*

Em đang dệt chiếu hồi văn.
Nghe anh có vợ, em quăng con chuôi.

Em đang bắc nước xôi xôi,
Nghe anh có vợ, quăng nồi đá vung.

Em đang vút^[134] nếp xôi xôi,
Nghe anh có vợ, thúng trôi nếp chìm.

*

Bên này sông có trồng bụi sả,
Bên kia sông ông xã trồng một bụi tre.
Ai làm cho bụi tre nó ngã, bụi sả nó sầu,

Phải chi ngoài biển có cầu,
Để cho anh ra đó, giải đoạn sầu cho em.

*

Buổi chợ đông, con cá hồng, anh chê lạt,
Buổi chợ tan rồi, con tép bạc cũng phải mua.

*

Có chả em tình phụ xôi,
Có cam phụ quýt, có người phụ ta.

Có quán tình phụ cây đa,
Ba năm quán đổ, cây đa vẫn còn.

Có mực, em tình phụ son,
Có kẻ đẹp giòn, em phụ nhân duyên.

Có bạc em tình phụ tiền,
Có nhân ngãi mới, quên người tình xưa.

*

Gió đưa buồn hạnh rảng rang,
Tiếng nơ thiếp chịu, để chàng danh thơm.

*

Gọi dò chẳng thấy dò sang,
Phải chăng bến cũ phụ chàng khách xưa?

*

Cây đa bậc cũ lở rồi,
Đò đưa bến khác, bạn ngồi chờ ai?

*

Trăm năm đành lỗi hẹn hò,
Cây đa bến cũ, con đò khác đưa.

*

Cây đa cũ, bến đò xưa,
Bộ hành có nghĩa, nắng mưa cũng chờ.

*

Con đò với gốc cây đa,
Cây đa muôn thuở, chẳng xa con đò.

*

Tới đây hỏi khách tương phùng,
Chim chi một cánh bay cùng nước non?

*

Đường dài ngựa chạy cát bay,

Ngãi nhân thăm thăm một ngày một xa.

*

Chọn nơi sang cả mà gả em nhờ,
Anh đây nghèo khổ, biết chờ được không?

*

Em như cây quế giữa rừng,
Thơm tho ai biết, ngát lòng ai hay!

*

Chuông già đồng điệu, chuông kêu;
Anh già lời nói, em xiêu tấm lòng.

*

Dầu ai gieo tiếng ngọc,
Dầu ai đọc lời vàng,
Trở trêu khúc phụng, khúc hoàng,
Lòng em không giống như nàng Văn Quân.

*

Trách người quân tử bạc tình,

Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao!

*

Trách người phơi lúa nong thưa,
Chèo thuyền trên động, khéo lừa duyên em!

*

Nước sông Lường^[135] ai lắng mà trong,
Duyên chàng ai tạc, cho lòng em say.

*

Trèo đèo hai mái phân vân^[136],
Lòng về Hà Tĩnh dạ ái ân Quảng Bình!
Anh về sắm bộ sào tương^[137]
Cho em chung vốn ngược Lường cùng anh.

*

Trách người quân tử bạc tình,
Có gương mà để bên mình biếng soi!

*

Trách người quân tử vụng suy,

Vườn hoa thiên lý chẳng che mảnh mảnh!

*

Trách lòng thầy mẹ cầm cân,

Đôi ta như nhện đang lần mối tơ.

Hai ta đứng lại bừa cân^[138],

Trách lòng thầy mẹ phụ gần tham xa.

*

Đi đâu bỏ nhện giăng mùng,

Bỏ đôi chiếu lạnh, bỏ phòng quạnh hiu!

*

Anh nói với em,

Như rửa chén xuống đá,

Như rạ cắt xuống đất,

Như mật rót vào tai...

Bây giờ anh đã nghe ai,

Bỏ em giữa chốn thuyền chài rửa ri?

*

Trên rừng có cây bông kiểng,
Dưới biển có cá hóa long.
Con cá lòng tong ẩn bóng ăn rong.
Anh đi lục tỉnh giáp vòng,
Tới đây trời khiến cho lòng thương em.

*

Có ai, thêm bận vì ai,
Không ai, giường rộng chiếu dài dễ xoay...

*

Lòng lại dận lòng,
Non mòn biển cạn,
Bạn lại dận bạn,
Đá nát vàng phai.
Bây giờ trúc mọc thành mai...
Hỡi em ơi, chớ nguôi lòng lạt dạ,
Nghe ai phỉnh phờ!

*

Nào khi mô em nói với anh:

Sông cạn mà tình không cạn,

Vàng mòn mà nghĩa không mòn.

Nay chừ nước lại xa non,

Đêm năm canh tơ tưởng, héo hon ruột tằm.

*

Con chim nho nhỏ cái lông nó đỏ,

Cái mỏ nó vàng, nó kêu người ở trong làng:

Đừng tham lãnh lụa, phụ phàng vải bô!

*

Ai về em gửi bức tranh,

Tô con chim sáo đậu cành lan chi.

Ai làm nên bước phân ly,

Cám công mưa nắng, kẻ đi người về.

*

Cái cò là cái cò con,

Mẹ nó yêu nó, nó còn làm thơ,

Cái cò bay bổng, bay bơ,
Lại đây anh gửi xôi khô cho nàng.
Đem về nàng nấu, nàng rang,
Nàng ăn có dẻo thời nàng lấy anh.

*

Cái cần câu trúc,
Cái điều mồi chắc,
Cái bóng ông trăng mờ...
Cái sự tình cờ,
Ta bắt gặp cô mình đây!

*

Chén tình là chén say sưa,
Nón tình em đội nắng mưa trên đầu.
Lược tình em chải trên đầu,
Gương tình soi mặt lâu lâu sáng trong.
Ngồi buồn nghĩ đến hình dong,
Con dao lá trúc cắt lòng đôi ta.

Duyên đôi ta thề nguyện từ trước,
Biết bao giờ ta được cùng nhau!
Tương tư mắc phải mối sầu,
Em đây vẫn giữ lấy màu đợi anh.

*

Ai đi đâu đấy hỏi ai,
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm?
Tìm em như thể tìm chim,
Chim ăn bể Bắc, đi tìm bể Đông.
Tìm bể Đông thấy lông chim nhận,
Tìm bể cạn thấy đàn chim bay!
Hôm qua là chín, hôm nay là mười.
Tìm em đã mướt mồ hôi,
Lại đứt nút áo, lại rơi khăn đầu.
Tìm em chẳng thấy em đâu,
Lội sông thì ướt, quanh cầu thì xa.

*

Ai sang đồ ấy bây giờ,
Ta còn ở lại, ta chờ bạn ta.
Mưa nguồn chớp biển xa xa,
Ấy ai là bạn của ta, ta chờ.

*

Có nên thì nói rằng nên,
Chẳng nên, sao để đấy quên đây đừng.
Làm chi cho dạ ngập ngừng,
Đã có cà cuống thì đừng hạt tiêu.

*

Đêm đêm khêu ngọn đèn loan,
Nhớ chàng quân tử thở than mấy lời,
Mong chàng chẳng thấy chàng ôi!
Thiếp tôi trần trọc vùi đời chân ra.
Nhác trông lên, trăng đã xế tà,
Đêm hôm khuya khoắt con gà đã gáy sang canh.
Mong anh mà chẳng thấy anh,

Thiếp tôi buồn bã khêu quanh ngọn đèn...

*

Bèo than thân bèo,

Nằm trên mặt nước,

Bạc than thân bạc,

Đeo chiếc bông tai.

Khoai than thân khoai,

Đào lên bởi xuống.

Muống than thân muống,

Bứt đọt nấu canh.

Anh than thân anh,

Vợ con chưa có.

Người nói lòng nọ,

Kẻ nói lòng kia.

Liều mình như súng bắn bia,

Biết làm răng cho đặng, sớm khuya cùng nàng!

*

Ăn trầu chọn lấy cau khô,
Trèo lên Ba Dội có cô bán hàng.

*

Cô bán hàng, lòng cô buồn bã,
Bóng xế chiều, bóng ngả về tây...

*

Ấy ai giặt mỗi tơ mảnh,
Cho thuyền quen bến, cho anh quen nàng,
Tơ tằm đã vãn thì vương,
Đã trót dan díu, thì thương nhau cùng.

*

Vì tình em phải tới nơi,
Trăm năm duyên phải một ngày mà nên.
Làm trai chí ở cho bền,
Đừng lo muộn vợ, chớ phiền muộn con.

*

Chàng về cho chóng mà ra,

Kéo em chờ đợi sương sa lạnh lùng!

Cơ lạnh, còn có cơ nồng,

Cơ đắp áo ngắn, cơ chung áo dài.

Hay là chàng đã nghe ai,

Áo ngắn chẳng đắp, áo dài chẳng chung?

*

Chăn đơn nửa đắp, nửa hòng,

Cạn sông, lở núi, ta đừng quên nhau.

Từ ngày ăn phải miếng trầu,

Miệng ăn, môi đỏ, dạ sâu dăm chiêu.

Biết rằng thuốc dẫu hay là bùa yêu,

Làm cho ăn phải nhiều điều xót xa.

Làm cho quên mẹ, quên cha, quên cửa, quên nhà;

Làm cho quên cả đường ra lối vào;

Làm cho quên cá dưới ao,

Quên sông tắm mát, quên sao trên trời.

*

Đất bụi mà ném chim trời,
Ông Tư bà Nguyệt xe dây, xe nhợ, nửa vời ra đâu!

Cho nên cá chẳng bén câu,
Lược chẳng bén đầu, chỉ chẳng bén kim.

Thương nhau nên phải đi tìm,
Nhớ nhau một lúc như chim lạc đàn.

*

Chung quanh những nước non người,
Giữ hòn Non Nước^[139] có tôi với chàng.

Ví chàng mà có lòng thương,
Thì chàng đắp điểm trăm đường đi cho.

Thăm lăm sợ lại mau phai,
Rồi khi mưa nắng biết ai cậy nhờ.

*

Thò tay mà ngắt ngọn ngò^[140],
Thương em đứt ruột giả đồ ngó lơ.
Tình thương quán cũng như nhà,

Lều tranh có nghĩa hơn tòa ngói cao.

*

Một mình ấm lạnh cho xong,

Hai hơi thêm nức, hai lòng thêm lo.

*

Một mình giã gạo giữa trời,

Cám bay phảng phất, thương người đằng xa.

*

Tay nâng chén muối đĩa gừng,

Gừng cay, muối mặn, xin đừng quên nhau.

*

Vườn xuân hoa nở đầy giàn,

Ngăn con bướm lại kéo tàn nhị hoa.

*

Chửa quen đi lại cho quen,

Tuy rằng cửa đóng mà then không cài.

*

Nắng mưa thì giếng nắng đầy,
Anh nắng đi lại, mẹ thầy nắng thương.

*

Rau răm ngắt đọt khó trồng,
Cho em say mê đi nữa, cũng là chồng người ta.

*

Đêm năm lưng chẳng tới giường,
Trông cho mau sáng ra đường gặp em.

*

Sông sâu cá lội mất tăm,
Chín tháng cũng đợi, mười năm cũng chờ.

*

Thuyền ơi, có nhớ bến chăng?
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

*

Trăm năm ước nguyện chung tình,
Trên trời dưới đất có mình với ta.

*

Thương em như lá đài bi,
Ngày thì dãi nắng, đêm thì dầm sương.

*

Dao vàng cắt ruột máu rơi,
Ruột đau chẳng mấy bằng lời em than.

*

Xa xôi chi đó mà lần,
Phải hương hương bén, phải trầm trầm thơm.

*

Thương em, anh biết để đâu,
Để vào tay áo, lâu lâu lại dòm.

*

Người yêu ta để trên coi,
Nấp vàng dậy lại, để nơi giường thờ.
Đêm qua ba bốn lần mơ,
Chiêm bao thì thấy, dậy sờ thì không.

*

Đã mang lấy cái thân tằm,
Không vương tơ nữa cùng nằm trong tơ.
Đêm nằm tơ tưởng tưởng tơ,
Chiêm bao thấy bậu, dậy sờ chiếu không.

*

Mấy lời em nói
Anh hong khói để bền,
Dẫu trăm năm nữa, không quên lời nào!

*

Gió đưa mười tám lá xoài,
Lấy chồng Bình Định cho dài đường đi.

*

Gió đưa bông cúc bông trang,
Bông búp về nàng, bông nở về anh.

*

Gió đưa trăng thì trăng đưa gió,

Trăng lặn rồi, gió biết đưa ai?

*

Gió đưa trăng thì trăng đưa gió,

Quạt nọ đưa đèn, đèn có đưa ai?

*

Đợi chàng chẳng thấy chàng đâu,

Bóng trăng đủng đỉnh ra màu khơi trêu.

*

Chim bay về núi, tối rồi,

Bạn không lo liệu bạn ngồi rửa răng.

*

Chiều chiều mây phủ Sơn Trà,

Lòng ta thương bạn, nước mắt và lộn cơm.

*

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,

Nhớ người đẩy gấm, khăn điều vắt vai.

*

Chiều chiều mây phủ ải Vân,
Chim kêu ghềnh đá, ngấm thân thêm buồn.

*

Sầu chi dạ đó, kêu van!
Sầu em chín chiếc ghe loan chở đầy.

Đường xa ới hỡi đường xa,
Đem sầu tới bỏ cho ta mà về!

*

Chiều chiều vịt lội bờ bàng,
Thương người áo trắng vá quàng nửa vai.

*

Thuyền ai trôi trước,
Cho tôi lướt tới cùng.
Chiều đã về, trời đất mừng lung,
Phải thương thì xích lại cho đỡ nùng tiếng thương.
Trời một vùng đêm dài không hạn,
Mượn gió chiều gửi bạn ngàn sông.

Thân em là gái chưa chồng,
Tơ duyên có chắc như dòng nước không?

Thuyền về Đại Lược,
Duyên ngược Kim Long,
Đến đây là chỗ rẽ của lòng.

Gặp nhau còn biết trên sông bến nào!

*

Dây dọc tòa ngang,
Giàu sang có số,
Kim Long, Nam Phố,
Nước đổ về Sinh,
Như đôi lứa mình chút nghĩa ba sinh.
Có làm răng đi nữa, đôi lứa mình không bỏ nhau!

*

Ai về Đồng Hới cho tôi gửi một lời,
Cho không đừng có, cho có đừng không;
Có mua nôi, phải nhớ đến vung,

Giăng tơ phải nhớ ngãi con tầm ngày xưa.

*

Chiều chiều ra đứng ngõ sau,

Hai tay rũ xuống như con tàu chuối te^[141].

Tiếc công vun bón cây mè^[142].

Mè không có trái, chim mè đậu lên.

Tiếc công rày xuống, mai lên,

Mòn đàng đứt cỏ, không nên tự trời.

Tưởng rằng kèo cột ở đời,

Ai ngờ kèo rã cột rời tứ phương.

Ngày nào em nói em thương,

Như trầm mà để trong rương chắc rồi.

Bây giờ khóa rớt chìa rơi,

Rương long nắp vỡ, bay hơi mùi trầm.

*

Ới anh ơi, anh có xa thì xa cho mất,

Anh có lại gần thì thành thất thành gia.

Em khuyên anh đừng lại lại qua qua,
Một mai kia thầy mẹ biết, dặng đánh la tụi mình.

*

Hôm qua dệt cử thoi vàng,
Sức nhớ đến chàng, cử lại dưng thoi.
Cử sần, cử nhục chàng ơi,
Ngọn đèn sáng tỏ bóng người dặng xa.
Ai về tôi gửi thư ra,
Gửi dăm câu nhớ, gửi và câu thương.
Gửi cho đến chiếu đến giường,
Gửi cho đến tận quê hương chàng nằm.
Chàng về thiệp nhớ dăm dăm,
Giường trên chiếu dưới, ai nằm đêm nay?
Chàng về thiệp nhớ lăm thay,
Giường trên chiếu dưới, đêm nay ai nằm?

*

Đêm qua mưa bụi gió bay,

Gió rung cành bạc, gió lay cành vàng.

Em với anh cùng tổng, khác làng,

Nào em có biết ngõ chàng ở đâu!

Một thương, hai nhớ, ba sầu,

Cơm ăn chả được, ăn trầu cầm hơi.

Thương chàng lắm lắm, chàng ơi!

Biết đâu thanh vắng mà ngồi thở than.

Nhớ chàng như nhớ lạng vàng,

Khát khao về nết, mơ màng về duyên.

Nhớ chàng như bút nhớ nghiên,

Như mực nhớ giấy, như thuyền nhớ sông.

Nhớ chàng như vợ nhớ chồng,

Như chim nhớ tổ, như rồng nhớ mây^[143].

*

Chim buồn chim bay về núi,

Cá buồn cá chúi xuống sông.

Người buồn ra ngõ đứng trông,

Ngõ thì thấy ngõ, người không thấy người.

*

Khăn thương nhớ ai,

Khăn rơi xuống đất.

Khăn thương nhớ ai,

Khăn vắt lên vai.

Khăn thương nhớ ai,

Khăn chùi nước mắt.

Đèn thương nhớ ai,

Mà đèn không tắt.

Mắt thương nhớ ai,

Mắt ngủ không yên.

Đêm qua em những lo phiền,

Lo vì một nỗi chưa yên mọi bề...

*

Ba năm ăn ở trên thuyền,

Bởi anh hàng muối cho nên mặn mà.

Xuống thuyền dịp bảy dịp ba,
Trách anh hàng trứng cho ra đôi lòng.

*

Ngồi tựa vườn đào
Thấy người thực nữ ra vào,
Lòng những vấn vương...
Gió lạnh đêm trường,
Nửa chẵn, nửa chiếu, nửa giường,
Cô để đó chờ ai?...
So chữ sắc tài,
Yêu nhau, chớ để cho người trăng gió hái hoa.
Nguyện với trăng già,
Tơ hồng kết lại một nhà đầm ấm yên vui.
Ngồi tựa vườn đào,
Thấy người tri kỷ ra vào, em những ngẩn ngơ...
Tháng đợi năm chờ.
Nỗi niềm tâm sự bây giờ biết ngỏ cùng ai?...

*

Trèo đèo lặn suối qua truông,
Đến đây thấy cảnh lòng buồn không vui.

Tới đây tìm kiếm bạn tui,
Bạn tui không có, tui lui trở về.

Trở về nằm sắp một bề,

Không trăn không trở.

Chết đi thì lỡ,

Sống lại thêm phiền!

Em giả con diều bay giữa thượng thiên,
Để coi người bạn cựa nẫu đảo điên thế nào!

*

Đêm nằm đắp chiếu bịt bùng,

Tai nghe tiếng hát dậy vùng ra đi.

Con rồng nằm bãi cát vi,

Vì chường thương bạn, nên ra đi làm vậy.

Ra đi, cha đánh, mẹ ngày,

Không đi bạn ở ngoài này bạn trông!

*

Từ khi gặp mặt giữa đàng,
Thiếp quyết thương chàng cha mẹ nào hay!

Có hay thì nhất đánh nhì đày,

Hai lẽ mà thôi.

Thủy chung em giữ trọn mấy lời,
Chết thời chịu chết, lìa đôi em không lìa!

*

Còn gì nay đợi mai trông,
Nhạn kia chấp cánh theo rồng lên mây.
Trách ai làm nên đó lại xa đây,
Như con chim phượng xa cây ngô đồng.

*

Từ ngày gặp gỡ giữa đường,
Những lời bạn nói, nhớ thương vô chừng.
Tưởng là thành cơm thành cháo, tôi bỏ bụng mừng,

Hay đâu cá bể, chim rừng vội bay!

*

Đêm năm canh không ngủ, dậy ngồi,

Cớ sao trong dạ bồi hồi chuyện chi?

Đau lòng ta lắm, hỡi nữ nhi,

Thếp dầu đây anh thắp hết, bày ly anh than hoài!

Quên đi thì chớ, nhớ lại khó nổi nguôi ngoai,

Tự xưa cho đến rày cách trở đợi trông.

E cho nàng có chốn ba đông,

Có nơi kết tóc, không trông đến phận chàng.

Đêm năm khô héo lá gan.

Thếp dầu đây anh thắp hết, cháy tàn bày ly,

Kể từ ngày em chịu chữ tòng quy,

Chàng Hồ, thiếp Hán, tài chi không buồn rầu!

Chiều chiều ra đứng soi dâu,

Nghe con chim nó kêu diu dặc^[144], dạ anh sầu bấy nhiêu.

*

Nhận lạc bầu, nhận kêu khăng khoái,
Vượn lìa cành, cầm trái khóc than.
Đêm năm lụy nhỏ chứa chan,
Tôi nhớ đến câu tình tự, tôi băng ngàn tới đây.

*

Hai ta đang nhớ đang thương,
Ai về phân quế, rẽ hương cho đành!
Hai ta đang nối dây dài,
Ai cầm dao sắc cắt hai dây lìa!

*

Em thương, không thương, nỏ biết,
Em thốt nhiều lời thảm thiết hơn thương.
Thiếu chi ba phủ Thừa Thiên,
Thấy anh có ngãi, nên em ôm duyên ngồi chờ.
Chờ anh xuân mãn, hè qua,
Bông lau đoái nở, sao mà vắng tin!
Chờ anh tháng tám đã qua,

Tháng mười đã luận, tháng ba mãn rồi.

*

Anh thương em nên phải đi đêm,
Té xuống bờ ruộng, đất mềm không đau.

May đất mềm nên mới không đau,
Phải chi đất cứng, xa nhau phen này!

*

Giường dọc mà trái chiếu ngang,
Chàng ngồi một góc,
Thiếp ngồi một góc,
Chàng than, thiếp khóc,
Thiếp khóc, chàng than.
Khung cửu bắc ngang, thoi nàg biếng dệt,
Em vắng anh một ngày, mỗi một chân tay.

*

Sáng trăng, trái chiếu hai hàng,
Cho anh đọc sách, cho nàng quay tơ.

Quay tơ thì giữ mối tơ,

Dù năm bảy mối, cũng chờ mối anh.

Lương duyên do túc đế, giai ngẫu tự nhiên thành.

Lời nguyên chứng có ông trời xanh,

Khiến sao nghe vậy, nên anh không phiền.

Dầu mà phen đất tẩm ngả, tẩm nghiêng,

Lời thề giữ trọn không quên nhân nghĩa nghèo,

Chàng đành thì cha mẹ phải đành theo,

Như chiếc tàu kia đang chạy, bỏ dây neo phải dừng.

*

Hỡi em ơi, nay chừ em đặt chốn cửa quyền,

Cửa cao, rào kín, nên em bỏ lời nguyên em đi.

Em ơi, đặt chốn giàu sang,

Thấy anh đây hái củi nương hoang cũng không chào.

Hỡi em ơi, không chào nỏ mất đi mô!

Chào rồi ruột héo gan khô từng ngày.

Tôi tới nơi đây, chào lê, chào lựu,

Tôi chào kẻ cừu người tân,

Kẻ xa tôi chào trước, người gần tôi chào sau.

Em ơi, đừng phụ khó tham giàu,

Phụ bần, tham phú, mai sau có trời!

*

Con bướm trắng bay xàng xự,

Cụm bèo xanh nổi xạc xình...

Phận bèo nhiều nổi linh đình,

Kể sao cho hết phận mình khúc nhôi.

Lênh đênh nước chảy bèo trôi,

Chờ khi nước lụt, bèo ngồi đầu sen.

*

Đàn Châu Tuấn ít ai biết gảy,

Sáo Tam Kỳ ít kẻ biết nghe.

Ai cho trúc nọ lộn tre,

Ai đem chỉ gấm mà xe tim đèn.

Ai cho vàng đá đua chen,

Ai cho bèò nọ lộn sen một bồn.

*

Thương chi cho uống tấm tình,

Bậu về xứ bậu, bỏ mình bơ vơ.

*

Muốn ăn cơm trắng, cá kho,

Trốn cha, trốn mẹ, xuống đò cùng anh.

*

Trăng rằm đã tỏ lại tròn,

Củ lang đất cát đã ngon lại bù.

Em gặp anh đây đã khỏe lại vui,

Tam tứ sầu giải hết, mặt tươi như thường.

*

Đã mang lấy cái thân tằm,

Không tơ vương nữa cũng nằm trong tơ.

*

Yêu nhau, cởi áo cho nhau.

Về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay.

*

Yêu nhau chẳng quản đường xa,
Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liều.

*

Yêu nhau vạn sự chẳng nề,
Một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng.

*

Yêu nhau ruột héo, xương mòn,
Yêu nhau đến thác vẫn còn yêu nhau.

*

Yêu nhau trầu vỏ cũng say,
Ghét nhau, cau đậu đầy khay chẳng màng.

*

Yêu nhau quá đổi nên mê,
Tình ra mới biết kẻ chê người cười.

*

Yêu nhau chẳng lọ chiếu giường,
Dầu rằng tàu lá che sương cũng tình.

*

Yêu nhau thì ném bã trầu,
Ghét nhau, ném đá vỡ đầu nhau ra.

*

Yêu nhau, cau sáu bổ ba,
Ghét nhau, cau sáu bổ ra làm mười.

*

Trầu này tằm tối hôm qua,
Giấu cha, giấu mẹ đem ra mời chàng.
Trầu này không phải trầu hàng,
Không bùa, không thuốc, sao chàng không ăn?
Hay là chê khó chê khăn,
Xin chàng đứng lại mà ăn miếng trầu.
Miếng trầu ăn nặng bằng chì,
Ăn thì ăn vậy, lấy gì trả ơn?

*

 Gió đưa cây sậy năm dài,
Ai làm thực nữ buồn hoài không vui?

*

 Yêu nhau chớ lấy được nhau,
Con lợn bỏ đói, buồng cau bỏ già,
 Bao giờ sum họp một nhà,
Con lợn lại béo, cau già lại non.

*

 Có yêu thì nói rằng yêu,
Chẳng yêu thì nói một điều cho xong,
 Làm chi dở đục, dở trong,
Lờ lờ nước hển, cho lòng tương tư.

*

 Đêm khuya nghe vạc cầm canh,
Nghe chuông đóng sáu, nghe anh khuyên nàng^[145].
 Anh khuyên, nàng đã hồ nghe...

Trách con gà trống te te gáy đồn...

*

Chiều chiều én liệng cò bay,

Khoan khoan nhớ bạn, bạn rày nhớ ai?

Bạn rày nhớ củ, nhớ khoai,

Nhớ cam, nhớ quýt, nhớ xoài cà lăm.

*

Muối mặn ba năm muối hãy còn mặn,

Gừng cay chín tháng gừng hãy còn cay.

Đạo nghĩa cang thường chớ đổi đừng thay,

Dẫu có làm nên danh vọng, hay rủi có ăn mày, ta cũng theo nhau.

Theo nhau cho trọn đạo trời,

Dẫu rằng không chiếu trái tươi mà nằm.

*

Chiều chiều ra đứng vạt gò,

Nón che tay ngoắt: “Ớ trò áo đen!”.

Áo đen nằm nút viên tà,

Ai may cho bậu hay là bậu may?

*

Mình về đường ấy hôm nay,

Mồ cha đưa gối đầu tay cho mình!

*

Mồ cha con bướm khôn ngoan,

Hoa thơm bướm đậu, hoa tàn bướm bay.

*

Đôi ta như vợ với chồng,

Chỉ hiềm một nỗi ông Tư hồng chưa xe.

*

Em có chồng như hồi chưa có;

Anh chưa có vợ như thế có rồi.

*

Nghe lời bạn nói đậm đà,

Chồng con chẳng phải, rửa mà em thương.

*

Chém cha cái nước sông Bờ,
Nghĩ rằng báng nước ai ngờ báng con!

*

Anh như táo rụng sân đình,
Em như gái rở đi rình cửa chùa.

*

Giường rộng thì ghé lưng vào,
Nghìn năm ai có tơ hào đến ai!

*

Trên trời có đám mây vàng,
Bên sông nước chảy có nàng quay tơ.
Nàng buồn, nàng bỏ quay tơ,
Chàng buồn, chàng bỏ thi thơ học hành.
Nàng buồn, nàng bỏ cử canh,
Chàng buồn, chàng bỏ học hành chàng đi.

*

Trồng hường bẻ lá che hường.

Thương anh chẳng quản đổi thường xa xuôi.

*

Thương thì kết tóc giao tay,

Không thương én liệng, nhàn bay mướt nhàn^[146].

Một mai trống lũng khó hàn,

Dao cùn khó dứt, người ngoan khó tìm.

*

Ngó lên biển bốn trời ba.

Buồm giương hai cánh, cửa nhà hai nơi.

*

Đa tình thì vướng nợ tình,

Trách người đã vậy, trách mình sao đây!

*

Tím gan thay khách má đào,

Mông mênh bể sở dễ vào khó ra.

Con hươu trót mắc phải chà,

Khi vào thì dễ, khi ra hiểm nghèo.

*

Thủng thỉnh mà lượm hoa rơi,
Lượm cho có trí hơn người trèo cao.

*

Nắng mưa sương tuyết bấy chầy,
Cho đau lòng cuốc, cho gầy mình ve.

*

Chiều nay có kẻ thất tình,
Tựa mai, mai ngả; tựa đình, đình xiêu.

*

Không ai hôm sớm bạn cùng,
Nương mai, mai gãy, dựa tùng, tùng xiêu.

*

Mạ non mà cấy đất biên^{[\[147\]](#)}
Mưa hòa, gió thuận, có tiền cưới em.

*

Thuyền xuôi neo nọc cũng xuôi,

Nhớ em, anh nhớ cả đôi má hồng.

*

Cá sấu, cá trở đầu đuôi,

Người sấu lên ngược, xuống xuôi vẫn sấu.

*

Trăng lên đỉnh núi trăng nghiêng,

Nhớ em, anh những sấu riêng một mình.

*

Bí lên ba lá, tại ba với má không chịu thả giàn,

Để bí bò lan, trách hường nhan vô duyên bạc phận,

Duyên nợ ở gần, sao không đặt xứng đôi!

*

Nước xanh xanh chảy quanh cồn cát trắng,

Con chim phượng hoàng rày vắng tiếng kêu.

Ới người thương ôi! Ta nhắm một điều,

Dẫu mà mai quán, chiều lều, cũng ưng.

Con cá thia lia giỡn bóng lãng xãng trong hồ.

*

Trên vườn rau cải, dưới lại rau cần,

Cây mơ cây mận ở gần bờ ao.

Đầu làng có cây đa cao,

Trăng thanh gió mát lọt vào tận nơi.

Nhà anh có cái giếng khơi,

Nhác trông xuống giếng có đôi cành hồng.

Em nay là gái chưa chồng,

Anh không có vợ, dốc lòng chờ nhau.

*

Anh nói em cũng nghe anh,

Bát cơm đã trót chan canh mất rồi!

Nuốt đi đắng lắm anh ơi,

Bỏ ra thì để tội trời ai mang.

Tội trời đã có người mang,

Ước gì ta lấy được chàng, chàng ơi!

Bây giờ ba ngả bốn nơi,

Thiếp chàng muốn lấy thiếp tôi bên này,
Thiếp tôi bên này trong then ngoài khóa,
Thiếp chàng bên ấy có thỏa hay không?
Trách đường dây thép không thông,
Gửi thư, thư biệt, gửi lời, lời bay.
Nhạn ơi trăm sự nhờ mày.
Ngậm thơ mang tới tận tay cho chàng.
Chẳng may chim nhạn lạc đàn,
Chim trời bay mất, để chàng nhớ mong.

*

Giường này ai trải chiếu đây?
Đêm qua không ngủ, đêm nay không nằm.
Một chăn đắp chẳng kín chân,
Hai chăn đắp để muôn phần xót xa.
Ba chăn thương nhớ cả ba,
Hay là mình đã năm ba tứ thầy?
Hay là mình giận ta đây,

Mình cho ta biết một giây kéo sầu?

Tin đi mỗi lại đã lâu,

Mình về lấy vợ để sầu cho ta.

Càng nom càng bổng càng xa,

Chàng về lấy vợ cho ta lấy chồng.

Đố ai khuyên gió bóng thông,

Đố ai xui giục cho rồng phun mưa.

Ruột tằm bối rối vò tơ,

Tay khoan tay rẽ, cho thừa mỗi sầu.

Nào khi có một tiếng trầu,

Giấu thầy giấu mẹ cho sau bóng đèn.

Làm quen mà chả nên quen,

Làm bạn mất bạn ai đền công cho!

Bây giờ tờ ếp lấy mo,

Mo ếp lấy bẹ mà mo chả rời.

Bây giờ tờ rã mo rơi,

Đôi ta chênh mảng mỗi người mỗi phương.

*

Quả dưa trong héo ngoài tươi,
Thương chàng như thể thương người lâu tây.

Ai về đặng ấy, đặng này,
Để đêm em nhớ, để ngày em thương.

Yêu nhau đi nhớ về thương,
Em về cái chốn buồng hương anh nằm.
Thấy chiếu mà chả thấy chăn,
Thấy chỗ mình nằm chả thấy mình đâu.

*

Xa thì mượn ngựa anh đi,
Quý hồ tốt quảy, quản chi xa gần.
Ước gần mà chẳng được gần,
Ai làm cách Việt xa Tần thế ni?

*

- Anh đồ ơi hời anh đồ,
Có ăn cơm tấm trộn ngô thì vào!

- Cơm tấm còn đãi dưới ao,
Ngô thời chưa bẻ, anh vào làm chi?

*

Nhà em công việc bề bề,
Cho nên em phải trở về ngay đây.
Xin chàng nghỉ lại chốn này,
Xin đừng có tưởng nước mây xa đường.
Rồi ra nên ngãi tao khang,
Như loan lấy phượng tỏ tường trúc mai.

*

Trời mưa cho ướt lá cau,
Đôi ta be bé rủ nhau đi bừa.
Trời mưa cho ướt lá dừa,
Đôi ta be bé đi bừa đồng trong.

*

Đứng xa ngõ hoa thiên lý tây,
Vượt hồ sang hái, phải cây muội nôi.

*

Dem chuông đi đấm nước người,
Dem gà đi chọi những nơi anh hùng.
Những nơi chả đáng chả thông,
Cho nên vàng chả đổ đồng với thau.

*

Anh đi vắng cửa vắng nhà,
Giường loan gối quế, mẹ già ai nuôi?
Cá rô anh chặt bỏ đuôi,
Tôm càng bóc vỏ, anh nuôi mẹ già.

*

Em ngồi một mình, em nghĩ một mình,
Nghĩ thân em chẳng bạc tình với ai.
Nên chẳng bởi khách Chương Đài,
Thành sầu bể thảm, có ai với mình!

*

Chân em đi hán đi hài,

Dọc se dây trúc chớ nài dây loan.

Chém cha con mắt đa đoan,

Càng lắm nhân ngãi càng mang tiếng thù.

*

Có ai nước cũng bằng bờ,

Không ai nước cũng cầm cơ mực này.

Có ai ta cũng thế này,

Không ai ta cũng như ngày có ai.

*

Trời mưa cho ướt lá nem,

Mua giấy, mua bút, mua nghiên học hành.

Chàng về em gửi đôi chanh,

Trái chín nhuộm áo, trái xanh gội đầu.

*

Mẹ anh đi chợ mua trâu, mua phải lá đa,

Mẹ anh đi chợ mua gà, mua phải cuốc con.

Đắng cay như quả bồ hòn,

Chát chua như quả sung non ngậm mồm!

*

Hỡi anh nón chóp quai dẫu,
Tay cầm cái quạt đi đâu bây giờ?
Cái quạt mười tám cái xương,
Trên thì bít giấy dưới buông chữ màu.
Lúc nắng chàng che trên đầu,
Lúc nực chàng quạt, đi đâu chàng cầm.
Ra đường gặp bạn tri âm,
Lấy quạt che miệng cười thầm đôi ta.

*

Hỡi anh áo trắng vân vân!
Đi về dẹp vợ cho quân em vào.
Vợ anh có hỏi quân nào,
Ta là quân tải tìm vào hái hoa.
Có nên ta hái dần dà,
Chả nên ta hái ba hoa ta về.

*

Bóng trăng em ngỡ bóng đèn,
Bóng cây em tưởng bóng thuyền anh sang.

*

Lá này gọi lá xoan đào,
Tương tư gọi nó thế nào, hờ em?
Lá khoai anh ngỡ lá sen,
Bóng trăng anh ngỡ bóng đèn anh khêu.

*

Chẳng tham cái bút cái nghiên,
Chẳng tham ruộng cả ao liền gì đâu!
Phải duyên, phải lứa cùng nhau,
Dầu mà áo vải, cơm rau cũng màng.

*

Anh ơi, anh ngồi xuống đây,
Anh nhích lại đây,
Em hỏi câu này:

Non non, nước nước, mây mây.

Ai làm nam, bắc, đông, tây lẫn đường?

Yêu nhau chẳng lọ bạc vàng,

Tình thân nghĩa thiết, xin chàng chớ quên!

*

Ai trông xuống sông,

Buồm rung gió thổi,

Kẻ lặn người lội,

Kẻ chần người đặng.

Nước bạc lẫn tăn.

Phao chìm chuyển động.

Giật lên mau chóng

Kéo cá nhả ra

Mình lấy được ta.

Bỏ công ao ước;

Ta lấy được mình,

Thỏa dạ ước ao.

Bồ công anh đốn cần, xe nhợ, buộc phao, mắc mồi.

[109] Hoặc “quân tử”, “trí thức”.

[110] Nắm bãi bắt đồi mồi ở biển (dân chài).

[111] Tam Quan là thị trấn phía bắc tỉnh Bình Định, thuộc huyện Hoài Nhơn. Ở đây có nhiều dừa và con gái có tiếng là đẹp.

[112] Nhạo là cái vẹt bằng sứ, cổ cao, dùng để đựng rượu hay nước chấm.

[113] Thiên Thai thuộc Gia Lương (Bắc Ninh).

[114] Truong là rừng, truong nhà Hồ là Hồ Xá Lâm, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, thời xưa có nhiều giặc cướp. Nguyễn Khoa Đăng làm nội tán đời chúa Hiền Tông (1691-1752) đã dẹp yên giặc cướp. Phá là lạch biển; Tam giang là ba con sông; phá Tam Giang là cái lạch biển ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên, về phía Tây Nam có ba con sông (Tả Giang, Hữu Giang, Trung Giang) chảy vào, rồi đổ ra cửa bể Thuận An. Vùng ấy, xưa nhiều sông lớn, thuyền bè qua đây hay bị đắm. Sau phá ấy cạn đi, nên tên chữ gọi là hạc hải (bể cạn). Theo Đại Nam nhất thống chí.

[115] Giã tức ghe giã đánh cá ở biển miền Trung.

[116] Miếu là miếu thờ thần.

[117] Ở Trung Bộ, hát như sau:

Chim xanh ăn trái xoài xanh.

Ăn no tắm mát lên nhàn nghỉ ngơi.

Cực lòng lan lắm huệ ơi!

Kiểm nơi mô im mát, huệ ngồi cho lan phân.

[118] Còn có bài:

Mình nói dối ta mình chưa có chồng,

Ta đi qua ngõ, mình bỗng con ra.

Con mình khéo giống con ta,

Con mình bảy rưỡi con ta ba phần.

[119] Ghè là cái vỏ.

[120] Có bản chép: cỏ non.

[121] Hay:

Thà rằng chẳng biết cho xong,

Biết ra kẻ Bắc, người Đông thêm sâu.

Hay:

Biết ra như xúc, như đong lấy sâu.

[122] Chữ “liều” có thêm nét ngang là chữ “tử” (tử là con), nghĩa là: có con.

[123] Lý ngư là cá chép.

[124] Cội là gốc.

[125] Kiểng tức là cây cảnh trồng trong chậu.

[126] Lịch: thanh lịch.

[127] Câu dưới, có nơi hát là:

“Kéo khuất bóng bầu, anh Bắc em Nam”.

[128] Đìa tức cái đầm thả cá.

[129] Nút là khuy áo, viền bầu là viền bao hầu.

[130] Tức là những cây ngô đâm bông.

[131] Nỏ là chằng.

[132] Xuê: là thỏa.

[133] Cu đôi: hai con chim câu.

[134] Vút: là vo.

[135] Đô Lương vốn là Đò Lường.

[136] Lên đến đỉnh Đèo Ngang, một chân đặt lên mái về Hà Tĩnh, một chân đặt lên mái đi Quảng Bình.

[137] Tương nghĩa là sào chống thuyền.

[138] Bưà cân là vừa cân.

[139] Hòn Non Nước thuộc Ninh Bình, còn có tên là núi Dục Thúy, tên do Trương Hán Siêu đời Trần đặt.

[140] Ngò là một loại rau thơm.

[141] Tàu chuối te là tàu chuối rách.

[142] Cây mè là cây vừng.

[143] Có bản chép 10 câu đầu như sau:

Có đêm ra đứng đẳng tây,

Nom lên chỉ thấy bóng mây tà tà.

Có đêm ra đứng vườn hoa,

Nom lên chỉ thấy sao tà xanh xanh.

Có đêm thơ thần một mình,

Ở đây thức cả năm canh rõ ràng.

Có đêm tạc đá ghi vàng,

Ngày nào em chẳng nhớ chàng, chàng ơi!

Thương chàng lắm lắm chàng ơi!

Nhớ miệng chàng nói, nhớ lời chàng than.

Nhớ chàng như nhớ lạng vàng...

.....

[144] Dìu dắc cũng như réo rắt.

[145] Có người hát:

“Đêm khuya nghe vạc trở canh,

Nghe chuông vén sáo, nghe anh khuyên nàng”.

[146] Nhạn bay mặc nhạn.

[147] Đất thuộc, loại gần sông nước.

2. HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Trong thời phong kiến, nhân dân lao động Việt Nam sống một đời cực khổ, thiếu ăn, thiếu mặc và đành chịu dốt nát. Trong số người bị áp bức bóc lột ấy, một nửa phần còn sống cực khổ hơn nữa; nửa phần ấy là phụ nữ. Sự cực khổ tăng thêm ấy mà phụ nữ phải chịu là do chế độ phong kiến gây nên, một chế độ trao quyền “gả bán” trong việc hôn nhân vào tay người gia trưởng và đặt người phụ nữ vào cương vị kẻ vị thành niên suốt đời, nhiều khi như một món hàng đem bán vào tay ai cũng được.

Người phụ nữ Việt Nam đã đem sức lao động và kinh nghiệm của mình đóng góp rất nhiều vào công việc sản xuất và kiến thiết xóm làng, đất nước. Vậy, không phải vì người đàn bà không làm được những việc như đàn ông mà do chế độ hôn nhân đã xây dựng trên cơ sở kinh tế của xã hội cũ, đặt người phụ nữ vào một địa vị thấp kém. Mình trần thân trụ từ trẻ đến già, dù có làm ra, cũng là của cha, của chồng hay của con trai; do đó, dưới chế độ phong kiến, tài sản trong gia đình đều do nam giới thừa kế. Người phụ nữ tuy có lao động, có sản xuất, nhưng không có hưởng thụ. Đồng thời, theo đạo “tam tòng”, họ luôn luôn phải lệ thuộc vào cha, anh hay chồng con.

Trong chế độ phong kiến việc quy định tài sản đối với phụ nữ rất là khắt khe. Việc quy định ấy chủ yếu làm cho phụ nữ không bao giờ được độc lập về kinh tế, dù chính phụ nữ đã góp phần xây dựng kinh tế gia đình:

- Hỡi cô cắt cỏ đồng màu!

Chăn trâu cho khéo làm giàu cho cha.

- Giàu thì chia bảy chia ba,

Phận em là gái được là bao nhiêu!

Trong 24 huấn điều của Lê Hiếu Tông (1500), huấn điều thứ 8 và thứ 9 đã quy định như sau về phụ nữ: “8- Khi chồng chết, phải thương yêu con vợ trước hoặc vợ lẽ của chồng, nếu có gia tài, không được chiếm đoạt làm của riêng mình. 9- Khi chồng chết mà mình chưa có con, thì phải ở lại nhà chồng, giữ việc tang tế, đúng nghi lễ, không được giấu giếm chuyển vận tài sản nhà chồng đem về nhà mình”. Lễ giáo phong kiến đã nảy nở ở một cơ sở kinh tế trong một hoàn cảnh và một thời kỳ lịch sử nhất định và thích ứng với cơ sở ấy.

Nhưng tại sao trong thời phong kiến, người phụ nữ nông thôn hay cả nhân dân lao động nói chung, nhiều lúc cũng tin ở số, cũng yên phận tạm thời trong việc cưới gả? Hãy nghe họ thốt ra những câu:

Số giàu lấy khó cũng giàu,

Số nghèo, chín đụn mười trâu cũng nghèo.

Trong cuộc sống đấu tranh thiên nhiên, nhân dân lao động rất hăng hái bền bỉ. Nhưng trong lúc phương thức sản xuất chưa cho phép họ có điều kiện để vượt khó thì đối với những sức quá mạnh của thiên nhiên như bão, lụt, hạn hán, người thời cổ đâm ra sợ hãi, gán cho nó những sức mạnh thánh thần. Nền sản xuất cá thể, phân tán của họ cũng gây nên những khó khăn trong đoàn kết đấu tranh.

Lẽ tự nhiên những mê tín, dị đoan của nhân dân lao động trong thời kỳ phong kiến, giai cấp thống trị không thể tạo ra được, nhưng chúng tạo điều kiện cho nó phát triển để chúng lợi dụng, nhằm bóc lột đàn áp nhân dân

được dễ dàng hơn. Như chúng tuyên truyền cho nhân dân tin rằng địa chủ giàu là tại số, nông dân nghèo cũng là tại số, còn trong xã hội thì nữ giới phải ở một địa vị thấp kém hơn nam giới, và đó cũng là do trời định. Chế độ phong kiến đã chi phối được một phần nào tư tưởng người dân lao động. Do đó, văn học dân gian đã chịu ảnh hưởng một phần ý thức tư tưởng phong kiến.

Nhưng ca dao Việt Nam đã chứng tỏ rằng trong quần chúng nhân dân, tư tưởng chống đối giai cấp phong kiến vẫn là tư tưởng chủ đạo. Cho nên trong hôn nhân khi họ đã không ưng thuận, thì họ cũng không kể gì giàu sang phú quý, và cũng không tin gì ở số mệnh:

Giàu giữa làng, trái duyên khôn ép,

Khó nước người, phải kiếp tìm đi.

Tiền trăm bạc chục kể chi...

hay:

Chẳng ham nhà ngói bức bàn,

Trái duyên, coi bằng một gian chuồng gà,

Ba gian nhà rạ lò xòa,

Phải duyên, coi tựa chín tòa nhà lim.

Người dân lao động đã hiểu rõ đâu là hạnh phúc. Trong cuộc sống hằng ngày ở nông thôn, họ cũng cảm thấy một phần nào cái giàu của địa chủ là do ở chiếm đoạt mà có, nên trong thâm tâm họ khinh bỉ cái giàu không lao động của chúng đến xương tủy. Với tính thẳng thắn, với lòng chung thủy,

họ quan niệm: Yêu nhau thì lấy nhau, dù sống trong cảnh nghèo nhưng vẫn là sung sướng.

Trong ca dao, chúng ta thấy có những câu, những bài tỏ ý oán hận cha mẹ chồng, nhiều nhất là mẹ chồng, có khi oán trách cả cha mẹ đẻ và cả chồng nữa... Ca dao có những câu:

Hai ta là bạn thông dong,

Như đôi đũa ngọc nằm trong mâm vàng.

Bởi chưng thầy mẹ nói ngang,

Cho nên đũa ngọc, mâm vàng xa nhau.

và những câu:

Chồng gì anh, vợ gì tôi,

Chẳng qua là cái nợ đời chi đây!

Mỗi người một nợ cầm tay,

Đời xưa nợ vợ, đời nay nợ chồng.

Nhưng sự thật, sở dĩ có những mâu thuẫn ấy là vì chính những người cha mẹ và người chồng kia chẳng qua cũng chỉ là nạn nhân của chế độ phong kiến. Muốn cho bộ máy thống trị của chúng dễ điều khiển, giai cấp thống trị tuyên truyền lễ giáo, tổ chức trật tự phong kiến ngay từ trong gia đình, cho nên những người gia trưởng gàn quải việc hôn nhân, không cho con theo ý nguyện của họ cũng chỉ là sản phẩm của chế độ. Chính bản thân họ bị mê muội, đồng thời họ làm mê muội người khác, cũng như cái vai Chức công

trong *Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài*, không muốn gả con cho một anh học trò nghèo, chỉ muốn gả con cho một gã thuộc nhà “gia thế” như nhà mình.

Trong thời phong kiến, chúng ta đã biết giữa mẹ chồng và nàng dâu thường có mâu thuẫn sâu sắc, nên đã có những câu mỉa mai như:

Thật thà cũng thế lái trâu,

Yêu nhau cũng thế nàng dâu mẹ chồng.

Bị mẹ chồng đối xử tàn tệ, không phải bao giờ người phụ nữ nông thôn cũng chịu ép một bề. Họ muốn thoát khỏi chốn đầy đọa đen tối, nhưng còn vấn vương trăm mối về tình yêu, nên họ có những phút đấu tranh tư tưởng thật cảm động:

Vợ chồng đầu gối má kê,

Lòng nào mà bỏ mà về cho đang.

Hồ về, chân lại đá ngang,

Về sao cho dứt, cho đang mà về!

Những lời ca dao oán trách người gia trưởng hay cha mẹ, xét kỹ, chẳng qua chỉ là oán trách căm hờn kỷ cương của chế độ phong kiến, vì thật ra đã có biết bao câu ca dao nói lên công ơn của cha mẹ và tình nghĩa thăm thiết của con đối với người sinh ra mình:

Có cha có mẹ thì hơn,

Không cha không mẹ như đờn không dây.

Lại những câu:

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Và những câu:

Gió đưa cây cửu lý hương,

Xa cha xa mẹ thất thường bữa ăn.

Sầu riêng, cơm chẳng muốn ăn,

Đã bưng lấy bát, lại dẫn xuống mâm.

Đối với cha mẹ, các con đã có sẵn những tình yêu thâm thiết như thế, nên một khi cái chế độ nó cho phép những người gia trưởng được làm mưa làm gió trong gia đình không còn, thì giữa cha mẹ chồng và nàng dâu cũng không còn mâu thuẫn nữa. Cho nên, từ sau Cách mạng tháng Tám và nhất là từ sau những ngày kháng chiến, một khi thực hiện được dân chủ trong cả nước bằng cách đem lại cho nhân dân những quyền lợi thực tế về kinh tế và chính trị, thì con số bố mẹ chồng ác nghiệt cũng giảm đi nhiều. Điều đó càng chứng tỏ, trong thời phong kiến, khi người phụ nữ Việt Nam chống đối những thái độ và hành động ác nghiệt của bố mẹ chồng đối với mình là chống đối cả cái chế độ phong kiến thối nát nó đàn áp họ.

HÔN NHÂN

Thân em như tấm lụa đào,

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?

Em ngồi càn trúc, em tựa càn mai.

Đông đào tây liễu, biết ai bạn cùng?

*

Thân em như giếng giữa làng,

Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.

*

Cô kia cắt cỏ một mình,

Cho anh cắt với chung tình làm đôi.

Có còn cắt nữa hay thôi?

Cho anh cắt với làm đôi vợ chồng.

*

Cô kia cắt cỏ bên sông,

Có muốn ăn nhãn thì lồng sang đây.

Sang đây anh nắm cổ tay,

Anh hỏi câu này: Có lấy anh chăng?

*

Cô kia má đỏ hồng hồng,

Cô chưa lấy chồng còn đợi chờ ai?

Buồng không lần nữa hôm mai,
Đầu xanh mấy chốc da mồi tóc sương.

*

- Cau già quá lứa bán buôn,
Em già quá lứa, có buồn không em?

- Cau già quá lứa bữa phơi,
Em già quá lứa, có nơi đợi chờ.

*

Ai chồng ai vợ mặc ai,
Bao giờ ra bảng ra bài mới hay.
Bao giờ tiền cưới trao tay,
Tiền cheo rấp nước mới hay vợ chồng.

*

Thần thơ dưới gốc mai già,
Hỏi thăm ông Nguyệt có nhà hay không?

*

Bắc thang lên đến tận trời,

Bắt ông Nguyệt lão đánh mười cẳng tay.

Đánh thôi, lại trói vào cây,

Hỏi ông Nguyệt lão: Nào đây tơ hồng?

Nào đây xe bắc xe đông,

Nào đây xe vợ, xe chồng người ta?

Ông vụng xe, tôi lấy phải vợ già,

Tôi thì đốt lửa, đốt nhà ông đi.

*

Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,

Sông An Cựu nắng đục mưa trong.

Đôi ta như chỉ lộn vòng,

Đẹp duyên có đẹp, tơ hồng không xe!^[148]

*

Anh đi lấy vợ cách sông,

Để tôi lấy chồng giữa ngõ anh ra.

*

Vẫn tay với chẳng tới kèo,

Cha mẹ anh nghèo, cưới chẳng đặng em.

*

Phải duyên thì bám như keo,
Trái duyên, trái kiếp như kèo đục vênh.

*

Bao giờ cho chuối có cành,
Cho sung có nụ, cho hành có hoa.

Bao giờ chạch đẻ ngọn đa,
Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình.

Bao giờ cây cải làm đình,
Gỗ lim thái ghém thì mình lấy ta.

*

Thân em như hạt mưa rào,
Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.

Thân em như hạt mưa sa,
Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.

*

Lục bình bát giác cầm các bông hường,

Má anh kén dâu, anh thì kén vợ,

Đạo cang thường sẽ ra sao?

*

Áo vá vai, vợ ai không biết,

Áo vá quàng, chí quyết vợ anh.

*

Duyên kia ai đợi mà chờ,

Tình ai tơ tưởng mà tơ tưởng tình.

*

Còn duyên như tượng tô vàng,

Hết duyên như tổ ong tàn ngày mưa.

*

Còn duyên kẻ đợi người chờ,

Hết duyên vắng ngắt như chùa Bà Đanh.

*

Còn duyên đóng cửa kén chồng,

Hết duyên ngồi gốc cây hồng nhật hoa.

*

Cháu cậu mà lấy cháu cô,

Thóc lúa đầy bồ giống má nhà ta.

*

Chim khôn lựa nhánh lựa cành,

Gái khôn lựa chốn trai lành gửi thân.

*

Cầm vàng ném xuống vực sâu,

Mất vàng không tiếc, tiếc đôi mắt bồ câu hữu tình.

*

Chẳng nên, tình trước nghĩa sau,

Có con, ta gả cho nhau, thiệt gì!

*

Chốn ước mơ lắt lơ mà hồng,

Nơi tình cờ lại đóng nhân duyên.

*

Gió đưa gió đẩy mây mưa,
Gặp đâu hay đó, kén lừa mà chi!

*

Chớ chê em xấu, em đen,
Em như nước đục, đánh phèn lại trong.

*

Chớ thấy duyên muộn mà phiền,
Tuy rằng duyên muộn, có tiên đợi chờ.

*

Gần thì chẳng hợp duyên cho,
Xa xôi cách mấy lần dò cũng theo.

*

Bao giờ cho gạo bén sàng,
Cho trắng bén gió cho nàng bén anh.

*

Có duyên lấy được chồng già,
Ăn xôi bỏ cháy, ăn gà bỏ xương.

Tiếc thay con gái mười ba,
Liều thân mà lấy ông già sao đang?

*

Vô duyên mới lấy chồng khò,
Mai sau nó chết, cái hòm khum khum.

*

Mẹ mong gả thiệp về vườn,
Ăn bông bí luộc, dưa hường nấu canh.

*

Chồng con mô có anh nào!
Em còn lụng đặng vườn đào sớm trưa.

*

Con gái như thể hàng săng,
Bán thì muốn bán biết rằng mời ai!

*

Thà rằng chịu lạnh năm không,
Còn hơn lấy gái lẹm cằm răng hô^[149].

*

Mực văng vô giấy khó chùi,
Vô vòng chồng vợ, sứt sùi sao nên.

*

Đèn lưu ly nửa bắc nửa dầu,
Nửa thương cha mẹ, nửa sầu nhân duyên.

*

Họ giàu, họ nghinh hôn, giá thú,
Hai đứa mình nghèo, dụ dỗ nhau đi.

*

Cúc mai^[150] trồng lộn một bồn,
Hai đứa mình chồng vợ, ai đồn mặc ai.

*

Nhờ ơn cô bác giúp lời,
Chị em giúp của, ông trời định đôi.

*

Đôi ta như đũa trong kho,

Không tề, không tiện, không so cũng bằng.

*

Cực tình ta lắm bạn ơi!

Một con chim nhạn biết mấy nơi đàn lồng!

*

Thân em như tấm lụa điều,

Đã đông nơi chuộng, lại nhiều nơi thương.

*

Thân em như miếng cau khô,

Kẻ thanh tham mỏng, người thô tham dày.

*

Còn duyên, anh cưới ba heo,

Hết duyên, anh cưới con mèo cụt đuôi.

*

Bốn mùa bông cúc nở sây,

Để coi trời khiến duyên này về ai.

*

Chim khôn chết mệt vì mồi,
Người khôn chết mệt về lời nhỏ to.

*

Đầy còn không, đầy cũng còn không,
Đầy kén vợ đẹp, đầy trông chồng giàu.

*

Chuộng chuối, chuối lại cao tầu,
Thương anh, anh lại ra màu làm cao.

Xin đừng bắc bậc làm cao,
Phèn chua em đánh nước nào cũng trong.

*

Thà rằng chiếu lác có đôi,
Chẳng hơn chăn gấm, lẻ loi một mình.

*

Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ,
Đôi ta trinh tiết đợi chờ lấy nhau.

*

Còn duyên kén cá chọn canh,
Hết duyên ếch đực cua kênh cũng vợ.
Còn duyên kén những trai tơ,
Hết duyên, ông lão cũng vợ làm chồng.

*

Con gái lấy phải chồng già,
Cũng bằng con lợn cạp tha vào rừng.

*

Vô duyên vô phúc mức phải anh chồng già,
Ra đường người hỏi rằng cha hay chồng?
Nói ra đau đớn trong lòng,
Ấy cái nợ truyền kiếp chứ có phải chồng em đâu!

*

Có phúc lấy được vợ già
Sạch cửa sạch nhà lại ngọt cơm canh
Vô phúc lấy phải trẻ ranh,
Nó ăn nó bỏ tan tành nó đi.

*

Bao giờ cho chuối có cành,
Cho sung có nụ, cho hành có hoa.

Con chim bay vụt qua nhà,
Mà biết được cái thì ta lấy mình.

*

Muốn cho gần mẹ gần cha,
Khi vào thúng lúa, khi ra quan tiền.
Muốn cho gần bến, gần thuyền,
Gần thầy, gần mẹ, nhưng duyên chả gần.

*

Bớ thăm bớ thiết ơi!
Bớ bạn tình nhân ơi!
Thân em như cái quả xoài trên cây,
Gió đông, gió nam, gió tây, gió bắc,
Nó đánh lúc la lúc lắc trên cành...
Một mai rụng xuống biết vào tay ai?

Kìa cảnh trúc, nọ cảnh mai,
Ông tơ bà nguyệt, xe hoài chẳng thương,
Một lần chờ, hai lần đợi,
Sớm lần nhớ, chớ lần thương,
Anh thương em, nhưng bác mẹ, họ hàng chẳng thương.

*

Trai tơ ới hỡi trai tơ,
Đi đâu mà vội mà vợ nạ dòng?
Nạ dòng vớ được trai tơ
Đêm nằm hí hửng như mơ được vàng,
Trai tơ lấy phải nạ dòng,
Như nước mắt thối chấm lòng lợn thiú.

*

Mạ úa cây lúa chóng xanh,
Nạ dòng chóng đẻ, sao anh hững hờ?

*

Chơi cho thùng trống long bông,

Rồi ra ta sẽ lấy chồng lập nghiêm.

Chơi cho thùng trống long chiêng,

Rồi ra ta sẽ lập nghiêm lấy chồng.

*

Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng,

Hễ ai có bạc thì bông trên tay.

Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng,

Phải duyên thì lấy, chẳng ông tơ hồng nào xe.

*

Đem thân ở dưới cỏi trần,

Hỏi rằng duyên có nợ nần chi không?

Giá bao nhiêu một ông chồng,

Thì em cũng bỏ đủ đồng ra mua?

*

Trăm năm xe sợi chỉ hồng,

Buộc người tài sắc vào trong khuôn trời.

Bao giờ tài sắc có lời,

Thì ta lại cỡi khuôn trời cho ra.

*

Trên trời bắm sáu vì sao,

Vì thấp là vợ, vì cao là chồng.

Cô kia gái lớn tông ngông,

Hỏi thăm cô đã có chồng hay chưa?

*

Cô kia khăn trắng tang ai?

Nhất tang cha mẹ, thứ hai tang chồng.

Tang chồng thì vứt khăn đi,

Tang cha, tang mẹ, ta thì tang chung.

*

Trên đầu em đội khăn vuông,

Trông xuống dưới ngực cau buồng còn non.

Cổ tay em vừa trắng vừa tròn,

Mặt mũi vuông vắn, chồng con thế nào?

*

Trên rừng bầm sáu thứ chim,
Thiếu gì loan phượng, đi tìm quạ khoang!
Quạ khoang có của có công,
Tuy rằng loan phượng, nhưng không có gì.

*

- Cô kia nước lợ cơm niêu,
Chồng con chẳng có, năm liều nuôi thân.
- Chồng con là cái nợ nần,
Chẳng thà ở vậy, nuôi thân béo mồm.

*

Đồng tiền chì mua mớ tôm tươi,
Mua rau mới hái mua người đảm đang,
Tiếc thay đồng tiền trinh mua vội mua vàng.
Mua rau cuống héo, mua nàng ngẩn ngơ.

*

Ai ơi! Chớ lấy học trò,
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.

Ngày thời cắp sách đi rong,
Tối về lại giữ đèn chong một mình.

*

Lòng em muốn lấy thợ sơn,
Một mình một cổ còn hơn thợ kèn.

Lòng em muốn lấy thợ kèn,
Đám trọng được bánh, đám hèn được xôi.

*

Người ta thích lấy nhiều chồng,
Tôi đây chỉ thích một ông thật bền.
Thật bền như tượng đồng đen,
Trăm năm quyết với cùng em một lòng.

*

Gà khôn gà chẳng đá lang,
Gái khôn gái chẳng bỏ làng gái đi.

*

Lấy chồng khó giữa làng,

Hơn lấy chồng sang thiên hạ.

*

Chồng lớn vợ bé thì xinh,
Chồng bé vợ lớn ra tình chị em.

*

Bờ sông lại lở xuống sông,
Đàn bà mà lấy đàn ông thiệt gì.

*

Buồn chẳng muốn nói,
Gọi chẳng muốn trông,
Tưởng sự lấy chồng,
Tĩnh như con sáo.

*

Cái cóc lặn lội bờ sông,
Muốn lấy vợ đẹp nhưng không có tiền.

*

Giếng trong mà nước hôi phèn,

Tuy rằng em đẹp nhưng hèn mẹ cha.

*

Tiếc con gái khôn lấy thằng chồng đại,

Tiếc bông hoa nhài cắm bãi cứt trâu.

*

Tiếc công lao anh đào ao thả cá,

Năm bảy tháng trường họ lạ đến câu!

*

Trăng lu vì bởi áng mây,

Đôi ta cách trở vì dây tơ hồng!

*

Cây oải vì bởi trái sai,

Xa em vì bởi ông mai ít lời.

*

Vua chúa cấm đoán làm chi,

Để đôi con dì chẳng lấy được nhau!

*

Liệu cơm mà gắp mắm ra,

Liệu cửa liệu nhà, em lấy chồng đi.

Nửa mai quá lứa nhỡ thì,

Cao thì chẳng tới, thấp thì không thông.

*

Mẹ em cấm đoán em chi,

Để em sắm sửa, em đi lấy chồng.

Lấy chồng cho đáng tấm chồng,

Bõ công trang điểm má hồng răng đen.

*

Cái bóng mặc xống ngang chân,

Lấy chồng kẻ chợ cho gần xem voi.

Trèo lên trái núi mà coi,

Coi ông quản tượng cười voi đánh cồng.

*

Mình rằng mình chỉ lấy ta,

Để ta bán cửa bán nhà ta theo.

Còn một cái cối đâm bèo,
Để ta bán nốt ta theo mình về.

*

Mình nói dối ta mình chưa có chồng,
Để ta mang cốm, mang hồng sang sêu.

Ta sang mình có chồng rồi,
Để cốm ta mốc, để hồng long tai.

Ngờ là long một long hai,
Ai ngờ long cả trăm hai quả hồng.

*

Muốn lấy chồng mà chồng chẳng lấy,
Biết giá chồng đáng mấy mà mua!

*

Mua cau chọn những buồng sai,
Mua trầu chọn những trăm hai lá vàng.
Cau tiện ngang, trầu vàng ngắt ngọn,
Thời buổi này kén chọn làm chi,

Sao em chẳng lấy chồng đi!

*

Nước đường mà đựng chậu thau,

Cái mâm chữ triện đựng rau thái lài.

Tiếc thay con người da trắng tóc dài,

Bác mẹ gả bán cho người đần ngu.

Rồng vàng tắm nước ao tù,

Người khôn ở với người ngu nặng mình...

*

Ngồi trong cửa sổ chạm rồng,

Chân loan gối phượng không chồng cũng hư.

*

Sáng trăng sông, sáng cả bờ sông,

Ta được cô ấy, ta bỗng ta chơi.

Ta bỗng ta tếch lên trời,

Hỏi ông Nguyệt lão: Tốt đôi chẳng là?

*

Tình cờ anh gặp mình đây,
Như cá gặp nước, như mây gặp rồng.
Mây gặp rồng, bán vôn bán vũ,
Cá gặp nước, con ngược con xuôi.
Chồng Nam, vợ Bắc anh ơi!
Sao anh chẳng lấy một người như em?

*

Thôi đừng lấy chú biện tuần,
Tuy rằng bóng bấy, nợ nần chan chan.
Thà rằng lấy chú xâm xoan,
Công nợ chẳng có, hát tràn cung mây.

*

Em thấy anh, em cũng muốn chào,
Sợ lòng bác mẹ cây cao lá dài.
Em thấy anh, em cũng muốn thương,
Sợ lòng bác mẹ soi gương không từng.

*

Chẳng tham nhà ngói ba tòa,
Tham vì một nỗi mẹ cha hiền lành.

*

Chẳng tham nhà ngói bức bàn,
Trái duyên coi bằng một gian chuồng gà.

Ba gian nhà rạ lò xòa.
Phải duyên coi tựa chín tòa nhà lim.

*

- Em thấy anh, em cũng muốn chào,
Sợ anh chồng cũ đứng bờ rào, hắt trông.

- Hắt trông thì mặc hắt trông,
Đã quyết một lòng, ta quyết lấy nhau.

*

- Trai làng ở góa còn đông,
Cớ sao em lại lấy chồng ngụ cư?

- Ngụ cư có thóc cho vay,
Có lúa bán đây, em lấy ngụ cư.

*

Đôi ta là bạn thông dong,
Như đôi đũa ngọc nằm trong mâm vàng.

Bởi chưng thầy mẹ nói ngang,
Cho nên đũa ngọc, mâm vàng xa nhau.

*

Anh đà có vợ con chưa?
Mà anh ăn nói gió đưa ngọt ngào.

Mẹ già anh ở nơi nao?
Để em tìm vào hầu hạ thay anh.

*

Chẳng tham nhà ngói rung rinh,
Tham về một nỗi anh xinh miệng cười.
Miệng cười anh đáng mấy mươi,
Chân đi đáng nén, miệng cười đáng trăm.

*

Em có chồng rồi như ngựa có cương,

Ngõ em em đứng, đường trường anh đi...

*

Em đã có chồng như ngựa đủ yên,
Anh chưa có vợ như chiếc thuyền nghiêng giữa vời.

*

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay.
- Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?

Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra?

*

Hôm qua tát nước đầu đình

Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.

Em được thì cho anh xin,

Hay là em để làm tin trong nhà?

Áo anh sút chỉ đường tà,

Vợ anh chữa có, mẹ già chữa khâu.

Áo anh sút chỉ đã lâu.

Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.

Khâu rồi anh sẽ trả công,

Đến lúc có chồng anh lại giúp cho:

Giúp em một thúng xôi vò,

Một con lợn béo, một vò rượu tăm.

Giúp cho đôi chiếu em nằm,

Đôi chân em đắp, đôi trằm em đeo.

Giúp em quan tám tiền cheo,

Quan năm tiền cưới, lại đèo buồng cau.

*

Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,

Làm thân con nhện mấy lần vương tơ.

Chắc về đâu trong đục mà chờ,

Hoa thơm mất tuyết, biết nương nhờ vào đâu.

Số em giàu, lấy khó cũng giàu.

Số em nghèo, chín đụn mười trâu cũng nghèo.

Phải duyên, phải kiếp thì theo,

Thân em có quản khó nghèo làm chi!

Chữ nhân duyên thiên tải nhất thì,

Giàu ăn khó chịu, lo gì mà lo.

*

Công anh đắp nãi trồng chanh,

Ăn quả chẳng được vin cành cho cam.

Xin em đừng ra dạ Bắc Nam,

Nhất nhất bất kiến như tam thu hề,

Huống tam thu nhi bất kiến hề,

Đường kia nổi nọ như chia mối sầu.

Biết rằng đâu đã hãn hơn đâu,

Cầu tre vững nhịp hơn cầu thượng gia.

Bắc thang lên thử hỏi ông trăng già,

Phải rằng phận gái hạt mưa sa giữa trời?

May ra gặp được giếng khơi,

Vừa trong vừa mát lại nơi thanh nhàn.

Chẳng may số phận gian nan,

Lầm than cũng chịu, dễ phàn nàn cùng ai!

Đã yêu nhau giá thú bất luận tài.

*

Khăn anh nàg lấy vá vai,

Bây giờ nàg đã nghe ai dỗ dành?

Chẳng nên ra, tháo chỉ, lấy mụn trả anh,

Để anh đem bán lấy hai trăm vàng.

Một trăm anh đưa cho nàg,

Còn một trăm nữa, để quàng cây đa.

Chớ em không nhớ lời thề nguyện với ta,

Sông có Nhị Hà, núi có Tản Viên.

Bây giờ nàng ở thế sao nên?

Tôi khẩn quan Nam Tào, Bắc Đẩu biên tên rành rành.

Đã yêu anh thì quyết với anh,

Nhà tre, rui nửa, lợp tranh vững vàng.

Chớ tham nhà gỗ bức bàn,

Gỗ lim chẳng có, làm quàng gỗ vuông.

Chỉ nhọc mình thôi, lại biếng công,

Đến khi gỗ mộc, lại nằm nhà tre.

Còn duyên anh bảo chẳng nghe!

*

Núi rừng thì có hươu mang;

Khe suối thì có măng giang;

Chợ tỉnh có mụ bán hàng;

Đò dọc có đò ngang;

Biết bao giờ em được lấy chàng?

Núi rừng trả lại cho hươu mang,

Khe suối trả lại cho măng giang,

Chợ tỉnh trả lại cho mụ bán hàng,

Đò dọc trả lại cho đò ngang.

Ai mô trả nấy,

Thiếp với chàng kết duyên.

*

Tuổi em mười tám đang tròn,

Rấp mua trầu lộc, cau non đến nhà.

Để mà thết khách đang xa,

Bây giờ thấy khách lòng đà mừng thay.

Gió hương đưa khách tới đây,

Trầu tèm cánh phượng, hai tay nâng mời.

*

Sơn Bình, Kẻ Gốm bao xa,

Cách một cái quán với ba quăng đồng.

Bên dưới có sông, bên trên có chợ,

Ta lấy cô mình làm vợ được chăng?

Tre già để gốc cho măng.

*

Em là con gái tổng trên,
Em đi bắt cáy, xuống lên ngõ này.
Tình cờ gặp được anh đây,
Có cho chung mẹ chung thầy hay không?

*

Chửa quen đi lại cho quen,
Tuy rằng cửa đóng mà then không cài.
Kẻ khinh người trọng vãng lai,
Song le cũng chửa có ai bằng lòng.

*

Một mình lo bảy lo ba,
Lo cau trổ muộn, lo già hết duyên.
Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên đi sớm về trưa một mình.

*

Chê đây lấy đấy sao đành,

Em chê cam sành, lấy quả quýt hôi.

Quýt hôi bán một đồng mười,

Cam ba đồng một, quýt ngồi trơ trơ.

*

Chim khôn mắc phải lưới hồng,

Hễ ai gỡ được, đền công lạng vàng.

Anh rằng: Anh chẳng lấy vàng,

Hễ anh gỡ được thì nàng lấy anh.

*

Thư dưới gửi lên,

Thư trên gửi xuống.

Em đang ăn, đang uống,

Em bỏ đĩa xuống xem thư.

Xem rồi nước mắt ướt hết nửa tờ...

Ai phân chồng, rẽ vợ,

Kiểm đường su sơ^[151] dễ tìm!

*

Đấy đông thì đây bên tây,
Đây chưa có vợ, đấy nay chưa chồng.

Con trai chưa vợ đã xong,
Con gái chưa chồng, buồn lắm em ơi!

*

Đi đâu mà chẳng lấy chồng,
Người ta lấy hết, chồng mông mà gào.

Gào rằng: đất hỡi, trời ơi!
Sao không thí bỏ cho tôi chút chồng.
Ông trời ngoảnh lại liền trông:
Mày hay kén chọn, ông không cho mày.

*

Một cành tre, năm bảy cành tre,
Lấy ai thì lấy chớ nghe họ hàng.

*

Gió đánh đồ đưa, gió đập đồ đưa,
Sao cô mình lơ lửng mà chưa có chồng,

Gió đánh càn hong, gió đập càn hong.
Hỡi cô mình đã muốn lấy chồng hay chưa?

*

Tròng trành như nón không quai,
Như thuyền không lái, như ai không chồng.

Gái có chồng như gông đeo cổ,
Gái không chồng như phản gỗ long đanh.
Phản long đanh anh còn chữa được,
Gái không chồng chạy ngược chạy xuôi.

Không chồng, khổn lắm chị em ơi!

*

Lưỡi câu anh uốn đã vừa,
Sợ lòng cha mẹ kén lừa nơi đâu.
Vực sâu thì mặc vực sâu,
Dầu sâu hay cạn, nữ đâu lừa hoài.

*

Người ta câu bể câu sông,

Tôi đây câu lấy con ông cháu bà.

Có chồng thì nhả mồi ra,

Không chồng, em cắn, em tha lấy mồi.

*

Tiếc thay cái tấm lụa đào,

Áo rách chẳng vá, vá vào áo tơ.

Trời ơi có thấu chẳng trời

Lụa đào mà vá áo tơ sao đành!

*

Từ phen ra tới giang tân,

Sớm theo dặm tuyết, đêm lần ngàn mưa.

Tiếc công anh chứa nước đàn lờ,

Để cho con cá vượt bờ nó đi.

*

Trách cha trách mẹ nhà chàng,

Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau!

Thực vàng, chẳng phải thau đâu,

Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng.

*

Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng.

Ước gì anh lấy được nàng,
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây.
Xây dọc rồi lại xây ngang,
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.
Có rửa thì rửa chân tay,
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh.

*

Trông anh như thể nghìn vàng,
Bỏ ra thì khách hồng nhan được nhờ.
Anh như chỉ thắm râu cò,
Em như rau má mọc bờ giếng khơi.
Dù anh mà chưa có nơi,
Em xin vượt bể qua vời theo anh.

*

Trai khôn kén vợ chợ đông,
Gái khôn kén chồng giữa chốn ba quân.

*

Ăn đong cho đáng ăn đong,
Lấy chồng cho đáng tấm chồng hăn hoi.

*

A-men lạy đức Chúa Lời,
Có cho bên đạo bên đời lấy nhau.

*

Cha mẹ đòi ăn cá thu,
Gả con xuống biển mù mù tăm tăm!

*

Thiếp than phận thiếp còn thơ,
Lấy chồng xa xứ bơ vơ một mình.

*

Ba bốn nơi đến nói không màng,

Chờ nơi chết vợ, sẵn sàng quy mô.

*

Gà nào hay bằng gà Cao Lãnh,

Gái nào bảnh bằng gái Tân Châu.

Anh thương em chẳng ngại sang giàu,

Mứt hồng một lạng, trà tàu một cân.

*

Ba năm ở với người đàn,

Chẳng bằng một lúc ghé gần người khôn.

*

Cơm chẳng lành, canh chẳng ngon,

Dù cho chín đụn mười con cũng lìa.

*

Chính chuyên lấy chồng thợ giác,

Đĩ rạc lấy chồng quận công.

*

Phú Yên dễ ở, khó về;

Trai đi có vợ, gái về có con^[152].

*

Xấu dao, xấu chẳng nên gừng,
Xấu người mai chước, lỡ chừng đôi ta.

*

Xấu tre, uốn chẳng nên cần,
Xấu mai, nên chẳng đặt gần với em.

*

Bao giờ cho hương bén hoa,
Khăn đào bén túi, cho ta bén mình.
Thuyền không đậu bến Giang Đình,
Ta không, ta quyết lấy mình làm đôi.

*

Em về thừa với mẹ cha,
Bắt lợn đi cưới, bắt gà đi cheo.
Đầu lợn lớn hơn đầu mèo,
Làng ăn không hết làng treo cột đình.

Ông xã đánh trống thành thành,
Quan viên mũ áo ra đình ăn cheo.

*

Con gà rừng tốt mã khoe lông,
Chẳng cho đi chọi, nhốt lồng làm chi!

Thầy mẹ ơi, con đã đến thì,
Mười bảy mười tám chẳng cho đi lấy chồng!

Bây giờ người có, con không,
Thấy chúng, thấy bạn, cực lòng con thay!

*

Có chồng thương kẻ không chồng,
Không chồng ra đứng cánh đồng mà nom.

Nom cho thấy mặt nhau luôn,
Thấy thời khỏe mạnh thuốc tiên nào tầy.

Chàng về để áo lại đây,
Áo thời thiếp mặc, gọi mây đợi chờ...

*

Con vua lấy thẳng bán than,
Nó đem lên ngàn cũng phải đi theo.
Con quan đô đốc đô đài,
Lấy thẳng thuyền chài cũng phải lụy mui.

*

Cô mình ơi! Anh quyết với cô mình,
Công anh dan díu chẳng có thành thì thôi.

Con sông kia bên lở bên bồi,
Bên lở thì đục, bên bồi thì trong.
Con sông kia nước chảy đôi dòng,
Biết rằng bên đục, bên trong, bên nào?

*

Chàng về thiếp cũng xin về,
Chàng về Hồ Bắc, thiếp về Hồ Tây.
Chàng bao nhiêu tuổi năm nay?
Chàng rằng mười tám, thiếp rầy bốn ba.
Mồ cha đưa chē thiếp già,

Thiếp còn gánh nổi một vài trăm kim.

Trăm chiếc kim đổi lấy lạng vàng,

Mua gương Tư Mã để thiếp với chàng soi chung.

Chàng về sắm sửa loan phòng,

Thiếp đi điểm phấn, tô hồng thiếp theo.

*

Sông sâu nước chảy làm vầy,

Ai xui em đến chốn này gặp anh?

Đào tơ sen ngó xanh xanh,

Ngọc lành phải giá, gái lành phải duyên.

Cho hay tiên lại gặp tiên,

Phượng hoàng há dễ đứng bên đàn gà.

*

Đồng tiền Vạn Lịch thích bốn chữ vàng,

Anh tiếc công anh gán bó với cô nàng bấy lâu.

Bây giờ nàng lấy chồng đâu?

Để anh giúp đỡ trăm cau nghìn vàng.

Năm trăm anh đốt cho nàng,
Còn năm trăm nữa giải oan lời thề.

Xưa kia nói nói, thề thề.

Bây giờ bẻ khóa trao chìa cho ai?

Bây giờ nàng đã nghe ai,
Gặp anh ghé nón, chạm vai chẳng chào!

*

Làm trai lấy được vợ hiền,
Như cầm đồng tiền mua được của ngon.

Phận gái lấy được chồng khôn,
Xem bằng cá vượt vũ môn hóa rồng.

*

Đa đa đậu nhánh cây đa,
Chồng gần không lấy, em lấy chồng xa.

Một mai cha yếu, mẹ già,
Bát cơm ai đỡ, chén trà ai dâng?

*

Có con mà gả chồng gần,
Nửa đêm đốt đuốc mang phần cho cha.
Hoài con mà gả chồng xa,
Ba sào ruộng chéo, chẳng ma nào cày^[153].

*

Trâu kia cắn cỏ bờ ao,
Anh kia không vợ đời nào có con!
Người ta con trước con sau,
Thân anh không vợ như cau không buồng.
Cau không buồng ra tuồng cau đực,
Trai không vợ, cực lắm anh ơi!
Người ta đi đón về đôi,
Thân anh đi lẻ về loi một mình.

*

Cưới em có một tiền hai,
Có dăm sợi bún, có vài hạt xôi.
Họ hàng ăn uống xong rồi,

Tôi xin cái chảo, tôi lôi nó về.

*

Cái kiến mày kiện củ khoai,

Mày chê tao khó lấy ai cho giàu?

Nhà tao chín đụn, mười trâu,

Lại thêm ao cá bắc cầu rửa chân.

Có rửa thì rửa chân tay,

Chớ rửa lông mày, chết cá ao anh.

Nhà anh có một cây chanh,

Nó chữa ra cành nó đã ra hoa.

Nhà anh có một mụ già,

Thối cơm chẳng chịu, quét nhà chẳng nên.

Ăn cỗ thì đòi ngồi trên,

Mâm son, bát sứ đem lên hầu bà...

*

Cưới em có cánh con gà,

Có dăm sợi bún, có và hạt xôi.

Cưới em còn nữa, anh ơi!

Có một đĩa đậu, hai môi rau cần.

Có xa dịch lại cho gần,

Nhà em thách cưới có ngần ấy thôi.

Hay là nặng lắm anh ơi!

Để em bớt lại một môi rau cần.

*

- Cưới nàng, anh toan dẫn voi,

Anh sợ quốc cấm, nên voi không bàn.

Dẫn trâu, sợ họ máu hàn,

Dẫn bò, sợ họ nhà nàng co gân.

Miễn là có thú bốn chân,

Dẫu con chuột béo, mời dân, mời làng.

- Chàng dẫn thế, em lấy làm sang,

Nỡ nào em lại phá ngang như là...

Người ta thách lợn thách gà,

Nhà em thách cưới một nhà khoai lang:

Củ to thì để mời làng,
Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi.

Bao nhiêu củ mẻ, chàng ơi!
Để cho con trẻ ăn chơi giữ nhà;
Bao nhiêu củ rím, củ hà,
Để cho con lợn, con gà nó ăn...

*

Em là con gái nhà giàu,
Mẹ cha thách cưới ra màu xinh sao.
Cưới em trăm tấm lụa đào,
Một trăm hòn ngọc, hai mươi tám ông sao trên trời.
Tráp tròn dẫn đủ trăm đôi,
Ống thuốc bằng bạc, ống vôi bằng vàng.
Sắm xe tứ mã đem sang,
Để quan viên họ nhà nàng đưa dâu.
Ba trăm nón Nghệ đội đầu,
Mỗi người một cái quạt Tàu thật xinh.

Anh về sắm nhiều Nghi Đình,
May chẵn cho rộng, ta mình đắp chung.
Cưới em chín chĩnh mật ong,
Mười cốt xôi trắng, mười nong xôi vò.
Cưới em tám vạn trâu bò,
Bảy vạn dê lợn, chín vò rượu tắm.
Lá đa mặt nguyệt hôm rằm,
Răng nanh thẳng Cuội, râu cằm Thiên Lô.
Gan ruồi, mỡ muối cho tươi,
Xin chàng chín chục con dơi góa chồng.
Thách thế mới thỏa tấm lòng,
Chàng mà lo được, thiếp thời theo chân.

*

- Mẹ ời, năm nay con mười tám tuổi rồi,
Chồng con chưa có, mẹ thời tính sao?
Con chim khách nó mách có hai bà mối,
Mẹ ngồi thách cưới:

Tiền chẵn năm quan,

Cau chẵn năm ngàn,

Lợn béo năm con,

Áo quần năm đôi.

- Mẹ ơi, năm nay con hai mươi ba tuổi rồi,

Chồng con chưa có mẹ thời tính sao?

Con chim khách nó mách có hai bà mối,

Mẹ ngồi thách cưới:

Tiền chẵn ba quan,

Cau chẵn ba ngàn,

Lợn béo ba con,

Áo quần ba đôi.

- Mẹ ơi, năm nay con ba mươi hai tuổi rồi,

Chồng con chưa có mẹ thời tính sao?

Con chim khách nó mách có hai bà mối,

Mẹ ngồi thách cưới:

Tiền chẵn một quan,

Cau chẵn một ngàn,

Lợn béo một con,

Áo quần một đôi...

- Mẹ ơi, năm nay con bốn mươi ba tuổi rồi,

Chồng con vẫn hoàn chưa có... mẹ thời... mẹ thời... cho không.

*

Ốc bực mình ốc

Ốc vặn ốc vẹo.

Bèo bực mình bèo,

Lênh đênh mặt nước.

Nước bực mình nước,

Tát cạn cấy khoai.

Khoai bực mình khoai,

Đào lên, cấy muống.

Muống bực mình muống,

Ngắt ngọn nấu canh.

Anh bực mình anh.

Vợ con chưa có;

Đêm nằm vò vố,

Một xó giường không!

Hỏi giường có bọc mình không, hỏi giường?

*

Năm ngoái anh lên ngọn sông Ngâu,

Dầm sương dãi nắng chẳng tìm đâu bằng nàng.

Năm nay anh về, lắm bạc nhiều vàng,

Để anh sắm sửa thời nàng lấy anh.

Lấy anh, anh sắm sửa cho,

Sắm ăn, sắm mặc, sắm cho chơi bời.

Khuyên em có bấy nhiêu lời,

Thủy chung như nhất là người phải nghe.

Mùa đông lựa lựa the the,

Mùa hè bán bạc hoa xòe sắm khăn.

Sắm gối thì phải sắm chăn,

Sắm gương, sắm lược, sắm ngăn đựng trầu.

Sắm cho em đôi lược chải đầu,
Cái ống đựng sáp, vuốt đầu cho xinh.

*

Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng...

Ước gì anh lấy được nàng,
Hà Nội, Nam Định dọn hàng đưa dâu.

Tĩnh Thanh cung đón trâu cau,
Nghệ An thời phải thui trâu, mổ bò.

Hưng Yên quạt nước hỏa lò,
Thái Bình thời phải giã giò, gói nem.

Ninh Bình trái chiếu bưng mâm,
Hải Dương vót dừa, phủ Đông đúc nồi,

Sơn Tây gánh đá nung vôi,
Bắc Cạn thời phải thổi xôi nấu chè.

Gia Định hầu diều, hầu xe,
Phủ Định thời phải chém tre bắc cầu.

Anh mời mười tám nước chư hầu,
Nước Tây, nước Tàu, anh gửi thư sang.
Anh mời hai họ nhà trời,
Ông Sấm, ông Sét, đứng đầu Thiên Lôí...

VỢ CHỒNG

a) Tình cảnh người phụ nữ lấy phải chồng không ra gì

Thế gian được vợ hồng chồng,
Có phải như rỗng mà được cả đôi.

*

Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục, lại vắn than rơm.

*

Tiếc thay hạt gạo tám xoan,
Thối nôi đồng diếu, lại chan nước cà!

*

Biết thưở nào con cá ra khỏi vực,
Biết thưở nào hết cực thân em!

*

Hầm duyên lấy phải chồng dần^[154],

Có dăm mẫu ruộng bán dần mà ăn.

*

Đường đi những lách cùng lau,

Cha mẹ tham giàu, ép uống duyên con.

*

Làm trai rửa bát quét nhà,

Vợ gọi thì dạ: Bẩm bà tôi đây!

*

Có phúc thợ mộc, thợ nề

Vô phúc thầy đề, thầy thông.

*

Hoài canh mai cho cú đậu,

Hoài hòn ngọc cho ngâu vày.

*

Cóc mà mang guốc ai ừa,

Đĩa theo chân hạc sao vừa mà mong!

*

Lọng vàng che nải chuối xanh,
Tiếc con chim phượng đậu cành tre khô.

*

Chồng đánh bạc, vợ đánh bài,
Chồng hai ba vợ, vợ hai ba chồng.

*

Có chồng như ngựa có cương,
Đắng cay cũng chịu, vui thương cũng nhờ.

*

Có tiền, vợ vợ chồng chồng,
Hết tiền, chồng Đông vợ Đoài.

*

Chê tôm ăn cá lù đù,
Chê thẳng ổng bụng, lấy thẳng gù lưng.

*

Đêm nằm nghĩ lại mà coi,
Lấy chồng đánh bạc, như voi phá nhà.

*

Đố ai nằm võng không đưa,
Ru con không hát, anh chừa nguyệt hoa.

*

Đàn ông một trăm lá gan,
Lá ở cùng vợ, lá toan cùng người.

*

Mua thịt chó mua thịt mông^[155],
Lấy chồng chó lấy dờ ông dờ thẳng.

*

Chồng giận thì vợ bớt lời,
Chồng giận, vợ giận thì dùi nó quăng^[156].

*

Chồng con là cái nợ nần,
Thà rằng ở vậy nuôi thân béo mồm.

*

Con công ăn lẫn với gà,
Rồng kia rắn nọ, cao đà sao nên!

*

Có ai thêm bận về ai,
Không ai giường rộng, chiếu dài dễ xoay!

*

Em chớ thấy anh bé mà sầu,
Kìa con ong nó bao nhiêu tuổi,
Nó châm bầu, bầu thui!

*

Mẹ tôi tham thúng xôi rền,
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng.
Tôi đã bảo mẹ rằng đừng,
Mẹ hăm mẹ hứ, mẹ bưng ngay vào.
Bây giờ chồng thấp vợ cao,
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng^[157].

*

Xưa kia ở với mẹ cha,
Mẹ cha yêu dấu như hoa trên cành.
Từ ngày tôi ở với anh,
Anh đánh anh chửi, anh tình phụ tôi.
Đất xấu nặn chả nên nôi,
Anh đi lấy vợ, cho tôi lấy chồng.

*

Cái cò là cái cò quăm,
Mày hay đánh vợ mày nằm với ai?
Có đánh thì đánh sớm mai,
Chớ đánh chập tối, chẳng ai cho nằm.

*

Cá rô canh cải nấu gừng,
Không ăn thì chớ, xin đừng mĩa mai.
Khuyên chàng đừng ở đơn sai,
Vắng mặt chàng sẽ yêu ai mặc lòng.

*

Nào khi anh búng anh beo,
Tay cất chén thuốc tay đèo múi chanh.

Bây giờ anh khỏi anh lành,
Anh mê nhan sắc, anh tình phụ tôi!

*

Chiều chiều mây phủ đá bia,
Đá bia mây phủ, chị kia mất chồng.
Mất chồng như nậu mất trâu,
Chạy lên chạy xuống, cái đầu chơm bơ...

*

Con dao vàng cắt dải y môn.
Thiếp tôi đành dại lấy chàng khôn mà nhờ.
Ai ngờ trăng gió mập mờ,
Giao loan tình phụ thiếp nhờ vào đâu!
Vì chàng, chẳng tại thiếp đâu,
Chàng xe chỉ mảnh, thiếp khâu sao bền!

*

Vợ anh như ngọc như ngà,
Anh còn tình phụ nữa là thân tôi.
Vợ anh như thể đĩa xôi,
Anh còn phụ bạc nữa tôi cơm đùm.

*

Thiếp về lựa chuối thiếp mua,
Lựa hương thiếp thắp, lựa chùa thiếp tu.

*

Một năm chia mười hai kỳ,
Thiếp ngồi thiếp tính làm gì chả ra.
Tháng giêng ăn Tết ở nhà,
Tháng hai rồi rãi quay ra nuôi tằm,
Tháng ba đi bán vải thâm;
Tháng tư đi gặt, tháng năm trở về.
Tháng sáu em đi buôn bè;
Tháng bảy tháng tám trở về đong ngô.

Chín mươi cắt rạ đồng mùa,
Một chạp vớ được anh đồ dài lưng.
Anh ăn, rồi anh lại nằm,
Làm cho thiếp phải quanh năm lo phiền.
Chẳng thà lấy chú lực điền,
Gạo bồ thóc đồng còn phiền nỗi chi!

*

Chị em ơi! Người ta trông thấy mặt chồng thì mừng,
Sao tôi trông thấy mặt chồng thì lại như gừng như vôi,
Chị em ơi! Lấy chồng trước chẳng sánh đôi,
Từ ngày tôi lấy phải nó, tôi chẳng nguôi trong lòng.
Ba bốn lần, tôi trả của chẳng xong!

*

Gà tơ xào với mướp già,
Vợ hai mươi một chồng đà sáu mươi.
Ra đường chị giễu, em cười,
Rằng hai ông cháu kết đôi vợ chồng.

Đêm năm, tưởng cái gối bông,
Giật mình gối phải râu chồng nằm bên,
Sụt sùi tủi phận hờn duyên,
Oán cha, trách mẹ tham tiền bán con.

*

Trời mưa nước chảy qua sân,
Lấy ông lão móm qua lần thì thôi,
Bao giờ ông lão châu trời,
Thì em lại kiếm một người trai tơ...

*

Mệnh mông góc bể bên trời,
Những người thiên hạ, nào người tri âm!
Buồn riêng thôi lại tủi thầm,
Một duyên hai nợ ba bốn lần lấy nhau.

*

Con nhạn xanh chắp cánh bay chuyền.
Chồng em lấy bấy như Cao Biền dậy non.

Sớm có chồng, sao em muộn có con?

Hầm duyên, xấu số, em còn đứng không

Khốn nạn thay, em ăn ở với chồng?

*

Cờ bạc nó đã khinh anh,

Áo quần bán hết một manh chẳng còn.

Gió đông nam, chui vào đóng rạ,

Hở mông ra cho quạ nó lôi.

Anh còn cờ bạc nữa thôi?

*

Làm trai phải biết đủ nghề,

Hòng khi có lỡ còn về mót khoai.

Mót được củ chạc, củ chài,

Củ giắt lưng khố, củ nhai vào mồm.

*

Trách duyên, lại giận trăng già,

Xe tơ lằm lổ, hóa ra chỉ mảnh.

Biết ai than thở sự tình?

Chẳng qua mình lại biết mình mà thôi!

Lấy chồng gặp phải kẻ tồi,

Cho nên lòng những bồi hồi đắng cay.

Cả ngày chỉ rượu sưa say,

Khi nay thuốc phiện, khi nay tài bàn.

Nói ra mang tiếng phũ phàng,

Nín đi thì nào can tràng xiết bao!

Cũng thì phận gái má đào,

Người thì gặp được anh hào đảm đang;

Mình thì cũng dự phần hương,

Gặp nơi lêu lổng, chẳng thương chút nào.

*

Chàng bạc, chớ thiếp không bạc,

Bởi con dao vàng sút ngạc,

Nên đèn hạnh lưu ly...

Thiếp chờ chàng ba bốn năm ni,

Chờ không thấy hạn, thiếp phải đi lấy chồng.

*

Đêm đông trường, nghe con vượn cầm canh,
Nghe chim khuyển tổ, nghe anh khuyển nàng.

Giàu giữa làng trái duyên khôn ép,
Khó nước người phải kiếm tìm đi.

Tiền trăm bạc chục kể chi!

*

Chiếu hoa mà trái sập vàng,
Điều Ngô xe trúc, sao chàng chẳng say?
Những nơi chiếu cói, vông đay,
Điều sành, xe gậy chàng say la đà.

*

Ví dù tình bận muốn thôi,
Bận gieo tiếng dữ cho rồi bận ra.
Bận ra cho khỏi tay qua,
Cái xương bận nát, cái da bận mòn.

b) Cảnh lấy chồng nghèo

Chồng cheo thì vợ chẳng cheo,
Hai đấng đã nghèo lại đụng lấy nhau.

*

Những ngày tôi ở cùng cha,
Cái nón chín rưỡi, thao ba mươi đồng.

Đến khi tôi về cùng chồng,
Cái nón sáu đồng mà buộc quai mo.

*

Chửa chồng, nón thúng quai thao,
Chồng rồi, nón rách quai nào thì quai.

Chửa chồng, yếm thắm đeo hoa,
Chồng rồi, hai vú bỏ ra tà giành.

*

Anh đi em ở lại nhà,
Hai vai gánh vác mẹ già con thơ.
Lầm than bao quản nắng mưa,

Anh đi anh liệu chen đua với đời.

*

Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân,

Nay anh học gần, mai anh học xa.

Tiền gạo thì của mẹ cha,

Cái nghiên cái bút thực là của em.

*

Chàng về, thiếp một theo mây,

Con thơ để lại chốn này ai nuôi?

*

Bác mẹ già phơ phơ đầu bạc,

Con chàng còn trứng nước thơ ngây.

Có hay chàng ở đâu đây,

Thiếp xin mượn cánh chắp bay theo chàng!

*

Một ngày ba bận trèo đèo,

Vì ai vú xéch lưng eo, hỡi chàng!

*

Trắng da vì bởi phấn giồi,
Đen da vì bởi đứng ngòai chợ trưa.

*

Vì chàng thiệp phải mò cua,
Nhưg như thân thiệp thì mua mấy đồng.

Vì chàng thiệp phải long đong,
Nhưg như thân thiệp cũng xong một bề.

*

Tai em nghe anh đau đầu chưa khá,
Em băng đồng chỉ sá đi bẻ nạm lá nọ về xông.
Ở làm sao đây cho trọn nghĩa vợ chồng,
Đổ mồ hôi ra em chặm, ngọn gió lồng em che.

*

Anh về hái đậu trầy cà,
Để em đi chợ kéo mà lờ phiên.
Chợ lờ phiên tổn công thiệt của,

Miệng tiếng người cười rửa sao nên!

Lấy chồng phải gánh giang sơn,

Chợ phiên còn lỗ, giang sơn còn gì!

c) Cảnh lấy phải vợ không ra gì

Già kén, kẹn hom.

*

Giận chồng, vật con.

*

Rối rá cạp lại.

*

Xấu chàng, hổ ai.

*

Ông ghê, bà cũng gớm.

*

Một là vợ, hai là nợ.

*

Chồng yêu, xỏ chân lỗ mũi.

*

Trai có vợ như rợ buộc chân.

*

Đi chợ ăn quà, về nhà đánh con.

*

Đồng bắc thì qua, đồng quà thì nhớ.

*

Gái chồng rầy, phi chứng nọ thì tậ kia.

*

Anh khôn nhưng vợ anh đần,

Lấy ai lo liệu xa gần cho anh?

*

Còn duyên buôn cây bán hồng,

Hết duyên buôn mít cho chồng nhạt xơ.

*

Con hư bởi tại cha dong,

Vợ hư bởi tại thằng chồng cả nghe.

*

Bóng trăng khi khuyết khi tròn,
Của đời chơi mãi có mòn được đâu!

*

Nửa trôi sông chả đập cũng gãy,
Gái chê chồng chẳng chứng nọ cũng tật kia.

*

Đàn bà yếu chân mềm tay,
Làm ăn chẳng được, lại hay nỏ mồm.

*

Chính chuyên anh cũng được nhờ,
Lẳng lơ nào biết côi bờ là đâu.

*

Đi đâu mà chẳng thấy về,
Hay là ăn cận ngồi kề với ai?

*

Chính chuyên chết cũng ra ma,

Lẳng lơ chết cũng chôn ra ngoài đồng.

*

Chỉ đâu mà buột ngang trời,
Thuốc đâu mà chữa cho người lẳng lơ.

*

Chính chuyên lấy được chín chồng,
Ba chồng thành Lạng, ba chồng thành Cao.

Ba chồng để ngọn sông Đào,
Trở về đóng cửa làm cao chưa chồng.

*

Có chồng càng dễ chơi ngang,
Đẻ ra con thiếp, con chàng, con ai?

*

Hai tay cầm hai quả hồng,
Quả chát phần chồng, quả ngọt phần trai.

*

Lấy chồng ăn những của chồng,

Ăn hết con mắt, khoét lòng con người.

*

Có chồng thì mặc có chồng,
Còn đi chơi trộm, kiếm đồng mua rau.

*

Lẳng lơ chả một mình tôi,
Thanh Lâm, Đồng Sớm, cũng đôi ba người.

Nói ra sợ chị em cười,
Lấy chồng tháng chín, tháng mười có con.

*

Cô kia má tựa hòn than,
Năm đầu ngủ đấy, lại toan chê chồng.
Chê chồng chẳng bỏ chồng chê,
Chê chồng thì ít, chồng chê thì nhiều.

*

Gái đâu có gái lạ lòng,
Chồng chẳng nằm cùng, nổi giận đùng đùng, ném chó xuống ao.

Đến đêm chồng lại lần vào,
Vội vàng vác sọt đi trao chó về.

*

Chê chồng, rồi lại chồng chê,
Tôi ăn cho béo, tôi về nhà tôi.

*

Thứ nhất vợ đại trong nhà,
Thứ nhì trâu chậm, thứ ba rửa cùn.

- Vợ đại thì đẻ con khôn,
Trâu chậm lắm thịt, rửa cùn chịu bằm.

*

Chi cha sao nắng bể đầu,
Anh về làm rế ngô hầu an thân.
Bùn lê từ chóp đến chân,
Em ngồi vắt vẻo ngoài sân ăn quà.
Cực lòng anh lắm, chi cha,
Vợ không phải vợ, chồng ra chi chồng!

*

Chữ trình đáng giá nghìn vàng,
Từ anh chồng cũ đến chàng là năm.
Còn như yêu vụng dẫu thâm,
Hợp chợ trên bụng hàng trăm con người.

*

Con rắn không chân nó lượn năm rùng bảy rú,
Con gà không vú nuôi được chín mười con.
Qua tưởng em má phấn môi son,
Ai ngờ má mỏng, môi mòn, hỡi em!

d) Về nghĩa vợ chồng và tình yêu của phụ nữ đối với chồng

Của chồng, công vợ.

*

Đạo vợ, nghĩa chồng.

*

Trong ấm, ngoài êm.

*

Trai anh hùng, gái thuyền duyên.

*

Chồng như đó, vợ như hom.

*

Giàu về bạn, sang về vợ.

*

Thuyền theo lái, gái theo chồng.

*

Gái có công, chồng chẳng phụ.

*

Chồng tới vợ lui, chồng hòa vợ thuận.

*

Ấm con chồng hơn bông cháu ngoại.

*

Thuận vợ thuận chồng,

Tát bể Đông cũng cạn.

*

Chồng khôn thì nổi cơ đồ,
Chồng dại luống tốn công phu nhọc nhằn.

*

Chồng khôn vợ được đi hài,
Vợ khôn chồng được nhiều bài cạy trông.

*

Nước còn quuyến cát làm doi,
Huống chi ta chẳng tài bồi lẫn nhau.

*

Vợ chồng như đôi cu cu,
Chồng thì đi trước, vợ gật gù theo sau.
Khuyên chàng đọc sách ngâm thơ,
Dầu hao thiệp sót, đèn mờ thiệp khêu.

*

Sông Ngân há dễ bắc cầu,
Trai thương vợ cũ, gái sầu chồng xưa.

*

Mẹ cha bú mớm nâng niu,
Tội trời đành chịu, không yêu bằng chồng.

*

Qua đồng ghé nón thăm đồng,
Đồng bao nhiêu lúa thương chồng bấy nhiêu.

*

Gái thương chồng, đương đông buổi chợ,
Trai thương vợ, nắng quai chiều hôm.

*

Hạt lúa vàng, hạt thóc cũng vàng,
Anh yêu em, bác mẹ, họ hàng cũng yêu.

*

Đêm qua ngỏ cửa chờ chồng,
Đêm nay ngỏ cửa gió đông lọt vào.

*

Đó có đủ đôi ăn rồi lại ngủ,
Đây có một mình thức đủ năm canh.

*

Chim quyên ăn trái nhãn lồng,
Lia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.

*

Thương ai bằng nỗi thương con,
Nhớ ai bằng nỗi gái son nhớ chồng.

*

Không thiêng cũng thể bụt nhà,
Dầu khôn dầu dại cũng là chồng em.

*

Anh về chẻ nửa đàn sàng,
Chẻ tre đàn chõng cho nàng ru con.

*

Màn hoa lại trải chiếu hoa,
Bát ngọc lại phải đĩa ngà, mâm son.

*

Lấy chồng từ thuở mười lăm,
Chồng chê tôi bé chẳng năm cùng tôi.

Đến năm mười tám đôi mươi,
Tôi nằm dưới đất, chồng lôi lên giường!

Một răng thương, hai răng thương,
Có bốn chân giường gãy một còn ba!

Ai về nhả nhủ mẹ cha,
Chồng tôi nay đã giao hòa cùng tôi.

*

Em lấy anh từ thuở mười ba,
Đến năm mười tám em đà năm con.
Ra đường người tưởng còn son,
Về nhà thiệp đã năm con cùng chàng.

*

Thuyền tình trở lái về đông,
Em đi theo chồng để mẹ cho ai?

- Mẹ già đã có em trai,
Phận em là gái dám sai chữ tòng.

*

Có chồng, bớt áo thay vai,
Bớt màu trang điểm, kéo trai nó lằm.

*

Thương chồng nấu cháo le le.
Nấu canh bông bí, nấu chè hạt sen.

*

Thương nhau bất luận giàu nghèo,
Dù cho lên ải xuống đèo cũng cam.

*

Theo nhau cho trọn đạo đời,
Dẫu mà không chịu, trái tơ mà nằm.

*

Đôi ta lắm tấm hoa nhài,
Chồng đây vợ đấy kém ai trên đời.

Muốn cho gần chợ ta chơi.
Gần sông tắm mát, gần nơi đi về.

*

Thiếp nhớ chàng tấm phen hư, nuộc lạt đứt,
Chàng nhớ thiếp khi đắng nước lúc ghen cơm.

Ba trăng là mấy mươi hôm?
Mai nam vắng trước, chiều nồm quạnh sau.

*

Con sóc mày trèo cành nho,
Anh kia không vợ hay mò đi đêm.

*

Dốc bồ thương kẻ ăn đong,
Vắng chồng, thương kẻ nằm không một mình.

*

Cơm trắng ăn với chả chim,
Chồng đẹp vợ đẹp, những nhìn mà no.

Cơm hẩm ăn với cà kho,
Chống xấu vợ xấu, những lo mà gầy.

*

Trời mưa thì mặc trời mưa,

Chồng tôi đi bừa đã có áo tơi.

Chồng tôi đi chơi đã có nón đội,

Chồng tôi đi lội đã có dù che.

*

Chồng yêu cái tóc nên dài,

Cái duyên nên đẹp, cái tài nên khôn.

*

Đốt than nướng cá cho vàng,

Lấy tiền mua rượu cho chàng uống chơi.

*

Chồng chài, vợ lưới, con câu,

Sông Ngô, bể Sở, biết đâu là nhà!

*

Chồng ta áo rách ta thương,

Chồng người áo gấm, xông hương mặc người.

*

Lấy chồng cận núi kề sông,

Nước không lo cạn, củi không lo tìm.

*

Râu tôm nấu với ruột bầu,
Chồng chan, vợ húp, gật đầu khen ngon.

*

Ai kêu, ai hú bên sông!
Tôi đang sắm sửa cho chồng xuống ghe,
Chồng xuống ghe, quạt che tay ngoắt,
Cất mái chèo, ruột thắt từng cơn...

*

Ai kêu xeo xéo bên sông,
Tôi còn vá áo cho chồng tôi đây!

*

Đêm khuya lặng gió thanh trời,
Khuyên chàng bớt ngủ nghe lời em than.

*

Đêm nằm nghĩ lại mà coi,

Lấy chồng hay chữ như soi gương vàng.

*

Đi đâu cho thiệp đi cùng,

Đói no thiệp chịu, lạnh lùng thiệp cam.

*

Tay mang khăn gói sang sông,

Mỗi hơi ướm đắm thương chồng phải theo [\[158\]](#).

*

Anh đi ba tháng thì về,

Rừng thiêng nước độc, chớ hề ở lâu.

*

Thương chồng nên phải lắm than,

Xưa nay ai bắt việc quan đàn bà.

*

Chợ Bến Thành đời đổi,

Người sao khỏi hợp tan.

Xa gần giữ nghĩa tao khang,

Chớ ham nơi quyền quý mà đá vàng xa nhau.

*

Non non nước nước khơi chừng,

Ái ân đôi chữ, xin đừng có quên.

Tình sâu mong trả nghĩa đền,

Đừng vui chốn khác mà quên chốn này.

Nước vơi rồi nước lại đầy,

Tình kia chưa trả, nghĩa này chớ quên.

*

Đã lòng đùm bọc vì yêu,

Thời anh đắp điểm trăm điều đại khôn.

*

Ở cho chung thủy vẹn toàn,

Lên non lên dãi, xuống thuyền xuống theo.

*

Mù u ba lá mù u [\[159\]](#)

Vợ chồng cãi lộn, con cu giải hòa.

*

Đốn cây ai nữ dứt chồi,
Đạo chồng nghĩa vợ, giận rồi lại thương.

*

Đôi ta là nghĩa tao khang,
Xuống khe bắt ốc lên ngàn hái rau.

*

Vì chuôm cho cá bén đặng,
Vì chàng thiệp phải đi trăng về mò.

*

Vợ chồng là nghĩa già đời,
Ai ơi, chớ nghĩ những lời thiệt hơn.

*

Giấn vốn em chỉ có ba đồng,
Nửa để nuôi chồng, nửa để nuôi tôi.

Còn thừa mua cái bình vôi,
Mua xanh, mua chảo, mua nồi nấu ăn.

Còn thừa mua nhiều quần khăn,
Mua dăm vuông vóc, may chần cho chồng.

Còn thừa mua chiếc thuyền rồng,
Đem ra cửa bể cho chồng thả chơi.

Còn thừa mua khám thờ trời,
Mua tranh sơn thủy treo chơi đầu thuyền.

*

Nhà anh chỉ có một gian,
Nửa thì làm bếp nửa toan làm buồng.
Anh cậy em coi sóc trăm đường,
Để anh mua bán trẩy trương thông hành.
Còn chút mẹ già nuôi lấy cho anh.
Để anh buôn bán thông hành đường xa.

Liệu mà thờ kính mẹ già.
Đừng tiếng nặng nhẹ, người ta chê cười.

Dù no dù đói cho tươi,
Khoan ăn bớt ngủ, liệu bài lo toan.

Cho anh đành dạ bán buôn...

*

Sinh con mới ra thân người,
Làm ăn thịnh vượng đời đời ấm no.

*

Anh đi làm thợ nơi nao,
Để em gánh đục gánh bào đi theo.

*

Chàng ơi đưa gói thiệp mang,
Đưa gươm thiệp vắc, cho chàng đi không.

*

Có chồng thì phải theo chồng,
Chồng đi hang rắn, hang rồng cũng theo.

*

Vì chồng nên phải gắng công,
Nào ai xương sắt, da đồng chi đây.

*

Đưa nhau giọt lệ không ngừng,
Ngó sông, sông rộng, ngó rừng, rừng cao.

*

Ai làm cho cái tôi ngồng,
Cho đưa tôi khú, cho chồng tôi chê.

- Chồng chê thì mặc chồng chê.

Đưa khú nấu với cá trê ngọt lừ.

*

Mẹ trông con qua cầu Ái Tử,
Vợ trông chồng đứng núi Vọng Phu.

Một mai bóng xế, trăng lu,
Con ve kêu mùa hạ, biết mấy thu cho gặp chàng!

*

Cái bống là cái bống bình,
Thối cơm nấu nước một mình mồ hôi.
Rạng ngày có khách đến chơi,
Cơm ăn rượu uống cho vui lòng chồng.

Rạng ngày ăn uống vừa xong,
Tay nhắc mâm đồng, tay trái chiếu hoa.

Nhịn miệng đãi khách đàng xa,
Ấy là của gửi chồng ta ăn đường.

*

Đèn trời thắp sáng bốn phương,
Đèn tôi sáng tỏ đầu giường nhà tôi.

e) Những câu ca dao có tính chất trào lộng về chuyện vợ chồng

Ca dao có những bài cười cợt, chế giễu nhiều việc ở đời bằng cách cường điệu hóa. Trong thời phong kiến đã có những kẻ ban ngày lẫn tròng hạt, ban đêm đi ăn cướp, lại có những kẻ giả đi quyên giáo để thừa lúc chủ nhà đi vắng thì ăn trộm. Tình trạng suy đốn ấy trong thời phong kiến ở nước ta giống tình trạng bọn đội lốt thầy tu ở nước Anh thời trung cổ mà thi sĩ Anh Chaucer (thế kỷ XIV) đã nói đến trong văn học nước Anh. Những câu ca dao chế giễu bọn sư hồ mang, bọn thầy bói, thầy địa lý, chứng tỏ tính chất trào lộng tế nhị và tính chất phê phán sâu sắc của ca dao. Tế nhị và sâu sắc hơn nữa là những câu ca dao cười cợt, chế giễu những cảnh éo le về tình duyên, nhưng dưới chế độ phong kiến, trên đường tình họ thường gặp nhiều điều trắc trở, éo le, nhiều điều đáng tức cười về tình duyên, về vợ chồng, nên họ đã biểu hiện nhiều nhận xét, nhiều ý nghĩ khá chua chát trong ca dao.

*

Chồng hen lại lấy vợ hen

Đêm nằm cò cử như kèn thổi đôi.

*

Đương cơn lửa tắt cơn sôi,

Lợn kêu, con khóc, chồng đòi tòm tem.

*

Chồng còng lấy vợ cũng còng,

Năm phản thì chặt, năm nông thì vừa.

*

Giận chồng mà chẳng bế con.

Cha mày làm mất cái giòn mẹ đi.

*

Rượu chè cờ bạc lu bù,

Hết tiền, đã có mẹ cu bán hàng.

*

Làm trai đã đáng nên trai,

Ăn cơm với vợ, lại nài vét niêu,

Con vợ nó cũng biết điều,
Thắt lưng con còn cạy niêu với chồng.

*

Làm trai cho đáng nên trai
Vót đũa cho dài, ăn vụng cơm con.

*

Bóng trăng khi khuyết khi tròn,
Của đời chơi mãi có mòn được đâu

*

Lẳng lơ cũng chẳng có mòn,
Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ.

*

Lẳng lơ chết cũng ra ma,
Chính chuyên chết cũng khiêng ra ngoài đồng.

*

Lẳng lơ đeo nhẫn cho chừa,
Nhẫn thì rơi mất, lẳng lơ vẫn còn.

*

Lấy chồng chẳng biết mặt chồng,
Đêm nằm tơ tưởng nghĩ ông láng giềng.

*

Lấy anh, anh sắm sửa cho;
Cái bị, cái bát, cái quạt mo đuổi ruồi.

*

Trời ơi có thấu tình chăng,
Lấy chồng mà phải nhuộm răng cho chồng.

*

Ngồi buồn vuốt bụng thở dài,
Nhớ chồng thì ít, nhớ trai thì nhiều.

*

Áo người mặc đoạn, cởi ra,
Chồng người ắp mợ, canh ba lại hoàn.

*

Ao sâu thì lắm ốc nhồi,

Chồng mình lịch sự nửa người nửa ta.

Ghen lắm thì đứt ruột ra,

Chồng mình thì tới tay ta phen này.

*

Ta rằng ta chẳng có ghen,

Chồng ta ta giữ, ta nghiện, ta nghiện, ta chơi.

*

Làm thân con gái phải lo,

Mùa đông rét mướt ai cho mượn chồng.

*

Cơm ăn mỗi bữa nời năm,

Ăn đói ăn khát mà cầm lấy hơi.

Cơm ăn mỗi bữa nời mười,

Ăn đói ăn khát mà nuôi lấy chồng.

*

Chồng em vừa xấu vừa đen,

Vừa kém nhan sắc, vừa hèn chân đi.

Chồng em rỗ sứt rỗ sì,
Chân đi chữ bát, mắt thì ngưỡng thiên.
Bao giờ vào đám tháng giêng,
Bắt chồng em đến khênh chiêng cho làng.

*

Lỗ mũi em mười tám gánh lông,
Chồng yêu chồng bảo: “Râu rồng trời cho”.
Đêm nằm thì ngáy o o...
Chồng yêu chồng bảo: “Ngáy cho vui nhà”.

Đi chợ thì hay ăn quà,
Chồng yêu chồng bảo: “Về nhà đỡ cơm”.
Trên đầu những rác cùng rơm,
Chồng yêu chồng bảo: “Hoa thơm rắc đầu”.

*

Sáng ngày ra đứng cửa Đông.
Xem một quẻ bói lộn chồng được chăng?
Ông thầy gieo quẻ nói rằng:

Lộn thì lộn được nhưng năng phải đòn!

Mồ cha đứa có sợ đòn,

Miễn là lấy được chồng giòn thì thôi.

*

Rập rình nước chảy qua đèo,

Bà già tập tễnh mua heo cưới chồng.

*

Bà già ra chợ cầu Đông,

Xem một quẻ bói lấy chồng lợi chăng?

Thầy bói gieo quẻ nói rằng:

Lợi thì có lợi nhưng răng không còn.

*

Anh nghĩ rằng em có chồng rồi,

Sao em chưa có đứng ngồi yên vi?

Ói thầy mẹ ơi! Cấm đoán em chi,

Mười lăm, mười tám sao chưa cho đi lấy chồng?

Ói ông trời ơi, sao ông ở không công!

Duyên em đã lỗi, em trách ông Tư Hồng sao ông khéo trêu người.

Cứ đêm đêm tôi nằm, tôi vuốt bụng, tôi gọi trời,

Xin ông thí bỏ cho tôi chút chồng.

Tôi về làm lễ tế ông,

Mổ con bò béo, ông cho tôi lấy anh chồng cho nó to.

Bổ công tôi đi mượn chú lái đi mổ bò...

*

Cái cò là cái cò Kỳ,

Ăn cơm nhà dì, uống nước nhà cô.

Đêm nằm thì ngáy o o,

Chửa đi đến chợ đã lo ăn quà.

Hàng bánh hàng bún bày ra,

Củ từ khoai nước lẫn hàng cháo kê.

Ăn rồi cặp đít ra về,

Thấy hàng chả cá lại lê trôn vào.

- Chả này bà bán làm sao?

Ba đồng một gấp thì nào tôi mua.

Nói dối là mua cho chồng,
Về đến quăng đồng ngả nón ra ăn.
Ăn rồi đau quặn đau quặn,
Đem tiền đi bói ông thầy,
Bói ra quẻ này,
Những chả cùng nem...
- Ông thầy nói dối đã quen,
Nào tôi ăn chả, ăn nem bao giờ!

*

Cái bóng công chồng đi chơi,
Đi đến chỗ lội đánh rơi mất chồng.
Chú lái ơi! Cho tôi mượn cỗ gàu sòng,
Để tôi tát nước, mức chồng tôi lên.

CHẾ ĐỘ ĐA THÊ VÀ CẢNH GÓA BỤA

Dưới chế độ phong kiến, cái cảnh khổ nhất của người phụ nữ là cảnh lẻ mọn. Hồ Xuân Hương đã nói đến tình cảnh ấy trong thơ của bà, nhưng ở ca dao và dân ca, sự phản uất về “kiếp chồng chung” còn kết hợp với đấu tranh giai cấp, nên mức độ căm hờn của người phụ nữ nông thôn còn sâu sắc hơn nhiều:

Lấy chồng làm lẽ khổ thay!

Đi cấy đi cày, chị chẳng kể công.

Đến tối chị giữ lấy chồng,

Chị cho manh chiếu nằm không nhà ngoài.

Đến sáng chị gọi: Bớ Hai!

Trở dậy nấu cám, thái khoai, băm bèo.

Bởi chưng bác mẹ tôi nghèo,

Cho nên tôi phải băm bèo thái khoai...

Những lời ca phản ánh tình cảnh đầy phần uất trên này đã tố cáo sự ghen tuông, hành hạ của mẹ vợ cả và sự bóc lột lao động, mà lý do chính là người nông dân đã bị chế độ phong kiến bán rẫy hóa. Tâm sự của một phụ nữ làm lẽ trong một gia đình thuộc giai cấp bóc lột ở nông thôn đã biểu lộ một cách thẳng thắn, chất phác và cặn kẽ.

Ở một bài ca dao khác, chúng ta đọc thấy những câu:

...Tối tối chị giữ mất chồng,

Chị cho manh chiếu nằm sông chuồng bò.

Mong chồng, chồng chẳng xuống cho,

Đến khi chồng xuống, gà đã o o gáy đồn.

Cha mẹ con gà kia! Sao mà vội gáy đồn?

Mày làm tao mất vía kinh hồn về nỗi chồng con!

Chế độ phong kiến đã bóp nghẹt tư tưởng nhân dân lao động, nên phần đông họ chỉ hờn duyên, tủi phận, oán giận âm thầm. Ở đây, người thôn nữ căm thù sâu sắc mọi vợ cả, nhưng không có cách gì chống đối ngoài những lời thở than; chính người chồng chị dù thương yêu chị cũng đành bó tay chàng Thúc, vì bản thân anh ta đã mang tội “đa mang” với vợ cả rồi. Nếu có một số phụ nữ làm lẽ muốn thoát khỏi vòng áp bức bóc lột thì họ lại bị những tục lệ, pháp luật phong kiến trói buộc, nên họ đã phản nản:

“...Ba bốn lần, tôi trả của chẳng xong...”

Cảnh chồng chung cực khổ, nhưng đã có lệ luật phong kiến bảo vệ chế độ đa thê, làm cho người phụ nữ đã mắc vào tròng thì khó mà ra được, nên có những người phụ nữ dù đối rét cũng không chịu đi lấy lẽ:

Đói lòng ăn năm lá sung,

Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng.

Một thuyền một lái chẳng xong,

Một chĩnh đôi gáo, còn nong tay vào.

Hoặc trốn đi khi đã làm lẽ, hoặc chịu đói rét không lấy chồng chung, đó toàn là thái độ tiêu cực của người phụ nữ thời xưa. Trong cái cách ruộng đất, một khi tư tưởng người nông dân được phát động, chúng ta đã thấy những người lấy lẽ địa chủ vạch mặt, chỉ tên kẻ thù, tố khổ rất thấm thía, cảm động. Cho nên chỉ khi Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nông dân triệt để đấu tranh tiêu diệt giai cấp địa chủ, thực hiện dân chủ ở nông thôn,

nông dân mới nhận thấy mình bị bóc lột tàn nhẫn và mới phân biệt được rõ bạn, thù.

Trong cảnh lẻ mọn, phụ nữ Việt Nam thời phong kiến rất khổ cực; trong cảnh góa bụa thời xưa, phụ nữ Việt Nam cũng không kém phần đau khổ. Ở nhiều gia đình ở nông thôn, người ta đã từng thấy người đàn bà góa còn xuân xanh phải đóng vai một kẻ hầu hạ mẹ chồng và kiêm cả vai lao động chính trong gia đình nữa, còn về riêng mình thì phần hưởng thụ rất là ít ỏi. Đạo tam tòng đã trói buộc người phụ nữ Việt Nam phải theo con sau khi chồng chết, nên tất cả hy vọng, tất cả cuộc đời họ đều đặt vào những đứa con nhỏ họ đang nuôi dưỡng.

Tuy đạo tam tòng rất khắt khe đối với phụ nữ trong chế độ phong kiến, nhưng không phải người đàn bà góa nào cũng cam phận ở vậy. Trong thâm tâm, người phụ nữ Việt Nam đã hiểu rằng ở những trường hợp chồng chết mà không con, quan hệ chủ yếu của mình với gia đình nhà chồng như thế là cắt đứt, nhưng lễ giáo phong kiến lại quy định: chồng chết, người vợ phải chịu tang ba năm; còn nếu vợ chết, người chồng chỉ phải để tang một năm, hay nếu cần thiết, có thể lấy ngay vợ khác cũng được. Đối với sự bất công ấy của chế độ phong kiến, người phụ nữ Việt Nam đã cực lực phản đối, vì “mỗi năm một tuổi, như đuổi xuân đi”, nên người đàn bà góa vừa thương thân mình, vừa oán trách chế độ tàn ác:

Lênh dênh chiếc bách giữa dòng,

Thương thân góa bụa phòng không lỡ thì.

Gió đưa cây trúc ngã quỳ

Ba năm trực tiết, còn gì là xuân!

Nhưng cũng có phụ nữ trốn chế độ phong kiến bằng hành động, dù có sáu con mà ở góa trong một gia đình nhà chồng ác nghiệt, cũng quyết tâm tái giá:

Hồi thằng cu bé! Hồi thằng cu lớn!

Cu tí, cu ti, cu tĩ, cu tì ời!

Con dậy, con ăn, con ở với bà,

Để mẹ đi kiếm một vài em thêm.

Bố con chết đi, trong bụng mẹ đây nó hãy còn thềm,

Mày xem quẻ bói, vẫn còn đàn em trong bụng này.

Con ra gọi chú vào đây!

Để mẹ giao trả cái cơ nghiệp này, mẹ đi...

Tiếng nói trên đây là tiếng nói của một kẻ chế giễu người phụ nữ góa bụa đã có sáu mặt con còn đi tái giá. Nhưng, chúng ta có thể đặt câu hỏi: tác giả có phải ở trong quần chúng nhân dân không? Theo ý chúng tôi, tác giả vẫn có thể là ở trong quần chúng nhân dân, vì trước khi có giai cấp vô sản, trước khi có cuộc Cách mạng tháng Mười, không một tác phẩm văn học nào có thể biểu hiện một quan điểm giai cấp thuần túy. Dù sao, những câu ca dao trên này cũng chứng tỏ rằng đã có những phụ nữ tuy có nhiều con nhưng cũng không kể lễ giáo phong kiến và vẫn tái giá. Như vậy, hành động của người phụ nữ là một hành động chống đối quyết liệt chế độ phong kiến thống trị. Lời trên đây là lời một kẻ bảo thủ giả vờ nói thay người đàn bà góa, với gia đình nhà chồng: đó là việc phải giải quyết cho xong cái cơ

nghiệp nhà chồng do chị tạm thời quản lý để nuôi đàn con nhỏ. Trong hoàn cảnh xã hội phong kiến, khi muốn thoát khỏi vòng giam cầm của lễ giáo, hủ bại, người đàn bà góa chỉ có cách giao trả lại hết tài sản của chồng cho người em chồng, như kẻ muốn giều phụ nữ đã nói trong bài ca dao.

Chúng ta thấy những “nền nếp” phong kiến là giai cấp thống trị đương thời tô bằng những nét vàng son, người phụ nữ Việt Nam thời xưa cũng biết là giả dối, là ích kỷ, vì nó đã cho phép nam giới được tự do hoàn toàn trong việc lấy vợ, tha hồ lấy năm, lấy bảy.

Bởi vậy, chúng ta không lấy làm lạ khi thấy trong thời phong kiến, về hôn nhân, về quan hệ gia đình, về những cảnh lễ mọn và góa bụa, phụ nữ Việt Nam đã lên tiếng chống đối chế độ phong kiến nhiều nhất trong ca dao. Trong gia đình, phụ nữ nước ta thời xưa đã ở vào một địa vị thấp kém như thế, nên trong xã hội họ cũng là những người bị đàn áp bóc lột nặng nề. Trong quan hệ xã hội, trong quan hệ giữa nông dân và địa chủ, tiếng nói của phụ nữ cũng vẫn là những tiếng chống đối kịch liệt, đanh thép, cảm động và thấm thía hơn cả.

Tuy nhiên do hạn chế lịch sử, những sáng tác của nhân dân thời xưa vẫn còn đề cao những cái lạc hậu về hôn nhân và gia đình. Tục ngữ ca dao của ta có cả hai mặt: tiến bộ và lạc hậu; nó đã biểu hiện rất trung thực tư tưởng và tình cảm của nông dân Việt Nam trong thời giai cấp công nhân chưa ra đời. Cũng như mục trên, chúng tôi trích tuyển những câu tiến bộ và cả một số câu lạc hậu phản ánh thực tế của xã hội phong kiến thối nát. Như vậy, để chúng ta thấy rằng chế độ ta là chế độ ưu việt, một chế độ mà nữ giới được thực sự bình đẳng với nam giới.

a) Chế độ đa thê

Sông bao nhiêu nước cũng vừa,
Trai bao nhiêu vợ, cũng chưa bằng lòng.

*

Trai làm nên năm thê bảy thiếp,
Gái làm nên thủ tiết chờ chồng.

*

Rộng đồng thì gió thổi luôn,
Khi vui con chị, khi buồn con em.

*

Mới yêu thì cũ cũng yêu,
Mới có mỹ miều, cũ có công lành.

*

Có bát sứ, tình phụ bát đàn,
Nâng niu bát sứ, vỡ tan có ngày.

*

Nhà rường mà lợp tranh mây,
Thân anh hai vợ như dây buộc mình.

*

Một bồn hai kiểng còn xanh,
Một chàng hai thiệp phải xanh nhiều bề.

*

Ba vợ bảy nàng hầu,
Đêm năm chuồng trâu, gối đầu bằng chổi.

*

Áo dài chẳng nệ quần thưa,
Bảy mươi có của cũng vừa mười lăm^[160].

*

Già thì bế cháu ẵm con,
Già đâu lại muốn cau non trái mùa.

*

Lấy chồng làm lẽ khổ thay,
Đi cấy đi cày chị chẳng kể công.
Đến tối chị giữ lấy chồng,
Chị cho manh chiếu nằm không nhà ngoài.

Đến sáng chị gọi: Bớ Hai!

Trở dậy, nấu cám, thái khoai, băm bèo.

Vì chưng bác mẹ tôi nghèo,

Cho nên tôi phải băm bèo, thái khoai.

*

Thân em làm lẽ chẳng hề,

Có như chính thất mà lê giữa giường.

Tối tối chị giữ mất buồng,

Chị cho manh chiếu nằm sông chuồng bò.

Mong chồng, chồng chẳng xuống cho,

Đến khi chồng xuống, gà đã o o gáy dồn.

Chém cha con gà kia, sao mày vội gáy dồn?

Mày làm tao mất vía kinh hồn về nỗi chồng con!

*

Chớ tham ngồi mũi thuyền rồng,

Tuy rằng tốt đẹp, nhưng chồng người ta.

Chớ tham vóc lĩnh trầu hoa,

Lấy chồng làm lẽ người ta giày vò.

*

Đói lòng ăn nắm lá sung,

Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng.

Một thuyền một lái chẳng xong,

Một chĩnh đôi gáo còn nong tay vào.

*

Gió lùa bụi chuối sau hè,

Anh mê vợ bé, bỏ bè con thơ.

Gió đưa bụi trúc ngã quỳ,

Thương cha phải chịu lụy dì, dì ơi!

*

Đã thành gia thất thì thôi,

Đèo bòng cho lắm, tội trời ai mang!

*

Cái cò trắng bạch như vôi,

Có ai lấy lẽ chú tôi thì về!

Chú tôi chẳng đánh chẳng chê,
Thím tôi móc ruột, moi mề, ăn gan.

*

Em thấy anh, em cũng muốn chào,
Sợ rằng chị cả giắt dao trong mình,
Đẩy giắt dao, đây gươm kẻ nách,
Thuận nhân tình, cắt vách sang chơi.

*

Sớm mai đi chợ Gò Vấp,

Mua một xấp vải.

Dem về con hai nó cắt,

Con ba nó may,

Con tư nó đột,

Con năm nó viền,

Con sáu đơm nút,

Con bảy vắt khuy,

Anh mới bước căng ra đi.

Con tám nó nú, con chín nó trì...

Ồi mười ơi! Sao em để vậy, còn gì áo anh!

*

Trên trời có vấy tê tê,

Một ông bảy vợ chẳng chê vợ nào.

Một vợ tát nước bờ ao,

Phải trận mưa rào đứng núp bờ tre.

Một vợ thì đi buôn bè,

Cơ sóng, cơ gió nó đè xuống sông.

Một vợ thì đi buôn bông,

Chẳng may con tấp nó giông lên trời.

Một vợ thì đi buôn vôi,

Khi vôi phải nước nó sôi ầm ầm.

Một vợ thì đi buôn mâm,

Không may mâm thủng lại nằm ăn toi.

Một vợ thì đi buôn nôi,

Không may nôi méo, một nôi hai vung.

Một vợ thì đi buôn hồng,
Không may hồng bẹp, một đồng ba đôi.

Than rằng: “Đất hời, trời ơi!
Trời cho bảy vợ như tôi làm gì?”.

*

Con công tố hộ trên rừng,
Đã có con chị thì đừng con em.
- Lòng yêu vô giá quá chừng,
Con công tố hộ trên rừng mặc công.

b. Cảnh góa bụa

Lênh đênh chiếc bách giữa dòng,
Thương thân góa bụa phòng không lỡ thì.
Gió đưa cây trúc ngã quỳ,
Ba năm trực tiết còn gì là xuân!

*

Giàu thì thịt cá cơm canh,
Khó thì lưng rau đĩa muối, cúng anh tôi đi lấy chồng.

Hỡi anh chồng cũ tôi ơi!

Anh có khôn thiêng thì xin anh trở dậy ăn xôi nghe kèn.

Thôi anh đã về nghiệp ấy, anh đừng ghen,

Để cho người khác cầm quyền thế nhi.

Miệng em khóc, tay em bế ẵm ông thần vì,

Tay em gạt nước mắt, tay em thắp nén nhang,

Bởi vì đâu mà nên nỗi xót xa muôn vàn!

*

Đào liễu em ơi một mình!

Đôi vai gánh chữ chung tình, xa là đường xa

Tắm áo nâu sồng, xếp nếp em đội đầu,

Tắm yếm đào sao em khéo giữ màu,

Răng đen rừng rúc, mái tóc đầu em hãy còn xanh.

Ấy thế mà sao em ở vậy cho đành!

Sao em chẳng kiếm chút chồng lành, kéo thế mả mai.

Sách có chữ rằng “Xuân bất tái lai”.

*

Tay em cầm năm nhang, cây tắt, cây đỏ,

Tay em bứt ngọn cỏ, lá héo, lá khô.

Tay em bông đưa con thơ, vun nắm xoa mồ,

Khổ cam phận khổ, biết khi mô cho chộ^[161] chàng.

*

Ông chết thì thiệt thân ông,

Bà tôi sắm sửa lấy chồng nay mai.

Bà chết thì thiệt thân bà,

Ông tôi sắm sửa lấy ba nàng hầu.

*

Người thác thì đã yên rồi,

Để cho người sống ở đời bơ vơ.

Ba năm nhang khói phụng thờ,

Đầu đội chữ hiếu, tay xơ chữ tình,

Chữ hiếu trung, thiệp tôi gánh một mình,

Chẳng hay chàng có thấu tình thiệp chẳng?

Đường đi khuất nẻo khơi trùng...

*

Thiếp vì chàng mới lênh đèn nơi biển ái,

Chàng vì thiếp, mới lỗi đạo tâm can.

Em đây thủ tiết buông lan,

Dẫu hồn về chín suối, hãy còn mang tượng chồng.

CHA MẸ, CON CÁI VÀ HỌ HÀNG

Cha nào con nấy.

*

Cha sinh mẹ dưỡng.

*

Cha già con cộc.

*

Con khó, có lòng.

*

Con độc, cháu đàn.

*

Con đại, cái mang.

*

Con mống, sống mang.

*

Nhất mẹ, nhì con.

*

Lớn vú, bụ con.

*

Gà trống nuôi con.

*

Mẹ gà, con vịt.

*

Nhiều con, giòn mẹ.

*

Đem con bỏ chợ.

*

Phúc đức tại mẫu.

*

Con đâu, cha mẹ đấy.

*

Giỏ nhà ai, quai nhà ấy.

*

Con gái là cái bòn.

*

Bênh con, lon xon mǎng người^[162].

*

Cá chuối đǎm đuoải về con.

*

Con khôn nở mặt cha mẹ.

*

Con ăn một, mẹ ăn hai.

*

Con hơn cha, nhà có phúc.

*

Con cháu khôn hơn ông vải.

*

Con không khóc, mẹ không cho bú.

*

Con lên ba mới ra lòng mẹ.

*

Con biết lẫy thì bố biết bò.

*

Con lên ba, cả nhà học nói.

*

Con có mẹ như măng ấp bẹ.

*

Một con so lo bằng mười con dạ.

*

Một con sa bằng ba con đẻ.

*

Cha sinh không tày mẹ dưỡng.

*

Cha sinh con, trời sinh tính.

*

Hùm dữ chẳng ăn thịt con.

*

Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ.

*

Sinh con ai nỡ sinh lòng.

*

Gần chợ để nợ cho con.

*

Trẻ cậy cha, già cậy con.

*

Con đóng khố, bố cửi trườn.

*

Con không học, thóc không vay.

*

Cha hổ mang, để con thiu đi.

*

Mẹ hát, con khen, ai chen vô lọt.

*

Bên cha cũng kính, bên mẹ cũng vái.

*

Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà.

*

Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.

*

Đời cha vo tròn, đời con bóp bẹp.

*

Không để không thương, không máu không sót.

*

Cha mẹ giàu, con có, cha mẹ khó, con không.

*

Có má ở nhà mới có cá mà ăn.

*

Con chẳng chê mẹ khó, chó không chê chủ nghèo.

*

Con voi, voi dẫu; con châu chấu, châu chấu yêu.

*

Con vua, vua dẫu; con chúa, chúa yêu.

*

Bé thì còn mẹ, còn cha; lớn thì con vua, con chúa.

*

Liệu cơm gắp mắm, liệu con gả chồng.

*

Gái chậm chồng, mẹ cha khắc khoải.

*

Mẹ đánh một trăm không bằng cha ngăm một tiếng.

*

Mẹ ngoảnh đi, con dại; mẹ ngoảnh lại, con khôn.

*

Mẹ dạy thì con khéo, bố dạy thì con khôn.

*

Con đẹn, con sài, chớ hoài bỏ đi.

*

Của không ngon, đông con cũng hết.

*

Đời cua, cua máy; đời cáy, cáy đào.

*

Giàu con út, khó con út; trút sạch cửa nhà.

*

Có phúc để con biết lợi,

Có tội để con hay trèo.

*

Con có cha có mẹ đẻ,

Không ai ở lỗ nẻ mà lên.

*

Con người mặt hoa da phấn,

Con mình mặt cú da lươn.

*

Ngầm ngấp như mẹ gặp con,

Lon xon như con gặp mẹ.

*

Một mẹ nuôi được mười con,

Mười con không nuôi được một mẹ.

*

Bao giờ cá lý hóa long,

Đền ơn cha mẹ ăm bồng ngày xưa.

*

Cá chẳng ăn muối cá ươn,

Con cưỡng cha mẹ trăm đường con hư.

*

Có con phải khổ về con,

Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng.

*

Có con phải khổ vì con,

Có chồng phải ngậm bồ hòn đắng cay.

*

Có cha có mẹ thì hơn,
Không cha không mẹ như đèn không dây.

*

Con ai là chẳng giống cha,
Cháu ai là chẳng giống bà, giống ông.

*

Con người có bố có ông,
Như cây có cội, như sông có nguồn.

*

Còn cha, gót đỏ như son,
Đến khi cha chết, gót con đen sì.

*

Còn cha nhiều kẻ yêu vì,
Một mai cha thác, ai thì yêu con!

*

Con có cha như nhà có nóc,
Con không cha như nòng nọc đứt đuôi.

*

Cơm cha, áo mẹ, ai ơi!
Chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi cũng hoài.

*

Cơm cha, áo mẹ ăn chơi,
Cất bát cơm người, đổ bát mồ hôi.

*

Con tài, lo láo, lo kiêu,
Con ngu thì lại lo sao kịp người.

*

Của đời cha mẹ để cho,
Làm không ăn có, của kho cũng rồi.

*

Cũng thì con mẹ con cha,
Cành cao vun xới, cành la bỏ liêu.

*

Cũng là con mẹ con cha,
Con thì chín rưỡi, con ba mươi đồng.

*

Ví dù con phụng bay qua,
Mẹ nói con gà, con cũng nói theo.

*

Dạy con, con chẳng nghe lời,
Con nghe ông kỉnh, đi đời nhà con.

*

Đi đâu mà bỏ mẹ già,
Gối nghiêng ai sửa, chén trà ai nâng.

*

Mồ côi cha, ăn cơm với cá,
Mồ côi mẹ, liếm lá đầu chợ.

*

Mẹ già ở tấm lều tranh,

Sớm thăm, tối viếng, mới đành dạ con.

*

Văng nghe chim vịt kêu chiều,
Bâng khuâng nhớ mẹ, chín chiều ruột đau.

*

Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa,
Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương.

*

Mẹ nuôi con biển hồ lai láng,
Con nuôi mẹ kể tháng kể ngày.

*

Đói lòng ăn hột chà là,
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.

*

Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha kính mẹ, ấy là chân tu.

*

Lên non mới biết non cao,
Nuôi con mới biết công lao mẫu từ.

*

Mỗi đêm mỗi thắp đèn trời,
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.

*

Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Ngó về quê mẹ, ruột đau chín chiều.

*

Chiều chiều ngó ngược, ngó xuôi,
Ngó không thấy mẹ, ngùi ngùi nhớ thương.

*

Chiều chiều xách giỏ hái rau,
Ngó lên má mẹ, ruột đau như dần.

*

Mẹ già hết gạo treo niêu,
Mà anh khăn đỏ, khăn điều vắt vai.

*

Sinh con ai lỡ sinh lòng,
Sinh con ai chẳng vun trồng cho con.

*

Sống thì con chẳng cho ăn,
Chết thì xôi thịt, làm văn tế ruồi.

*

Uốn cây từ thuở còn non,
Dạy con từ thuở con còn ngây thơ.

*

Gươm vàng rút xuống hồ Tây,
Công cha cũng trọng, nghĩa thầy cũng sâu.

*

Sinh con, rồi mới sinh cha,
Sinh cháu giữ nhà, rồi mới sinh ông.

*

Lắm con nhiều nợ,

Lắm vợ nhiều cái oan gia.

*

Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chày, thức đủ năm canh...

*

Dạy con, dạy thuở còn thơ,
Dạy vợ, dạy thuở ban sơ mới về.

*

Chim trời ai dễ đếm lông,
Nuôi con, ai dễ kể công tháng ngày.

*

Gái có con như bồ hòn có rễ,
Gái không con như bè gỗ trôi sông.

*

Có chồng mà chẳng có con,
Khác gì hoa nở trên non một mình.

*

Có vông mà chẳng có đôn,

Có chồng mà chẳng có con để bông!

*

Có vàng, vàng chẳng hay phô,
Có con, con nói trăm trồ mẹ nghe.

*

Có chồng chẳng được đi đâu,
Có con chẳng được đứng lâu một giờ.

*

Con mẹ có thương mẹ đâu,
Để cho chàng rể, nàng dâu thương cùng.

*

Gái mà chi, trai mà chi,
Sinh ra có nghĩa, có nghì là hơn.

*

Để con chẳng dạy, chẳng răn,
Thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng.

*

Mẹ ơi, đừng đánh con đau,
Quay tơ đánh ống, làm giàu mẹ coi.

*

Cái bống là cái bống bang,
Con đi lấy sàng cho mẹ đổi khoai.
Con ăn một, mẹ ăn hai,
Con đi bốc muối thời khoai chẳng còn.

Con ngồi con khóc nỉ non,
Mẹ đi lấy vọt con bon đầu hè.
Có đánh thì đánh vọt tre,
Chớ đánh vọt mía, mà què chân con.

*

Cái bống là cái bống bang,
Ăn cơm bằng sàng, bốc muối bằng vung.
Mẹ giận mẹ vứt xuống sông,
Con ra đường bế lấy chồng hôm mai.

*

Bốn con ngồi bốn chân giường,

Mẹ ơi, mẹ hỏi mẹ thương con nào?

- Mẹ thương con bé mẹ thay,

Thương thì thương vậy, chẳng tầy trướng nam.

Trướng nam nào có gì đâu,

Một trăm cái giỗ đổ đầu trướng nam.

*

Đã sinh ra kiếp ở đời,

Trai thời trung hiếu đôi vai cho tròn.

Gái thời trinh tỉnh lòng son,

Sớm hôm gìn giữ kéo còn chút sai.

Trai lành gái tốt ra người,

Khuyên con trong bấy nhiêu lời cho chuyên.

*

Khôn ngoan nhờ ấm cha ông,

Làm nên phải đoái tổ tông phụng thờ.

Đạo làm con chớ hững hờ,

Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm.

*

Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

*

Ngày nào em bé cón con,
Bây giờ em đã lớn khôn thế này.
Cơm cha, áo mẹ, công thầy,
Nghĩ sao cho bổ những ngày ước ao.

*

Ai về đợi với em cùng,
Thân em nay Bắc, mai Đông một mình.
Chi bằng ruộng tốt, đồng xanh,
Vui cha vui mẹ, vui anh em nhà.

*

Thờ cha mẹ, ở hết lòng,

Ấy là chữ hiếu, dạy con luân thường.

Chữ nghĩa là nhường,

Nhường anh nhường chị là nhường người trên.

Ghi lòng tạc dạ chớ quên,

Con em phải giữ lấy nền con em.

*

Làm trai nết đủ trăm đường,

Trước tiên điều hiếu đạo thường xưa nay.

Công cha đức mẹ cao dày,

Cưu mang trứng nước những ngày ngây thơ.

Nuôi con khó nhọc đến giờ,

Trưởng thành con phải biết thờ hai thân.

Thức khuya dậy sớm chuyên cần,

Quạt hồng ấp lạnh giữ phần đạo con.

*

Cây khô chưa dễ mọc chồi,

Bác mẹ chưa dễ ở đời với ta.

Non xanh bao tuổi mà già,
Bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu.

*

Em thời đi cấy ruộng bông,
Anh đi cắt lúa để chung một nhà.
Đem về phụng dưỡng mẹ cha,
Muôn đời tiếng hiếu người ta còn truyền.

*

Trứng rồng lại nở ra rồng,
Hạt thông lại nở cây thông rườm rà.
Có cha sinh mới ra ta,
Làm nên thời bởi mẹ cha vun trồng.

*

Hỡi cô da đỏ, má hồng!
Cô đi theo chồng, cô bỏ xứ cha.
Bây giờ cô trở về già,

Xứ chồng cô bỏ, xứ cha cô về.

*

- Hỡi cô cắt cỏ đồng màu,

Chăn trâu cho béo làm giàu cho cha.

- Giàu thì chia bảy chia ba,

Phận em là gái được là bao nhiêu!

*

Tôm rần lột vỏ bỏ đuôi,

Gạo lúa gie An Cựu mà nuôi mẹ già.

Mẹ già là mẹ già anh,

Em vô bảo dưỡng cá canh cho thường.

Mẹ già như chuối ba hương,

Như xôi nếp một, như đường mía lau.

*

Gió đưa cây cửu lý hương,

Xa cha xa mẹ, thất thường bữa ăn.

Sầu riêng, cơm chẳng muốn ăn.

Đã bưng lấy bát, lại dẫn xuống mâm.

*

Má khoe con má chính chuyên,
Chính chuyên với má, nó liền với trai!

Má ơi, con má hư rồi!

Má đừng trang điểm phấn dầy uổng công.

*

Mình đẹp cho mẹ mình lo,
Đêm năm lẫn kẻ rình mò ước ao^[163].

Xấu xí như mẹ con tao,
Đêm năm ngỏ cửa, mát sao mát này^[164].

*

Con ơi, mẹ bảo con này,
Học buôn học bán cho tày người ta.
Con đừng học thói chua ngoa,
Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười.
Dù no dù đói cho tươi,

Khoan ăn bớt ngũ là người lo toan.

Phòng khi đóng góp việc làng,
Đồng tiền bát gạo lo toan cho chồng.

Trước là đẹp mặt cho chồng,
Sau là họ mạc cũng không chê cười.

*

Một giọt máu đào hơn ao nước lã.

*

Cháu bà nội, tội bà ngoại.

*

Bà con vì tổ vì tiên,
Không phải vì tiền vì gạo.

*

Em thuận, anh hòa là nhà có phúc.

*

Chị em dâu như bầu nước lã.

*

Chị xách bị đầu hè.

*

Chị em năm nem ba đồng,
Muốn ăn thì trả sáu đồng mà ăn.

*

Cắt dây bầu dây bí,
Chẳng ai cắt dây chị dây em.

*

Em thời trưởng gấm, màn là,
Chị thời tan tác như hoa giữa đường.

*

Khôn ngoan đá đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ, chó hoài đá nhau.

*

Muốn cho lắm cỗi nhiều cành,
Muốn cho lắm chị, nhiều anh cậy nhờ.

*

Người đừng có ngãi, thì đãi người đừng,

Anh em vô ngãi thì đừng anh em.

*

Bé người, con nhà bác,

Lớn xác, con nhà chú.

*

Cháu bác, cháu dì, tù tù lấy nhau.

*

Anh em khinh trước, làng nước khinh sau.

*

Bán anh em xa, mua láng giềng gần.

*

Con cô, con cậu thì xa,

Con chú, con bác thật là anh em.

*

Tưởng rằng chị ngãi em nâng,

Ai ngờ chị ngãi, em bưng miệng cười.

*

Đắng cay cũng thể ruột rà,
Ngọt ngào cho lắm cũng là người dưng.

Em chồng ở với chị dâu,
Coi chừng kéo nó giết nhau có ngày.

*

Con người có cố, có ông,
Như cây có cội, như sông có nguồn.

*

Vênh váo như bố vợ phải đấm.

*

Của mình thì để, của rế thì bòn.

*

Cồng cọc bắt cá dưới bầu^[165]
Cha mẹ mày giàu, đám giỗ đầu heo.

*

Cồng cọc bắt cá dưới sông,

Mấy đời cháu ngoại giỗ ông bao giờ.

*

Con cậu, cậu nuôi thầy cho,
Cháu cậu, cậu bắt chăn bò, chăn trâu.

*

Đói thì ăn ngô, ăn khoai,
Đừng ở với dượng, điếc tai láng giềng.

*

Cậu lậu bình vôi,
Bao giờ cậu chết, cho tôi ăn phần.

*

Cậu lậu cây bàng,
Bao giờ cậu chết, cả làng đi khiêng.

*

Cậu lậu quả cà,
Tháng ba cậu chết,
Thối nôi cơm nếp,

Đưa cậu ra đồng,
Đánh ba tiếng cồng,
Cậu ơi là cậu!

*

Cô đi chín tháng, thím về một năm.

*

Chồng cô, vợ cậu, chồng dì,
Trong ba người ấy chết thì không tang.

*

Láng giềng còn để ba ngày
Chồng cô, vợ cậu, nửa ngày cũng không.

*

Cậu chết, mợ ra người dưng,
Chú tôi có chết, thím đừng lấy ai.

*

Nể cô, nể dì, lấy gì làm vốn.

*

Giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng.

*

Cái cò đi đón cơn mưa,

Tối tăm mù mịt, ai đưa cò về?

Cò về đến gốc cây đề,

Giương cung anh bắn cò về làm chi?

Cò về thăm bác, thăm dì.

Thăm cô xứ Bắc, thăm dì xứ Đông.

*

Sầy cha còn chú, sầy mẹ bú dì.

*

Dì ruột thương cháu như con,

Rủ mà không mẹ, cháu còn cậy trông.

*

Làm dâu vụng nấu, vụng kho,

Chồng không bắt bẻ, mụ o nhún trề.

*

Một trăm ông chú không lo,

Lo về một nỗi mù o nỏ mồm.

*

Bưng được miệng chính, miệng vò,

Nào ai bưng được miệng o, miệng dì.

MẸ CHỒNG NÀNG DÂU

Dâu vô nhà, mù gia ra ngõ.

*

Dâu dâu rể rể cũng kể là con.

*

Dâu dữ mất họ, chó dữ mất lán giếng.

*

Dâu hiền hơn con gái, rể hiền hơn con trai.

*

Có phúc lấy được dâu hiền,

Vô duyên lấy phải dâu đại.

*

Mẹ anh nghiệt lắm anh ơi!

Biết rằng có được ở đời với nhau?

Hay là vào trước ra sau,

Cho cực lòng thiếp, cho đau lòng chàng.

*

Chẳng tham nhà ngói ba tòa,

Tham vì một nỗi mẹ cha hiền lành.

*

Kiểm nơi cha thảo, mẹ hiền,

Gửi thân khuya sớm, bạc tiền không tham.

*

Con gái là con người ta,

Con dâu mới thật mẹ cha mua về.

*

Con thơ tay ấm, tay bông,

Tay dắt mẹ chồng đầu bạc như bông.

*

Của rẻ thật là của ôi,
Lấy phải dâu đại khốn tôi trăm đường.

*

Trời mưa ướt lá đài bi,
Con mẹ, mẹ xót, xót gì con dâu!

*

Chồng dữ thì em mới rầu,
Mẹ chồng mà dữ, giết trâu ăn mừng.

*

Chồng dữ thì em mới lo,
Mẹ chồng mà dữ, mổ bò ăn khao.

*

Đôi ta như cái đồng đồng,
Đẹp duyên, nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha.

*

Chàng đành, phụ mẫu không đành,
Lấy cây che khuất ngọn ngành, trời ơi!

*

Bắt chấy cho mẹ chồng,
Trông thấy bồ nông dưới biển.

*

Chê mẹ chồng trước đánh đau,
Gặp mẹ chồng sau mau đánh.

*

Đói thì ăn khế, ăn sung,
Trông thấy mẹ chồng thì nuốt chẳng trôi.

*

Thương chồng, phải khóc mụ gia,
Gẫm tôi với mụ có bà con chi!

*

Thật thà cũng thể lái trâu,
Yêu nhau cũng thể nàng dâu mẹ chồng.

*

Mẹ chồng dữ, mẹ chồng chết,

Nàng dâu có nết, nàng dâu chừa.

*

Bố chồng là lông con phượng,

Mẹ chồng là tượng mới tô,

Nàng dâu mới về, là bồ chịu chửi.

*

Bố chồng là lông lợn hạch,

Mẹ chồng là lách lợn lang,

Nàng dâu mới về là bà hoàng thái tử.

*

Bố vợ là vợ cọc chèo,

Mẹ vợ là bèo trôi sông,

Chàng rể là ông thần vì.

*

Thân em mười sáu tuổi đầu,

Cha mẹ ép gả làm dâu nhà người.

Nói ra sợ chị em cười,

Năm ba chuyện thảm, chín mười chuyện cay.

Tôi về đã mấy năm nay,

Buồn riêng thì có, vui rày thì không.

Ngày thời vất vả ngoài đồng,

Tối về thời lại nằm không một mình!

Có đêm thức suốt năm canh,

Rau heo, cháo chó, loanh quanh đủ trò...

*

Từ khi em về làm dâu,

Thì anh dặn bảo trước sau mọi lời:

Mẹ già dữ lắm, em ơi!

Nhịn ăn, nhịn mặc, nhịn lời mẹ cha^[166].

Nhịn cho nên cửa nên nhà,

Nên kèo, nên cột, nên xà tầm vông.

Nhịn cho nên vợ, nên chồng,

Thì em coi sóc lấy trong cửa nhà.

Đi chợ thì chớ ăn quà,

Về chợ thì chớ rề rà ở trưa.

Dù ai bảo đợi bảo chờ,

Thì em nói dối con thơ em về.

*

Nghe đồn cha mẹ anh hiền,

Căn cớ không bẽ, căn tiền bẽ hai.

*

Đường đi những lách cùn lau,

Cha mẹ tham giàu ép uống duyên con.

Duyên sao cắc cớ, hời duyên!

Cầm gương, gương tối, cầm vàng, vàng phai.

*

Vợ chồng đầu gối má kê,

Lòng nào mà bỏ mà về sao đang.

Hồ về chân lại đá ngang

Về sao cho dứt cho đang mà về!

*

Trách cha, trách mẹ nhà chàng,
Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau.
Thực vàng chẳng phải thau đâu,
Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng.

*

Cô kia đội nón đi đâu?
Tôi là phận gái làm dâu mới về.
Mẹ chồng ác nghiệt đã ghê,
Tôi ở chẳng được, tôi về nhà tôi.

[148] Hai câu cuối có bản chép:

Kìa ai lắng đục tìm trong,
Chứ đây em thủy chung như nhất một lòng sơ giao.

[149] Răng hô là răng vầu.

[150] Hoặc “Ấu với sen trồng lộn một bồn...”.

[151] Su sơ sắt sủi: lang thang.

[152] Có nơi hát: Nam Vang đi dễ, khó về,

Trai đi có vợ, gái về có con.

[153] Có bản chép:

Có con mà gả chồng gần,

Có bát canh cần nó cũng đem cho.

Hoài con mà gả chồng xa,

Một là mất giỗ, hai là mất con.

[154] Nhưng lại có câu:

Củ mục lành đun,

Chồng dần dễ khiến, chồng khôn khó chiều.

[155] Câu này của Thọ Xuân (Thanh Hóa), đồng bào hay nói. Đặc biệt ở vùng này, thịt lợn mỡ hơn các thứ thịt khác. Trái lại, ở Bắc Bộ xưa có câu:

Mua thịt thì chọn miếng mỡ,

Lấy chồng thì chọn con tông nhà nòi.

[156] Hoặc:

Chồng giận thì vợ bớt lời,

Cơm sôi nhỏ lửa một đời không khê.

[157] Có nơi hát:

Mẹ em tham thúng xôi rền,

Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng.

Mẹ em tham thúng bánh chưng,

Tham con lợn đẻ, em lưng chịu đòn!

[158] Có bản chép:

Tay mang khăn gói qua sông,

Mẹ kêu mặc mẹ, thương chồng phải theo.

Ở Trung bộ, câu thứ hai hát là:

Mẹ kêu khôn tới, thương chồng khôn lui.

[159] Mù u là một loại cây ở miền Nam (khu 5 cũ), có một lá đứng ở giữa, hai lá mọc hai bên.

[160] Hoặc:

“Bảy mươi, mười bảy bao xa,

Bảy mươi có của, mười ba cũng vừa”.

[161] Chộ là thấy.

[162] “Nghe con, lon xon mǎng lǎng giềng”.

[163] Có bản chép là: “lần mò ước ao”.

[164] Có bản chép: Năm đầu ngủ đấy, sướng sao sướng này.

[165] Bàu là ao.

[166] Có bản chép:

Mẹ già dữ lắm em ơi!

Khoan ăn bớt ngủ mà nuôi mẹ già.

3. ĐỐI VỚI GIAI CẤP PHONG KIẾN

Ở nước ta, trong thời phong kiến dài đằng dặc, trừ những giai đoạn chống xâm lăng, quyền lợi dân tộc được tạm thời đặt lên trên quyền lợi giai cấp, và trừ những lúc thay triều đổi chúa, giai cấp thống trị muốn được lòng dân, nên phải nhượng cho nhân dân ít nhiều quyền lợi, còn trong xã hội phong kiến Việt Nam, cuộc đấu tranh giai cấp giữa nông dân và địa chủ đã diễn ra liên tục và quyết liệt.

Trong tình hình kinh tế phân tán, tự cấp, tự túc ở nước ta thời xưa, số những người làm nghề thủ công và số những người buôn bán có thể trông riêng vào nghề mình để sống chỉ là thiểu số, còn đại đa số nhân dân Việt Nam đều trông vào nguồn kinh tế chính là kinh tế nông nghiệp và làm thêm một vài nghề phụ. Nhiều ca dao đã nói lên những công việc hằng năm của những người này: tháng giêng trồng gì, tháng hai gieo gì, tháng ba buôn gì, tháng tám làm nghề thủ công gì, v.v... Cho nên trong suốt thời kỳ phong kiến, có thể nói nguồn sống chính của đại đa số nhân dân Việt Nam là nông nghiệp.

Đến giai đoạn những mầm mống và yếu tố tư bản đã nảy sinh thì nền kinh tế phong kiến lạc hậu vẫn được giai cấp thống trị duy trì. Chế độ ấy kìm hãm sự phát triển của xã hội, nhân dân bị khổ cực, nên đối với giai cấp phong kiến thống trị, họ rất phản uất, căm hờn. Trong ca dao, dân ca, mặc dầu nhân dân Việt Nam biểu hiện tình cảm là chủ yếu, khi nói đến hôn nhân, gia đình hay công việc làm ăn, họ đều có những ý điều cợt, mỉa mai, nguyên rủa, chống đối giai cấp bóc lột. Giai cấp phong kiến đối với nhân dân lao động Việt Nam là cái gai trước mắt, lúc nào họ cũng thấy vướng,

muốn nhổ đi, và trong mọi hình thức đấu tranh chống giai cấp phong kiến, ca hát là một lối tuyên truyền bằng miệng, dễ nhớ, nuôi dưỡng chí căm thù của họ.

*

Người nông dân nước ta bị giai cấp phong kiến đàn áp bóc lột lâu đời, nên về vật chất tinh thần họ đều thiếu thốn. *Cái khó bó cái khôn*. Giai cấp phong kiến thống trị hạn chế việc học trong dân gian với mục đích duy trì sự u mê trong dân chúng; cái “khôn” người ta có thể học trong cuộc đời nhưng cũng phải học tập văn hóa mới đầy đủ. Sự mở mang trí tuệ là một trong những điều kiện chủ yếu để tiêu diệt cái “khó”.

Trong phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, chúng ta đã thấy ở những vùng mới giải phóng có những người nông dân rất khổ cực mà không biết là mình khổ. Người ta phải gợi khổ để họ nói ra những nỗi khổ của họ. Cho nên nói ra được những nỗi khổ của mình cũng là bước đầu giác ngộ.

Những câu:

Bụng đói, cật rét;

Lấy bát mồ hôi đổi bát cơm.

và những câu:

Gánh cực mà đổ lên non,

Còng lưng mà chạy, cực còn theo sau.

đều là những câu chứng tỏ những điểm giác ngộ của người nông dân. Đến khi họ biết so sánh cái khổ của họ với sự sinh hoạt sung sướng xa hoa của địa chủ, thì tư tưởng chống đối của họ lại tiến lên một bước nữa.

Nhưng nhìn cho thấy được nguyên nhân những nỗi khổ của mình thì không phải bất kỳ lúc nào người nông dân cũng nhìn thấy. Cũng có khi họ cho là tại số, nhưng đồng thời họ cũng thấy lao động của họ dưới chế độ phong kiến đem lại ấm no cho họ, mà làm cho họ nhọc nhằn, đau yếu. Đây cũng là ý thức bắt đầu phản kháng của người nông dân:

Số khó làm chẳng nên giàu,

Thức khuya, dậy sớm cho đau xương sườn.

Ý thức phản kháng ấy còn thể hiện ở sự so sánh đời sống của họ với đời sống của giai cấp phong kiến, như hai câu sau này:

Trời sao trời ở chẳng cân,

Kẻ ăn không hết, người lần không ra!

và hai câu:

Trời sao trời ở chẳng công,

Kẻ hai ba vợ, người không vợ nào!

Khi người nông dân thấy những kẻ “ngồi mát ăn bát vàng”, “ho ra bạc, khắc ra tiền” và “hết nạc vạc đến xương” họ, thì họ nhận thấy: “thằng còng làm cho thằng ngay ăn” và họ cũng biết được một phần nào chân giá trị của con người. Họ phẫn nộ, thổ lộ trong lời ca:

Hơn nhau tấm áo manh quần,

Thả ra bóc trần, ai cũng như ai!

Những ý nghĩ, những lời nói oán hờn, căm giận, ấp ủ lâu ngày, biến thành hành động; và đó là những cuộc khởi nghĩa nông dân đã diễn ra nhiều lần trong lịch sử nước ta:

Con vua thì lại làm vua,

Con sãi ở chùa thì quét lá đa.

Bao giờ dân nổi can qua,

Con vua thất thế lại ra quét chùa.

Những cuộc khởi nghĩa của nông dân phần nhiều bị thất bại; hay có thắng lợi thì trong hoàn cảnh chính trị và kinh tế thời xưa, trong tình hình tư tưởng nhân dân bị chi phối về ý thức phong kiến, cuộc cách mạng không thể nào triệt để được. Nói về thắng lợi và thất bại của các cuộc khởi nghĩa nông dân, đã có câu: *Được làm vua thua làm giặc*. Nguyễn Huệ thắng họ Trịnh, họ Nguyễn rồi lên làm vua, Nguyễn Hữu Cầu thua thì bị coi là giặc; Nếu như Nguyễn Hữu Cầu có đánh đổ được tập đoàn thống trị đương thời thì rồi cũng đến làm vua mà thôi.

Nhân dân Việt Nam được tôi luyện trong đấu tranh nên rất bền bỉ chịu đựng gian khổ. Nhân dân biết khá rõ những thói sinh hoạt của những kẻ trong giai cấp phong kiến, quen ăn trắng mặc trơn, sợ khó, sợ khổ, ích kỷ, chỉ biết riêng mình, nên nhân dân đã có những câu:

Bà chúa đứt tay,

Bằng ăn mày số ruột.

Và:

Quân tử ứ hự đã đau,

Tiểu nhân dùi đục đập đầu như không.

Chúng quen hà hiếp nhân dân, và ngay trong nội bộ chúng, chúng cũng chèn ép lẫn nhau rất tàn nhẫn. Có những tên quan lại không chịu thiệt một tí gì cho người dưới, nhưng bản thân chúng lại bị bọn quan trên bóc lột và chúng đành trơ mắt ếch:

Mèo tha miếng thịt xôn xao,

Kẻnh tha con lợn thì nào thấy chi!

Mèo tha miếng thịt thì đòi,

Kẻnh tha con lợn, mắt coi chừng chừng.

Những câu trên này còn có ý nghĩa: ở đời người ta chỉ thấy những việc ăn cắp nhỏ, còn những vụ ăn cắp lớn thì không biết, hay có biết cũng đành làm ngơ vì sợ uy thế của kẻ ăn cắp lớn.

Những nhược điểm ấy của giai cấp thù địch, người nông dân đã thấy một phần nào; trong những cuộc khởi nghĩa của nông dân Việt Nam chống giai cấp phong kiến trong nước, nhiều phen người nông dân đã chịu sự lãnh đạo của những người thuộc tầng lớp dưới trong giai cấp phong kiến, phần nhiều là những người thuộc giới nho sĩ, bất mãn với chế độ thống trị đương thời.

Bộ máy thống trị phong kiến gồm vua quan và bọn cường hào ở nông thôn. Lợi dụng cương vị của chúng, chúng đã cướp ruộng đất của nông dân và đàn áp nông dân thậm tệ, cho nên mâu thuẫn giữa nông dân và giai cấp phong kiến quan liêu cũng là mâu thuẫn sâu sắc và trực tiếp nhất.

Những câu:

- Cửa vào quan như than vào lò.

- Muốn nói gian làm quan mà nói.

- Ía đồng một bãi bằng vạn đại quận công.

hay:

Bộ Binh, bộ Hộ, bộ Hình,

Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi!

đều chứng tỏ người nông dân đã biết rõ bản chất những kẻ tiêu biểu nhất cho giai cấp phong kiến, và trong thâm tâm họ, họ rất khinh bỉ chúng, nhiều khi họ đã nói lên những lời hết sức mỉa mai và chua chát:

Tháng tám, có chiếu vua ra,

Cấm quần không đậy người ta hỡi hùng!...

Không đi thì chợ không đông,

Đi thì phải lột quần chồng sao đang!

Chân tay của bọn vua quan là bọn cường hào ở nông thôn: bọn chánh tổng, lý trưởng, xã đoàn, trưởng tuần, nên tục ngữ đã có câu:

Tuần hà là cha kẻ cướp.

Ở nông thôn, chính bọn hào lý ấy là những kẻ cậy quyền, cậy thế, hãm hiếp phụ nữ, làm hại nhân dân rất nhiều. Như mấy câu ca dao này, tuy ý chống đối không nổi bật lên mấy, nhưng cũng hết sức mỉa mai, chua chát:

Đẻ đứa con trai,

Chẳng biết nó giống ai!

Cái mặt thì nó giống ông cai,

Cái đầu ông xã, cái tai ông trùm.

Nói tóm lại, đối với bọn quan nha, tổng lý, nhân dân đều oán ghét, nên trong những cuộc nông dân khởi nghĩa, những kẻ bị nhân dân tiêu diệt trước nhất đều là những bọn quan nha, tổng lý, vì chính chúng là “giặc” của dân:

Con ơi, mẹ bảo con này,

Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.

*

Muốn củng cố chế độ phong kiến, duy trì chế độ bóc lột, bọn thống trị phải thi hành chính sách ngu dân. Một mặt chúng hạn chế việc học, một mặt chúng tuyên truyền tôn giáo, nhằm phát triển sự ngu muội và mê tín trong dân gian, làm nhụt chí đấu tranh của nhân dân, cố làm cho nhân dân yên trí địa chủ giàu là tại số, nhân dân nghèo cũng là tại số:

Số giàu mang đến dưng dưng,

Lọ là con mắt tráo trượng mới giàu.

Sự gieo rắc mê tín ấy của giai cấp phong kiến thống trị trong dân gian đã có hiệu quả một phần nào, nhưng không phải người nào cũng bị ru ngủ và bị mê hoặc. Bọn đội lối tu hành, vẫn bị nhân dân vạch mặt và phỉ nhổ. Hãy đọc những câu ca dao sau này:

Na mô một bồ dao găm,

Một trăm giáo mác,

Một vác dao bầu,

Một xâu thịt chó...

Có những kẻ ban ngày lẫn tràng hạt, ban đêm đi ăn cướp, lại có kẻ giả vờ đi quyên giáo để thừa cơ chủ nhà đi vắng thì ăn trộm ngay giữa ban ngày:

Người ta đi giáo tiền, giáo gạo,

Tiểu tôi đi giáo án, giáo nôi,

Nhà nào công đức thì thôi,

Nhà nào đi vắng, tiểu tôi giáo bò...

Trong thời phong kiến suy tàn, đạo Phật, công cụ tuyên truyền của phong kiến, cũng ngày một suy vi, một số đông chùa chiền đã hóa ra những nơi tạm lánh chân của bọn trai tử chiếng gái giang hồ, cho nên mới có những câu:

Na mô bồ tát bồ hòn,

Ông sư bà vải cuộn tròn lấy nhau.

Đến những kẻ làm môi giới cho chùa chiền, làm giàu cho kẻ đội lốt tu hành bằng cách khuyên nhủ người ta cúng lễ, như bọn thầy bói, thầy số, nhân dân cũng nhận thấy mảnh khoe lừa bịp của chúng và giấu chúng bằng những lời mỉa mai:

...Quẻ này có động.

Nhà này có quái trong nhà,

Có con chó đực cắn ra đặng mồm.

Nhà bà có con chó đen,

Người lạ nó cắn, người quen nó mừng.

Nhà bà có cái cối xay,

Bốn chân xuống đất, ngõng ngay lên trời...

Trong thời kỳ phong kiến, đại đa số nhân dân bị thất học, do đó đôi khi họ cũng bùi tai nghe những lời mê hoặc, những lời dụ dỗ quàng xiên của giai cấp phong kiến thống trị và bọn tay sai của chúng. Người nông dân Việt Nam thời xưa mình trần thân trụi, bị áp bức bóc lột đủ điều, nên họ chỉ còn có cách cầu Trời khẩn Phật phù hộ cho họ được đỡ khổ. Nhiều lúc họ cũng đã thấy Trời Phật bất lực trong sự giúp đỡ họ và họ cũng đã nhiều phen oán Trời, trách Phật. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, chế độ bóc lột bị xóa bỏ vĩnh viễn và việc làm ăn tập thể bắt đầu thực hiện cho cả nước, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày được nâng cao, nhân dân đã bớt tin ở cúng lễ và ở những việc kêu cầu. Cho nên có được đời sống no

ấm, thoải mái, vui tươi, thì rồi trong xã hội, mê tín dị đoan cũng giảm và rồi một ngày mai sẽ hết hẳn.

Ở nước ta, những cuộc ngoại xâm đã xảy ra liên tiếp. Trong những lúc đó, nhân dân ta đã tạm gác những nỗi căm thù đối với giai cấp thống trị trong nước và đã cùng giai cấp phong kiến dân tộc hăng hái trừ giặc nước. Những hy sinh cao cả ấy, người nông dân phác thực và tính tình giản dị không hề nói đến trong ca dao bao giờ. Nhưng đối với chiến tranh trong nước, do bọn phong kiến thống trị vì tranh chấp đất đai và quyền hành gây ra, thì nhân dân Việt Nam rất chán ghét. Họ rất căm giận những thủ phạm gây ra nội chiến, vì chiến tranh trong nước đã gây ra những cảnh phân ly và tang tóc trong gia đình, đàn áp tình yêu của thanh niên nam nữ, gây nên việc thiếu nhân công ở đồng ruộng, người phụ nữ lại phải gánh thêm tạp dịch thay chồng đi lính, làm cho người nông dân không những không đảm bảo được sản xuất, mà còn phải sưu thuế nặng nề để bọn phong kiến thống trị nuôi dưỡng chiến tranh.

Trong lịch sử nước ta, nạn mười hai sứ quân đã gây nên nhiều cảnh khổ cực trong dân gian, đến những chiến tranh giữa tập đoàn phong kiến nhà Lê và nhà Trịnh với tập đoàn phong kiến nhà Mạc, nhất là giữa bọn chúa Trịnh và chúa Nguyễn, kéo dài một thời Nam Bắc phân tranh, lại càng gây nên nhiều tang tóc và tai hại về kinh tế trong nhân dân.

Cho nên nhân dân đã có câu:

Một nhà hai chủ không hòa,

Hai vua một nước ắt là không yên.

Vào thời Lê – Trịnh, nội thương, ngoại thương và công nghệ đều phát triển. Những chân trời mới bắt đầu mở rộng ở nước ta. Cuộc sống mới bắt đầu tràn lan, tư tưởng người ta đổi thay, những tình cảm mới rào rạt trong lòng người. Ai nấy đều muốn vươn lên một trình độ sinh hoạt cao hơn. Nhưng bọn phong kiến thống trị vì quyền lợi riêng, phần thì muốn duy trì những quan hệ phong kiến cũ, phần thì không thỏa mãn được nhu cầu của nhân dân đang muốn có tư hữu tài sản, nên mâu thuẫn giữa những mầm mống của yếu tố tư bản với phong kiến ngày một sâu sắc.

Kể đến thời Nam Bắc phân tranh, quyền sống của con người luôn luôn bị chà đạp.

Trước hết, chiến tranh gây nên những cảnh phân ly trong gia đình, ngăn cản tình yêu không được thỏa mãn:

Lính này có vua, có quan,

Nào ai cắt lính cho chàng phải đi!

Nay thấy kim thi, mai thấy kim ngân,

Lấy nhau chưa được ái ân,

Chưa được kim chi Tấn Tần như xưa!...

Người phụ nữ đã phải chịu cảnh cô đơn, lại thường là lao động chính trong gia đình, việc đồng áng một mình cáng đáng, lại còn con thơ, mẹ già phải chăm sóc, nên họ rất oán ghét việc bắt lính của bọn vua quan:

Sáng trời, chàng mới tập binh,

Em ngồi vò võ một mình em lo.

Ruộng nương không ai cày cho,

Trâu bò hèn mọn, em lo đường nào!

Ruộng người cày cấy lao xao,

Ruộng em bỏ cỏ mọc cao ngoài đồng...

Giai cấp phong kiến thống trị đã bắt người chồng đi làm bia đỡ đạn cho chúng, còn đối với người vợ ở nhà, chúng cũng bắt đóng góp và gánh những tạp dịch thay chồng. Sự bóc lột tàn nhẫn ấy làm cho người phụ nữ nông thôn kêu than:

...Đồn rằng chàng trầy hay dưng?

Ở nhà công việc nửa mừng nửa lo...

Ruộng nương ai chịu cấy cho,

Để thiếp ở lại, đói no vài đồng?

Lấy gì đóng góp cho chồng?

Lấy gì giỗ chạp thổ công, ông bà?

Lấy gì nuôi mẹ, nuôi cha?

Lấy gì thu xếp cửa nhà, chàng ơi!

Trong thời phong kiến suy tàn, nội bộ giai cấp phong kiến rất lục đục, sự xung đột giữa những tập đoàn thống trị nổ ra liên tiếp, nên những việc bóc lột nhân lực và tài lực của chúng đối với nhân dân lại càng thêm tệ, vô hạn độ; người chồng đi lính đã tỏ nỗi lo của mình với vợ:

Rồi khi sinh gái, sinh trai,

Sớm khuya mưa nắng lấy ai bạn cùng!

Sinh gái thì em gả chồng;

Sinh trai lấy vợ mặc lòng thiệp lo...

Những câu trên này chứng tỏ việc đi lính trong thời bọn phong kiến xâu xé lẫn nhau đã bị nhân dân coi như việc đi đày không biết ngày về. Cho nên thương xót chồng, cảm cảnh mình, người phụ nữ Việt Nam trong thời đó cũng đã nói lên câu này:

Giá vua bắt lính đàn bà,

Để em đi đỡ anh và bốn năm!

Trong ca dao Việt Nam, những tiếng phản đối chiến tranh diễn ra trong nước hầu hết là những tiếng phản đối của phụ nữ.

Cái cảnh người chinh phụ Việt Nam trong thời phong kiến rất là buồn thảm, người phụ nữ Việt Nam chịu đựng khổ cực đã nhiều, nên họ chỉ ao ước có cảnh hòa bình là điều kiện chủ yếu để sản xuất, cho nhà vui nước thịnh. Đặng Trần Côn sáng tác nên *Chinh phụ ngâm* và khúc ngâm được Đoàn Thị Điểm diễn ra quốc âm, cũng đã phản ánh một phần tư tưởng của nhân dân đối với nội chiến, tư tưởng của nhân dân ước mơ hòa bình và hạnh phúc.

NỖI KHỔ CỦA NÔNG DÂN

Bán vợ, đợ con.

*

Mặt xanh, nanh vàng.

*

Gãy gối, tối mặt.

*

Đầu tắt, mặt tối.

*

Thắt lưng, buộc bụng.

*

Nợ van, quan khất.

*

Tiền hết, gạo không.

*

Tiền lưng, gạo bị.

*

Tội tạ, vạ lạy.

*

Bụng đói, cật rét.

*

Cơm sung, cháo dền.

*

Nhà rách, vách nát.

*

Cái khó bó cái khôn.

*

Vay nên nợ, đợ nên ơn.

*

Lấy bát mồ hôi đổi bát cơm.

*

Bán mặt cho đất, bán lưng cho trời.

*

Nhất tội, nhì nợ.

*

Mẹ già, nhà nghèo.

*

Đã khó, chó cắn thêm.

*

Ăn chẳng no, khó đến mình.

*

Ăn cơm nhà, vác ngà voi.

*

Cổ cày, vai bừa...

*

Thằng còng làm cho thằng ngay ăn.

*

Canh một chưa năm, canh năm đã dậy.

*

Miệng ông cai, vai đầy tớ.

*

Sờ chẳng ra, rà chẳng thấy.

*

Con đóng khố, bố cửi trườn.

*

Đất vua, chùa làng, phong cảnh bụi.

*

Cơm kê ngày, cà kê buổi.

*

Cơm ba bát, áo ba manh.

*

Tham buổi giỗ, lỗ buổi cà.

*

Được một bữa cơm người, mất mười bữa cơm nhà.

*

Áo rách chi lắm, áo ơi!

Áo rách trăm mảnh, không có nơi cho rận nằm.

*

Ăn mày là ai? Ăn mày là ta,

Đói cơm rách áo hóa ra ăn mày.

*

Cây khô xuống nước cũng khô,
Phận nghèo đi đến nơi mô cũng nghèo.

*

Cực lòng nên phải biến đời,
Biến đời lại gặp phải nơi cực lòng.

*

Bực mình chẳng muốn nói ra,
Muốn đi ăn cỗ chẳng ma nào mời.

*

Đói thì đầu gối phải bò,
Cái chân hay chạy, cái giò hay đi.

*

Gánh cực mà đổ lên non,
Cong lưng mà chạy, cực còn theo sau.

*

Gạo chợ một tiền mười thương,

Mẹ con nhịn đói vì chường không tiền.

*

Hết mùa, áo rách, quần hư,

Tính đi tính lại, chẳng dư xu nào.

*

Đi cày ba vụ, không đủ ăn ba ngày Tết.

*

Ba đời bảy họ nhà tre,

Hễ cất lấy gánh, nó đề lên vai.

*

Bao giờ cho đến tháng năm,

Thối nôi cơm nếp, vừa nằm vừa ăn.

*

Bao giờ cho đến tháng mười,

Thối nôi cơm nếp, vừa cười vừa ăn.

*

Đừng có chết mất thì thôi,

Sống thì có lúc no xôi chán chè.

*

Trời sao trời ở chẳng cân,
Kẻ ăn không hết, người lần không ra.

*

Bầu dục đâu đến bàn thứ năm,
Chè đâu đến chú, chú lăm ăn chè.

*

Cả đời khốn khổ chua cay,
Ước sao chỉ được một ngày làm vua.

*

Nửa đêm ân ái cùng chồng,
Nửa đêm về sáng gánh gồng ra đi.

*

Ruộng người cày, vợ người nuôi,
Con người mắng mỏ, vợ người yêu đương.

*

Làm thân con vạc mà chẳng biết lo,
Bán đồng cho cò, phải đi ăn đêm.

*

Con vua thì lại làm vua,
Con nhà kẻ khó, bắt cua tối ngày.

*

Chẳng làm, người bảo rằng ươn,
Làm thì xương sống, xương sườn phơi ra.

*

Dã tràng xe cát biển đông,
Nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì.

*

Giàu thì cũng chẳng có tham,
Khó khăn ta liệu ta làm ta ăn.

*

Ếch kêu dưới vũng tre ngâm.
Ếch kêu mặc ếch, tre dầm mặc tre.

*

Thương thay thân phận con rùa,
Trên đình đội hạc, dưới chùa đội bia.

*

Không nghe, tan cửa nát nhà,
Nghe thì hai bảy mươi ba cực lòng!

*

Khi xưa ăn những gạo vay,
Bây giờ mó đến cái chày rã hơi.

*

Khó thì hết thảo hết ngay,
Công cha cũng bỏ, nghĩa thầy cũng quên.

*

Khó khăn tôi rắp cậy ông,
Ai ngờ ông lại khốn cùng hơn tôi!

*

Lận đận lao đao, phải sao chịu vậy,

Tối số ăn mày, bị gậy phải mang.

*

Một mình vừa chống vừa chèo,
Không ai tát nước đỡ nghèo một khi?

*

Vay chín thì trả cả mười,
Phòng khi túng nhờ có người cho vay.

*

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi ở tay không trở về.

*

Một vốn bốn lãi,
Một cổ đôi tròn.

*

Một năm làm nhà,
Ba năm hết gạo.

*

Tháng tám chưa qua,

Tháng ba đã đến.

*

Tháng tám đôi qua,

Tháng ba đôi chết.

*

Cơm ăn mỗi bữa một lưng,

Bao giờ gánh đá ông Đăng^[167] cho rồi!

*

Măng non nấu cá ngạnh nguồn,

Đến đây ta phải bán buồn mua vui.

*

Từ nay tôi cách đến già,

Tôi chẳng dám cấy ruộng bà nữa đâu!

Ruộng bà vừa xấu, vừa sâu,

Vừa bé hạt gạo vừa lâu đồng tiền,

Tôi về cấy ruộng quan điền,

Bát gạo đã lớn, quan tiền trao tay.

*

Trời mưa cho ướt lá khoai,

Công anh làm rế đã hai năm ròng.

Nhà em lắm ruộng ngoài đồng,

Bắt anh tát nước, cực lòng anh thay.

Tháng chín mưa bụi, gió may,

Cất lấy gầu nước, hai tay rụng rời!

*

Trâu anh con cỡi con giong,

Lại thêm con ghé, cực lòng thẳng chẵn!

*

Cái cò mày đi ăn đêm,

Đậu phải canh mềm lộn cổ xuống ao.

- Ông ơi, ông vớt tôi nao,

Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng.

Có xáo thì xáo nước trong,

Chớ xáo nước đục, đau lòng cò con.

*

Cái cò là cái cò vàng,

Mẹ đi đắp đàn, con ở với ai?

Con ở với bà, bà không có vú;

Con ở với chú, chú là đàn ông.

*

Con rô nó rạch lên phen,

Uốn tay cho mềm,

Dệt cử cho ngoan,

Lấy tiền ta đóng việc quan cho chồng!

*

Tốt đẹp là chị hàng hoa,

Tuy rằng thơm ngát, cửa nhà sạch không.

Ngày ngày đi hái hoa hồng,

Chiều chiều về ngõ Cầu Đông^[168] ăn quà.

Bao giờ chợ lớn hết hoa,

Đồng Xuân hết chuối, thì hoa hết tiền.

*

Tham giàu đã thấy giàu chưa?

Vừa ăn vừa khóc như mưa tháng hè.

*

Một ngày hai bữa cơm đèn,

Lấy gì má phấn răng đen hỡi chàng!

*

Một ngày mấy lượt trèo non,

Lấy gì làm đẹp, làm giòn, hờ anh?

*

Ngày nào trời nắng chang chang,

Mẹ con kiếm củi, đốt than no lòng.

Trời làm một trận mênh mông,

Mẹ con nhịn đói, năm không ba ngày.

*

Chiều chiều vịt lội, cò bay,

Ông voi bẻ mía chạy ngay vô rừng.

Vô rừng bứt một sợi mây,

Dem về thắt gióng má mày đi buôn.

Đi buôn sợ lỗ sợ lời,

Trồng một cây xoài trái chín trái chua...

*

Cấy lúa, lúa trở ra năn,

Kẻ trộm gặt mất, con ăn bằng gì?

Con ăn lộc sẵn, lộc si,

Con ăn bằng gì cho đến tháng năm?

*

Thấy anh em cũng muốn theo,

Em sợ anh nghèo, anh bán em đi.

Lấy anh em biết ăn gì?

Lộc sẵn thì chát, lộc si thì già.

Lấy anh không cửa không nhà,

Không cha không mẹ, biết là cậy ai?

*

Thân ai khổ như thân con rùa,
Xuống sông đội đá, lên chùa đội bia.

Thân ai khổ như thân anh kia,
Ngày đi cuốc bãi, tối về nằm sông.

*

Cái cò là cái cò con,
Mẹ đi xúc tép, để con ở nhà.
Mẹ đi một quãng đồng xa,
Mẹ sà chân xuống, phải mà con lươn.
Ông kia có chiếc thuyền nan,
Chở vào ao rậm, xem lươn bắt cò.
Ông kia chống gậy lò dò,
Con lươn tụt xuống, con cò bay lên.

*

Nước non lặn đận một mình,
Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay.

Ai làm cho bể kia đầy,
Cho ao kia cạn, cho gầy cò con?

*

Cái cò, cái vạc, cái nông,
Cùng ăn một đồng, nói chuyện giảng ca...

Muối kia đổ ruột con gà,
Mẹ mình chẳng xót bằng ta xót mình!

*

Con cò chết rũ trên cây,
Bồ cu mở lịch xem ngày làm ma.
Cà cuống uống rượu la đà,
Bao nhiêu cóc nhái nhảy ra chia phần.
Chào mào thì đánh trống quân,
Chim chích mặc quần vác mõ đi rao...

*

Cái cò chết tối hôm qua,
Có hai hạt gạo với ba đồng tiền.

Một đồng thuê trống, thuê kèn,
Một đồng mua mỡ đốt đèn thờ vong.

Một đồng mua mớ rau răm,
Dem về thái nhỏ thờ vong con cò.

*

Hồn ếch ta đã về đây^[169]

Phải năm khô cạn, ta nay ở bờ.

Ở bờ những hốc cùng hang.

Chăn chiếu chẳng có trăm đường xót xa.

Lạy trời cho đến tháng ba,

Được trận mưa lớn ta ra ngồi ngoài.

Ngồi ngoài rộng rãi thành thơi,

Phòng khi mưa nắng ngồi ngoài kiếm ăn.

Trước kia ta vẫn tu thân,

Ta tu chẳng được thì thân ta hèn.

Ta gặp thằng bé đen đen,

Nó đứng nó nhìn nó chẳng nói chi.

Ta gặp thằng bé đen sì,
Tay thì cái giỏ tay thì cần câu.
Nó có chiếc nón đội đầu,
Khăn vuông chít tóc ra màu xinh thay.
Nó có cái quạt cầm tay,
Nó có ống nứa bỏ đầy ngóe con.
Nó có chiếc cán thon thon,
Nó có sợi chỉ son son mà dài,
Ếch tôi mới ngồi bờ khoai,
Nó giật một cái đã sai quai hàm.
Mẹ ơi lấy thuốc cho con,
Lấy những lá ớt cùng là xương sông.
Ếch tôi ở tận hang cùng,
Bên bè rau muống phía trong bè dừa.
Thằng Măng là con chú Tre,
Nó bắt tôi về, làm tội lột da.
Thằng Hành cho chí thằng Hoa,

Mắm muối cho vào, cay hời đặng cay!

CÁCH SỐNG NHÀN HẠ, XA HOA VÀ TỘI ÁC CỦA ĐỊA CHỦ

Bóc áo, tháo cà.

*

Cửa sừng, xẻ tai.

*

Một bồ lấy bốn.

*

Cá vàng bụng bọ.

*

Cá lớn nuốt cá bé.

*

Giàu điếc, sang đui.

*

Ngồi mát, bát đầy.

*

Ruộng cả, ao liền.

*

Tiền dư, thóc mục.

*

Tiền rời, thóc đông.

*

Tiền ròng, bạc chảy.

*

Ruộng sâu, trâu nái.

*

Ho ra bạc, khắc ra tiền.

*

Nhà giàu nói đâu ra đấy.

*

Học chả hay, cày chả biết.

*

Hết nạc thì vạc đến xương.

*

Được đẳng chân, lân đẳng đầu.

*

Đi cuốc đau tay, đi cày mỏi gối.

*

Ngồi đồng thóc, móc đồng tiền.

*

Mạnh vì gạo, bạo vì tiền.

*

Hung chi hơn gạo, bạo chi hơn tiền.

*

Bòn nơi khố rách, đãi nơi quần hồng.

*

Trống chùa ai đánh thì thùng,

Của chung ai khéo vầy vùng thành riêng.

*

Ăn no rồi lại nằm khoè,

Thấy giặc trống chèo bể bụng đi xem.

*

Làm thì chẳng muốn bằng ai,
Ăn thì thứ nhất, thứ hai trong làng.

*

Trong nhà đã có vàng mười,
Song le còn muốn của người nhân sâm.

*

Trong nhà đã có hoàng cầm,
Song le còn muốn nhân sâm nước người.

*

Thiếu thuế bắt vợ,
Thiếu nợ bắt con.

*

Cả vú lấp miệng em,
Cả hèm lấp miệng hũ.

*

Ngó lên đám cấy ông cai,

Cấy thưa ông ghét, cấy dày ông thương.

*

Con lành con ở cùng bà,
Váng mình sốt mẩy, con ra ngoài đường.

*

Cào cào giã gạo tao xem,
Tao may áo đỏ, áo đen cho cào.

*

Tháng sáu gọi cấy rào rào,
Tháng mười lúa chín, mỗ rao cấm đồng.

*

Cái cò, cái vạc, cái nông,
Ba cái cùng béo, vật lông cái nào?
Vật lông cái vạc cho tao,
Hành, răm, nước mắm, bỏ vào mà thuôn.

*

- Cái cò, cái vạc, cái nông,

Sao mà giẫm lúa nhà ông, hỡi cò?

- Không, không! Tôi đứng trên bờ,

Mẹ con cái vạc, đổ ngờ cho tôi.

Chẳng tin, thì ông đi đôi,

Mẹ con nhà nó còn ngồi đây kia.

*

Cái cò lặn lội bờ ao,

Hỡi cô yếm đào, lấy chú tôi chẳng?

Chú tôi hay tửu hay tăm,

Hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa.

Ngày thì ước những ngày mưa,

Đêm thì ước những đêm thừa trống canh.

*

Cái cò mày mỗ cái tôm.

Cái tôm quặp lại, lại ôm cái cò.

Cái cò, mày mỗ cái trai,

Cái trai quặp lại, lại nhai cái cò.

NHỮNG MÂU THUẦN TRONG SINH HOẠT
GIỮA NÔNG DÂN VÀ ĐỊA CHỦ

No nên bụt, đói ra ma.

*

Giàu bán chó, khó bán con.

*

Làm phúc nơi nao, cầu ao chẳng bắc.

*

Khó giữ đầu, giàu giữ của.

*

Giàu ruộng nợ, nợ ruộng thuê.

*

Hay làm thì đói, hay nói thì no.

*

Bà chúa đứt tay bằng ăn mày số ruột.

*

Bà tiên, bà thóc, bà cóc gì ai.

*

Đã giàu thì lại giàu thêm,
Đã khó, lại khó cả đêm lẫn ngày.

*

Nhà giàu ngày ăn ba bữa,
Nhà khó đỏ lửa ba lần.

*

Nhà giàu tham việc, thất nghiệp tham ăn.
Ngồi mát ăn bát đầy, lấy cây không đầy bát.

*

Giàu từ trong trứng giàu ra,
Khó từ ngã bảy ngã ba khó về.

*

Trứng rỗng lại nở ra rỗng,
Liu điu lại nở ra dòng liu điu.

*

Con vua thì lại làm vua,

Con nhà kẻ khó bắt cua cả ngày.

*

Con quan thì lại làm quan,
Con nhà kẻ khó đốt than cả ngày.

*

Con vua thì lại làm vua,
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.
Bao giờ dân nổi can qua,
Con vua thất thế lại ra ở chùa.

*

Giàu không ra khỏi ngõ,
Khó mọi chỗ mọi hay.

*

Giàu sang nhiều kẻ tới nhà,
Khó khăn nên nổi ruột rà xa nhau!

*

Giàu thì cơm áo bổ lao,

Khó thì đánh điệu thuốc Lào ngậm hơi.

*

Có ăn vất vả đã cam,

Không ăn ta nghỉ, ta làm làm chi.

*

Hơn nhau tấm áo manh quần,

Thả ra bóc trần, ai cũng như ai.

*

Bớt đồng thì bớt cù lao,

Bớt ăn, bớt uống thì tao bớt làm.

*

Nhà giàu trồng lau ra mía,

Nhà khó trồng củ tía ra củ nâu.

*

No cơm ẩm ướt, dậm dật mọi nơi,

Quần áo tả tơi, mọi nơi chẳng dật.

*

Mẹ chồng, nàng dâu,
Chúa nhà, người ở, yêu nhau bao giờ!

*

Trời sao trời ở chẳng công,
Kẻ hai ba vợ, người không vợ nào.

*

Hèn mà làm bạn với sang,
Chỗ ngồi chỗ đứng có ngang bao giờ.

*

Cổ công sống mấy nghìn năm,
Thử xem thừa ruộng mấy trăm người cày.

*

Thăm Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu,
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy trâu.
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè,
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mè.

Phú ông xin đổi ba bè gỗ lim,

Bờm rằng: Bờm chẳng lấy lim.

Phú ông xin đổi con chim đồi mồi,

Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mồi.

Phú ông xin đổi hòn xôi, Bờm cười.

NHỮNG NHẬN ĐỊNH CỦA NHÂN DÂN

VỀ BỌN QUAN NHA

Mẽ tận, dân tàn,

*

Hết quan, tàn dân.

*

Quan tha, nha bắt.

*

Quan cần, dân trễ.

*

Quan hai, lại một.

*

Quan yêu, bạn ghét.

*

Bút sa, gà chết.

*

Phép vua thua lệ làng.

*

Miệng quan, tròn trẻ.

*

Vô phước bước cửa quan.

*

Quan cả vạ to.

*

Quan trong hơn quan ngoài.

*

Khôn làm lại, dại ở nhà.

*

Quan cứ lệnh, lính cứ truyền.

*

Quan phủ đi, quan tri nhậm.

*

Tuần hà là cha kẻ cướp.

*

Quan thì xa, bản nha thì gần.

*

Thứ nhất quận công, thứ nhì không khố.

*

Thứ nhất quận công, thứ nhì ỉa đồng.

*

Ỉa đồng một bãi, bằng vạn đại quận công.

*

Muốn nói gian^[170] làm quan mà nói.

*

Có chí làm quan, có gan làm giàu.

*

Quan nói hiếp, chồng có nghiệp nói thừa.

*

Quan thấy kiện, như kiến thấy mờ.

*

Nén bạc đâm toạc tờ giấy.

*

Của vào quan như than vào lò.

*

Quan xứ Nghệ, lính lệ Đình Cao^[171].

*

Quan xứ Nghệ, lính lệ xứ Thanh.

*

Quan muốn sang, nhà hàng muốn đắt.

*

Léo nhéo như mỡ réo quan viên.

*

Chưa đỗ ông nghề, đã đe hàng tổng.

*

Được là vua, thua là giặc.

*

Quan bất cần, dân bất nhiều.

*

Quan kẻ Mọc, thóc Mễ Trì.

*

Thứ nhất tờ sai, thứ hai nhà nợ.

*

Muốn làm lớn thì làm lão.

*

Con ơi, nhớ lấy câu này,

Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.

*

Vô phúc đáo tụng đình,

Tụng đình rình vô phúc.

*

Trâu buộc thì ghét trâu ăn.

Quan võ thì ghét quan văn dài quần.

*

Văn thì cứu phẩm đã sang,

Võ thì tứ phẩm còn mang gươm hầu.

*

Quan văn mất một đồng tiền.

Xem bằng quan võ mất quyền quận công.

*

Nhà bay chết lợn, toi gà.

Năm ba ông cống đến nhà ngày mưa.

*

Tậu voi chung với đức ông,

Vừa phải đánh công, vừa phải hót phân.

*

Bộ Binh, bộ Hộ, bộ Hình,

Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi!

*

Quan có cần nhưng dân chưa vội,

Quan có vội, quan lợi quan sang.

*

Miệng kẻ sang có gang có thép,

Đồ kẻ khó, vừa nhỏ vừa thâm.

*

Đàn ông quan tắt thì chầy,

Đàn bà quan tắt, nửa ngày nên quan.

*

Khôn ngoan, đến cửa quan mới biết,

Giàu có đến ba mươi tết mới hay.

*

Tham giàu mà lấy chủ kho,

Ba năm hiệu lượng, vua cho đeo vòng.

*

Lúc thì chả có một ai,

Lúc thì ông xã, ông cai đầy nhà.

*

Sang chơi thì cứ mà sang,
Đừng bắt dọn dàng mà nhọc lòng dân.

*

Đục đến chạm, thì chạm đến khăng,
Đòn đánh lý trưởng thì văng cả làng.

*

Thừa quan rồi mới đến dân,
Thừa nha môn, phần đến sãi đồ đưa.

*

Trẻ chẳng tha, già chẳng thương,
Cóc, nhái, ễnh ương, chấp chi nhất nhạnh.

*

Vạn Niên là Vạn Niên nào^[172]?
Thành xây xương lính, hào đào máu dân.

*

Anh về xẻ ván cho dày,
Đóng thuyền đợi bến, rước thầy mẹ sang.
Thuyền lớn, quan bắt chở lương,
Còn chiếc thuyền nhỏ cùng nàng qua sông.
Chờ nàng anh đứng anh trông...

*

Nhất thì bộ Lại, bộ Binh,
Nhì thì bộ Hộ, bộ Hình cũng xong.
Thứ ba thì đến bộ Công,
Nhược bằng bộ Lễ, lạy ông xin về.

*

Trời mưa cho ướt lá bầu,
Anh làm lính lệ đi hầu ông quan.
Thương người mũ bạc, đai vàng,
Đem thân mà đội mâm cam cho đành!

*

Cậu cai nón dẫu lông gà,

Ngón tay đeo nhẫn gọi là cậu cai.

Ba năm được một chuyển sai,

Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.

*

Lấy lính thì được ăn lương,

Lấy thầy ăn óc, ăn xương gù thầy?

*

Em đừng thấy lính mà khinh,

Lãnh binh, thống chế, tam dinh một đồng.

*

Đẻ đứa con trai,

Chẳng biết nó giống ai?

Cái mặt thì giống ông cai,

Cái đầu ông xã, cái tai ông trùm.

*

Em là con gái đồng trinh,

Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè.

Ông Nghè sai lính ra ve,

“Trăm lạy ông Nghè, tôi đã có con!”.

- Có con thì mặc có con,

Thắt lưng cho giòn, theo võng cho mau^[173].

*

Thuyền than lại đậu bến than,

Gặp cô yếm thắm, ông quàng ngang lưng.

- Thôi thôi, tôi van cậu rằng đừng!

Tôi lạy cậu rằng đừng!

Tuổi tôi còn bé, chưa từng nguyệt hoa.

Tôi về gọi chị tôi ra,

Chị tôi đã lớn, nguyệt hoa đã từng.

*

Trèo lên cây khế mà rung,

Khế rụng đùng đùng, không biết khế ai?

- Khế này khế của ông cai,

Khế vừa ra trái, chị hai có chồng!

*

Tháng tám có chiếu vua ra,
Cấm quần không đáy, người ta hãi hùng.

Không đi thì chợ không đông,
Đi thì phải lột quần chồng sao đang!

Có quần ra quán bán hàng,
Không quần ra đứng đầu làng trông quan.

*

Gió đưa ông đội vô kinh,
Bà đội thương tình cặp nón chạy theo.

*

Cậu cai buông áo em ra!
Để em đi chợ kéo mà chợ trưa.
Chợ trưa, rau nó héo đi,
Lấy gì nuôi mẹ, lấy gì nuôi con?

*

NHỮNG NHẬN ĐỊNH CỦA NHÂN DÂN

VỀ NỘI CHIẾN

Một nhà hai chủ không hòa,
Hai vua một nước ắt là không yên.

*

Cái cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.

- Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng.

Ở nhà có nhớ anh chăng?
Để anh kể nỗi Cao Bằng mà nghe.

*

Ba năm trấn thủ lưu đồn,
Ngày thì canh điểm tối dồn việc quan.
Chém tre, đẵn gỗ trên ngàn,
Hữu thân hữu khổ, phàn nàn cùng ai!
Miệng ăn măng trúc, măng mai,
Những giang cùng nứa, biết ai bạn cùng?

*

Anh đi lưu trú Bắc Thành,
Để em khô héo như nhành từ bi^[174].

*

Nước ròng chảy đến Tam Giang,
Sầu đâu chín rụng, sao chàng biệt tin^[175].

Chàng ơi! Đi trẩy kéo trưa,
Cửa nhà cậy mẹ, nắng mưa nhờ trời.

Em đi cầu khẩn Phật trời,
Biết than cùng trời, biết thở cùng ai!

*

Lính vua, lính chúa, lính làng,
Nhà vua bắt lính cho chàng phải ra.

Giá vua bắt lính đàn bà,
Để em đi đỡ anh và bốn năm.
Bởi vua bắt lính đàn ông,
Tiền lưng gạo bị, sắm trong nhà này.

*

Kìa ai tiếng khóc nỉ non,
Ấy vợ chú lính trèo hòn đèo Ngang.
Chém cha cái giặc chết hoang,
Làm cho thiếp phải gánh lương theo chồng.
Gánh từ xứ Bắc, xứ Đông,
Đã gánh theo chồng lại gánh theo con.

*

Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài.
Một tay thì cặp hỏa mai,
Một tay cặp giáo, quan sai xuống thuyền.
Tùng tùng trống đánh ngũ liên,
Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa...

*

Con chuột mắc bẫy,
Bối gốc tre già,

Đẽo ra đòn xóc...

Chồng đi lính,

Vợ ở nhà khóc hi hi...

Trời ôi! Sinh giặc làm chi!

Cho chồng tôi phải ra đi chiến trường!

*

Chàng ơi! Trẩy sớm hay trưa?

Để em gánh gạo tiễn đưa hành trình.

- Thương nàng đã đến tháng sinh,

Ăn ở một mình trông cậy vào ai?

Rồi khi sinh gái, sinh trai,

Sớm khuya mưa nắng lấy ai bạn cùng!

- Sinh gái thì em gả chồng,

Sinh trai lấy vợ, mặc lòng thiếp lo.

*

Đường trường cách trở nước non,

Mẹ già đầu bạc, thiếp còn xuân xanh.

Giang sơn thiếp gánh một mình,
Có hay chàng tỏ tâm tình thiếp chẳng?

Trời ơi! Có thấu tình chăng?
Một ngày đằng đẳng xem bằng ba thu!

Ruột tằm bối rối vò tơ,
Gan vàng sao khéo thờ ơ dạ vàng!

*

Chàng thấy đi kể đã mấy đông,
Cho loan đón gió cho rồng chờ mưa.
Tấm gan vàng, dạ sắt, thiếp tôi ngẩn ngơ,
Lấy ai gìn giữ con thơ cho chàng!
Nghĩa vợ chồng đồng tịch đồng sàng,
Đồng sinh, đồng tử cưu mang đồng lần...
Chàng thấy đi vâng lệnh quân thân,
Thiếp xin đôi chữ Tấn Tần hợp duyên.
Nửa một mai bóng quế giải thêm,
Bóng trăng thấp thoáng, ngọn đèn mờ xanh

Chàng thấy đi, nước mắt thiếp tôi chạy quanh

Chân đi thất thểu, lời anh dặn dò...

*

Cậu lính là cậu lính ơi!

Tôi thương cậu lắm, nắng nôi sương hàn!

Lính này có vua, có quan,

Nào ai cắt lính cho chàng phải đi!

Nay thấy kim thì, mai thấy kim ngân.

Lấy nhau chưa được ái ân,

Chưa được kim chi Tấn Tần như xưa.

Trầu lộc em phong lá dứa,

Chàng thấy mười bốn, em đưa hôm rằm!

Rủ nhau ra chợ Quỳnh Lâm,

Vai đỡ gánh xuống, hỏi thăm tin chồng.

Xót xa như muối bóp lòng,

Nửa muốn theo chồng, nửa bận con thơ!

*

Ai cùng gặt lúa đỏ đuôi,
Chàng về mà đập mà phơi kịp ngày.

Ai mà giã gạo ba chày,
Giã đi cho trắng, gửi ngay cho chàng.

Sẵn tiền, mua bạc mua vàng,
Sẵn tiền, sắm áo cho chàng trẩy kinh.

Sáng trời chàng mới tập binh,
Em ngồi vò võ một mình em lo.
Ruộng nương không ai cày cho,
Trâu bò hèn mọn, em lo đường nào!

Ruộng người cày cấy lao xao,
Ruộng em bỏ cỏ mọc cao ngoài đồng.

Người ta có vợ có chồng,
Ruộng cạn, mạ úa, trong lòng cũng vui.

Nhà chàng có một mình em,
Ruộng cạn, mạ úa, em ngồi em lo...

Trời mưa cho ướt lá bầu,
Vì ai nên phải đi hầu chàng ơi!
Nhà vua cho lệnh về đòi,
Đồn rằng chàng trầy hai mươi tháng này.
Tiền gạo em xếp đã đầy,
Đồ nai, áo nịt, quần, giày, thắt lưng.
Đồn rằng chàng trầy hay dừng,
Ở nhà công việc nửa mừng nửa lo...
Ruộng nương ai chịu cấy cho,
Để em ở lại, đói no vài đồng!
Lấy gì đóng góp cho chồng?
Lấy gì giỗ chạp thổ công, ông bà?
Lấy gì nuôi mẹ, nuôi cha?
Lấy gì thu xếp cửa nhà, chàng ơi?
Lấy gì cho ngựa, cho voi?
Lấy gì đóng góp như đôi láng giềng?
Chàng đi chưa được nửa niên,

Bỏ thảm bỏ thiết, bỏ phiên cho em.

*

Nhà vua bắt lính đàn ông,

Mười sáu tuổi rưỡi đứng trong công đường.

Ai trông thấy lính chả thương,

Đứng trong công đường nước mắt như mưa...

*

Trên non tót một tiếng còi,

Thương con, nhớ vợ, quan đòi phải đi.

Không đi thì sợ quan đòi,

Ra đi thì nhớ cá mè nấu măng.

[167] Đờn Hậ Lê (1600), nhân dân Ngọc Bôi bị Đàng quận công Nguyễn Khải bắt gánh đá làm sinh tử ở Thanh Hóa.

[168] Ngõ Cầu Đông xưa kia ở vào phố Hàng Đường, Hà Nội.

[169] Bài này là bài "Phụ đồng ếch", thường hát để vui chơi, nhưng nội dung phản ánh đời sống cơ cực của nông dân Việt Nam thời phong kiến.

[170] Có bản chép là: ngoa (điều ngoa).

[171] Một làng thuộc huyện Phù Cừ (Hưng Yên).

[172] Tự Đức xây Vạn Niên cung làm khổ nhân dân. Đoàn Trưng, Đoàn Trục nhân đây nổi lên chống đối.

[173] Có bản chép bốn chữ cuối là “mà lấy chồng quan”.

[174] Nhân dân Thanh, Nghệ Tĩnh đi lính thời Lê - Trịnh.

[175] Đi lính thời Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đánh thua.

4. ĐỐI VỚI THỰC DÂN ĐẾ QUỐC XÂM LƯỢC VÀ NHỮNG KẺ LÀM TAY SAI

Một đặc điểm trong lịch sử nước ta là hết nổ ra chiến tranh này, lại nổ ra chiến tranh khác; hết chiến tranh chống phong kiến nước ngoài xâm lược, lại đến chiến tranh trong nước giữa những tập đoàn phong kiến thống trị dân tộc; rồi đến thời phong kiến suy tàn cực độ thì thực dân Pháp đến đánh chiếm nước ta. Ở vào tình cảnh ấy, nhân dân Việt Nam càng yêu nước nồng nàn, càng căm thù sâu sắc quân giặc xâm lăng và những kẻ đầu hàng, bán nước.

Ở mục này, chúng tôi trích đăng một số câu ca dao thổ lộ những ý nghĩ căm phẫn và chua cay của nhân dân trước sự đầu hàng của giai cấp phong kiến thống trị đối với thực dân Pháp xâm lược và sự chống đối yếu ớt, lừng chừng của một số văn nhân yêu nước trong khi thiếu sự lãnh đạo sáng suốt và cương quyết.

Trong khi “tán tương, tán lý cũng một lòng theo Tây” thì có một số người yêu nước, hăng hái tham gia phong trào Cần Vương và dự định:

Trước hạ thành Hà Tĩnh,

Sau nghìn giá hồi trào.

Cho tỏ mặt anh hào,

Người Hồng Sơn, Lam Thủy...

Nhưng ngay trong hàng ngũ những người khởi nghĩa Cần Vương chống thực dân Pháp, đã có những tên làm tay sai cho giặc chui vào; những người cầm đầu phong trào vì thiếu cảnh giác, nên tuy nhân dân đã cố gắng tiếp tế cho nghĩa quân mà phong trào cứ một ngày xuống dần, cho đến khi thất bại hẳn. Hãy nghe những lời ta thán của nhân dân:

Trái khố qua xanh,

Trái khố qua đặng,

Trong trắng, ngoài xanh,

Liều mẹ không đẻ, liều cha không sanh,

Chém đầu đứa nịnh, cho đành dạ em...

Nhân dân căm thù sâu sắc những kẻ gian nịnh, những kẻ đang tâm bán rẻ đất nước. Khi họ thấy giang sơn đất nước tươi đẹp bị sa vào ách thống trị của thực dân Pháp thì họ thổ lộ những ý nghĩ chua xót trong lời ca:

Tiếc quả hồng ngâm mà đem cho chuột vọc,

Tiếc con người ngọc mà đem cho ngâu vầy,

Tiếc của Nam ta xây dựng, để cho Tây tung hoành.

Giai cấp phong kiến thống trị thời đó đã đến lúc không còn làm được nhiệm vụ của nó như thời trước nữa; còn nhân dân thì chưa có một đảng tiên phong, khi chưa có đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, cũng chỉ biết than tiếc hay đấu tranh lẻ loi, không triệt để, vì chỉ có đảng của giai cấp công nhân mới có đủ năng lực và uy tín để lãnh đạo toàn dân đoàn kết đấu tranh ở những giai đoạn lịch sử gay go và phức tạp.

Khi thực dân Pháp đã đặt ách đô hộ lên đất nước ta thì tiếng phản kháng mạnh mẽ hơn cả là tiếng phản kháng của nhân dân lao động, trong đó nông dân vẫn là đại đa số. Những việc mộ phu trong quần chúng nhân dân đi làm các đồn điền cao su Đất Đỏ, đồn điền Dầu Tiếng, đồn điền cao su Mê Kông, mà ở đó bọn thực dân đàn áp bóc lột người lao động Việt Nam thậm tệ đã làm cho nhân dân rất căm ghét. Hãy nghe tiếng nói của nhân dân lao động Việt Nam ở một đồn điền cao su của Pháp:

Có đi mới biết Mê Kông,

Có đi mới biết thân ông thế này.

Mê Kông chôn xác thường ngày...

Nhưng dù ở nơi khổ cực như thế, tâm tình người nông dân lao động vẫn trong trắng. Trước là tình hữu ái giai cấp, mối tình của những người cùng nhau đi “làm mướn, làm thuê”, cùng chung cảnh bị bóc lột, sau là tình yêu nồng mặn của đôi trai gái, mối tình thắm thiết và bất diệt của nhân loại.

Ở đây đất đỏ mây vàng,

Em đi làm mướn gặp chàng làm thuê

Yêu nhau ta đưa nhau về,

Làm mướn là vợ, làm thuê là chồng.

Chúng ta nhận thấy ý thức của giai cấp rất rõ trong lời ca. Tuy là cảnh cùng khổ, nhưng rất tự hào, đây là những người lao động lấy nhau: “Làm mướn là vợ, làm thuê là chồng!”, chứ không phải anh Giáp, chị Ất nào khác.

Trong thời Pháp thuộc, nhân dân Việt Nam nhiều khi bị đàn áp rất tàn nhẫn. Bọn thực dân và bọn tay sai của chúng đàn áp những người làm cách mạng và đàn áp cả những người có cảm tình với cách mạng. Nhân dân Việt Nam ta, do những việc tàn ác ấy của chúng, đã bắt đầu nhìn thấy ai là bạn, ai là thù. Một câu ca dao sau này chứng tỏ sự nhận xét sáng suốt của nhân dân:

Con cò mà đậu cành tre,

Thằng Tây bắn súng, cò què một chân.

Đến mai ra chợ Đồng Xuân,

Chú khách mới hỏi: sao chân cò què?

Cò rằng cò đứng bụi tre,

Thằng Tây bắn súng, cò què một chân...

Chúng ta thấy chữ “thằng Tây”, “chú khách” là những chữ đã có phân biệt bạn thù ở người lao động Việt Nam vào thời mà đảng của giai cấp công nhân chưa ra đời, thời mà ý thức giác ngộ giai cấp của họ chưa được rõ rệt cho lắm. Lời phác thực của bài ca dao càng làm nổi tính chất thực dân đè hèn và tàn bạo của bọn xâm lược; bất kỳ trường hợp nào chúng cũng dùng vũ lực để đe dọa, khủng bố.

*

Vào thời Pháp, Nhật thuộc, hai ách thống trị của thực dân đế quốc đè nặng lên nhân dân Việt Nam; những người cực khổ nhất trong thời đó là công nhân và nông dân. Chúng ta còn nhớ, hồi đó, ở nhiều nơi, nông dân

phải nhổ cả ngô nảy bắp non, lúa đã có đòng đòng, để trồng đay, trồng lạc cho phát xít Nhật. Sự căm phẫn của nông dân đã lên đến cực độ, họ thấy cần phải đối phó, và ý chí ấy đã thể hiện trong ca dao:

Ruộng ta, ta cấy, ta cày,

Không nhường một tấc cho bầy Nhật, Tây.

Chúng mày lảng vảng tới đây,

Rủ nhau gậy, cuốc, đuổi ngay khỏi làng.

Đối với thực dân, đế quốc, nhân dân Việt Nam là những người căm thù sâu sắc chúng hơn hết. Nước biển còn có khi đầy khi vơi, chứ lòng căm thù của chúng ta đối với đế quốc bao giờ cũng như bao giờ, vì còn đế quốc thì còn áp bức, bóc lột, còn chiến tranh xâm lược và người lao động không thể có tự do, hạnh phúc được. Đối với đế quốc, nhân dân Việt Nam đã có thái độ dứt khoát:

Bể Đông có lúc vơi đầy,

Mối thù đế quốc, có ngày nào quên!

VỀ THỜI CẦN VƯƠNG

Ai về nhả với quan Thương,

Bình Tây sát tả để dọn đường vua ra.

Trèo lên chuông Bụt múa cờ,

Tưởng chàng làm nên danh phận, ai ngờ về thú Tây^[176].

*

Chớ tham đồng bạc con cò,
Bỏ cha bỏ mẹ đi phò Lang Sa.

*

Tiếc quả hồng ngâm mà đem cho chuột vọc,
Tiếc con người ngọc mà đem cho ngâu vầy,
Tiếc của Nam ta xây dựng, để cho Tây tung hoành.

*

Tay cầm cơn cờ đại,
Vai vác khẩu súng trần.
Thế trời nỏ cho mần,
Rút quân về Bái Thượng.

*

Chữ vua đã mật phong,
Về mộ binh mộ lính.
Trước hạ thành Hà Tĩnh,
Sau nghênh giá hồi trào,

Cho tỏ rõ mặt anh hào,
Người Hồng Sơn, Lam Thủy.

*

Trái khố qua xanh,
Trái khố qua trắng,
Trong trắng ngoài xanh,
Liều mẹ không đẻ, liều cha không sanh,
Chém đầu đứa nịnh, cho đành dạ em...

*

Khen ai khéo tiện ngủ cờ,
Khéo xây bàn án, khéo thờ tổ tiên.
Tổ tiên để lại em thờ,
Anh ra ngoài ải, cầm cờ theo vua.

*

Bởi vì Nam vận ta suy,
Cho nên vua phải ra đi sơn phòng.

*

Cụ Đề, cụ Chương làm cũng không xong,
Tán tương tán lý cũng một lòng theo Tây...

*

Từ năm Canh Hợi đến nay,
Trong ngoài đã có giặc Tây ra đời.
Từ trong Gia Định các nơi,
Ninh Bình, Hà Nội, một trời súng ran.

Từ dân cho chí đến quan,

Ai ai cũng rối,

Thất thủ Hà Nội,

Mồng một tháng mười,

Tả đạo các nơi,

Kéo ra phóng triệt.

Củi thì lấy hết,

Người thì giết đi.

Con gái nữ nhi,

Dụng tình hãm hiếp,

Các quan cũng hiệp.

Một thủ bàn hòa.

Khốn khổ dân ta,

Dễ ngồi mà chịu!

Lập mưu bày mẹo,

Đảo thủ gia hương,

Lập điểm, rào đường,

Canh giờ nghiêm ngặt.

Kẻ thì xuất lực,

Người thì xuất tài.

Trống mõ vang trời,

Rày bò mai lợn,

Đừng làm thêm hỗn,

Đàn thiết đàn thu.

Kẻ đói cũng lo,

Người giàu cũng tội,

Từ ngày chí tối,

Chùm bảy, chùm ba,
Từ trẻ chí già,
Chuyện triều, chuyện giặc.
Bước sang năm Tuất,
Các tỉnh mới yên.
Văn thân nổi lên,
Chiêu cờ sát tả.
Đứng làm tướng cả,
Là huyện Thanh Tiên.
Tú Trân nổi lên,
Gọi bằng Bang Cố.
Đội Dục, Thừa Tổ,
Là tiền hậu quân.
Thánh giá, tùy thân,
Thầy nào, tớ ấy,
Mồng ba tháng bảy,
Kéo ra chợ Si,

Các toán, các chi,
Hội đồng kéo đến.
Dao vàng, áo chiến,
Mục dục, gươm trần,
Truyền tất cả dân,
Đâu là tả đạo,
Không kỳ già lão,
Con trẻ, đàn bà,
Gông cùm đặt ra,
Lấy làm thảm thiết...
Kẻ thì chém giết,
Kẻ thì trôi sông,
Máu chảy đầy sông,
Máu chảy đầy đồng,
Thây trôi khắp bến...
Lấy ai kháo kiện,
Lấy ai kêu van,

Việc tại trời làm,

Hại nhân, nhân hại,

Xã Đoài, Thuận, Ngãi,

Thanh Dạ, Thọ Kỳ.

Tin tức một khi,

Đào hào, xây đá,

Canh giờ nhật dạ,

Nghiêm cấm ra vào.

Thấy thế sự cũng nao,

Thấy cơ quan cũng sợ...

CẢNH KHỔ CỰC CỦA NHÂN DÂN

TRONG THỜI PHÁP THUỘC

Đời ông cho chí đời cha,

Đời nào cực khổ cho qua đời này,

Từ ngày mất nước cho Tây,

Tiêu hao thì có, sum vầy thì không!

Thuế thuân phải chịu ba đồng,

Công sưu công ích mà không ra gì.

Đêm nằm luống những sầu bi,

Sưu cao thuế nặng, lấy chi thanh nhàn.

Kẻ thời bỏ xứ đi hoang,

Xa chồng, cách vợ, ly tan gia đình.

Người nào xuất ngũ hành binh,

Chết thay cho chúng, dân mình ích chi!

Người nào phản hộ hồi quy,

Chịu ba đồng hai cắc cũng y như thường.

Ồi thôi! Chưa xót đoạn trường,

Thuế tranh, thuế củi, thảm thương cho đứa nghèo!

Người sao sung sướng cười reo,

Kẻ sao cực khổ lên đèo xuống hang.

Muốn cho sung sướng thanh nhàn,

Chúng ta đoàn kết lên đàng đấu tranh!

Khố đã rách như tua con mực,

Áo tả tơi mảnh ngược mảnh xuôi,

Vì đâu cực khổ cuộc đời?
Bởi chưng sưu thuế, vọt roi mấy lần.

*

Có đi mới biết Mê Kông,
Có đi mới biết thân ông thế này!
Mê Kông chôn xác thường ngày,
Có đi mới biết bởi tay “xu”^[177] Bào.

*

Sáng ngày vừa mới tinh sương,
Cơm trôi khỏi miệng, vác choòng^[178] ra đi.

Vợ nghèo ẵm trẻ hài nhi,
Lên tầng để búi, rồi đi gậy goòng^[179]

Trẻ thơ nằm mỗi bông bong,
Nô đùa muối cỏ, đói lòng ngậm que,
Lên tầng khuyu gối đụn xe,
Gò lưng mưa mặt, nắng hè quán chi.

Chồng xuống lò giếng đen sì,

Mong sao cho chóng chiều về một công.

*

Thương chồng nấu cháo đường xe,
Nấu canh “lắc lít”, nấu chè bù loong^[180].

*

Than nhiều hơn cả cỏ cây,
Đào ra than cũng tay này chứ ai!
Thế mà cả gái trai già trẻ,
Đều còng lưng làm nghề, làm trâu;
Đào than cho nó làm giàu,
Xúc vàng đem đổ xuống tàu cho Tây.

*

Cây mắm cò quăm, cây xú cò queo,
Thắt lưng cho chặt mà theo anh về.
Ăn cơm với cá mèi he^[181],
Lấy chồng Cấm Phả, đùn xe suốt đời.

*

Phủ Quỳ đi có về không,
Mồ xanh vợ để tang chồng là đây^[182].

*

Thuyền than mà đậu bến than,
Thương anh vất vả cơ hàn nắng mưa.

- Thuyền than đậu bến đen sì,
Anh không ra mỏ, lấy gì em ăn?

*

Cầm hơi miếng bánh đúc vôi,
Rét run lấy mảnh bao gai che mình.

*

Công này chỉ chín xu thôi,
Nhưng cúp^[183] và phạt những đôi ba đồng.

*

Đau đẻ cũng phải xúc than,
Đẻ rơi cũng mặc, kêu van cũng lờ.

*

Một ngày một cân gạo kho,
Một xu cá ót, sao no cả ngày?

*

Sáng ngày vác cuốc trèo non,
Tối về mới biết mình còn sống đây.

*

Cái thằng Tây nó ác quá,
Nó đánh, nó đá, nó cưỡng hiếp, chửi mắng lôi thôi.

Trở về nương rẫy đi thôi,
Làm than khổ lắm, đấm buôi làm than!

*

Ăn với chồng một bữa,
Ngủ với chồng một đêm;
Một ngày hai bữa cơm đèn,
Còn gì má phấn, răng đen, hơi chàng!

*

Hai chân leo đá đã mòn,

Hai tay chai rạn hãy còn trơ trơ.

Còn duyên với cuộc, còn nhờ;

Hết duyên, bị gậy ngòi chờ cổng kho!

*

Ở đây đất đỏ, mây vàng,

Em đi làm mướn gặp chàng làm thuê.

Yêu nhau ta đưa nhau về,

Làm mướn là vợ, làm thuê là chồng.

*

Lỡ lằm vào đất cao su,

Chẳng tù thì cũng như tù chung thân.

*

Cao su đi dễ khó về,

Khi đi mất vợ, khi về mất con.

Cao su đi dễ khó về,

Khi đi trai trẻ, khi về bụng beo.

*

Ai đi Uông Bí, Vàng Danh,
Má hồng để lại, má xanh mang về.

*

Bán thân đổi mấy đồng xu,
Thịt xương vùi gốc cao su mấy tầng.

*

Muốn rằng tàu lặn, tàu bay,
Nên anh bỏ việc cấy cày anh đi.

Biết mà cu lít, cu li,
Thà rằng ở vậy nhà quê với nàng.

Nhà quê có họ có hàng,
Có làng, có xóm, nhờ nhàn có nhau.

*

Con ơi đừng khóc mẹ sầu,
Cha con đốt lửa dưới tàu Long Môn^[184],

Bao giờ con lớn, con khôn,
Thì con lại xuống Long Môn con làm.

*

Đèo nào cao bằng đèo Châu Đốc,
Ngọn gió nào độc bằng ngọn gió Gò Công.
Thổi gió đông, lạt vợ xa chồng.
Năm đêm nghĩ lại, nước mắt hồng tuôn rơi^[185]...

*

Vợ chồng chợ Hiếu nhà ta,
Bách niên giai lão được ba bốn ngày^[186].

*

Anh nay con trai Hải Phòng,
Chạy tàu Phi Hồ^[187] vào trong Ninh Bình.

Thấy em thấp bé mà xinh,
Anh thuận nhân tình, anh nắm cổ tay.

Năm rồi anh hỏi cổ tay:

- Ai nặn nên trắng, ai xây nên tròn?

*

Con cò mà đậu cành tre,

Thằng Tây bắn súng, cò què một chân.

Hôm sau, ra chợ Đồng Xuân,

Chú khách mới hỏi sao chân cò què?

Cò rằng: cò đứng bụi tre,

Thằng Tây bắn súng, cò què một chân...

*

Hoàng Trùng đi, Vi Trùng lại,

Gây tai gây hại, chẳng kém gì nhau^[188].

Khuyển Ưng hai gã Khải, Hoan^[189],

Theo Tây hại nước, giàu sang riêng mình.

Công lênh với nước mới vinh,

Công lênh với giặc người khinh đời đời.

*

Nhất Đạc, nhì Ke, tam Be, tứ Bít^[190].

CẢNH KHỔ CỤC CỦA NHÂN DÂN

TRONG THỜI PHÁP - NHẬT THUỘC

Lấy chồng mà cậy mà nhờ,

Hôm qua thằng Nhật bắt bừa đi phu.

Bên mình neho nhóc con thơ,

Dỗ được chúng nín, trời mưa mất rồi!

Cảnh tình thảm lắm, ai ơi!

Chàng đi khổ chín, thiếp tôi khổ mười.

Ngẫm ra thật đúng như lời:

Nước mà đã mất, nhà thời cũng tan.

*

Đất này đất tổ đất tiên,

Đất này chồng vợ bỏ tiền ra mua.

Bây giờ Nhật, Pháp kéo hùa,

Chiếm trồng đay lạc, ước chưa, hỡi trời!

*

Chém cha lũ Nhật côn đồ!

Bắt người cướp của, tha hồ thẳng tay.

Dân ta trăm đắng ngàn cay,

Thóc ăn chẳng có, trồng đay cho người!

*

Những mong ngô trở ra bông,
Ai ngờ ngô bị nhổ tung đầy đồng!
Nhìn ngô nước mắt tuôn ròng,
Ôm ngô mà héo cả lòng, ngô ơi!

*

Ruộng ta, ta cấy ta cà,
Không nhường một tấc cho bầy Nhật, Tây.
Chúng mày lảng vảng tới đây,
Rủ nhau gây, cuốc, đuổi ngay khỏi làng.

*

Nghèo thì ăn sẵn ăn khoai,
Ai ơi, đừng có theo loài Việt gian.

*

Hỏi rằng đi chết cho ai?
Cho nhà, cho nước, cho tình, cho em?
Hay là đi chết vì tiền,

Giữ thuê hầm mỏ, đồn điền cho Tây?

*

Việt Nam độc lập thế nào,

Phải chăng thẳng Nhật thay vào thẳng Tây?

Việt Nam độc lập thế này,

Có quân lùn ở, có ngày diệt vong.

*

Xa xa Côn Đảo nhà tù,

Biển sâu mấy khúc, lòng thù bấy nhiêu.

*

Bể Đông có lúc vơi đầy,

Mối thù đế quốc có ngày nào quên!

[176] Chỉ vào những kẻ lúc đầu hăng hái, sau thấy khó khăn gian khổ thì đầu hàng giặc.

[177] Xu đây là surveillant (giám thị), tức tên cai.

[178] Choòng là thanh sắt đào than, đục than.

[179] Goòng: toa than đẩy bằng tay trên đường sắt; do ở chữ “Wagon” mà ra.

[180] Lắc lít: đồ dùng để vặn đinh ốc, còn gọi là cái lắc lê (clé); bù loong (boulon).

[181] Cá mòi mục nát.

[182] Phủ Quỳnh thuộc Nghệ An có đồn điền Tây Hiếu và Đông Hiếu, xưa người đi phu thường chết mất xác, vì thiếu ăn thiếu mặc và làm việc vất vả quá.

[183] Cúp: cắt (do tiếng Pháp “couper” là cắt).

[184] Tàu chạy sông Nhị Hà của người Hoa kiều vào hồi 1910-1925.

[185] Nói về trận bão lụt năm Thìn ở miền Nam làm thiệt hại rất nhiều sinh mệnh, tài sản và mùa màng của nhân dân.

[186] Chợ Hiếu thuộc Nghệ An họp liên tục, ít khi cả đôi vợ chồng đều ở nhà.

[187] Phi Hồ, Phi Phương, tên những tàu chạy sông của Công ty Bạch Thái Bưởi.

[188] Chỉ vào hai tên tổng đốc họ Hoàng, họ Vi kế tiếp nhau ở Hà Đông (miền Bắc) làm hại nhân dân rất nhiều vào trước Cách mạng tháng Tám.

[189] Khải, Hoan tức Hoàng Cao Khải, Lê Hoan.

[190] Bốn tên quan cai trị Pháp có tiếng là tàn bạo: Darles, Erker, de Lambert, Bride.

5. CA DAO KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Vào thời quân xâm lược Pháp mới chiếm nước ta, đã nổi lên rất nhiều cuộc khởi nghĩa, trong đó có cuộc nổi dậy của Nguyễn Trung Trực^[191] ở Tân An thuộc miền Nam nước ta. Trước khi bị hành hình, Nguyễn Trung Trực đã nói vào mặt quân thù một câu danh thép: “Bao giờ đất này hết cỏ thì người Nam mới hết chống Tây”. Dựa theo ý của câu này nhân dân ta đã sáng tác câu ca dao sau đây trong thời kháng chiến chống Pháp:

Bao giờ hết cỏ Tháp Mười,

Thì dân ta mới hết người đánh Tây.

Truyền thống chống giặc, cứu nước, dân tộc ta đã có hàng ngàn năm. Từ Cách mạng tháng Tám, truyền thống ấy được Đảng và Bác Hồ phát huy lên gấp trăm nghìn lần. Bác dạy: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” là lý tưởng cao cả của nhân dân ta, dân tộc ta.

Bác Hồ là lãnh tụ của Đảng, đồng thời cũng là lãnh tụ của dân tộc, Bác là tượng trưng cho Đảng, cho nên khi nhân dân và bộ đội ta nói đến công ơn đối với Bác, tức là nói đến công ơn đối với Đảng.

Đèo cao trăm thước đèo cao,

Công Hồ Chủ tịch còn cao hơn đèo.

Vào thời Pháp – Nhật, cuối năm 1944 đã làm cho nhân dân ta chết mất hai triệu người. Bởi vậy, khi cuộc Cách mạng tháng Tám thành công đem lại cho nhân dân ta độc lập, tự do và cơm no áo ấm, nhân dân ta rất ơn Đảng, ơn Bác:

Uống nước là nhớ đến nguồn,

Cơm no áo ấm nhớ ơn Cụ Hồ.

Ơn cụ Hồ sâu hơn Nam Hải,

Công cụ Hồ bằng dài Trường Sơn.

Từ ngày dải đất Việt Nam được rạng rỡ, hai chữ “Việt Nam” được truyền đi khắp thế giới, thì “gương Cụ Hồ”, đạo đức cách mạng của Người cũng “tỏ khắp năm châu”.

Trên trời có ông sao Rùa,

Việt Nam ta có Cụ Hồ, em ơi!

Ánh sao rùa sáng ngời một góc,

Gương Cụ Hồ tỏ khắp năm châu.

Đối với Hồ Chủ tịch, nhân dân Việt Nam ta ai cũng thấy Người rất gần gũi với mình:

Cụ Hồ ở giữa lòng dân,

Tuy xa xa lắm, nhưng gần gần ghê.

Mỗi khi thư Cụ gửi về,

Rộn ràng khắp chợ cùng quê đón mừng...

Còn anh bộ đội, người đã được thể hiện nhiều trong ca dao, thì được mang danh hiệu là anh “lính Cụ Hồ”, bởi anh là người chiến sĩ vì nhân dân quên mình, có tinh thần chịu đựng gian khổ, chiến đấu ngày đêm, không quản hy sinh.

Trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân quen gọi Bác là “Cha già”. Bộ đội ở nhân dân mà ra, nên nhân dân coi bộ đội là con của Bác:

Cụ Hồ dân kính dân yêu,

Mà anh bộ đội dân chiều dân thương.

Cụ Hồ có vạn đàn con,

Đúng anh bộ đội là con Cụ Hồ.

Từ chỗ yêu anh bộ đội, vì anh là người cầm súng giết giặc, cứu nước, đến chỗ so sánh anh bộ đội với anh “chồng non” của chị em khác, cô gái nông thôn rõ ràng thấy anh bộ đội là con người khác hẳn. Hồi kháng chiến chống Pháp, ở một số nơi có tục tảo hôn: chồng mười hai, vợ mười tám. Người ta lấy vợ cho con để có thêm người lao động, chứ không nghĩ đến chuyện vừa đôi phải lứa. Bởi vậy, mới có câu nhảm nhủ:

Ai ơi chớ lấy chồng non,

Chờ ngày độc lập lấy “con Cụ Hồ”.

Dưới chế độ phong kiến, trong đấu tranh chống áp bức bóc lột, tiếng nói của chị em đã có nhiều tác dụng. Ở những câu ca dao có nội dung bốn cột,

nói lên mối tình khăng khít giữa quân và dân, hình ảnh người phụ nữ cũng nổi bật:

Ba cô gánh gạo nuôi quân,

Gặp ba chàng Vệ ngòi sân húi đầu.

Ba cô cười nụ bảo nhau:

Rằng em chỉ thích cái đầu húi cua!

Các cô gái nông thôn rất mến yêu anh bộ đội. Các anh cũng cảm thấy như vậy, nhưng các anh cũng tự giấu mình và bẽn lẽn một tý, làm cho mối tình đã thân càng thêm thân.

Ngoài mối tình mến yêu chung ấy, cũng có những cô thổ lộ mối tình khác trong khi đi phục vụ chiến trường; đó là tình yêu nam nữ trong trắng, hồn nhiên, biểu hiện rất nhiều trong ca dao truyền thống:

Hôm qua sinh nhật Cụ Hồ,

Bộ đội đánh thắng, ăn to hai đồn.

Chúng em sung sướng mừng rơn,

Theo anh Vệ quốc lên đồn khiêng bom.

Đạn to, đạn nhỏ đầy hòm,

Kiểu cà kiu kịt nặng chôn tê vai.

Các anh thích chí cả cười,

Em vui chân bước, buột lời, cười theo.

Anh quay nhìn lại, mắt nheo,

Má em đỏ ửng... hồng reo nắng hồng.

Nhân dân ta đối với bản thân thì thắt lưng buộc bụng, nhưng đối với bộ đội thì sẵn sàng tiếp tế. Tấm lòng ấy của nhân dân đã được thể hiện bằng những câu ca dao sau đây của Hằng Phương:

Ra công trồng một vườn cà,

Cà đem muối mặn cả nhà ăn chung.

Vịt gà nuôi béo nhốt lồng,

Chờ anh bộ đội lập công trở về.

Ngoài thực phẩm, đến mùa đông, nhân dân còn nghĩ đến cả áo, chăn bộ đội, thương anh bộ đội như con đẻ của mình:

Mùa đông gió bắc mưa phùn,

Xót người mang súng lội bùn thâu đêm.

Mau đem tiền bạc góp thêm,

Để mua áo ấm chăn êm tặng người.

Cái áo mặc vào đã ấm, nếu nó lại do người yêu gửi tặng thì anh bộ đội cảm thấy ấm lên mười phần, vì nó còn làm ấm cả lòng anh:

Mưa lâm râm ướt đầm lá cải,

Em thương chàng áo vải phong phanh.

Vội may chiếc trấn thủ xanh,

Gửi ra mặt trận cho anh ấm lòng.

Quân đội ta tuyệt đại đa số là con em nhân dân lao động, lại tiếp thu được truyền thống chiến đấu dũng cảm của cha ông, nên ở anh “lính Cụ Hồ”, hai việc đánh giặc và sản xuất đã kết hợp một cách dễ dàng:

Chiến trường thu dọn đã xong,

Sáng nay vác cuốc ra đồng xới ngô.

Đồng bào trông thấy hoan hô,

Hoan hô anh “lính Cụ Hồ” ngoan ghê!

Khen anh bộ đội “ngoan” thì thật là lời nói chân tình như nói với nhau trong gia đình, nên quân với dân đã chia sẻ với nhau từ bát nước, củ khoai:

Anh em qua đó qua đây,

Củ khoai bát nước trao tay cho người.

Được nhân dân thương yêu đùm bọc cho như thế, nên anh “lính Cụ Hồ” luôn luôn nhớ nhiệm vụ của mình, không ngại khó ngại khổ, ngày đêm vượt núi băng rừng để giết giặc, cứu nước:

Trập trùng bước thấp bước cao,

Đường xa dẫm thắm biết bao nhọc nhằn.

Trên vai đạn mấy mươi cân,

Mang đi bắn nát đầu quân bạo tàn.

Anh bộ đội Việt Nam tuy nhỏ người nhưng dai sức, lại chịu đựng gian khổ quen, nên dù thiếu ăn mất ngủ, vẫn cứ truy kích giặc như thường. Sau đây là những câu ca dao rất tự hào về tài bắt giặc của bộ đội ta:

Thăng Tây chó cậ xác dài,

Chúng tao người nhỏ nhưng dai hơn mày!

Thăng Tây chó cậ béo quay,

Mày thức hai buổi là mày bỏ hơi!

Chúng tao thức bốn đêm rồi,

Ăn cháo ba bữa, chạy mười chín cây.

Bây giờ mới gập mày đây,

Sức tao vẫn đủ bắt mày hàng tao!

Bộ đội ta gan dạ, dũng cảm, đánh giặc thì rất hăng, nhưng bản chất rất hiền từ, nhân ái, đến cả những con vật nhỏ như con chim, anh em cũng muốn cho đời sống nó được yên lành:

Nằm trong bụi rậm chờ Tây,

Có con chim nhỏ đậu ngay trước nòng.

Chim xòe cánh nhỏ rĩa lông,

Lú lo chim hót vừa trong vừa lành.

Chim ơi! Giặc đến đã gần,

Bay đi kẻo nữa súng gầm nơi đây.

Mai ngày tận gió quang mây,

Đâu đâu tùy mây, ta chẳng can đâu.

Những khi hành quân đường thủy, anh em lại càng phấn khởi, hồn thơ càng dạt dào:

Xôn xao tiếng giục xuống thuyền,

Chen vai sát cánh ngồi bên mạn chèo.

Trăng lên in bóng gương treo,

Dưới dòng nước chảy như theo đoàn người.

Vai đeo nặng, đường dài khó đi, trên người lại ngụy trang bằng cành lá, nhưng anh chiến sĩ của chúng ta vẫn thoải mái, anh giấu thói chủ quan của quân giặc chỉ biết tin vào vũ khí:

Thằng Tây cậ có máy bay,

Ta có phép này bịt mắt mây đây.

Ngụy trang ta lấy cành cây,

Gài cho thật kín, đố mây biết tao!

Đánh giặc thì còn gì thực tế bằng, nhưng anh bộ đội vẫn có lúc rất thơ mộng, và chính đó là cái điều cân phân của con người, làm cho con người ta nhìn cuộc đời một cách vui vẻ, lạc quan:

Rung rinh cành lá nguyệt trang,

Bướm vàng ngơ ngác tường hàng cây xanh.

Quân đội ta rất gắn bó với nhân dân và rất dũng cảm trong chiến đấu. Khi đã được giao nhiệm vụ, bao giờ anh bộ đội cũng cố gắng hoàn thành, không ngại khó ngại khổ. Qua nhiều năm rèn luyện và thử thách, quân đội ta đã trở thành một quân đội vô địch.

Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã biểu dương phẩm chất cao quý của bộ đội Việt Nam bằng những lời bất hủ: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

Trong chiến đấu, bộ đội chủ lực thường phối hợp với dân quân, du kích mà trong dân quân du kích thì phụ nữ chiếm một phần đáng kể. Các cô thường làm giao thông dẫn đường cho bộ đội và cũng có lúc cùng bộ đội tác chiến:

Sông Hiền uốn khúc đưa đò,

Bên sông em đợi bóng cờ anh sang.

Trong chiến tranh, có thể bên bờ này thuộc ta, bên bờ kia còn là nơi địch tạm chiếm, nhưng dù ở bên bờ kia, nhân dân vẫn hướng về cách mạng, trông chờ ngày giải phóng. Trong sự mong đợi chung ấy, còn có sự mong

đội thiết tha của những cô gái có người yêu ra vùng giải phóng đi bộ đội. Sau khi hai bờ sông Bến Hải không còn ngăn cách nữa, “cầu Hiền Lương bên nhớ bên thương” đã “được nối đường vô ra” thì thật là bổ công mong chờ. Trong “Nước non ngàn dặm”, nhà thơ Tố Hữu đã miêu tả rất tài tình quang cảnh từng bừng rộn rịp chung của nhân dân khi hai bờ Nam Bắc được nối liền, trong đó có niềm vui riêng cùng những ai đã từng “bên sông chờ đợi”.

Thương em chín đợi mười chờ,

Con thuyền nay lại đò cờ sang sông.

Em vui em mặc áo hồng,

Máy reo máy đẩy mênh mông biển trời.

Thuyền về Cửa Việt ra khơi,

Thuyền lên Ái Tử, thuyền bơi Đông Hà...

Sau đây là những câu ca dao nói về những cô du kích chở đò cho bộ đội đi đánh Tây. Ở đây nữa, lòng yêu anh bộ đội và lòng yêu nước đã hòa với nhau:

Bên sông thưa thớt tiếng gà,

Mây trôi xuống bến, trăng tà về tây.

Đò em đợi bến sông này,

Đưa đoàn chiến sĩ đêm nay lên đường.

Đò em chở bạn tình thương,

Chở lòng yêu nước can trường qua sông.

Trong chiến tranh nhân dân, dân quân là lực lượng rất quan trọng trong công việc giữ làng và tiếp tế cho bộ đội. Trước những khó khăn, nguy hiểm, dân quân cũng rất dũng cảm:

Đò ai chở khách lấy tiền,

Đò tôi chở gạo đi lên kịp ngày.

Gạo lên tiền tuyến giết Tây,

Nước to, sóng cả đò đây vẫn chèo.

Trong thời thực dân phong kiến, do kỷ cương xưa, do hoàn cảnh xã hội, người phụ nữ Việt Nam sống gò bó về mặt vật chất và tinh thần, nên phần đông rụt rè, nhút nhát, nhưng từ Cách mạng tháng Tám, phụ nữ đã được giải phóng, nên phụ nữ ta rất phấn khởi, cởi mở và tích cực trong mọi việc. Đời Tấn ở Trung Quốc, nhà thơ – nhà triết học Quách Phác đã có câu:

Chàng như mây mùa thu,

Thiếp như khói trong lò.

Cao thấp nhẽ có khác,

Một thả cũng tuyệt vời...

Một nửa số dân ta là phụ nữ. Nhờ có Đảng, có Cách mạng, “khói” và “mây” đã hòa cùng nhau, và cùng sánh vai bay trong bầu trời Việt Nam, trở

thành một lực lượng hùng mạnh trong mọi lĩnh vực hoạt động, làm cho cuộc chiến tranh nhân dân chống đế quốc xâm lược, bảo vệ Tổ quốc ở nước ta trở thành một cuộc kháng chiến thần thánh mà thế giới phải khâm phục và nhân loại bị áp bức coi là một gương sáng phải noi theo.

Bất chấp vũ khí và phương tiện hiện đại của quân địch, chị em ta tin ở sức mình, đã thắng trời trong đấu tranh thiên nhiên thì chị em cũng quyết tâm thắng địch trong tiếp tế quân lương:

Trên trời có đám mây vàng,

Em đi tiếp vận cho chàng giết Tây.

Thằng Tây tiếp tế máy bay,

Không bằng tiếp vận chân tay chúng mình.

Đó cũng lại là một đặc điểm trong chiến tranh ở Việt Nam; giặc Pháp dùng máy bay ném lương thực xuống cho quân lính chúng, nhưng nhiều lần chúng đã hốt hoảng ném xuống những nơi quân đội ta đóng; còn tiếp vận bằng “chân tay”, như chị em nói, thì rõ ràng là đưa lương thực được đến nơi, đến chốn.

Đánh du kích biến hóa vô cùng. Thằng Tây bao vây quân ta; chúng tưởng là cách ấy thì ta không thoát khỏi vòng của chúng. Nhưng trái lại, ta không rút đi, mà lại đánh ngay phía sau chúng:

Chúng ta đánh lối chữ O,

Hỏi xem du kích mày bò đi đâu;

- Chúng mày đánh lối chữ O,

Chúng ông du kích, ông bò sau lưng.

Chịu đựng gian khổ, kiên trì diệt địch, thì những người du kích Việt Nam đều trải qua nhiều lần với tinh thần rất lạc quan:

Một năm chín tháng dưới hầm,

Mặc da xanh bủng, mặc cầm đầy râu.

Hết năm bãi sậy, rừng lau,

Lại năm bụi dứa hầm sâu quanh nhà.

Mười đồn ta quét còn ba,

Sờ cầm cứ ngỡ tuổi già năm mươi.

Ba đồn quét gọn một hơi,

Soi gương thấy tuổi hai mươi lại về.

Anh du kích tuổi hai mươi, qua những tháng ngày gian khổ tưởng như mình đã năm mươi, nhưng vẫn có những lão du kích, lão dân quân sáu mươi, bảy mươi tuổi vẫn còn cầm súng và vẫn còn đi tiếp vận như thanh niên:

Tuổi già đã bảy mươi ba,

Có đi tiếp vận mới là lão quân.

Từ người già đến người trẻ, cả nam và nữ, đều đứng lên đánh giặc, cứu nước; mọi người đều vang theo lời dạy của Đảng, của Bác: nếu không có súng thì dùng gậy dùng thuổng, dùng cuốc mà giết giặc. “Trường kỳ kháng

chiến nhất định thắng lợi”, nhân dân ta rất hiểu ý nghĩa sâu sắc của câu đó, nên đã có câu ca dao không những nói lên lòng căm thù giặc, mà còn nói lên lòng kiên quyết đền nợ nước, trả thù nhà:

Thù này ắt hẳn còn lâu,

Tròng tre nên gậy, gậy đâu đánh què.

Trong nhiều thế hệ chống giặc ngoại xâm, thời nào cũng có một số tên bán nước cầu vinh, nhưng những tên ấy đều chết một cách nhục nhã, để tiếng xấu muôn đời.

Những kẻ cam tâm ôm chân giặc, giết hại đồng bào chỉ vì bả lợi danh chốc lát, đều bị nhân dân nguyên rủa muôn đời:

Làm người mà chẳng biết suy,

Đến khi nghĩ lại còn gì là thân!

Đối với những kẻ đi lầm đường cầm súng theo giặc, giết hại đồng bào, giết cả những người thân thuộc, người ta vạch tội ác của chúng:

Ai ơi, chớ dại chớ lầm,

Lương tâm bán rẻ, đi cầm súng Tây.

Máu người thân vấy đầy tay,

Hại dân hại nước, tội này ai tha?

Bánh xe lịch sử quay đều, chính nghĩa sẽ thắng phi nghĩa, bài học lịch sử và kinh nghiệm muôn đời của nhân dân được phản ánh và thể hiện ở những

câu ca sau đây, làm cho nhiều lính ngự trong thời kháng chiến phải suy nghĩ và trở về với nhân dân, với Tổ quốc thân yêu:

Về đi, sống với ruộng vườn,

Vồng khoai, nương sắn, xanh rờn chè tươi.

Tội gì theo giặc, anh ơi!

Ngàn năm bia miệng, người đời cười chê.

Trong kháng chiến trường kỳ, sản xuất là một khâu hết sức quan trọng. “Ăn no, đánh thắng” là một khẩu hiệu mà toàn quân, toàn dân ta đều thấm nhuần và đều cố gắng thực hiện. Câu ca dao:

Gió đưa cờ đỏ sao vàng,

Em đi cấy mướn cho chàng tòng quân.

có ý nghĩa như một câu phát động phong trào phụ nữ tự nguyện sản xuất tích cực để chồng đi giết giặc lập công.

Không những chỉ tích cực sản xuất, người phụ nữ còn tham gia dân quân, nuôi mẹ già và đóng thuế thay chồng:

Chặt tre, cài bẫy, vót chông,

Tre bao nhiêu lá, thương chồng bấy nhiêu.

Anh đi em cũng muốn theo,

Băng con sông Cái, vượt đèo Quán Cau.

E nhà quạnh trước, quạnh sau,

Bỏ dứa ai hái, bỏ cau ai trồng?

Mẹ già vắng kẻ cậy trông,

Thuế thu ai nộp, bố phòng ai lo?

Yêu nhau thề ước hẹn hò,

Chúc anh thắng lợi, em chờ đợi anh.

Rõ ràng đức tính đảm đang của phụ nữ Việt Nam là một truyền thống. Ngay từ thời bà Triệu, người phụ nữ đã làm quân dịch thay chồng:

Ru con con ngủ ngon lành,

Cho mẹ gánh nước rửa bành cho voi...

Và đối với chồng đi đánh giặc, cứu nước thì người vợ chu đáo đến mức sửa soạn cả túi trầu cho chồng đem theo:

...Túi vóc cho lẫn túi hồng,

Têm trầu cánh quế cho chồng đi quân.

Truyền thống dân tộc ấy đã được Đảng và Bác phát huy lên nhiều lần và nhân dân ta đã nghe theo lời Đảng, lời Bác, gắng sức tăng gia sản xuất, đóng thuế nuôi quân.

Hồ Chủ tịch đã dạy:

Cuốc cày là vũ khí,

Nhà nông là chiến sĩ,

Hậu phương thi đua với tiền phương.

Đấu tranh trong sản xuất cũng không kém gian khổ và anh dũng như chiến đấu ngoài tiền tuyến; nhân dân có tích cực sản xuất thì mới đóng được thuế nuôi quân:

Tiền phương bộ đội thi đua,

Đánh cho giặc Pháp chạy thua rụng rời.

Hậu phương đóng thuế kịp thời,

Làm cho giặc chết gấp mười gấp trăm.

Xưa kia, vào thời phong kiến, yêu một cô gái thì chàng trai chỉ chú trọng vào hình thức, nào “tóc bỏ đuôi gà”, nào “má lúm đồng tiền”, “răng nhánh hạt huyền”, nào “nón thúng quai thao”, v.v... nhưng trong kháng chiến, ngoài cái đẹp về hình thức ra, người ta lại có thêm những ý nghĩ, tình cảm mới; muốn có hạnh phúc thì trước hết phải làm sao cho Tổ quốc được độc lập, tự do, và muốn được như vậy thì hậu phương phải tích cực tăng gia sản xuất, tiếp tế cho tiền tuyến. Cô gái đã xinh xắn, lại sản xuất giỏi thì được mọi người yêu mến, tình yêu nam nữ cũng xây dựng trên những thành tích tăng gia sản xuất, làm cho “dân giàu, nước sang”.

Một yêu em cố tăng gia,

Hai yêu em có đàn gà đầy sân.

Ba yêu làm cỏ bỏ phân,

Bốn yêu sớm tối chuyên cần tưới rau..

Ngày xưa đến nhà người yêu thấy bạn tình của mình nằm đất thì “thương”, bỏ tiền ra sắm giường cho nằm, chứ không nhận thấy được điều gì khác:

Hôm qua anh đến chơi nhà,

Thấy mẹ nằm võng, thấy cha nằm giường,

Thấy em nằm đất anh thương...

Nhưng trong kháng chiến thì cảnh tình đã khác hẳn, nên dựa vào ca dao xưa, đã có những câu:

Hôm qua anh đến chơi nhà,

Thấy mẹ dệt vải, thấy cha đi bừa.

Thấy nàng mài miết xe tơ,

Thấy cháu “i tờ” ngồi học bi bô.

Thì ra vâng lệnh Cụ Hồ,

Cả nhà yêu nước thi đua phen này.

Cảnh tình ấy là do lòng yêu nước của nhân dân đã được biểu hiện một cách đậm thắm trong khi Tổ quốc có nạn ngoại xâm. Lòng yêu nước, thì dân tộc nào cũng có, nhưng do lòng yêu nước, yêu đồng bào mà chịu đựng gian khổ được lâu dài, không vật được keo này thì cố gắng trong keo khác, rõ ràng nhân dân ta đã có truyền thống từ lâu đời.

Muốn trở thành người công dân tốt, mọi người đều phải có văn hóa, trước hết là phải biết đọc, biết viết. Trong suốt thời kỳ kháng chiến, phong trào bình dân học vụ rất sôi nổi, quân dân cả nước đều thi đua học hành, nên căn bản nạn mù chữ đã được xóa bỏ:

Lấy chồng biết chữ là tiên,

Lấy chồng mù chữ là duyên nợ nần.

Chồng biết chữ thì vợ cũng phải biết chữ mới thực hiện được nam nữ bình quyền như Hiến pháp đã qui định.

Về ý nghĩa sâu sắc của việc học, cán bộ Bình dân học vụ phải tìm đủ cách động viên, thúc đẩy làm cho chị em ai cũng thiết tha đi học:

Lớp “bình dân” mở ra không xa,

Cách một lối rẽ, cách ba dặm trâu.

Đứng trước nương dâu,

Đứng sau ruộng mạ.

Ta học quốc ngữ cho thông,

Kẻo mà hổ thẹn cùng chồng, ai ơi!

Trong kháng chiến chống Pháp, người phụ nữ Việt Nam hiểu nhiệm vụ mới của mình và nhận thức được rằng ngoài những công việc nặng nề phải gánh vác, chị em còn phải chăm chỉ học hành:

Chồng em đánh giặc phương xa,

Ruộng cày em cấy, mẹ già em trông.

Bầy con đứa dắt, đứa bồng,

Mà em vẫn học vỡ lòng như ai!

Phụ nữ Việt Nam rất hãnh diện khi có chồng là bộ đội Cụ Hồ. Đi làm nghĩa vụ quân sự có một ý nghĩa thiêng liêng nên khi còn có thanh niên nào nằm nhà trong khi hầu hết những người trai tráng đều đi đánh giặc ngoại xâm, thì tất nhiên hạng người ấy bị chế giễu đủ điều:

Chồng người vì nước xông pha,

Chồng em ở nhà gà đá gãy chân.

Trong thời chiến, vấn đề phòng gian bảo mật là vấn đề đặt lên hàng đầu ở vùng tự do, nên những thói ba hoa, ngồi lê đôi mách là những thói cần phải bài trừ:

Nói chi nói lắm ai ơi!

Một lời nói, lại một lời truyền đi.

Giặc mà nghe được còn chi,

Hại dân, hại nước chỉ vì đa ngôn.

Trong việc khuyên bảo nhau, như đi học “bình dân”, giữ mồm giữ miệng, v.v..., việc khuyên bảo nhau đóng thuế nông và bảo vệ kho thóc là những việc rất quan trọng.

Thuế nông góp đủ,

Lúa đổ vào kho.

Yêu nhau nên phải dặn dò,

Giữ kho thóc phải giữ cho vẹn tròn.

*

Mồ hôi đổ xuống ruộng bờ,

Mới thành hạt lúa đổ kho lần này,

Chiến trường bộ đội diệt Tây,

Hậu phương xin giữ cho đầy lúa thơm.

Mọi công việc trong kháng chiến đều có nhiều gian nan, đòi hỏi nhiều thử thách, con người lớn lên nhiều. Bộ đội, những người trực tiếp chiến đấu, càng có điều kiện để mau tiến bộ.

Bộ đội ta là những người chiến đấu gan dạ, dũng cảm, nhiều anh là tác giả những bài ca dao trữ tình, biểu hiện tinh thần lạc quan cách mạng, phản ánh trung thành hiện thực chiến đấu. Ca dao kháng chiến không chỉ do bộ đội sáng tác; anh chị em văn nghệ và nhân dân cũng là tác giả nhiều bài.

Từ Cách mạng tháng Tám, chính quyền về tay nhân dân, ca dao vốn là một vũ khí tuyên truyền sắc bén, lại càng trở nên sắc bén hơn. Trong kháng chiến, những câu hát câu hò đã làm cho anh bộ đội, anh dân quân hăng hái thi đua giết giặc, chị dân công gánh nặng coi thường đèo cao, nhân dân thi đua sản xuất, tích cực đóng thuế nông nghiệp để mau chiến thắng. Ca dao kháng chiến còn thắt chặt mối tình quân dân, ca ngợi Đảng, ca ngợi Hồ Chủ

tịch, làm cho nhân dân vốn đã yêu Đảng, yêu lãnh tụ, càng kính yêu thêm thiết hơn.

Ca dao kháng chiến đã phục vụ rất đắc lực cho cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; nó vẫn có nhiều tác dụng trong khi còn đế quốc xâm lược và bọn tay sai của chúng. Ca dao kháng chiến còn là tấm gương phản ánh những sự kiện rất sinh động thuộc đời sống chiến đấu và sản xuất của quân dân ta trong chín năm kháng chiến gian khổ và vinh quang.

Về hình tượng nghệ thuật và ngôn ngữ, ca dao kháng chiến đã tiếp thu những phần ưu tú của ca dao xưa. Lời mộc mạc, giản dị, trong sáng, rõ là lời của những con người chất phác. Lời của ca dao kháng chiến cũng nhẹ nhàng, xuôi tai, làm cho người đọc cảm thấy như tác giả nói một hơi, nói thẳng thắn tất cả tâm tình, ý nghĩ của mình.

Không cần phải dùng những từ “khinh”, “ghét” mà những câu ca dao sau đây miêu tả được những thói hèn hạ, khốn nạn của giặc Pháp, đọc lên ai cũng nhận thấy chúng là quân giặc tham tàn đáng鄙:

Cắc bự! Cắc bự! Xòa!

Ba thằng giặc Pháp bắt gà, bắt heo.

Cắc bự! Cắc bự! Xèo!

Ba thằng giặc Pháp bắt heo, bắt gà...

Lại những câu rất ngộ nghĩnh miêu tả quân dân ta vừa chiến đấu vừa sản xuất và thản nhiên đối với lối bắn hoảng sợ liên miên của giặc Pháp. Chúng ta hãy đọc những câu của Dương Tử Giang:

*Đập đoànng Tây bắn ca nông,
Vườn rau ta trồng, ta cứ trồng thêm.
Đập đoànng Tây bắn vang rền,
Đồng bào, bộ đội cày thêm cứ cày.*

Ca dao xưa có nhiều bài vẽ nên những cảnh rất êm đềm, vô cùng gợi cảm. Ca dao kháng chiến cũng có những bài thơ như vẽ (thi trung hữu họa), rõ là một bức tranh.

Thí dụ bài sau đây của Bàng Sĩ Nguyên:

*Con đò trong bãi năm dài,
Em là du kích đợi hoài các anh,
Quân về mình biếc lá xanh,
Ngậm tằm lựa bóng trắng thanh xuống đò...*

Một bức tranh về “tiền đưa” thu gọn cả người, con đò và sông nước trong một cảnh màu sắc rất đẹp:

*Anh đi gìn giữ nước non,
Tóc xanh em đợi, lòng son em chờ,
Anh ra đi lính Cụ Hồ,
Con sông, con hói, con đò đưa anh...*

Bến nước, con đò là những cảnh rất quen thuộc của nhân dân ta. “Tóc xanh, lòng son” là hình tượng cũng rất quen thuộc trong văn học cổ điển và dân gian. Nhưng cái việc làm cho người ta xúc động là lời người phụ nữ hứa với người chồng “đi lính Cụ Hồ”. Dem tắm lòng son và mớ tóc xanh mà kiên tâm chờ đợi, và không những chị tiễn đưa anh, chị còn cảm nghĩ con sông, con hói, con đò cũng cùng chị tiễn đưa anh nữa.

Trong ca dao xưa, tiếng nói của phụ nữ vang lên rất nhiều. Trong đấu tranh giai cấp cũng như trong đấu tranh sản xuất, phụ nữ Việt Nam đều đóng vai trò tích cực, vì chị em là những người đã chịu đựng gian khổ nhiều nhất. Ở người phụ nữ, tình cảm cũng nồng thắm hơn nam giới. Bởi vậy, tiếp thu tính truyền thống của ca dao xưa, nhiều bài ca dao của bộ đội và của văn nghệ sĩ cũng mượn lời người phụ nữ để biểu hiện những tâm tư của mình hay tâm tư của chị em mà mình cảm thấy.

Biết tin bộ đội hành quân qua, cô gái nông thôn vội nấu thùng nước với đặt ở bên đường, nhưng rồi chờ mãi không thấy anh bộ đội, chốc chốc cô lại nhìn vào thùng nước và chỉ thấy có gương mặt mình. Cảnh tình ấy đã được miêu tả bằng những câu ca dao thắm tình quân dân của Hữu Tâm:

Nhà em phố xá buồn nghèo,

Nấu thùng nước với đặt theo bên đường,

Chờ anh từ sớm mờ sương,

Bát khô nước nguội soi gương mặt người.

Những câu ca dao hay của ta, dù xưa hay nay, quả là khuôn vàng thước ngọc cho lối thơ trữ tình. Do đó mà xưa nay, những nhà thơ của ta đều dùng rất nhiều ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật của ca dao.

Ca dao kháng chiến có cái đặc biệt là gắn bó với ca dao xưa về ngôn ngữ. Có nhiều bài mượn hẳn những câu ca dao xưa một cách thoải mái. Ca dao xưa có những câu về Liễu Hạnh và Đào Lang:

Ai lên Phố Cát, Đại Đồng,

Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa?

- Có chồng năm ngoái năm xưa,

Năm nay chồng chết lại chưa có chồng.

Trong kháng chiến, để giữu những cô gái người thì đẹp nhưng lại lười không chăm học “bình dân”, nên tuy đã học rồi mà vẫn quên hết mặt chữ:

Ai về chợ huyện Thanh Vân,

Hỏi thăm cô Tú đánh vần được chưa?

- Đánh vần năm ngoái, năm xưa,

Năm nay quên hết cũng như chưa đánh vần.

Cũng về “bình dân học vụ”, ca dao kháng chiến có câu:

Chữ không có phẩn, có hồ,

Mà sao khéo điếm, khéo tô mặt người.

Câu ca dao cổ vốn là:

Tiền không có phẩn có hồ...

Chữ “khéo điểm khéo tô mặt người”, vì trong kháng chiến ở mỗi lối vào chợ đều có người đứng gác, ai đánh vắn được mới được đi qua. Những người không biết đọc đành phải chui qua bờ tre hay chui qua cổng “mù chữ” để vào chợ.

Theo thể tử (lối so sánh) của ca dao xưa, ca dao về bình dân học vụ có những câu so sánh rất xuôi:

Con gà tốt mã vì lông,

Răng đen vì thuốc, rượu hồng vì men,

Ở đời muốn được tiếng khen,

“I tờ” đi học đua chen với người.

Cũng có khi ca dao về “bình dân học vụ” mượn cả câu trong Truyện Kiều. Trong Truyện Kiều, gần đoạn tái hợp có câu:

Này chồng, này mẹ, này cha,

Này là em ruột, này là em dâu.

Thì ca dao kháng chiến có những câu:

Này bà, này mẹ, này cha,

Này là em ruột, này là em dâu.

“I tờ” chấp tiếng chấp câu,

Quanh bàn xúm xít bảo nhau học bài.

Ca dao xưa thường là thể lục bát, nhưng cũng có thể bốn chữ, năm chữ hoặc bảy chữ một dòng; và có những bài câu dài câu ngắn không chừng. Tiếp thu nghệ thuật của ca dao truyền thống, ca dao kháng chiến cũng có bài câu bốn chữ đi với câu sáu tám, miêu tả những động tác khi mau khi khoan; thí dụ cảnh tát nước:

Sì sà sì sục,

Tôi vục, anh lôi...

Liệu còn nắng mãi hay thôi?

Mai đồng nước mát khắp nơi chảy về...

Trong ca dao kháng chiến, có một số bài đạt được cả về nội dung và hình tượng nghệ thuật, như bài sau đây của Huyền Tâm đã được ca hát rất nhiều trong thời kháng chiến:

Lúa tháng năm kén tấm vàng óng,

Hạt ngô giòn đem đóng thuế nông.

Thúng đầy anh gánh, tôi gồng,

Kiêu cà kiêu kệt qua sông qua đò.

Lúa nhiều chiến thắng càng to,

Đồn Tây càng đổ, câu hò càng vang.

Đóng nhanh nhanh khắp xóm làng,

Em thách thôn chàng nộp đủ nộp mau.

Thóc vàng muôn hạt như nhau,

Chớ mang thóc lép qua cầu gió bay...

Thóc lép bay, thẹn tay sàng sảy,

Chúng bạn cười, vai quảy thêm đau.

Nắng chiều, sớm nở hoa cau,

Đóng nhanh thóc tốt, càng mau thắng thù.

Làm một bài ca dao hay cũng khó, cũng công phu đòi hỏi suy nghĩ và sáng tạo cũng như làm một bài thơ hay, một bài văn hay. Trong văn nghệ, không có loại nào khó hơn loại nào, nếu phải đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật.

Ca dao kháng chiến đã tiếp tục truyền thống dân gian về ngôn ngữ cũng như về hình tượng nghệ thuật, nhưng để biểu hiện cho được những tâm tình, ý nghĩ mới, ca dao kháng chiến cũng đã bắt đầu có sự chuyển mình. Ca dao xưa rất hay dùng những câu “hứng” như:

- *Trên trời có đám mây xanh...*

- *Con cò bay bổng bay cao...*

- *Gió đưa cành trúc la đà...*

- *Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân...*

Ca dao kháng chiến vẫn dùng lối so sánh (thể tỉ), như “*Lúa tháng năm kén tấm vàng óng*” và rất hay dùng lối tự sự (thể phú), nhưng rất ít dùng thể

“hứng”.

*

So sánh với ca dao truyền thống về số lượng, ca dao kháng chiến không thể nào bằng được, vì nó mới xuất hiện một thời gian ngắn. Do hoàn cảnh, đất nước và con người đã được giải phóng, và do yêu cầu của kháng chiến, nội dung của ca dao đã được rộng mở, nhưng cũng như ở các lĩnh vực văn học nghệ thuật khác, nội dung của ca dao kháng chiến vẫn chưa theo kịp đà phát triển của cách mạng. Tuy vậy, ca dao kháng chiến vẫn có một giá trị lớn, không những về mặt văn học, mà còn về mặt lịch sử dân tộc trong giai đoạn đầu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nếu chúng ta muốn hiểu biết công cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong mười năm đầu cách mạng, từ sau ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám, chúng ta không thể nào không nghiên cứu cả ca dao kháng chiến.

CHIẾN ĐẤU LẬP CÔNG

Ai về Yên Dường, Hoàng Mô,

Mà xem quân lính Cụ Hồ sang sông.

Đêm ngày mê mải chiến công,

Thoáng nom như có cả chồng em kia.

*

Hôm qua sinh nhật Cụ Hồ,

Bộ đội thắng trận ăn to hai đồn.

Chúng em sung sướng mừng rơn,
Theo anh vệ quốc lên đồn khiêng bom.

Moóc-chê đạn cỡ đầy hòm,
Kĩu cà kĩu kịt nặng chồn tê vai.

Các anh thích chí cả cười,
Em vui chân bước, buột lời, cười theo.

Anh quay nhìn lại mắt nheo,
Má em đỏ ửng... hồng reo nắng hồng^[192].

*

Ai đi gìn giữ nước non,
Tóc xanh em đợi, lòng son em chờ.

Anh đi ra lính Cụ Hồ,
Con sông, con hái, con đò đưa anh^[193].

*

Đói lòng cơm nắm giờ ra,
Chia nhau lót dạ, ngủ qua đêm dài.

Nhìn nhau lặng tiếng im hơi,

Cành cây gió động, mưa rơi ướt đầu.

Năm đây bố trí bên nhau,

Súng ời! Có rét chui đầu vào chăn^[194]!

*

Ai qua phố Phủ Doan Hùng,

Hắn rằng còn nhớ voi gầm sông Lô.

Rừng xanh khói lửa mịt mù,

Nước sông đỏ máu quân thù chưa phai.

Luyện quân voi luyện cho tài,

Lập công voi xé một vài ca nô

Dòng sông nước đục lờ đờ,

Bên kia bãi cát: nắm mồ thực dân!

*

Đêm qua trông dải Ngân Hà,

Mơ màng khắp khởi ngở là sông Lô.

Sông Lô em biết mô mô,

Nhớ tên chỉ nhớ đến mồ thẳng Tây,

Ước gì có cánh em bay,
Bay suốt đêm ngày đến tận sông Lô.
Mỗi manh em mượn con đò,
Chèo qua dòng nước sông Lô em nhìn.
Sông Lô có mấy con thuyền?
Có bao tấc nước, mấy nghìn khúc quanh?
Dân quân, du kích mấy anh?
Vệ quốc mấy đội, năm rình mấy đêm?
Mà Tây chết nổi, chết chìm,
Để em ao ước ngày đêm mơ màng^[195].

*

Con đò trong bãi năm dài,
Em là du kích đợi hoài các anh,
Quân về mình biếc lá xanh,
Ngâm tắm lụa bóng trắng thanh xuống đò.
Hôm đi thuyền bến nặng chờ,
Hôm về thẳng trận câu hò lại vang^[196].

*

Ai lên xứ Lạng cùng anh,
Thăm quân du kích, xem thành Bắc Sơn.

Suối trong in bóng trăng tròn,
Hai cô gái Thổ, trèo non đi tuần^[197].

*

Thằng Tây chó cậy xác dài,
Chúng tao người nhỏ nhưng dai hơn mày!

Thằng Tây chó cậy béo quay,
Mày thức hai buổi là mày bỏ hơi.

Chúng tao thức bốn đêm rồi,
Ăn cháo ba bữa, chạy mười chín cây.

Bây giờ mới gặp mày đây,
Sức tao vẫn đủ bắt mày hàng tao.

*

Chị em du kích Thái Bình,
Ca-lô đội lệch vừa xinh vừa giòn,

Người ta nhắc chuyện chồng con,
Lắc đầu nguây nguẩy: “Em còn giết Tây!”^[198].

*

Chồng em vì nước hy sinh,
Cánh tay mất nửa, mối tình còn duyên.
QUÂN DÂN ĐỐI VỚI HỒ CHỦ TỊCH

Mỗi khi cháu bắn quân thù,
Thì cháu lại nhớ Bác Hồ muôn năm.

Mỗi khi lòng cháu hờn căm,
Thì cháu lại nhớ lời răn Bác Hồ.

Đại hạn nhớ ơn trận mưa,
Đêm tối mịt mờ, nhớ ngọn đèn soi.

*

Trên trời có ông sao Rua,
Việt Nam ta có Cụ Hồ, em ơi!
Ánh sao Rua sáng ngời một góc,
Gương Cụ Hồ tỏ khắp năm châu.

*

Tháp Mười đẹp nhất bông sen,
Nước Nam đẹp nhất có tên Củ Hồ^[199].

*

Ngọn Tây Phong Lĩnh Bắc trào,
Để giờ có núi, có đèo con qua.
Trường Sơn mây phủ mưa sa,
Chân chồn càng nhớ bước Cha mở đường.

*

Chúng con ở bốn phương trời,
Quay về hướng Củ, muôn lời chúc mong.
Dài lâu như núi như sông,
Củ Hồ sống mãi trong lòng chúng con^[200].

*

Ngày xưa bưng lấy bát cơm,
Nhớ thầy, nhớ mẹ phong sương cấy cà.
Ngày nay bưng bát cơm đây,

Ơn Bác, ơn Đảng ngày ngày không quên.

*

Uống nước là nhớ đến nguồn,

Cơm no áo ấm nhớ ơn Bác Hồ,

Ơn Bác Hồ sâu hơn Nam Hải,

Công Bác Hồ bằng dải Trường Sơn.

Nam Hải sâu ta đo cũng được,

Trường Sơn dài ta vượt cũng qua.

Công ơn của Bác bao la,

Nhân dân kể đến bao giờ cho xong...

Cụ Hồ với dân,

Như chân với tay,

Như chày với cối,

Như cội với cành,

Toàn dân dốc một lòng thành.

Làm tròn nhiệm vụ đáp tấm tình Cụ thương dân.

*

Lòng Bác rộng khắp bao la,
Lòng dân, lòng Bác chan hòa nước non,
Chúng cháu ghi nhớ công ơn,
Quyết giết giặc Pháp rửa hờn cho dân.

*

Mưa rơi thêm lạnh rừng khuya,
Nghe không gian ngỡ bốn bề mênh mông.
Hành quân nhớ bếp lửa hồng,
Nhớ xưa Bác sống giữa rừng ấm vui.

*

Cụ Hồ ở giữa lòng dân,
Tuy xa xa lắm, tuy gần gần ghê.
Mỗi khi thư Cụ gửi về,
Rộn ràng khắp chợ cùng quê đón mừng.
Ai ngoài muôn dặm trùng dương,
Cũng thường nhận được tình thương Cụ Hồ.
Mong ngày độc lập Cụ vô,

Thỏa lòng ao ước, ước mơ đêm ngày^[201].

*

Cụ Hồ là vị cha chung,

Là sao Bắc Đẩu, là vầng Thái Dương.

Chúng con đi giữa đêm trường,

Nhờ Cha dìu dắt, dẫn đường chúng con.

Ơn Cha như nước như non,

Như gương Hồ Thủy, như hòn Thái Sơn.

*

Cháu là em bé phương xa,

Theo anh vệ quốc xa nhà từ lâu.

Cháu qua sông Đuống, sông Cầu,

Phủ Thông, Đèo Khách, An Châu, Lũng Vài.

Qua bao vực thẳm hang dài,

Giúp anh vệ quốc đánh loài thực dân.

Cháu là thiếu sinh quân,

Nhân ngày sinh nhật Bác,

Có vài lời chất phác,
Kính chúc Bác sống lâu,
Không bao giờ bạc đầu.
Để lái thuyền chiến thắng^[202].

TÌNH QUÂN DÂN

Lính Cụ Hồ như lúa mùa chiêm,
Lanh như cắt biếc, dịu hiền bờ câu.
Bấy lâu chẳng thấy đâu đâu,
Đồn rằng ăn lá, ăn rau trên rừng.
Giờ đây vô số quá chùng,
Súng mang, tay bắt mặt mừng bà con^[203].

*

Hoa cà hoa bắp
Nở khắp cánh đồng,
Này vải đằm bông,
Bên vồng khoai sắn...
Em mong sao mưa nắng thuận hòa,

Tình khoai, nghĩa lúa, trẻ già ấm no;
Nuôi anh bộ đội Cụ Hồ,
Đánh đâu thắng đấy, giữ cờ vàng sao^[204].

*

Chiến trường thu dọn đã xong,
Sáng nay vác cuốc ra đồng xới ngô.
Đồng bào trông thấy hoan hô:
“Hoan hô anh lính Cụ Hồ ngoan ghê!”.
Lính cụ Hồ đủ mọi nghề,
Hết đi tác chiến lại về chinh quân.
Học hành luyện tập thật chăm,
Đoàn kết giúp đỡ nhân dân thật nhiều.
Cụ Hồ dân kính, dân yêu,
Mà anh bộ đội dân chiều dân thương.
Cụ Hồ có vạn đàn con,
Đúng anh bộ đội là con Cụ Hồ.

*

Ai ơi chớ lấy chồng non,
Chờ ngày độc lập lấy “con Cự Hồ”.

*

Em gieo dăm khẫu đậu tương,
Cấy ao rau muống trong vườn cho sây^[205].

Bao giờ bộ đội về đây,
Có ao rau muống, có đầy chum tương^[206]

Ra công trồng một vườn cà,
Cà đem muối mặn cả nhà ăn chung.

Vịt gà nuôi béo nhốt lồng,
Chờ anh bộ đội lập công trở về^[207].

*

Nặng chi làm miệng anh khô,
Để anh khát nước đi cho mệt nhiều.

Nhà em phố xá buồn nghèo,
Nấu thùng nước vối đặt theo bên đường.

Chờ anh từ sớm tinh sương,

Bát khô nước nguội soi gương mặt người.

Ghé qua, anh uống vôi vàng,

Rồi anh rảo bước lên đường lập công.

Bên hè bà cụ đứng trông.

Chép mồm: “Đồng chí long đong quá nhiều!”^[208].

*

Nhà em đỉnh núi sương mù,

Vòng đeo cổ, áo chàm thô xanh lè.

Đêm khuya đồng chí kéo về,

Chật sần nằm ngủ, bộn bề súng bom^[209].

Gọi đàn chim nhạn bay cao,

Thăm quân du kích em vào chiến khu.

Bên vai đeo túi cơm khô,

Suối reo rừng hát như hò tiến lên.

Say sưa quên cả ươn hèn,

Tim em rập với điệu kèn Việt Minh^[210].

PHÁT TRIỂN VÀ BẢO VỆ SẢN XUẤT PHỤC VỤ KHÁNG CHIẾN

Gió đưa cờ đỏ sao vàng,
Em đi cấy mướn cho chàng tòng quân.

*

Chặt che cài bẫy vót chông,
Tre bao nhiêu lá thương chồng bấy nhiêu.

Anh đi em cũng muốn theo,
Băng con sông Cái, vượt đèo Quán Cau.

E nhà quạnh trước, quạnh sau,
Bỏ dưa ai hái, bỏ rau ai trồng!

Mẹ già vắng vẻ cây trồng.
Thuế thu ai nộp, bố phòng ai lo?

Yêu nhau thề ước hẹn hò,
Chúc anh thắng lợi, em chờ đợi anh^[211].

*

Một yêu em cố tăng gia,
Hai yêu em có đàn gà đầy sân.
Ba yêu làm cỏ bón phân,

Bốn yêu sớm tối chuyên cần tưới rau.

Năm yêu chăm chỉ bắt sâu,

Sáu yêu nướng sắn, giàn bầu, chuồng chim.

Bảy yêu đàn lợn mới thêm,

Tám yêu dây chuối lại kèm rặng khoai.

Chín yêu khóm mía cao cao,

Mười yêu cần kiệu, dân giàu nước sang.

*

Má ơi, con mượn cái gàu,

Con ra xách nước tưới rau cho rồi.

Chân trời đã đỏ hơi hơi,

Rau con đợi nước, đang hồi nửa đêm.

Tưới cho rau muống tốt tươi,

Tỏi hành lớn cọng, chộc trời mà lên.

Tưới cho rau ngổ, rau dền,

Giềng lên chóng lớn để đền công ta.

Tưới cho hành lớn củ ra,

Tưới cho cải bẹ thuận hòa vừa cao.

Có con sáo đậu bờ rào,

Nhìn em tưới nước hát chào líu lo.

Ngoài kia con vạc, con cò,

Ở trong bờ ruộng cũng thò đầu coi.

Trời đừng nóng lắm, ông ơi!

Rau con nó mệt, nữa rồi nó đau.

Cũng vì thương quý vườn rau,

Nên em thương cả cái gầu tre nan.

*

Làng em các giới đồng bào,

Thi đua hưởng ứng phong trào Hoàng Hanh.

Chị về ngả mạ cho nhanh,

Bón phân cho lúa tốt xanh đầy đồng.

Tìm người lập tổ đổi công,

Gương Trịnh Xuân Bái, ta cùng noi theo.

Nhà em neo thật là neo,

Chồng ra tiền tuyến, vợ đèo con thơ.

Vì chưng xếp đặt thì giờ,

Xóm làng tương trợ, chẳng lo ngại gì.

Thuế chiêm em đã gánh đi,

Việc nhà, việc nước em thì lo xong.

*

Nhà em ở tận thôn Đoài,

Nhà anh thôn Bắc, cách hai cánh đồng.

Thôn Đoài phát triển đổi công,

Trồng ngô dự trữ đề phòng thiên tai.

Thôn Bắc không chịu kém ai,

Đề phòng địch phá, trồng khoai sẵn nhiều.

*

Ba cô làm đất trồng ngô,

Mấy lời thân mật chuyện trò cùng nhau.

Rằng ngành nông nghiệp trước sau,

Thi đua chưa rộng, chưa sâu, chưa đều.

Chị em ta nhớ mấy điều:

Thi đua phải tích cực nhiều nữa lên.

Thi đua liên tục thường xuyên,

Sao cho xứng đáng với tên phong trào.

Tên phong trào Hoàng Anh, Xuân Bái,

Và hai người hăng hái thi đua.

Quanh năm sản xuất có thừa,

Lại nhiều kinh nghiệm cày bừa, chăn nuôi.

Tấm gương soi sáng khắp nơi,

Ngày ngày học tập, người người thi đua.

Nửa đêm sao sáng mây cao,

Triệu trời nắng gắt nắng gào chẳng sai.

Lúa khô nước cạn, ai ơi!

Rủ nhau tát nước, chờ trời còn lâu.

*

Mồ hôi mà đổ xuống đồng,

Lúa mọc trùng trùng sáng cả đôi nương.

Mồ hôi mà đổ xuống vườn,
Dâu xanh lá tốt, vắn vương tơ tằm.

Mồ hôi mà đổ xuống đầm,
Cá lội phía dưới, rau nằm phía trên.

Mồ hôi xuống, cây mọc lên,
Ăn no, đánh thắng, dân yêu nước giàu.

Mồ hôi đổ xuống hoa màu,
Chặn tay thằng Mỹ, vui đầu thằng Tây.

Ai ơi, ra sức cấy cày,
Thêm giờ lao động, bớt ngày lao đao^[212].

*

Ruộng nhà tôi lúa xanh xanh ngắt,

Ruộng nhà ai lúa quắt từng bông?

Lúa xanh đẹp xóm đẹp đồng,

Lúa gầy, xấu cả người trồng xấu đi.

Lúa xanh, lúa đẹp, bởi vì

Bón phân, làm cỏ, tôi thì tăng gia.

Ai về nhả nhủ mẹ cha:

Nhớ chăm cho lúa, kéo mà lúa von.

*

Việc nhà nông, tốn công tốn sức,

Làm một mình biết lúc nào xong.

Rủ nhau vào tổ đối công,

Dẫu rằng trăm việc cũng không ngại gì.

Lúa con gái đang kỳ chăm bón,

Bà con ta một xóm cùng nhau.

Đối công làm cỏ cho nhau,

Để còn đập đất trồng màu nay mai.

Một mình công việc kéo dài,

Đối công, năng suất gấp hai người thường.

*

Năng lâu khổ cả ruộng đồng,

Toàn dân chống hạn, một lòng thi đua.

Rủ nhau đắp đập, be bờ,

Đào mương, tát nước, cho mùa tốt tươi.

Đừng nên trông đợi ở trời.

Hãy tin vào sức con người lớn lao.

*

Mương xóm tôi bắt cong sườn núi,

Phải làng anh đào lủi ven rừng,

Đôi dòng nước chảy từng bưng,

Tươi cho tươi mát một vùng lúa xanh.

Dù trời hanh, không mưa, nắng hạn,

Lúa màu khô, không nản, không ngừng.

Xóm trên làng dưới ta cùng,

Mương, phai, đào sửa, cho dòng nước trôi...

Quyết rằng nhân định thắng trời,

Một lòng chống hạn, người người ấm no.

*

Nắng nhiều, lúa ghen, anh ơi!

Ta lấy sức người chống lại thiên tai.

Các anh tát một gầu giai,
Chúng em hai đứa tát hai gầu sòng.

Ngày đêm dẫn nước vào đồng,
Lúa chiêm lại tốt thì lòng lại vui.

*

Dưới này mong ước nông giang,
Thế mà trên ấy nước tràn ra sông!
Nước ra sông ai không đau xót?
Tiếc phần màu tươi tốt bị trôi.
Hỡi người lãng phí nước nô!
Đây lúa khô rồi, đó biết hay không?
Khuyên ai đắp đập ngăn sông,
Cho nước đầy đồng, cho lúa tốt tươi.

*

Hạn hán như lửa cháy nhà,
Lửa rơi giữa ruộng, lửa xa đầy đồng.
Nhìn thân cây lúa ngậm dòng,

Lúa ơi, lúa hồi đau lòng lắm thay!
Chống hạn như đánh thắng Tây,
Phải nhanh, phải chóng, chung tay, góp lòng.
Nước sông ngòi bắt quanh về ruộng,
Nước ao hồ bắt uốn đường mương.
Bổ công ngày nắng đêm sương,
Một dòng nước mát, vạn đường lúa xanh...

*

Cô Mơ, Cô Mận, Cô Đào,
Ba cô cùng tát nước vào ruộng chiêm.
Chiếc gầu vục nước thâm đêm,
Ba cô cùng hát cho quên nhọc nhằn.
Cô Mơ cất tiếng hát rằng:
“Bây giờ khó nhọc, sang năm lúa nhiều”.
Tiếng hò cô Mận vang theo:
“Bao nhiêu gầu nước bấy nhiêu xác thù”.
Cô Đào giọng êm như ru:

“Toàn dân chống hạn thi đua một lòng”.

Nửa đêm tát nước vừa xong,

Ba cô tát giúp ruộng đồng bà con.

*

Ùm ùm tát nước gầu giai,

Ruộng cao ta lại tát hai gầu sòng.

Bà con trong xóm đổi công,

Đêm đêm tát nước ngoài đồng vui ghê.

Hôm qua cây lúa còn se,

Ngày mai, nước chảy tràn về, lúa tươi.

Cho hay muôn sự tại người,

Người mà quyết chí thì trời cũng thua.

*

Tre già anh để pha nan,

Lớn đan nóng né, bé đan giần sàng,

Gốc thì anh để ken giường,

Ngon ngành anh để cắm giàn trồng dưa.

Làm ăn bao quản sáng trưa,
Hễ cần kiệm lắm là ăn thua nhiều.

*

Trời nồm tốt mạ,
Trời giá tốt rau,
Lắm bướm thì đẻ nhiều sâu,
Tàn phá hoa màu, làm hại nhà nông.
Nàng về ngâm nhựa xương rồng,
Gánh ra, đem tưới cho bông, cho cà.
Sâu non cho chí sâu già,
Hòng chi sống sót mà ra phá màu.
Đôi ta chung sức trừ sâu,
Hai lòng một nhịp cùng nhau diệt thù.

*

Sì sà sì sục,
Tôi vục, anh lôi,
Liệu còn năng mãi hay thôi?

Mai đồng nước mát khắp nơi chảy về.

Thăng Tây phá đập phá kè,
Cắm thù giặc nước ta thề quyết tâm.

Thăng trời, thăng giặc mọi phần,
Mỗi lần tát nước, mỗi lần vui thêm.

*

Con chim xanh đậu cành đu đủ,
Nhắc toàn dân nhiệm vụ hộ đê.
Quản chi công việc nặng nề,
Cốt sao bảo vệ được đê vững vàng.

Hộ đê có thiệp có chàng,
Hộ đê có cả thôn làng, thôn tôi,
Trời mưa, trời nắng, mặc trời!
Làng trên xóm dưới, mọi người quyết tâm,
Mặc cho giặc Pháp mưu thâm,
Lăm le tìm cách ngấm ngầm phá đê.
Mặc cho mưa lũ tràn về,

Lòng người kiên quyết là đê vững vàng.

*

Hai thôn chung một con sông,
Mỗi thôn có một cánh đồng phì nhiêu.

Phòng khi nước lũ mưa nhiều,
Hỏi thăm thôn ấy đê điều ra sao?

Bờ thấp cho chí bờ cao,
Cống, cù sửa chữa khi nào thì xong?

Nước về lũ đỏ dòng sông,
Nước sông đã lớn, nước đồng lại to.

Thôn tôi đã sẵn thuyền dò,
Có tre dự trữ, có bồ mới đan.

Phòng khi nước lũ lan tràn,
Nhà nào, nhà nấy sẵn sàng đắp đê.

*

Muốn no thì giữ lấy đê,
Muốn phá hết tề, phải được lòng dân.

*

Nước lụt thì lụt cả làng,
Đắp đê chống lụt, thiếp chàng cùng lo.

THUẾ NÔNG NGHIỆP

Tre già đan sọt,
Nứa tốt đan bồ.

Thi đua đóng thuế thóc khô,
Em sắm đôi bồ tiếp vận mùa mưa.

Hai lần, trong kín, ngoài thưa;
Giữa thì ép lá, gió mưa mặc trời!

Thóc em đã quạt đã phơi,
Dù đi khắp bốn phương trời vẫn khô.

*

Thuế nông góp đủ,
Lúa đổ vào kho.

Yêu nhau nên phải dặn dò...
Giữ kho thóc, phải giữ cho vẹn tròn.

Cót đầy chớ có đổ tràn,
Hạt rơi, hạt vãi, xin chàng nhặt lên.
Lúa hư lúa mốc, ai đền?
Luôn luôn xem xét, chớ nên hững hờ.
Mồ hôi đổ xuống ruộng bờ.
Mới thành hạt lúa đổ kho lần này.
Chiến trường bộ đội diệt Tây,
Hậu phương xin giữ kho đầy lúa thơm^[213].

*

Đêm khuya ai gọi sang dò?
Có phải thóc thuế thì cho xuống thuyền.
Thóc thuế xin chờ trước tiên.
Có nước nóng uống, chèo liền, sang ngay.
Mặc dầu gió rét đêm nay,
Thịt da tê buốt, cồng tay cũng chèo^[214].

*

Chòi cao, loa gọi càng xa,

Báo tin: Tây Bắc quân ta diệt thù.

Tây lên Phú Thọ, Tây thua;

Khu Ba chiến thắng, đây mùa lập công.

Đêm nay, đi đóng thuế nông,

Làng em nô nức, gánh gồng cùng đi.

Sương khuya, ướt áo quân chi,

Chỉ lo ẩm gạo, còn gì là kho!

*

Ơ này anh chị em ơi!

Lúa đồng ta đã đôi nơi phơi màu...

Mùa này ta hãy bảo nhau,

Tập đoàn ta gặt cho mau mới là.

Thằng Tây định phá lúa ta,

Về đây du kích không tha lũ mày.

Phơi khô ta lại giấu ngay,

Thử hỏi lũ mày, còn phá được không?

Vụ mùa thu hoạch đã xong,

Ta đem đóng thóc thuế nông nghiệp liền.

Bấy giờ mọi việc đều yên,

Thử thì ta soạn cấy chiêm, trồng màu.

*

Chị em đã quyết chẳng chùn,

Hai vai áo ướt chân bùn đường trơn.

Đường trơn thì mặc đường trơn,

Em gánh thóc thuế chẳng sờn hai vai.

Trời mưa cho ướt lá khoai,

Thóc em không ướt vì ngoài lá che.

Đường xa, chân bước, tai nghe,

Tin vui chiến thắng đưa về khắp nơi.

*

Cùng dắt trâu ra đồng,

Ta cày cấy cho lòng ta vui...

Hò ơi!

Bình mình tô thăm phương trời,

Nắng trên đỉnh núi, sáng ngời cái chốn rừng xanh.

Mây nước mênh mông, chân bước gập ghềnh...

Dù bước gập ghềnh, vun trồng cây lúa, ta dành nuôi quân.

Hò ơi!

Dù bao thôn xóm xa gần,

Xóm ta, ta chẳng kém phần đóng thuế cho nhanh.

Đem thóc nuôi quân chinh chiến sa trường,

Kìa chốn sa trường, có đoàn vệ quốc giết phường xâm lăng.

Hò ơi!

Hậu phương ta giúp cho chàng,

Sức thêm mạnh mẽ, sẽ càng đánh giết nhiều Tây.

Quân giặc sang đây tan xác phen này!

*

Lúa tháng năm kén tấm vàng óng,

Hạt khô giòn, đem thóc thuế nông.

Thúng đầy anh gánh tới giong,

Kiều cào kều kẹt, qua sông qua đò...

Lúa nhiều, chiến thắng càng to,
Đồn Tây càng đổ, câu hò càng vang.
Đóng nhanh, nhanh khắp xóm làng,
Em thách thôn chàng nộp đủ, nộp mau.
Thóc vàng muôn hạt như nhau.
Chớ mang thóc lép qua cầu gió bay...
Thóc lép bay, thẹn tay sàng sảy,
Chúng bạn cười, vai quảy thêm đau.
Nắng nhiều, sớm nở hoa cau,
Đóng nhanh lúa tốt là mau thắng thù^[215]...

GIAO VẬN

Sông Hiền uốn khúc đưa dò,
Bên sông em đợi bóng cờ anh qua.

*

Trời mưa ướt áo, ướt quần,
Uớt sao cho được tinh thần thi đua.

*

Trên trời có đám mây vàng,
Em đi tiếp vận cho chàng giết Tây.
Thằng Tây tiếp tế máy bay,
Không bằng tiếp vận chân tay chúng mình.

*

Dù cho gió rét mưa bay,
Khó khăn gian khổ chẳng lay chuyển lòng.
Tôi là chiến sĩ dân công,
Máy bay, đại bác quyết không chịu lùi.

*

Trời mưa to, không lo ướt áo,
Bồ không che, ướt gạo em lo.
Ra đi làng xóm dặn dò,
Một hai chuẩn bị đôi bồ che mưa.
Bồ che mưa không lo gạo ướt,
Nhẹ vai gồng, chóng vượt đường trơn.
Gạo khô gửi tới chiến trường,

No lòng bộ đội, ngon cơm, diệt thù.

BÌNH DÂN HỌC VỤ

Rủ nhau đi học i tờ,

Xem tin, đọc báo, xem thơ dễ dàng.

*

Cô kia vừa đẹp vừa giòn,

Cô không biết chữ, cô còn lấy ai?

*

Rủ nhau đi học i o,

Mỗi ngày một chữ, con bò cũng thông.

*

Lấy chồng biết chữ là tiên,

Lấy chồng mù chữ là duyên nợ nần.

*

Cô kia má đỏ hồng hồng,

Cô không biết chữ nên chồng cô chê.

*

Này bà, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.
I tờ chấp tiếng chấp câu,
Quanh bàn xúm xít bảo nhau học bài.

*

Thời đại chiến tranh, chúng ta đành kháng chiến;
Toàn dân, toàn diện, quyết thực hiện thi đua.
Từ nam chí nữ, cho đến trai trẻ, già nua,
Phải tham gia Bình dân học vụ, kéo kém thua, bạn cười.

*

Hôm qua anh đến chơi nhà,
Thấy mẹ dệt vải, thấy cha đi bừa.
Thấy em mãi miết xe tơ,
Thấy cháu “i tờ” ngồi học bi bò.
Thì ra vâng lệnh Bác Hồ,
Cả nhà yêu nước thi đua phen này.

[191] Ông còn có tên là Nguyễn Văn Lịch.

[192] Của Hữu Tâm.

[193] Của Dương Tử Giang.

[194] Của Hữu Tâm.

[195] Của Trần Hữu Thung.

[196] Của Bằng Sĩ Nguyên.

[197] Của Lê Tất Đặc.

[198] Của Bùi Hạnh Cẩn.

[199] Của Bảo Định Giang

[200] Của Bảo Định Giang.

[201] Ca dao Liên Khu 5.

[202] Em Nguyễn Bá Dậu - 1950.

[203] “Lời nhân dân Phát Diệm” - của Trần Hữu Thung.

[204] Của Lưu Trung Dương (1948).

[205] Sây, tiếng Thanh Hóa, có nghĩa là sai, nhiều, tốt.

[206] Của Hằng Phương.

[207] Của Hằng Phương.

[208] Của Hữu Tâm.

[209] Của Lê Tất Đặc.

[210] Của Lê Tất Đặc.

[211] Của Nguyên Hồng.

[212] Của Thanh Tịnh.

[\[213\]](#) Của Huyền Tâm.

[\[214\]](#) Của Hoàng Huyền.

[\[215\]](#) Của Huyền Tâm.

6. CA DAO CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Ca dao trước Cách mạng tháng Tám, do nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân sáng tác, chúng ta thường gọi là “ca dao truyền thống”. Đó là những ca dao đã truyền từ đời nọ qua đời kia, có quan hệ khăng khít với nhau trên nhiều mặt nội dung và hình thức nghệ thuật. Ca dao truyền thống biểu hiện tình cảm và tư tưởng của nhân dân ta thời xưa về đời sống xã hội và về thiên nhiên. Trong các thời phong kiến và thực dân nửa phong kiến, nó là tấm gương phản ánh những tư tưởng của nhân dân lao động chống đối giai cấp thống trị, chống đối thực dân đế quốc, nó là tấm gương phản ánh những nhận định của nhân dân về vũ trụ, về cuộc đời, phản ánh những tình cảm của nhân dân trong quan hệ nam nữ, trong quan hệ nói chung giữa con người với con người.

Sau Cách mạng tháng Tám, trong thời kháng chiến chống Pháp, ca dao do nhân dân, cán bộ, bộ đội, trí thức sáng tác, mang tên là “ca dao kháng chiến”. Rồi trong thời chiến tranh chống Mỹ cứu nước, ca dao xuất hiện trong thời kỳ này mang tên là “ca dao chống Mỹ, cứu nước” cũng do nhân dân, cán bộ, bộ đội, trí thức sáng tác. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, cán bộ, bộ đội, trí thức cũng đều từ nhân dân mà ra, nên ca dao kháng chiến chống Pháp và ca dao chống Mỹ, cứu nước vẫn được coi là những sáng tác của nhân dân, của những người không chuyên làm công tác văn học. Có thể nói: ca dao kháng chiến chống Pháp và ca dao chống Mỹ, cứu nước là một khối thống nhất tập hợp tình cảm và tư tưởng của nhân dân Việt Nam trong 30 năm chiến đấu chống đế quốc xâm lược và lao động sản xuất, xây dựng đất nước.

Thời xưa, trong khi nhân dân còn chưa biết chữ, văn học dân gian, trong đó có tục ngữ ca dao, hoàn toàn truyền miệng. Đến khi văn học dân gian tác động đến giới trí thức thì các nho sĩ bắt đầu ghi chép truyện dân gian, rồi đến ghi chép tục ngữ ca dao. Từ đấy, văn học dân gian có một phần thành văn. Nhưng trong nhân dân, văn học dân gian tiếp tục truyền miệng từ thế hệ này qua thế hệ khác, từ địa phương này sang địa phương khác và vẫn được sửa chữa, thêm bớt cho đến khi được hoàn chỉnh, hay nói một cách khác, cho đến khi nội dung phù hợp với thế giới quan của nhân dân lao động và có hình thức dân gian được nhân dân ưa thích và truyền đi.

Trong thời kháng chiến chống Pháp và trong thời chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, chúng ta thấy một số ca dao đã được in trên sách báo, được nhiều người thuộc và ngâm, những ca dao ấy có tên tác giả rõ ràng, nhưng người ta ít khi chú ý đến tác giả, có khi người ta cũng không biết tác giả là ai. Một khi truyền miệng thì nó có tình trạng như vậy, chứ không phải người ta không tôn trọng người sáng tác. Như vậy, *văn học dân gian sau Cách mạng tháng Tám vừa truyền miệng, vừa thành văn*. Không cần phải khuyến khích, nó cũng thành văn ngay, vì người sáng tác ca dao không những không “mù chữ”, mà có khi còn có một trình độ văn hóa cao hơn nữa. Hiện tượng này đã thấy ở nhiều nước, không chỉ riêng ở nước ta.

Cũng như văn học thành văn, văn học dân gian có mặt tích cực, đồng thời cũng có cả mặt tiêu cực. Ca dao truyền thống biểu hiện tư tưởng tình cảm của nông dân thời xưa về thiên nhiên và xã hội, nói chung là tốt. Nhưng ở nước ta, do sống dưới chế độ phong kiến, tồn tại hàng nghìn năm, nhân dân cũng chịu ảnh hưởng ý thức hệ của giai cấp thống trị, nên trong những sáng tác dân gian đã có những hạn chế nhất định về lịch sử.

Từ sau Cách mạng tháng Tám, cũng như văn học nói chung, tục ngữ ca dao đã có những biến đổi. Ca dao truyền thống có mấy thể cổ điển là *hứng, tỉ, phú*, thì ca dao ngày nay ít dùng thể *hứng*, mà chỉ dùng nhiều hai thể sau: so sánh và tự sự, nhiều nhất là tự sự (tức thể *phú*). Hình thức nghệ thuật thay đổi là do yêu cầu của nội dung. Trong khi không còn giai cấp bóc lột, chính quyền đã về tay nhân dân, cuộc đấu tranh giai cấp về căn bản không còn nữa, thì vẫn còn đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, tức vẫn còn đấu tranh trong nội bộ nhân dân, và văn học dân gian vẫn là vũ khí sắc bén phục vụ xây dựng người tốt việc tốt. Tuy vậy, trong tục ngữ ca dao mới, đã có một số câu, một số bài biểu hiện tình cảm ủy mị, tư tưởng tiêu cực, thậm chí phản động nữa. Nhưng đối với văn học dân gian xưa, cũng như đối với văn học dân gian ngày nay, nhiệm vụ của người nghiên cứu là phải gạn đục khơi trong, sử dụng vốn mới hay vốn cũ trong văn học nghệ thuật, đều phải phê phán, chọn lọc theo đường lối văn nghệ của Đảng.

Bởi vậy, những câu, những bài ca dao chống Mỹ, cứu nước hay, được sáng tác theo hình thức dân gian, lại có nội dung phù hợp với thể giới quan của nhân dân lao động, được nhân dân ưa thích và truyền đi, sẽ vẫn có giá trị tồn tại; còn những câu, những bài có nội dung xấu sẽ bị đào thải.

Có những câu tục ngữ mới, đáng là châm ngôn, đáng dùng để khuyên răn người ta, như những câu:

- Sản xuất là khóa, văn hóa là chìa.
- Vì nước quên thân, vì dân phục vụ.
- Khó một phần, không dân cũng chịu,

Khó vạ lần, dân liệu cũng xong.

Lại có một số câu thành ngữ có ý nghĩa đấu tranh trong nội bộ nhân dân. Như phê bình lối ăn mặc kệch cỡm:

Áo ve sầu, đầu súp lơ.

Những câu phê phán một số công nhân viên chức có tư tưởng cá nhân, tự tư tự lợi, hoặc làm việc không đúng mức:

- Thủ kho to hơn thủ trưởng...

- Mắt thứ hai, tai thứ bảy.

Phê phán một số công nhân lái máy kéo hay hạch sách nhân dân về ăn uống:

Trâu đen ăn cỏ, trâu đỏ ăn gà[\[216\]](#).

Phê bình tình trạng còn luộm thuộm, thiếu vệ sinh ở một số nông thôn:

Ăn xó bếp,

Uống nước ao,

Đái bờ rào,

Ỉa chuồng lợn.

Đó là những tình trạng cần chấm dứt hoàn toàn mà nhân dân đã lên tiếng phê phán.

Ca dao chống Mỹ, cứu nước có nhiều bài biểu hiện tấm lòng miền Nam đối với Bác Hồ kính yêu, đó là tấm lòng son sắt của nhân dân ước mong Tổ quốc được độc lập, thống nhất:

Nước dưới sông khi dâng, khi cạn,

Trăng trên trời khi sáng, khi lu.

Ai ra miền Bắc, thưa với Bác Hồ,

Lòng miền Nam vẫn tròn vành vạnh như chiếc nón bài thơ đội đầu.

Trong chiến đấu bảo vệ đất nước thân yêu, có nhiều cô dân quân kiên cường dũng cảm, nhưng vẫn giữ được phong thái dịu hiền của phụ nữ Việt Nam. Hãy đọc những câu ca dao sau đây của Nguyễn Văn Dinh miêu tả một nữ dân quân nhỏ nhắn tuần tra canh gác bờ biển:

Dấu chân trên cát quen quen,

Thoạt nhìn đã biết chân em đi tuần.

Sóng xao bãi cát trắng ngần,

Đếm sao hết được mấy lần em qua.

Mắt nhìn như ánh sao sa,

Ngày đêm em giữ quê nhà bình yên.

Đẹp thay! Bãi cát êm êm,

In bàn chân nhỏ của em đi tuần.

Còn đây là bài ca dao của Hà Cẩn miêu tả cô con gái ở bến phà làm nhiệm vụ chở bộ đội qua sông. Mấy câu còn biểu hiện lòng yêu mến của anh bộ đội, trong đó hé ra mối tình quyến luyến của anh đối với cô dân quân gặp ở bến phà một đêm trăng:

Vượt sông, em chở anh sang,

Bến trôn, em rắc trấu vàng anh qua.

Đêm nay đường trải trăng ngà,

Hành quân vẫn nhớ bến phà quê em.

Bảo vệ giao thông trong thời chiến tranh chống Mỹ, cứu nước hầu hết là nam nữ thanh niên. Cầu Cấm thuộc Nghệ An là đoạn đường tiếp vận rất quan trọng nên tàu bay địch đánh phá rất ác liệt. Tuy vậy, cô dân quân tỉnh Nghệ An vẫn quyết tâm bám cầu đường:

Đứng trên cầu Cấm em thề:

Chưa xong nhiệm vụ, chưa về quê hương.

Và cô khuyên anh bạn cùng đơn vị mình bằng câu tình tứ:

Sông Lam nước đục như sơn,

Anh ơi, ở lại làm con mẹ thầy!

Ca dao chống Mỹ, cứu nước là một dòng ca dao kế tiếp ca dao kháng chiến chống Pháp. Cũng như ca dao kháng chiến chống Pháp, ca dao chống Mỹ, cứu nước đã có tác dụng trong hai mươi năm qua: nó vừa phục vụ công cuộc chiến đấu ở tiền tuyến, vừa phục vụ sản xuất ở hậu phương, có ý nghĩa

động viên, khuyến khích dân quân cả nước thi đua giết giặc, thi đua sản xuất.

Nếu đem so sánh ca dao chống Mỹ, cứu nước với ca dao truyền thống, tất nhiên chúng ta thấy về chất lượng, ca dao chống Mỹ, cứu nước có chỗ còn thua kém. Ca dao truyền thống đã có một đời sống hàng nghìn năm, đã được thời gian sàng lọc, nên chỉ những bài hay mới lưu truyền đến ngày nay; còn ca dao chống Mỹ, cứu nước mới xuất hiện trong một thời gian ngắn, nên chưa qua sự sàng lọc.

Ngày nay nhân dân ta có trình độ văn hóa cao, lại có truyền thống yêu nước, quý trọng vốn cũ của dân tộc, những người có khiếu, có tài về văn học sẽ kế thừa truyền thống dân gian mà sáng tác ca dao. Một nhà lý luận văn học đã viết: “Tính truyền thống chính là tiêu chuẩn hết sức quan trọng để phân biệt phong cách nghệ thuật giữa văn học và sáng tác quần chúng”[\[217\]](#).

Hiện nay, ở nước ta, trong nhân dân có nhiều người không chuyên về nghề văn, sáng tác những thể loại văn học dân gian và cả những thể loại văn học nghệ thuật từ ngoài đem vào. Thơ luật Đường, phú (dù đem vào từ lâu), thơ mới, thơ không vần, kịch nói, phóng sự, v.v... vốn không từ nhân dân mà ra, nên người ta không coi là sáng tác dân gian, mà coi là sáng tác quần chúng.

Rõ ràng không ai bảo ai, các báo chí và các nhà xuất bản của ta đã liệt ca dao vào một thể loại riêng biệt, coi như là một thứ văn vần mang tính truyền thống dân gian. *Ca dao đã trở nên một thể loại trong sáng tác thơ ca*. Xét về nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật của ca dao thì ca dao có tính chất khái quát, khác với thơ của những nhà thơ chuyên nghiệp.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, ca dao và thơ không những không đối lập với nhau, mà hai bên còn bổ sung cho nhau, vì ngày nay thơ và ca dao đều là tiếng nói của nhân dân, không phải như thời xưa, phần nhiều thơ là sáng tác của những người thuộc giai cấp phong kiến, những người thường ca ngợi cái nhàn, ngắm hoa vịnh nguyệt, khinh rẻ nhân dân lao động. Riêng những nhà thơ lớn gần gũi với nhân dân thì sáng tác của họ lại có quan hệ khăng khít với ca dao, có ảnh hưởng qua lại. Như vậy, bây giờ ca dao có khác với thơ là khác ở lối sử dụng ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật. Ngay cả về những tính chất riêng, tính chất chung, tính ước lệ, những tính chất ấy thường có cả trong một bài thơ hay, cũng như trong một bài ca dao hay. Làm một bài ca dao hay cũng khó như làm một bài thơ hay, vì đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật đều khó cả. Nội dung ca dao thường mang tính chung và thơ thường mang tính riêng là nói về liều lượng, còn những lối cá thể hóa và khái quát hóa thì bao giờ cũng gắn bó chặt chẽ với nhau trong một tác phẩm văn học ưu tú, nên mới truyền cảm cho người đọc, người nghe được.

Những sáng tác văn học ưu tú này là những tấm gương phản ánh thời chúng xuất hiện – đây là nói tác phẩm văn học ưu tú. Muốn tìm hiểu tình cảm của nhân dân về cuộc sống và về thiên nhiên trong thời phong kiến, chúng ta phải nghiên cứu nhu cầu tác phẩm văn học xuất hiện trong thời kỳ ấy, trong đó có những tác phẩm văn học dân gian. Muốn hiểu biết tư tưởng tình cảm của nhân dân trong thời kháng chiến chống Pháp và chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, chúng ta cũng phải nghiên cứu như vậy. Bởi thế, văn học dân gian trong đó có tục ngữ ca dao, xuất hiện trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước cũng sẽ có giá trị tồn tại, lẽ tự nhiên là sẽ tồn tại những phần ưu tú, những phần phù hợp với thế giới quan của nhân dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

TINH THẦN QUYẾT CHIẾN QUYẾT THẮNG VÀ

THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TRONG CA DAO

Khổ qua^[218] nắc nằng

Trái thẳng trái đèo,

Vì ấp chiến lược đói nghèo long đong.

Giam chân vào chốn xiềng gông,

Như chim trong lồng, như cá trong nơm.

Cá trong nơm khó mong vùng vẫy,

Chim trong lồng bay nhảy khó ra.

Chém cha cái lũ gian tà,

Nó bắt rào nhà, lập ấp giết dân.

Sông Cửu Long tháng năm nước đổ,

Tức nước thì bờ nước vỡ tràn.

Đứng lên khắp xóm khắp làng.

Phá ấp chiến lược, đập tan ngục tù^[219]!

Phá Tam Giang nổi đàng ra Bắc,

Đèo Hải Vân hướng mặt vào Nam.

Trị Thiên đồ dệt sang ngang,

Dệt thương, dệt nhớ, dệt đàng núi sông.

*

Em tôi vừa chẵn đôi mươi,

Tôi đùa: “Con út có người yêu chưa?”

Nó rằng: “Anh thiệt là xưa,

Nếu còn giặc Mỹ, em chưa kia mà...”

Má tôi nghe nói cười xòa:

“Rể tao phải là chiến sĩ Khe Sanh”.

Nó cười mắt sáng long lanh:

“Chọn rể tài tình nhất má đó nghe!”^[220].

*

Thằng Mỹ đang bị sa lầy,

Cố rút chân nọ, chân này sa thêm.

Gần xa hãy đứng mà xem,

Bùn ngập tận cổ, bùn nhòen tận râu.

Miệng gào, tay cấu trước sau,

Càng giãy càng chóng ngập đầu cho coi.

Đánh thêm, đánh mạnh, ta ơi!

Đánh cho Mỹ ngập cả đuôi lẫn đầu^[221].

*

Sầu riêng ai khéo đặt tên,

Ai sầu không biết, riêng em không sầu?

Mỹ phun thuốc độc năm nào,

Sầu riêng rụng lá tưởng đâu chết rồi.

Hiên ngang cây đứng giữa trời,

Một cành lá rụng, vạn chồi mọc lên.

Đất dày, rễ bám sâu thêm,

Bão lớn chẳng chuyển, bom lèn chẳng rung.

Đất trời Nam Bộ mệnh mông.

Người không khuất phục, cây không úa sầu^[222].

*

“Lẻ loi như cụm núi Sầm,

Thản nhiên như mặt nước đầm Ô Loan”^[223].

Từ ngày giặc Mỹ kéo sang,

Núi Sầm lửa dậy, Ô Loan sóng trào.

Quê mình tay súng tay dao,

Đầm sâu làm huyết, núi cao làm mồ.

Vùi thây Mỹ ngụy côn đồ,

Chôn mưu thâm độc, diệt trò gian ngoan.

Chừng nào Mỹ bại ngụy tan,

Núi Sầm tươi mát, Ô Loan êm đềm^[224].

*

Cho dù Mỹ ngụy trăm tay,

Quyết không chia được đất này làm hai.

Cho dù cạn nước Đồng Nai,

Nát chùa Thiên Mụ không phai lòng vàng.

*

Đạo vợ chồng, trăm năm ghi tạc,

Bởi vì ai én lặc nhận bay.

Lời thề ngày tạc kết còn đây,

Dù ai có kẻ gươm vào cổ cũng không đổi thay nghĩa chàng.

*

Bóng mây chiều hiu hiu gió thổi,
Bên Cửa Tùng sóng dội thuyền xao.
Dầu cho giặc Mỹ ngăn giậu, đón rào,
Bắc Nam vẫn một, máu đào vẫn chung.

*

Cam xã Đoài gửi vô thì cau Nam Phổ đóng bồ gửi lại,
Hàng lại trao hàng, đâu quản ngại chi!
Cam chị ngọt thì cau em cũng nỏ ai bì,
Cốt làm sao cho tình Nam Bắc gắn chặt thì Mỹ ngụy làm chi cũng không
sờn^[225].

*

Hưng Yên kết nghĩa Tân An,
Đào kênh đón nước trồng hàng dừa xanh.
Mai kia bóng mát quả lành,
Ăn dừa nhớ mãi mối tình Bắc Nam^[226].

*

Đố ai quét sạch lá rừng,

Đố ai cướp được cả rừng lòn bon.
Thù cao như núi như non,
Lòng này như thể keo sơn chẳng rời.
Đố ai cắt nước làm đôi,
Vành trăng xẻ nửa, mặt trời chia hai.

*

Lòng ta như giếng nước trong,
Giặc vào lẩn chiếm những mong khuấy bùn.
Giếng nước trong quyết không thể đục,
Giặc Mỹ vào, đánh gục chẳng tha.
Quyết tâm bám đất giữ nhà,
Giặc vô tan xác, giặc ra bỏ đầu.

*

Cách nhau chỉ một con đò.
Ai xui Bắc đợi Nam chờ, hỡi sông!
Đôi ta tắm nước một dòng,
Bên trong bên đục, đau lòng hay chẳng?

*

Mây Mai Lĩnh khi tan khi hợp,
Nước thủy triều khi rặc^[227] khi dâng.
Nguyện cùng dưới nước trên trăng,
Trăm năm đi nữa nghĩa chàng không phai^[228].

*

Biển cạn, lòng không cạn,
Núi lở, non mòn, nghĩa bạn còn đây.
Dù trong nước đọng bùn lầy,
Nhị vàng bông trắng vẫn đầy hương thơm.

*

Ngọn núi Truồi vừa cao, vừa dựng,
Lòng người Thừa Thiên vừa cứng, vừa dai,
Dù cho nắng sớm mưa mai,
Sóng cồn gió đập, vẫn tranh đấu cho Nam Bắc, trong ngoài gặp nhau.

*

Thấy bóng khăn rằn, anh biết rằng em tới,

Màu khăn Đồng Khởi phụ nữ Bến Tre.

Con sông Hàm Luông tàu Mỹ chạy re,

Cầu Ba Lai đó, giặc Mỹ lật xe, chết hoài.

Quê hương Đồ Chiểu rặng ngời,

Tinh thần cách mạng đỏ trời, vàng sao^[229].

Gió tới sau hè, gió đê bụi chuối,

Gió qua bụi ruối, gió đuổi chào mào.

Bắc Nam góp ngọn gió cao,

Kết thành bão lớn, quật nhào xâm lăng²!

*

Ăn trái chà là, em thương mẹ già anh đó,

Thương má anh già sớm gió chiều mưa.

Thương anh, má chặt trái dừa,

Đưa anh uống đỡ, nắng trưa đỏ trời.

Mừng nay giặc Mỹ tan rồi,

Lòng dừa, lòng má thấm tươi màu cờ^[230].

*

Nước lớn đầy sông, lá lòng tong lội ngược,

Chín con rồng vàng no nước phù sa.

Miền Nam ruột thịt của ta,

Xương máu mẹ già, tim óc cha ông.

Phát huy truyền thống anh hùng,

Phất cao cờ hồng, soi khắp năm châu.

*

Cầm dao em vót mũi chông,

Nghe súng ta nổ là lòng thêm vui.

Cắm thù giặc Mỹ không nguôi,

Thằng cu nó cũng học đòi vót chông[231].

*

Bắc Nam là con một nhà,

Là gà một mẹ, là hoa một cành.

Nguyện cùng biển thẳm non xanh,

Thương nhau nuôi chí đấu tranh cho bền.

*

Mù u ba thứ mù u,

Lính ta thì tình nguyện, chớ lính thù ta chẳng đi.

*

Đấu tranh thống nhất non sông,

Ngàn năm để thỏa ước mong Bác Hồ.

*

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,

Nhớ câu Bác dạy, nhớ điều Bác khuyên.

Ghi lời vàng ngọc không quên,

Con đường thống nhất càng bền đấu tranh.

*

Ăn trái khổ qua, ai nhả ra cho đắng,

Dầu cay, dầu đắng, cũng ráng nuốt trôi.

Cắm thù cay đắng mấy mươi,

Ta phải ngậm suốt ba chục năm trời mới diệt hết xâm lăng[232].

*

Giặc Mỹ đã tan, miền Nam giải phóng,

Cờ sao bay lồng lộng Sài Gòn,
Bay vô từng xóm, từng thôn,
Lúa xanh, điệp đỏ, nhịp máy dòn tiếng hát, câu ca.

HÌNH ẢNH BÁC HỒ TRONG LÒNG QUÂN DÂN VIỆT NAM

Đông Xuân bộ đội nhập thành,
Diệt tề, trừ ác, giúp dân phá kềm.
Màn đêm lại rực ánh đèn,
Trong phòng triển lãm, kẻ chen người chờ.
Ông già mái tóc bạc phơ,
Ngắm ảnh Cụ Hồ trù mến thiết tha.
Rồi ôm hình Bác, gọi: Cha!
Nghẹn ngào ông lão day qua mọi người:
- Bà con ơi, gặp Cụ rồi!
Ngày mình độc lập gần rồi, bà con!
Ông già xoay mặt vào tường,
Ngước lên tấm ảnh ôm hôn Cụ Hồ^[233].

Hành quân dưới rặng cây xanh,
Tưởng như đi dưới ân tình Bác che.
Màu xanh thăm thẳm đường quê,
Lòng con nhớ Bác Tết về trồng cây.
Con đi, bóng mát che đầy,
Đếm sao hết được rừng cây Bác Hồ^[234].

Nhớ xưa gậy trúc, dép đen,
Đi thăm mặt trận, Bác lên đỉnh đèo.
Đường rừng khúc khuỷu cheo leo,
Bác đứng trên đèo vẫy gọi con lên.
Con mang hình Bác trong tim,
Hành quân đánh Mỹ qua nghìn gian lao.

Mỗi lần vượt dốc núi cao,
Vẫn nghe tiếng Bác ngọt ngào vang ngân^[235].

*

Hành quân với cháu hôm nay,
Có thơ của Bác chép tay mấy bài.

Cháu đi mãi miết đường dài,
Đọc thơ Bác, thấy nhẹ vai, ấm lòng.
Cháu đi, có Bác đi cùng,
Mỗi lời thơ sáng một vùng núi sông^[236].

*

Bác về thăm đảo năm xưa,
Đa chưa bén gốc, dừa chưa vươn tàu.
Tiễn chân Bác mới hôm nào,
Mà đa xanh bóng, dừa cao trĩu buồng.
Ước gì Bác đến thăm luôn,
Bóng đa che nắng, dừa non con mồi^[237].

*

Nước dưới sông, khi dâng, khi cạn,
Trắng trên trời, khi sáng, khi lu.
Ai ra miền Bắc, thưa với cụ Hồ:
Lòng miền Nam vẫn tròn vành vạnh như chiếc nón bài thơ đội đầu.

*

Lòng dân như hoa hướng dương,
Trăm ngàn đổ lại một phương mặt trời,
Dù cho vật đổi sao dời,
Nguyễn cùng non nước một lời sắt son.

CHIẾN ĐẤU VÀ PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU

Nhìn đàn cò trắng bay qua,
Thấy đồng lúa ở quê nhà héo hon.
Xung quanh đồng lúa những đồn,
Lúa héo bao ngọn, cặm hờn bấy nhiêu.
Đêm nay sóng lúa rào rào,
Hạ đồn, lúa dậy vẫy chào đoàn quân.

*

Đường ra mặt trận vui sao,
Quân đi thác chảy ào ào rừng xanh.
Bắc Nam là nghĩa là tình,
Ta đi núi cũng chuyển mình đi theo.
Trên mình Tổ quốc thân yêu,

Ở đâu có giặc, vạ đèo cũng qua.

Đất này thấm máu ông cha,

Ngàn năm giục bước chân ta lên đường^[238].

*

Đóng tre căng bạt giữa đồng,

Các anh pháo thủ xoay nòng súng lên.

Súng anh canh cả trời đêm,

Để cho trăng đẹp tỏa lên xóm làng^[239].

*

Hành quân trên quãng đường xưa,

Cầu tre lắt lẻo, bóng dừa nghiêng nghiêng.

Đạn ta vạch sáng màn đêm,

Cột cờ tháng Tám hiện lên giữa trời.

Tầm vong trải mấy cuộc đời,

Tầm vong vẫn đứng với người hiên ngang.

Cột cờ tháng Tám vẻ vang,

Mang bao vết đạn mà tàn vẫn xanh.

Đường qua xóm cũ uốn quanh,
Cột cờ thắm Tám như hành quân theo.

*

Đêm xuân chuẩn bị đánh đồn,
Chủ lực hợp đồng bộ đội địa phương.
Trên sông xuống nổi đuôi xuống,
Lịch truyền dừng lại trên đường hành quân.

Võ vai chiến sĩ ngồi gần,
Anh chàng bộ đội hỏi han tâm tình:
- Cậu ơi hút thuốc với mình,
Lạ kìa, cậu ấy làm thỉnh, mỉm cười...
- Thuốc nè! Mình hút cho vui.
Anh chàng bộ đội vẫn mời thiết tha.

Bỗng dưng cậu ấy cười xòa,
Bật lên ánh lửa, hóa ra... cô nàng!^[240]

*

Hải Vân cao ngất từng mây,

Giặc đi đến đó, bỏ thây không về^[241].

*

Huệ mai sắc trắng, sắc vàng,

Cả hai lộng lẫy giữa vườn hoa tươi.

Chưa bằng chồng vợ đẹp đôi,

Chồng say chiến đấu, vợ vui cấy trồng^[242].

*

Long lanh mặt nước giếng trong,

Giếng trong trận địa ánh nòng pháo soi.

Bắn tan quạ Mỹ trên trời,

Giếng cũng reo cười, cái miệng tròn xoe.

*

Sớm nay rực sáng nắng hồng,

Em ngồi em xếp những dòng chiến công.

Sài Gòn, thành Huế, Tây Ninh,

Trị Thiên, Đà Nẵng, Long Bình, Quảng Nam.

Cà Mau, Quảng Ngãi, Hội An.

Tin vui chiến thắng rộn ràng làm sao!

Bồi hồi lòng những nôn nao,

Xếp nhanh, in đẹp, để mau phát hành.

Tin mừng thắng trận bay nhanh,

Như hoa nở rộ trên cành thắm tươi,

Chiến công từ khắp trăm nơi,

Như cơn bão cuốn dậy trời quê hương.

Bay về tiếp sức hậu phương,

Dòng tin sao đẹp tựa đường chỉ khâu,

Ơi anh Giải phóng, em yêu,

Trang tin đã nhiều mà vẫn chưa xong!

Vì anh đang thét xung phong,

Làm sao dứt được những dòng tin vui^[243].

*

Ta đi trăng cũng đi theo,

Đường xa, dốc núi, đỉnh đèo trăng soi.

Bây giờ trăng đã ngủ rồi,

Ta đi lòng vẫn sáng ngời ánh trăng.

*

Hành quân đêm đã xuống rồi,
Mùa xuân trăng cũng theo người hành quân.

Sương đêm quần áo ướt đầm,
Chào anh bộ đội chở trăng theo mình.

*

Già gì? Già tóc, già râu,
Tinh thần đánh Mỹ, lão đâu có già!
Con đi bộ đội phương xa,
Còn lão ở nhà vào bạch đầu quân.
Đêm đêm vác gậy đi tuần,
Mái tóc trắng ngần đứng giữa đồng xanh^[244].

*

Đêm trăng khi tỏ, khi mờ,
Anh đi trực chiến tình cờ gặp em.
Hai người đi gác ca đêm,

Song song bóng súng in trên đường làng^[245].

*

Năm xưa đi cấy ruộng này,
Một tay gánh mạ, một tay cặp lồng.

Năm nay, những lúc ra đồng,
Vai thì đeo súng, vai gồng mạ non.

Mỹ ơi! Mi cứ liệu hồn,
Đừng khinh phụ nữ nông thôn bây giờ.

Máy bay mà chớ phát phơ,
Có súng này chờ hóa kiếp mà đây^[246].

*

Thức dậy khoác súng lên vai,
Nhẹ tay đẩy cửa, sợ ai giật mình.
Trăng nhòm nòng súng chênh chênh,
Đường làng vắng lạnh một mình tuần tra.

Bóng người thấp thoáng nẻo xa,
Rượt theo quát hỏi, té ra cô mình!

Trên vai nòng súng chênh chênh,
Cũng đang mài miết phiên mình tuần đêm.

- Anh đi, sao chẳng gọi em?

Trách rồi, hai bóng rảo trên đường làng^[247].

*

Trăng lên tắm lũy tre làng,
Trăng nhòm qua cửa, trăng tràn vô nôi.

Trăng thơm trên má em tôi,
Xanh hàng mi nhỏ, bé cười xinh xinh.

Ru em, em ngủ cho lành,
Cho chị ra điểm tập tành kéo khuya.

Ngủ ngoan, ngoan nhé, em nghe!
Dù cho địch đến đồng quê, quê mình.

Đừng hòng phá lũy tre xanh,
Cướp con chim nhỏ trên cành của em.

Súng trường, tay chị ngày đêm,
Bắn cho chúng nó một phen tươi bời^[248].

*

Dấu chân trên cát quen quen,
Thoạt nhìn đã biết chân em đi tuần.

Sóng xao bãi cát trắng ngần,
Đếm sao hết được, mấy lần em qua.

Mắt nhìn như ánh sao sa,
Ngày đêm em giữ quê nhà bình yên.

Đẹp thay! Bãi cát êm êm,
In bàn chân nhỏ của em đi tuần^[249].

*

Sáng nay cày vỡ đồng bông,
Vợ làm đội trưởng điều chồng theo trâu.

Anh liền nheo mắt, gật đầu:
“Lệnh bà đội trưởng, tôi đâu lơ là!”.

Đêm về, diễn tập tuần tra,
Chồng trung đội trưởng, vợ là đội viên.

Nhìn chồng, vợ mới cười duyên:

“Thưa ông trung đội, đội viên sẵn sàng!”

Giải lao dưới gốc cây bàng,
Canh khuya, trăng tỏa ánh vàng lung linh.

Nhỏ to, chồng khế tâm tình:
“Gớm, đùa một tý mà mình nhớ dai”^[250].

*

Có cô giáo trẻ hôm xưa,
Đi đêm sợ tối, qua đò sợ sông.
Đêm nay cô tập giữa đồng,
Vượt qua sông nước, cô không cần đò^[251].

*

Cái chông là cái chông quay,
Chín năm kháng chiến thẳng Tây la làng.
Cái chông là cái chông bàn,
Thẳng Mỹ, thẳng ngụy la làng hơn Tây.
Sá gì bom đạn gian lao,
Sá gì vực thẳm, núi cao chập chùng.

Sá gì đêm tối mịt mùng,
Dân công hỏa tuyến bạn cùng tuổi khe.
Biết bao nhiêu chuyển đi về,
Khi lòng đã nặng lời thề nước non.
Những người con gái quê hương,
Say thay tiếng gọi tiền phương đang chờ^[252].

*

Chiến trường tiếp đạn về khuya,
Mấy cô thanh nữ cười đùa râm ran.
Đường lên phía trước rộn ràng,
Tạm dừng mười phút nghỉ chân bên đường.
Các cô tìm bạn đồng hương,
Đâu đây một góc chiến trường xôn xao.
Ai ngờ bà cháu gặp nhau,
Bao năm xa cách ghen ngào sướng vui.
Ngắm cô cháu gái, bà cười:
“Hồi nào bà hát à ơi cả ngày,

Mùa thu tháng Tám đánh Tây,
Cháu còn nhỏ xiu lên hai biết gì.
Đánh Tây, đánh Mỹ trường kỳ,
Cháu cao, cháu lớn, cháu đi cùng bà”.

Mọi người tíu tít tíu ta,
Đòi làm cháu rể của “bà chỉ huy”
Cô cháu bẽn lẽn mím chi^[253],
Ngày mai nhật ký cháu ghi: Gặp bà.
Trên đường tải đạn đêm qua,
Có hai thế hệ đi ra chiến trường^[254].

*

Chuồn chuồn bay thấp,
Mưa ngập bờ ao^[255].
“Chuồn chuồn”^[256] bay lượn trên cao,
Trời mưa mây thấy thế nào được ta!
Em đi vận tải đường xa,
Mưa che mắt giặc đường ra chiến trường.

Róc ra róc rách,
Nước ngập đường trơn,
Đường trơn thì mặc đường trơn,
Gió mưa chẳng quản, pháo bom em chẳng sờn!
Ôi em vận tải chiến trường,
Em về, nắng sẽ trải giường đón em... [\[257\]](#)
Bom chậm, bom bi,
Bom gì đi nữa,
Cầu ta vẫn chữa,
Đường ta vẫn thông.
Mặt trời nắng rát, mưa giông,
Vượt đèo anh lái, qua sông em chèo.
Đường dài, dốc ngược, suối treo,
Rừng già gió quạt vèo vèo lá bay.
Lá bay cho gửi câu này:
Lái xe nhớ mãi đường dây cô mình.
Đường cô mình vừa xinh vừa chắc,

Cầu cô mình khéo bắc dễ sang.

Bao giờ hết giặc về làng,

Đánh thông đường ấy mà sang cho gần^[258].

*

Tay chèo nhẹ khóa sóng trắng,

Đưa đoàn chiến sĩ qua sông đêm này.

Chúc anh mạnh khỏe hăng say,

Giết xong giặc Mỹ mau ngày về qua.

Đò em đợi bến sông nhà,

Nước sông lại vỗ thiết tha mái chèo^[259].

*

Vượt sông, anh chở em sang,

Bến trôn, em rắc trấu vàng anh qua.

Đêm nay đường trải trắng ngà,

Hành quân vẫn nhớ bến phà quê em^[260].

*

Nắng trưa sém cả cành cây,

Nắng nhòe khe ngấm, vẫn say luyện rèn.

Những đêm lấp ló trăng lên,

Nhấp nháy ánh đèn, vẫn tập bên nhau.

Giống sao “cái thưở ban đầu”,

Say câu quan họ: “Qua cầu gió bay...”[\[261\]](#).

*

Em đi trăng cũng đi theo,

Em reo, gió cũng vượt đèo giúp vui.

Em cười, sao nhấp nháy cười,

Em ngồi, đồi núi đến ngồi vây quanh.

Đá đồi choàng áo đường xinh,

Đường em mở rộng, xe mình băng qua.

Đường em kẻ tựa bàn cờ,

Đường em đẹp tựa bài thơ chung tình[\[262\]](#).

*

Đèo Ngang nặng gánh hai vai,

Một vai Hà Tĩnh, một vai Quảng Bình,

Bốn năm bom dội nát mình,
Hoành Sơn vẫn giữ dáng hình cha ông.
Xe qua điệp điệp trùng trùng,
Một phòng tuyến thép: Anh hùng Đèo Ngang.

*

Qua cầu ghé nón trông cầu,
Phao nâng, ván trải, sông sâu lững lờ.
Mặc cho bom phá, bom giờ,
Cầu phao vẫn nổi đôi bờ xe qua^[263].

*

Năm xưa, phá thác sông Đà,
Năm nay, cười sóng Hồng Hà mệnh mông
Mai này thống nhất thành công,
Trở về tắm nước Cửu Long anh hùng.

*

Hỡi thuyền đưa khách sang sông,
Chở chông, chở súng, chở chồng em sang.

Chồng em du kích giữ làng,
Giữ yên bến nước dò ngang sớm chiều.

*

“Cách sông nên phải lụy dò”,
Câu ca thuở trước bây giờ còn đâu!
Bây giờ mưa gió đêm sâu,
Em đây vẫn cứ chống chèo dò ngang.
Dò đưa mấy chuyến quân sang,
Lòng em như sóng tràng giang reo mừng.
Anh đi ra tận chiến trường,
Ngày về xin hẹn sông Thương đừng chèo^[264].

*

Gió to, sóng cả, sông sâu,
Dưới chân nước chảy, trên cầu mưa rơi.
Gió mưa, sông nước, mặt trời,
“Nhanh tay ới chị em ơi! Ta chèo”.
Áo em vai đã ướt đều,

Vì mưa, hay đã thấm nhiều mồ hôi?

Ướt em, em vẫn thấy vui,

Chỉ lo ướt súng, ướt người chiến binh^[265].

*

Người rơm phe phẩy tay rơm,

Đứng canh đồng lúa sớm hôm tối ngày.

Một chiều có chiếc máy bay,

Mò vào ăn đạn rơi ngay giữa đồng.

Nhảy dù, thẳng Mỹ thoát trông,

Như gà mổ thóc: “Xin ông, lạy bà!”

- Tao canh chim chóc thôi mà,

Muốn xin ra lạy mấy bà dân quân^[266].

*

Kẻng giòn báo động máy bay,

Tay con tay súng, băng ngay ra hầm.

Máy bay Mỹ bắn vừa tầm,

Đặt con xuống hầm, lấp đạn bắn ngay.

Khắp trời lưới lửa bủa vây,
Máy bay giặc Mỹ lặn quay lộn nhào.

*

Vợ đang tập bắn máy bay,
Chồng khen: “Vợ tớ cũng tay súng già”.

Mãi tập, vợ chẳng nghe ra,
Trưa về, vợ nguýt, vợ la om sòm.

Rằng: “Tôi là gái năm con,
Trẻ già gì nữa, anh còn chê tôi!”

Chồng cười: “Cô thật lôi thôi,
Bảo già tay súng, bảo người cô đâu!”^[267].

*

Cụ ông bàn với cụ bà:
“Bà nó ở nhà giữ cháu hôm nay.
Để tôi ra bắn máy bay,
Mai tôi lại bế cháu thay phiên bà”.
Bà rằng: “Ông khéo léo là!

Ông cứ ở nhà giữ cháu hôm nay.

Để tôi ra bắn máy bay,

Tối qua tập bắn, cái tay đang thèm.

Ông ơi! Ông ngắm mà xem,

Tóc ông cũng đã bạc trên mái đầu”.

Ông rằng: “Già tóc, già râu,

Còn chuyện đánh Mỹ, tôi đâu có già!”^[268].

*

Gánh gì phủ kín lá cây,

Tưởng cô mậu dịch về đây bán hàng.

Đang khi đói bụng nhờ nhàn,

Hỏi cô có bánh, có hàng bán chẳng?

Cô cười trắng muốt hàm răng:

“Hàng em chỉ bán cho thằng Mỹ thôi!”.

Tối nghe tin lũ giặc trời,

Đúng “thằng nghìn sáu” đã rơi đất này.

Hỏi tên giặc lái máy bay:

“Bánh cô du kích sáng ngày có ngon?”^[269].

*

Vợ vừa ra khỏi cánh đồng,
Ngoảnh lại thấy chồng xách súng chạy theo.

Nhìn chồng, vợ khẽ nguýt yêu:
Sao bảo đến chiều mới đến phiên anh?
Chúng mình hai đứa cùng canh,
Giữ yên thành phố, quê mình chứ sao!^[270]

*

Buổi sáng diễn tập phòng không,
Cầm chắc tay súng đứng trong chiến hào.
Dây lưng bó gọn áo nâu,
Lá xanh che rợp mái đầu thêm xinh.
Buổi chiều, cày vỡ ven đình,
Dáng em thoăn thoắt bước nhanh rộn ràng.
Lớp đêm đèn rực ánh vàng,
Giọng em thánh thót từng trang từng bài.

Lưng trời lấp lánh sao mai,
Em như sao nhỏ sáng hoài long lanh^[271].

*

Tuần đêm mưa rét tối mù,
Bỗng nghe tiếng lội lên bờ mương phai,
Vội vàng mới quát hỏi: - Ai?
Giật mình, tiếng khúc khích cười rằng: - Em!
Tưởng quân gian, hóa người quen,
Ngày ngày tập trận, đêm đêm đón bèo.
Thương ai vất vả đã nhiều,
Nắng mai rám má, mưa chiều thấm vai.
Hẹn hò: “Buổi bữa ngày mai,
Nhắm tin bia Mỹ không sai viên nào”^[272].

*

Đứng trên cầu Cẩm em thề:
Chưa xong nhiệm vụ, chưa về quê hương^[273].
Sông Lam nước đục như son,

Anh ơi, ở lại làm con mẹ thầy.

*

Anh ơi! Đừng lấy vợ già,
Đợi ba năm nữa, lấy “ba sẵn sàng”.

*

Giữa trời bom súng âm vang,
Trên dòng Nhật Lệ dò ngang vẫn chèo.

Giữa vời sóng vỗ nước reo,
Sóng như ùa dậy ruối theo mạn thuyền.

Đưa quân qua bến bình yên,
Đẹp sao bóng dáng mẹ hiền quê ta.

Bao lần dò lại, dò qua,
Nhắc tên mẹ Suốt xóm Hà, Bảo Ninh^[274].

*

Đò em qua lại trên sông,
Đạn, bom, mưa gió, sấm giông vẫn chèo.
Đêm qua pháo sáng thả nhiều,

Cầm sào em đợi, lựa chiều em đi.

Ai ngồi bên nớ, bên ni,

Máy bay kệ nó, can gì, cứ yên...

Qua bao nhiêu chuyến dò đêm,

Nhớ sông, anh nhớ cả tên người chèo^[275].

*

Xe ra nổi tiếp xe vào,

Nhớ phà, xe có lúc nào nghỉ chân.

Vượt qua bom đạn mấy lần,

Nhớ xe, phà cũng rì rầm suốt đêm.

Giữ cho mạch máu nổi liền,

Xe quên đèo dốc, dò quên đêm dài^[276].

*

Hôm qua hội diễn đình làng,

Đôi tay em múa dịu dàng làm sao!

Trưa nay ở giữa chiến hào,

Tay em cầm súng bắn vào máy bay.

Yêu gì như thể đôi tay,
Múa hay mà bắn máy bay cũng tài^[277].

*

Cây tầm vong thân dài mình chắc,
Em mài con dao sắc,
Em khắc chữ vào cây,
Chín năm kháng chiến trước đây,
Tầm vong vật nhọn đuổi Tây chạy dài.
Ngày nay cũng ở đất này,
Đất nuôi cây lớn,
Em vót triệu mũi tên này bên bụi tầm vong.
Cây tầm vong anh đánh đông dẹp bắc,
Mũi chông này em gài khắp mọi nơi.
Giặc kia như đĩa phải vôi,
Ngồi xe lội nước, tưởng ngồi bàn chông.
Em yêu cây tầm vong,
Em quý cây tầm vong,

Em nhớ anh du kích bên sông,
Tầm vông vạt nhọn chiến công em chờ... [\[278\]](#)

*

Con ơi, con ngủ cho mùi,
Để mẹ ngồi vót cho rồi bó chông.
Chông này gìn giữ non sông,
Chông này góp sức diệt quân bạo tàn.
Chông này xóa sạch tóc tang,
Chông này đem lại tiếng đàn lời ca.
Cho con gần mẹ gần cha,
Cho nước độc lập, cho nhà yên vui.
Con ơi, con ngủ cho mùi,
Để mẹ ngồi vót cho rồi bó chông.

*

Mắt ông “cổ Mỹ” xanh lè,
Chỉ vì sợ cái chông tre cắm ngằm.
Biết mô mà tránh mà lần,

Chông đứng, chông nằm tua tủa khắp nơi...

Chỉ trong nháy mắt... ôi thôi!

Nhiều ông “cố vấn” mất toi bộ giò.

*

Con quạ nó đậu cành khô,

Nó kêu quạ quạ Mỹ vô tới kia.

Có tên lính Mỹ đi bìa,

Có thằng lính ngự châu rìa theo sau.

Con quạ nó đậu cành cao,

Nó kêu quạ quạ Mỹ nhào hố chông.

Hoảng hồn lính ngự chạy rong,

Bỏ quan thầy Mỹ chống mông la trời.

*

Giận nhau hôm nào hôm nào,

Gặp nhau câu hỏi, tiếng chào cũng không.

Hôm nay Mỹ đến bờ sông,

Cho em mượn súng... tự dưng em cười^[279].

TÌNH DÂN QUÂN

Ngày nào bộ đội về làng,

Em chạy vào hàng tặng một rổ khoai.

Khoai em tuy ít mà bùi,

Ăn vào một miếng cũng vui cả đoàn.

Hôm nay bộ đội về làng,

Em chạy vào hàng xin được tòng quân^[280].

*

Xuân về, mai cúc nở hoa,

Trên cành chim sáo hát ca rộn ràng,

Chào anh, anh Giải phóng quân!

Anh đem nắng ấm mùa xuân đến nhà^[281].

*

Em yêu, em quý quê hương,

Yêu anh bộ đội lên đường hành quân.

Đông Xuân anh thẳng vang lừng,

Quê em sôi nổi đón mừng công anh.

Đánh cho Mỹ ngụy tan tành,
Lời thơ tiếng hát em dành tặng anh.
Cấy cà, sản xuất, đấu tranh,
Anh ơi! Em quyết cùng anh diệt thù^[282].

*

Mướp ơi, mướp cứ leo giàn,
Cứ xanh sắc lá, cứ vàng màu hoa.
Xới vun công của mẹ già,
Bát canh nhớ vị đậm đà quê hương.
Bữa cơm ở giữa chiến trường,
Thoảng mùi canh mướp càng thương mẹ già.

*

“Lúa thương nhớ ai,
Hương bay không nghỉ.
Em thương nhớ người đánh Mỹ nơi xa...”
Câu hò trầm bổng thiết tha,
Theo anh qua mấy cầu phà không ngơi.

Lúa thơm, thơm tận chân trời,
Thơm cả tình người gửi chiến trường xa^[283].

*

Hai hào một mớ rau non,
Giá đất không bán cô còn đi đâu?
Nghiêng nghiêng vành nón đội đầu,
Cô vượt qua cầu, gánh chạy bon bon,
Cô rằng: “Được gánh rau non,
Dành cho bộ đội, chứ còn đi đâu!”.

*

Trên trời chiến chiện bay cao,
Dưới sông tiếng hát ngọt ngào như mơ:
“Sông Cầu nước chảy lờ đờ,
Đôi ta thương nhớ bao giờ cho nguôi!”
Nhớ anh, em tát gầu đôi,
Nước xanh có ánh sao rơi trong gầu.
Máy bay Mỹ lượn trên đầu,

Em vẫn vục gầu tát ánh sao rơi.

Máy bay giặc Mỹ tan rồi,

Em lại cất lời điệu hát xa xưa:

“Sông Cầu nước chảy lờ đờ,

Đôi ta thương nhớ bao giờ cho nguôi!”^[284].

*

Năm cô tự vệ làng Sen,

Bắn bia đều trúng điểm đen vòng mười.

Năm anh lính trẻ bên đồi,

Giúp dân gặt lúa điểm mười cả năm.

Ước gì anh vẽ nên tranh:

Năm cô bắn súng, năm anh gặt mùa^[285].

*

Anh trên mâm pháo canh trời,

Quà xuân em gửi tận nơi chúc mừng.

Quà em dăm chiếc bánh chưng,

Một cân mứt gừng, một chục quả cam.

Hắn đây nếp cấy đồng làng,
Đám gừng bên giếng, rặng cam sau vườn.
Quà em trăm mển ngàn thương,
Chứa chan mùi vị quê hương ngọt ngào,
Tặng em, anh có gì đâu,
Chiếc lược chải đầu, chiếc nhẫn đeo tay.
Anh làm bằng xác máy bay,
Của quân giặc Mỹ, nhớ ngày lập công.
Dù chưa nên vợ nên chồng,
Tên em, anh đã khắc lồng tên anh^[286].

PHÁT TRIỂN VÀ BẢO VỆ SẢN XUẤT PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Trời râm cho thóc lâu già,
Cho cô hàng xóm vào ra tần ngần.
Ước ngày nắng óng tơ tằm,
Tôi sang phơi thóc chung sân với nàng.
Thóc vàng lấy được nắng vàng,
Thóc đi cứu nước vẹn toàn trước sau.

Cho trâu thêm bén duyên cau,
Chung sân mùa trước, mùa sau chung nhà^[287].

*

Mỗi người làm việc bằng hai,
Đồng trong bông trắng, bãi ngoài dâu xanh.

Sắn sơn chặt gốc, chen cành,
Gò hoang đồi trọc biến thành rừng cây^[288].

*

Cày sâu cuốc bẫm xưa kia,
Mẹ rằng: Việc nặng thuộc về đàn ông.
Nay “ba đảm nhiệm” thay chồng,
Đường cày, nhát cuốc... cũng không kém người.

Ruộng đồng, khoai lúa tốt tươi,
Vừa qua, bắn thử, điểm mười có tên^[289].

*

Ngủ đi, con ngủ cho say,
Mẹ còn tay súng tay cày giường cao.

Đổ mồ hôi, đổ máu đào,
Giữ quê, biển rộng, trời cao trong lành.
Giữ nhà máy, giữ đồng xanh,
Chặn tay giặc Mỹ đang rình hại ta.
Cha đi cứu nước, cứu nhà,
Mẹ “ba đảm nhiệm” thay cha mọi bề^[290].

*

Tàu bay Mỹ bắn ngoài khơi,
Thuyền em vẫn bám, không rời biển xanh.
Tàu bay thẳng Mỹ lượn quanh,
Lưới em vẫn kéo nhanh nhanh lên thuyền.
Ra đi, gà gáy thôn bên,
Ra về, ánh nắng đã chen núi đồi.
Cắm thù, sức mạnh nhân đôi,
Đã rằng đánh Mỹ, có rời biển đâu^[291].

*

Tòng quân vừa được nửa năm,

Trên đường công tác về thăm xưởng nhà.

Thấy người đang đứng máy doa,

Nhìn lưng ngõ thợ nào xa mới về.

Lại gần, không phải năm mê,

Rõ ràng cô bé học nghề mình đây.

Mừng rằng việc có người thay,

Cô cười: “Đảm nhiệm cho thầy tòng quân”.

Đường về có tiếng chim ngân,

Nhớ tình đồng đội, vui chân bước dài^[292].

*

Đồng ta trước buổi anh đi,

Đất chưa cày ải, mạ thì chưa gieo.

Bây giờ ruộng đã kín bèo,

Lúa xanh một dải lượn theo núi đồi.

Mong anh giữ vững biển trời,

Quê nhà đã có em rồi, đừng lo!^[293].

*

Bên này các chị đi cày,
Giục trâu hối hả suốt ngày chưa thôi.
Bên kia lúa biếc chân đồi,
Các cô làm cỏ nói cười râm ran.
Nhấp nhô nón lá nguyệt trang,
Đồng xanh tắm ánh nắng vàng mênh mông.
Ai ra mà ngắt cánh đồng,
Gái đang gánh việc cho chồng tòng quân^[294].

*

Trên trời mây trắng như bông,
Ở giữa cánh đồng bông trắng như mây.
Mấy cô má đỏ hây hây.
Đội bông như thể đội mây về làng^[295].

*

Ngôi đình xưa rộng thênh thang,
Nay kho hợp tác giữa làng gấp đôi,
Dọc ngang đường gạch mạch vôi,

Sân phơi hợp tác gấp đôi sân đình^[296].

*

Lúa chiêm vàng dưới ánh trăng,

Đêm hè lúa nhả chị Hằng xuống chơi,

Chị Hằng nhìn lúa cả cười,

Lúa chín ngập trời nhuộm cả ánh trăng^[297].

*

Em về sửa lại đôi quang,

Còn anh đem cuốc, sắn sàng làm đê.

Mai kia nước lũ kéo về,

Quyết tâm chống lụt, đê kè làm thêm.

Giữ cho đẹp lúa đồng chiêm,

Cho khoai nhiều củ, ngô thêm óng vàng.

Mặc quân giặc Mỹ “leo thang”,

Quyết tâm sản xuất, Mỹ càng thua to^[298].

*

Chiều nay “trực chiến” vừa về,

Gặp em bên ruộng mãi mê ươm bèo.

Vội vàng, quần xắn, súng đeo,

Cùng em chung sức chăm bèo cho xanh.

Gió đưa làn nước lăn tăn,

Má em ửng đỏ, nhìn anh em cười^[299].

*

Gió gọi hàng tre, gió vẫy hàng tre,

Em đi thăm lúa, lúa khoe bông đầy.

Bổ công chống úng đêm ngày,

Đồng ta năm tấn hội này càng vui.

Một sào lúa đau, trũng sâu đôi mắt,

Một ngọn gió bắc, lúa rét, người thương.

Được mùa, no ấm hậu phương,

Được mùa, bộ đội chiến trường thắng to.

Cong cong lúa vẫy bên bờ...^[300]

*

Bờ vùng chạy giữa đồng xanh,

Như ai thêu đẹp bức tranh đủ màu.

Quê ta đồng trước, đồng sau,

Bờ vùng, bờ thửa, bờ nào cũng xinh.

Gió đưa mặt nước rung rinh,

Lúa như con gái chuyển mình múa ca.

Ai về ghé lại quê ta,

Vụ chiêm chống Mỹ bằng ba vụ mùa^[301].

*

Qua đồng đứng lại trông đồng.

Đồng như tranh đẹp trong lòng vui thay,

Từ ngày thư Bác về đây,

Ruộng cao mát nước, hàng cây thêm chồi.

Lúa chiêm cuộn sóng ngang trời,

Cồn hoang ngô mướt, bãi bồi dâu xanh.

Nhớ lời Bác dạy đình ninh:

Càng chăm sản xuất, càng nhanh thắng thù^[302].

*

Đồng khô bổng nước lên đầy,
Nước lên, mang cả trời mây lên đồng.
Gọn gàng mạ thắt lưng ong,
Mạ đổ xuống đồng, lấp bóng trời mây.
Đường dài qua trạm hôm nay,
Ầm ầm tiếng nước giữa ngày xuất quân^[303].

*

Sáng trắng sáng cả sân đình,
Nhớ ngày đập lúa có mình có ta.
Mùa này mình nhập ngũ xa.
Dưới trăng đập lúa bằng ta có mình^[304].

*

Con ơi, con ngủ cho ngoan,
Mẹ còn cày cấy tập đoàn đồng sâu.
Con ơi, hãy ngủ cho lâu,
Mẹ đi vận tải, bắc cầu, khai mương.
Con ơi, ngủ nhé, mẹ thương,

Mẹ còn đi học ở trường trưa nay.

Con ơi, cứ ngủ cho say,

Đã có mẹ gác máy bay quân thù.

Ngày mai thống nhất, bố về,

Gia đình hạnh phúc, tràn trề niềm vui.

Con ngoan, ngủ nhé, à... ời...^[305]

^[216] Trâu đỏ là máy kéo, thường màu đỏ.

^[217] Giả Chi: Văn học dân gian trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tạp chí Văn học dân gian (Trung Quốc), số 12, năm 1960. Theo bản dịch của Tạp chí Học tập, số 6-1962.

^[218] Mướp đắng.

^[219] Của Minh Trung.

^[220] Của Hồ Thu Hùng.

^[221] Của Trần Hữu Thung (báo Nghệ An, 3-8-1965).

^[222] Của Nghiêm Khả Minh.

^[223] Ca dao cũ.

^[224] Của Lộc Niên.

^[225] Của Lê Thị Hiền.

^[226] Của Hằng Phương.

^[227] Rặc: nước cạn.

[228] Của Hằng Phương.

[229],² Do Ba Kiệm sưu tầm (Nhân dân, số ngày 6-7-1975).

[230] Do Ba Kiệm sưu tầm (Nhân dân, số ngày 6-7-1975).

[231] Của Chim Quyên.

[232],² Do Ba Kiệm sưu tầm (Nhân dân, số ngày 6-7-1975).

[233] Của Hải Tùng (Báo Văn nghệ Cà Mau, Sinh hoạt Văn nghệ số 15-5-1968).

[234] Của Lê Hồng Thiện.

[235] Của Nguyễn Văn Chương.

[236] Của Nguyễn Công Kỳ.

[237] Của Bùi Đình Hồng.

[238] Của Xuân Tràng.

[239] Của Nguyễn Trọng Tuất (báo Nghệ An, 2-9-1964).

[240] Của Hải Tùng (Báo Văn nghệ Cà Mau, tháng 1-1968).

[241] Báo Giải phóng Quảng Nam - Đà Nẵng.

[242] Báo Vĩnh Long, tháng 8-1967.

[243] Của Lê Danh, công nhân Nhà in Trần Phú (Sinh hoạt Văn nghệ, 16-6-1968).

[244] Của Võ Văn Trực.

[245] Của Dư Văn Nghị.

[246] Của Vũ Đức Cát (Văn nghệ Hà Bắc, tháng 9-1965).

[247] Của Lâm Lộc (Văn nghệ, số 124, 10-9-1965).

- [248] Của Nguyễn Thị Xuyên (Văn nghệ quân đội).
- [249] Của Nguyễn Văn Dinh (Văn nghệ Quân đội).
- [250] Của Phạm Viết Tân (Hải Phòng, số báo ngày 19-12-1965).
- [251] Của Tố Mai (Nam Hà, số ra ngày 28-5-1965).
- [252] Của Nguyễn Văn Dinh (Quân khu Bốn, ngày 10-3-1968).
- [253] Mím chi: cười thẹn.
- [254] Của Việt Nga (Cà Mau) Sinh hoạt Văn nghệ, số 18 và 19, tháng 8 và 9-1968.
- [255] Tục ngữ.
- [256] Máy bay trực thăng.
- [257] Của Ngọc Hiền (Củ Chi), Văn nghệ, 16-6-1968.
- [258] Của Thợ Rèn (Nhân dân, số ra ngày 21-4-1968).
- [259] Của Lê Văn Hòe.
- [260] Của Hà Cẩn (Quân đội nhân dân, số ra ngày 24-12-1968).
- [261] Của Trần Thế Long (Quân đội nhân dân, số ra ngày 24-12-1968).
- [262] Của Lê Thị Minh Cúc.
- [263] Của Thanh Huyền.
- [264] Của Hoàng Vũ.
- [265] Của Hữu Tâm.
- [266] Của Nguyễn Khắc Lành (Hà Nội).
- [267] Của Liên Giang.
- [268] Của Mạnh Chính.

[269] Của Nguyễn Khắc Lành.

[270] Của Phan Chúc.

[271] Văn nghệ, số ra ngày 5-8-1966.

[272] Của Vũ Trọng Hiên (Quân đội Nhân dân 1-12-1966).

[273] Cầu Cấm, nơi giặc Mỹ ném bom rất ác liệt, vì đây là con đường tiếp tế quan trọng vào Nam. Sông Lam, cầu Cấm đều thuộc Nghệ An.

[274] Của Nguyễn Văn Dinh (Văn nghệ, số 30-4-1965).

[275] Của Phan Văn Khuyển.

[276] Của Phan Văn Khuyển.

[277] Của Nguyễn Đình Ảnh (Văn nghệ, số 31-12-1965).

[278] Của Khả Minh.

[279] Báo Cờ Giải phóng miền trung Trung Bộ.

[280] Của Cầu Tiến (Văn nghệ Bến Tre, Sinh hoạt Văn nghệ, 16-6-1968).

[281] Long An, Xuân 1968.

[282] Rạch Giá, tháng 8-1967.

[283] Của Hồng Thắng.

[284] Của Thế Hội.

[285] Của Trần Đức Các.

[286] Của Nguyên Hồ.

[287] Văn nghệ số 30-7-1965.

[288] Q.H. Văn nghệ Phú Thọ, tháng 9-1964.

[\[289\]](#) Của Ngọc Chi, khu Hồng Bàng, Hải Phòng.

[\[290\]](#) Của Hy Vinh.

[\[291\]](#) Của Nguyễn Đình (Văn nghệ, 20-8-1965).

[\[292\]](#) Của Nguyễn Bảo (Lao động, 16-10-1965).

[\[293\]](#) Của Lê Văn Giao.

[\[294\]](#) Nguyễn Thiên Thu.

[\[295\]](#) Của Ngô Văn Phú (Văn nghệ).

[\[296\]](#) Của Nguyễn Thị Lữ (Phú Thọ, 1965).

[\[297\]](#) Của Nguyễn Đình Tân (Nam Hà, số 23-2-1966).

[\[298\]](#) Của Nguyễn Đình Tân (Nam Hà, số 23-2-1966).

[\[299\]](#) Của Trần Gia Thiết (Nam Hà, số 14-10-1965).

[\[300\]](#) Của Minh Tiến (Văn nghệ, số 5-11-1968).

[\[301\]](#) Của Phan Văn Khuyển.

[\[302\]](#) Của Xuân Thơm.

[\[303\]](#) Của Trần Văn Khuê.

[\[304\]](#) Của Nguyễn Khuyển (Hải Dương mới, 19-10-1966).

[\[305\]](#) Của Nguyễn Thị An (Hải Dương mới, 19-10-1966).

IV - DÂN CA

Dân ca Việt Nam rất phong phú, xuất hiện ở từng địa phương hay ở từng nghề; có loại hiện nay chỉ ở địa phương sáng tác mới thấy người hát, nhưng cũng có loại đã lan đến nhiều địa phương khác, mà có khi ở những nơi này lại có nhiều người hát hơn ở nơi nó xuất hiện và biến thành của cả miền. Thí dụ hát trống quân, hát ru em, hát xẩm, hát đò đưa, hát ngâm, hát cò lả, v.v... hầu hết nhân dân miền Bắc đều biết hát và đều hay hát. Có một số điệu hát như lý Nam Bộ, ca Huế, hát bài chòi, hát xoan Phú Thọ, hát quan họ Bắc Ninh, hát dặm Hà Nam, v.v... thì trừ các nghệ nhân ra, chỉ riêng mấy nơi đó hát mới vững. So với hai miền Trung, Nam thì dân ca miền Bắc phong phú hơn cả, vì miền Bắc là vùng đất cũ.

Các điệu ca hát đã có từ lâu đời, tác động đến giai cấp phong kiến thống trị, ngay từ thời nước ta mới tự chủ, thời mà giai cấp này còn dùng hoàn toàn chữ Hán qua tay bọn tăng đạo. Sách *Văn hiến thông khảo* của Mã Đoan Lâm có chép tờ sớ của một số sứ thần nhà Tống nói về Lê Hoàn (980-1005): “Hoàn thường mặc áo vải hoa và áo sắc hồng, mũ đội trang sức bằng châu báu, tự hát mời rượu, không hiểu là câu gì...”^[306]. Như vậy là Lê Hoàn đã hát một bài ca bằng tiếng Việt, chứng tỏ vào thế kỷ thứ X, những điệu hát của ta đã phát triển. Những điệu hát như hát Hội Gióng, hát Xuân Phả^[307], hát dặm Hà Nam, hát xoan Phú Thọ là những điệu hát rất cổ, trong đó có những tiếng bây giờ chúng ta chưa hiểu nghĩa. Những điệu hát ấy có thể đã xuất hiện sau những trận chiến thắng chống ngoại xâm của dân quân ta thời xưa.

Do ca hát phát triển đến mức độ cao, nên vào năm 1025, triều Lý Thái Tổ, nhà nước phong kiến mới có những tổ chức về nghề ca nhạc, như định chức quản giáp và đặt ra giáo phường. Một nữ danh ca họ Đào đã được vua Lý Thái Tổ ban thưởng. Theo *Đại Việt sử ký* của Ngô Sĩ Liên, nhân dân rất hâm mộ Đào Thị, nên những phụ nữ làm nghề xướng ca, người ta gọi là “đào nương”. Đến thời Lý Nhân Tông thì nhà “Thôi luân vũ” được thành lập để các vũ nữ tập múa hát.

Phần nhiều dân ca mang tính địa phương, như hát giặm Nghệ – Tĩnh, hát xoan, hát ghẹo Phú Thọ, hát quan họ Bắc Ninh, nhưng cũng có những bài dân ca được phổ biến rộng rãi, có nhiều nơi ca hát gần giống như nhau về làn điệu, nội dung hoàn toàn không thay đổi, thí dụ hát xẩm, hát ru em. Lại có những bài dân ca nội dung không thay đổi, nhưng về làn điệu thì thay đổi hoàn toàn. Những dân ca ấy phần nhiều được xây dựng từ một bài ca dao sẵn có và được phổ biến rộng rãi. Thí dụ từ Nam chí Bắc, nhân dân ta đều thuộc bài ca dao:

Chồng gần em chẳng lấy, lại lấy chồng xa,

Nửa mai cha yếu, mẹ già,

Bát cơm, đĩa cá, chén trà, ai dâng?

Ngoài Bắc, khi hát giao duyên, người ta vẫn hát như vậy, nhưng khi nó vào đến trong Nam và được xây dựng thành điệu hò Đồng Tháp, thì đồng bào Nam Bộ hò:

Ơ ơ ơ con cá đối nằm trên cồi đá,

Cơm chim la đà đậu nhánh lá đa ơ...

Ơ ơ ơ chồng gần sao em không lấy mà đi lấy chồng xa ơ...ơ...

Ơ ơ... mai sau mẹ yếu cha già,

Bát cơm trách cá ơ ơ...

Chén trà ai dâng ơ ơ...

Không chỉ riêng điệu hò Đồng Tháp mới sử dụng ca dao như vậy, hát trống quân, hát quan họ Bắc Ninh, hát ru em, hát xẩm, hát lý cũng hay dùng nguyên ca dao, và tùy theo từng loại dân ca, người ta thêm vào những tiếng đệm, những tiếng láy, những điệp khúc, tạo nên những giai điệu riêng biệt của từng loại dân ca, làn điệu khác nhau. Điều này chứng tỏ rằng nếu chỉ nghiên cứu dân ca riêng về mặt văn học thì không thấy được hết giá trị của dân ca. Dân ca cần được biểu diễn và biểu diễn trong khung cảnh đặc biệt của nó, nghĩa là trong cảnh sinh hoạt văn nghệ của nhân dân từng địa phương. Nghiên cứu dân ca, chúng ta phải nghiên cứu toàn diện, nghiên cứu một cách tổng hợp, không thể xé lẻ ra văn, nhạc, múa mà nhận định được hết giá trị của một bản dân ca, vì trong một bản dân ca, bộ môn nọ gắn với bộ môn kia như môi với răng, xé lẻ ra nó sẽ mất tính lô-gíc của nó. Không những thế, một bản ca dao được biểu diễn, trong đó có thanh nhạc, khí nhạc, múa và sân khấu với trang trí thích ứng, thì có một giá trị khác hẳn với bản dân ca chỉ được ghi bằng nốt nhạc hay lời văn. Bởi vậy, đối với bản dân ca, nếu muốn đi sâu về mặt nhạc, múa hay văn học, trước hết phải hiểu biết tính chất tổng hòa của nó đã. Nghệ thuật của dân ca về mặt văn học là nghệ thuật biểu hiện bằng ngôn ngữ và hình tượng phục vụ được tính cực nhất nội dung bài ca, còn nghệ thuật của dân ca theo tính tổng hợp của nó là nghệ thuật vừa thể hiện vừa biểu diễn với tất cả khả năng ca nhạc vũ kịch.

Người Việt Nam ta rất hiền hòa nhưng cũng rất dũng cảm. Cái mau, cái khoan, cái bỗng, cái trầm của dân ca Việt Nam đã biểu hiện rất đúng tâm tư người Việt. Cái rất tế nhị là ở dân ca, những tiếng “không” ở cuối câu thường đổi là “chăng”, những tiếng “cao” đổi là “kiêu”, “hoa” là “huê”, “trồng” là “giồng”, v.v... mục đích để lời hát không cứng và bắt giọng được êm, chứ không phải lúc nào cũng là kiêng tên húy.

*

Về nội dung thì dân ca Việt Nam nói nhiều nhất về tình yêu nam nữ. Nhân dân Việt Nam rất giàu tình cảm và đều thiết tha có được hạnh phúc trong yêu đương. Dù là ước mơ có một tình yêu trong trắng, hay oán trách, hờn ghen, giận tủi, chung quy cũng chỉ là khao khát xây dựng một gia đình hạnh phúc. Cho nên có biết bao bài dân ca của ta, nội dung tư tưởng và tình cảm chỉ là thăm tình hỏi bạn, thổ lộ tâm sự. Trong những hoàn cảnh tự do luyện ái không thực hiện được, sức chống đối trở nên mãnh liệt, gây ra oán giận, mĩa mai đối với chế độ phong kiến thống trị.

Trong lao động sản xuất, những người ôm mối hận tình luôn luôn đem tâm sự của mình gửi gắm vào mọi vật xung quanh và biểu hiện những tư tưởng phê phán đối với kỷ cương phong kiến. Do đó, bên cạnh tính chất nhân đạo chủ nghĩa của nội dung những bài dân ca, người ta thấy nổi lên tính chất phản phong của nó. Người nông dân Nghệ – Tĩnh sống khổ cực vì những sự bóc lột đàn áp của bọn địa chủ và quan lại, nên đã thấy rõ hơn ai hết những cái thối tha của đạo quân khâm sai (*về sai đạo*). Người nông dân Nam Bộ hát những bài lý cái phảng, lý đồn xóc, lý thanh trực mà cảm thấy vô cùng khoái trá là vì chỉ trong lao động ngoài đồng ruộng, nam nữ ở nông thôn mới gần gũi nhau và thông cảm cùng nhau. Tình yêu của họ thường

được nảy nở trong việc làm giữa trời cao đồng ruộng. Trong Nam ngoài Bắc thì thanh niên nam nữ cũng đều ước mong:

Bao giờ cho đến tháng hai,

Con gái làm cỏ, con trai be bờ.

Có thể nói: nội dung tư tưởng và tình cảm của dân ca Việt Nam nói chung là sự khao khát tình yêu lành mạnh, ước mơ được xây đắp hạnh phúc gia đình trên luyện ái tự do. Bởi vậy, khi có những sự gàn quải, chèn ép, chà đạp, làm cho con người mất nhân phẩm, mất hạnh phúc thì dù là trai hay gái cũng đều chống đối quyết liệt và tư tưởng chống đối ấy được thể hiện muôn màu muôn vẻ trong các bài dân ca.

*

Dân ca của ta có nhiều loại; mỗi loại có nhiều điệu khác nhau. Chúng tôi trích sau đây một số loại dân ca nhiều người biết hơn cả và cũng có thể nói là tiêu biểu nhất. Mỗi bài, lời ca có thể nơi này hát thể này, nơi kia hát thể khác, ở một số chữ và một số câu cũng có thể không giống nhau, nhưng dù sao nội dung vẫn không vì thế mà thay đổi.

Từ xưa đến nay, dân ca đã cung cấp khá nhiều tài liệu cho việc xây dựng nhạc và nghệ thuật sân khấu. Đến cả những bài hát vui chơi rất phổ biến trong dân gian cũng là những điệu hát mà các vở chèo dựa vào rất nhiều để xây dựng lời ca cho những nhân vật thô lỗ nhiều hơn cả những lời tế nhị sâu sắc, có tính chất trào lộng, châm biếm, bài bác thói hư tật xấu trong xã hội phong kiến và thói áp bức bóc lột của giai cấp thống trị.

Dân ca của ta có một nội dung rất tình tứ và rất tế nhị trong nhận xét việc đời và vũ trụ. Những bài hát đố, hát đáp rất linh hoạt và mẫn tiệp, chứng tỏ

nhân dân ta rất yêu đời và rất thông minh.

[306] Đông Thanh tạp chí, số 13, năm 1933 - Bài Nguyễn Văn Tố.

[307] Tên một làng thuộc huyện Thọ Xuân (Thanh Hóa).

1. HÁT TRỐNG QUÂN

Loại dân ca đặc biệt nhất của miền Bắc là hát trống quân. Loại hát này tục truyền có từ đời Trần (thế kỷ XIII) vào thời gian nhân dân ta chống quân xâm lược nhà Nguyên. Những lúc nghỉ ngơi, binh sĩ Việt Nam đã nghĩ ra cách giải trí là ngồi thành hai hàng đối diện nhau, gõ vào tang trống mà hát, cứ một bên “hát xướng” vừa dứt thì bên kia lại “hát đáp”. Về sau, khi đã đánh đuổi được quân xâm lược, điệu hát được phổ biến trong dân gian miền Bắc, nhất là ở những nơi quân đội đã đóng, nơi thì vẫn gõ nhịp vào tang trống, nơi thì căng một dây thép thật thẳng qua một đáy thùng sắt để sắp, để đánh nhịp. Dần dần người hát cũng chia ra hai bên nam nữ và hát vào những đêm trăng sáng, thường thường là những đêm rằm tháng tám và hát cả những đêm làng vào đám.

Về hình thức, những câu hát trống quân đều là những câu lục bát, cứ sau tiếng thứ hai ở mỗi câu, người hát thường đệm chữ “thời” vào và sau tiếng thứ tư ở câu sáu chữ, người ta lại thêm vào những tiếng đưa hơi “í a”.

Về nội dung, những câu hát trống quân là những câu tình tứ, những câu ca tụng cảnh đẹp thiên nhiên, ca tụng những cái trù phú và đặc biệt của giang sơn đất nước, những cảnh làm ăn vui vẻ ở nông thôn...

Có thể nói hát trống quân là lối hát mà nhân dân miền Bắc yêu thích ngang với hát chèo. Hát trống quân đòi hỏi người hát phải có tài “xuất khẩu thành thi”, lại phải có óc trào lộng, nhưng bao giờ cũng giữ cho trang nhã:

Trống quân, trống quýt, trống còi,

Ta chẳng lấy nó, nó đòi lấy ta.

Trống quân anh đáp nhịp ba,

Lúc vào nhịp bảy, lúc ra nhịp mười.

- Đã đi đến chốn thì chơi,

Đã đi đến chốn tiếc lời làm chi!

- Nghe anh là khách tài hoa,

Mời anh đối đáp một vài trống canh.

Có cây mà lại có cành,

Có em mà lại có anh mới tình.

Người thanh tiếng nói cũng thanh,

Thấy em lịch sự lòng anh cũng mừng.

Đêm trăng, sáng chỉ có chùng,

Đôi ta đã gặp thì đừng xa nhau.

- Thấy anh, em cũng muốn thương,

Sợ anh đã có tơ vương chốn nào.

Xuân xanh độ mấy trăng cao?

Yêu nhau, bác mẹ vun vào cho chẳng?

*

- Tháng tám anh đi chơi xuân,

Đồn đây là hội trống quân anh vào.

Trước khi hát, anh có lời rao:

Không chồng thì vào, có chồng thì ra.

Có chồng thì tránh cho xa,

Không chồng thì hãy lân la tới gần.

- Trống quân em lập lên đây,

Áo trái làm chiếu, khăn quây làm mùng.

Đua vui dưới ánh trăng trong,

Có con cũng hát, có chồng cũng chơi.

Con thì em mượn vú nuôi,

Chồng thì em để hát chơi xóm nhà.

- Một đàn cò trắng bay tung,

Bên nam bên nữ ta cùng cất lên.

Cất lên một tiếng linh đình,

Cho loan sánh phượng, cho mình sánh ta.

Cất lên một tiếng la đà,
Đàn ông hát trước, đàn bà hát sau.
- Có hát, hát bổng hát cao,
Cho gió lọt vào, cho chúng em nghe.
Chúng em ngồi vông ngọn tre,
Gió đưa cút kít, chẳng nghe thấy gì!
- Gặp nhau, anh muốn tỏ tường,
Xin nàng cho biết quê hương nơi nào?
- Chàng hỏi, em phải nói ra,
Bắc Ninh là tỉnh, huyện nhà không sai.
Em nay là gái nữ hài,
Gia Lâm là huyện chẳng sai đó mà.
Kim Sơn tên gọi tổng nhà,
Tô Khê^[308] là xã chàng mà biết không?
Em nay là gái má hồng,
Nhà em xóm lẻ, rặng vông giao liền.

Vào vườn hái quả cau xanh,
Bổ ra làm sáu, mời anh xơi trầu.
Trầu này tằm những vôi Tàu,
Giữa đệm cát cánh, hai đầu quế cay.
Trầu này ăn thật là say,
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng.
Dù chẳng nên vợ nên chồng,
Xơi dăm ba miếng kéo lòng nhớ thương.

*

Một đàn cò trắng bay tung,
Bên nam bên nữ ta cùng hát lên.
Hát lên một tiếng mà chơi,
Hát lên hai tiếng, xơi coi trầu này...
Trầu đã có đây, cau đã có đây.
Nhân duyên chưa định, trầu này ai ăn?
Trầu này trầu túi trầu khăn,
Cùng trầu dải yếm, anh ăn trầu nào?

Trầu này trầu quế, trầu hồi,
Trầu loan, trầu phượng, trầu tôi, trầu mình.

Trầu này trầu tính, trầu tình,
Trầu nhân, trầu ngãi, trầu mình lấy ta.

Trầu này tằm tối hôm qua,
Giấu cha, giấu mẹ, đem ra cho chàng.

Trầu này không phải trầu hàng,
Không bùa không thuốc, sao chàng không ăn?

Hay là chê khó chê khăn,
Xin chàng dừng lại mà ăn miếng trầu!

*

- Ở đâu năm cửa chàng ơi!
Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng?
Sông nào bên đục bên trong?
Núi nào thắt cổ bông, lại có thánh sinh?
Đền nào thiêng nhất xứ Thanh?
Ở đâu lại có cái thành tiên xây?

Ở đâu là chín tầng mây?

Ở đâu lắm nước, ở đâu lắm vàng?

Chùa nào mà lại ở hang?

Ở đâu lắm gỗ thời nàng biết không?

Ai mà xin được túi đồng?

Ở đâu lại có con sông Ngân Hà?

Nước nào dệt gấm thêu hoa?

Ai mà sinh ra cửa ra nhà, nàng ơi?

Kìa ai đội đá vá trời?

Kìa ai trị thủy cho đời được yên?

Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,

Xin em giảng rõ từng nơi từng người.

- Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi!

Sông Lục Đầu sáu khúc, nước chảy xuôi một dòng.

Nước sông Thương bên đục, bên trong;

Núi Đức Thánh Tản thắt cổ bông mà lại có thánh sinh.

Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh;

Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây.

Trên trời có chín tầng mây,

Dưới sông lắm nước, núi nay lắm vàng.

Chùa Hương Tích mà lại có hang,

Trên rừng lắm gỗ, thời chàng biết không?

Ông Nguyễn Minh Không xin được túi đồng,

Trên trời lại có con sông Ngân Hà.

Nước Tàu dật gấm thêu hoa;

Ông Hữu Sào sinh ra cửa, ra nhà, chàng ơi!

Bà Nữ Oa đội đá vá trời;

Vua Đại Vũ trị thủy cho đời yên vui.

Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,

Em xin giảng rõ từng nơi, từng người.

*

Anh đây quân tử trí cao,

Lắng nghe anh họa bài “Sao trên trời”.

Nửa đêm thức dậy trông trời,

Thấy sao bên Bắc, anh ngồi bên Đông.

Ai ơi thức dậy mà trông:

Kìa ông sao Vượt ải sông Ngân Hà...

Sao Rua trên bốn dưới ba;

Nhị thập bát tú với là Thất tinh.

Sao Hôm đứng có một mình,

Sao Mai thung thình ra tình chờ ai...

Có Hôm mà chẳng có Mai,

Kìa ông sao Vượt chờ ai giữa trời,

Nam Tào, Bắc Đẩu, đôi nơi,

Kìa ông đứng đó trị vì muôn dân.

Vậy trên thị địa xoay vần,

Chưa đến chập tối dần dần mọc ra.

Mọc ra vô số hằng hà,

Vô số vạn ức, biết là bao nhiêu!

Tối trời, sao lại mọc nhiều;

Sáng trăng, trăng tỏ, ra điều sao thừa.

Chỉ hiềm một nỗi trời mưa,
Trăng sao lặn mất, còn lưá mặt trời.

*

Bài sao anh họa đã rồi,
Trời đâu em họa mấy lời anh nghe.
Trên trời có nắng có mưa,
Có rồng lấy nước có chùa Nàng Tiên.
Trên trời có cửa Phật Tiên,
Có dây chỉ thắm xe duyên vợ chồng.
Trên trời có cả cầu vồng,
Có sấm, có chớp, có cờ Thiên Lô...

*

Anh đổ em:

Cái gì mà thấp, cái gì mà cao?
Cái gì sáng tỏ hơn sao trên trời?
Cái gì em trải anh ngồi?
Cái gì thơ thần ra chơi vườn đào?

Cái gì mà sắc hơn dao?

Cái gì phơn phớt lòng đào, thì em bảo anh?

Cái gì trong trắng ngoài xanh?

Cái gì soi tỏ mặt anh, mặt nàng?

Cái gì xanh, đỏ, trắng, vàng?

Cái gì ăn phải dạ càng tương tư?

Cái gì năm đợi tháng chờ?

Cái gì em đội phất phơ trên đầu?

Cái gì sắc hơn dao cau?

Cái gì tiện chũm cho nhau ăn cùng?

Một quan là mấy trăm đồng?

Một mối tơ hồng là mấy trăm dây?

Một cây là mấy trăm cành?

Một cành là mấy trăm hoa?

Em ngồi em giảng cho ra,

Thì anh kết nghĩa giao hòa cùng em.

Em thưa rằng:

Dưới đất thì thấp, trên trời thì cao,
Ngọn đèn sáng tỏ hơn sao trên trời.

Chiều hoa em trải anh ngồi,
Khi buồn thơ thần ra chơi vườn đào.

Con mắt anh sắc hơn dao,
Trứng gà phơn phớt lòng đào, hỡi anh!

Tre non, trong trắng ngoài xanh;
Gương Tàu soi tỏ mặt anh mặt nàng.

Chỉ ngũ sắc xanh, đỏ, trắng, vàng;
Bùa yêu ăn phải, dạ càng tương tư.

Đôi ta năm đợi tháng chờ;
Cái khăn em đội phất phơ trên đầu.
Con mắt anh liếc sắc hơn dao cau;
Cau non tiện chũm cho nhau ăn cùng.

Một quan là sáu trăm đồng;
Một mối tơ hồng là sáu trăm dây.

Một cây là sáu trăm cành,

Một cảnh là sáu trăm hoa,
Em ngồi em giải đã ra,
Thì anh kết nghĩa giao hòa cùng em.

*

Gái đố:

Cái gì nó bé nó cay?
Cái gì nó bé nó hay cửa quyền?

Trai đáp:

Hạt tiêu nó bé nó cay,
Đồng tiền nó bé nó hay cửa quyền.

Gái đố:

Đố anh biết đá mấy hòn,
Núi cao mấy ngọn, trăng tròn mấy đêm?

Trai đáp:

Đá kia chỉ có một hòn,
Núi cao một ngọn, trăng tròn đêm nay.

Gái đố:

Quả gì năm múi sáu khe?

Quả gì nứt nẻ như đe thợ rào?

Quả gì kẻ ước người ao?

Quả gì lấp lánh như sao trên trời?

Quả gì ăn đủ năm mùi?

Quả gì to lớn có người ở trong?

Quả gì khắc chữ chạm rồng?

Quả gì cùi trắng nước trong, hỡi chàng?

Quả gì da nó vàng vàng?

Quả gì lẩn lóc giữa đànng cái đi?

Quả gì da nó sù sì?

Chàng mà đối được, thiệp thì theo không.

Trai đáp:

Quả khế năm múi sáu khe,

Quả na nứt nẻ như đe thợ rào.

Quả mận kẻ ước người ao,

Quả mơ lấp lánh như sao trên trời.

Quả lê ăn đủ năm mùi,
Quả động to lớn có người ngồi trong.
Quả chuông khắc chữ chạm rồng,
Quả dừa cùi trắng nước trong, đó nàng!
Quả thị da nó vàng vàng,
Bùa yêu lẫn lóc giữa đàn cái đi.
Quả mít da nó sù sì,
Nay anh đối được, em thì theo anh!

Trai:

Thấy nàng mắt phượng, môi son,
Mày ngài, da tuyết, đào non trên cành.
Cho nên anh muốn tự tình,
Hỏi nàng quê quán, tính danh là gì?

Gái:

Chẳng hay chàng hỏi làm chi?
Quê em Đình Cẩm thuộc về Bắc Ninh.
Tên em là Nguyễn Thị Tình,

Kém bề nhan sắc, kém hình thanh tao.

Trai:

Xin đừng nói nhúm mấy nao!

Chẳng xinh, chẳng tốt, ai nào hỏi chi?

Tưởng rằng xa lạ đâu kia,

Ai ngờ đó cũng một quê, một làng.

Thôn trên, thôn dưới cách đường,

Cho nên một tổng, một làng, quên nhau.

Lại thêm bận việc bấy lâu,

Mãi mê buôn bán làm giàu bấy nay.

Cho nên chẳng tiện về đây,

Nhân sao lại gặp hôm nay, người làng.

Tiện đây xin hỏi thật nàng:

Năm nay bao tuổi, duyên vàng kết chưa?

Gái:

Nghe chàng tỏ hết tóc tơ,

Bây giờ mới biết thực là đồng hương,

Đội ơn chàng có lòng thương,
Hỏi thăm niên tuế, hỏi đường thất gia.

Em xin sự thật thừa qua,
Xin chàng luống xét, xấu xa chớ cười:

Em nay tuổi mới hai mươi,
Thông huyền còn hãy tốt tươi như thường.

Bởi vì cha mẹ không thương,
Cổ lòng ép uống lấy phường vũ phu.

Tham vàng gả kẻ đần ngu,
Cho nên em nhớ đường tu thế này.

Trai:

Nghe nàng nói chạnh lòng thay,
Chẳng hay nàng đến ở đây bao giờ?

Cùng ai chắp chử xe tơ,
Hay còn giữ giá đợi chờ tri âm?

Gái:

Nghe chàng nói, lệ đầm đầm,

Xót than lưu lạc cát lằm bấy nay.

Trốn đi đến ở tỉnh này,

Bấm tay, kể tháng, gần đầy hai đông.

Đã nhiều sứ điệp tin ong,

Nhưng em chẳng dám thuận lòng nơi nao.

Hoa còn phong kín nhị đào,

Đội người quân tử anh hào sẽ hay...

Trai:

Ngẫm duyên kỳ ngộ mà may,

Hắn rằng duyên nợ đây đây chắc rồi.

Vậy thì anh hỏi một lời:

Ở đây buôn bán ngược xuôi nghề gì?

Gái:

Ơn chàng đã có lòng vì,

Ngỏ lời phương tiện, muốn bề tóc tơ.

Nhân khi em ở tại nhà,

Làm nghề canh củi sớm khuya chuyên cần.

Vốn riêng được một vài trăm,
Đem đi buôn bán Đồng Xuân chợ này,
Buôn hàng vải lụa bấy nay,
Nhờ trời vốn lãi cộng rày ba trăm.

Trai:

Khen nàng có chí làm ăn,
Biết đường tính toán, biết phần bán buôn.
VẬY anh xin ngỏ tắc son,
Còn như tính thiệt tính hơn tùy nàng.
Đôi ta cùng tổng, cùng làng,
Cùng trang niên thiếu, cùng phường đi xa.
VẬY xin kết nghĩa giao hòa,
Nên chăng anh hãy về nhà hỏi han.

Gái:

Đội ơn tình nghĩa muôn vàn,
Có lòng thương kẻ hồng nhan nhỡ nhàng.
Em xin tạm hỏi anh chàng:

Năm nay bao tuổi, song đường còn không?

Anh em được mấy người cùng?

Lúa đôi duyên kết tơ hồng cùng ai?

Trai:

Cảm ơn thực nữ mọi lời,

Hỏi thăm cha mẹ cùng thời anh em.

Thông huyên đôi khóm còn nguyên,

Anh nay là út, là em rớt nhà.

Bác cả làm việc tỉnh xa,

Bác hai buôn bán, bác ba học hành.

Còn như nghĩa cả duyên lành,

Chưa tìm được chốn tài tình đắm đang.

Cho nên còn hãy mơ màng,

Gối yên ương chữa tiện đường dết thù.

Vả chẳng tuổi chữa bao nhiêu,

Hai mươi một tuổi còn chiều xuân xanh.

Gái:

Khen chàng bền chí sắt đánh,
Thau, vàng kén chọn, ngày xanh chẳng màng.

Thiếu chi ngoài tổng trong làng,
Mà tìm chẳng được một nàng thanh tao.

Vả chẳng gia thế anh hào,
Thiếu gì nơi quý, nơi cao cần quyền.

Hay chàng lòng lại dối em,
Vợ tròn, con ẵm, ẵm êm ở nhà?
Xin chàng hãy ngỏ thật thà,
Kẻo em nghi ngại gần xa chưa tường...

Trai:

Nếu anh lòng có giấu nàng,
Trên đầu đã có thành hoàng xét soi.

Trong làng cũng có lắm nơi,
Song anh chưa có nhận lời nơi nao.

Nhân duyên em há lạ sao?
Hãy nghe câu ví thấp cao dặn dò:

“Gần thì chẳng hợp duyên cho,
Xa xôi cách mấy lần dò cũng đi”.
Hãy xin lấy đấy mà suy,
Tình vàng, xin chớ hồ nghi dạ vàng!

[308] Tô Khê tục gọi là làng Tó, xưa thuộc tổng Kim Sơn huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Nay thuộc xã Phú Thị, Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.

2. HÁT XẨM

Hát xẩm là một loại dân ca đặc biệt của miền Bắc, thường thấy phổ biến ở miền đồng bằng và trung du Bắc Bộ.

Những câu hát xẩm đều là những câu sáu tám. Người ta chia ra hai loại hát xẩm: xẩm chợ và xẩm cô đào. Hát xẩm chợ, điệu hát mạnh, những tiếng đệm và tiếng đưa hơi lẫn vào lời chính, cốt giúp cho có nhiều dư âm và bắt khúc được dễ dàng. Hát xẩm cô đào đệm đàn đáy và xênh phách không dùng đàn bầu và nhị.

Do yêu cầu của người nghe, những người đi hát xẩm còn hát đủ các loại dân ca khác, như hát ví, hát ru em, hát cò lả, trống quân, rồi ngâm cả thơ, kể cả truyện dài bằng thơ, như *Truyện Kiều*, *Nhị độ mai*, *Hoàng Trừu*, kể về như *Về vợ ba Cai Vàng*, *Về vợ ba Đề Thám*, v.v...

XẨM CHỢ

Con sông kia nước chảy đôi dòng.

Đèn khêu đôi ngọn anh trông ngọn nào?

Muốn tắm mát lên ngọn sông Đào,

Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh.

Đôi tay vịn cả đôi cành,

Quả chín thì hái, quả xanh thì đừng.

Ba bốn năm nay, anh ăn ở trên rừng,
Chim kêu vượn hót, anh nửa mừng nửa lo.

Sa chân lỡ bước xuống đò,
Gieo mình xuống sạp, còn lo nỗi gì?[\[309\]](#)

Gặp nhau thiên tải nhất thì...

*

Anh tiếc cho ai nuôi, dạy, mong chờ,
Một, hai, ba tuổi cho đến bây giờ em lớn khôn.

Cái vành khăn em vẫn đã tròn,
Câu cười, tiếng nói đã giòn, em lại ngoan.

Sợi tơ hồng đã buộc với nhân gian,
Sao em không chịu khó gánh vác cái giang san cho chồng?

Nỡ đang tay em dứt sợi tơ hồng,
Đứng đầu núi nọ mà trông bên non này.

Áng phong lưu son phấn đọa đày,
Thay đen đổi trắng để ai rày yêu thương?

Dầu may ra tán tía, tàn vàng,

Mười phương thiên hạ xem thường có vào đâu!

Tấm thân em chẳng nghĩ mặc dầu,

Bọn đàn bà còn để tiếng xấu về sau muôn đời.

Chị em ơi, thế cũng kiếp người.

XẨM CÔ ĐÀO

Thiếp nay thi lễ con nhà,

Thấy chàng mỹ mạo, nét na dịu dàng.

Cho nên lòng muốn đa mang,

Biết rằng quân tử có màng hay không?

Ngắm duyên kỳ ngộ tương phùng,

Lừa đôi ai có đẹp bằng Tương Như?

“Câu hoàng” một khúc lắng lơ,

Trác Văn Quân luống ngẩn ngơ lòng sầu.

Vì đâu nên lấy được nhau?

Nếu không duyên nợ có đâu thế này!

Đôi ta nay gặp nhau đây,

Ba sinh âu hãn nợ nần chẳng không?

Xin chàng hãy quyết đành lòng,
Nâng khăn sửa túi má hồng tựa nương.

Họa may thau lộn với vàng...

*

Trách thân mà lại giận trời,
Trách chàng quân tử ở ra người thờ ơ!

Phòng không để thiệp đợi chờ,
Năm canh vò võ những là thở than.

Nào khi hộp mặt chén vàng,
Non nguyên biển hẹn, tưởng chàng chẳng quên.

Ai ngờ ra dạ bạc đen,
Say bên nhan sắc bỏ bên ngãi tình.

Để cho em vò võ một mình,
Tương tư khắc khoải, bệnh thất tình đầy vơi!

Trách thân mà lại giận trời...

*

Chúng anh đây mục hạ vô nhân,

Nghe em nhan sắc lòng xuân anh nào nùng.

Dù em má phấn chỉ hồng,

Dừng đừng đừng anh chẳng thèm trông làm gì.

Lấy anh anh cho đi trước để làm vì,

Tay thì dắt díu, tay thì quàng vai.

Vén tay sờ chốn em ngồi,

Em thời chẳng thấy, anh thời thở than.

Bâng khuâng như mất lạng vàng!

Cái sinh, cái phách, cái đàn ai mang?

Ai ơi, thương kẻ dở dang.

Miệng ca, tay gảy khúc đàn tương tư!

Chẳng yêu, chẳng nể, chẳng vì,

Cũng liều nhắm mắt bước đi cho đành.

Một duyên, hai nợ, ba tình,

Chữ duyên chi vương, mối tình ai mang!

Kéo còn đi nhớ về thương,

Kéo còn để mối tơ vương bên lòng.

Đôi ta chút nghĩa đèo bông,
Dầu mòn con mắt tấm lòng dăm sai.
Ngại ngừng những bước chông gai,
Trần gian nhỡn nhục nào ai biết gì?
Chữ tình là chữ chi chi,
Yêu nhau phải bảo đường đi lối về.
Đôi ta đã trót lời thề,
Gần xa dắt díu đi về có đôi.
Đến đâu người đứng, ta ngồi,
Khi đàn khi hát những người xung quanh.
Tới nơi những chốn thị thành,
Đôi bên hàng phố rấp ranh đón mời.
Đố ai biết chốn Chợ Giời,
Dẫn ta lên khoảng một người nàng tiên!^[310]

*

Chồng em nó chẳng ra gì,
Tổ tôm xóc đĩa nó thì chơi hoang.

Nói ra xấu thiệp hổ chàng,
Nó giận nó phá tan hoang cửa nhà.
Em nói ra đây có chúng chị em nhà,
Còn năm ba thúng thóc với một và cân bông.
Em bán đi trả nợ cho chồng,
Còn ăn, hết nhịn, cho thỏa lòng chồng con.
Đảng cay ngậm quả bồ hòn,
Cửa nhà gia thế, chồng con kém người.
Em nói ra đây sợ chúng chị em cười,
Con nhà gia giáo lấy phải người đần ngu.
Rồng vàng tắm nước ao tù.
Người khôn ở với người ngu nặng mình.

*

Mẹ em tham giàu, khiến em lấy thằng bé tí tì.
Làng trên, chợ dưới thiếu gì trai tơ!
Em trót đem thân cho thằng bé nó giày vò,
Đêm đông tháng giá, nó nằm co trong lòng.

Cũng mang thân là gái có chồng,
Chín đêm chực tiết, năm không cả mười!
Em nói ra đây sợ chúng chị em cười,
Má hồng bỏ quá, thiệt đời xuân xanh!
Em cũng liều cho thẳng bé trẻ ranh,
Sờ mó qua quýt, năm canh cho nó đỡ buồn.
Em buồn em lại nhắc thẳng bé nó lên,
Nó còn bé dại, đã nên cơm cháo gì!
Nó ngủ nó ngáy tì tì,
Một giấc đến sáng còn gì là xuân!
Chị em ơi! Hoa nở mấy lần?

*

Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ.
Chắc về đâu trong đục mà chờ,
Hoa thơm mất tuyết, biết nương nhờ vào đâu!
Số em giàu, lấy khó cũng giàu,

Số em nghèo, chín đụn mười trâu cũng nghèo.

Phải duyên phải kiếp thì theo,

Thân em có quản khó nghèo làm chi!

Chữ nhân duyên thiên tải nhất thì,

Giàu ăn khó chịu lo gì mà lo...

*

Em thương nhớ ai ngơ ngẩn bên đầu cầu?

Lược thưa biếng chải, gương Tàu biếng soi.

Cái sập đá hoa bỏ vắng không ngồi,

Buồng hương bỏ vắng, mặc người quay tơ...

Em thương nhớ ai ra ngẩn vào ngơ,

Đêm quên giấc ngủ, ngày mơ trận cười?

Bấy lâu nay gần bên, xa bờ...

*

Sáng trăng sông vắng vặc cái đêm hôm rằm...

Nửa đêm về sáng, trăng bằng ngọn tre.

Anh trót yêu em, yêu trọn một bề,

Để em thơ thần ngồi kể cái bóng ông trăng.

Cái sự tình này, ai thấu cho chăng?

Để em ngồi tựa cái bóng ông trăng chịu sầu!

Cái gánh tương tư một nhịp đôi ba cầu,

Bắc Nam đôi ngả, em chịu sầu đôi ba nơi...

Con chim khôn chết mệt về mồi,

Nó kêu réo rắt ghẹo người tình chung.

Hai chúng ta vẫn vít sợi tơ hồng...

*

Con sông kia nước chảy lờ đờ,

Thuyền trôi lững thững, trăng tờ mờ soi.

Con sông kia bên lở bên bồi,

Bên lở lở mãi, bên bồi bồi thêm.

Bao giờ gió đứng sóng êm,

Con thuyền anh xuôi ngược qua đêm lại về.

Với em, anh trót nặng lời thề...

[309] Từ câu này, người ta còn hát tiếp:

Sa chân lờ bước xuống đò,

Gieo mình xuống sạp, những lo cùng phiên.

Chợ tỉnh Đông một tháng sáu phiên,

Có cô hàng xén kết duyên vừa rồi.

Hàng cô những quế cùng hồi,

Có mẹt bồ kết, có nồi phèn chua.

Bó nhang thơm cô xếp để trong bồ...

[\[310\]](#) Tác giả bài này là Nguyễn Khuyến. Trước Cách mạng tháng Tám, bài này được hát rất nhiều trong nhân dân.

3. HÁT QUAN HỌ BẮC NINH

Hát quan họ Bắc Ninh gồm những điệu hát địa phương mà nhạc điệu rất phong phú. Những điệu hát này đã ra đời ở một nơi có những dãy đồi chạy dài và có những con sông lúc nào nước cũng tràn trề. Đất Bắc Ninh có những cánh đồng bát ngát, ở nhiều làng nghề thủ công lại phát triển từ lâu và nó thường là nghề của phụ nữ. Phụ nữ tỉnh Bắc ít phải làm những việc đồng áng nặng nhọc như cày, bừa – những việc nặng phần nhiều đàn ông gánh vác. Người con gái đất Bắc Ninh từ lâu đã nổi tiếng về sắc đẹp, về con người tình tứ. Giai cấp phong kiến thống trị đã biết như thế, nên trong thời Lý, trong thời Lê – Trịnh, con gái Kinh Bắc^[311] đã là nạn nhân của giai cấp phong kiến thống trị, họ đã bị tuyển làm cung phi khá nhiều.

Như vậy, nhờ có đất tốt, nhờ sản xuất khá, lại nhờ cả non sông đẹp đẽ, người phụ nữ Bắc Ninh lại là người duyên dáng tình tứ, nên có những thời nhân dân ở mấy miền Bắc Ninh đã sáng tác nên những bài ca trữ tình sâu sắc.

Về nguồn gốc hát quan họ có nhiều thuyết, nhưng chưa có thuyết nào thật chính xác. Nhưng dù thuyết nào, người ta cũng thừa nhận rằng hát quan họ đã được *xây dựng trên tình bạn*. Tục “kết bạn quan họ” như sau: một người lớn tuổi giỏi ca hát tập hợp một số anh chị em, chừng mười người, đem trầu cau sang một làng khác, xin kết bạn với anh chị em bên đó (nam với nữ, nữ với nam). Trong một nhóm như vậy, họ gọi nhau theo thứ bậc: anh cả, chị cả, anh hai, chị hai, anh ba, chị ba, v.v... Anh cả, chị cả nặng về mặt chỉ đạo, tổ chức, giao thiệp, thường không hát nhiều. Tình bạn ở nhóm

hát quan họ rất thân thiết, họ coi cha mẹ của nhau như cha mẹ mình, những ngày vui buồn, đều có đi lại thăm hỏi.

Về hình thức, hát quan họ có hàng trăm điệu. Ở các điệu hát quan họ, người ta nhận thấy xen lẫn vào đủ các giọng ca, lý, ngâm, kể chuyện, ru con, dò đưa, cò lả, trống quân, xẩm, hát ả đào, chèo, tuồng, v.v... Cái đặc biệt của hát quan họ là nó hoàn toàn phục vụ cho nhạc, cho nên trong lời ca, có những tiếng hát chệch đi, và có khi đưa cả những tiếng “hồ, xừ, xang, cống, lú” vào (thí dụ bài: *Xe chỉ luôn kim*) và hát không có đệm đàn sáo, tức thanh nhạc trơn chứ không có khí nhạc kèm. Rất có thể xưa kia, đất Bắc Ninh đã sản sinh ra không những nhiều tay danh ca, mà còn nhiều nhạc sĩ thiên tài nữa.

Ở một bài hát quan họ, những tiếng láy đi láy lại, những tiếng đệm, những tiếng đưa hơi rất nhiều, nó làm cho lời ca lên bổng xuống trầm như cung đàn, cho nên một điệu quan họ cần phải được hát lên, người ta mới cảm thấy được hết cái say sưa của nhạc điệu.

Những bài còn để tiếng đệm, tiếng láy và tiếng đưa hơi

Người ơi! Người ở đừng về,

Người ơi! Người ở đừng về,

Người về em vẫn (i i i i)

(Có mấy) khóc (i) thầm,

Đôi bên (là bên song như) vạt áo.

(Mà này cũng có a ướn đầm)

Ướt đầm (ư) như mưa,

Người ơi! Người ở đừng về.

Người về em vẫn (i i i i có mấy) trông theo,

Trông (ư ư) nước (tình chung là như) nước chảy,

(Mà này cũng có a trông bèo)

Trông bèo (là) bèo trôi.

Người ơi! Người ở đừng về.

Người về em vẫn (i i i i i).

(Có mấy) tái (i) hồi yêu (a).

(Em là) em (mong anh) xin chớ (mà này cũng có a) đứng ngồi (đứng
ngồi) với ai.

Người ơi! Người ở đừng về.

Người ơi! Người ở đừng về.

*

Trèo lên trên núi Thiên Thai (này Thiên Thai).

Thấy đôi chim loan phượng, (chường là anh chường ơi! Mà này cũng có
ăn ngoài, mà này cũng có) ăn ngoài (tình tình Đông nay) biển Đông (lý tang
lý tang tình tang, ố tình là em mong tình ì í, ô tình là em mong tình ì i...).

Chàng buông vạt áo em ra (nay em ra)

Để em (là em) đi chợ (chường là anh chường ơi!)

(Mà này cũng có kéo dầm

mà này cũng có) kéo dầm,

(Tình tình trưa nay) chợ (em) trưa,

(Lý tang lý tang tình tang,

Ồ tình là em mong mình í í,

Ồ tình là em mong mình í í...)

Chợ trưa rau nó héo đi (nay héo đi)

Lấy chi (là chi) nuôi mẹ (chường là anh chường ơi)

Mà này cũng có lấy gì,

(mà này cũng có) lấy gì (tình tình con nay) nuôi con!

(Tình tình con nay nuôi con,

lý tang lý tang tình tang,

Ồ tình là em mong mình í í,

Ồ tình là em mong mình í í...).

*

Cây trúc xinh (tang tình là) cây trúc mọc,

(Qua lối nọ như) bên đình...

Chị Hai xinh (tang tình là) chị Hai đứng,

(Đứng) một mình (qua lối như) cũng xinh...

Cây trúc xinh (tang tình là) cây trúc mọc,

(Qua lối nọ như) bên chùa.

Chị Ba không yêu (tang tình là) tôi cũng lấy,

(Lấy) đạo bùa (qua lối như) cùng yêu,

(Lấy đạo bùa, qua lối như cùng yêu...).

*

(Ra ngõ, ấy mấy trông, ra ngõ mà trông!)

Ngày ngày ra ngõ (ấy mấy trông, ra ngõ) mà trông,

Bạn thời (tình chung) không thấy bạn,

Tình (không ô tình là) không thấy tình...

(Ú này xang ú này xáng xang u xê phàn.

Xê lưu cộng tình...

Thương ô tình, là không thấy tình...).

*

Xe chỉ (ấy mấy kim) tôi luôn vào kim...

(Xe chỉ ấy mấy kim tôi luôn vào kim!)

Thêu vào (tình chung) khăn mặt,

Gửi (sang ô tình là) sang cho tình...

(Ú này sang, ú này sang sang,

U xê phàn, xê lưu cộng tình.

Thương ô tình, gửi sang cho tình).

Xẻ rế (ấy) mấy cây,

Xẻ rế một cây...

(Mấy) vào rừng, xẻ rế (cây) mấy cây, (xẻ rế) một cây.

Muốn cho, (là cho) đây với đó,

Cùng nhau (ô vầy cùng nhau) sum... vầy!

*

Trèo lên quán dốc,

Ngồi gốc (ới a) cây đa,

Rằng tôi lý (ới a) cây đa,

(Rằng tôi lới ới a cây đa...)

Ai đem (ới a tính tang tình rằng)

Cho đôi mình gặp,

Xem hội cái đêm hôm rằm...

Rằng tôi lý (ới a) tháng giêng,

(Rằng tôi lới ới a tháng giêng...)

Chẻ tre đan nón,

Đan nón (ới tầm) ba tầm.

(Rằng tôi lý ới tầm ba tầm...)

Ai đem (ới a tính tang tình rằng)

Cho cô mình đội,

Xem hội cái đêm hôm rằm...

Rằng tôi lý (ới a) cây đa,

(Rằng tôi lới ới a cây đa...)

Vải nâu may áo,

May áo ới viền năm tà.

Rằng tôi lý (ới) viền năm tà,

(Rằng tôi lời ới viên năm tà)

Ai đem (tính tang tình rằng)

Cho anh chàng mặc,

Xem hội cái đêm hôm rằm...

Rằng tôi lý (ới a) tháng giêng,

(Rằng tôi lời ới a tháng giêng...).

Những bài bỏ tiếng đệm, tiếng láy và tiếng đưa hơi

Trót lời hẹn với nước non,

Kíp xe bồi chỉ cho tròn bồi tơ.

Quay tơ phải giữ bồi tơ,

Quay dăm ba bồi đợi chờ bấy lâu.

Chơi cho trứng chọi đá tan,

Trăm hồ nghìn hải phá tàn rừng xanh.

Người như huê nở trên cành,

Em như con bướm lượn vành trên hoa.

Bây giờ anh lấy người ta,

Như dao cắt ruột em ra làm mười!

*

Anh như cây gỗ xoan đào,

Em như câu đối dán vào nên chăng?

Em như cây kiểng trên chùa,

Anh như con bướm đậu nhờ nên chăng?

*

Người về tôi đứng tôi trông,

Ước gì tôi được khăn hồng trao tay.

Ước gì người ở dưới này,

Tôi về trên ấy như cây có cành,

Xuân sang bước xuống vườn chanh,

Thấy hoa muốn hái, sợ cành có gai,

Trèo lên trái núi Thiên Thai^[312]

Thấy đôi chim phượng ăn xoài biển Đông.

*

Bây giờ tôi mới gặp tình,

Khác gì Kim Trọng thanh minh gặp Kiều.

Tiền đây tôi hỏi một điều:

Đài gương soi đến dấu bèo cho nhau?

Từ khi ăn một miếng trầu,

Miệng ăn môi đỏ, dạ sâu tương tư.

Vì người tôi phải viết thư,

Nhờ con chim nhạn đưa thư cho người.

Thư rằng: Em chưa có ai,

Trên nghiêng dưới mực giữa cài chữ sen.

*

Tôi là con trai tỉnh Bắc,

Lên trên sông Cầu.

Tôi đi buôn chỉ ngòi đầu hàng kim.

Lênh đênh chỉ nổi kim chìm.

Chỉ thời rơi mất, kim nay lập lò!

Người ơi, vớt lấy tôi nhờ,

Những công lênh ấy bao giờ tôi quên.

*

Xuống đầm ngắt lá sen xanh,
Thấy chim loan phượng đỗ cành xoan dâu.

Người ơi, trở lại xơi trầu,
Ham nơi phú quý bỏ nhau sao đành!

*

Nên chẳng kéo luống công trình,
Không nên, uống những công trình công tôi.

Mây mưa biếng để lá vàng,
Yêu ai nên mệt, nhớ ai nên sầu!
Bây giờ kết ngãi Châu Trần,
Xuân ai cũng có một lần mà thôi.

Xa xôi xích lại cho gần,
Làm thân con nhện mấy lần giăng tơ!
Ví dù người có lòng chờ,
Những công lênh ấy bao giờ dám quên.

Yêu nhau giữ lấy lời nguyên,
Xin đừng xẻ ván bán thuyền cho ai.

Yêu nhau đóng cửa không cài...

*

Hôm nay sum họp trúc mai,
Tình chung một khắc, nghĩa dài trăm năm.

*

Khen ai khéo nuôi con gà vàng,
Để đêm nó gáy cho nàng dậy khuya.

Ai lên chợ Thái buôn chè,
Để tôi buôn ấm ngồi kề một bên.

Chè ngon nấu với ấm bền,
Chè ngon được nước, ấm bền được lâu.

*

Chim khôn đỗ ngọn thâu đầu,
Khi vui nó đậu, khi sầu nó bay.
Tình thâm mong trả nghĩa dày,
Non kia có chắc cội này cho chẳng?
Ngày xưa tôi dặn người rằng:

Đâu hơn người lấy, đâu bằng đợi tôi.

Đã đành có chốn thì thôi,

Đèo bông chi mãi, tội trời ai mang?

Nghe lời người nói tâm can,

Tình càng thâm thiết dạ càng ngẩn ngơ.

Công tôi đi đợi về chờ,

Sao người ăn nói lững lờ như không!

*

Rượu sen càng nhấp càng say,

Càng yêu vì nết, càng say vì tình.

Đầy vơi chúc một chén quỳnh,

Vì duyên, duyên uống, vì tình, tình say.

Chúc chén này xin cạn chén này,

Vui tình, vui nghĩa, từ rày vui đi.

Xét tấm tình si,

Thiệt thân mà chả ích chi đến người.

Lả lơ bên nói bên cười,

Bên mời cố cựu, bên mời tình nhân.

Cùng nhau xích lại cho gần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ.

Đi ngẩn, về ngơ...

*

Ra đường gặp khách cung mây,
Chẳng dây nào rối bằng dây tơ vò.
Thầy mẹ người vụng liệu vụng lo,
Đôi mươi mười tám chẳng lo lấy chồng.
Thầy mẹ người tham việc tiếc công!

*

Hôm nay lan huệ sánh bày,
Đào đông ướm hỏi liễu tây một lời.
Lạ lòng ướm hỏi nhau chơi,
Nửa mai cái nước chim trời xa nhau!

*

Rủ nhau đi gánh nước thuyền,

Đứt quang vỡ sỏi nước liền ra sông.

Nhất chờ, nhị đợi, tam mong,

Tứ thương, ngũ nhớ, lục mong, thất bát cửu chờ!

Mặt trời đã xế về nan,

Trách ông Tư hồng, cùng bà Nguyệt lão đa đoan nửa chừng!

Cây muốn lặng, gió chẳng muốn dừng.

*

Tay cầm dao mác,

Tay vác nãi nan,

Lên chùa thanh vắng, tôi đan cái lờ.

Hỡi người ăn mít bỏ xơ,

Ăn cá bỏ lờ có nhớ tôi chăng?

*

Bồ câu bay thấp liệng cao,

Bay qua cửa phủ, bay vào trong dinh.

Ngọn đèn khêu gợi tâm tình,

Khêu lên cho tỏ, ta mình với nhau.

Nhìn nhau chả dám nhìn lâu,
Nhìn qua cho bỏ cơn sầu chia ly.

*

Em đi khắp bốn phương trời,
Chẳng đâu lịch sự bằng người ở đây.
Gặp người má đỏ hây hây,
Răng đen rụng rức, tóc mây rườm rà.
Hôm qua em bận việc nhà,
Lòng em bối rối, tưởng là quan họ mong.
Đương trưa nghe vắng chuông đồng,
Thấy con nhận trắng lượn vòng đưa thư.
Thương ai, hết đứng lại chờ...

*

Con dao be bé sắc thay,
Chuôi sừng bén bạc về tay ai cầm,
Lòng tôi yêu vụng nhớ thầm,
Trách ông Nguyệt lão xe nhâm duyên ai!

Duyên tôi còn thăm chưa phai,
Hay là người đã nghe ai dỗ dành?

*

Nhất quế, nhị lan;
Nhất xinh, nhất lịch, khôn ngoan đủ trăm chiều...

Ai chả nâng niu,
Người khôn ai chả nâng niu,
Hoa thơm ai chả chặt chiu trên cành...

Cho hay là thói hữu tình,
Vì hoa nên phải lánh mình tìm hoa,
Cho trọn một bề...

*

Người đi em dặn người rằng:
Đâu hơn người lấy, đâu bằng đợi chúng em đây.

Người như tấm vóc đại hồng,
Em như chỉ tuyến, thêu rồng nên chăng?
Cầu tre ai bắc gập ghềnh,

Quan họ đi khéo, kéo ngã lấm mình ai thương!

Lấm mình có chúng em nâng...

*

Chim khôn đỗ ngọn thầu dầu,

Người vui có chốn, em sầu có nơi,

Đã đành có chốn, thì thôi.

Đa mang chi nữa, tội trời ai mang?

Song rằng sớm biết tuổi vàng,

Lòng càng thấm thiết,

Tưởng người đi gió về mưa xót thầm.

Những nguyên đôi chữ đồng tâm...

*

Thuyền thúng là thuyền thúng ơi,

Có ai về trong quan họ cho tôi về nhờ,

Tay tôi chèo đò sang bãi Dương Khê,

Thuyền xuôi như chắp cánh, gió đưa đặng nguồn.

Tay tôi chèo đò chở khách rong chơi...

*

Tiếc thay bụi quế non vời,
Những lời người nói biết đời nào quên.
Bao giờ lở núi Tản Viên,
Cạn sông Tô Lịch chẳng quên nghĩa người.
Nghĩa người em để trên cơi,
Nắp vàng đập lại, để nơi em nằm.
Mỗi ngày sáu bảy lần thăm...

*

Bực mình lên tận Thiên cung,
Dem ông Nguyệt lão xuống hỏi thăm vài lời.
Nỡ lòng trêu ghẹo chi tôi,
Lênh đênh bèo nổi mây trôi một thì.
Biết người biết mặt nhau chi,
Để đêm em tưởng, ngày thì em mơ.
Bắc Ninh cho đến Phủ Từ,
Qua cầu sông Nhị, ngấn ngơ tìm người.

Tìm người chẳng biết mấy nơi,
Tìm ba mươi phố, thấy người ở đây.

[311] Kinh Bắc tức Bắc Ninh và Bắc Giang.

[312] Núi Thiên Thai giáp thôn Đông Cao, xã Đông Cừu thuộc huyện Gia Bình (nay là Gia Lương), tỉnh Bắc Ninh.

4. HÁT GHEO PHÚ THỌ

Hát gheo là một loại dân ca phổ biến ở nhiều nơi trên miền Bắc nước ta; nó là loại hát đối đáp giữa nam và nữ thanh niên trong những ngày hội mùa, vào mùa xuân, mùa thu, những đêm trăng sáng. Hát gheo nổi tiếng nhất là ở Phú Thọ, ở mấy thôn Nam Cường, Bảo Vệ (Tam Nông) và Hùng Nhĩ (Thanh Sơn), (nay thuộc Phú Thọ). Hát gheo giống hát quan họ Bắc Ninh ở chỗ trai gái hai làng hát với nhau, kết luận với nhau, gọi là tục “nước nghĩa”. Thời xưa, hai làng có quan hệ thường cùng thờ chung một vị thần, cùng hưởng chung một vùng đất để sinh sống. Nhưng hát gheo không phải là một loại hát tế lễ ở đình mà thường được tổ chức ở một nhà trong làng. Nội dung hát gheo hoàn toàn trữ tình.

Trai gái đi hát rất trọng nhau, thường gọi nhau là “quan anh, quan chị” và tự nhận mình là “em”, kể cả những người ít tuổi hơn mình. Bởi vậy, nhân dân địa phương còn gọi hát gheo là “hát anh chị”. Tuy thân thiết với nhau, nhưng theo tục lệ, hai bên nam nữ không được lấy nhau. Tục lệ này cũng giống như tục lệ ở những “làng quan họ nghĩa” Bắc Ninh.

Cách hát của hát gheo Phú Thọ cũng giống như cách hát quan họ Bắc Ninh, nó là lối hát đối đáp nam nữ, mỗi lần hai người hát, hát đôi nam hoặc đôi nữ. Hát gheo Phú Thọ có ba loại giọng: *ví*, *sống* và *sang giọng* (gồm nhiều giọng riêng, mỗi giọng có thể là một bài ca hoàn chỉnh).

Trầu này tươi tốt mạn đào,

Trầu người thực nữ, anh nào sánh đôi.

Trầu này trầu quế, trầu hồi,
Trầu người thực nữ, sánh người văn nhân.

*

Miếng trầu thuận tay em tằm,
Trầu phú, trầu quý, trầu nên vợ chồng.
Trầu này khấn nguyện tơ hồng,
Trầu này kết nghĩa loan phòng từ đây.

*

Bây giờ cơm roạn nước thôi^[313]
Tăm rắng súc miệng, em ra ngồi hầu anh.
Em than rằng đêm có năm canh!

*

Cơm nước đã ngơi,
Xin chị ngồi chơi.
Để em cố lệ^[314]
Xin chị đừng nệ,
Đường cái xa xôi,

Chẳng đâu hơn nữa, chị ơi!

*

Vì anh, em mới tới đây,

Nếu không chiếu trái màn quây ở nhà.

Em bước chân ra, nhái (sợ) thầy cùng mẹ.

Em đưa chân về, nhái mẹ cùng cha.

Em với anh thì như bướm với hoa.

*

Hoa thơm thơm cả vườn hồng,

Thơm cây thơm rễ người trồng cũng thơm.

Hoa thơm bông dãi bông cầm.

Đang tay khôn bẻ^[315] sợ lòng mẹ cha.

*

- Trèo lên quán dốc cây đa,

Gặp chị bán rượu la đà say sưa.

- Trèo lên quán dốc Đồng Nai,

Kìa sông Mai Diệp, sông dài lệ đưa.

*

Cái ruộng năm sào,

Lúa chín sao anh chẳng gặt?

Em đi qua bờ, em ngắt một bông.

Biết bao giờ anh có vợ?

Biết bao giờ em có chồng?

Buồng không bỏ vắng, luống công em đợi chờ...

*

Chuồn chuồn mắc phải nhện vương.

Ai mà vắn vít thì thương nhện cùng.

*

Em ngồi dệt gấm thêu hoa,

Em thêu con long, con ly, con quy, con phượng

Long, ly, quy, phượng lộn^[316] xinh đà nên xinh.

*

Bài sai anh thấy trấn Hưng^[317]

Đi những đường rừng, uống những nước khe.

Ngày thì chém tre, tối vào canh lữ.

Tiền lưng gạo bị, em sắm cho anh.

Trẩy vào rừng xanh, gặp trai lành gái tốt,

Anh đi kén vợ rày mười một năm nay,

Anh không vợ, rày đã có em đây.

*

Em trèo đèo,

Em lặn suối,

Em qua lối nọ,

Anh thì có thương.

Huyện Tống Sơn có chàng Từ Thức,

Rắp mon men lên cõi thiên đường.

Rủ nhau lên núi lên nương,

Tìm thời chẳng thấy, những thương cùng sầu!

Yêu nhau chẳng lấy được nhau,

Làm cho tổn bác, hao dầu luống công.

Thuyền nan trèo thẳng giữa dòng,

Em mũi anh lái, lên thác xuống ghềnh được không?

*

- Thuyền ai rách rách bên ngòi,

Hay thuyền chú lái bẻ sòi nhuộm thâm?

Hôm qua em mất càn sòi,

Hôm nay em bắt được người khăn thâm!

- Khăn thâm em nhuộm bùn ao

Càn sòi chị mất lúc nào em chẳng được hay!

*

Em làm giàn mướp nó leo,

Nó nở trăm hoa nghìn nụ nó theo anh về.

Anh về thăm quán, thăm quê,

Thăm cha, thăm mẹ, chớ hề thăm ai!

*

Ước gì có lưới đông đình,

Để em quây lấy anh xin mang về.

Nhớ khi lá thắm huê đề,

Về thời lại nhớ, chẳng về được đâu!

*

Đôi chúng ta duyên phận phải chiều

Dây tơ hồng đang xen vắn vít,

Cái sợi chỉ điều bà Nguyệt khéo xe,

Đôi chúng ta duyên phận phải chiều.

*

- Trồng cây quýt ngọt sau nhà,

Ngày sau nó lớn, nó ra cam thiều.

Anh yêu em, bác mẹ cũng yêu.

- Trồng cây quýt ngọt trên nương.

Ngày sau nó lớn, nó ra cam đường!

Chị thương, bác mẹ cũng thương!

*

Chị về dựa bóng sao mai,

Đêm khuya ai biết lấy ai bạn cùng!

Chị về, em lại trông chừng,

Trông bể bể rộng, trông rừng rừng xanh.

*

Ước gì đào vợ, mận chồng,

Đào thương mận nhớ, nào nùng đôi bên!

Vì đào, nên mận chẳng quên,

Vì đào nên mận ngậm phiến nhớ mong.

Vì đào, nên mận long đong,

Xin đào chớ ở ra lòng Bắc Nam.

[313] Cơm roạn: cơm xong. Cơm roạn nước thôi là cơm nước xong rồi (tiếng địa phương).

[314] Cổ lệ có nghĩa là động viên cùng hát cho vui.

[315] Khôn bẻ: không dám bẻ.

[316] Lộn: Múa lộn.

[317] Trấn Hưng Hóa xưa, sau là Hưng Hóa, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

5. HÁT GIẶM NGHỆ - TỈNH

Ở Nghệ – Tĩnh có một loại hát rất hấp dẫn là hát giặm.

Tiếng giặm có nghĩa là ghép vào, điền vào, đan vào một chỗ thiếu. Nó có nghĩa như “giặm một vài cái nan vào một cái rổ” như đồng bào miền Bắc thường nói. Lối hát giặm có thể xuất hiện ở Nghệ – Tĩnh cách đây hai ba trăm năm. Nguồn gốc nó ra sao, hiện nay chúng tôi vẫn chưa tìm được tài liệu chính xác.

Về nội dung, nhiều bài hát giặm rất tình tứ và có một số bài có tính chất chống giai cấp phong kiến. Về hình thức, phần nhiều các bài hát giặm đều gồm những câu năm chữ và cước vận, tức vần ở cuối câu: cứ hai câu cuối mỗi đoạn lại lấy lại một ý, điệp cả về ý lẫn lời, như:

Tôi lấy chân khỏa lại,

Tôi lấy bàn khỏa lại...

hay:

Thấy những lời kêu trách,

Nghe những lời kêu trách.

Như vậy, một số bài có mười hay mười hai đoạn, thì cũng có thể có mười hay mười hai câu điệp như thế, đọc thì thấy vương, nhưng hát lên nó

làm cho ý của câu hát được nổi lên.

Hát giặm cũng có hai ba lối trình diễn: có lối nam nữ đối đáp; có lối vài ba người hát, kể lên một giai thoại hay một việc mới xảy ra trong miền mà nhân dân cho là có hại đến phong hóa; lại có lối kể một sự tích gì có tình tiết, nội dung và hình thức đều được trau chuốt^[318].

Hát giặm Nghệ – Tĩnh không phải hoàn toàn do nhân dân sáng tác, cũng có bài do những người nho sĩ sáng tác, nhưng cũng đã được nhân dân ưa thích và phổ biến rộng rãi. Những bài của các nho sĩ thường có nhiều thành ngữ bằng chữ Hán và cũng hay dùng điển tích rút ra ở sử sách Trung Quốc.

Trai:

Tiết thanh nhàn thông thả,

Muốn thăm hỏi vài câu.

Cuốc thánh thót kêu sầu,

Gió phảng phất mùa thu.

Nhớ trong sách đã lâu:

Chuyện “Tư Mã phượng cầu”.

Thương thì mũi tìm trâu

Trâu đâu tìm chạc mũi?

Gái:

Trời mở rộng phong quang.

Giã ơn trời mở rộng phong quang

Em đánh tiếng thưa sang,

Đêm tàn canh vò vỗ

Tay em cầm con bắc đỏ,

Mong bỏ đĩa dầu đây,

Mời bạn ở lại đây.

Ròng rã tay bắt tay.

Đôi ta đã giở lời rày

Tình đó với nghĩa đây.

Giống như đội nác^[319] đây,

Bưng nhãn nhãn^[320] trên tay.

Không khuy sơ một hột,

Gió nỏ^[321] triềng một hột

Công đôi ta thề thốt,

Kể đã mấy niên rồi.

Lòng đã quyết lứa đôi,

Ngãi đã quyết thề bồi,

Nhất ngôn nói hăn lời,
Đừng bốn chốn, ba nơi,
Đừng trăng gió chào mời.
Trăng nhiều trăng rạng rỡ.
Trăng nhiều đèn rạng rỡ.

*

Gái:

Em đã có chồng rồi,
Em đã có lứa rồi,
Vung úp đã vừa nôi,
Đũa ghép đã thành đôi.
Bạn đừng có ỡm ờ với tôi!
Tôi lấy chân khóa lại,
Tôi lấy bàn khóa lại.

Trai:

Têm một quả trầu không,
Bỏ vô hộp con rồng,

Đi băng nội băng đồng,
Qua năm bảy khúc sông,
Qua chín mười đôi đồng,
Nghe tin em đã có chồng,
Anh quăng lắc vô bụi.
Bạn gạt tù vô bụi.

*

Anh thương em một tháng hai kỳ.
Dồn đi tính lại, cũng như mười ngày.
Năm rộ mà chầy,
Có hai mươi bốn miện^[322]
Xuân qua rồi hè đến,
Thu đã muộn, đông rồi,
Nhớ bạn cũ chưa nguôi,
Sang lập xuân, vũ thủy.
Đêm em nằm em nghĩ:
Nghĩ kinh trập, xuân phân.

Lòng tưởng sự ái ân,
Sang thanh minh, cốc vũ.
Đêm em nằm nỏ ngủ,
Nhớ bạn mãi thường thường,
Tiết lập hạ nhớ thương,
Bước sang tuần tiểu mãn.
Trông ra ngoài chán chán,
Tiết mang hiện lại gần
Người đập đất, gánh phân.
Để mùa màng gặt hái.
Anh thương em mãi mãi,
Sang hạ chí tiết hè,
Em nghe tiếng sâu ve,
Em buồn trong gia sự,
Bạn buồn thăm gia sự.
Tiết tiểu thử, đại thử,
Trời nắng sốt lắm thay!

Ra ngồi tựa cột cây,

Anh với em than thở...

Bạn với mình than thở

Tiết lập thu, xử thử,

Ai điều sáo mặc ai,

Vàng lác đác giếng tây,

Ta thương người bạn cộ^[323],

Nhớ mãi người bạn cộ.

Vừa đến tiết bạch lộ

Bầy chim trắng bay sang.

Cây heo hắt lá vàng,

Sang thu phân hàn nộ.

Đêm em nằm, em chộ^[324]

Tiết sương giáng lại kè.

Trông bạn cũ ta về,

Sang lập đông giá rét.

Tiết tiểu tuyết, đại tuyết,

Trời giá rét lắm thay!

Sang đông chí, cây cày.

Dạ bồi hồi nhớ bạn.

Tiết tiểu hàn chưa dạn,

Đã bước sang đại hàn.

Dạ tưởng nhớ người ngoan,

Vừa năm cùng, tháng tận;

Vừa cuối mùa cuối tận.

Phận lại ngồi trách phận,

Phận nỏ dám trách phận!

Anh thương em từ tháng giêng đến tháng chạp^[325].

[318] Xem mục Về có những bài hát giặm mà người ta gọi là “hát giặm về”.

[319] Nác là nước.

[320] Nhấn nhấn là cho chắc và cân.

[321] Nỏ là chẳng, không.

[322] Miện là kỳ.

[323] Bạn cộ: bạn cũ.

[324] Chộ: thấy.

[\[325\]](#) Trích ở quyển Hát giặm Nghệ – Tĩnh đã nói trên.

6. HÁT VÍ NGHỆ - TỈNH

Hát ví Nghệ – Tĩnh là những loại dân ca xuất hiện trong nghề nông và nghề thủ công. Có nhiều điệu hát ví, như hát phường vải, hát phường cấy, hát đò đưa, hát phường buôn, v.v... Trong những điệu hát này, hát phường vải và hát phường cấy có tổ chức và phổ biến hơn cả.

HÁT PHƯỜNG VẢI

Ở nước ta có nhiều vùng dệt vải và nơi nào cũng có hát, nhưng không phải ở đâu hát cũng có tổ chức. Thường thường người ta nhớ câu nào hát câu ấy cho vui. Riêng ở Nghệ – Tĩnh, hát phường vải đi vào lễ lối, có tổ chức và có một phong cách riêng. Có một số xã ở Thạch Hà, Kỳ Anh thuộc Hà Tĩnh và một số xã ở Thanh Chương, Anh Sơn thuộc Nghệ An hay hát phường vải, có hát đối đáp giữa thanh niên nam nữ. Thời xưa đã có những người tài hoa và hay chữ có tiếng, như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Phan Bội Châu đã tham gia các buổi hát phường vải.

Những câu hát phường vải là những câu biểu lộ tâm tình của hai bên trai gái, hoặc là những ước mơ yêu đương, hoặc là những lời oán trách chia rẽ tình duyên, và bao giờ cũng lạc quan, tin tưởng. Hát phường vải gồm có bốn giai đoạn: giai đoạn thứ nhất là hát dạo, hát mừng, hát chào và hát hỏi; giai đoạn thứ hai là hát đố và hát đối; giai đoạn thứ ba là hát mời và hát xe kết; giai đoạn thứ tư là hát tiễn.

GIAI ĐOẠN I

Hát dạo

Bấy lâu thức nhấp mớ mành,
Bên rèm tiếng gió, đầu giường bóng trắng.

*

Bấy lâu nghe hết tiếng nàng,
Bên anh nước tiếng đồn vang đã lừng.
Nghe tin anh cũng vội mừng,
VẬY nên chẳng quản suốt rùng anh sang.

*

Bấy lâu anh mắc chi nhà,
Để em dệt gấm thêu hoa thêm sầu.

*

Đồn rằng cá uốn thân vây,
Đồn em hay hát, hát hay anh tìm.

*

Chốn này vui vẻ từng bừng,
Hạc nghe tiếng phượng xa chùng tới nơi.

*

Đêm khuya trời tạnh, sương im,
Tai nghe tiếng nhạc chàng Kim tới gần.

*

Rừng xa, khoan kéo, ơi phường!
Hình như có khách viễn phương tới nhà.

*

Đi qua, nghe tiếng em reo,
Nghe xa em kéo, muốn đeo em về.

*

Đi ngang trước cửa nàng Kiều,
Dừng chân đứng lại, đặt dìu đôi câu.

*

Đi ngang thấy búp hoa đào,
Muốn vào mà bẻ, sợ bờ rào lắm gai.

*

Đồn đây là chốn Đào Nguyên,
Trăng thanh, gió mát cảm thuyền dạo chơi.

*

Lạ lòng anh mới tới đây,
Thấy hoa liền hái, biết cây ai trồng.

*

Đến đây vàng cũng như son,
Ai ai thời cũng như con một nhà.

Hát mừng, hát chào

Khi máy mắt, khi nhện sa,
Khi chuột rích trong nhà,
Khi khách kêu ngoài ngõ,
Tay em đưa go đùng đĩnh,
Tay em chìa khóa động đào,
Bước năm lần cửa, ra chào bạn quen.

*

Mừng rằng bạn đến chơi nhà,
Cam lòng thực nữ gọi là trao tay.

Hát hỏi

Em có chồng rồi, em nói rằng chưa,
Tội riêng em đó, nỏ lừa được anh!

*

Em chưa có chồng, em mới đến đây,
Chồng rồi, chiếu trải màn vẫy ở nhà.

GIAI ĐOẠN II

Hát đố và hát đối

Anh về chẻ lạt bó tro,
Rán sành ra mỡ, em cho làm chồng.
Em về đục núi lòn qua,
Vắt cổ chày ra nước, thì ta làm chồng.

*

Trai thanh xuân ngồi hàng thuốc bắc,
Gái đông sàng cảm bệnh lâu tây.
Hai ta tình nặng nghĩa dày,
Đối ra đáp được, lúc này tính sao?

*

- Đến đây hỏi khách tương phùng,

Chim chi một cánh bay cùng nước non?

- Tương phùng nhẵn với tương tri,

Lá buồm một cánh bay đi khắp trời.

*

- Lá gì không nhánh không ngành?

Lá gì chỉ có tay mình trao tay?

- Lá thư không nhánh không ngành,

Lá thư chỉ có tay mình trao tay.

*

- Nghe tin anh học có tài

Cha thầy Mạnh Tử là ai rửa chàng?

- Thầy Mạnh, cụ Mạnh sinh ra.

Đù mẹ con hát, tổ cha thẳng bà!

*

- Người Kim Mã cưới con ngựa vàng,

Đất Phù Long^[326] rồng nổi thì chàng đối chi?

- Người Thanh Thủy gặp khách nước trong.

Hoành Sơn ngang núi, đã thỏa lòng em chưa?

*

- Nghe anh bôn tẩu bấy lâu,

Nghệ An có mấy chiếc cầu hời anh?

- Nghệ An có ba mươi sáu chiếc cầu,

Phồn hoa đi lại bốn cầu mà thôi:

Cầu danh, cầu lợi, cầu tài,

Cầu cho đây đó làm hai giao hòa.

*

- Nhớ em nhất nhật một ngày,

Đêm tơ tưởng dạ, lòng rày nhớ trông.

- Chờ em nửa tháng ni rồi,

Ôm đờn, bán nguyệt, dựa ngòi cung trăng.

*

Nghe tin anh giỏi anh tài,

Đào tiên một cõi Thiên Thai ai trông?

Thiên Thai là của nàng Kiều,
Riêng chàng Kim Trọng sớm chiều vào ra.

GIAI ĐOẠN III

Hát mời

Chén ngà sánh giọng quỳnh tương,
Mời chàng nho sĩ văn chương bước vào.

*

Chè ngon, nước chát, xin mời,
Nước non, non nước, nghĩa người chớ quên!

*

Mời chàng mãi mãi không vào,
Bán mua chi đó, làm cao rửa chàng?

*

Khách tri ân đã tới sân hòe,
Mời ngồi chiếu phượng mà nghe thiếp đàn.

Hát xe kết

Đôi ta bắt kén nhau rồi,

Ai vo chẳng sạch, ai nhồi chẳng đi.

*

Đêm khuya cười^[327] xuống dần dần,

Sao Hôm xích lại cho gần sao Mai.

*

Thương em vô giá quá chừng,

Trèo truông quên mệt, ngậm gừng quên cay.

*

Đôi ta như cúc với khuy,

Như kim với chỉ, may đi cho rồi.

*

Tay cầm nhành quế mà than,

Tuổi xuân xanh không gặp bạn, buổi hoa tàn gặp nhau!

*

Trăng lên khỏi núi trăng nghiêng,

Chờ cho biển cạn, lèn nghiên cũng chờ.

*

Nhớ chàng, sáng đứng trông xuôi,
Trưa ra ngó ngược, tối ngồi trông ra.

*

Vì ai cho bướm nguôi hoa,
Cho tấm nguôi kén, cho ta nguôi mình.

*

Thân em như cây thầu đầu,
Ngoài tươi, trong héo, giữa sâu tương tư.

*

Trăm năm ai chớ quên ai,
Chỉ thêu nên gấm, sắt mài nên kim.

*

Thép mài thì thép nên kim,
Chỉ thêu lâu nên gấm, duyên có tìm duyên mô!

GIAI ĐOẠN IV

Hát tiến

Ra về nhớ lắm, em ơi!

Nhớ xa em kéo, nhớ lời em than.

Yêu nhau chưa ráo mồ hôi.

Chưa tan buổi chợ, đã rời nhau ra.

*

Ra về lòng lại dằn lòng,

Chanh chua chớ phụ, ngọt bòng chớ ham.

*

Chưa đi anh đã vội về,

Đã đi đừng vội, vội về đừng đi.

*

Chàng về thì thiếp xin đưa,

Lạy trời hãy nắng, đừng mưa trơn đường.

*

Ra về, gửi bốn câu thơ,

Câu thương, câu nhớ, câu chờ, câu mong.

*

Rau má là lá lan dây,

Đã trót dan díu, ở đây đừng về.

Rau má là lá lan thề,

Đã trót dan díu, đừng về ở đây.

*

Phường ôi, đốt đuốc cho nhờ,

Kéo mà dứt chỉ, mối rờ không ra!

*

Em ra về rồi, đừng nhắc em liền,

Kéo em sâu nảo, em quên việc mần.

Trách con gà gáy vô tình,

Chưa vui sum họp, đã đành chia phôi... [\[328\]](#)

HÁT PHƯỜNG CẤY

Xưa kia, ở Nghệ – Tĩnh làng nào cũng có lối hát này. Cứ mùa cấy đến, nhà nào tụ tập được nhiều cô thợ cấy tươi giòn và hát hay là tin đồn khắp xóm, khắp làng, rồi tối đến, thanh niên kéo đến hát. Nội dung những câu hát phần nhiều là về tình yêu nam nữ. Lề lối hát cũng tương tự hát phường vải: thoát đầu là hát chào, đến hát thăm rồi đến hát tiễn.

Hát chào

Bên nam cất tiếng hát:

Nhân đêm thông thả mát trời,
Nghe tin bướm nhả, vội rời gót qua.
Đến đây mừng cảnh, mừng hoa,
Trước mừng hai cố^[329], sau ra mừng phường.

Nữ:

Ở nhà mới bước chân ra,
Vừa trầm ô giáng cội, cho ta hay trầm.

Nam:

Ở nhà con khách mách tương liên^[330]
Con nhện sa trước mặt, đi ra tự nhiên gặp nàng.

Nữ:

Vừa ra vừa gặp anh đây,
Một là duyên kỳ ngộ, hai trời xây đất vắn.

Nam:

Vừa ra, mới gặp người giòn,
Cũng bằng hoa nở hội bóng tròn tốt tươi.

Hát thăm

Nam:

Đến đây lạ bến, lạ rào^[331],

Hỡi con chim hồng nhạn ở phương nào lại đây?

Kẻo mai nhớ núi chim về,

Ai nhớ chim muồn hỏi, biết thư đề ra sao?

Nữ:

Em đây là con chim phượng,

Chị em đó là con chim nga,

Tìm Bểng Sơn bay lại, bướm gặp hoa là tình.

Hỏi anh quý tính, phương danh,

Mai ra đường gặp bạn, hỏi mang tiếng vô tình làm ngơ.

Nam:

Trăng lên có chiếc sao châu,

Hỏi thăm đào liễu đã ăn trầu ai chưa?

Nữ:

Mặn hỏi thì đào xin thưa:

Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

Nam:

Đến đây quen ít, lạ nhiều,

Ai tư điền, tư thổ xin tiêu lên kéo lằm^[332].

Tri ân chưa tỏ tri ân,

Muốn cho bên quạt, bên trâm sánh bày^[333].

Nữ:

Ngọc lành ngồi đợi giá cao,

Vàng mười ngồi đợi tước lộc tào ban ra^[334].

Mượn người làm mối hai ta,

Mai thành công chi mỹ, ta đến nhà trả ân.

Nam:

Đã chắc chi chẳng, đã hẳn rửa chẳng?

Để anh về đong nếp cái, gạo ba trắng đợi chờ.

Nữ:

Em xin anh một thúng nếp dư^[335],

Một con lợn cũ, gánh đòn tư cho chững chàng.

Nam:

Cha mẹ em đòi răng nấy, anh cũng đi,
Sau về đồng công, trụ nợ, chớ vâng vi đến nàng.

Nữ:

Lễ vâng danh, anh coi lấy đó mà đi.
Kéo sau về đồng công, trụ nợ, tội thì nhọc ta.

Hát kết

Nữ

Anh về thừa với mẹ cha,
Trồng dâu cho tốt, tháng ba nuôi tắm.

Nam:

Em về thừa với thung huyên,
Chốn này ta đã thành duyên nhau rồi.

Hát tiễn

Nam:

Ra về răng được mà về?
Bức thư ai gửi, lời thề ai trao?

Nữ:

Ra về răng đút, răng đành?

Ra về bỏ mối tơ màn ai quây?

Nam:

Ra về lòng lại dạn lòng,

Chanh chua chớ phụ, ngọt bòng chớ ham.

Nữ:

Vì cam nên quýt đèo bòng,

Vì anh cần mẫn, nên lòng em mơ.

Nam:

Ra về bẻ lá cấm đây,

Đến mai ta nhớ chốn này ta qua.

Nữ:

Trăng khuya soi bóng anh đi,

Thấy chân anh bước, ruột em thì quặn đau!

HÁT ĐÒ ĐƯA

Hát đò đưa là một điệu ví trong khi chèo đò. Khi hát một mình, người ta gọi là “hát buông”; khi có hai thuyền đi song song hay khi có thuyền trước thuyền sau cùng đi, trai thuyền nọ hát đối đáp với gái thuyền kia thì người

ta gọi là “hát cuộc”. Người hát thường là người chèo đò, cũng có khi là khách đi thuyền. Nội dung những câu hát đò đưa cũng về tình duyên, nhưng luôn luôn liên hệ đến cuộc sống bồng bềnh trên sông nước.

Cau khô ăn với hạt bèo^[336],

Lấy chồng đò dọc, ráo chèo, hết ăn^[337].

*

Một trăm ông lái thanh nhàn,

Không thương trai bạn cơ hàn nắng mưa.

*

Một sông hồ dễ mấy cầu,

Một mình em hồ dễ ăn trầu mấy ai?

*

Nước lên lấp xấp bờ đình,

Một trăm nuộc chạc^[338], em chung tình nuộc mô?

*

Nước lên lấp xấp bờ biên^[339],

Người ta sang cả, em cầm thuyền đợi ai?

*

Sông dài thì lắm đò ngang,
Anh nhiều nhân ngãi, em mang oán thù.

*

Từ ngày nhổ nọc lui thuyền,
Sông bao nhiêu nước, dạ em phiền bấy nhiêu.

*

Nước lên lấp xấp cầu này,
Anh quen em mới được một ngày thuyền lui.

*

Một trăm chiếc nốc^[340] chèo xuôi,
Không có chiếc mô chèo ngược, để ta gửi lời viếng thăm.

*

Nước ngược anh bỏ sào xuôi,
Khúc sông bỏ vắng, có người sầu riêng.

*

Từ vịnh Sốt đến vịnh Cùi,
Từ Trúc, Trố, Hồ, Trai,

Từ Phù Long, Xuân Liệu^[341]

Anh chỉ thấy một ngài^[342] như em.

*

Nước chảy cho đá trôi nghiêng,

Anh vui chung thiên hạ, em sầu riêng một mình.

*

Công anh lên thác xuống ghềnh,

Vô Trang, ra Hội^[343] không thành thất gia.

^[326] Vùng chợ Vực ở huyện Hưng Nguyên.

^[327] Cưỡi là sương.

^[328] Trong số những câu hát phường vải trên đây, có nhiều câu do ông Ninh Viết Giao sưu tập.

^[329] Hai cổ đây là hai vợ chồng chủ nhà.

^[330] Tương liên ở đây có nghĩa là liên hồi.

^[331] Rào là sông nhỏ, nước cạn, có thể lội qua.

^[332] Nghĩa là: Có ai hò hẹn riêng gì với nhau về tình duyên rồi, thì có thể nói ra cho khỏi lầm.

^[333] Theo điển tích ở Truyện Kiều của Nguyễn Du: Bên trâm, bên quạt làm tin.

^[334] Vàng mười đang đợi chứng chỉ chính thức, Lục tào đây có nghĩa như lục bộ thượng thư.

[335] Đừ: dều.

[336] Hạt bèo là hạt ở cây bèo, ăn hơi chan chát, thân cây này làm gậy tốt lắm.

[337] Ráo chèo là mái chèo khô không dùng đến, ý nói không có việc làm.

[338] Nuộc chạc là mối dây.

[339] Bờ biên là bãi trên sông.

[340] Nốc là thuyền.

[341] Vạn Sốt là Cửa Sốt ở Thạch Hà; vạn Cài là đồ Cài ở Can Lộc; Trúc là chợ Trúc ở Hương Khê; Trố là chợ Trố ở Đức Thọ; Hồ là Yên Hồ; Trai là đồ Trai ở Đức Thọ; Phù Long là vùng chợ Vực ở Hưng Nguyên; Xuân Liêu ở Nam Đàn. Thuyền xuôi ngược thường hay ghé vào những nơi này.

[342] Một ngài là một người.

[343] Trang là vùng Cửa Sốt (Hà Tĩnh). Hội là vùng Cửa Hội (Nghệ An).

7. HÁT DÂN CHÀI

Những câu hát của dân chài giống như những câu hát ở nông thôn nói chung, cũng biểu lộ mối quan hệ của con người với thiên nhiên, với xã hội. Trong hát dân chài cũng có những câu biểu lộ tình yêu thầm thiết của nam nữ và những nhận định, những kinh nghiệm rút ra được trong khi đi nghề.

Đặc điểm của những bài hát dân chài là dù biểu lộ tư tưởng tình cảm gì, nội dung bài hát bao giờ cũng phản ánh một vài khía cạnh của lao động sản xuất trong nghề mình.

Cơm chiêm ăn với cá ve,

Em về nốc biển mà nghe câu hò!

*

Thuyền về tới bến khuya canh,

Còn câu tình nghĩa để dành đêm sau.

*

Con cá rô thìa nấp bụi rêu rong,

Anh quăng cái mồi ngọc, con cá động lòng phải ăn.

*

Cha chài, mẹ lưới, con câu,

Con trai tát nước, nàng dâu đi mò.

*

Cơm chiên ăn với cá ve,
Thiếp đây, chàng đấy, buôn bè ra khơi.

*

Chịu khó lấy chị nốc đặng^[344]
Cá đục, cá móm, cá cẳng đầy nôi.

*

Em là con gái đến thì,
Như con cá rô thia ăn vược, có khi hóa rồng!

*

Muốn ăn cơm trắng cá kho,
Trốn cha trốn mẹ, xuống đò cùng anh.

*

Ngồi không thì chẳng xe gai,
Đến khi có cá, mượn chài ai cho!

*

Từ ngày thiệp bén duyên chàng,
Dạ như con trích mắc vào lái^[345] xưa.

*

Đêm khuya thắp ngọn đèn chai,
Quen o nốc đáy ăn hoài cá tươi.

*

Thương thay chút nỗi anh kheo^[346]
Buồm bè chả có, kéo neo suốt ngày^[347].

Người đời tưởng thế là hay,
Chưa vô khỏi nước, gang tay đo liên^[348].

*

Ngồi buồn chặt thép uốn câu,
Chặt cần, xe chỉ, buộc phao, mắc mồi.
Trải chiếu ra ngồi bờ sông bến mát,
Anh ngồi trên bến, cát trắng như bông;
Anh mang xuống sông buồm rung gió thổi,
Kẻ lặn người lội, kẻ chẵn người đặng.

Nước đục băng lãng, phao chìm cần động,

Giật lên mau chóng, kéo cá nhả mồi.

Mình lấy được ta, bỏ công ao ước,

Ta lấy được mình, khỏi nỗi ước ao.

*

Mẹ ơi, con chẳng lấy chồng xóm cầu,

Cái tay thì thối, cái đầu thì hôi.

Chiều chiều cặp rổ mua mồi,

Mua thì không được lại ngồi mà lo.

Chạy lên cho đến làng Đò^[349],

Người xẻo không có, người mò cũng không.

Chạy về cho đến làng Đông,

Con ngồi con khóc, chồng trông ở nhà.

*

Mẹ ơi, đừng gả chồng xa,

Tuy rằng Kẻ Bể, đất ta cũng màu.

Đi về con cá, lá rau,

Mua gạo chợ Vực, mua trâu chợ Đông^[350].

Lấy ai cũng lấy một chồng,
Kiếm ăn ngày tháng, no lòng thì hơn.

*

Nàng đứng ở đó làm chi,
Nàng về Kẻ Bể mà đi kéo rùng.
Nhà tôi nghề giã, nghề sông,
Lặng thì tôm cá đầy trong, đầy ngoài.

Cá trắng cho chí cá khoai,
Còn như cá lẹp, cá mai cũng nhiều.

Quý hồ nàng có lòng yêu,
Cái đường đi lại còn nhiều khi ta.

Nàng về thưa với ông bà
Có cho nàng lấy chồng xa hay đừng?

*

Khoe khoang có một phần rừng,
Rừng đi chín bữa về không cả mười,

Nói ra sợ chúng bạn cười,
Về nhà vợ chửi ra ngoài trời bêu.

*

Tay chiêu ăn cả vàng ròng^[351]
Dây lưng củ mật, gõ không mật nào.
Đường^[352] thì sợi thấp, sợi cao,
Bè thì thùng lỗ, thợ nào dám lên.

*

Cái cây chả mấy trăm đồng,
Dầm sương, dãi nắng, má hồng nàng phai.
Nàng đi lắm thì vú nàng sa quai.
Chẳng thà đan lưới, chắp gai anh cùng.
Nhà anh gần biển, gần sông,
Canh chan, dấm húp, chiều lòng ăn chơi.

*

Trời cao, cao bấy không xa,
Đất kia rộng vậy, thế mà dày sâu.

Bể xa thiên địa mù mù,
Biết mô cửa lạch, biết mô sông cùng.
Nước đầy ngoài biển nước lại vô sông,
Ngoài biển nhá trện^[353], trong đồng kiệt khô.

Nước thủy triều, nước đi mô?
Lúc lên, lên khắp, lúc khô, khô rồi.
Trăm khúc sông, khúc lở khúc bồi,
Khúc lở thành vực, khúc bồi thành non.

Ngòi sông lớn, ngọn sông con,
Nước ở ngoài biển, nước tuôn vô đồng.

Trăm năm kể hết sông cùng,
Lý ngư còn đợi bên sông hững hờ.

*

Lẳng nghe nàng nói cũng màu,
Tháng chạp rừng kéo cá dầu, lành canh.

Bẹ dày cho chí thu lành,
Cá lẹp, tôm sắt lại đành hố đao^[354]

Hố rồng, hố hột nhiều sao,
Đắt thì anh bán, rẻ vào thùng khoang.

Bỗng nay gặp được cô nàng,
Con nhà thảo thuận trong làng xưa nay.

Chưa ai kết ngãi xướng tùy,
Hay là bác mẹ nay thì cấm ngăn.

Hay là ông Nguyệt dùng dăng,
Mà xe anh lại chơi trăng trước nhà?

Nàng về thưa với ông bà,
Để anh kiếm lễ lên nhà vấn danh.

*

Lẳng nghe nàng nói cũng xinh,
Một chập gõ lại giao đanh cá mồi.

Ai ơi, đứng lại mà coi,
Thợ chèo, bạn ngoáy ngoài khơi cũng tình.

Khen thay chút nổi cô mình,
Thuyền kia mỏng lá, lênh đênh giữa vời.

Thợ tài, bạn mạnh, mình ơi!

Thương em là gái năng nôi dãi dầu.

*

Em về Kẻ Bể với anh,

Chắp gai đan lưới cho thanh con người.

Đất Kẻ Bể là đất ăn chơi,

Không giàu cũng khá, ở trên trời bóng đá chân chim.

Chưa vợ anh mới đi tìm,

Ra đường lại gặp được em chưa chồng.

Em chưa chồng đã dành một lẽ,

Anh chưa vợ từ bé đến nay,

Tình cờ ta gặp nhau đây,

Bên đông thì bể, bên tây thì cồn,

Bên trên thì có núi Trường^[355],

Bên ngoài hòn Nẹ, cô nương nghĩ sao?

*

Em là con gái nữ nhi,

Sợi gai, mắt lưới, chẳng bì cùng ai.

Đôi bên bác mẹ thì già,

Kiểm tí rùng rách để mà kéo tôm.

Giêng, hai, ti tí giông nồm^[356],

Rùng ra đi bể, lại ồn lằm doan^[357].

Tháng ba anh xuống lưới quàng,

Cá xủ, cá xác, cá han, cá thiều.

Tháng tư anh mới xuống theo,

Êm rung lặng gió, ruốc kheo vào bờ.

Đôi ta kết chỉ xe tơ,

Ruốc rằm người đánh đồ bờ chan chan.

Tháng năm te chạy hết ngàn,

Cá trà^[358] cũng lằm khơi đàng vào ra.

Tháng sáu gõ đánh cá hoa,

Cá bẹ, cá trắng cùng là thu lành

Tháng bảy là tháng hiền lành,

Lưới khoai^[359] đánh những lành canh, cá thè.

Tháng tám nùng nục tôm he,
Lưới dờ² ra xuống Mả Nghè^[360] cũng đông.

Tháng chín là tháng già sung^[361],
Bằng chặng, lão mắt cùng là lão tây^[362].

Hồng hoa, cá ruối thiếu gì,
Kể giống cá quý, kể chi cá chuồn.

Tháng mười anh mới kể luôn,
Câu bè người đánh những tuồng cá dưa.

Quý hồ phận đẹp duyên ưa,
Kìa như tôm sắt gặp dưa tháng mười.

Tháng một là tháng không vừa,
Rủ nhau mua cá câu dưa để dành.

Tháng chạp vắng kéo lòng quanh,
Cá cồi, cá lụ để dành tháng giêng.

Hò dân chài

Hai bên đứng ở hai hàng,
Người mũi, kẻ lái rập ràng cho mau.

Ngó trước, ngó sau, ra tay mà đẩy!

Ha hề hề!

Này anh em ơi! Hò lên cho nhịp,

Để chèo thuyền lướt sóng ra khơi.

Nay mừng thời vận lên rồi,

Bắc Nam hòa thuận, ta thời vui ca.

Cảnh Dương, Cửa Cấm lạch nhà,

Ghe thuyền buôn bán xinh đà quá xinh.

*

Vô can vô cớ ai buộc chữ tình,

Khốn nhớ khốn khuây,

Hai tay ôm lạng vàng ra đứng giếng tây,

Vàng rơi không tiếc, tiếc phen này xa nhau!

*

Con thương một ngã,

Thầy mẹ gả một nơi.

Cực lòng đây lắm, đó ơi!

Thay chồng đổi vợ, nhiều đời vui chi.

*

Kết phứt đi đây duyên đó nợ.

Kết phứt đi đây vợ đó chồng.

Dù ông trời trên chưa định,

Dù ông tơ hồng chưa xe.

[344] Nốc là thuyền; đăng là cây gỗ cắm ở sông để chằng lưới.

[345] Lái là lưới.

[346] Kheo đây là đi cà kheo trên bãi biển ngập nước.

[347] Kéo neo suốt ngày là làm việc suốt ngày không nghỉ.

[348] Gang tay đo liên, một nét đặc biệt về nghề kheo là ruốc vào kheo nằm trong một túi dài. Khi lên bờ người ta mua ruốc chỉ việc đo cái túi ruốc bằng gang tay mà trả tiền.

[349] Làng Đò, làng Đông đều thuộc miền duyên hải, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[350] Chợ Vực, chợ Đông đều thuộc huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[351] Ý nói một mình có cả một rừng đánh cá.

[352] Dây mép của lưới rừng.

[353] Nước cả, nước lớn.

[354] Tên một thứ cá.

[355] Tức núi Kê Trường hay núi Sầm Sơn.

[356] Một hiện tượng trong thiên nhiên ngoài biển báo hiệu gió nồm sắp thổi.

[357] Tên một loại cá.

[358] Còn gọi là cá chim.

[359] Lưới mắt vừa.

[360] Tên một cái vũng ở gần Sầm Sơn.

[361] Tên dụng cụ đánh cá như lưới giã, rùng, v.v...

[362] Tên các loại cá.

8. CA HUẾ

Ca Huế là những điệu hát chúng ta đã có từ lâu; nó có thể xuất hiện vào những năm đầu thời Lý sau khi ta tiếp xúc với Chiêm Thành và sau khi có một số cung nữ Chiêm Thành biết hát biết múa đưa về Việt Nam. Các nghệ nhân Việt Nam đương thời đã Việt hóa một số điệu Chiêm Thành, xây dựng nên khúc “Chiêm Thành âm”, giọng bi thương ai oán. Mặt khác, ca Huế lại chịu ảnh hưởng từ khúc ca Trung Quốc. Tuy chịu ảnh hưởng các điệu ca hát nước ngoài như vậy, lại xuất hiện đầu tiên ở cung đình, nhưng một khi được phổ biến rộng rãi trong dân gian, nó có ngay những phong cách riêng biệt, rất trữ tình và được nhân dân Bình – Trị – Thiên (nhất là Thừa Thiên) hay ca hát. Những điệu Bắc thì vui vẻ, đầm ấm; còn những điệu Nam thì sâu cảm bi thương. Đó là những điệu hát có thể cung cấp cho nghệ thuật sân khấu những mặt biểu diễn tình cảm phong phú.

CỔ BẢN

Duyên thăm duyên càng đượm, vì giống đa tình.

Thêm nhiều ngày, mặn nồng càng xinh;

Bực khuynh thành được là tài danh.

Song duyên kia đừng phụ, nào trách chi mình.

Chỉ non thề nguyện cùng trời xanh.

Lòng dấn lòng cho đành.

Nối kết mình (kết mình).

Thư nhận đưa tin (đưa tin) tháng ngày,

Nguồn ân ái dắm đâu vơi đầy;

Thương càng bận, làm bận lòng đây,

Vấn vương tình tự vì đây.

Tơ hồng khéo xe, thực là may!

Trăng rọi thêm hoa,

Lầu ngọc sáng lò.

Hương thơm ngát nhà,

Khắp gần xa,

Tiếng đàn hòa ca,

Ngâm vịnh mấy chén quỳnh,

Say sưa cùng mình,

Sánh tà vai,

Nhân ngãi (nhân ngãi) lâu dài,

Thực là vui, dắm nào phai.

Tâm đầu ý hợp, như rửa mấy người.

Ngọc vô hà, Biện Hòa mới hay.

Một ngày tương tri tình si, ấy là ai.

Muôn vàn không ngại, mua ngay tiếng cười,

Gọi mười người như mười.

Anh hùng có đâu, có là đâu.

Thôi thôi đừng, thôi đừng năn nỉ suy nghĩ thêm sâu.

Mặc ai dầu,

Lại hầu thương yêu.

Mặn nồng bao nhiêu.

Đường còn lâu

Chút tình sâu,

Vui lòng ưng ý, danh lị chi cầu!

KIM TIỀN

Xa xôi gửi lời thăm,

Lúc nhẵn nhe đôi bạn sắt cầm,

Mong kết nghĩa đồng tâm

Với người tri âm.

Thương nhau hoài, nhớ nhau mãi,
Thương nhau hoài, ai chớ phụ tình ai.
Duyên vì trúc mai,
Trúc mai hòa hợp, cùng bạn lâu dài.
Đặng dài lâu dài.
Thương thì xin đó đừng phai.
(Thương thì xin đó đừng phai)
Ấy ai tình tự, dạ tạc (tạc dạ) chớ phai.
Chớ phai, hỡi người tình tự...!

TỨ ĐẠI CẢNH

Cơn phong trần, tay khí võ, nay mới tỏ (mới tỏ) tài tình.
Thôi thôi thực gặp buổi (danh giường danh)
Ngắm trời xanh,
Mở hội hoàn doanh,
Bày cuộc đua ganh.
Xui nên chuyện,
Vang châu huyện,

Lắm chuyện kỳ thay!

Cờ mở gió bay,

Trống động trời lay,

Trông ra dạng

Nguy nga trạng.

Chức trọng quyền cao,

Nghiêng trời bể lòng lấy (bao) xiết bao!

Xưa phỉ nguyện rày ước mai ao

Ngày khát đêm khao.

(Người) người đâu tung hoành thế?

Mới hay, biết tay anh hùng.

Luống những mong

Lượng bể bao dong.

Phận liễu đoái trông,

Lòng lòng mong,

Ân tình thăm, có xong.

Có xong chẳng là?

Mưa sa, chùm hoa sân ngọc rườm ràp (rườm ràp xuân) thêm xuân

Tư quân mấy phen chung tình.

Tin xét đến có từng ấy chuyện,

Xin ghi tạc có từng ấy câu.

LƯU THỦY

Kể từ ngày (từ ngày) gặp nhau,

Trao lời hẹn cho vẹn vàng thau.

Dây tơ mảnh xe chắt lấy nhau;

Xe không dặng, đem tình thương nhớ,

Cảm thương người ngẫm nghĩ ba thu.

Xa cách nhau đêm năm vẫn thấy:

Thấy là thấy (là thấy) chiêm bao,

Biết bao lại vẫn vương bên mình.

Mình giật mình (giật mình) đòi cơn.

Biết bao lại quan sơn một đường,

Tình (tình) thương, tơ vương mọi đường

Xin cho trọn (cho trọn) cương thường.

Ai đơn bạc thì mặc lòng ai,

Xin cùng bạn (cùng bạn) trúc mai

Trăm năm lâu dài.

HÀNH VÂN

Một đôi lời (một đôi lời),

Nhắn bạn tình ơi!

Thề non nước, giao ước kết đôi,

Trăm năm tạc dạ.

Dầu xa cách, song tình thương chớ phụ thì thôi.

Niềm trọn niềm, xin đừng xao nhãng.

Trời kia định nợ ba sanh,

Đẹp duyên lành,

Trọn niềm phu phụ, bậc tài danh (tài danh).

Dầu tiên có tại non Bồng.

Kết mối tơ hồng,

Ấy thời trông (thời trông).

Nghĩa sắt cầm,

Hòa hợp trăm năm.

Bởi vì xa cách, nhẵn nhe cùng bạn tri âm.

HÀNH VÂN SANG NAM AI

Nghiệp phong trần,

Kén mặt tài nhân.

Sầu ôm gối, gối chiếc đêm xuân,

Chăn đơn sương lạnh, ngủi thương bóng đôi mình, đem tâm sự cùng ai.

Trông ngọn đèn canh tàn hiu hắt,

Người trong mộng, niềm nguyện mong.

Giục xui lòng rõ ràng đôi lứa,

Phụng thành song (thành song).

Mừng tạo hóa chấp mối tơ hồng,

Tĩnh giấc cô phòng, dậy thành không (thành không).

Sự sắt cầm, chiêm bao thành không.

Cô phòng u uất, ấy ai là bạn tri âm!

Tri âm cách nẻo phương trời!

Ai người nhủ hộ,

Gió đông chạnh niềm tây, đưa gửi mấy câu!

Ai say ngủ một mình đâu?

Trong giấc nồng chẳng hử tìm nhau?

Xa mấy dặm ngàn dâu,

Nghe nhận (sầu) thêm sầu.

Song thưa gió thoảng bên màn,

Ôm đàn tưởng vọng.

Bóng trăng lại kẻ hiên.

Luống những đón tin,

Thôi nói chi mơ màng,

Tiếng thần phong nhắc lại trời đông,

Cái oanh, cái oanh vàng mi đậu trên ai?

Nhắn chiặng đôi lời,

Tương tư trọng

Chè nhường khan giọng.

Ai hết nỗi sầu manh,

Muốn đưa mình lên hỏi trời xanh.

Sao ông Nguyệt lão mần thình?

Năm canh mỗi tình!

NAM AI

Khuyên ai gấn bó báo đèn công trình thầy mẹ.

Ởn nặng nhường sông, nghĩa chất non cao.

Ởn cúc dục cù lao,

Sinh thành lo sợ xiết bao,

Lo cơm bữa nhường nao,

Ấm bông (vào) ra vào.

Nâng niu bú mớm đêm ngày xem tà vàng ngọc,

Hay chạy hay đi, lúc nắng lúc mưa.

Từ xưa đến giờ,

Lúc hầy còn thơ,

Đến bây giờ,

Chịu chuốc nhơ,

Biết bao nhiêu mà.

Trông năm trọn ngày qua.

Da mỗi tóc bạc mây xa.

Khuyên trong cõi người ta,

Thảo ngay mới là.

NAM THƯỜNG

Tay mang khăn gói, băng ngàn, vô hàng tìm bạn,

Nguyên đồng học ngày xưa, cách trở mấy năm;

Nay nhớ bạn tri âm.

Băng ngàn bất quản sơn lâm.

Nay nhớ nghĩa tình thâm,

Xui trong dạ (thăm) thương thăm.

Non cao suối hiểm, không nài (không nài) khó nhọc;

Trông cho gặp thai huynh, kéo trong dạ tư lang.

Trăng kia xế tàn,

Núi hàn san,

Không thở than;

Nhớ bạn vàng,

Khó nổi hoi han,

*Nên chi tôi băng ngàn,
Nay băng ngàn cũng vì nhớ bạn,
Nay anh gửi thư ra.
Thân hành bất quản đường xa,
Xui trong dạ tôi bồn ba,
Phút đâu tới nhà...*

NAM BÌNH

*Ôi! Tan hợp xiết bao, tháng ngày đợi chờ non nước.
Ngàn dặm chơi vơi,
Mấy lời, nào dễ sai lời.
Ai ơi! Chớ đem dạ đổi đời,
(Ứng tình ưa ý) ý ứng tình thêm càng ưa ý.
Thiệt là đáng mấy người,
Lại sai lời.
Tương tri cho đá vàng, thêm lại yêu vì.
Nhớ khi cuộc rượu câu thi,
Thêm càng thương tiếc, phong lưu ai bì.*

Nặng vì tình, tình đôi ta, duyên trao nợ, rằng ai.

Buộc lại người xinh,

Lời hẹn ba sinh,

Vấn vương tơ tình.

9. HÒ HUẾ

Hò Huế là một loại dân ca hết sức tình tứ và du dương. Thời xưa ai đã từng đi trên bờ sông Hương ban đêm đều nghe thấy. Có điệu “hò mái nhì” và điệu “hò mái đẩy”. Hò mái nhì tức là hò nhịp hai, hò ăn nhịp với mái chèo trong khi con đò trôi thong thả trên dòng sông Hương. Còn hò mái đẩy thì nhịp điệu mạnh hơn, thường hò trên những con thuyền mà người ta chèo nhanh tay, chủ yếu là đẩy nước cho mạnh, không cần có nhịp. Hò Huế là một loại dân ca do nhân dân sáng tác và trong đó cũng có phần đóng góp của văn nghệ sĩ. Hai lối sáng tác đã có ảnh hưởng qua lại, nó bổ sung cho nhau, làm cho câu hò thanh thoát, không cầu kỳ, phù hợp với tâm sự của khách đi đò, đồng thời biểu hiện được cảnh tình trên sông Hương.

Thuyền từ Đông Ba, thuyền qua Đập Đá,

Thuyền về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sinh

Lờ đờ bóng ngả trăng chênh, giọng hò xa vọng, nhả tình nước non.

Thiên sanh nhơn, hà nhơn vô lộc?

Địa sanh thảo, hà thảo vô căn?

Một mình em ngồi dựa lòng thuyền, dưới nước trên trăng, biết cùng ai trao duyên gửi phận cho bằng thế gian!

*

Chim xa bầu, thương cây nhớ cội,

Người xa người tội lắm, người ôi!

Nỏ thà không biết thì thôi, biết nhau rồi mỗi đứa một nơi răng đành!

*

Trước bến Phú Văn Lâu, ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm, ai thương ai cảm, ai nhớ ai trông.

Thuyền ai thấp thoáng bên sông,

Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non...

*

Một vũng nước trong, mười dòng nước đục,

Một trăm người tục, chưa được một người thanh.

Biết ai tâm sự như mình?

Mua tơ thêu lấy tượng Bình Nguyên Quân.

*

Con chuồn chuồn nhớn nhoe trên mặt nước, tiếng ve ve vang động cả phương trời.

Con còng còng [\[363\]](#) đại lắm, ai ơi!

Cong lưng xe cát, sóng dôi lại tan.

Tiền tài như phấn thổ,

Nghĩa trọng tựa thiên kim.

Le le mấy thuở chết chìm,

Người ân nhân ở bạc, thôi cũng nỗ kiếm tìm làm chi!

*

Thôi thôi từ tạ biển vàng!

Cá lui về sông vịnh, chim ngược ngàn kiếm đôi.

Ở bên Đông Ba ngó qua Diệu Đế,

Nghe thấy kinh kệ cúng lễ giao thừa.

Na mô chi Phật mai xưa,

Tây phương tịnh độ, Phật đưa Tây về.

*

Sen xa hồ, sen khô sen cạn,

Lựu xa đào, lựu ngã đào nghiêng.

Vàng cầm trên tay rớt xuống không phiền,

Phiền người bội nghĩa, biết mấy niên cho hết sầu!

*

Con chim phượng hoàng bay ngang biển Bắc.

Con cá ngư ông mong nước ngoài khơi.

Gặp nhau đây xin phân tỏ một đôi lời,

Kẻo mai kia con cá về sông Vĩnh,

Con chim nọ đổi đời non Nam.

*

Đất Thừa Thiên trai hiền gái lịch,

Non xanh nước biếc, điện ngọc đèn rồng.

Tháp bảy tầng, Thánh Miếu, Chùa Ông,

Chuông khua Diêu Đế, trống rung Tam Tòa.

Cầu Trường Tiền mười hai nhịp bắc qua,

Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ, đợi khách âu ca thái bình.

Hồ Tĩnh Tâm giàu sen bạch điệp,

Đất Hương Cầm ngọt quýt, thơm cam.

Ai về cầu ngói Thanh Toàn^[364].

Đợi đây về với một đoàn cho vui.

*

Thái Bình Dương gió thổi,

Chiếc thuyền em trôi nổi khác thể cánh bèo.

Ý làm sao anh không ra giúp chống đỡ chèo,

Anh hùng sao lại nằm queo trong thuyền^[365]?

*

Nước chảy xuôi, con cá buôi lội ngược,

Nước chảy ngược, con cá vược lội ngang^[366].

Thuyền em xuống bến Thuận An,

Thuyền anh lại trẩy lên ngàn, anh ơi!^[367]

*

Trúc xa mai thì hoài lúa trúc,

Anh hỏi mai rằng đã có nơi mô nương tựa hay chưa?

Có nơi nương tựa khi nắng khi mưa,

Hay còn ân duyên đi sớm về trưa một mình?

*

Nước trong xanh bên thành con én trắng,

Thăng cánh bay, muôn dặm xa xăm.

Anh đi mô không bóng, không tăm,

Năm canh em đợi ruột tằm héo hon.

*

Núi Ngự Bình mơ màng trăng gió,

Niềm tâm sự ai thấu rõ cho mình.

Đoái nhìn sông Hương nước chảy thanh thanh,

Sông bao nhiêu nước dạ em sầu tình bấy nhiêu.

*

Em ơi, biển cạn xin nàng hãy nhớ,

Non mòn, nghĩa bạn qua chẳng có quên.

Gặp em đây, than thở với nhau đây,

Em về nơi ấy có thương nhớ qua em để lòng.

*

Sóng sầm sịch ì ầm ngoài biển Bắc,

Hạt mưa tình rỉ rắc chốn hàng hiên.

Muốn làm lơ đi mà ngủ cho yên,

Sợ mưa già nước ngập, biết dựa con thuyền vào đâu?[\[368\]](#)

*

*Bến chợ Đông Ba tiếng gà eo óc,
Bến chùa Thọ Lộc tiếng trống sang canh.
Giữa sông Hương rộn sóng khuynh thành,
Đêm khuya một chiếc thuyền mảnh ngửa nghiêng.*

*

*Tiếng hát ngư ông giữa sông Nhật Lệ,
Tiếng kêu đàn nhạn trên ánh Hoàn Sơn,
Một mình anh ngồi giữa sông Hương,
Tiếng ca theo khúc đoạn trường ai nghe!*

*

*Nước đầu cầu, khúc sâu, khúc cạn,
Chèo qua Ngọc Trản đến vịnh Kim Long.
Sương sa, gió thổi lạnh lùng,
Sông xao, trăng lặn gọi lòng nhớ thương.*

[363] Con còng còng tức con dã tràng.

[364] Cầu ngói Thanh Toàn ở Thừa Thiên, làm năm 1996, có mái như mái nhà.

[365] Tương truyền câu này kêu gọi hưởng ứng phong trào Duy Tân (1916).

[366] Cá buôi và cá vược là hai loại cá.

[367] Hai câu sau, còn có người hò: Hăm hiu thiếp chẳng gặp chàng, Thôi thì coi nhau như Lưu Bình, Dương Lễ cho trọn vẹn cả hai đảng đó anh.

[368] Bài này có người hò:

Sóng dồn dập lưng chừng ngoài biển Bắc,

Mưa ồ rào rí rắc chốn hàng hiên.

Lỡ làng câu chuyện tình duyên,

Khuyên ai chớ có ưu phiền tội thân.

10. DÂN CA MIỀN NAM TRUNG BỘ

Dân ca miền Nam Trung Bộ rất phong phú: có những điệu hò (Hò khoan, hò chèo thuyền, hò giặt chì, hò ba lý, hò kéo vải...), điệu lý (như những bài lý con sáo, lý cây chanh, lý qua trường, lý năm canh, lý hoài xuân...), điệu hát (như hát đố, hát đối, hát ru) và đặc biệt là *hát bài chòi*. Nội dung những bài dân ca miền Nam Trung Bộ cũng như nội dung ca dao, dân ca Việt Nam nói chung, đều rất tình tứ, ca ngợi chính nghĩa, đề cao lao động, đả kích thói hư tật xấu, đả kích giai cấp bóc lột; tóm lại, có tính chiến đấu rất cao.

Ở đây, chúng tôi trích một ít bài có tính chất tiêu biểu, phạm vi quyền sách không cho phép tuyển nhiều hơn.

HÒ KHOAN (QUẢNG NAM)

Biết nhau làm chi cho thiếp thương chàng nhớ,

Hay như hồi xưa kia, thiếp chớ chàng đừng.

Đặt mình xuống chiếu, chiếu phẳng dính lưng,

Bưng bát cơm để xuống, cứ tưởng trông chừng ai theo.

*

Ở bên ni Hàn, ngó qua bên tê Hà Thân,

Thấy nước xanh xanh như tàu lá;

Ở bên tê Hà Thân, ngó qua bên ni Hàn,

Thấy phố xá nghênh ngang.

Kể từ ngày Tây lại đất Hàn,

Đào sông Cầu Nhí, đắp đàng Bồng Miêu.

Dặn lòng em ai dõ đừng xiêu,

Gắng công nuôi phụ mẫu, sớm chiều có qua.

HÒ CHÈO THUYỀN

Sông tôi chẳng có bóng thuyền,

Mong gì hứng gió giữa miền biển khơi.

Tủi lòng sông lắm, thuyền ơi!

Đừng chê thôn nhỏ, ham nơi phố phường.

*

Bên lương bên giáo, bên đạo cũng như bên ta,

Vô đây kết nghĩa giao hòa,

Phải duyên phải kiếp, áo chúa Bà ta mặc chung.

*

Nước chảy lờ đờ, đôi bờ xuôi ngược,

Đường đi non nước, rộng rãi thênh thang.

Ta vui khắp xóm, khắp làng,

Mặc cho chớp bể, mưa nguồn vẫn vui...

*

Đường đi xa lắm, ai ơi?

Nước non ngàn dặm, bể trời mênh mông.

Đi qua muôn chợ, vạn rừng,

Thuyền con một chiếc, vẫy vùng biển khơi...

HÒ GIÃ GẠO

Ai trắng như bông, lòng tôi không chuộng,

Người nọ đen giòn, làm ruộng tôi thương.

Biết rằng dạ có vấn vương,

Để tôi cấy mỗi tìm đường sang chơi.

Cầu Ô Thước trăm năm giữ vẹn,

Sông Ngân Hà giữ trọn đừng phai.

Sợ em ham chốn tiền tài,

Dứt đường nhân ngãi lâu dài bỏ anh!

*

*Xay lúa lấy gạo ăn mai,
Bữa qua em đi cấy, bữa mai em đi cà,
Thợ cấy bạn với thợ cà,
Để cho thợ mạ khóc ngày khóc đêm.*

HÒ KÉO VẢI

*Chim khôn kêu tiếng rảnh rang,
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.
Bóng trắng ngã lộn bóng tre,
Chàng ơi, đứng lại mà nghe em thề!
Vườn đào, vườn lựu, vườn lê,
Con ong kia bắt nhụy, con bướm kia ra ngoài.
Chàng về nghĩ lại mà coi,
Tâm tình em ở, gương soi nào bằng?*

LÝ CÂY CHANH

*Chừng nào muối ngọt chanh thanh,
Em đây mới lãng quên anh đi lấy chồng,*

*Trên trăng dưới nước, anh ước một lời,
Dầu trăng mờ nước cạn, anh cũng không rời phụ em.*

LÝ NĂM CANH^[369]

*Canh một thơ thần ra vào,
Chờ trăng (ôi tình) mà trăng xế.
Chờ hoa (í) bông hoa tàn...
Trống canh hai, thấp ngọn (í) loan đèn loan,
Chờ người (ô tình) mà quân tử,
Thở than (í) than đôi lời...
Trống canh ba, đang nói đang cười,
Còn canh hai (ối tình) canh nửa (a í a)
Mỗi người (là) người mỗi phương.
Trống canh tư chếp nguyên thề nguyên,
Khứ lai (ôi tình) là minh bạch,
Cho tuyền là tuyền thủy chung.
Trống canh năm (í a) cờ phất trống rung.
...Qua gá tiếng cùng em,*

Em bậu chớ có nghe ai, em bậu chớ có nghe ai...

HÁT

- Ngó lên dừa ngã ba cây,

Thấy em khôn khéo muốn gầy nghĩa nơ.

- Nghĩa nơ ba gánh tràn trề,

Gánh từ Phù Mỹ gánh về Bồng Sơn^[370].

Em ngồi em kể công ơn,

Bạc vàng nặng ít, nghĩa nơ nặng nhiều.

*

- Thân em như thể hoa hường,

Anh xem có ý, kéo mắc đường chông gai.

- Thân anh như thể giọt sương,

Đêm đông tươi mát cho hoa hường tốt tươi.

*

- Thiếp như cam quýt bưởi bòng,

Ngoài tuy cay đắng, trong lòng ngọt ngay.

- Qua như chùm gởi đáp nờ,

Đóng nhanh mai liễu đặng nhờ chút hơi.

HÁT ĐỐI ĐÁP

Gái:

Khăn xéo vắt vai, quần hai ống ướt,

Học gì chàng mà bước vô thi?

Tiền năm quan ngũ quán mất đi,

Trai nam nhân đối đặng, gái em thì theo không.

Trai:

Khăn xéo vắt vai, quần hai ống khô,

Thừa văn có võ, mới vô trường này.

Tiền năm quan ngũ quán còn đây,

Trai anh đối đặng giữa chốn này, em tính sao?

Gái:

Em gặp người nhu, em hỏi người nhu:

Sao tiền sanh mi, mi đoán,

Hậu sanh tu, tu trường?

Trai:

Tưởng là kinh sử thứ gì!

Chớ hỏi qua những chuyện tu mi cũng thường.

Nhân sinh mao phát đoản trường,

Đối cùng trời đất tất đương kỳ tài.

Lông nheo lại với lông mày,

Để cho bụi rậm ở ngoài khỏi vô.

Chỗ nào lông nhỏ, lông to,

Chỗ nào dài vẫn, chỗ mô có chùng...

Tóc râu lại với lông chân,

Ấy là đủ huyết nhân thân của người.

Việc tu mi anh đã nói rồi,

Anh hỏi em một chút: đất cách trời bao xa?

Cái sao kia mọc lâu, xem sao cũng nhỏ;

Còn mặt trăng kia mới ló, mặt trăng kèn?

Cây Động Đình kia sao non dưới già trên?

Em mà đối đặng cũng nên bạn bầu...

HÁT HUÊ TÌNH

Đi đâu đi đó một mình,

Đứng đây, ta hỏi nữ trinh thế nào?

Thương ta, ta mới bước vào,

Phụng loan kết cánh hòa giao ân tình.

- Nghe lời chú nói thất kinh,

Bông sen tàn, ai cấm lục bình bát xưa!

Con cóc mà mang quốc ai ưa!

Đĩa đeo chân hạc sao cho vừa chú mong.

Chú đừng mong, đừng tưởng, đừng hòng.

Đây ta có xấu cũng con dòng lương gia.

Thà vô duyên ta ở vậy đến già,

Tội tình gì ưng chú, chúng bạn đã cười chê.

Dốt sao dốt nát trăm bề,

Một năm chí tối, cứ giữ nghề ở trai?

- Em đừng khoe sắc khoe tài;

Tốt xinh chi đó, dám chê bai trai cày.

Sử kinh ta nằm trong tay,

Tỷ như ông vua Thuấn lên cây Lịch San.

HÁT BÀI CHÒI

Hát bài chòi cũng như lý là những loại dân ca đã được đưa lên sân khấu trong nhiều kịch bản, được nhân dân miền Nam Trung Bộ rất ưa thích.

Thời xưa bài chòi^[371] là một thứ bài mà nhân dân miền Nam Trung Bộ dùng để vui chơi trong dịp lễ. Cũng gần giống như đánh tổ tôm điểm ngoài Bắc hồi trước Cách mạng tháng Tám, đồng bào ở Quảng Nam, Quảng Ngãi cũng ngồi trên chòi để đánh bài (mỗi rạp có chín chòi: một chòi giữa và tám chòi khác). Người hiệu, mỗi khi rút một con bài ở ống, liền hát lên một câu thai, để mọi người chơi bài trên chòi tự đoán lấy.

Thí dụ câu thai:

Một hai họ nói rằng không,

Dấu chân ai đứng bờ sông hai người?

Hai người cộng lại là bốn chân, tức con bài Tứ cẳng. Về sau những người hiệu rủ nhau đến các chợ, đến các ngã đường, hát những câu thai dài và được quần chúng nhân dân rất hoan nghênh. Những nghệ nhân ấy dần dần lập thành những gánh nhỏ, đi hát khắp thành thị và nông thôn. Đến khi hát tuồng thịnh hành thì điệu hát bài chòi được sử dụng để diễn các sự tích trên sân khấu.

Đi đâu mang sách đi hoài,

Cử nhơn chẳng thấy, tú tài cũng không.

(Nhứt trò)

Còn duyên làm cách làm kiêu,
Hết duyên bí thúì, bầu thiu, ai thềm!

(Nhì bí)

Vợ đôi, chồng một, ra gì!
Mỗi người mỗi bụng ở thì sao nên.

(Ba bụng)

Một hai họ nói rằng không,
Dấu chân ai đứng bờ sông hai người?

(Tứ cẳng)

Lòng thương chị bán thịt heo,
Hai vai gánh nặng, còn đèo móc cân.

(Tứ móc)

Tối đây già gạo ăn chè,
Ai mà không già, ngồi hè trượt ăn.

(Ngũ trượt)

Chú giỏi sao chú chẳng đi thi?
Cứ ăn ở xó bếp lại ngủ khi chuồng trâu.

*Chú ơi! Tôi chẳng ứng đâu,
Trạng không xứng trạng, có hầu cũng uổng công.*

(Lục trạng)

VỀ QUẢNG

Ở Nam Trung Bộ, về là một loại dân ca rất phổ biến. Ở Quảng Nam có lối về, kể những câu thơ về một sự tích, về một việc gì thường xảy ra, có ngụ ý khuyên răn. Thơ đây là truyện dài bằng thơ như truyện *Quý Ngọc, Lâm Sanh – Xuân Nương*, những truyện có tính chất chống đối sự áp bức của chế độ phong kiến, hoặc *Về Chàng Lía* kể sự tích người nông dân có tinh thần bất khuất và quả cảm đã chống lại giai cấp phong kiến thống trị và đã hy sinh anh dũng.

Sau đây là một đoạn về mở đầu truyện *Quý Ngọc*:

*Có người ở phủ Bình Hoa,
Nàng mười hai tuổi tên là Thoại Nương.
Mẹ cha sớm định tảo khang,
Chồng thời Quý Ngọc theo đường sử kinh.
Ở nhà giữ tấm lòng trinh,
Nuôi mẹ trọn hiếu trọn tình thảo ngay.
Đêm thời dấm bóp chân tay,
Để cho mẹ ngủ mê say đêm trường.*

Nàng bèn ngồi ghé thành giường,
Chiêm bao mộng mị phi thường lạ thay.
Chập chờn cơn tỉnh, cơn say,
Thấy rồng đánh dạ, chân tay bàng hoàng.
Thoại Nường nước mắt chứa chan,
Sợ chồng, sợ mẹ, chẳng an tắc lòng.
Tan sương, trời mới hừng đông,
Mụ bà xem thấy trong lòng khả nghi:
- Con này sắc mặt dị kỳ,
Đem lòng đổi dạ, vậy thì với ai?
Cho nên mày đã mang thai,
Lấy ai mày phải cung khai rõ ràng...

.....

(Tiếp theo truyện Thoại Nường bị mẹ chồng đuổi ra khỏi nhà. Thoại Nường đi lang thang vào rừng, rồi sau khi sinh con và được thần hổ công cả hai mẹ con về hang nuôi nấng. Một hôm thần hổ xuống núi, đến phủ Bình Hoa tìm mụ mẹ chồng ác nghiệt và xé xác mụ. Cũng chính ngày hôm ấy là ngày Quý Ngọc đổ trạng về vinh quy. Sau đó thần hổ đưa Thoại Nường và con nàng về đoàn tụ với Quý Ngọc).

*

Sau đây là mấy đoạn trong truyện *Lâm Sanh – Xuân Nường*, nói về cảnh mẹ chồng nàng dâu:

Xưa kia tại quận Châu Thai,

Có ông Lâm Phụng tuổi rày tri thiên.

Là quan tổng trấn điện tiền,

Thanh liêm rất mực, nhân hiền ai đương!

Vợ người ác độc không lường,

Tên là Lý Thị, lòng thường gian manh.

Sinh trai tên gọi Lâm Sanh,

Nghề văn nghiệp võ tập tành rất tinh.

Ông Lâm Phụng chết, hết tang, Lý Thị hỏi vợ cho con trai: người vợ Lâm Sanh là Xuân Nường, con gái một ông già đồn củi:

... Ba năm tang phục mãn kỳ,

Phu nhân khi ấy kịp thì tính toán.

Nghe rằng ở chốn Lãnh trang,

Có con tiều lão dung nhan mặt mà.

Tiếng lành đồn khắp gần xa,

Tuổi vừa đôi tám tên là Xuân Nường.

Muốn con xong việc cang thường,

Cậy người mai mối, kết đàn xui gia.

Về làm dâu, Xuân Nường chỉ những hầu hạ mẹ chồng và bị mẹ chồng hành hạ đến điều:

Cảm thương Xuân thị ôm lòng,

Làm dâu tính lại đã ròng ba năm.

Tối thì trải chiếu, giăng mùng,

Ngày thì trà, cháo, một mình lo toan.

Đương khi mẹ ngủ trong mùng,

Nàng thì cầm quạt, quạt mà lấy hơi.

Ba năm nhan sắc chẳng tươi,

Cơm ăn chẳng động, mình gầy giờ xương...

Đến khi Lâm Sanh, chồng của Xuân Nường, cách ba năm mới về thăm vợ thì thấy vợ ở trong cảnh rất thảm thương, nhưng chàng cũng không dám hé răng với mẹ một lời:

... Từ mẹ cưới em về nhà,

Hơn ba năm chầy mới gặp nhau đây.

Trời ơi đất hỡi, có hay!

Vợ chồng phân cách đêm ngày thảm thương.

Rồi một ngày, Lý Thị đánh chết Xuân Nường. Mẹ chồng giết chết nàng dâu, nhưng nhờ có tiền bạc đút lót bọn quan lại, Lý Thị được vô can. “Nói về” về truyện *Lâm Sanh – Xuân Nường*, nhân dân đã kịch chế độ phong kiến, một chế độ tàn bạo, coi con người như giống vật.

[369] Bài này để nguyên tiếng đẽm và điệp khúc.

[370] Phù Mỹ và Bồng Sơn thuộc Bình Định.

[371] Bài chòi ban đầu chỉ là một hình thức giải trí. Một cỗ bài gồm 30 cây, mỗi cây có một tên riêng (như Nhứt trò, Nhì nghèo, Tam quang, Tứ căng, Ngũ trượt, Lục trang, v.v...).

11. DÂN CA NAM BỘ

Dân ca Nam Bộ gồm những điệu: *lý, hò, hát* và *nói*. Các điệu *lý, hò, hát* đều dựa vào ca dao, còn điệu *nói* là điệu kể chuyện, như “nói thơ Bạch Viên Tôn Các”, “nói thơ Lục Vân Tiên”, v.v... Những bài dân ca Nam Bộ thường ngắn, nhưng hát lên thành khúc được là nhờ ở những câu láy lại khá nhiều. Từ ngày hát cải lương phát triển ở Nam Bộ, những điệu *lý* như *lý hành vân, lý giao duyên* mới được đưa lên sân khấu. *Lý Nam Bộ* có một điểm giống hát quan họ Bắc Ninh là khi cần thiết thì lời nhường chỗ hẳn cho tiếng nhạc. Thí dụ “*Lý bông lựu*”, có những câu như sau:

...Đố nàng bóng mấy bóng đa...

...Xự xang xự xự xang xê xang xê cồng hồ...

Điệu *hò* cũng gần giống các điệu *hò* ở các miền Trung và Bắc: một người xướng và một số người khác *hò* theo. Còn *hát Nam Bộ* là những điệu hát *hò khoan, hát đối, hát ru em, hát giã gạo*, v.v... người ta hát trong khi lao động và cả những lúc nghỉ ngơi.

Lý, hò và *hát* đều nói lên mối tình yêu đương thắm thiết của nam nữ thanh niên; tính chất trữ tình của nó khá rõ rệt. Riêng có điệu *nói Nam Bộ* là một điệu kể chuyện xưa, nội dung nặng về chủ nghĩa nhân đạo.

LÝ CÂY CHANH

Xăm xăm bước tới,

Chanh cây tình, chanh lăm tình le ơi!

Chanh cây tình, chanh lăm tình le ơi!

Muốn bẻ sợi nhành gai chông tình gai lăm tình le ơi muốn bẻ sợi.

Nhành gai chông tình gai...

BẮC KIM THANG

Bắc kim thang cà lan bí rợ,

Cột bên kèo, là kèo bên cột.

Chú bán dầu qua cầu mà té,

Chú bán ếch ở lại làm chi?

Con le le đánh trống thổi kèn:

Con bìm bịp thổi kèn tí te tò te!

LÝ CÁI PHẪNG^[372]

Chú kia vác phảng cái đi đâu?

Chú kia vác phảng cái đi đâu?

Phảng mua, phảng mượn ơ ơ phảng nhà tôi cái mà của tôi, bớ nàng ôi.

Bớ nàng ôi! Có chồng chưa? Giúp tình thương...

LÝ NGỰA Ô

Ngựa ô anh thắng kiệu vàng,

Anh tra khớp bạc,

Lục lạc đồng đen,

Búp sen lá rậm,

Dây cương đằm thắm,

Cán roi anh bịt đồng,

Anh đưa nàng về dinh...

LÝ KÉO CHÀI

Gió lên rồi, căng buồm cho sướng,

Gác chèo lên, ta nướng khô khoai^[373].

Nhậu cho tiêu hết mấy chai,

Bỏ ghe nghiêng ngửa không ai chống chèo.

LÝ CHIM CHUYỀN

Chim chuyền cành ớt lú lo,

Sầu ai nên nỗi ốm o gầy mòn.

HÒ

Hò (ơ) hò (ơ) hớ hờ lười vông khôi khôi mù sương qua chẳng lọt,

*Trai nam nhân anh đây không ham lời ngon tiếng ngọt mà em gặt gẫm
trai hiền.*

Hò (ơ hơ). Hò ơ hơ hớ lơ...

*Trai nam nhân anh đây không thấy em nhiều bạc, nhiều tiền mà anh ham
ơ ơ.*

*

Ơ ơ ơ con cá đối nằm trên cỏi đá,

Con chim đa đa đậu nhánh lá đa.

Ơ ơ ơ chồng gần sao em không lấy mà đi lấy chồng ơ xa...

Ơ ơ ơ mai sau cha yếu mẹ già,

Bát cơm trách cá ơ ơ, cái chén trà ai ơ dưng ơ...

*

Mặt trời vừa lặn, mặt trăng vừa chói,

Đứng bên ấy để anh hỏi đôi lời:

Tình này, lòng nọ đôi nơi,

Muốn cùng gá nghĩa trọn đời được chăng?

*

Miêu thần gà gáy tiếng đôi,

*Trông bầu trông đứng trông ngời,
Trông người có nghĩa, bồi hồi lá gan!*

*

*Anh ngó lên trời thấy đám mây bạch,
Anh ngó xuống lòng lạch thấy con cá chạch đỏ đuôi.
Nước chảy xuôi, con cá xuôi lội ngược,
Anh mắng thương nàng biết được hay không?*

*

*Em là phận gái ở đồng,
Làm ăn lam lũ, em không lượt là,
Phấn son chẳng có trong nhà,
Trồng bông em dệt vải ta em xài.*

*

*Mịt mịt mây bay khói tỏa,
Em ngồi trông anh, mây ra từng chòm.
Anh ơi! Anh có vợ rồi, lấy tay che mặt, đừng ngó, đừng dòm tới em!*

HÁT ĐỐI GÒ CÔNG

Ở cây mà đa (hỏi) làm sao ở kia?

Làm vậy vàng bạn ơi.

Cây đa Bình Đông, cây đa Bình Tây, cây đa xóm Cui, cây đa chợ Đuối.

Năm bảy cây đa tàn,

Trát quan trên gửi giấy xuống làng:

Cấm điểm, cấm đàn, cấm tưng tam tựu ngũ,

Cấm đủ phu thê, cấm không cho trai dựa gái kề.

Để cho người cũ, ở để cho người cũ trở về với duyên xưa, đó bố mà em!

HÁT GIÃ GẠO^[374]

Bước vô (đôi một) cối gạo (một một hai) đổ đầy (hai đôi hài) hò chơi (đôi hai ba) đôi cối (ba đôi bà) sao gá gầy (đôi ba tư) lương duyên (bốn đôi bồn) dừa tre (đôi bốn năm). Nó đỏ (năm đôi năm) cũng nhờ ơn (đôi năm sáu). Tôi với mình (sáu đôi sáu) mới gặp (đôi sáu bảy) cũng nhờ ơn (bảy đôi bảy) Phật Trời (đôi bảy tám) ở chi (tám đôi tám) cách biển (đôi tám chín) xa trời (đôi chín mười) bố nghĩa ơi (có tôi đây). Mười mười rồi, một mười rồi. Hò khoan đôi một hò khoan...

HÁT HÒ KHOAN

A là khoan ố khoan a,

Ô rô tía, bạc hà cũng tía... (á là phàn a).

Ngọn lang giâm, ngọn mía cũng giâm (á là phàn a)

Anh thấy em tốt mã anh lắm (á là phàn a)

Bây giờ anh rõ lại (á là phàn a)

Vàng cầm là anh cũng buông (là khoan hò khoan).

HÁT RU VÀ HÁT HUÊ TÌNH

Gió mùa thu mẹ ru con ngủ

Đêm năm canh chày mẹ thức đủ vừa năm.

Gió mùa hè, ai dè bạc phận,

Chớ mấy con trăng này thời vận đảo điên.

*

Khoan khoan buông áo em ra,

Để em đi bán, kẻ hoa em tàn.

- Hoa tàn mặc kệ hoa tàn,

Mấy thuở gặp nàng, nàng biểu buông ra.

*

Đêm năm tơ tưởng tơ tơ,

Chiêm bao thấy bận, dậy rờ chiếu không.

*

*Đường trường nước chảy như reo,
Thương em chẳng nệ mái chèo ngược xuôi.*

*

*Cúc mọc dưới sông kêu rằng cúc thủy,
Sài Gòn xa, chợ Mỹ cũng xa.
Gởi thơ thăm hết nỗi nhà,
Trước thăm ba má, sau là thăm em.
Này bạn lan ơi! Trăng sáng cả bên thềm.*

*

*Đèn nào cao bằng đèn Ông Chánh
Bánh nào trắng bằng bánh bò bông.
Anh thương em từ thuở má hồng,
Bây giờ em lớn, lấy chồng bỏ anh!*

*

*Nước ròng chảy tới Nam Vang,
Làm thơ để lại em khoan lấy chồng.
- Tay bưng chậu cúc năm bông,*

Chờ anh chẳng dặng em trông xuống đây.

*

Yêu nhau anh muốn lại gần,

Cầu không tay vịn, anh cũng lần anh đi.

*

Nước chảy riu riu, lộc bình^[375] trôi riu rít,

Anh thấy em nhỏ xíu, anh thương.

[372] Một thứ dao lưỡi dài, dùng để phát những cây cỏ cao ở cánh đồng.

[373] Cá khoai.

[374] Theo nhịp giã gạo, một người đệm, một người hát.

[375] Lộc bình: bèo Nhật Bản.

12. VÈ

Vè là một loại dân ca rất phổ biến ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Như tên của nó, vè là một lối kể “vần vè” về một việc gì, một chuyện gì, cho nên thể vè là một thể tự sự. Khi muốn kể các thứ cây, các thứ quả, một giai thoại hay một việc gì mới xảy ra có hại đến phong hóa, nhân dân hay làm vè. Khi trong làng có một việc mà quần chúng nhân dân cho là xấu, người ta thấy ngay bài vè dán ở cửa đình và thấy trẻ con hát. Đó là một thứ “thanh nghị”, một dư luận xác đáng của nhân dân, được tác giả vô danh biểu hiện bằng những câu vè, làm cho những kẻ “có tật phải giật mình” và phải lo sửa chữa. Ở Hà Nội xưa kia, cũng có những bài vè được truyền tụng, như “Vè cô Lạng”, “Vè cô Nghi”, chỉ trích mấy gia đình phong kiến quan liêu sống xa hoa đàn đấm, con gái ra vẻ “con nhà gia thế” nhưng đã “có chồng mà lại chơi hoang”.

Thể vè thường là thể bốn chữ, một loại thể rất cũ, có khi tám chữ (phân ra thì cũng là bốn chữ) có khi là thể lục bát hay song thất; tóm lại, toàn là hình thức văn học dân tộc. Thí dụ:

Ve vè vè vè,

Đặt vè con ở,

Khó ăn khó ở,

Nó bỏ nó về,

Mày ở với tao,

Việc gì mà ngại!

Có con trâu cái,

Tao bán đi rồi.

Về thì về!

Tao thuê đứa khác,

Chúa thuê chẳng được,

Lại đến đồ dành:

Cơm nguội đầy nồi,

Cắt cỏ, ăn no...

VỀ TRÁI CÂY

Nghe vẻ nghe ve, nghe về trái cây:

Dây ở trên mây là trái đậu rồng,

Có vợ có chồng là trái đu đủ.

Chặt ra nhiều mủ là trái mít ướ^[376]**

Hình tựa gà xước^[377]*, vốn thiệt trái thơm*^[378]*,*

Cái đầu chơm bươm, thiệt là bắp nấu.

Hình thù xấu xấu, trái cà dái dê,

Ngựa mà gãi mê là trái mắt mèo.

Khoanh tay lo nghèo là trái bần ổi,

Sông sâu chẳng lội là trái măng cầu^[379],

Chẳng thấy nàng dâu, thật là trái cách.

Trong ruột ọc ạch, vốn thiệt dứa xiêm,

Hễ chín thâm kim, chuối già, chuối sứ.

Tùng tam tụ tứ là trái dưa gang.

Vốn ở miền Nam là trái bí rợ^[380].

Mẹ sai đi chợ, vốn thiệt trái dâu.

Ở nước ao sâu là trái bông súng.

Chẳng nên lễ cúng, vốn thiệt trái sung.

Nhỏ mà cay lung, thiệt là ớt hiểm.

Đánh túc cầu liêm, vốn thiệt trái me.

Nặng mà chẳng che, là trái rau mát.

Rủ nhau chà xát, vốn thiệt trái chanh.

Nhỏ mà làm anh, trái đào lộn hột.

Ăn mà chẳng lột, vốn thiệt trái tiêu.

Thối nghe ú liêu, là trái cóc kèn,
Rủ nhau đi rên là trái đậu rựa.
Đua nhau chọn lựa là trái dành dành.
Cam ngọt, cam sành, chuối già, chuối sứ.
Nhưng chi lịch sự bằng táo với hồng.
Những gái chưa chồng muốn ăn mua lấy.

VỀ CON CÁ

No lòng phỉ dạ là con cá cơm.
Không ướp mà thơm là con cá ngát.
Liệng bay thắm thoát là con cá chim.
Hụt căng chết chìm là con cá đuối.
Lớn năm, nhiều tuổi là cá bạc đầu.
Đủ chữ xướng câu là con cá đối.
Nở mai, tàn tối là cá vá hai.
Trắng muốt bệu da là cá út thịt.
Dài lưng hẹp kích là cá lòng tong.
Ốm yếu hình dong là con cá nhái,

Thiệt như lời vái là con cá linh...

VỀ ĐÁNH BẠC

Nghe vè nghe ve, nghe vè bài tới,

Cơm chưa kịp bới, trâu chưa kịp tằm...

Tôi đánh một đêm, thua ba tiền rưởi,

Về nhà chồng chửi, thằng Móc thằng Quăn,

Đánh sao không ăn, mà thua lắm bấy?

Tôi lấy tiền cấy, cho đủ mười ngày.

Bảy thưa bảy dầy, cùng là ngạt kéo,

Chị em khéo léo, dễ mượn dễ vay,

Thân tôi ngày rày, dầm sương dãi nắng.

Chị em có mắng, tôi cũng ngồi đây.

Nó là tuồng dầy, nó cũng a dua.

Ăn thì tôi dùa^[381], thua thì tôi chạy.

VỀ CHÚC THỌ TỰ ĐỨC 50 TUỔI^[382]

Mượn ai về nhắn với ông vua,

Mới năm mươi tuổi đã toan đua cổ Bành.

Đâu phải những trẻ ranh,

Mà lo chết non, chết yếu?

Mà sợ chết già, chết yếu?

Xưa Càn Long và bọ (bố) Thiệu

Đã tích đức cao dày,

Sinh ra vua ta nay,

Sống cai nhai rứa mãi,

Sống cài nhài rứa mãi.

Mẹ vua đau năm ngoái,

Năm ni đã lành rồi,

Sinh ra vua hiếm hoi,

Cũng da mồi, tóc bạc.

Đã da mồi tóc bạc.

Vua yên vì trị nước,

Tuổi một lâu một dài,

Già càng dẻo càng dai,

Chưa có con, lại có,

Chi... ra rồi lại có.

Có bà hoàng hậu Võ^[383].

Khéo sửa túi nâng khăn,

Khéo thuốc uống, cơm ăn,

Nên vua ta béo bạo,

Nên vua ngài béo bạo.

Ngài no cơm ấm áo,

Ngài không ốm, không đau.

Núi Bình Lĩnh còn cao,

Sông Hương Thủy còn sâu,

Chúc vua ta muôn tuổi.

Một chúc vua gặp hội,

Ngôi yên trị một bề,

Rồi sáu tỉnh đem về^[384].

Nguyên hoàn nguyên như trước,

Nguyên lại hoàn như trước...

Hai chúc vua đẹp được,

Từ Gia Định, Bắc Kỳ,
Ai giặc giã mọi khi,
Đều kinh vua một phép,
Sợ uy ngài một phép...
Ba chúc vua đánh dẹp,
Tây lại trở về Tây.
Rồi làng cụ, làng thầy,
Thôi nhà chung đi cả.
Thôi đạo đường đi cả^[385].
Bốn chúc vua lăm của,
Trong nội chí ngoài đồng,
Không bạc lặc hoàng sùng
Thuế đồng niên không thiếu.
Thuế nạp trường không thiếu.
Năm chúc vua lính bạo
Từ tỉnh Bắc, tỉnh Đoài,
Hàng ức vạn con người,

Không anh mô trốn tránh,

Nỏ bác nào trốn tránh.

Sáu chúc vua, học chánh,

Phường tai thánh, mắt hiền

Phường chữ nghĩa bút nghiên,

Đi khoa mô cũng đỗ,

Đi khoa nào cũng đỗ.

Bảy chúc vua lục Bộ,

Quan trong chí quan ngoài.

Ông mô cũng hăn hoi,

Không ông mô hư hốt,

Nỏ cụ nào hư hốt^[386].

Tám chúc vua nhà tốt,

Chạm đầu phượng đuôi ly,

Không mỗi mọt ăn chi.

Không gian mô thối nát^[387].

Nỏ chiếc nào thối nát.

Chín chúc vua bánh bát,

Có mụ nhất, mụ nhì.

Cưới thêm một đôi dì,

Không o mô cãi cưỡng.

Nỏ dì nào cãi cưỡng.

Có chín điều sung sướng.

Xin chúc hộ vua tôi,

Ăn no, đánh ngã nôi.

Cho dân yên một phận,

Cho dân nhờ một phận.

Xin vua đừng có giận,

Trò dân đại dân ngu,

Gửi lời về chúc thọ thiên thu...[\[388\]](#).

VỀ ĐI Ở

Tóc quăn chải lược đòi mồi,

Chải đứng chải ngồi, quăn hãy hoàn quăn.

Nên thì tố ở tố ăn,

Không nên tố già đầu quăn tố về!

Tháng năm công việc ê hề,

Thằng ở ra về, chủ nhà cười trâu.

Giã ơn chúng bạn chẵn trâu,

Tố về đồng bãi, hái dâu chẵn tằm.

Tố ở chưa được nửa năm,

Chủ nhà mắng tố, tố năm không yên.

Tố ở thì tố lấy tiền,

Làm chi thiếu nã, làm phiền tố thay!

Chửa sáng, dắt trâu đi cày,

Dọn bờ cuốc góc, nửa ngày chưa tha:

“Bờ lớn con hãy cuốc ra,

Bờ bé đắp lại cho bà, con ơi!”

Việc làm khắp chốn cùng nơi,

Giục đi cắt cỏ, vai tôi đã mòn!

Đi thì lội suối trèo non,

Cắt được gánh cỏ, đã mòn đôi vai!

Về nhà xay đỗ, cạo khoai,
Xay thóc giã gạo, canh hai chưa nấu.

Gà kia mày gáy chiều dăm,
Để chủ tao nấu, tao ngủ chút nao!

“Bờ chuôm cho chí bờ ao,
Mướn được thằng ở, nhẽ nào, con ơi!”

Chúa ăn, rồi chúa lại ngồi,
Bắt thằng con ở dọn nồi, dọn niêu.

Ngày trước còn khí yêu yêu,
Về sau chửi mắng, ra chiều tổn cơm.

Trước kia còn để cho đơm,
Sau thì giật lấy: “Tao đơm cho mày!”

Tôi đơm một đũa thì đây,
Chúa đơm ba đũa chẳng đầy xung quanh^[389].

Thằng ở câu được con cá mè ranh,
Nạc chúa ăn hết, để dành xương cho.

Chúa giai là chúa hay lo,

Đêm năm cắt việc ra cho mà làm.

Chúa gái là chúa ăn tham,

Đồng quà tấm bánh dứt nơm trong buồng.

Ăn rồi chết nứt chết trương!

Chẳng nhớ thằng ở, chẳng thương con đòi.

Ba năm cho được cái khố lụa chồi^[390].

Đầu bằng chiếc đĩa, cái đuôi thần lẩn.

Ra đường chẳng dám ở trần,

Thấy chúng thấy bạn, hổ thân hổ đời!

Mẹ tôi sinh một mình tôi.

Tôi ở nhà người chịu đặng chịu cay,

Đặng cay thì mặc đặng cay

Tôi ở năm ngoái, năm nay tôi về.

Giã ơn cái rổ, cái sề,

Tao chẳng ở nữa, tao về nhà tao.

Giã ơn cái cộc cầu ao,

Nửa đêm gà gáy, có tao có mày^[391].

VỀ ĐI LÍNH

Làng trạch^[392] đi lính, anh ôi!

Đêm nằm nghĩ lại, khúc nhôi đoạn trường.

Sáng dậy ra thưa làng,

Lính anh đi không được.

Việc quan làng nước,

Làng đã đặt lên cho.

Phải cúi đầu mà lo,

Phải cúi đầu mà gánh.

Vác gươm đi đánh,

Đánh giữa ngàn xanh.

Giặc giã xung quanh,

Giữ^[393], đã đen chưa chú!

.....

Hàng quyền hàng đội,

Gánh gạo kêu van,

Đi trước cửa quan,

Người dừng chân đứng lại.

Các quan nghĩ lại,

Mà thương lấy dân.

Tiếng đồn Phú Xuân,

Rày kém cơm, kém gạo.

.....

Giữ mặt mũi khó khăn,

Thương chồng con lính tráng.

Trông cho mau tháng,

Rồi trông cho mau ngày.

Trông cho anh về đây,

Để cho em xáp mặt^[394].

Trông cho đến mùa gặt,

Rồi trông lại mùa thu,

Trông cho con dặt mũi tru^[395],

Khóc cha hời, mẹ hời!

Khóc cha hời, mẹ hời!

(Hát giặm về Nghệ - Tĩnh)

VỀ CHỒNG CHUNG

Chồng chung khó lắm ai ơi!

Ai bước chân vô đó,

Không ăn ngồi được mô!

Quyền bán với quyền mua,

Thời là em không có.

Đâm gạo với xay lúa,

Thời là em đã có phần,

Đập đất với khiêng phân,

Đâm xay, rồi nấu nướng.

.....

Gẫm như bọn người ở,

Chỉ sáu tháng thời thôi^[396],

Cái thân em ở đời,

Hỏi làm sao chịu được?

Chồng sai đi múc nước,

Vợ bảo lấy que tắm.

Trải chiếu toan đi nằm,

Đội dì hai chưa rửa.

Có ba bốn thúng lúa,

Chị chồng đầu chân xay.

Cám em bắc lên đây.

Cơn (cây) rau riu^[397] chưa xắt,

Ngọn rau riu chưa xắt.

Em làm công việc vất,

Vừa đến tối canh ba,

Em vừa ngả mình ra,

Con chim kia vừa kêu,

Con gà rừng vừa gáy.

Chồng em đánh thức dậy,

Biểu nấu cơm đi cày;

Gạo em chưa đâm xay,

Đã soạn gánh gồng cho bà đi chợ.

Một thánđ sáu phiên chợ

Bà cho đi một phiên,

Bà trao cho một tiền,

Bà truyền cho đủ giống,

Bà lại truyền đủ giống;

Mua mười đống thì trứng,

Lại mua mười đống trầu:

Mua mười tám đống cau,

Hai mươi đống thì mỡ.

Lựa còn một chữ,

Tráo lại^[398] hàng vôi

Mua đoạn, bán rồi

Vừa hầu tan buổi chợ

Về đến đầu ngõ,

Con đòi: “Bánh mẹ mô?”

- Chồng riêng tề tồ^[399].

Chồng chung, mẹ nỏ dám mua!

(Hát giặm về Nghệ - Tĩnh)

VỀ LÀM LỄ

Mẹ em ham nơi chức trọng quyền cao,

Em ghé thân vào làm mọn^[400] như con cá vào giỏ giam.

Công chuyện người làm,

Khó chiều em ăn ở,

Cơm một ngày ba bữa,

Em không kịp ngồi đôn.

Ghé cái đội bên lon,

Ăn ba trái cà một miếng.

Tiết mùa thu sang lạnh,

Tiết mùa hạ nắng hồng,

Em không được nằm chung,

Chút hơi ai nặng nhẹ;

Chút hơi chồng nặng nhẹ.

Công em sinh đẻ,

Cũng chín tháng mười ngày.

Giá như đứa sẩy tay,
Khi đang còn thơ ấu;
Lúc hãy còn thơ ấu.
Từ dần chí dậu,
Không kịp đứng, kịp ngồi;
Đập đất vãi chưa rồi,
Khoai tháng tư cỏ mọc;
Lúa đội cồn cỏ mọc.
Một mình em với cuốc,
Ra dàu dãi ngoài đồng,
Trời sấm chớp mưa giông,
Kêu dì hai đống [tượng^{\[401\]}](#);
Gọi dì hai đống tượng.
Thầy mẹ em lại tưởng,
Tưởng bạc nén với tiền chum.
Đưa thịt lại cho hùm,
Không bằng đầy vô đó;

Nỏ^[402] bằng đày vô đó.

Kẻ có con có của,

Không biết nghĩ, biết suy;

Đưa bạc, đồ lộn chì,

Cho thế gian đồn lại;

Cho miệng đời đồn lại.

Kẻ gần nói em đại

Kẻ ngái^[403] nói em lầm.

Em như đứa giả câm,

Em nhắc môi mủm mím;

Em cười ruồi mủm mím.

Con voi to sức nghin^[404],

Còn ẩn bóng chưa ra,

Nghĩ như thân đàn bà,

Nặng đến trưa phải chịu,

Nặng chày sườn phải chịu!

Mẹ em không khéo,

Nỏ biết một đôi điều,
Cảnh chồng ít vợ nhiều,
Sao mà không hay nghĩ!
Sao mà không chịu nghĩ!
Em ăn mâm nan tráng sĩ^[405];
Năm giường ngọc: chân xay;
Kê gối phượng: mỏ chày!
Đắp chăn loan: mền rách!
Đêm em nằm em trách:
Được chồng riêng tên tồ^[406].
Chồng chung khổ lắm, mẹ ôi!

(Hát giặm về Nghệ - Tĩnh)

VỀ GÁI GÓA

Phận mẹ dòng lệch gối nghiêng chẵn.
Đêm đông trường cười^[407] lạnh, biết than rằng cùng ai?
Trách con gái nữ hài,
Gái hồng nhan bạc phận,

Gái mẹ dòng bạc phận,
Em đi dò mấy bận,
Qua truông ải mấy lần,
Truông chưa qua khỏi dò,
Dạ hãy đương trắc trở,
Dạ đương còn trắc trở.
Dịp cầu Ngân đã lỡ,
Ván bắc nỗ nhằm chiều;
Ván sửa lại cũng xiêu.
Mắc lấy đình khó tháo;
Mũ đình cầu khó tháo.
Vợ chồng là đạo,
Tưởng đầu gối tay kề,
Chàng vui thú vườn huê,
Thiếp phòng loan lạnh lẽo;
Bỏ loan phòng lạnh lẽo.
Thương đôi cây đào liễu,

Đoàn măng sữa nậy^[408] lên.

Đào biết đàn đi men,

Liều biết đàn đứng dậy.

Đào thơ thì lại nậy.

Liều yếu, liều lại khôn.

Nụ hoa quế^[409] trên cơn^[410].

Đương đợi chờ sương cười

Nỏ thà đứt đi thì nổi,

Vô sự tiểu thần tiên.

Liền nỏ xong phận liền.

Đứt không đành phận đứt.

Cây trên rừng ai bứt,

Quả đào liều ai vo.

Duyên em rồi như vò,

Nhủ em tươi răng được?

Nhủ em giòn răng được?

Ao bèo khi cạn nước,

Tiếc con cá nằm khô.

Biết chờ đợi khi mô,

Để cho trời vùn vủ!

Hoa tàn lá rũ,

Mặt mũi em âu sầu...

Ôi! Lấy chồng như cười bá ngành dâu^[411]!

(Hát giặm về Nghệ - Tĩnh)

VỀ NGHĨA QUÂN BANG NINH^[412]

HẠ THÀNH HÀ TĨNH

Cầu Ngu, Trung Lễ xưa nay^[413].

Thay trời đổi nước, có anh tài nổi lên

Chợ Mường về Cẩm Xuyên^[414],

Ba tháng rày ngơ ngẩn.

Dân ta cầu khẩn,

Được năm bảy mùa liền.

Văn thân đà nổi lên,

Tây nhập thành tỉnh Nghệ.

Đầu mưu xu kế,
Ai ai cũng như ai,
Nam Bắc với Đông Đoài,
Văn thân đồng một bụng.
Nhà giàu năm bảy thúng.
Bá hộ đôi ba nghìn.
Kéo vô số tiền quyền
Lên đại đồn khởi mộ.
Giữ^[415] ông Bang xuất của^[416];
Mộ hai vệ Trường, Yên^[417];
Đặt một ông tác tiền,
Khen anh tài võ nghệ,
Rành anh tài võ nghệ.
Kéo về làng Trung Lễ,
Phu ứng chức địa đầu.
Thợ rèn, rèn được bấy nhiêu lâu.
Chưa đủ đồ khí giới^[418],

Ai ai mà nỏ (chả) hãì,
Lên trường tập mà coi.
Thiếu lính thời đòi.
Thiếu lương thời lĩnh.
Phu ở ngoài bất tỉnh,
Chỉ tính được một nghìn.
Đường núi Dẻ kéo lên^[419],
Đường Mỹ Xuyên một nửa².
Đóng Đồng Hòa một nửa³.
Đầu canh năm sắp sửa,
Cơm nước đã vừa rồi.
Nghe trống giục ba hồi,
Quan truyền cho các đội;
Quan lại truyền các đội.
Mỹ Xuyên có đội Thoại,
Hữu Chế có đội Xuyên;
Cứ đường đất kéo lên.

Lên đội Chanh, đội Trạch⁴.

.....

Kéo qua xã Hằng Nga,

Kéo vô huyện Thạch Hà

Qua tổng Trung, tổng Đậu.

Trong ba ngày cho thẫu,

Tờ dán khắp cửa thành.

Các hàng quán xung quanh,

Đều chưa ai biết cả,

Chưa người nào biết cả.

Nghe ba tiếng: “Dạ... há”,

Quân rã khắp đường quan,

Ông Bối^[420] đã khôn ngoan,

Đề binh lên chưa kịp,

Lên thượng thành chưa kịp.

Từ phía thành bọc nhíp,

Quân đã lọt vào trong.

Quán lính đã một lòng.
Cờ Cần Vương đỏ chói...
Nghe ba tiếng ống gọi,
Quan lớn xuống tận nơi,
Ba ngựa với hai voi,
Ngọn cờ bay phấp phới;
Bay ngọn cờ phấp phới.
Quan truyền cho các đội,
Cứ yên ả ba ngày,
Ai chơi nhởi mặc ai,
Lương tiền ta cứ lĩnh.
Đặt một quan giữ tỉnh,
Để hai chữ bình yên.
Còn quan lớn trẩy lên,
Lên nhà vua bái mạng.
Lên sơn phòng bái mạng.
Vàng vua thưởng mười lạng.

Rồi quan trở về nhà,
Phá Thọ Ninh cho ra,
Quân Thọ Ninh cũng chịu.
Quân Thọ Tường cũng chịu.
Quân quan Đình thì yếu,
Phó bảng Hạnh bất tề^[421].
Đạo mới viện Tây về,
Quân quan Bang mới chạy;
Quân quan Đình mới chạy.
Từ Yên Hồ sắp lại,
Từ Thịnh Quả, Trường Xuân^[422].
Họ đốt mãi đến Tuần^[423].
Khấp chợ Cầu, kẻ Hạ^[424].
Quân Thọ Ninh sang phá,
Của lấy hết, nhà thiêu,
Vơ vét hết đã nhiều.
Vô thôn Trung^[425] mới phá,

Lên đại đồn mới phá.

Gầm như trong thiên hạ,

Thiếu chi kẻ anh tài,

Không phải mình ta đây,

Xin dân đừng thán oán.

Dân sự đừng thán oán.

Chợ không người buôn bán,

Giữ đại lộ không thông hành.

Từ Hà Nội về Kinh,

Coi chiều như buồn bã;

Mọi nơi đều buồn bã.

Ra giêng hai thông thả,

Quan lớn ngồi hiệp nghị bình quy.

Có phá được đạo đi.

Quan thanh nhàn mát mẻ,

Dân thanh nhàn mát mẻ.

Tây kéo lên tỉnh Nghệ,

Tây bỏ tỉnh Tây lui;
Nước Nam ta thái hời.
Vua ta lên bình trị,
Quan anh hùng bình trị.
Đường quan sơn thiên lý,
Đường biển rộng núi cao.
Dân rày ước mai ao,
Được bốn mùa kế tiếp....
.....

(Hát giặm về Nghệ - Tĩnh)

VỀ “SAI ĐẠO”

Lẳng lẳng mà nghe:
Cái về “sai đạo”^[426],
Danh vi trấp bảo^[427].
Vụ dĩ an dân,
Khâm sai đại thần,
Kéo vô Đà Nẵng.

Tướng, quân đều sẵn:

Tán lý, Tán tương,

Chú Bang, chú Thương.

Chú Đề, chú Lãnh^[428].

Quân ròng tướng mạnh,

Các đạo các cơ,

Đánh trống mở cờ,

Kéo vô tình cũ.

Phân quân vừa đủ,

Phái vãng thượng du^[429].

Thác Cả, Rập Cu^[430].

Đôi đường tấn tiễu.

Nhất thời phương liệu,

Văn miếu đồn binh^[431]:

Ai thấy cũng kinh,

Gọi khâm sai giỏi.

Kêu dân tới hỏi,

Rằng: “Nghĩa đã tan!

Hạnh hoặc tương an.

Thì vị thanh sự”^[432],

Sau lên Phong Thử^[433],

Quân nghĩa tứ vi;

May chẳng hề chi,

Nhờ ba thằng Pháp.

Thâu quân yên^[434] giáp.

Trở lại La Thành^[435].

Từ ấy thất kinh.

Vừa làm vừa sợ

Tướng chi tướng dở.

Vì luyện quân tình,

Chẳng có Tây binh,

E không khỏi chết.

Chước chi cũng hết.

Năm ngoái năm ni^[436].

Làm chẳng ra chi.

Lại thêm ăn bậy.

Lũ quân đi lấy,

Các tướng về chia.

Thôi đã tràn đìa,

Cái chi cũng rách.

Cái quần đã rách,

Cái áo đã xơ.

Cũng giành mà quơ,

Huống chi cái khá.

Kẻ thì đào mả,

Kẻ lại phá nhà,

Những chó, những gà,

Những heo, những vịt.

Bắt mà ăn thịt,

Lại bán lấy tiền.

Đem về Thừa Thiên,

Ngãi, Bình, Quảng Trị,

Thậm vi khả bỉ^[437].

Quân lệnh khâm sai!

Thiên hạ ai ai,

Chớ tin mà mắc.

Thác từ đánh giặc,

Hai ngã bình dân.

Thiên địa quỷ thần,

Nguyên kỳ chiếu giám^[438].

Nói càng thêm thảm,

Chẳng biết làm sao,

Hiệu lệnh đường nào,

Quan gia đến thế?

Hà mưu hà kế?

Hà lự hà tư?

Viện những đồ hư

Để đi ăn giết!

Bộm nào đắc lực,
Tấn trật thăng quan,
Lớn bé một đoàn.
Vô sở bất chí^[439],
Nhân dân dị nghị,
Hồ lạc chi từng^[440].
Sự thế nhật cùng^[441].
Quảng Nam ở lỗ.
Trời làm chi khổ,
Thất đảo bát diên,
Nói lắm cũng phiền,
Như tư như dĩ^[442].

VỀ CON DAO

Nhà anh bất phú, bất bần^[443].
Có con dao đoản^[444] hộ thân thảng ngày.
Con dao anh rày,
Dài vừa năm tấc.

Khi mài đã sắc,
Phá lở rú rừng hoang;
Cũng biện đủ cỗ cho làng,
Cũng no ngày đủ tháng.
Đèn có khêu mới rạng,
Ngọc bất trác, bất thành^[445].
Găm như con dao anh,
Nội trần gian không ai có,
Nội dưới trời không ai có.
Từ khi quan triều thất thủ,
Từ khi Tây, tả lãng loạn.
Dân tan tác lăm than,
Người cầm lòng sao độ^[446]!
Giữ cùng dân đã khổ,
Phải giữ dao làm ăn.
Quan tổng đốc đại thần,
Khiếm gì súng với giáo^[447].

Sự bất quý hồ đạo^[448],

Trị thiên hạ tu tề.

Để con dao tôi ra về,

Cùng vợ con đề huề.

Cũng cửa nhà no ấm,

Con dao tung hoành một trận,

Cũng đủ ngày tháng ngao du,

Cũng nỏ thiếu chi thuốc, trù^[449].

Nước chè xanh thơm ngát,

Nước chè Tàu thơm ngát,

Con dao anh quay một lát,

Bằng rạ phát tối ngày^[450].

Than hai bờ đã đầy,

Còn trong lò đang ứa^[451].

Kẻ đeo rìu, đeo rựa,

Thua dao anh cũng liền liền.

Than anh bán năm tiền,

Than rạ rìu bán bốn rưỡi^[452].

Đám ma cho đến đám cưới.

Đến cả đám lợn nhà,

Cũng mượn con dao ta.

Chẳng sót nhà nào mà kể.

Không cho thì ra tệ,

Nói: cái bụng hẹp hòi.

Cầm lấy con dao rồi,

Chỉ gặt đầu, gặt cổ.

Khen con dao chưa từng chột^[453].

Hỏi: con dao anh rèn

Độ bao nhiêu tiền?

- Con dao tôi rèn

Gia Long trị vì khai sáng^[454].

Sắt tây năm lạng.

Bạc mười nén tiền công.

Con dao tôi sắc vô cùng.

Đánh trăm cây cũng ngã.

Chặt ngàn cây cũng ngã.

Cho nên thiên hạ,

Đều rèn theo kiểu dao này,

Trước dùng việc hằng ngày,

Sau vệ quốc, bình Tây^[455],

Chặt quân thù như chém chuối.

(Hát giặm Nghệ - Tĩnh)

^[376] Mít ứt: là mít mật.

^[377] Gà xức: gà cánh tiên.

^[378] Trái thơm: trái dứa.

^[379] Mãng cầu: quả na.

^[380] Bí rợ: bí ngô.

^[381] Dừa là vợ.

^[382] Một bài vè làm theo điệu dặm Nghệ - Tĩnh.

^[383] Vợ Tự Đức là con Võ Xuân Cầm.

^[384] Theo hòa ước ký ở Sài Gòn giữa triều đình Việt Nam và Pháp, triều đình nhượng đứt cho Pháp sáu tỉnh Nam Kỳ, còn Pháp trả lại những tỉnh thành chúng đã cướp được ở Bắc Kỳ.

[385] Đạo đường tức nhà thờ đạo. Hồi ấy có Giám mục Ngô Gia Hậu ở Nghệ An làm nhiều việc có hại đến quyền lợi của nhân dân.

[386] Chỉ bọn quan lại tham ô.

[387] Thối nát nghĩa là dột nát.

[388] Bài vè này do Đậu Bá Ngung (Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh) sáng tác, phổ biến ở vùng Nghệ Tĩnh.

[389] Có bản không có đoạn trên, chỉ có những câu này trở xuống:

Chó gầy hổ mặt người nuôi,

Tôi gầy hổ mặt chúa tôi chẳng là,

Chúa tôi mang tiếng chúa nhà;

Mượn được con ở khéo là đành hanh;

Rạng ngày đi vớt bèo, được con cá mè ranh;

Chúa ăn hết nạc, để dành xương cho...

[390] Có bản chép:

Mua cho một vận khổ sồi,

Bề ngang chiếc đũa bề dài nửa phân.

Đi đâu chẳng dám cời trần,

Trông thấy chúng bạn, cực thân thay là.

- Ai về nhả nhủ mẹ cha,

Mua khổ, mua áo, ta ra ta về.

[391] Có bản chép: Giã ơn con trâu kéo cày - Tao không ở nữa, ai chăn mày, trâu ơi!

[392] Trách: chọn.

[393] Giừ: bây giờ.

[394] Xáp mặt: gặp mặt.

[395] Tru: trâu.

[396] Ở nông thôn, ở làm mùa thường là sáu tháng.

[397] Rau riú là thứ rau cho lợn ăn.

[398] Tráo lại: là đi trở lại.

[399] Tê tồ: kia mới được.

[400] Làm mọn: làm lễ.

[401] Đổ tượng: đổ phân.

[402] Nỏ là chằng.

[403] Ngái: là xa.

[404] Sức nghin: hơi sức.

[405] Lấy sàng làm mâm.

[406] Tê tồ: kia.

[407] Cười là sương, móc.

[408] Nậy: lớn.

[409] Hoa quế: chỉ con trai.

[410] Cơn là cây.

[411] Cười bá ngành dâu là tầm gửi bám cành dâu.

[412] Tức Lê Ninh, được Hàm Nghi phong làm bang biện quân vụ; ông quê ở Trung Lễ, xã Cổ Ngu, thuộc Đức Thọ (Hà Tĩnh). Ông đã đem quân phối hợp với quân Phan Đình Phùng, đánh Pháp nhiều trận.

[413] Cầu Ngu cũng gọi là Cổ Ngu, một làng thuộc huyện Đức Thọ (Hà Tĩnh).

[414] Đây có lẽ là đội quan Mườing của Phan Đình Phùng.

[415] Giừ: là bây giờ.

[416] Bang Ninh xuất của vào việc Cần Vương.

[417] Yên Trường và Yên Dũng: hai xã thuộc huyện Hưng Nguyên (Nghệ An).

[418] Hồi đầu, Phan Đình Phùng chiêu mộ hết thợ rèn Trung Lang và Văn Trảng vào rừng đúc khí giới.

[419], ² và ³ Đều ở phía tây Đức Thọ.

[420] Tức Lê Đại.

[421] Tức Đình Nguyên Phan Đình Phùng, Phó bảng Võ Nguyễn Hạnh.

[422] Mấy nơi này đều thuộc huyện Đức Thọ.

[423] Gần Linh Cảm.

[424] Đều thuộc Đức Thọ.

[425] Cũng thuộc Đức Thọ.

[426] Sai đạo là đạo binh có khâm sai cầm đầu. Bài này xuất hiện ở Quảng Nam năm 1886, vào lúc nổi lên cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Huệ đứng đầu. Triều đình nhà Nguyễn phái khâm sai Nguyễn Thân hợp với quân Pháp đi đánh dẹp.

[427] “Trấp loạn bảo dân”, nghĩa là dẹp loạn bảo vệ nhân dân, chữ mà bọn phong kiến câu kết với thực dân đã dùng.

[428] Tán lý, Tán tương, Bang biện, Thương biện, Đề đốc, Lãnh binh đều là bọn quan thuộc dưới quyền khâm sai.

[429] Tỉnh cũ là tỉnh thành Quảng Nam. Sau khi chiếm được tỉnh thành, mới bỏ lên đóng ở làng Trung Phước, thuộc huyện Quế Sơn, nên gọi là thượng du.

[430] Thác Cả là tên một khúc sông, Rập Cu là tên một cái đèo. Từ miền dưới lên Trung Phước, đường thủy qua Thác Cả, còn đường bộ qua đèo Rập Cu.

[431] Đạo quân của Nguyễn Thân đóng ở Văn miếu làng La Qua.

[432] Một câu trong tờ của khâm sai gửi về triều đình nhà Nguyễn. Đại ý: Gọi dân đến hỏi thì nói là nghĩa quân tan, được yên cùng nhau là tốt.

[433] Tên một làng ở Quảng Nam.

[434] Yên là nghỉ.

[435] Tỉnh thành Quảng Nam đóng ở La Qua.

[436] Năm 1885 và 1886.

[437] Rất đáng khinh.

[438] Mong soi xét cho.

[439] Không cái gì không làm.

[440] Cáo cầy cũng một bụi, cùng tuồng kẻ cướp hại dân.

[441] Đến lúc cùng thì dân Quảng Nam chỉ còn cách chui xuống lỗ.

[442] Như thế mà thôi!

[443] Bất phú, bất bần: Không giàu cũng không nghèo.

[444] Dao đoản: Dao ngắn.

[445] Ngọc bất trác, bất thành: ngọc không mài, không thành đồ dùng.

[446] Quân xâm lược Pháp và bọn đội lốt tôn giáo phản quốc làm hại nhân dân thì còn ai yên lòng được.

[447] Tây nó cấm nhân dân có vũ khí, còn quan ta thì thiếu gì súng, giáo mà còn đòi thu hồi dao của nhân dân.

[448] Trị dân thì phải lấy đạo đức làm gốc.

[449] Cũng chẳng thiếu gì thuốc và trầu.

[450] Rạ: dao rựa.

[451] Người đốn củi, đốt than nhờ có con dao, nên đã có nhiều than vô kể (ủa: nhiều vô kể).

[452] Dưới triều Nguyễn, một quan có 10 đồng. Đây nói “bốn rưỡi” là bốn tiền rưỡi (45 đồng).

[453] Chộ: thấy.

[454] Ý nói rèn từ lâu lắm.

[455] Giữ nước, đánh giặc Pháp.

13. HÁT RU EM

Loại dân ca này phổ biến khắp trong nước, mỗi miền hát một cách khác nhau, nhưng có chung một phong thái là đều ngân nga, êm dịu. Nội dung những bài hát ru em rất phong phú: có thể là những cảnh vật xinh xinh, những ý nghĩ thơ ngây phù hợp với tuổi nhỏ; có thể là những tình cảm thăm thiết của người phụ nữ biểu lộ trong bài ca, phù hợp với tâm tình người hát; cũng có thể là những tư tưởng đả kích giai cấp phong kiến. Hát ru em đều là những bài ca dao sẵn có, người hát tự thêm những tiếng đệm, tiếng lách và tiếng đưa hơi, tùy theo từng điệu hát ru em của mỗi miền. Hát ru em thường là lục bát thông thường hay lục bát biến thể

Cái ngủ mà ngủ cho lâu,

Mẹ mà đi cấy ruộng sâu chưa về.

Bắt được mười tám, mười chín con trê^[456]

Cầm cổ lôi về cho cái ngủ ăn,

Cái ngủ ăn chẳng hết, để dành đến Tết mừng Ba;

Mèo già ăn trộm, mèo ốm phải đòn,

Mèo con phải vạ, con quạ đứt đuôi;

Con ruồi đứt cánh, đòn gánh có mấu;

Củ ấu có sừng, bánh chưng có lá;

Con cá có vây, ông thầy có sách;
Đào gạch có dao, thợ rào có búa;
Xay lúa có giàng, việc làng có mõ;
Cắt cỏ có liềm, câu liềm có lưỡi;
Cây bưởi có hoa, cây cà có trái;
Con gái có chồng, đàn ông có vợ;
Kẻ chợ có vua, trên chùa có bụi;
Cái bút có ngòi, con voi có quản...

*

Em tôi buồn ngủ buồn nghề,
Buồn ăn cơm nếp cháo kê, thịt gà;
Buồn ăn bánh đúc, bánh đa;
Củ từ, khoai nướng cùng là cháo kê.

*

Em tôi buồn ngủ buồn nghề,
Con tắm đã chín, con dê đã mùi.
Con tắm đã chín, để lại mà nuôi,

Con dê đã mùi, làm thịt em ăn.

*

*Bồng bồng mẹ bế con sang,
Đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo.*

*Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.*

*

*Bồng bồng mà nấu canh tôm,
Ăn vào mát ruột, đến hôm lại bồng.*

*Bồng bồng mà nấu canh khoai,
Ăn vào mát ruột, đến mai lại bồng.*

*

*Bồng bồng nảy lộc ra hoa,
Một đàn vợ lính trẩy ra thăm chồng.*

*Trẩy ra có gánh có gồng
Trẩy ra thăm chồng, bảy bị còn ba.*

- Nào ai nhả nhủ mi ra?

Mi ngồi, mi kể con gà con kê!

Muốn sống muốn tốt thì đưa nhau về;

Việc quan anh chịu một bề cho xong!

*

Ru em, em thét cho muỗi,

Cho mẹ đi chợ mua vôi tằm trầu.

Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu,

Mua cau Nam Phổ, mua trầu chợ Dinh.

*

Ru hơi, ru hơi, ru hơi...

Công cha như núi ngất trời,

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông,

Núi cao biển rộng mênh mông,

Cù lao chín chữ ghi lòng, con ơi!

*

Ru hơi, ru hơi, ru hơi...

Làm trai đứng ở trên đời,

Sao cho xứng đáng giống nòi nhà ta.

Ghé vai gánh vác sơn hà,

Sao cho tỏ mặt mới là trượng phu.

*

Ru em, em ngủ cho rồi,

Chị ra buồng củi chị ngồi quay tơ.

Năm nay tơ kén được mùa,

Chị xin thầy mẹ mua cho mấy đồng.

*

Ru em, em hãy nín đi,

Kẻ mà mẹ đánh em thì em đau.

Em đau chị cũng buồn rầu,

Bé mồm bé miệng, kêu đau bây giờ!

*

Ru bông, ru bông, ru bông;

Mẹ ru con ngủ, mẹ đông lên làng.

Giật vay mớ gạo, mớ lang,

Ít nhiều qua bữa, quấy quang qua ngày.

Sinh con gặp phải buổi nay,

Bao giờ mở mắt, mở mày con ơi!

*

Cô Thi, cô Thi,

Cô đang đương thì, cô kẹo với ai?

Cô tú kẻo kệt cô cai,

Vợ chồng thuyền chài kẻo kệt dưới sông.

Mâm cốm kẹo với mâm hồng,

Bát bít, mâm đồng kẻo kệt một nơi.

Mâm thịt kẹo với mâm xôi,

Thịt bùi, xôi dẻo kẹo nơi bà già.

Cùi dừa kẹo với bánh đa,

Cái đĩa thịt gà kẹo với lá chanh.

Nồi cơm kẹo với nồi canh,

Quả bí trên canh kẹo với tôm he.

Bánh rán kẹo với nước chè,

Cô kia cò kè kẹo với ai đây?

Bà cốt kẹo với ông thầy,

Con chim loan phượng kẹo cây ngô đồng.

*

Sáu giờ còn ở Kinh đô,

Chín giờ, xe lửa đã vô cửa Hàn;

Mười giờ bước xuống xà lan,

Bóp bụng mà chịu, nát gan trăm bề.

Bước lên tàu, tàu thối xúp lê,

Khoát khăn kéo lại, bảo em về nuôi con.

Đầu hè có buồng chuối non.

Để dành xáo ghế cho con ăn dần,

Khoai từ, khoai choái, khoai năn,

Còn một vạt bắp trước sân chưa già,

Với hũ sắn lát trong nhà,

Để dành xáo ghế cho qua tháng ngày...

Bớ em ơi!

Ráng mà nuôi con chim chuyền cho biết liệng, biết bay.

Mai sau anh có thác, hẩn giữ cái ngày tiên linh^[457].

[456] Có bản chép: bắt được lũ cá rô, trê.

[457] Bài hát ru em ở Quảng Nam nói về người nông dân Việt Nam bị mộ đi lính sang Pháp hồi Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất (1914-1918).

14. HÁT VUI CHƠI

Loại dân ca này không chỉ riêng trẻ em hát (gọi là đồng dao) mà những khi trông coi con em mình, người lớn hát trước, rồi trẻ em hát theo; hay có khi ru trẻ ngủ, người mẹ hay người chị cũng dùng để hát, tuy vậy những bài trong một ngày không hẳn là những bài hát ru em. Nhiều bài hát chỉ có ý nghĩa là dạy cho con trẻ biết về các thứ cây, các giống vật, các nghề, v.v...; nói tóm lại, nó giống như những bài học thường thức, nhưng lại vần vè và nội dung thường vui, phần nhiều ngộ nghĩnh, làm cho trẻ em thích thú, muốn nghe.

Trong số những bài hát vui chơi của trẻ em, cũng có bài hát biểu hiện tư tưởng của nhân dân chống đối giai cấp thống trị, phản ánh đời sống cơ cực của nhân dân, hoặc tố cáo những thói áp bức, bóc lột của bọn cường hào, địa chủ.

Loại hát này có nhiều điệu mà điệu nào cũng nhịp nhàng vui tươi.

Con công hay múa

Nó múa làm sao?

- Nó rụt cổ vào

Nó xòe cánh ra

Nó đồ cành đa

Nó kêu riu rít

Nó đổ canh mít

Nó kêu: vịt chề!

Nó đổ canh tre

Nó kêu: bè muống!

Nó đổ dưới ruộng

Nó kêu tầm vông

Con công hay múa...

*

Con vôi con voi

Cái vôi đi trước

Hai chân trước đi trước

Hai chân sau đi sau

Còn cái đuôi đi sau rốt

Tôi xin kể nốt

Cái chuyện con voi:

Con vôi con voi...

*

Dung dăng dung dẻ

Dắt trẻ đi chơi

Đến cổng nhà trời

Lạy cậu lạy mợ

Cho cháu về quê

Cho dê đi học

Cho cóc ở nhà

Cho gà bới bếp

Ngồi xếp xuống đây!

*

Thả đĩa ba ba...

Chớ bắt đàn bà,

Phải tội đàn ông.

Cơm trắng như bông,

Gạo tiền như nước,

Đổ mắm đổ muối,

Đổ chuối hạt tiêu.

Đổ niêu nước chè,

Đổ phải nhà nào,

Nhà ấy phải chịu!

*

Nu na nu nống

Cái bống nằm trong

Cái ong nằm ngoài

Củ khoai chấm mật.

Phật ngồi Phật khóc

Con cóc nhảy qua

Con gà ú ụ

Nhà mụ thổi xôi

Nhà tôi nấu chè

Tay xòe chân rứt!

*

Đầu quạ quá giang

Sang sông, về đò...

Cò nhảy gãy cây

Mây leo, bèo trôi...

Ồi xanh, hành bóc...

Róc vỏ, bỏ lòng...

Tôm cong đít vệt,

Sang cãnh nẻ

Bẻ cãnh xanh,

Vết bàn thiên hạ...

*

Con chim sáo sậu

Ăn cơm nhà cậu,

Uống nước nhà cô,

Đánh vỡ bát ngô,

Bà cô phải đền.

*

Ông tiền ông tiên

Ông có đồng tiền,

Ông giắt mái tai,

Ông cài lưng khố,

Ông ra ngoài phố,

Ông mua miếng trầu,

Ông nhai nhóp nhép,

Ông mua mớ tép,

Về ông ăn cơm.

Ông mua bó rơm,

Để về ông thổi.

Ông mua cái chổi,

Về ông quét nhà.

Ông mua con gà,

Về cho ăn thóc.

Ông mua con cóc,

Về thả gặm giường,

Ông mua nén hương,

Về ông cúng cụ.

*

*Lác đác mưa ngâu,
Sình sịch mưa ngâu,
Lá ngâu rụng xuống,
Bông lau phất cờ,
Nước trong xanh lạnh ngắt như tờ,
Một đàn cá lớn nhấp nhô đầu ghềnh.
Kìa ai đứng ở đầu ghềnh?...*

*

*Cái sáo mặc áo em tao
Làm tổ cây cà, làm nhà cây chanh.
Độc canh bờ giếng.
Mỗi miệng thổi kèn.
Hỡi cô trồng sen!
Cho anh hái lá.
Hỡi cô trồng bưởi!
Cho anh hái hoa...*

Một cụm cà là ba cụm lý

Con nhà ông Lý mặc áo tía tô,

Con nhà thằng Ngô mặc áo lang khách,

Hai con chim khách, đánh nhau trên cây.

Hai cái bánh giày, đánh nhau mâm cỗ,

Hai hạt đỗ đánh nổ nồi rang.

Hai con kiến càn đánh nhau lọ mật,

Hai hòn đất đánh vật bờ ao...

Mày tát chuôm tao, tao tát chuôm mày;

Mày đầy rổ cá, tao đầy rổ tôm;

Mày đi chợ Cầu Nôm, tao đi chợ Cầu Dền;

Mày bắt cửa đèn, tao bắt cửa vua;

Mày làm mắm chua, tao làm mắm thính;

Mày con ông Chánh, tao con ông Xã;

Mày là con cả, tao là cái hai;

Mày đội bồ đài, tao đội nón méo;

Mày cầm cái kéo, tao cầm con dao;

Mày làm sao, tao làm vậy.

Mày đi buôn cây, tao đi buôn hồng;

Mày đi lấy chồng, tao đi lấy vợ;

Mày lên kẻ chợ, tao về nhà quê...

*

Bồ cu bồ các,

Tha rác lên cây.

Gió đánh lung lay

Là vua Cao Tổ.

Những người mặt rỗ

Là chú Tiêu Hà.

Tính toán chẳng ra

Là người Tào Tháo.

Đánh bạc cố áo

Là anh Trần Bình.

Hồ khoan, hồ uầy,

Hồ khoan, hồ uầy...

Ăn đã vậy, múa gậy làm sao?

Chân thấp chân cao, mau mau cho chóng

Năng khiếp năng dũng, hữu khuất hữu thân.

Cao Tổ thời nhân, Hạng Vương thời bạo.

Nhân hiền tại mạo, trắng gạo ngon cơm.

Hồ khoan, hồ uỷ,

Hồ khoan, hồ uỷ...

*

Một mẹ già mười ba mẹ trẻ.

Nặn tai, nặn mắt;

Vẽ mặt, mẽ mày;

Dạy khóc, dạy cười;

Dạy ăn, dạy bú;

Dạy lẫy, dạy bò;

Giữ thóp đầu cho trẻ.

Cùng mẹ ăn cũ.

Bà nào khôn khéo dạy con trẻ sờn sờn sác,

Bà nào vụng dạy, xuống biển ăn tôm he, cá mực.

*

Tình tính tang, tang tình tang...

Súng vác vai, hỏa mai tọng nạp,

Gươm tuốt trần, giáo cặp, mộc mang.

Tang tình tang,

Giường cung mà bắn con cò,

Con cóc nó lội, con cò nó bay...

Tang tình tang, tang tình tang...

*

Tháng năm đau máu,

Tháng sáu đau chân,

Tháng tám ngồi dưng.

Ăn cơm giả bữa.

Cơm ăn cơm dỡ,

Mẹ ngỗ đi đâu;

Tắm táp gội đầu,

Đi xem voi ỉa.

*

Thằng Cuội ngồi gốc cây đa,

Để trâu ăn lúa, gọi cha ời ời.

Cha còn cắt cỏ trên trời,

Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên.

Ông thời cầm bút cầm nghiên,

Ông thời cầm tiền^[458] đi chuộc lá đa.

*

Vừa mưa vừa nắng,

Cái cẳng đánh nhau...

Bồ câu ra chữa,

Chốc nữa lại tạnh.

*

Trời mưa, quả dưa vẹo vọ,

Con ốc nằm co,

Con tôm đánh đáo,

Con cò kiếm ăn.

*

Ông giăng, ông giăng,

Xuống chơi với tôi,

Có bầu có bạn,

Có ván cơm xôi,

Có nồi cơm nếp.

Có nếp bánh chưng,

Có lưng hũ rượu...

Có khiêu đánh đu,

Thằng cu vỗ chài,

Bắt trai bỏ giỏ.

Cái đồ ăm em,

Đi xem đánh cá.

Cái rá vo gạo.

Có gáo múc nước.

Có lược chải đầu.

Có trâu cày ruộng,

Có muống thả ao,

Ông sao trên trời.

*

Súc sắc súc sẻ...

Nhà nào còn đèn còn lửa?

Mở cửa cho anh em chúng tôi vào!

Bước lên giường cao, thấy đôi rồng ấp.

Bước xuống giường thấp, thấy đôi rồng châu.

Bước ra đằng sau, thấy nhà ngói lợp.

Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm,

Ông sống một trăm, thêm năm tuổi lẻ,

Vợ ông sinh đẻ, những con tốt lành,

Những con như tranh, những con như rỗi...

*

Châu châu đuổi cái chích chòe,

Cỏ dày đồng nội cản què mồm trâu.

*

Con bò đậu đình cây tre

Con chim chích chòe kéo cày khư khư.

Hòn đá ninh mật cho nhừ,

Khoai lang, củ từ thì bắc cầu ao.

Trời làm một trận mưa rào,

Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô.

Thóc giống đuổi chuột trong bồ,

Đòng đòng cân cần đuổi cò ngoài ao.

*

Bao giờ cho đến tháng ba,

Ếch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng.

Hùm năm cho lợn liếm lông,

Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi.

Năm xôi nuốt trẻ lên mười,

Con gà, be rượu nuốt người lao đao.

Lươn năm cho trúm bò vào,

Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô^[459].

Lúa mạ nhảy lên ăn bò,

Cỏ năn, cỏ lác rình mò bắt trâu.

Gà con đuổi bắt diều hâu,

Chim ri đuổi đánh võ đầu bồ nông.

*

Tùng, tùng, đánh ba tiếng trống...

Sắp quân cho chinh:

Phượng hoàng thống lĩnh,

Bạch hạc hiệp đồng,

Tả chi thì công,

Hữu chi thì sếu.

Giang cao ngất nghểu,

Đi trước tiên phong:

Cả mỏ bồ nông,

Đi sau tiếp hậu.

Sáo đen, sáo sậu,

Ran giục đôi bên;

Chú quạ thông tin,

Dóng dả ba quân,

Đội lươn đi trước,

Một đàn vịt nước,

Chú kết, chú le,

Sắm sửa thuyền bè,

Cho bọn trầy thủy.

Chim chích chim ri,

Bé mọn biết gì,

Ở nhà coi sóc.

Chú cò, chú cốc,

Coi sóc các làng;

Chèo bẻo nở nang,

Bầu cho làm huyện.

Đêm hôm đi tuần,

Phó cho chú vạc;

Chú ngỗng nghếch ngác,

Như thể đàn bà,

Chú vịt, chú gà,

Nhắc vông ông già,

Trèo lên núi triều,

Giặc thấy đã nhiều,

Chạy như cun cú...

*

Bước sang tháng sáu giá chân,

Tháng một năm trần, bức đồ mờ hôi.

Con chuột kéo cày lồi lồi,

Con trâu bốc gạo vào ngòi trong nông.

Vườn rộng thì thả rau rong,

Ao sâu giữa đồng, vãi cải lấy ngồng làm dưa.

Một đàn con bò đi tắm đến trưa,

Một đàn con vịt đi bữa ruộng nương.

Voi kia nằm ở gậm giường,

Cóc đi đánh giặc bốn phương nhọc nhằn.

Chuồn chuồn kia thấy cá liền ăn,

Lợn kia thấy cá nhọc nhằn bay qua.

Trời mưa cho mối bắt gà,

Đòng đòng, cân cân đuổi cò xôn xao.

Lươn nằm cho trúm bò vào,

Một đàn cào cào đuổi đàn cá rô.

Thóc giống đuổi chuột trong bồ,

Một trăm lá mạ đuổi vồ con trâu.

Chim chích cắn cổ diều hâu,

Gà con tha quạ biết đâu mà tìm!

Bong bóng thì chìm, gỏi lim thì nổi.

Đào ao bằng chổi, quét nhà bằng mai.

Hòn đá dẻo dai, hòn xôi rắn chắc.

Gan lợn thì đắng, bồ hòn thì bùi.

Hương hoa thì hôi, nhất thơm thì cú.

Đàn ông to vú, đàn bà rậm râu.

Hay sửa thì trâu, hay cày thì chó...

*

Con gà cục tác lá chanh,

Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi.

Con chó khóc đứng khóc ngồi,

Mẹ ơi, đi chợ mua tôi đồng riềng.

*

Cái cò là cái cò vàng,

Mẹ đi đắp đàn, con ở với ai?

Con ở với bà, bà không có vú,

Con ở với chú, chú là đàn ông.

*

Cóc chết bỏ nhái mỡ côi,

Chẫu ngồi, chẫu khóc: chàng ơi là chàng!

Ễnh ương đánh lệnh đã vang,

Tiền đâu mà trả cho làng, ngóc ơi!

*

*Cái kiến mày đậu cành đào,
Leo phải cành cộc, leo vào leo ra.*

*Cái kiến mày đậu cành đa,
Leo phải cành cộc, leo ra leo vào.*

*

*Con kiến mày ở trong nhà,
Tao đóng cửa lại, mày ra đường nào?*

*Con cá mày ở dưới ao,
Tao tát nước vào, mày chạy đằng mô?*

*

*Cái Bống đi chợ cầu Canh,
Cái Tôm đi trước, Củ hành đi sau.
Con Cua lạch đạch theo hầu,
Cái Chày rơi xuống vỡ đầu con Cua.*

*

*Cá Bống còn ở trong hang,
Cái rau tập tàng còn ở ruộng dâu.*

Ta về ta sắm cần câu,
Câu lấy cá Bống nấu rau tập tàng.

*

Con cò chết rũ trên cây,
Bồ cu mở lịch xem ngày làm ma.
Cà cuống uống rượu la đà,
Bao nhiêu cóc nhái nhảy ra chia phần.
Chào mào thì hát trống quân,
Chim chích mặc quần vác mỗ đi rao^[460].

*

Con chim chích chòe
Nó đậu cành chanh.
Tôi ném hòn sành,
Nó quay lông lốc...
Tôi làm một chốc,
Được ba mâm đầy.
Ông thầy ăn một.

Bà cốt ăn hai.

Cái thủ cái tai,

Tôi đem biếu chúa,

Chúa hỏi: chim gì?

Con chim chích chòe...[\[461\]](#)

*

Chị Xuân đi chợ mùa hè.

Mua cá thu về chợ hãy còn đông.

*

Anh Hường đi chợ Đồng Nai,

Bước qua Bến Nghé, ngồi nhai thịt bò.

*

Vịt chẻ lúa nếp không ăn,

Chuột[\[462\]](#) chẻ nhà trống ra nằm bụi tre.

*

Con mèo xán bẽ[\[463\]](#) nôi rang,

Con chó chạy lại mà mang lấy đòn.

*

*Con mèo mào trèo cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo.*

*

*Con mèo, con mèo, con meo,
Ai dạy mào trèo, mào chẳng dạy tao?
Mắt mi xanh xám như sao,
Móng mi bén ngọt, tiếng ngao dậy trời.*

*

*Con quạ tha lá lợp nhà,
Con cu chẻ lạt, con gà đan phen.*

*

*Con chim mào ở trên cây,
Ta đứng dưới gốc, mào bay đằng nào?*

*

*Gập ghềnh nước chảy qua đèo,
Ngựa xô xuống biển, thuyền chèo lên non.*

*

*Đàn ai khéo gảy tính tình,
Một đàn con cá lặn ghềnh nó nghe...*

*Con cá nó lội so le,
Một đàn con cá lớn nó đê con cá con.*

*

*Lạy trời cho chúa tôi giàu,
Cho tôi hút mỡ, ăn dầu quanh năm.

Lạy trời cho chúa tôi hoang,
Cho tôi mắc võng nghênh ngang giữa nhà.*

*

*Tò vò mà nuôi con nhện,
Ngày sau nó lớn nó quện nhau đi.

Tò vò ngồi khóc tỉ ti.

Nhện ơi! Nhện hỡi! Mày đi đăng nào?*

*

Ai đem con sáo sang sông.

Để cho con sáo sổ lồng sáo bay.

Ai đem con kết vô vườn,

Để cho con kết ăn buồng chuối tiêu?

*

Cái Bống đi chợ cầu Cần,

Thấy ba ông Bụt đang vắn nồi cơm,

Ông thì xới xới, đơm đơm,

Ông thì ngồi dờ nồi cơm chẳng vắn^[464].

*

Gà về bới nát cỏ sân,

Mèo buồn lại chạy kiếm ăn ngô ngoài.

Chó nằm hè gặm vỏ khoai,

Lợn ngồi ủ đất, ngáp hơi gầy gò.

*

Lúa ngô là cậu đậu nành,

Đậu nành là anh dưa chuột,

Dưa chuột là ruột dưa gang,

Dưa gang là nàng dưa hấu,

Dưa hấu là cậu lúa ngô,

Lúa ngô là cậu đậu nành...

*

Rủ nhau lên núi hái chè,

Hái năm ba ngọn, xuống khe ta ngồi,

Ta ngồi ta bắt con ốc lặn,

Bắt con ốc lội, ta đem lên bờ.

Ta đập đánh chát, ta hút đánh chọt,

Ta lên trên ngàn hái năm rau mợ,

Ta lên trên bờ hái lá rau răm.

*

Tí hâu mày liệng cho tròn.

Đến mai ta gả gà con cho mày.

- Gà con ta để ta nuôi,

Đến mai ta gả con chó cụt đuôi cho mày.

*

Vào rừng xem vườn hái hoa,

Xem voi đi guốc, xem gà nhuộm răng.

Xuống sông xem cá đấu roi,

Xem tôm quần thảo, xem trai giở mình...

*

Cái cò mày mổ cái tôm,

Cái tôm quặp lại, lại ôm cái cò.

Cái cò mày mổ cái trai,

Cái trai quặp lại, lại nhai cái cò.

*

Cái cò đi đón cơn mưa,

Tối tăm mờ mịt ai đưa cò về?

Cò về đến gốc cây đề,

Giương cung anh bắn, cò về làm chi?

- Cò về thăm bác thăm dì,

Thăm cô xứ Bắc, thăm dì xứ Đông.

*

Cái bống là cái bống bang,

Ăn cơm bằng sàng, bốc muối bằng vung.

Mẹ giận, mẹ đẩy xuống sông,

Con ra đường biển lấy chồng hôm mai.

[458] Có bản chép: “Thằng Cuội cầm tiền”.

[459] Sau câu này, có nơi hát tiếp:

“Thóc giống đuổi chuột trong bồ,

Đòng đong cân cán đuổi cò ngoài ao”.

Bài ở một trang sau cũng có vài câu giống bài này tùy theo nơi hát.

[460] Cũng nội dung trên đây, ở miền Trung, trẻ em hát:

Con cò mắc giò là chết,

Con quạ mua nếp làm chay.

Con cua đánh trống ba ngày,

Chào mào đội mũ làm thầy đọc văn.

Xóm làng chạy đến lãng xăng,

Mua ba thước vải buộc khăn cho cò.

Ở miền Trung còn có bài:

Con quạ nó ăn tằm bậy tằm bạ nó chết.

Con điều xúc nếp làm chay.

Tu hú đánh trống bảy ngày,

Con bịp nó dậy, nó bày mâm ra.

Con cuốc nó khóc u oa,

Mẹ nó đi chợ đồng xa chưa về...

Vào đến miền Nam, bài ca dao trên đã thay đổi nữa về ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật, nhưng nội dung căn bản không thay đổi:

Con cá lóc nằm trên bụi sặc,

Con cò mắc giò mà chết.

Con quạ mua nếp nằm chay,

Con cu đánh trống ba ngày,

Con ngỗng thức dậy, gọi bày mâm ra.

Con cộc ăn cá nghi nga,

Con chim cà cưỡng phải ra ăn mày.

[\[461\]](#) Cũng bài hát vui chơi trên đây, trẻ em miền Trung hát như sau:

Con chim se sẻ,

Nó đẻ mái tranh.

Tôi vác hòn sành,

Tôi lia chết giã.

Tôi làm bảy mâm,

Tôi đem tôi kính cho thầy một mâm

Thầy hỏi chim chi? v.v...

Và trẻ em miền Nam lại hát như sau:

Con chim mạnh mẽ,

Nó đậu cành chanh,

Tôi vác miếng sành,

Tôi liệng chết giã,

Tôi làm bảy mâm, v.v...

[462] Có bản chép: Chó.

[463] Xán bẽ là ném vỡ.

[464] Ở miền Trung thời xưa trẻ em hát:

Ngó ra ngoài biển mù mù,

Thấy ba ông Phật che dù nấu cơm.

Một ông xách chén đòi cơm.

Hai ông: “Mô Phật, nôi cơm chưa vãn”.

V - TỤC NGŨ CA DAO DÂN CA CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI

Từ lâu đời, các dân tộc Việt Nam đã nhận thấy rằng tuy dòng giống có khác, nhưng cùng chung sống trên một dải đất, cùng có chung những quyền lợi, nên phải thương yêu nhau, đùm bọc lấy nhau, cùng nhau chiến đấu chống thiên tai địch họa, bảo vệ đất nước, bảo vệ tính mạng tài sản của mình:

Bầu ơi thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Nước ta vào số những nước có nạn ngoại xâm nhiều nhất, nên vấn đề đoàn kết dân tộc được đặt lên hàng đầu. Để tập trung vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, chống ngoại xâm, tránh những sự tranh chấp trong nội bộ nhân dân, tránh nội chiến, nhân dân đã có những câu khuyên nhủ nhau:

Khôn ngoan đá đáp người ngoài,

Gà cũng một mẹ chớ hoài đá nhau.

Những cảm nghĩ ấy, cha ông chúng ta truyền từ đời này đến đời khác và đã được thể hiện trong văn học nghệ thuật, nhiều nhất là trong văn học dân gian.

Những truyền thuyết *Lạc Long Quân và Âu Cơ*, *Chín anh em*, *Quả bầu*, *Một gốc nhiều cành*^[465] đều chứng minh các dân tộc Việt Nam đều là con một nhà, đều cùng chung một ông tổ. Những chuyện cổ dân gian này xuất hiện từ thời xa xưa, mang tính chất thô sơ của thời hiện đại, nhưng về ý nghĩa thì rất đẹp. Những chuyện ấy phản ánh trung thực mối tình ruột thịt thắm thiết giữa các dân tộc Việt Nam, không một sức mạnh nào chia cắt được.

Năm 1963, trong khi đế quốc Mỹ chia cắt đất nước ra làm hai miền, chiến tranh đang vào thời kỳ ác liệt, trong bài *Chúc mừng năm mới* của Hồ Chủ tịch đã có những câu:

Nước Việt Nam là một,

Dân tộc Việt Nam là một,

Dù cho sông cạn đá mòn,

Nhân dân Nam, Bắc là con một nhà.

Người nói như vậy là nói lên ý Người và dân, có ý nghĩa về nghìn năm xưa, về ngày nay và về cả mai sau. Ý niệm đất nước là một, dân tộc là một đã bắt nguồn từ những tư tưởng và tình cảm tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam về Tổ quốc, về con người, về sinh hoạt nói chung. Tính tình và phong tục tập quán của mỗi dân tộc chúng ta có những nét *riêng*, *chung*. Nhưng *riêng* là thứ yếu, *chung* mới là quan trọng.

Giữa dân tộc Việt (Kinh) và các dân tộc thiểu số anh em, tục ngữ ca dao có nhiều câu nội dung rất giống nhau, chứng tỏ từ lâu đời đã có sự giao lưu văn hóa và quan hệ mật thiết trong sinh hoạt.

Tục ngữ Thái có câu:

Ngồi dương ăn hoang,

Mỏ vàng cũng cạn.

thì tục ngữ Việt có câu:

Ngồi ăn, núi lở.

Tục ngữ Thái có câu:

Gần nôi thì đen, gần đèn thì sáng.

thì tục ngữ Việt có câu:

Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng.

Tục ngữ Thái có câu:

Nhiều chống càng tốt, nhiều cột càng bền.

thì tục ngữ Việt có câu :

Một cây làm chẳng nên non,

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Tục ngữ Thái có câu:

Chồng mắng thì vợ nhịn lời,

Vợ giận, chồng lại lừa dối làm lành.

thì tục ngữ Việt có câu:

Chồng giận thì vợ bớt lời,

Cơm sôi nhỏ lửa, một đời không khô.

Về kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, tục ngữ Tày có câu:

Ruộng chờ mạ, ruộng kỹ càng tốt,

Mạ chờ ruộng, mạ muộn, chẳng được hạt nào.

Tục ngữ Việt có câu:

Tua rua thì mặc tua rua,

Mạ già, ruộng ngấu, không thua bạn điền.

Ca dao Mường có câu:

Thân em như con từ quy,

Đêm thì họp bạn, ngày thì đi đâu.

thì ca dao Việt cũng có câu:

Thân em như lá đài bi,

Ngày thì dãi nắng, đêm thì dầm sương.

Trong *Tiếng hát làm dâu* của dân tộc Mèo, có câu:

... Con chẳng khóc gì,

*Chỉ khóc vì họ hàng thân thích,
Đem thân con gả quàng gả xiên,
Đến ở đất người cách bao rừng gai.*

Con đi đầy năm, người thân cha chú đến thăm chẳng có một ai!

Ca dao của dân tộc Việt cũng có những câu nói về cảnh người con gái bị cha mẹ ép gả vào nơi không ra gì:

*Đường đi những lách cùng lau,
Cha mẹ tham giàu ép uống riêng con.*

Duyên sao cắc có hồi duyên!

Cầm gương, gương tối, cầm vàng, vàng phai.

Dân ca của dân tộc Vân Kiều về tình yêu nam nữ, có câu:

*Khi lòng dạ đã thương,
Cởi áo đưa cho nhau mặc...*

thì dân ca Việt cũng có câu:

*Yêu nhau cởi áo cho nhau,
Về nhà dỗi mẹ qua cầu, gió bay!*

Nhân dân ở miền núi cũng như ở miền đồng bằng đều có tư tưởng chống giai cấp phong kiến quyết liệt.

Ca dao của dân tộc Việt có câu:

Con quan thì lại làm quan,

Con nhà kẻ khó đốt than tối ngày.

thì ở Tây Bắc cũng có câu ca dao của dân tộc Thái:

Con dân cầm đòn càn,

Con quan được cưỡi ngựa.

*

Con tạo[\[466\]](#) biết chữ làm quan,

Con dân biết chữ cầm đòn càn ăn xin.

Trong kháng chiến chống Pháp, có nhiều cán bộ miền xuôi lên miền ngược để đào tạo tại chỗ, cán bộ giúp nhân dân xóa nạn mù chữ, hướng dẫn sản xuất, gây tình đoàn kết giữa các dân tộc thiểu số, tổ chức dân quân du kích đánh bại quân giặc đi càn quét. Trong dân ca Mường, có bài ca ngợi anh cán bộ người Việt:

...Cụ Hồ cái bụng tốt thay,

Đưa đến chòm này người cán bộ giỏi giang.

Chòm tôi thẳng tám lượt càn,

Dụ được lính về hàng, tránh được tàu bay.

Thêm thân người Xá, người Tày,

Trai gái nên tài, làm cán bộ như anh...

Các dân tộc Việt Nam cùng nhau đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung là một truyền thống từ xa xưa.

Thời Trần, quân Nguyên xâm lược nước ta theo ba đường: đường Quảng Tây – Lạng Sơn, đường Vân Nam – Lào Cai, đường biển vào Nghệ An nhằm tiến ra Thăng Long. Nhiều lần các dân tộc anh em miền núi đã hợp đồng tác chiến với quân đội Việt để chống giặc. Trần Nhật Duật thường liên hệ với các dân tộc thiểu số để đánh quân Nguyên. Thổ hào ở Lạng Giang (tức Lạng Sơn bây giờ) là Nguyễn Thế Lộc và Nguyễn Lãnh đã đánh quân Nguyên ở trại Ma Lục.

Thời Lê Lợi chống quân xâm lược nhà Minh, thổ ty Bế Thuấn ở Lạng Sơn đã cùng quân đội Việt đánh đuổi quân giặc. Xa Khả Sâm ở Mộc Châu cùng các con đều làm tướng trong quân đội Việt.

Trong các cuộc khởi nghĩa chống Pháp đều có các dân tộc thiểu số anh em tham gia. Hà Văn Mao, Cầm Bá Thước đã đem quân giúp Đinh Công Tráng trong cuộc khởi nghĩa Ba Đình. Trong cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh, Tống Duy Tân cũng được Cầm Bá Thước giúp sức. Hoàng Hoa Thám chống Pháp được gần ba mươi năm ở Yên Thế, cũng là do Hoàng đã biết dựa vào đồng bào miền núi. Rồi đến Cách mạng tháng Tám, trước ngày Tổng khởi nghĩa và trong thời kháng chiến chống Pháp, căn cứ địa của Cách mạng cũng ở Việt Bắc, ở giữa đồng bào thiểu số.

Đối với đế quốc, trong tục ngữ ca dao của chúng ta ở miền xuôi đã có những tiếng phản kháng của giai cấp công nhân Việt Nam từ trước Cách mạng, còn tục ngữ ca dao của đồng bào miền núi khi nói đến thực dân Pháp đều là những bài biểu lộ tư tưởng chống xâm lược, chống sự cướp phá, càn

quét của quân đội thực dân Pháp trong thời kỳ kháng chiến 1946-1954 ở các miền Tây Bắc và Đông Bắc.

Trong khi quân đội thực dân Pháp còn chiếm đóng ở Tây Bắc, binh sĩ Thái thường hát một bài cho cụ Hom nghe ở vùng Mường Muối thuộc Luân Châu. Bài ca ấy có đoạn như sau:

Em kêu trời cổ khan,

Chết không biết lúc nào!

Vợ chồng, bố mẹ chết cũng không biết!

Anh vừa thổi chín nồi cơm, súng giặc bắn chết!

Em ở nhà chỉ khóc...

Anh em ta ở với nhau cho tốt, để cùng bắn chúng nó.

Ở vùng tạm chiếm trong lòng địch, sống chết không còn biết lúc nào; người thiếu phụ thương cảm về chồng chị bị giặc giết, chị khóc than, nhưng chị không tiêu cực, chị nghĩ cần phải đoàn kết với nhau hơn nữa, để tiêu diệt kẻ thù chung. Tư tưởng đoàn kết của đồng bào miền núi còn biểu hiện ở nhiều câu như :

- *Nhiều chống càng tốt, nhiều cột càng bền.*

- *Nhiều người thì sống, mống người thì chết.*

- *Hợp nhau người nể nang,*

Lìa tan người khinh thị.

Trong thời kháng chiến vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trên đất nước Việt Nam thân yêu, nhân dân miền núi cũng như nhân dân miền đồng bằng đều đã thấm nhuần ý nghĩa đoàn kết đấu tranh, và cũng nhờ sự giáo dục cao quý ấy, quân dân ta đã nhất trí thi đua giết giặc, cứu nước.

Đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc, đồng bào Mường đã nói lên lòng kính mến và lòng tin tưởng không bờ bến như sau:

Đất nước ta có Cụ Hồ,

Cụ Hồ thương dân đất Mường ta, sông bể không bằng!

“Đất nước ta có Cụ Hồ”, đất nước ta đẹp mênh mông bát ngát: “Chóng mòi thăm thăm ngàn trùng...”. Bởi vậy, nhân dân Mường quyết tâm đuổi hết bọn giặc xâm lăng để tha hồ được vùng vẫy tự do như con chim trong rừng thẳm:

Tham gì chùm hoa cà nở trong nắng sớm!

Anh cứ yên tâm đuổi hết giặc đi,

Cho chim rừng tha hồ bay lên bay xuống...

Đã có lòng tin ở lãnh tụ, đã có lòng yêu đất nước như thế, nên:

Con trai đi cứu đất đầy hết ngọn sông cái,

Con gái đi cứu mường đầy hết đồi núi...

Tình yêu nam nữ do đó càng thêm thắm thiết. Khi những người trai gái ấy đã cùng chung một lòng yêu nước thiết tha, thì họ hứa hẹn cùng nhau:

Dây chỉ xe với tơ vàng,

Trăm năm ta quyết được...

Nước có yên, nhà mới yên, có hòa bình độc lập tự do, mới có hạnh phúc, mà hạnh phúc của hết thảy chúng ta đều xây dựng trên nền kinh tế mới ngày một phát triển. Toàn dân ta, ở miền núi cũng như miền đồng bằng, đều nhận thấy rằng đất nước ta có được độc lập, thống nhất, mọi người mới được sung sướng làm ăn, đem hết khả năng của mình xây dựng đất nước thân yêu^[467].

^[465] Lạc Long Quân và Âu Cơ của dân tộc Việt; Chín anh em của dân tộc Mèo; Quả bầu của dân tộc Dao; Một gốc nhiều cành của dân tộc Ba Na.

^[466] Tạo hay phịa tạo là người cai trị một địa phương miền núi.

^[467] Trong mục sưu tầm sau đây, có một số câu là những câu dịch của Tô Hoài và Nguyễn Văn An.

1. TỤC NGŨ DÂN CA THÁI

Tục ngữ

Lười biếng chẳng ai thiết,

Siêng việc ai cũng chào mời.

*

Quý kẻ xốc vác,

Chuộng kẻ ham làm.

*

Làm nương chớ sợ hoài

Đắp phai chớ e thiệt.

*

Hết gạo, hết mọi thứ;

Có lúa, có mọi đường.

*

Gạo mua không đủ,

Gạo xin chẳng no.

*

Ngồi dưng ăn hoang,

Mỏ vàng cũng cạn.

Học thầy học bạn,

Vô vạ phong lưu.

*

Đời người như ngựa chạy,

Làm ăn như én bay.

*

Hạt thóc ở dưới đất,

Miếng ăn là vật trên rừng.

Ai khéo ra công khai thác thì thành ruộng,

Ai khéo xây dựng thì lập thành xóm làng,

Ai chẳng hay làm, cả đời khổn khó.

*

Chín đất người không bằng ương đất mình.

*

Đan rào không lấp nổi hang thường luồng,

Đan phen không chặn được mặt trời.

*

Quê người đầy thóc gạo, chớ vội cầm đòn gánh đến chơi;

Bản mường ta dù đầy cỏ hoang, hãy cầm dao đi phát.

*

Than không hồng, đuôi cá không cong.

*

Bạc đeo đầy mình,

Không bằng thông minh sáng suốt.

*

Bố mẹ dạy không bằng thầy dạy;

Thầy dạy không bằng biết suy.

*

Làm người trông rộng nghe xa,

Biết luật biết lý mới là người tinh.

Rõ đường phải trái phân minh.

*

Học khôn, học đến chết;

Học khéo, học đến già.

*

Làm người mà được khôn ngoan,

Cũng nhờ học tập mọi ngành mọi hay.

Nghề gì ta có trong tay,

Mai sau rồi cũng có ngày ích to.

*

Mất của dễ tìm,

Mất lòng khó kiếm.

*

Hổ vằn ngoài da,

Người vằn trong bụng.

*

Cây nào, lá ấy.

*

Cây mềm lá mềm,

Cây gai lá gai.

*

Vàng mười xếp chặt kho,

Chẳng biết liệu lo cũng bằng vàng gì.

Đèn đồng cũ kỹ, sớm tối trên tay,

Có ngày bóng lộn.

*

Của chân tay như nước suối nhỏ giọt,

Của bố mẹ như nước lụt vỡ bờ.

*

Làm người ở cho ngay,

Học nên hay, phải chăm, chớ nhác.

Dẫu rằng thông hoạt,

Chẳng học cũng hư đời.

Tài trí bằng trời,

Chẳng học cũng là phần khổ.

*

Nhiều người lắm mẹo,

Nhiều mẹo lắm điều.

*

Nói dối thành thầy mo,

Biết lo hỏi được vợ.

*

Chim đẹp nhờ bộ lông

Người đẹp nhờ bộ cánh.

*

Chớ eo sèo cơm đãi khách,

Chốn dơ dếch chớ lại qua,

Chớ lê la nói mách,

Chớ nói dối ăn gian,

Chớ đi tắt về ngang,

Có ngày mất sạch cửa nhà.

*

Nhiều cây làm nhà đẹp,

Nhiều cột chống vững sào,

Nhiều anh em nhà vui vẻ.

*

Mười chưa cầm không bằng năm năm vững.

*

Còn người còn của.

*

Gần nòi thì đen, gần đèn thì sáng.

*

Một mình nghĩ không tròn,

Một thân lo không xong.

*

Vỗ tay phải nhiều ngón,

Bàn kỹ cần nhiều người.

*

Nhiều người thì sống, mong người thì chết.

*

Gà ngủ, cáo không ngủ.

*

Hợp nhau người nễ nang,

Lìa tan người khinh thị.

*

Cây chống chuối, chuối tựa cây;

Hố cây rừng, rừng cây hố.

*

Lắm mồm thặng rái cá,

Già mồm thặng hùm beo.

*

Anh em cùng cha như ong cùng tổ;

Chị em cùng mẹ như quế cùng rừng.

*

Ở lẻ loi toi mạng,

Có phường bạn mới nên hay.

Vào hội này hội khác,
Phòng khi biến khi thường.

*

Muốn sẹo thì trêu gấu
Muốn húp híp trêu ong
Muốn khổ trêu tạo, trêu phìa^[468].

*

Con dân cầm đòn càn,
Con quan được cưỡi ngựa.

*

Con tạo biết chữ làm quan,
Con dân biết chữ cầm đòn càn ăn xin.

*

Gheo ma được ngủ âm phủ
Gheo phìa tạo được ngủ gông, ngủ cùm.

Bài ca chống Nhật, Pháp

Đất nước ta, trông về phương Tây tối tăm,

Nhớ đến quê hương ta ăn ở,

Anh em ơi! Bây giờ chúng ta ở với người ngoài không tốt.

Chúng ta ở lại, có ruộng nương làm ăn,

Nhưng mà chúng ta đừng quên,

Chúng ta phải nghĩ thế nào?

Đánh lấy lại đất nước của chúng ta^[469].

*

Chúng ta phải nghĩ đến Tổ quốc chúng ta.

Bây giờ còn trẻ phải cố đi học,

Cho cha mẹ ta có mặt mũi.

Sao lại chịu để phí đời mình cho dốt nát?

Việc gì tốt thì ta cứ làm,

Ta phải trau dồi cho gái cũng bằng trai.

Và phải làm thế nào cho có tiếng tăm.

*

Chớ oán lúc mưa dầm, nắng gắt,

Làm việc mật chớ nói thật cùng ai.

Chốn đông dài, chớ nói lời xuyên tạc,
Việc người bàn bạc, chớ trộm lóng nghe.

*

Gọi vía về nhà không có cơm, khốn khổ lắm!

Tây nó hiếp mà ăn.

Tối cũng dầm mưa gió canh gác.

Anh đừng khóc, anh làm được việc này.

Tây hiếp về ăn,

Trâu lợn bị giết.

Rượu gạo nó lấy,

Đàn bà con gái, Tây nó thấy,

Nó hiếp, nó làm hại.

Anh và em, bố mẹ, đắng cay trong lòng!

Tiền nong nó không bỏ cho!

Sớm tối, cơm nhịn bữa,

Chết hết giống người!

Làm nhà cay đắng,

Em cũng kêu trời, ngày thì cổ khan.

Hai ta không biết chết hay còn!

Không biết việc nhịn cơm,

Chết không biết lúc nào!

Chồng vợ, bố mẹ, chết không biết,

Làm cơm chín, rồi đạn súng bắn...

Lúc chết, em ở nhà chỉ khóc.

Anh em với nhau trông coi cho tốt,

Để cùng bắn chúng nó.

Tôi cũng về nhà, đừng cười.

Vào trong rừng núi cao làm lán.

Làm binh lính cùng Tây, vợ con rất khổ đấy!

Bọn anh đừng có dại,

Đừng có dại mà làm cái lỗi sau đây^[470]!

Tình ca

(Trích một đoạn trong *Tản, chũ xiết xương*, một loại hát giao duyên giữa trai gái dân tộc Thái. Loại truyện này có đến 140 bài, khoảng 3.500 câu).

Gió thổi hoa na,

Khăn đào của ai phơi sần gió thổi?

Gió thổi khăn rơi,

Khăn rơi, rơi xuống mặt đường.

Bạn tình ai, người đẹp của ai?

Hoa trắng nơi vườn dưa,

Hoa đỏ nơi vườn mía,

Mặt trắng hồng, vợ quý của ai lạc đến?

Áo mình tô dấu son,

Thân em hồng nước rượu^[471].

Vợ ai kia, bạn chung đời ai đấy?

Mặt em tươi sáng hoa sen,

Chải đầu hoa đào phủ tóc,

Vợ ai kia, rồng kết bạn rồng ai đây?

*

Đôi ta chung họ chung phương trời,

Chung nòi, chung mặt đất.

Họ ta yêu bản không phai,

Họ yêu mừng^[472] không mờ.

Chung gốc bầu, cũng lỗ khoan xưa^[473].

Đôi ta chung họ cả người Kinh,

Chung dòng cả người Xá,

Không phải đưa con lang, giặc ngoài mang tới^[474].

Đôi ta chung dòng mười hai ngả,

Chung giống bốn phương trời,

Cùng chung nòi, lớp lớp anh em.

Sinh chung họ, ta ở chung nhà,

Được chung mâm, ta nằm chung chái;

Cùng giống, cùng dòng ta đắp chặn đôi, mình hời!

*

Đôi ta thăm hoa khi hoa nở,

Hoa nở rồi rụng cuống, hoa tàn.

Kết bạn tình khi tuổi xuân em chớm dậy.

Đời em như hoa ban,

Đời mình như hoa khảm^[475].

*Hoa biến thành rêu thì đầm nước,
Hãy yêu nhau giữa lúc thanh xuân.*

*

*Ngày hết, ngày không trở lại;
Tháng hết, tháng không quay lại
Lúa lên đồng, lúa sẽ thành rơm;
Thương nhau khi đôi ta còn trẻ.
Đời gái trai như đời sợi tơ.*

*Trông nhau khi mắt sáng,
Nhìn bạn tình khi mắt biếc long lanh,
Em lấy chồng phương xa, rồi sẽ không còn gặp mặt.*

Đời bạn tình, đời hoa,

Hoa tàn rơi, lìa gốc,

Hoa úa rụng, lìa cành.

*Trao đổi tâm tình hai ba câu, mẹ em yêu sẽ nắm gáy lôi lên nhà chồng,
em hỡi!*

*

Em đừng tham đầy bồ bông nén^{[\[476\]](#)}.

*Đừng tham vàng bạc đầy hòm;
Đừng sợ xó lều anh nghèo khổ,
Đừng ước làm dâu nhà giàu ăn cá ngon,
Đừng vội dứt tình anh sắt son!
Đừng mê vải nhiều châu^[477], bạc đúc tràn kho;
Đừng thích ăn không trên đồng của chất to;
Em ơi, chẳng bằng sức của ta, ra sức ta làm.
Vàng với bạc như dòng nước qua thác,
Của trong sạp như trận gió, cơn mưa.
Ăn ở xấu sẽ như gươm đao sắc bén.
Giết chết chủ như nước lũ bất ngờ.
Người xấu, vàng bạc như sắt gỉ, đồng vụn,
Chẳng bằng được ta, mai vác, dao đeo, tay làm nên của;
Đời đang thì đang lúa, ngày thêm ngày no đủ, em ơi!*

(Mạc Phi sưu tầm và dịch)

^[468] Phì, tạo là người cai trị một địa phương, chế độ phì tạo là một chế độ thổ ty phong kiến miền núi, cai trị dân bằng cả thần quyền và tộc quyền.

[469] Bài ca này, nhân dân xã Mường Khoái (Tuần Giáo) hay hát, xuất hiện vào thời Pháp – Nhật (1945).

[470] Bài này, trong khi quân Pháp còn chiếm đóng ở Tây Bắc, binh sĩ Thái thường hát cho cụ Hom nghe ở vùng Mường Muối (Luân Châu).

[471] Người đẹp như có đánh dấu riêng: nước da hồng hào như vừa uống rượu.

[472] Bản: Một thôn hoặc một xóm nhỏ. Mường: gồm nhiều bản. Nói bản mường tức là nói quê hương, đất nước.

[473] Theo truyền thuyết Thái, xưa Trời thả một quả bầu xuống trái đất hoang vu và khoan một lỗ cho loài người chui ra. Người Xá chui ra trước bị lấm láp nên da hơi đen, rồi đến người Thái, người Mèo, người Kinh ra sau.

[474] Không phải bọn người lang thang do giặc đem đến.

[475] Hoa ban nở trắng muốt vào mùa xuân; đến khi hoa tàn thì hết xuân sang hạ. Hoa khảm nói nhiều trong thơ ca nhưng không ai biết rõ là hoa gì, chỉ biết nó là thứ hoa có đủ các màu sắc có xấu có đẹp, giống như cuộc đời người ta.

[476] Đồng bào Thái tính bông bằng nén. Mỗi nén bằng mười lạng cân ta. Nhiều bông nén là chỉ sự giàu có.

[477] Châu: đơn vị đo chiều dài, vào 4 sải tay (khoảng 6 mét).

2. TỤC NGŨ' DÂN CA TÀY

Tục ngữ

Chết đất chôn, sống đất nuôi.

*

Tháng ba u ám thì nắng,

Tháng tám u ám thì mưa.

*

Trời vẫn beo thì nắng,

Trời vầy cá thì mưa.

*

Ruộng cau khó làm ăn,

Ruộng lèn thì vất vả.

*

Mười sào ruộng ven hàng,

Chớ tưởng là no đủ.

*

Làm rầy mong mưa xuống,

Làm ruộng ước râm trời.

*

Nuôi vịt, vịt đẻ trứng ra,

Có công nuôi gà, gà gáy cho nghe.

Nuôi lợn, tiền bạc thi nhau về.

*

Nuôi vịt, được trứng ăn;

Nuôi gà, năng lột ổ;

Ổ lên, ổ xuống, ổ trông, ổ nở,

Như đàn chim sẻ, như đàn chim ri.

*

Vịt nhỏ bạn vịt nhỏ la đà,

Chớ cho những chú vịt già làm thân.

Vịt già tranh mất hết phần,

Vịt con chẳng có gì ăn vào lòng.

*

Ruộng chờ mạ,

Ruộng kỹ càng tốt.

Mạ chờ ruộng,

Mạ muộn, chẳng được hạt nào.

*

Cánh ruộng to, chớ cho rậm cỏ,

Ngày cùng đêm, nước đổ cho đều.

Giữ mực nước chớ cao hơn lúa.

Nếp cùng tẻ, thừa mưa thóc ăn.

*

Ruộng anh cấy thóc dâu, thóc tám;

Trong năm nay vô hạn được mùa.

Gặt xong sớm rồi đưa vào bịch,

Hạt thóc khô chẳng khác gì vàng.

*

Đi rẫy, chớ mang theo chó

Đi ruộng, chớ mang theo trẻ.

*

*Mười đứa con nhà khó,
Chẳng bằng một thằng nhỏ nhà sang.*

*

*Chồng lười, để vợ chết đói;
Vợ lười, chồng rách rưới, người cười.*

*

*Chớ tham lấy trai tơ biếng việc;
Chớ tham lấy gái đẹp lười công.*

*

*Chớ lấy rể ngủ trưa, người ta nói;
Chớ lấy dâu ra ruộng nhìn trời.*

Dân ca

*Có ai lại bỏ gà nuôi quạ,
Đi làm ruộng mà bỏ ruộng mấy khi.*

*

Đến mùa làm cho nhiều rẫy,

Em đưa trâu đến giúp công.

Làm nên gạo, ta cùng ăn chung,

Được bao nhiêu gánh ta cùng chia đôi.

*

Chồng mắng vợ thì vợ nhịn lời,

Vợ giận, chồng lại lả lơi làm lành.

Đoạn thôi bắc nồi nấu canh,

Hai ta nấu nướng ngon lành cùng ăn,

Ăn xong lại cùng nhau làm lụng;

Thế mới là cái nếp vợ chồng.

*

Anh xa em, anh ăn cơm với cá.

Em xa anh, em chan nước mắt thay canh.

*

Thương nhau, nước đựng sàng không chảy,

Không thương nhau, nước đựng chậu cũng trôi.

*

Chàng ơi, nón cộ hay nón bạc?

Nón chàng đội hai người được không?

Đội được em xin đi cùng đường.

*

Thân anh như hoa đơn trước nhà,

Em như quả đậu leo cành khô.

Quả đậu còn có người xin làm giống,

Hoa đơn chỉ để già bỏ không.

*

Phượng hoàng bạn phượng hoàng mới xứng,

Phượng hoàng bạn với quạ mấy khi!

Phượng hoàng tung cánh trời xanh,

Chim chích bay theo sao được!

*

Bìm bịp chê sáo mỏ đen

Vịt già chê ruộng lầy không kiếm.

Ai chê thóc già không ngon,

Có ngày ăn mon^[478] chấm mẻ.

*

Phát nường gì xao xác?

Cho anh cùng phát xem sao?

Gọi là để học tài em trong công việc.

*

Trai gái chơi có mùa,

Văn thơ chơi có tháng.

Nhớ nhà nhớ có ngày,

Nhớ người yêu nhớ suốt đời.

*

Yêu nhau yêu cho nặng,

Đố nhau, đố cho lâu,

Ngày nào hươu lìa rừng thì mới thôi,

Khi nào trâu lìa cỏ mới bỏ,

Khi nào mức nước đầy sọt mới lìa,

Ngày nào khi lìa quả xanh,

Thì anh mới bỏ em ngày ấy^[479].

^[478] Một loại khoai giống khoai sọ.

^[479] Từ bài: “Anh xa em...” trở xuống đến bài này đều do Nông Viết Toại, Nông Minh Châu, Hoàng Hạc sưu tầm và dịch. Đây là một loại dân ca đối đáp của dân tộc Tày, có nhịp điệu gọi là phước pác, người ta thường hát trước rồi mới hát lượn...

3. TỤC NGŨ DÂN CA MƯỜNG

Tục ngữ

Nhất Bi, nhị Vang, tam Thành, tứ Động^[480].

*

Lang^[481] đến nhà như ma đến cửa.

*

Lang đi chợ để nợ cho dân.

*

Trăm thứ hoa không bằng hoa con gái,

Trăm thứ trái không bằng trái hông còm^[482].

Trăm thứ thơm không bằng thơm con mái^[483].

*

Lấy được dâu thì rầu cả dạ

Lấy được một dâu hết rượu, hết cơm.

*

Đứa chết làm kiết đứa sống.

*

Bánh đúc đời nào có xương,
Đời nào mẹ ý^[484] có thương con chồng.

*

Thương nhau dựa vào nhau cũng ấm,
Chẳng thương nhau chẵn êm đềm ấm cũng không thân.

*

Khi đói cùng chung một dạ,
Khi rét cùng chung một lòng.

*

Một người đàn ông không dựng nổi nhà,
Một người đàn bà không cắt nổi tranh^[485].

Hát xướng^[486] (dân ca Mường)

Trai:

Thương... thương thiệt, thương nhiều^[487].

Lâu năm không ra sông, nhớ thuyền nhớ bến.

Gội đầu nhớ lá cây chua,

Xa ruộng xưa, nhớ người cấy hái,
Tình yêu trai gái, nhớ đến chỗ ngồi.
Thối sáo vui chơi, nhớ đến cây nứa;
Quần áo mặc vừa, nhớ đến thợ khéo may,
Đeo vòng chạm trong tay, nhớ người thợ khéo đúc.
Cành hoa cúc chơi lẫn cành hoa lan hương,
Anh biết làng em trồng tốt, lúa nhiều, anh đã đến thăm đồng, xem rạ;
Biết nhiều cá, anh đi thăm suối, sông, khe;
Anh biết nơi làng em nhiều trai xinh, gái đẹp,
Anh đến thăm nơi chủ mường;
Biết nhiều rừng gỗ to, anh đã đến thăm xem gốc;
Cho gốc bé ra nhiều hoa lá,
Gốc to, cây cả nhiều quả nhiều bông,
Không cho sót một cành hay cây nào mà không hoa lá.
Gái:
Đất nhà em chẳng nhiều cơm đâu để anh phải khen rạ,
Trời năm nay trời đại hạn,

Trời năm nay trời cạn lắm,

Cạn hết đồng ruộng lúa,

Cạn đến khoảnh ruộng sâu.

Trâu phải uống nước phai,

Nai phải uống nước giếng.

Cạn hết một phủ, một huyện chân trời!

Đồng ruộng ơi, cấy được nhưng chẳng nên ăn;

Em còn phải liều mình, liều thân lên xóm trên đi lấy giống mạ.

Một năm lúa họ bán trăm tiền,

Về vãi chồng chất ra con ruộng lớn.

Ruộng lớn nhà em không bằng cái nấp,

Phải cấy nấp nấp vào bờ.

Vừa chim ăn lại vừa chuột cắn,

Rắn đi thấy trốc, ốc đi thấy đuôi.

Ruồi bay qua cũng biết được con trống con mái,

Nơi cấy nhà em không hết buổi gặt^[488].

Nơi gặt nhà em không đủ buổi gánh^[489].

Mất mùa riêng một mình một thân!

Đất nhà em tháng năm ăn cơm trộn ngô tẻ^[490].

Tháng sáu ăn ngô tẻ trộn hạt kê,

Em gắng sức làm mùa luôn tay mà không khỏi đói.

Năm thì khát miếng muối,

Năm thì đói miếng cơm

Đất nhà em chẳng nên thân gì mà anh phải khen, anh ạ!

Anh sẵn lòng khen cơm, anh phải đi cho đến mạ,

Anh sẵn lòng khen cá, anh phải đi cho đến khe,

Anh sẵn lòng khen trai xinh gái đẹp, anh phải đi cho tới làng,

Anh sẵn lòng khen núi gỗ to, phải đi cho tới gốc.

Khen gốc, khen hết mọi lá;

Khen lá, khen hết mọi cành;

Cành nhỏ chưa dài dây ra lá;

Cành lớn cành to chưa ra hoa ra quả,

Cành nào cũng thành thơi chờ ra bến sang sông, chờ anh yêu mến!

(Sơn Minh – Minh Hiệu sưu tầm và dịch)

Những bài ca chống Pháp

Sau đây chúng tôi trích đăng một số câu hát của đồng bào Mường Tây Bắc, do nhà văn Tô Hoài sưu tập được và dịch ra tiếng Việt:

Đốc Mòi thăm thăm ngàn trùng,

Anh đi để đưa con bông ai mang^[491]?

*

Thân em như con từ qui^[492].

Đêm thì họp bạn, ngày thì đi đâu!

*

Con chim báng, tiếng nó hát thánh tha thánh thót,

Hót gọi đàn, tiếng kêu mãi trong đêm thu,

Nó gọi rằng: cuối trăng già đến mồng trăng non,

Trông ra cửa sổ đầu giường, sao lòng nghe thương!

Trông ra cửa sổ đầu vách, sao lòng nghe thương!

Thương vì đất với mường chưa yên...

...

Phải năm đất nước loạn lạc, núi lở sông cạn,

Cuối đồng mường ta, giặc Tây ác đóng...

Ngọn nước mừng ta đầy giặc ngủy đóng.

Khổ hại như thế này!

*

Phải coi bây giờ,

Con trai đi cứu đất, đầy hết sông cái,

Con gái đi cứu mừng, đầy hết đồi núi.

Thân ta ngồi trông sao cho yên?

*

Tham gì chùm hoa cà nở trong nắng sớm!

Anh cứ yên tâm đuổi hết giặc ấy đi,

Cho chim rừng tha hồ bay lên bay xuống...

Cửa nhà hãy tạm xếp,

Đường trai, đường gái tạm giữ lại.

Đừng ăn cây yên, ở cây yên^[493],

Góc sông, ngọn nguồn, ta ra đi giết hết giặc ấy,

Để đón lấy một ngày vui ảng^[494].

*

Bố anh ở trên nhà,

Mẹ anh ở trên nhà,

Anh chẳng còn phải lo.

Chừng ban sớm, chẳng lo em đi đánh còn ngoài ruộng;

Chừng ban chiều, không lo em đi chơi trai gái bên nào.

Giường khung cử còn chờ anh,

Đò sang sông còn chờ anh về chèo giúp.

*

Đất nước ta có Cự Hồ,

Cự Hồ thương dân đất mường ta, sông bể không bằng.

Qua nghìn hoạn nạn, mới được ngày nay.

*

Anh em trong xóm, trong làng, cùng nhau,

Đuổi hết trăm cái khốn, nghìn cái lo,

Chẳng để cho giặc Tây ăn hại.

Chị em chạy ra rừng, Tây khỏi hiếp,

Người trốn đi, Tây khỏi giết,

Dây chỉ xe với tơ vàng,
Trăm năm ta quyết được.

*

Họ^[495] cách cửa xa nhà, dầm mưa dãi nắng.
Khát uống nước lạnh, đói ăn măng mun, măng giang.
Đêm nằm dãi sương, muỗi đốt,
Khổ không nói, đói không kêu;
Cùng nhau ở rừng xanh, quần áo rách.
Nhiều bạn chết bỏ bạn trong rừng, bỏ con thơ vợ yêu,
Bỏ mẹ già trên nhà.
Chỉ vì một lòng thương đất, thương rừng ta.
Những ai không cầm súng đánh giặc.
Hãy giúp vải, giúp bông, giúp tiền, giúp cơm, giúp lúa.
Anh em ruột thịt ta ở trong rừng!
Những ai không có của thì có lời thăm hỏi...

*

Bây giờ đất sắp yên,

Thuyền sắp trở lại.

Tôi là phụ nữ đất Việt Nam.

Tha hồ ăn sung ở sướng.

Dưới sàn tha hồ nuôi gà, nuôi lợn...

Anh cán bộ người Kinh

Hỡi anh cán bộ người Kinh,

Anh bỏ gia đình lên mãi tận trên đây.

Anh đi có nhớ mẹ thầy,

Nhớ vợ đêm ngày vẫn chờ đợi trông mong?

Anh đi có nhớ ruộng đồng,

Đem cả cái lòng lên sống với chòm tôi,

Người Mường lại được thêm người,

Cây lá cũng cười anh vui nhận làm con.

Anh lên cho tiếng học giòn,

Bông lúa thêm tròn, củ sắn cũng thêm to.

Anh lên bắt thắng Pháp thua,

Phụ nữ gặt mùa, du kích chặn giết Tây.

Cụ Hồ cái bụng tốt thay,
Đưa đến chòm này người cán bộ giỏi giang.
Chòm tôi thẳng tám lượt càn,
Dụ được lính về hàng, tránh được tàu bay.
Thêm thân người Xá, người Tày,
Trai gái nên tài làm cán bộ như anh.
Cụ Hồ đưa giấy đòi anh,
Chòm xóm phải đành trả lại đứa con...
Người Mường nay đã giỏi hơn,
Tranh đấu vững vàng giữa địch hậu Sơn La.
Anh về thưa lại cùng Cha:
Người Mường sông Đà đang thẳng lợi đi lên.

(Cấm Giang sưu tầm và dịch)

[480] Bốn nơi nhiều lúa của tỉnh Hòa Bình.

[481] Lang: một quan chức của phong kiến Mường.

[482] Hông còn là lúa gạo.

[483] Con mái: con gái.

[484] Mẹ ý: dì ghê.

[485] Những câu tục ngữ trên đây do Đào Văn Tiên dịch.

[486] Xương nghĩa là thương. Trai gái Mường thường hát để tỏ tình với nhau.

[487] Câu mở đầu trước khi hát.

[488],² Ruộng bé, lúa lại xấu.

[489]³ Những tháng gặt hái mà phải ăn độn: Ý nói cảnh nghèo khổ...

[491] Đốc Mòi (huyện Kỳ Sơn, Hòa Bình): nhân dân Mường ở Hòa Bình rất đông, muốn tìm được đất trồng trọt, họ đi ngược dòng sông Đà lên phía Bắc, theo ven sông và theo suối mở các cánh đồng.

[492] Giống chim ban ngày liền biệt đi kiếm ăn; đêm đến con đực con cái ở hai đầu rừng lên tiếng gọi nhau.

[493] Tiếng Mường: “Ăn cây khóm, ở cây khí” có nghĩa là dựa dẫm, cầu an nhút nhát.

[494] Nhà người Mường thường có một cái sân nhỏ ở đầu sàn gác; về tháng bảy, con gái ra ngồi kéo sợi và con trai đến đàn hát vui chơi; sân ấy (sán ảng) tượng trưng sự đầm ấm của gia đình.

[495] Chỉ vào cán bộ, du kích, giao thông.

4. DÂN CA MÈO

Tình ca (Gầu plènh)

Đêm nay, đôi ta ngồi đã muộn,

Gà gáy giục chín năm mười sáu tiếng^[496]

Đôi ta không có lòng thì thôi,

Có lòng thì hãy mau cất tiếng lên giọng.

Giờ này, đôi ta ngồi đã khuya,

Ta hãy mở miệng cất lời, mình ơi!

Giờ này, trời đã về khuya,

Sao đã lượn vòng đối ngôi, sương đã phủ trắng,

Tôi chỉ biết miệng anh, nhưng chưa biết tim anh^[497]

Giờ này, trời đã ngủ muộn,

Sao đã lượn vòng đối chỗ, sương đã tỏa mờ,

Tôi mới biết mồm anh, nhưng chưa rõ gan anh.

Lúc này, tôi bảo mình hát, mình không hát,

Ngày mai, sáng, bánh nếp dính lưỡi mình

Lúc này, ta nhủ mình ca, mình chẳng ca,

Ngày mai, sáng, bánh nếp dính họng mình^[498].

Chàng như con gà sống của mẹ của cha vừa mới tập kêu,

Bài gì, câu gì chàng cũng học được đều.

Chàng như con gà sống của cha của mẹ vừa mới tập gáy,

Câu gì, bài gì chàng cũng học được đủ.

Em đây, em như con gà sống của cha của mẹ vừa mới tập kêu,

Bài gì, câu gì em cũng không học được đều,

Em đây, em như con gà sống của cha của mẹ vừa mới tập gáy,

Câu gì, bài gì em cũng không học được đủ.

Cái nghiên ở tay chàng, cái bút ở tay chàng,

Chàng biết đọc lại biết viết.

Viết trên án thư.

Chàng chọn bạn đời, chọn được người phải duyên.

Cái nghiên ở tay chàng, cái bút ở tay chàng;

Chàng biết đọc lại biết viết.

Viết trên án sách,

Chàng chọn bạn đời, chọn được người đẹp lứa.

Em đây, cái nghiên không ở tay, cái bút không ở tay.

Em không biết đọc, chẳng biết viết;

Em chọn bạn đời, không chọn được người phải duyên.

Em đây, cái nghiên không ở tay, cái bút không ở tay.

Em không biết đọc, chẳng biết viết;

Em chọn bạn đời, không chọn được người đẹp lứa.

*

Mùa đông dây leo không mọc chồi,

Mùa xuân dây leo mọc,

Dây leo mọc không có lối vườn,

Lách vườn ra hốc cây.

Ta bảo mình theo ta tâm tình, mình không nói.

Mình ơi! Con đường trẻ không lâu,

Con đường già mau tới^[499]

Đời người như bóng râm từ từ ngã bên núi.

Mùa đông dây leo không mọc chồi,

Mùa xuân dây leo mọc,

Dây leo mọc không có lối vượt,

Lách vượt lên lá tre.

Ta bảo mình theo ta tâm sự, mình không nói.

Mình ơi! Con đường trẻ không dài,

Con đường già chóng đến.

Đời người như bóng râm từ từ ngả bên đồi.

Lời nói không hết, có lời như sắp hết,

Hết như sợi dây vắn qua sang sợi dây quẩn^[500].

Mình ở là khổ sở.

Mình chết là nát tan.

Tiếng hát làm dâu (Gầu ua nhếng)

Thuở sớm trước đây, khi em còn ẵm ngửa,

Ngón tay thon mềm như hạt đậu non.

Bố mẹ em chết sớm khi em còn bé con.

Không chút gì để lại.

Bố mẹ em chỉ để lại cuộn lanh, cuộn sợi,

Em không có chỗ cất đi,

Em đem giấu vào nơi chân vách

Lớn khôn thành người, em lấy ra xem:

Chuột chù đã kéo làm mười hai cái tổ.

...

Thân em như hoa trên châu^[501] nổi không nổi

Anh em chỉ vì tham đồ sính lễ của họ Giàng.

Gả phăng, giao bừa em qua rừng gai đến ở đất người^[502].

Em đi đây năm không một người thân chú cha thăm hỏi.

Càng nghĩ càng nát gan,

Càng suy càng đứt sức.

Em khóc lăn đường, em than lăn sá.

Chẳng gặp một ai, chỉ gặp đôi vợ chồng người Sã

Người Sã hỏi: - Con khóc điều chi?

Em rằng: - Con chẳng khóc gì,

Chỉ khóc vì họ hàng thân thích,

Đem thân con gả quàng gả xiên,

Đến ở đất người cách bao rừng gai,

Con đi đầu năm, người thân cha chú đến chẳng có một ai!

Vợ chồng người Sã rằng:

- Con ơi, chớ khóc!

Để ta về báo thẳng con cả,

Đem dao phát cây rừng xanh trụi quang,

Cây không mọc được nữa,

Cho con thấy họ hàng,

Để ta về báo đứa con lớn.

Đem dao phải cây rừng bằng như gấu áo.

Cây không lớn được nữa,

Cho con thấy chị em.

*

Mẹ ơi, họ bắt con ăn vốc, đuổi con vào rừng;

Họ buộc con ăn năm^[503], đuổi con xuống núi,

Mẹ ơi, nếu con biết sinh, biết hóa,

Con biến thành con bướm ngo ngoe dưới ruộng mạ.

Chết được, thì con chết ngay.

Để đi tìm chồng khác mới quên nỗi con đường nắng bỏng[\[504\]](#).

Nếu con biết sinh biết hóa,

Con biến thành con bướm ngúc ngắc trong ruộng mới[\[505\]](#).

Chết được thì con chết quách.

Để đi tìm chồng khác mới quên nỗi con đường nóng rát.

Tóc con còn đang mềm óng như lông con vịt,

Mẹ cha gả con cho nhà người, con chẳng làm nổi công việc;

Sang mùa xuân, chồng con nó đi cày ruộng bên núi,

Con chẳng có bụng mang cơm đi theo.

Sang mùa xuân, chồng con đi làm ruộng bên đồi,

Con chẳng có lòng mang cơm đi cùng.

Mẹ em rằng:

- Con hãy bền lòng coi sóc cửa nhà cho người,

Quạt gạo nuôi gà người, quạt cám vỗ lợn người!

Em rằng:

- Mẹ không mắng, không chửi, con còn chịu ở;

Mẹ mắng mẹ chửi, con hóa thành ngựa rồng, ngựa thỏ, phóng đi cho sớm.

Con hóa thành ngựa rồng, ngựa thỏ, bay không cho có in dấu vết chân.

Để mẹ đuổi theo hỏi tin, mẹ tìm không thấy.

Con hóa thành ngựa rồng, ngựa thỏ, chạy biến không cho mọng lộ dấu vết chân,

Để mẹ đằng sau hỏi tin, mẹ đuổi không kịp.

Con biến làm cá, lặn chìm dưới nước.

Để thằng chồng tìm không được thì bỏ.

Con biến làm kim, luồn vùi trong đất,

Để thằng chồng tìm chẳng thấy thì lìa!

(Doãn Thanh sưu tầm và dịch Dân ca Mèo, Lào Cai)

*

Tay em biết cầm kim khâu áo.

Anh yêu em,

Em yêu anh...

Em không có lòng thì thôi!

Có lòng thì về ta ở với nhau một đêm...

Tay em biết xe sợi chỉ đen,
Em không có lòng thì thôi!
Có lòng thì về, ta ở với nhau một ngày.
Bố mẹ anh như cái vườn hoang,
Muốn lấy em về mà đồng tiền không có.
Bố mẹ anh như cái vườn rào cây nứa,
Anh muốn lấy em, bố mẹ không có tiền cho.

Những bài ca chống Pháp

Cái Tết này ăn hết rồi...
Bọn chúng nó có ruộng,
Bọn chúng nó thả đèn.
Người Mèo không có ruộng,
Người Mèo không còn Tết nào ăn!
Cái tết này ăn hết rồi...
Bọn chúng nó có ruộng,
Bọn chúng nó đi buôn.
Người Mèo không có ruộng,

Tết này xong,

Người Mèo đi phát nương mới có ăn.

*

Người không phải người,

Ma không phải ma.

Hai con mắt trắng đơ đơ,

Hôi như con dê,

Không lúc nào biết xấu hổ;

Hiếp đàn bà,

Ăn của dân nhiều lắm^[506].

*

Thằng Tây bụng không tốt,

Chính phủ còn chưa đến cứu nhân dân ta.

Bây giờ Chính phủ đã đến

Chính phủ bảo tất cả nhân dân ta:

Một lòng đi đánh Tây cho chúng chết hết.

Đàn bà lòng tốt, đàn ông mới đi,

Đàn bà nhanh nhẹn, đàn ông mới đi.

*

Một lòng đánh Tây cho chết hết...

Ta mới sung sướng làm ruộng, làm nương.

Ở yên mà mua, mà bán...

*

Con sâu khoét gỗ mọt,

Bởi đất nước không yên.

Ta mới đi hoạt động,

Để bố mẹ ở với núi rừng.

*

Vì giặc bắt anh cùng em.

Chia cắt nhau ra,

Ta mới không đồng tâm.

Vì giặc Pháp bắt anh cùng em,

Chia cắt nhau ra.

Ta mới không đồng lòng.

Giặc Pháp bịt mắt ta

Không cho thấy xa

Để cướp mừng, cướp ruộng.

Giặc Pháp bịt mắt ta

Không cho thấy rộng

Để cướp đất, cướp mừng.

Nó không biết dân ta khó nhọc,

Vã mồ hôi mùa cũ, mùa mới,

Cướp ruộng đất của ta

Dem đi ăn ngon và uống tốt.

Để ta ăn rau với cáм gỗ;

Cướp trâu bò ăn no phè phỡn;

Để ta ăn sẵn với rau.

*

Con sâu đục khoét gỗ,

Bởi đất nước không yên.

Ta mới đi hoạt động

Đế bố mẹ ở rừng xanh.

(Lê Thái Tuân sưu tầm và dịch)

[496] Có ý nói: gáy giục già nhiều lần.

[497] Biết người chưa biết bụng.

[498] Bài ca trên đây là bài ca có tính chất đùa cợt với nhau cho vui.

[499] Nguyên văn: cũng không dài.

[500] Dây quẩn: dây quẩn thành vòng; ý nói: không bao giờ hết.

[501] Loại cây mọc hoang trên núi đồi, quả bé nhỏ, có vị vừa ngọt vừa chua. Ý nói: thân bèo bọt.

[502] Rừng gai là rừng mọc nhiều cây có gai. Ý nói: bị gả chồng xa, không quay về được nữa, phải chịu gian khổ.

[503] Ăn vốc, ăn nắm: tức ăn bằng tay.

[504] Con đường nắng bóng có nghĩa là đường khổ ải, nắng dãi mưa dâu...

[505] Ruộng mới khai phá, thành con bướm có thể lột xác, khỏi kiếp cũ.

[506] Bài này chỉ vào giặc Pháp.

5. DÂN CA VÂN KIỀU^[507]

Khi gan mật đã ửng nhau,

Bởi cho nhau ăn miếng cơm trong tộp^[508].

Khi lòng dạ đã thương,

Cởi áo đưa cho nhau mặc.

Vì sao ta chưa thấy mặt nhau?

Suối to ta cũng lội,

Mưa lớn ta cũng tìm,

Dù lội lầy, ướt át, mưa tuôn;

Lòng đã ửng, ruột gan mình cũng muốn,

Ta tìm nhau cho thỏa nỗi lòng.

Dù nằm trên cát ướt,

Dù ngã dưới cát lầy:

Phải tới gặp được nhau,

Phải nhìn cho tường mặt.

Dù Kinh dù Thượng, đâu có gì khác,

Dù Thương dù Kinh cũng chỉ một nhà.

*

Nhà ta xa, bản ta xa,

Ta chung một mặt trời.

Nhà ta xa, bản ta xa,

Ta chung một mặt trăng.

Ta kéo làng đi ở một vùng,

Ta kéo nhà đi ở một chòm,

Đừng cho rú cách xa rừng,

Đừng cho lại xa dòng nước lớn.

Thương và Kinh ta ưa gặp lại,

Cùng nhau một dạ một lòng;

Rủ nhau, dựng nhà, nhà đã dựng xong.

Rủ nhau làm rẫy, rẫy lên xanh tốt.

Nhà cách nhà muốn cho gần lại ,

Bản cách nhau ta muốn nối liền.

Khe chảy xa muốn nối lại cửa này,

*Trâu khác bãi muốn ăn cùng một bãi,
Cây khác rừng muốn cho hợp lại,
Cây khác đèo muốn cho mọc một rừng xanh.*

*

Trai:

Khi đi đường xa,
Gặp em đây hay lời hay lẽ,
Hỏi em làm vợ em có ưng không?

Gái:

Em xa chàng,
Như vàng xa lửa,
Quả tim em rắn thành hòn đá,
Giọt máu em thành giọt sương:
Chừ đây gặp gỡ bên đường,
Mật gan em quyện lấy chàng, chàng ơi!

Trai:

Trước chào sau thăm,

Một bên chữ nghĩa văn chương.

Vua quan cũng lắm, bạc vàng cũng đông.

Một bên dốt nát tay không,

Hỏi em như vậy, em ứng ngả nào?

Gái:

Trông thấp rồi lại trông cao,

Đất kia tuy rộng, biển nào có thua,

Dù bên có mấy đời vua,

Dù bên ba họ rách xơ em cũng tìm.

Không sum họp, nhà to cũng dột,

Có sum họp, nhà nhỏ cũng lành.

(Trúc Cường sưu tầm và phỏng dịch)

[507] Tình ca của dân tộc Vân Kiều gọi là O-oát. Nam nữ thanh niên hát để tỏ tình với nhau, hát có đệm kèm pi (kèn bằng ống sậy).

[508] Giỏ đựng cơm.

6. DÂN CA Ê ĐÊ

Anh đến từ nơi xa

Anh mang theo chim mơ-linh^[509] từ nhà,

Chim mơ-lang^[510] từ buôn:

Anh nghĩ rằng em là con gái chưa tơ vương,

Anh con trai xinh trong trắng.

Đẹp cánh tay, thuận nói thuận cười,

Bắt vể muốn vắt ngang bắt đùi đặt chéo,

Môi miệng muốn đến ăn miếng thuốc lá trầu,

Thang úp muốn lật ngửa^[511].

Tấm cửa muốn đóng mở.

Em là con gái xinh ít miệng^[512],

Vòng muốn đến làm quen, hạt cườm muốn ướm.

Áo quần muốn mặc,

Em đừng nên nũng nịu.

Em chớ có làm eo,

Em chớ lắc đầu như thế!

Anh con trai không đẹp chuyện chút khăn, đóng khố,

Không xứng nói cười được với em sao?

Vướng dây để anh theo đi cắt,

Vướng gốc đi chặt,

Vướng cây đa nhà trời để anh cùng đi gổ.

Vướng cây cọ để anh đi chẻ,

Vướng cây cau để anh cắt làm đôi.

Tốt hơn là em nói đây,

Ta đi một hàng, ta chạy một đường,

Tê giác và voi đi đến nơi hò hẹn.

(Nhật Lai sưu tầm,

Trúc Cường dịch)

Bởi đuổi chim két nên gãy cây đình pi^[513].

Bởi đuổi chim cu nên gãy cây đình kơ bía^[514].

Anh với em lìa xa nhau đó.

Bởi cây đình buốt^[515] là cây đình pi người Mơ Nông.

Em nghe tiếng đình pi xao xuyến buồn thương,

Nghe lời đình buốt khóc.

Khi em đi đường rẫy nương tai nghe lòng nhớ...

Em ngủ đêm qua, em chiêm bao nghe tiếng đình năm^[516].

Em ngủ đêm nay, chiêm bao thấy điệu kèn ki pá^[517];

Nếu trời làm anh với em lìa nhau đó,

Giống như ngựa đứt cương,

Trâu tuột chảo,

- Đàn ông với đàn bà chẳng lìa bỏ được nhau!

Em ngủ đêm nay em chiêm bao thấy

Cột với rui một gốc,

Suốt với rui một ngọn nối đầu nhau.

Em chẳng nhớ sai đâu.

Anh với em làm rẫy phía tây làng.

Ơ pơ rá^[518] yêu thương, tay anh cầm ống đình pi!

Nếu anh cầm kèn ki pá,

Nếu anh đeo thêm nữa, miếng vỏ lá trâu...

Càng như thế đó hồi anh,

Em không có yên lòng đâu mà ăn uống!

(Y Yung sưu tầm,

Vĩnh Phần, Trúc Cường dịch)

Gặp nhau khóc trên non em đứt lòng vì nhớ.

Anh nói cũng không sáng.

Nói cười cũng không chán,

Anh ở trong rừng chỉ khóc,

Cũng hai ba lần nước mắt mũi rơi.

Chim chóc chỉ khóc vì thương,

Chim mơ linh hát vì nhớ cây sáo trúc.

Anh thấy em hớn hở chỉ vì lòng anh vui.

Giống như khi em nhớ đến anh.

Anh nghe em chỉ ngồi khóc,

Anh chẳng có chuyện trò,

Em cất tiếng cười cũng không thành tiếng.

Nghe con chim tê đó chỉ vì thương,

Nghe cây sáo trúc đó chỉ vì nhớ,

Nghe tiếng em gái ngây thơ, nhỏ bé.

Khiến anh ngồi tưởng nhớ khôn nguôi.

(Nhật Lai sưu tầm,

Trúc Cường dịch)

[509] Mơ-linh: một loại chim to, lông đen, phía dưới cánh trắng.

[510] Mơ-lang: một loại chim to, lông màu nâu.

[511] Lật thang để bước lên sàn, mở cửa để vào.

[512] Ít miệng: thùy mị, kín đáo.

[513] Đỉnh pi: sáo bầu một ống.

[514] Đỉnh kơ bía: sáo dọc một ống.

[515] Một nhạc cụ gồm hai ống nửa, dùng hai tay đập gần miệng ống để phát thành tiếng.

[516] Một loại kèn bè làm bằng nhiều ống trúc ghép lại, gắn liền với một trái bầu khô bằng nhựa.

[517] Kèn ki pá: một loại kèn làm bằng sừng trâu, tiếng nghe trầm và rợn.

[518] Pơ rã: Tiếng gọi thân yêu.

VI - KẾT LUẬN

1. TỤC NGŨ, CA DAO, DÂN CA VỚI VIỆC XÂY DỰNG NGÔN NGỮ VÀ VĂN HỌC DÂN TỘC

Tại Hội nghị cán bộ văn hóa ngày 30-10-1958, Hồ Chủ tịch đã nói: “Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo. Nhưng quần chúng không phải chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là những người sáng tác nữa...”

Những câu tục ngữ, những câu vè, ca dao rất hay là những sáng tác của quần chúng. Các sáng tác ấy rất hay mà lại ngắn, chứ không “tràng giang đại hải”, dây cà ra dây muống... Các cán bộ văn hóa cần phải giúp những sáng tác của quần chúng. Những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý...”^[519].

Trong kho tàng văn học Việt Nam, tục ngữ, ca dao và dân ca là những viên ngọc quý nhất. Nó quý ở chỗ trong quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ xưa đến nay, nó luôn luôn giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển tiếng nói của dân tộc, phản ánh sinh hoạt của nhân dân, biểu hiện những nhận xét, những ý nghĩ của nhân dân trong cuộc đấu tranh thiên nhiên, đấu tranh xã hội, xây dựng đất nước.

Về xây dựng ngôn ngữ dân tộc, tục ngữ, ca dao và dân ca đã đóng vai trò quan trọng là vì ngay từ thời chưa có chữ viết, nhân dân lao động đã ca hát, rồi bài ca được truyền khẩu từ nơi này đến nơi nọ, từ thời này qua thời khác; do đó mà được phổ biến, được duy trì, đi đến chỗ thống nhất. Dưới hình thức ca hát, tiếng nói ngày một trau dồi, từ một số tiếng nói chỉ vào

những cái hữu hình, cụ thể, tiếng nói đã được phát triển mãi lên, để đủ diễn tả cả những cái tế nhị, trừu tượng. Trong tục ngữ, ca dao và dân ca Việt Nam, chúng ta đã thấy câu hai chữ một, bốn chữ một, phản ánh những cái thiển cận, lời cũng phác thực, rồi trên bước phát triển của văn học, chúng ta đã có những bài mà nhạc điệu rất phong phú, chữ dùng rất tế nhị, biểu hiện những tư tưởng sâu sắc, những tình cảm thâm kín của con người.

Cũng như trong văn học nói chung, trong văn học dân gian, giữa nội dung và hình thức có sự tương quan mật thiết. Trong quá trình phát triển của xã hội, tư tưởng và tình cảm của con người ngày một dồi dào, đòi hỏi những tiếng trừu tượng, để biểu hiện tâm tình, ý nghĩ, và đòi hỏi cả những nhạc điệu ăn nhịp với cõi lòng dào dạt của mình.

Trong văn học nói chung, văn học dân gian là thứ văn học ra đời sớm nhất. Cũng như người ông, người cha trong gia đình, văn học truyền miệng có rất nhiều kinh nghiệm để phổ biến cho con cháu, cho những thứ văn học ra đời sau trên bước trưởng thành. Cho nên những thơ văn quốc âm thành văn có tính chất dân tộc nhất, có truyền thống dân tộc nhất đều đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của tục ngữ, ca dao và dân ca.

Điều đặc biệt mà chúng ta nhận thấy là nhân dân ta rất hay ví von, ca hát. Làm được bài ca, bài thơ, dù là bình thường có thể ứng khẩu thành lời ca. Lẽ tự nhiên, những câu ca dao hay nhất mà nhân dân thường ca hát là do một vài người xướng lên, rồi được sửa chữa, thêm thắt, nhưng ứng khẩu ngay được những câu vần về thanh thoát là nhờ âm thanh, nhạc điệu của tiếng Việt rất phong phú. Âm thanh tiếng ta phong phú là do tiếng nói của ta có nhiều tiếng kép: tiếng nào là thanh *bằng* thì vẫn được giữ nguyên còn tiếng nào là thanh *trắc* thì tiếng trên đối là thanh *bằng*. Thí dụ: *xanh xanh, vàng vàng, đo đỏ, tím tím*. Lại có những tiếng ghép, như: *làng vắng, xao*

xác, nỉ non, lẳng lơ, bì bõm, lập cập, thiu thiu, thủ thủ và những tiếng: *chập chà chập chờn, khúc kha khúc khích, lời thôi lệch thếch*, v.v... đều là những tiếng không những đẹp về âm thanh mà còn giàu cả về ý nghĩa và hình tượng. Tục ngữ, dân ca của ta có rất nhiều tiếng như vậy, nên Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Trần Tế Xương và nhiều nhà thơ khác đã học tập được những cái tế nhị về ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật của văn học dân gian.

Tục ngữ, ca dao và dân ca của ta có những câu bốn chữ, sáu chữ, bảy chữ, tám chữ hay có những câu dài hơn, đều rất phong phú về cách gieo vần, nên nó đã làm “khuôn vàng thước ngọc” cho nhiều thi nhân trong sáng tác.

Về hình thức, tục ngữ, ca dao và dân ca Việt Nam có những đặc tính như thế; còn về nội dung, so với toàn thể văn học của ta, những loại hình dân gian này đã phản ánh nhiều hơn cả tình hình sản xuất, tình hình sinh hoạt của nhân dân lao động Việt Nam, nói lên nhiều hơn cả những đặc tính của dân tộc, như chịu đựng gian khổ, bần bĩ và dũng cảm trong chiến đấu, yêu lao động, yêu tự do, có tinh thần bất khuất, có những mối tình đậm thắm, lành mạnh giữa nam nữ, những mối tình thắm thiết đối với nhà, với nước.

Nếu ví bài ca trường thiên của ta như một tòa nhà lộng lẫy thì những câu tục ngữ, ca dao là những nền móng của tòa nhà ấy. Muốn nghiên cứu một điệu hát cổ, một điệu hát riêng biệt của một nghề, của một phường, nếu không hiểu thấu đáo tục ngữ ca dao của ta thì khó có thể nghiên cứu thấu đáo những điệu hát kia. Vì, hát quan họ, hát trống quân, ca lý, hát xẩm, hát chèo đò, hát phường vải, hát ru em, v.v... đều xây dựng với những ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật của ca dao, với những nội dung tư tưởng và tình cảm biểu hiện trong ca dao.

Lý giao duyên mà muốn xây dựng được với những lời ca óng chuốt, với những tình ý mặn nồng, lành mạnh, mà không dựa vào những ca dao nói về tình yêu nam nữ, thì không sao nói lên được tính tình của đại đa số thanh niên nam nữ Việt Nam, của những người lao động và sản xuất hằng say nhất. Những lời của một vai hề trong một vở chèo mà không dựa vào những câu tục ngữ, ca dao có tính chất đả kích thói hư tật xấu của xã hội xưa, đả kích giai cấp bóc lột, thì những câu trào lộng, châm biếm sẽ nông cạn và lạc lõng. Cho nên dù là nghiên cứu vốn cũ dân tộc, hay muốn xây dựng những tác phẩm nghệ thuật có tính dân tộc và tính nhân dân, chúng ta bắt buộc phải hiểu biết một phần nào đó về tục ngữ, ca dao và dân ca.

Từ Cách mạng tháng Tám đến nay, văn học dân gian ngày một phát triển mạnh mẽ, mà trong đó nhiều nhất là ca dao và các điệu dân ca. Lẽ tự nhiên trong số những bài mới, có nhiều bài so với những bài cũ kém cả về nội dung lẫn hình thức, nhưng rồi với thời gian, nó sẽ bị đào thải và sẽ chỉ còn lại những bài có tính dân tộc và tính nhân dân, phản ánh thực tế Việt Nam một cách trung thực và biết sử dụng những phần ưu tú nhất của ngôn ngữ dân tộc. Những tục ngữ, ca dao và dân ca truyền thống của ta, trong đời sống của chúng, cũng đã theo quy luật ấy.

[519] Bàn về Văn hóa và Văn nghệ, tr.105.

2. PHÁT HUY NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG CỦA CA DAO XƯA TRONG SÁNG TÁC MỚI

Về ca dao cũng như về văn học nói chung, nội dung là hồn của tác phẩm, còn hình thức nghệ thuật là da, là thịt của tác phẩm. Nội dung lành mạnh của một bài ca dao đòi hỏi nghệ thuật cũng phải cao đẹp tương xứng thì bài ca dao mới được coi là bài hay.

Bây giờ chúng ta thấy nhiều ca dao mới đều kể sự việc, cuối cùng tác giả kết thúc bằng một vài cảm nghĩ của mình hoặc về sản xuất, hoặc về chiến đấu. Lẽ tự nhiên bây giờ đời sống của nhân dân Việt Nam đã khác xưa; ý nghĩ tình cảm của nhân dân cũng đã khác thì nghệ thuật biểu hiện về mặt văn học không thể nào lại như xưa được. Nhưng cái khác xưa ấy, theo tôi nghĩ, phải vừa là kết tinh của bốn nghìn năm văn hóa văn nghệ dân tộc, vừa là cái mới được sáng tạo dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, thì mới đáng là cao đẹp trong thời đại chúng ta.

Nội dung chủ yếu của ca dao Việt Nam là trữ tình. Trong cuộc tiếp xúc với thiên nhiên, trong cuộc sống gia đình và xã hội, trong công cuộc bảo vệ đất nước chống ngoại xâm, nhân dân Việt Nam đã dùng ca dao, một loại thơ riêng biệt, để thể hiện ý kiến, tư tưởng và tình cảm của mình. Thật vậy, nếu muốn hiểu biết tình cảm tư tưởng của nhân dân Việt Nam xem thăm thiết, sâu sắc đến mức độ nào, rung động nhiều hơn cả về những khía cạnh nào của cuộc đời thì không thể nào không đọc ca dao Việt Nam.

Văn học là sự biểu hiện bằng hình tượng. Sáng tác ca dao mà ít dùng hình tượng thì không tránh khỏi khô khan.

Ca dao trữ tình của ta đầy hình tượng rất đẹp; nói về tình yêu thì sôi nổi, mặn nồng:

Đôi ta như lửa mới nhen,

Như trăng mới mọc, như đèn mới khêu.

Mong chờ cũng độc đáo, thiết tha:

Rượu nằm trong nhạo chờ nem,

Anh nằm phòng vắng chờ em một mình.

Về tình nghĩa vợ chồng thì đầm thắm, tự hào:

Đôi ta lấm tấm hoa nhài,

Chồng đây vợ đấy kém ai trên đời...

Cho đến lao động sản xuất, ca dao xưa cũng sử dụng những hình tượng rất dân tộc, vừa chống mê tín, vừa trào lộng:

Lập thu mới cấy lúa mùa,

Khác nào hương khói lên chùa cầu con!

Và về kinh nghiệm cấy cày, cũng kết hợp với quan hệ nam nữ:

Mạ úa, cây lúa chóng xanh,

Nạ dòng mẩn đẻ, sao anh hững hờ?

Khi đả kích giai cấp phong kiến thống trị, ca dao xưa nêu lên những sự việc độc đáo và điển hình. Ví dụ:

Tậu voi chung với đức ông,

Vừa phải đánh cồng, vừa phải hót phân.

Đây là một việc cụ thể với những nhân vật cụ thể thời phong kiến, được đưa lên thành hình ảnh vừa có tính cụ thể vừa có tính khái quát. Nó khái quát ở những điều mà ai cũng nhận thấy là đúng: nghèo khó mà chung đụng với giàu sang thì kẻ giàu sang bao giờ cũng tranh mất phần hơn, còn người nghèo phải chịu phần thiệt.

Cách đây gần hai trăm năm, Nguyễn Huệ đem quân từ Nam ra Bắc đánh giặc ngoại xâm, khi đại quân qua Thanh Hóa, nhân dân đã sáng tác những câu ca dao sinh động và gợi cảm:

Thùng thùng trống đánh quân sang,

Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đàng.

Qua Chiêng thì rẽ về Giàng,

Qua quán Đông Thổ rẽ vào làng Đình Hương.

Anh đi theo chúa Tây Sơn,

Em về cày cuốc mà thương mẹ già...

Chỉ hai câu cuối đủ nói lên nhiệm vụ người chồng và người vợ trong tình hình nước có nạn ngoại xâm; còn những câu trên miêu tả cái cảnh từng bừng nhộn nhịp trong khi đại quân Nguyễn Huệ đi qua và sự hưởng ứng của nhân dân, người người đều đi tòng quân giết giặc.

Trong kháng chiến chống Pháp, lòng yêu nước và căm thù giặc ngoại xâm của nhân dân ta được phát huy, người phụ nữ thấy chồng mình được là “lính Cụ Hồ” thì rất tự hào, cam đoan một lòng chung thủy đợi chờ với mái tóc xanh và tấm lòng son. Hãy đọc mấy câu ca dao của *Dương Tử Giang*:

Anh đi gìn giữ nước non,

Tóc xanh em đợi, lòng son em chờ.

Anh ra đi lính Cụ Hồ,

Con sông, con hái, con đò đưa anh.

Không những em tiễn đưa anh với tấm lòng đắm thắm của người vợ, mà con sông, con hái, con đò cũng đưa anh với tất cả tình sông nước.

Đây nữa là một nữ du kích đưa bộ đội qua sông, được *Bàng Sĩ Nguyên* miêu tả trong mấy câu ca dao thắm tình quân dân:

Con đò trong bãi năm dài,

Em là du kích đợi hoài các anh.

Quân về mình biếc lá xanh,

Ngậm tăm lựa bóng trắng thanh xuống đò.

Nếu bảo trong thơ có họa thì bài ca dao trên đây rõ ràng là như vẽ.

Mấy bài ca dao trên (ca dao thời phong kiến và ca dao thời kháng chiến chống Pháp), không những có nội dung lành mạnh, mà hình thức nghệ thuật đều mang tính truyền thống của ca dao xưa; các lối tự sự, so sánh, đối đáp, đều xen nhau.

Phát huy truyền thống nghệ thuật của ca dao xưa là phát huy nghệ thuật tốt đẹp nhất phù hợp với tư tưởng tình cảm của con người Việt Nam mới, chứ không phải bất kỳ cái áo xưa nào ngày nay chúng ta cũng cứ để nguyên mà mặc được. Ở đây đòi hỏi trí sáng tạo của người sáng tác. Xưa kia, ngoại cảnh, ngoại vật là cây đa, bến nước, bờ giếng, sân đình, ngõ trúc, dặm liễu, bụi tre, con cò, cày cuốc, gầu giai, gầu sông, v.v... Tóm lại tất cả một nông thôn Việt Nam thời phong kiến với những thứ do nền kinh tế nông nghiệp cũ đẻ ra. Bây giờ, chiến thắng đã về ta, đất nước đã thống nhất, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội từ Bắc vào Nam đã đem lại không biết bao nhiêu là cái mới, nên hình tượng nghệ thuật của ca dao không thể đóng khuôn mẫu như xưa được, cho nên trên cơ sở những vốn cũ tốt đẹp, ta phải xây dựng những cái mới như thế nào, để vừa phù hợp với cuộc sống mới, lại vừa giữ được tính chất Việt Nam.

Người ta nhận thấy hiện nay trong sáng tác ca dao, tác giả thường dễ dàng với mình quá, đã ít sử dụng biện pháp nghệ thuật truyền thống, lại cũng chưa sáng tạo được những biện pháp mới để thay thế, cho nên nhiều bài tuy nội dung tốt, nhưng không có sức hấp dẫn, không truyền cảm được cho người đọc, chưa làm cho người ta phải nhớ lấy mà ngâm nga.

Tuy vậy, cũng có một số bài đáng chú ý. Đề cao việc sản xuất, mang đến cho nhân dân niềm tự hào về thành quả lao động, như thu hoạch bông chẳng hạn, *Ngô Văn Phú* đã sáng tác những câu ca dao như sau:

Trên trời mây trắng như bông.

Ở giữa cánh đồng, bông trắng như mây.

Mấy cô má đỏ hây hây,

Đội bông như thể đội mây về làng.

Màu sắc đẹp như tranh vẽ. Những cô gái hái bông có khác nào những nàng tiên đội một vật gì quý về động của mình. Ở đây, văn học có thể phục vụ nghệ thuật múa được. Chúng ta đã thấy biểu diễn điệu múa “Hái chè bắt bướm”, thì với hình tượng rất đẹp trên đây của ca dao, tôi thiết nghĩ các nghệ sĩ của ta cũng có thể xây dựng được điệu múa “Hái bông”.

Trong thời gian nhân dân cả nước quyết tâm đánh đuổi giặc Mỹ xâm lược, gìn giữ đất nước thân yêu thì thiên nhiên hình như cũng thông cảm với người: núi thì như bốc lửa ngàn ngụt, đầm thì như nổi sóng cuộn cuộn để hợp sức với người tiêu diệt quân giặc. Lấy câu ca dao xưa làm mào đầu – cũng có thể coi như câu hứng – bài ca dao sau đây của *Lộc Niên* ở miền Nam không những nói lên được thiên nhiên hùng vĩ của ta, mà còn gây cho người đọc lòng yêu quê hương đất nước, lòng căm thù những quân cướp nước và bán nước:

“Lẻ loi như cụm núi Sầm,

Thán nhiên như mặt nước đầm Ô Loan” [\[520\]](#)

Từ ngày giặc Mỹ kéo sang

Núi Sầm lửa dậy, Ô Loan sóng trào.

Quê mình tay súng, tay dao,

Đầm sâu làm huyết, núi cao làm mồ.

Vùi thây Mỹ nguyệt côn đồ,

Chôn mưu thâm độc, diệt trò gian ngoan.

Chừng nào Mỹ bại, nguyệt tan,

Núi Sầm tươi mát, Ô Loan êm đềm...

Trong khi giặc Mỹ thua đậm hết trận này đến trận khác, quân nguyệt mất tinh thần, có hàng vạn lính cộng hòa đã trở về với nhân dân.

Ca dao xưa có câu về nội dung bị ảnh hưởng tư tưởng phong kiến:

Chim khôn đậu nóc nhà quan,

Trai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng.

Thì nay, với nội dung mới ở miền Nam đã xuất hiện những câu ca dao nguyệt vận làm theo truyền thống nghệ thuật của ca dao xưa, như câu ca dao sau đây:

Chim khôn chưa bắn đã bay,

Người khôn sớm thấy đường ngay trở về.

Xưa có câu đố về cái máng nước:

Một lòng vì nước vì nhà,

Người mà chẳng biết, trời đà biết cho.

Nước ở đây có hai nghĩa: nước là nước mưa và nước là Tổ quốc. Câu ca dao sau đây cũng sử dụng hai nghĩa: nước sông và Tổ quốc, để kêu gọi nguy binh:

Nước nguồn rồi đổ về sông,

Anh còn nhớ nước, nước không phụ tình.

Mấy bài ca dao chống Mỹ, cứu nước tôi trích dẫn trên đây là những bài đã tiếp thu truyền thống tốt đẹp về nghệ thuật của ca dao xưa, còn tuyệt đại đa số ca dao chống Mỹ, cứu nước đều dùng lối tự sự, kể sự việc một cách chân chất. Nội dung mỗi bài ca dao là một mẩu chuyện được ghi lại. Nhiều tác giả đã cố gắng xây dựng cho câu chuyện có tình tiết, có màu mè. Những câu chuyện dí dỏm, trào lộng, ngẫu nhiên, bất ngờ trong cuộc sống sản xuất và chiến đấu đều được sử dụng triệt để. Thí dụ bài ca dao của *Phạm Viết Tân* sau đây đưa ra một câu chuyện có tình tiết dí dỏm, kế thừa truyền thống của ca dao và cả truyện cổ dân gian:

Sáng nay cày vỡ đồng bông,

Vợ làm đội trưởng điều chồng theo trâu.

Anh liền nheo mắt gật đầu:

“Lệnh bà đội trưởng, tôi đâu lơ là!”

Đêm về diễn tập tuần tra,

Chồng trung đội trưởng, vợ là đội viên.

Nhìn chồng, vợ mới cười duyên:

“Thưa ông trung đội, đội viên sẵn sàng!”

Giải lao dưới gốc cây bàng,

Canh khuya, trăng tỏa ánh vàng lung linh.

Nhỏ to chồng khế tâm tình:

“Gớm! Đùa một tý mà mình nhớ dai!”.

Trong cuộc thi ca dao năm 1961 của báo Văn học, có bài ca dao của Nguyễn Minh Thế được giải thưởng:

Anh về công tác xã nhà,

Hỏi ông chủ tịch bây giờ là ai?

Hỏi em, em chỉ mỉm cười...

- Việc cần phải gấp, em ơi, chớ đùa!

Ứng hồng đôi má em thưa:

“Ông” chủ tịch xã bây giờ... là em!

Bài ca dao theo lối tự sự và lối đối đáp trên đây quả là hay. Hai câu cuối bất ngờ và duyên dáng.

Trên ba mươi năm nay, thơ có rất nhiều chuyển biến. Ca dao là một loại thơ riêng biệt của nhân dân, tất nhiên cũng phải có sự đổi thay. Nhưng đổi thay gì đi nữa thì phong cách của nó – tức nội dung và hình thức nghệ thuật – vẫn phải kế thừa một phần nào truyền thống dân gian. Ca dao mới của ta bây giờ chỉ chú trọng về nội dung, còn về ngôn ngữ và hình thức nghệ thuật

thì ít người chú ý. Phát huy truyền thống tốt đẹp của ca dao xưa là tiếp thu những khía cạnh tốt nhất trong nội dung tư tưởng và tình cảm của ca dao xưa và những nét, những điểm đẹp nhất của nghệ thuật cấu tạo ca dao xưa, phù hợp với cuộc sống sản xuất và xây dựng thời nay. Trong một tác phẩm văn học, nội dung và hình thức nghệ thuật gắn bó mật thiết với nhau. Chúng ta cương quyết chống chủ nghĩa nghệ thuật vị nghệ thuật, nhưng chúng ta không coi thường nghệ thuật, vì nghệ thuật có đảm bảo mới phục vụ nội dung được tốt. Ca dao chống Mỹ, cứu nước nội dung tương đối tốt, nhưng rất nhiều bài còn nghèo về nghệ thuật. Muốn phản ánh tốt hiện thực Việt Nam vô cùng phong phú, người làm ca dao cần luôn luôn sát với hiện thực của cuộc sống, tìm tòi phương hướng để phát huy nghệ thuật truyền thống của ca dao xưa trong sáng tác ca dao mới.

[520] Ca dao xưa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Bàn về văn học nghệ thuật*, V.I.Lênin, Nxb Sự thật, 1960.
- *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* (in lần thứ hai), Trường Chinh, Nxb Sự thật, 1974.
- *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, F.Ăng-ghen, Nxb Sự thật, 1961.
- *Về văn học và nghệ thuật*, C.Mác và F.Ăng-ghen, Nxb Sự thật, 1958.
- *Về công tác văn hóa văn nghệ*, Hồ Chí Minh, Nxb Sự thật, 1971.
- *Về văn hóa văn nghệ*, Nxb Văn hóa, 1972.
- *Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta, với thời đại ta*, Tố Hữu, Nxb Văn hóa, 1973.
- *Xây dựng một nền văn hóa văn nghệ ngang tầm vóc dân tộc ta, thời đại ta*, Phạm Văn Đồng, Nxb Sự thật, 1975.

*

- *Ca dao ngạn ngữ*, Trần Công Hoán, Editions Hương Phong, 1939.
- *Ca dao Việt Nam trước Cách mạng*, Tổ Văn học dân gian (Viện Văn học), Nxb Văn học, 1963.
- *Ca dao sưu tầm ở Thanh Hóa*, nhóm Lam Sơn, Nxb Văn học, 1963.

- *Ca dao kháng chiến*, Nxb Quân đội nhân dân, 1961.
- *Ca dao ngạn ngữ Hà Nội*, Hội Văn nghệ Hà Nội xuất bản, 1971.
- *Chinh phụ ngâm*, Đặng Trần Côn (bản dịch của Đoàn Thị Điểm do Tôn Thất Lương chú thích), Nxb Tân Việt, 1950.
- *Dân ca quan họ*, Ban nghiên cứu âm nhạc dân gian, Vụ Nghệ thuật (tài liệu in rônêô), 1959.
- *Dân ca quan họ Bắc Ninh*, Nguyễn Văn Phú, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Viêm, Tú Ngọc, Nxb Văn hóa, 1962.
- *Dân ca miền Nam Trung bộ (2 tập)*, Trần Việt Ngữ, Trương Đình Quang, Nxb Văn học, 1963.
- *Dân ca Bình Trị Thiên*, Trần Việt Ngữ, Nguyễn Thành Duy, Nxb Văn học, 1967.
- *Đại Nam quốc sử diễn ca*, Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái, Nxb Sông Nhị, 1952.
- *Đại Việt sử ký toàn thư*, Ngô Sĩ Liên, Nxb Khoa học xã hội, 1967.
- *Hát ghẹo (Phú Thọ)*, Nguyễn Đăng Hòe sưu tầm, Nxb Văn hóa, 1974.
- *Hát giặm Nghệ – Tĩnh*.
- *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam – Văn học dân tộc thiểu số*, Nxb Văn hóa, 1962.
- *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam – Văn học dân gian*, Nxb Văn học, 1972.

- *Hợp tuyển thơ văn yêu nước (1858-1900)*, Nxb Văn học, 1970.
- *Hương hoa đất nước*, Trọng Toàn, Nxb Dân chủ, 1944.
- *Lịch sử Việt Nam (tập I)*, Nxb Khoa học xã hội, 1971.
- *Lịch sử văn học Việt Nam – Văn học dân gian*, Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1973.
- *Littérature annamite*, Cordier, 1925.
- *Ngạn ngữ phong dao*, Nguyễn Can Mộng, Hội Alécxăng đơ Rốt xuất bản, 1941.
- *Những bài hát quan họ*, Nguyễn Đình Phúc sưu tầm (Ban nghiên cứu nhạc vũ), in rônêô.
- *Những tài liệu về dân ca*, Nxb Quân đội (tài liệu in rônêô).
- *Phê bình văn học*, Chế Lan Viên, Nxb Văn học, 1962.
- *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi, Nxb Văn Sử Địa, 1956.
- *Sơ thảo lịch sử Văn học Việt Nam*, Nxb Văn Sử Địa, 1957.
- *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Bùi Kỷ, Phan Võ, Nguyễn Khắc Hanh dịch, Nxb Văn hóa, 1959.
- *Thơ Tố Hữu*, Nxb Quân đội nhân dân, 1975.
- *Tục ngữ, phong dao*, Nguyễn Văn Ngọc, Nxb Minh Đức, 1957.

- *Tục ngữ Việt Nam*, Chu Xuân Diên, Lương Văn Đang, Tri Phương, Nxb Khoa học xã hội, 1975.

- *Truyện Kiều*, Nguyễn Du (Tản Đà chú thích), Nxb Hương Sơn, 1952.

- *Việt Nam văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm (in lần 2), Quốc gia Giáo dục xuất bản, 1951.

- *Việt Bắc*, Tố Hữu, Nxb Văn nghệ, 1954.

- *Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Văn Sử Địa, 1957.

- *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim, nhà in Vĩnh Thành, 1928.

*

- *Báo Nhân dân*.

- *Báo Văn Nghệ*

- *Báo Lao động*.

- *Báo Quân đội Nhân dân*.

- *Báo Tiền Phong*.

- *Báo Sinh hoạt văn nghệ*.

- *Báo Nghệ An*.

- *Báo Vĩnh Long*.

- *Báo Quân khu Bốn*.

- Báo Văn nghệ Bến Tre.
- Báo Văn nghệ Phú Thọ.
- Báo Hải Dương mới.
- Báo Văn nghệ Cà mau.
- Báo Giải phóng Quảng Nam.
- Báo Văn nghệ Hà Bắc.
- Báo Hải Phòng.
- Báo Nam Hà.
- Tạp chí Học tập.
- Tạp chí Văn nghệ quân đội.
- Tạp chí Đông Thanh.
- Tạp chí Văn học.
- Tạp chí Dân tộc học.
- Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa.
- Tập san Âm nhạc.